LỜI MỞ ĐẦU

Sau khi phát hành 9 thiên đầu tiên (Quyển 1) Hoàng Đế Nội kinh, được sự đón nhận nồng nhiệt của độc giả từ Bắc chí Nam, chúng tôi vô cùng cảm kích vì biết đây là con đường đúng đắn hợp lý mà chúng tôi đã chọn lựa phục vụ cộng đồng.

Và để đáp lại thạnh tình mong đợi, chúng tôi đã hết sức cố gắng nhanh chóng như đã hứa tại các buổi giao lưu với độc giả, hoàn thành 9 thiên tiếp theo (Quyển 2, từ thiên 10 đến thiên 18). Lần này, chúng tôi cũng quyết định thay đổi khổ sách thành kích cỡ A4 để bạn đọc tiện dụng, dễ cầm tay, dễ tra cứu và mang đi. Và đồng thời chuyển đổi thành sách bìa da mạ vàng cho xứng với loại sách kinh điển quý giá mà chúng ta cần lưu giữ nơi trang trọng nhất.

Tuy nhiên công việc này quả thật hết sức khó khăn, vượt ngoài tầm khả năng của tập thể chúng tôi, Vì sách này được soạn trước năm 1975 cho nên một số thuật ngữ và kiến giải của dịch giả có thể xa lạ đối với bạn đọc đương đại do đó chúng tôi có chuyển đổi đôi chút để phù hợp hơn nhưng vẫn không làm mất đi ý nghĩa mà Sư Phụ chúng tôi muốn gởi gắm đến bạn đọc. Trong quá trình thực hiện chắc chắn sẽ có xảy ra nhiều sơ suất, mong được sự thông cảm lượng thứ hoặc góp ý chân tình của các bậc tri thức cao minh và các độc giả thân thiết bốn phương,để tác phẩm này mang lại nhiều lợi ích hơn nữa ở những lần tái bản sau.

Một lần nữa, chúng tôi xin gửi lời biết ơn chân thành nhất đến quý vị và các ân nhân đã hỗ trợ mọi mặt để chúng tôi đạt được thành quả như ngày hôm nay. Chúc quý vị nhiều sức khỏe và phúc lành trong cuộc sống".

Con xin thay mặt toàn thể các học viên, môn đồ, thắp nén hương lòng đảnh lễ tưởng niệm ân đức đến giác linh Ân sư Thích Minh Thiền bởi những trái ngọt quý giá đầu mùa mà chúng con được hưởng. Mong được Ngài tiếp tục chứng minh hộ trì cho các hạt giống ấy được nẩy

mầm đâm hoa kết trái trên đất lành ở khắp muôn phương và việc làm của chúng con sớm được thành tựu trọn vẹn 9 quyển – 81 thiên đến cuối cùng như tâm nguyện sáng lập lớp Y đạo và nhóm biên dịch, bình giải Hoàng đế Nội kinh của Ngài.

Mùa thu năm Bính thân, 2016
CHƠN NGUYÊN
Cẩn bút

Sống và chết
Hữu tri và vô tri

Khi tôi muốn rõ sự thật là thế nào, thì tự tôi phải khám phá, phải tìm học, không một ai có thể thay thế cho tôi. Đây là một định lý. Khi tôi muốn khám phá tất cả sự thật, là tôi phải khám phá chính con người của tôi trước nhất, thì công cuộc khám phá mới được chính xác. Đây quyết định là một định lý. Nếu tôi nghĩ áp dụng những cái máy vô tri chết cứng để khám phá cả một guồng máy linh thiêng biến hóa, thì tôi là thằng khờ. Nếu tôi không chấp nhận lý này thì làm sao tôi đọc được NỘI KINH?

C.N

Thiên 10
NGŨ TẠNG SANH THÀNH

Định nghĩa tên thiên

"Sanh" là cái khởi đầu của sanh, thuộc về nhân. "Thành" là cái kết quả đã hiện tướng của sanh, thuộc về quả. Tất cả vạn vật khi mới bắt đầu của sanh cơ đều từ khí dương, từ cái không, cái thuộc về khí, mà khi đã thành hình, tức là kết thành ở có, ở chất, ở tướng, ở âm. Vì lý do này nên khi được cấu kết thành tạng phủ trong con người, sự ứng hiện ra bên ngoài cũng có hai hệ thống khác nhau là khí sắc và mạch lạc, để cho chúng ta có thể theo đó mà nghiệm biết được cái thường cái biến của tạng phủ bên trong.

Điểm chú trọng của toàn thiên này đều quy về sắc và mạch, vì lẽ

đó mà có tên thiên là "Ngũ Tạng Sanh Thành".

BÌNH

Những điều kiện ấn định cho một cuộc sống không ngoài thọ bẩm, khí hậu, hoàn cảnh, ăn uống, sinh hoạt và tâm tư; mà cuộc sống khổ hay vui hoàn toàn y cứ vào một điểm thông đạt hay không thông đạt.

Toàn thiên này đều gói tròn vào nhân sự, vào con người, vào xác thân, ăn uống, sinh hoạt, bệnh tật, sắc, mạch và sống chết để nối tiếp với thiên trước; hầu mở lối cho một nhãn quan kiểm soát thấu suốt cho tất cả những thiên sau.

Trong một thế hệ mà tất cả loài người đều bị chìm đắm hôn mê vào trong cái biển sóng dậy ba đào của vật chất năm châu họp chợ, cơ hồ như không còn được mấy ai còn đủ bình tĩnh sáng suốt để kiểm soát phán quyết về tất cả những cái gì nó đến với mình, dù cho tất cả những ông thầy thuốc, những nhà tu hành, các vị thiền sư rất có thiện chí cũng khó có một định hướng bình tĩnh vững vàng để gọi là cưỡi kình ngao du trong bể khổ là lại sao?

Như tôi đã từng nói: Nếu tôi chưa thiệt biết rõ ràng về chính con người của tôi, thì tôi chỉ là một sinh vật để "bị"; mặc dù tôi chỉ thiếu sót về phương diện cơ thể, ăn uống, sinh hoạt mà thôi. Thế mới biết: một tinh thần thoát tục của thời đại Toàn cầu Hóa hiện nay với tinh thần thoát tục của một thế hệ ở **đâu biết đó** tận tự xa xưa phải khác nhau nhiều lắm!

Tìm học về con người, tức là tìm học về chính con người của mình. Tìm học về vấn đề ăn uống, sinh hoạt của con người, tức là tìm học về lý do không có lối thoát của con người trong thời đại hiện nay. - Ngài có muốn chết chìm trong lượn sóng vật chất không?! Nếu ngài không muốn, xin mời hãy đọc kỹ thiên này.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Tâm chi hợp mạch dã, kỳ vinh sắc dã, kỳ chủ thận dã. Phế chi hợp bì dã, kỳ vinh mao dã, kỳ chủ tâm dã. Can chi hợp cân dã, kỳ vinh trảo dã, kỳ chủ phế dã. Tỳ chi hợp nhục dã, kỳ vinh thần dã, kỳ chủ can dã. Thận chi hợp cốt dã, kỳ vinh phát dã, kỳ chủ tỳ dã.

DỊCH

Thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Tim là mạch, sự vinh nhuận hiện ra ngoài của tạng Tim là khí sắc, tạng để giữ thế quân bình cho tạng Tim là tạng Thận.

Thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Phổi là da, sự vinh nhuận hiện ra ngoài của tạng Phổi là lông, tạng để giữ thế quân bình cho tạng Phổi là tạng Tim.

Thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Gan là gân, sự vinh nhuận hiện ra ngoài của tạng Gan là móng, tạng để giữ thế quân bình cho tạng Gan là Phổi.

Thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Tỳ là bắp thịt, sự vinh nhuận hiện ra ngoài của tạng Tỳ là môi, tạng để giữ thế quân bình cho tạng Tỳ là tạng Gan.

Thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Thận là xương, sự vinh nhuận hiện ra ngoài của tạng Thận là tóc, tạng để giữ thế quân bình cho tạng Thận là tạng Tỳ.

GIẢI

Tại sao cả thiên này không nêu lên thể tài hỏi đáp, mà lại đi thẳng vào thành phần cơ thể con người? Thế là trọn cả thiên này là cái trớn nhân sự của thiên trước còn đang diễn tiếp, mà đoạn này là hệ thống hóa 5 hành trong cơ thể con người, và nhắc lại thế chế hóa của 5 hành, để hiểu rõ

nghĩa bên ngoài nhìn thấy như là trái nhau, nhưng sự thật bên trong chỉ là giúp nhau để quân bình tồn tại vậy.

Tạng Tim là nguồn cội động cơ bơm máu bên trong của mạch. Mạch là cơ cấu để phân bổ máu ra khắp châu thân bên ngoài của Tim. Thiếu Tim mạch không động được, thiếu mạch máu không thể truyền đi. Thế là tạng Tim là tim của tạng phủ, mà mạch là tim của xác thân. Xác thân theo hệ thống của tạng phủ, xác thân với tạng phủ vốn phải vừa trật tự tương quan mà cũng vừa đồng nhất, dù mỗi một thành phần cực nhỏ trong cơ thể như một tế bào chẳng hạn, cũng đều phải có đủ cả cơ cấu của tạng phủ mắc liền cho khí huyết giao hòa mới có sự sống, mới có tồn tại. Bởi vậy trong khắp châu thân, nếu có một nơi nào hệ thống mạch máu bị đình đốn bế tắc, là quyết định cả bộ tuần hoàn của máu có bị mất bình thường.

Đã là nguồn cội của sự sống, là cơ cấu nền tảng của tinh thần, mà cũng là mặt trời ở trong thân. Cho nên tạng Tim không những thuộc Hỏa, mà còn là màu đỏ. Vì thế mà chỗ nào có mạch máu lưu thông đến, là chỗ đó có khí tượng hồng hào. Cho nên nói: "Thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Tim là mạch, sự vinh nhuận hiện ra ngoài là khí sắc".

Đã thuộc về tinh thần, thuộc về khí sắc, lẽ tất nhiên chỗ vinh nhuận dễ thấy nhất là ở khuôn mặt. Vì thế người ta gọi khuôn mặt là cửa tinh thần.

Thiếu than thiếu củi thì lửa không thể tồn tại; nhưng thiếu hơi nước, thiếu khí dưỡng lửa cũng khó kéo dài, điều này người ta khó thấy. Nhưng nếu trong những đêm sương mù dày đặc, có đốt lửa giữa trời rồi ta mới thấy điều này thật là rõ rệt.

Tạng Tim là lửa, tạng Gan là củi, tạng Thận là nước, như thế đủ biết tạng Gan vốn giúp cho tạng Tim được nối tiếp đã đành, nhưng nếu thiếu tạng Thận cũng không thể giữ thế quân bình cho tạng Tim được. Cho nên mới nói: "Tạng để giúp thế quân bình cho Tim là Thận" thật là chí lý.

Tạng Phổi là tạng nằm trên hết các tạng, cấu tạo bằng loại tế bào da, là cơ cấu bộng xốp có đủ sức co giãn, là động cơ chính yếu trong bộ

máy bơm hơi, mà cũng vừa là cái ống khói cho 5 tạng, là cái nón bằng hơi úp trên tạng Tim, là cái hốc núi để cho tạng Tim cư ngụ, là vườn hoa trời bên nước Cực Lạc của Tịnh độ Phật giáo, là cửa để cho khí dưỡng đi vào tạng phủ và khí thán của tạng phủ đi ra, bên trên thông đồng với mũi miệng.

Toàn thân con người có hai thứ da: bên ngoài là cả mặt da toàn thân; bên trong: da trong mũi, trong miệng, trong mắt, trong cổ họng, phía trong bộ tiêu hóa, trong hông sườn, trong Bàng quang, trong bộ sinh dục, trong tử cung v.v. nghĩa là tất cả mặt da trong cũng đều là da.

Mặt da bên trong của cơ cấu tạng Phổi cũng như toàn cả mặt da bên ngoài, đều là những nơi để thâu hút khí dưỡng vào và thở khí thán ra; còn ngoài ra mặt da của tất cả các nơi khác bên trong cơ thể đều tùy theo mỗi nơi để vừa thở khí thán trược của 5 tạng ra, mà cũng vừa là để thâu hút tất cả các chất tiếp dưỡng vào trong nội tạng tùy theo cơ cấu của mỗi nơi mà đều có giá trị khác nhau. Mỗi khi Phổi hít khí dưỡng vào, thì toàn cả mặt da đều thở khí thán ra (mặt da ngoài thì thở ra, còn mặt da trong thì hít vào). Mỗi khi Phổi thở khí thán ra, thì toàn cả mặt da bên ngoài hút khí dưỡng vào; trái lại toàn cả mặt da bên trong lại là thâu hút chất dưỡng, chớ không phải thâu hút khí dưỡng như mặt da bên ngoài. Do đó mà ta thấy được nếu động cơ hô hấp ở Phổi đình đốn, là toàn cả bộ máy thâu hút mặt da khắp châu thân đều tê liệt. Bởi vậy cơ hít vào thuộc về đàng mũi, chiều nặng ở Phổi đi vào 5 tạng; cơ thở ra thuộc về đàng miệng, chiều nặng ở Vị ra từ sáu phủ. Thế là khắp mặt da trong cũng như da ngoài toàn thân con người đều có Phổi, cũng như đều có mũi miệng. Nhờ định luật này mà ta thấy được ở mặt da hễ có một lỗ chân lông dương (mở ra) là có một lỗ chân lông âm (mở vào), như là một cơ cấu nắp hơi (soupape), để ta có thể kiến thiết một nền tảng vững chãi cho tất cả hệ thống bệnh ngoại cảm của con người. Đó là nghĩa: "thành phần của xác thân bên ngoài hợp với tạng Phổi là da và sự vinh nhuận hiện ra ngoài là lông". Như thế ta đủ biết mỗi khi một vùng mặt da nào đó bị mất khả năng thở hút, thì quyết định toàn cả cơ cấu hô hấp của Phổi phải có một phần bị mất bình thường. Nếu ta không thấy được như thế, thì ta sẽ không thấy được trọn vẹn công năng hô hấp.

Tạng Phổi thâu hút khí thanh, khí dưỡng, tạng Tim sinh khí nhiệt, khí khinh. Thiếu tạng Phổi, tạng Tim sẽ thiếu khí thanh mát tiếp dưỡng; thiếu tạng Tim, tạng Phổi sẽ dễ bị áp lực của khí lạnh bên ngoài.

Phương chi thiếu khí nhiệt, khí khinh thì khí thanh, khí dưỡng không thể ngưng tụ thành nước được, thì làm sao mà Kim sanh Thủy cho được? Cho nên mới nói: "Tạng để giúp thế quân bình cho Phổi là Tim" vậy.

Tạng Gan vốn là khu rừng cây cổ thụ để hứng lấy sự xung động của gió máy bên ngoài, là tạng có nhiều tổ chức gân, bên trên dính liền với tổ chức Bọc Tim cũng là gân, bên dưới dính liền với tổ chức cuống Thận dương; là nơi chứa giữ khí thán trược của hột máu đen đưa về để chế hóa thành một thứ vị đắng, một thứ chất xanh lá cho buồng Mật, mà cũng là nơi thâu nhận cả vị ngọt, vị chua. Đối với hệ thống thần kinh, tạng Gan thuộc về cơ cấu quan hệ với phần thần kinh động tác, phần óc nhỏ phía sau. Bên trong nó là nguồn cội của tất cả hệ thống Tam tiêu, để hệ thống Tam tiêu bên ngoài mắc liền với tất cả hệ thống thuộc về gân của các khớp, thuộc về màng bao bắp thịt và tất cả các lớp bầy nhầy trong khắp châu thân để làm nền tảng cho mọi hoạt động. Nên chi khi tạng Gan sút kém, thì sức mạnh gân lực cũng theo đó mà sút kém; khi tạng Gan được sung túc mạnh mẽ, thì sức mạnh của gân lực cũng theo đó mà tăng cường; khi Gan bị biến động bằng cách giãn lơi, thì hệ thống gân lực toàn thân cũng bị co rút; khi Gan bị biến động bằng cách giãn lơi, thì hệ thống gân lực toàn thân cũng bị dãn lơi; Gan se thắt lại thì toàn thân gân lực cũng bị se thắt lại; khi Gan bị trương nở thì toàn thân gân lực cũng bị trương nở; khi Gan được tươi nhuận, thì toàn cả móng tay móng chân đều hiện tướng tươi nhuận; nếu Gan bị ngưng kết, thì móng cũng hiện tướng ngưng kết. Đây chính là nghĩa "thành phần xác thân bên ngoài hợp với tạng Gan là gân và sự vinh nhuận hiện ra ngoài là móng".

Tạng Gan vốn là tạng súc tích nhiều khí thán trược mà thuộc Mộc. Tạng Phổi vốn là ống khói chung của 5 tạng, mà cũng là nơi thâu hút khí thanh mát, khí dưỡng và là thuộc Kim. Nếu thiếu tạng Phổi, không những hơi nước bốc lên không lấy đâu để ngưng đọng mà rơi xuống, lại cũng không lấy đâu để mà xả bớt khí thán trược ra ngoài, thì rồi toàn cả hệ thống máu huyết khắp châu thân đều sẽ biến thành than khói ngưng đặc, mà bản thân tạng Gan cũng đến chết mất. Cho nên mới nói: "Tạng để giữ thế quân bình cho Gan là Phổi" vậy.

Tỳ là tạng chính nó có vị ngọt, là cơ cấu thu nhiếp đường và dầu, là tạng chuyển đưa lương thực. Thuận dòng tương sanh, bên trên trực tiếp với tạng Phổi; thuận dòng tương khắc, bên dưới xuống đến Thận dương kết đúc thành chất tan trong dầu (cortine), để làm thành thế quân

bình cho tạng Thận. Bên trong theo hệ thống Tam tiêu mà dính liền với mỡ sa, mỡ chài (thuộc loại dầu). Bên ngoài theo luật khí hóa và tác dụng của năng lực kinh mạch, để nối liền với tất cả các bắp thịt âm (tức là bắp thịt nạc mét), và gián tiếp nối liền với tất cả các bắp thịt dương (thịt nạc đỏ). Nên chi khi tạng Tỳ thiếu tiếp tế về đường và dầu, thì toàn cả hệ thống thịt nạc thịt mỡ đều bị thiếu kém. Khi tạng Tỳ bị biến động, thì tất cả bắp thịt toàn thân cũng bị biến động theo. Khi tạng Tỳ được tươi nhuận khỏe mạnh, thì khí sắc quanh môi cũng được tươi nhuận. Khi tạng Tỳ có biến động yếu đau thì khí sắc quanh môi cũng kém mất vẻ thắm tươi. Do đó nên mới nói: "Thành phần xác thân bên ngoài hợp với Tỳ là bắp thịt, và sự vinh nhuận hiện ra ngoài là môi".

Vốn đã là cơ cấu thu nhiếp vị ngọt và vị béo, là nền tảng của khí thấp (khí đạm) thuộc Thổ, là tạng chí âm; để đối lại với tạng Gan là tạng thuộc Mộc chuyên thu nhiếp khí thán trược, để sản xuất ra vị đắng, ra nước Mật, hầu quân bình và làm ráo bớt thế ẩm thấp của tạng Tỳ sản xuất ra. Nên chi khi tạng Gan bị suy yếu hoặc gặp niên vận làm cho tạng Gan suy yếu, thì sự hoạt động thừa của tạng Tỳ không những làm tổn hại đến Gan, biến động đến toàn cả các bắp thịt trong châu thân, mà còn nguy ngập đến chính tạng Tỳ nữa. Cho nên nói: "Tạng để giúp thế quân bình cho Tỳ là Gan" vậy.

Tạng Thận đối với 5 tạng tựa hồ củ trối (củ lớn chính) của toàn thân cây, là nơi quy tụ tất cả khí tinh hoa trong tạng phủ đi theo hai hệ thống dầu và nước, để tinh luyện mà đưa vào bồi bổ cho toàn cả hệ thống tủy xương và cơ quan sinh dục. Nên chi khi sinh cơ của toàn bộ tạng Thận bị đình đốn biến động, thì hệ thống của tủy và xương bên ngoài cũng đều bị liên lụy theo. Thí dụ như: khi bị gãy xương mà tạng Thận lại tê liệt không đủ khí dương, thì xương dễ xảy ra thúi mục; cũng như khi tạng Thận bạc nhược, thì toàn cả cơ cấu của hệ thống xương cũng đều bạc nhược theo. Bởi vậy trẻ con khi mới sanh ra, nếu thọ bẩm ở cha mẹ tạng Thận yếu quá, thì tất cả hệ thống xương sẽ bị chậm phát triển, răng chậm mọc, chậm biết đi, tính tình cũng theo đó mà yếu hèn hơn. Cho nên biết được: "Thành phần xác thân bên ngoài hợp với tạng Thận là xương".

Tất cả tủy xương đều chầu về óc, óc đựng trong xương sọ. Đầu là phần trên cao nhất, là nơi tiếp xúc với sức phản chiếu của bao la nhiều nhất. Óc là nguồn cội của hệ thống thần kinh, là nơi xuất phát **thấy** -

nghe - **hay** - **biết**, lẽ tất nhiên phải xảy ra ý thức bảo vệ mà nảy sanh ra tóc. Vì thế mà mái tóc của mỗi người cũng chẳng có ai giống ai. Cho nên nói: "Sự vinh nhuận hiện ra ngoài của Thận là tóc".

Đã là tạng thuộc Thuỷ và tác dụng cũng thuộc về nước. Nước thiếu đất sẽ không hiện rõ tác dụng, phải có đất nước mới có chỗ chứa giữ, mới có thể tạo thành thế ẩm ướt. Vì thế mà phần Thận dương có ٢ phần: phần tan trong nước bắt hệ thống theo phía trái mà thông đồng lên tận đến Tim, để làm thành tác dụng lưu thông; phần tan trong dầu bắt hệ thống theo phía phải, thông đồng với tạng Tỳ mà lên tận đến Phổi, để tạo thành cái thế chứa giữ nghịch lại, nhờ công năng này mà tác dụng của Thận được hiển rõ. Bởi vậy nếu thử cho chất tan trong nước hiện vọt lên một mức tột bậc cao, thì tạng Tim sẽ bị đập loạn xạ dữ dội, tạng Thận sẽ bị gồng thắt mạnh và con người sẽ bị hốc hác đi. Ngược tại nếu thử cho chất tan trong dầu vọt lên một mức thật cao, thì tạng Tim sẽ bị đập chậm lại, tạng Thận sẽ mất tác dụng gồng bóp và con người sẽ biến ra màu vàng âm. Chất tan trong dầu vốn là cơ cấu của tạng Tỳ ở Thận, lại có tác dụng ngược lại với chất tan trong nước. Lại thêm nếu vắng mặt chất tan trong dầu, thì toàn cả năng lực của hệ thống Thận và tủy xương khắp châu thân đều mất tác dụng. Do đó nên mới nói: "Tạng để giúp thế quân bình cho Thận là Tỳ" vậy.

Có người hỏi: Tại sao phải thế quân bình của tạng Tim là tạng Thận v.v., mà không là một tạng nào khác? – Đáp: Nếu một người có cái nhìn từ cái cực lớn suốt vào cái cực nhỏ, và thâm nhập vào chính con người của mình một cách có trật tự lớp lang thì sẽ thấy không thể nói khác hơn được. Vậy xin mời ngài hãy đọc kỹ lại tất cả thì sẽ rõ suốt.

BÌNH

Nói: tạng phủ có trước, xác thân có sau; tạng phủ là gốc, tất cả thành phần bên ngoài của xác thân là ngọn; Tim có trước, óc có sau; cảm giác có trước, phân biệt tính toán có sau, thì tôi dám chắc rằng: không một nhà phôi thai học nào, một bác sĩ nào cũng như một nhà khoa học nào hiện đại mà không chấp nhận. Nhưng, lạ thay! Không biết tại sao lại đến khi nhập vào cuộc sống hằng ngày, người ta lại chỉ hoàn toàn tôn thờ ở phần ngọn phần trí óc tính toán, phần xác thân bên ngoài, mà người ta hoàn toàn quên phứt phần nguồn cội bên trong, làm như cây không cần thân với gốc, chỉ phần ngọn không cũng vẫn tồn tại được vậy.

Cũng như nếu tôi nói: thiếu nước thì lửa không thể thành lập; thiếu màu đen, màu trắng không thể thành lập; thiếu chúng sanh, Phật không thể thành lập. Trừ tất cả những cái không phải là tôi đi, thì cái tôi cũng không thể thành lập, thì quyết định tất cả những hàng trí thức không ai mà không chấp nhận. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là đã có cái một là hiện hữu tất cả. Thế nhưng tại sao khi nhập cuộc vào dòng cuộc sống, thì gần như hầu hết những hàng trí thức trong lòng đều sẵn một mầm mống bài trừ kẻ khác, làm như là đừng có vũ trụ, một mình tôi cũng tồn tại được vậy. Như thế phải chăng là bởi loài người là một giống thú dẫn đầu bậc nhất trong muôn thú, mà thú tính luôn luôn lớn hơn các loài vật khác?! Hay bởi cái máytôi chưa được chỉnh đốn trước, mà vội thu nhiếp vô số kiến thức bên ngoài vào để trở thành một thứ ngu hiểu biết của hệ thống chổng đầu nhảy chang cháng chăng?! Có người nói: "Vật có gốc ngọn, việc có trước sau, biết được phần nào trước để làm trước, phần nào sau làm sau, tức là gần với Đạo vậy". Thế mới biết: khi bị cái Tôi nó bịt mắt rắc tiêu rồi, thì không chỉ là trước đây 5-6 ngàn năm hay ở ngay thời đại nguyên tử này; hoặc thật giàu kiến thức hay rất nghèo nàn cũng không vì thế mà thoát vòng ngu muội.

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Thị cố đa thực hàm, tắc mạch ngưng lịch nhi sắc biến. Đa thực khổ, tắc bì cao nhi mao bạt. Đa thực tân, tắc cân cấp nhi trảo khô. Đa thực toan, tắc nhục chi sô nhi thần yết. Đa thực cam, tắc cốt thống nhi phát lạc. Thử ngũ vị chi sở thương dã.

DỊCH

Cho nên nếu ăn nhiều mặn quá, thì mạch bị ngưng rít làm cho sắc biến đen. Ăn nhiều đắng quá, thì da khô lông rụng. Ăn nhiều cay quá, thì gân co và móng khô. Ăn nhiều chua quá, thì bắp thịt nứt nẻ và môi trớt. Ăn nhiều ngọt quá, thì xương đau tóc rụng. Đó là vì 5 vị thái quá làm tổn hại vậy.

GIẢI

Điểm chú trọng của đoạn này là nối tiếp với đoạn trên, để nói lên do sự ăn uống lạm dụng 5 vị thái quá, làm xâm phạm vào thế quân bình tương khắc của 5 hành theo hệ thống sở thuộc của 5 tạng, mà gây thành những hiện tượng tổn thương.

Đoạn trên đã trình bày về gốc ngọn theo hệ thống sở thuộc và thế quân bình khắc chế của ๐ hành trong cơ thể con người rồi và cũng tiếp theohệ thống ấy mà đi sâu vào 5 vị ăn uống, nên nối tiếp bằng chữ "cho nên".

Vị mặn với tạng Thận đều thuộc về hành Thủy. Nếu ta cắt máu cho vào trong chén để qua vài ba tiếng đồng hồ, trước tiên ta sẽ thấy chia ra hai phần: phần máu đỏ đóng dề lại và phần nước vàng. Nếu ta đem phần máu đỏ mà luộc trong nước sôi trải qua mấy tiếng đồng hồ. Rồi ta ăn thử thì sẽ thấy hiện rõ chất chát; còn phần nước vàng ta đem hấp cách thuỷ, sẽ thấy cũng phân ra làm hai phần: một phần như lòng trắng trứng loãng chín lại, một phần nước trong, cả hai đều có vị mặn. Phần chát thuộc về phần máu đỏ, phần như lòng trắng trứng thuộc về phần máu trắng, phần nước thuộc về phần nước máu có chứa nhiều chất muối; cả ba đều có thế quân bình của nó. Phần máu trắng và nước muối thuộc về hệ thống tạng Thận, phần máu đỏ thuộc về hệ thống tạng Tim.

Nếu ta ăn nhiều vị mặn quá, máu bị thu nạp nhiều muối, làm cho máu không đủ để pha loãng; do đó mà xảy ra hiện tượng mạch ngưng rít, sắc mặt biến đen và khát nước, như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trên cảm giác tự động đã báo động lên một thế biến và đòi hỏi trả lại sự quân bình. Cho nên biết: chánh văn nói "cho nên ăn nhiều của mặn quá, thì mạch bị ngưng rít làm cho sắc biến đen"; cũng là một cách nói tuy biết tạng Thận là một tạng để làm quân bình cho tạng Tim, nhưng nếu sự quân bình ấy thái quá, rồi cũng trở nên là một thứ làm mất quân bình mà thôi. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là sửa quá hóa ra không ngay.

Nói vị đắng là vị thuộc Hỏa, là ý nói vị đắng có ảnh hưởng thẳng vào tạng Tim và nó có tánh làm khô ráo, chớ không phải nói nghĩa nóng lạnh. Bởi vậy tất cả những món thuốc có vị thuần đắng, khi được bào chế khô rồi đem cất rất lâu hư và rất ít bị sâu mọt. Thí dụ như Huỳnh

liên, Huỳnh bá chẳng hạn. Do đó nên khi ta ăn nhiều vị đắng quá, thì trước nhất Tim Phổi ta bị ráo và những mạch hệ thống các chất thấm nhuần ở mặt da đều bị se thắt co rút lại, làm cho lông ở mặt da mất nuôi dưỡng trở nên dễ rụng. Cho nên mới nói: "Khi ăn nhiều vị đắng quá thì da khô lông rụng". Nói như thế, cũng như nói tuy biết rằng tạng Tim là tạng giúp thế quân bình cho Phổi, nhưng nếu thế quân bình ấy quá trớn thì lại cũng là một thứ phá hoại thế quân bình vậy.

Vị cay thuộc Kim, tánh hay phát tán, nhưng vị cay ta ăn hằng ngày phần nhiều là cay nóng. Ngoài sức phát tán ra, còn làm tăng thêm sức kích thích bồng bột. Những người vì thói quen hồi tuổi trẻ ăn nhiều vị cay nóng quá, tiêm nhiễm vào Gan, lâu năm chầy tháng, đến khi tuổi lớn có sanh bệnh tật thường xảy ra triệu chứng gân co, hoặc run giật, hoặc chuyển lắc, không giữ được thế quân bình và móng tay móng chân cũng mất vẻ tươi nhuận. Vì thế mới nói: "Ăn nhiều vị cay quá làm cho gân co và móng khô". Đây cũng là một cách nói khác rằng: dù tạng Phổi, là tạng để giúp thế quân bình cho tạng Gan, nhưng khi thế quân bình ấy quá trớn, thì cũng là một thứ đổ vỡ thế quân bình.

Vị chua là vị đi về với Gan, thuộc Mộc, tánh nó lại thu liễm. Mỗi khi ta ăn vào là hạch nước miếng bị kích thích ứa ra nhiều chất nước miếng để ứng hợp với nó. Nếu ta cứ thường thường tái diễn như thế mãi, thì chất nước miếng ấy càng ngày càng bị rơi nhiều xuống bộ tiêu hóa cộng với vị chua mà dẫn xuống đường tiểu tiện. Vì thế mà tạng Tỳ càng ngày càng suy yếu, bắp thịt càng ngày càng co rút cằn cỗi, nên môi hiện ra tướng trớt. Cho nên mới nói: "Ăn nhiều vị chua quá thì bắp thịt nứt nẻ và môi trớt". Đây cũng là một cách nói tuy tạng Gan là tạng để giữ thế quân bình cho tạng Tỳ, nhưng nếu thế quân bình ấy thái quá, thì lại cũng là một thứ mất quân bình.

Vị ngọt vốn là vị của Tỳ, thuộc Thổ. Tạng Tỳ là tạng để giữ khí thấp cho cơ thể, nhưng nếu vì một lẽ gì mà tạng Tỳ sanh hoạt động thừa cao hơn các tạng khác, lẽ tất nhiên sức hoạt động thừa ấy sẽ ảnh hưởng vào tạng Thận, làm cho sức gồng bóp của tạng Thận bị suy giảm, mà tác dụng lọc nước cũng bị mất bình thường, và tất cả xương cốt đều trở nên nặng nề đau nhức, lại thêm xảy ra hiện tượng tóc rụng. Bởi lẽ này nên hầu hết những người bị bệnh thấp ôn nặng (đau ban trắng, có người gọi là đau ban cua), sau khi khỏi rồi, nếu thiếu hiểu biết về sự ăn uống thì đều xảy ra triệu chứng rụng tóc. Vì thế nên khi ta ăn nhiều vị ngọt quá,

tất có hiện tượng xương đau tóc rụng. Đây cũng là một cách nói tuy biết tạng Tỳ là tạng giúp thế quân bình cho tạng Thận, nhưng khi thế quân bình ấy lên quá cao làm cho mất quân bình.

Thế là trọn cả đoạn này luận giả muốn nói: Trong cơ thể sinh lý cũng như trong vật lý, trong ăn uống cũng đều có đủ hiện tượng tương sanh tương khắc của 5 hành. Và cả thế tương sanh tương khắc nếu ta biết áp dụng, thì đều là công năng để giữ cho thế quân bình. Nhược bằng ta dốt nát mà không biết sử dụng, thì thế để giữ cho được quân bình cũng sẽ biến thành thế đổ vỡ vậy. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là dù trong ăn uống nếu ta biết áp dụng thì tuy ở thế trái nhau, nhưng cũng là giúp nhau. Nếu ta không biết sử dụng, thì thế trái nhau ấy chính là thế tương khắc.

BÌNH

Ở thiên thứ 5 đoạn 11 có nói: "Ở trời là Huyền, ở người Đạo, ở đất là Hóa. Huyền sanh Thần, Đạo sanh Trí, Hóa sanh Vị v.v.". Thế là ý luận giả muốn nói: bộ mặt thật của bao la này thấu suốt hiện tượng, vốn nó không là gì, không có tên tuổi, mà từ khi có con người mới nhìn thấy ra 3 chiều hướng: một là linh quang hồi tụ, hai là linh giác viên thông, ba là phản chiếu biến hóa. Rồi từ 3 chiều hướng ấy, mà con người nhìn thấy ra ba hệ thống hiện tượng là từ linh quang hồi tụ mà hiện ra linh diệu nhiệm mầu nên gọi là thần; từ linh giác viên thông mà hiện ra trí óc phân biệt nên gọi là trí; và từ phản chiếu biến hóa mà hiện ra 5 vị vật chất nên gọi là vị. Cho nên nói: Huyền sanh thần, Đạo sanh Trí, Hóa sanh 5 vị. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là thần, trí với vị vốn không khác, mà cả 3 đều xuất phát từ một nguồn cội chưa hề có tên tuổi.

Đến thiên thứ ٩ đoạn ٧ lại nói: "Trời nuôi người bằng ٥ khí, đất nuôi người bằng ٥ vị. Khí đi vào bằng đường mũi, vị đi vào bằng đường miệng. Cả hai hệ thống sau khi được tinh luyện vào đến ٥ tạng gặp nhau mà hợp để tiếp dưỡng cho khí của ٥ tạng, nhờ đó mà tinh thần được nối tiếp". Như thế nghĩa là sao? - Nghĩa là trong chỗ không lời luận giả muốn nói trên hệ thống dọc con người vốn có tổ tông, nhưng theo hệ thống ngang mà nhìn thì con người là một tác phẩm hun đúc bởi trời đất âm dương biến hóa xoay vần trong vòm linh không vô cực. Và nhìn vào con người thấy hình như có ٢ hiện tượng tinh thần và vật chất khác nhau. Nhưng nhìn sâu vào ٢ hệ thống tiếp dưỡng và quán xuyến đến thiên thứ ٥, thì ta mới thấy đây là một lần nữa để nhắc lại một cách khác về thần,

trí với vị vốn không riêng, và cả bao la này chỉ một lò biến hóa.

Đến đoạn này lại là đoạn nối tiếp với đoạn trên để nói lên luật chế hóa của ɔ hành trong ɔ vị, mà thái quá về bên này thì bất cập sẽ về bên kia, thái quá bên kia thì bất cập sẽ về bên này. Thái quá hay bất cập cũng đều là hiện tượng mất quân bình, và nếu là mất quân bình thì tuy có hiện tượng trái nhau cũng là một cách để giữ vững cho thế quân bình; và mặc dù sự mất quân bình ấy chỉ từ ɔ vị, nhưng kết quả của ảnh hưởng dù cho về mặt tâm lý, vật lý hay sinh lý cũng bị ảnh hưởng như nhau. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong chỗ không lời luận giả muốn nói: nếu ai hiểu rằng tâm với vật vốn là hai thứ riêng biệt không dính dấp gì nhau, mà xem thường sự ăn uống hằng ngày thì kể như người đó chưa hiểu gì hết, và trong vô tình hằng ngày chỉ là một sinh vật buông trôi theo sự biến hóa của vật chất và dục vọng mà thôi chớ không phải là hạng người thông đạt.

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Cố Tâm dục khổ, Phế dục tân, Can dục toan, Tỳ dục cam, Thận dục hàm. Thử ngũ vị chi sở hợp, ngũ tạng chi khí dã.

DỊCH

Cho nên Tim chỉ thích đắng, Phổi thích cay, Gan thích chua, Tỳ thích ngọt, Thận thích mặn. Đó là chỗ thích hợp của 5 vị với khí của 5 tạng vậy.

GIẢI

Vẫn khởi đầu bằng chữ "cho nên", thế là mạch văn vẫn đang tiếp tục. Đoạn trên thuần nói về 5 vị vì bị lạm dụng thái quá mà xâm phạm vào luật khắc chế của 5 hành trong hệ thống 5 tạng, để lại kết quả hiện tượng tai hại. Đến đoạn nầy chỉ thuần nói về một mặt sở thích của 5

tạng đối với 5 vị. Thế là ý luận giả muốn nói: Biết rằng tác dụng của 5 vị đối với 5 tạng, hễ lạm dụng thái quá sanh ra khắc chế tổn thương. Tuy nhiên không thể vì thế mà con người phải bài trừ sự ăn uống, cuộc sống quý hồ ở làm sao cho ứng hợp với lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, hầu cho thế quân bình của cuộc sống không bị xâm phạm mà đổ vỡ là thượng sách.

BÌNH

Một ông thầy đồ Nghệ dạy chữ Nho cho mấy cậu ấm miền Nam. Lần đầu tiên cụ đồ khai tâm: "mộn lạ cựa". Các cậu cũng dõng dạc nói theo: "mộn lạ cựa". Cụ đồ đính chánh: "Tạ nọi mộn lạ cựa, cựa rạ cựa vộ". Các cậu cũng dõng dạc tiếp: "mộn lạ cựa, cựa rạ cựa vộ". Cụ đồ bắt đầu bực mình gắt giọng chỉ vào cánh cửa mà nói: "Tạ nọi mộn lạ cựa, cựa ni ni". Các cậu cũng dõng dạc tiếp: "Mộn lạ cựa, cựa ni ni". Cụ đồ tức quá quát: "Cựa cha cựa mẹ mi", làm báo hại mấy cậu hoảng hốt ngơ ngác không hiểu thế nào bèn ngậm thinh trợn dọc.

Một cậu tú tài nọ nhân có bệnh đi đến bác sĩ. Bác sĩ dạy mỗi ngày phải uống nước lã từ 3 lít cho đến 4 lít càng tốt, nếu uống ít hơn thì sức khỏe không được bình thường. Bắt đầu từ đó câu nói của bác sĩ ấy trở thành một cây thước thần thánh. Thế rồi mỗi ngày anh ta cứ tiếp tục uống 3-4 lít nước lạnh, dù không khát không muốn uống cũng cố ráng mà uống, uống đến mang bệnh vì uống nước. Rồi một lúc nọ nhân đọc quyển sách gọi là Tân dưỡng sinh của Oshawa người Nhật bảo rằng: uống nước nhiều sanh bệnh, càng uống ít chừng nào càng hay; lại thêm bắt ăn cơm gạo lức với muối mè và cấm ăn đường. Thế rồi từ đó anh ta không dám uống nước nữa, lại còn cố ráng làm sao không uống chút nước nào càng hay, đến đỗi trở thành một thứ bệnh không uống nước. Thế mới biết: nếu chưa biết gì hết về chính con người của mình, cũng như không rõ tí nào về nghĩa trật tự tương quan biến hóa lưu thông, thì dù cho cố ráng để tìm lấy cái thế đúng mức quân bình chừng nào lại càng bị rơi vào trong cái hố làm giống làm theo để mà mất quân bình biến sanh đổ vỡ chừng nấy.

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Cố sắc kiến thanh như thảo tư giả tử, huỳnh như chỉ thiệt giả tử, hắc như thai giả tử, xích như phôi huyết giả tử, bạch như khô cốt giả tử, thử ngũ sắc chi kiến tử dã.

Thanh như thúy vũ giả sanh, xích như kê quan giả sanh, huỳnh như giải phúc giả sanh, bạch như thỉ cao giả sanh, hắc như ô vũ giả sanh, thử ngũ sắc chi kiến sanh dã.

DỊCH

Cho nên nếu khí sắc người bệnh mà hiện lên màu xanh như màu cỏ úa là chết, vàng như màu trái Chỉ thiệt là chết, đen như than khói là chết, đỏ như huyết đông là chết, trắng như xương khô là chết; đó là 5 sắc chết hiện.

Ngược lại nếu xanh như lông cánh chim Thúy là sống, đỏ như màu mồng gà trống là sống, vàng như màu vàng dưới bụng con cua bể là sống, trắng như màu mỡ heo là sống, đen như lông cánh quạ là sống; đó là 5 sắc sống hiện.

GIẢI

Cả đoạn này chỉ áp dụng phép so sánh để hiển rõ năm khí sắc sống hay chết, hầu đi sâu vào kỹ thuật khám phá con người. Trong bốn môn khám phá là nhìn, nghe, hỏi, khám, mà đây là phép thứ nhất. Thế mà khởi đầu vẫn dùng hai chữ "cho nên", như thế không những vẫn là một mạch văn nối tiếp, mà hai chữ "cho nên" này gốc rễ của nó còn ăn sâu đến suốt thiên thứ 5 nữa. Điều này hết thảy người đọc rất nên lưu tâm.

Đã nêu ra ๐ sắc sống và ๐ sắc chết bằng cách mượn những vật bên ngoài để hình dung, mà trong đó có nói đến lông cánh chim Thúy là một thứ chim rất ít ai biết. Tuy nhiên nếu ta đừng mắc kẹt trong chữ và lời thì ta sẽ nhận ra ý luận giả muốn nói không ngoài tuy sắc nào thì sắc, nhưng hễ có thần, có khí tượng sống, có sinh lực, có mạch sống thấm nhuần tức

là sắc sống. Nếu ngược lại, sắc không có thần, không có khí tượng sống, không có sinh lực, không có mạch sống thấm nhuần tức là sắc chết. Mà thí dụ rõ rệt nhất là mỡ heo và xương khô. Vậy mà luận giả vẫn còn chưa yên tâm, sợ e người nghe, người đọc mắc kẹt chết cứng vào chữ vào lời, nên dưới đây còn một đoạn nối tiếp để biện bạch đến chỗ nhập thần. Chúng ta hãy theo dõi.

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

Sanh ư Tâm như dĩ cao khỏa châu, sanh ư Phế như dĩ cao khoả hồng, sanh ư Can như dĩ cao khỏa cam, sanh ư Tỳ như dĩ cao khỏa quát lâu, sanh ư Thận như dĩ cao khỏa tử, thử ngũ tạng sở sanh chi ngoại vinh dã.

DỊCH

Đối với tạng Tim khí sắc sống của nó là phải như lụa mịn bọc son; khí sắc sống của tạng Phổi là phải như lụa mịn bọc màu hường; khí sắc sống của tạng Gan là phải như lụa mịn bọc màu cam; khí sắc sống của tạng Tỳ là phải như lụa mịn bọc trái Qua lâu; khí sắc sống của tạng Thận là phải như lụa mịn bọc màu tím. Đây là khí sắc ánh ra ngoài của 5 tạng vậy.

CHÚ THÍCH

Trái Qua lâu: một loại dây bò như dây mướp, trái giống như trái mướp khía nhưng ngắn và to hơn mà khía cũng cạn hơn, là một vị thuốc trong thảo mộc. Đến khi chín cũng như trái mướp khía chín, da trái nó có màu vàng đất sậm hơn trái mướp khía.

GIẢI

Đọc lên đoạn nầy ta thấy tinh thần luận giả trong chỗ không lời cố ráng nói lên cho người nghe rằng: đỏ, trắng, xanh, vàng, đen, mặc dù là màu sắc của Tim, Phổi, Gan, Tỳ và Thận nhưng chớ nên mắc kẹt vào chữ và lời. Vì khí sắc của 5 sắc trong con người không phải như đỏ, trắng, xanh, vàng, đen mà mọi người thường thấy bên ngoài. Cho nên mới mượn lụa trắng mịn bọc 5 thứ vật chất của 5 màu, để hình dung khí sắc sống cho 5 tạng, hầu giúp cho đoạn trên được nhập thần. Đến đây ta mới thấy tinh thần của luận giả thật là chu đáo.

ĐOẠN 6

PHIÊN ÂM

Sắc vị đương ngũ tạng, bạch đương Phế tân, xích đương Tâm khổ, thanh đương Can toan, huỳnh đương Tỳ cam, hắc đương Thận hàm.

Cố bạch đương bì, xích đương mạch, thanh đương cân, huỳnh đương nhục, hắc đương cốt.

DỊCH

Hệ thống sắc và vị ráp với 5 tạng: màu trắng với vị cay theo hệ thống của Phổi; màu đỏ, vị đắng theo hệ thống của Tim; màu xanh, vị chua theo hệ thống của Gan; màu vàng, vị ngọt theo hệ thống của Tỳ; màu đen, vị mặn theo hệ thống của Thận.

Cho nên màu trắng thuộc về da, màu đỏ thuộc về mạch, màu xanh thuộc về gân, màu vàng thuộc về thịt, màu đen thuộc về xương.

GIẢI

Đây là một đoạn mắc liền với các đoạn trên tận đến đầu thiên, và dính liền với thiên thứ 9, thấu suốt đến thiên thứ 5, mà điểm chú trọng ở chỗ

hệ thống hóa 5 hành từ: màu sắc khí vị của bên ngoài mắc liền vào hệ thống cơ thể mà vào sâu đến tạng phủ, hầu áp dụng sâu vào kỹ thuật; nếu không biết rõ thì không áp dụng được.

Giờ đây ta thử sắp lại một cách khác là ta tức khắc thấy ngay. Hệ thống của 5 hành từ 5 tạng và xác thân bên trong ra đến sắc vị bên ngoài như sau:

Tạng Phổi, da, màu trắng, vị cay.

Tạng Tim, mạch, màu đỏ, vị đắng.

Tạng Gan, gân, màu xanh, vị chua.

Tạng Tỳ, thịt, màu vàng, vị ngọt.

Tạng Thận, xương, màu đen, vị mặn.

Thế là chỉ nhắc lại hệ thống của 5 hành, mà chúng ta đã thông qua từ trước chớ chẳng có gì lạ. Tuy nhiên nếu ta không thâm sâu suy tư, thì đây cũng chỉ là những chữ nói suông chẳng được chút bổ ích nào. Nếu ta đem ý thức này vào trong sự tương giao tiếp xúc với sắc vị hằng ngày, mà chứng nghiệm ngay ở nơi con người của mình, thì đoạn này vẫn là quý giá. Và là một đoạn để kết lại hết tất cả ý từ đoạn 1, 2, 3, 4, 5 vậy.

BÌNH

Nếu tôi là loại thầy thuốc tôn thờ trí óc, tôi không cần biết gì hết về cái thường cái sống, tôi chỉ cần biết làm thế nào để giải quyết ngay cái biến cái chết. Mà tôi đã không biết gì hết về cái sống cái thường của một con người đích thực, thì làm gì tôi biết được cái biến cái chết?!

Tôi đã không biết gì hết về cái thường cái sống, cái đích thực là con người bình thường ở chính nơi tôi. Thế là tôi đã mang một bộ máy bất thường của tôi để khám phá hầu mong biết được cái bất thường cái

chết của kẻ khác, thì cái biết cái giải quyết của tôi quyết định chẳng qua cũng chỉ là một thứ làm loạn không hơn không kém. Thế mới biết: muốn thấu suốt được cái biến, cái chết, cái không phải là một con người đích thực bình thường, thì ít nhất cũng phải biết được thế nào là thường, thế nào là sống. Mà muốn biết được thế nào là thường, thế nào là sống, thì chỉ có một cách duy nhất là phải tìm thấy cho được cái con người đích thực bình thường đích thực sống chính con người của mình trước đã, là một điều kiện quyết định muôn thuở không thể khác hơn.

Nếu tôi là một thiếu phụ đã độ 2-3 con, chồng tôi chán cảnh con cái bận rộn gia đình giao phó mặc cho tôi làm sao thì làm, ông ta tha hồ đi đây đi đó. Lòng tôi bắt đầu cảm thấy trống trải, tinh thần tôi đâm ra thấy lạnh lẽo bơ vơ như lạc lõng vào chốn sa mạc ban đêm, cộng thêm vì tôi không hiểu tôi lại xấn bấn theo cái tủ lạnh mà uống nhiều nước lạnh quá. Lòng tôi lại càng thấy lạnh lẽo hơn, thế rồi tôi đâm ra thích ăn ớt chín. Có những hồi rỗi việc, tôi thấy tôi rất quyến luyến với lọ thuốc bôi móng tay màu đỏ, tôi bèn thử lấy bôi vào, trông qua thấy đẹp quá, tôi bôi nốt cả 10 ngón tay, 10 ngón chân. Thế là do Tim tôi thiếu nhiệt lực, mạch máu của tôi thiếu chu lưu, tinh thần của tôi thiếu ấm áp, nên phải đòi hỏi ớt chín và màu đỏ để tự cứu. Như thế há không phải màu đỏ thuộc về hệ thống của Tim sao?!

Nếu tôi là một người chồng gia trưởng trong một gia đình, tánh tôi quá bạo tợn nóng nảy, tôi lại có bệnh ghiền rượu. Rồi một hôm bỗng dưng tôi đâm ra muốn ăn canh lá khổ qua và tôi ăn thấy ngon ngọt như người ta ăn những thức ăn ngọt. Thế là trong con người của tôi đã bị thừa nước chua, lại thêm tạng Tim vì quá bồng bột nóng nảy nên muốn to ra. Do vậy mà trong vô tình của bản năng thiên nhiên bảo vệ đòi hỏi vị đắng để lấy lại thế quân bình cho Tim. Như thế há không phải là vị đắng thuộc về hệ thống của Tim sao? Thế mới biết: từ sắc đến vị, tạng nào cũng có hệ thống nấy, chỉ có ta biết khám phá áp dụng hay không mà thôi.

ĐOẠN 7

PHIÊN ÂM

Chư mạch giả giai thuộc ư mục. Chư tủy giả giai thuộc

ư não. Chư cân giả giai thuộc ư tiết. Chư huyết giả giai thuộc ư tâm. Chư khí giả giai thuộc ư phế. Thử tứ chi bát khê chi triêu tịch dã.

DỊCH

Hết thảy 12 kinh mạch đều thuộc[1] về mắt. Hết thảy các tủy đều thuộc về óc. Hết thảy các gân đều thuộc về khớp. Hết thảy các huyết đều thuộc về tạng Tim. Hết thảy các khí đều thuộc về tạng Phổi. Tất cả dinh vệ đều vận hành khắp châu thân (tứ chi bát khê[2]) suốt ngày đêm không bao giờ ngừng nghỉ.

GIẢI

Theo tinh thần NỘI KINH thì con người khi mới phôi thai 5 tạng có trước, xác thân có sau. 5 tạng là phần tạng của tạng phủ, óc là tạng của xác thân bên ngoài. Tinh hoa của 5 tạng được đưa lên kết đúc mà thành bộ óc. Đành rằng cuống mắt đều tóm và dính liền với phần óc nhỏ phía sau. Bộ óc nhỏ phía sau là vùng thuộc về thần kinh động tác, do đó mà con mắt là khiếu của Gan. Nhưng mí mắt trên thuộc Vị, mí mắt dưới thuộc Tỳ, mạch máu của khóe trong thuộc về Tim, khóe ngoài thuộc về Ruột non, bắp thịt ở khóe trong thuộc về Bọc Tim, màng mắt thuộc về Tam tiêu mà chỗ tóm là khóe ngoài, tròng trắng thuộc về Phổi và Ruột già, tròng đen thuộc về Gan với Mật, con ngươi thuộc về Thận với Bàng quang (xem hình vẽ).

Hình 10-1: CÁC KINH MẠCH HỘI TỤ VỀ MẮT

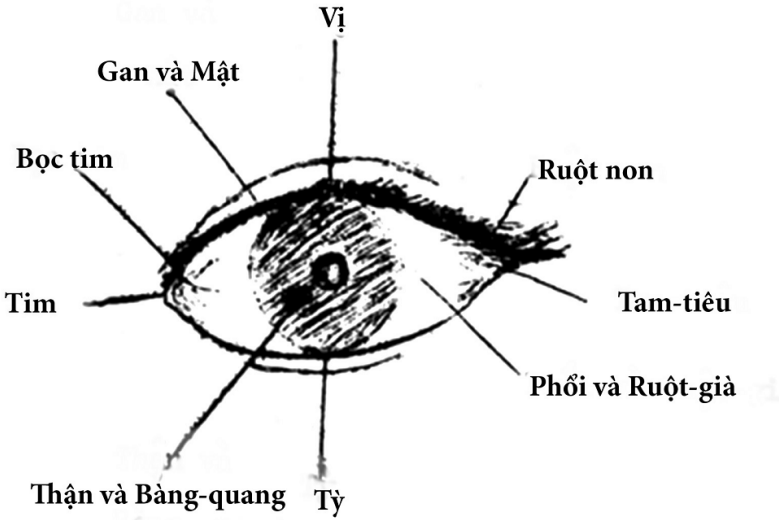

Nhờ thế mà khi con người có bệnh, con mắt là nơi giúp cho ta một phần lớn lao trong việc khám phá. Hơn nữa cặp mắt là cửa của tinh thần chiếu ra; cho nên trực tiếp thì mắt là tinh hoa của toàn bộ óc, gián tiếp mắt là tinh hoa của toàn cả cơ cấu tạng phủ châu thân. Chính vì nghĩa đó mới nói: "hết thảy 12 kinh mạch đều thuộc về mắt". Phương chi mỗi khi tròng con mắt bị đè nặng vào, là nhịp đập của Tim chực muốn ngừng lại. Đây cũng là một bằng chứng cụ thể cho ta thấy nghĩa câu "hết thảy 12 kinh mạch đều chầu về mắt" vậy.

Xương là thành phần bên ngoài của tạng Thận, tủy là tinh hoa của 5 tạng được tạng Thận tinh luyện mà đưa vào để bồi bổ cho xương. Tất cả những xương có lỗ bộng để đựng tủy, thì chỉ có bộng xương sọ là to nhất. Xương sọ là phần xương ở trên cao nhất trong con người, mà cũng là nơi chứa tủy nhiều nhất để ta gọi là óc. Óc là phần tủy được tinh luyện nhất, có đủ sức mạnh đi lên cao nhất.

Khi con người trác táng nhiều quá, tạng Thận bị tổn thương trước, rồi kế đến tủy trong các xương, và cuối cùng sự tiêu hao ấy sẽ lần lần về óc. Óc phải vận chuyển xuống các xương để cứu vãn thế quân bình tạm thời, nếu không thì sẽ bị lâm vào tình thế gián đoạn đến chết mất. Chính vì chỗ đó cho nên mới nói: "Hết thảy các tủy đều thuộc về óc".

Nói Mộc khắc Thổ. Nhưng sự thực bắp thịt nếu không được màng gân bao bọc thì thịt không thể thành bắp được, mà tác dụng của thịt cũng không thành. Hai đầu bắp thịt là nơi màng gân tóm lại để thành gân mà mắc vào 2 đầu xương, và đầu xương bên này với đầu xương bên kia mắc liền nhau cũng bằng gân, để cấu tạo thành một khớp xương linh hoạt. Nếu thiếu điều kiện gân thì cả xương lẫn thịt đều mất tác dụng. Chính vì thế mới nói: "hết thảy các gân đều thuộc về khớp".

Vòng tuần hoàn của máu xuất phát từ tạng Tim theo mạch và vọt ra đi khắp châu thân, rồi cũng phải trở về với Tim để thành vòng tuần hoàn luân lưu không hề ngừng nghỉ. Thiếu tạng Tim máu không thể chạy được. Vì thế nên mới nói: "hết thảy các huyết đều thuộc về tạng Tim".

Tất cả sự vận hành trong châu thân, động lực mạnh nhất, rõ rệt nhất, đặc biệt nhất không đâu hơn tạng Tim và tạng Phổi. Tạng Tim là cơ quan bơm máu tự động, tạng Phổi là cơ quan bơm hơi tự động. Như đã nói ở đoạn 1, nếu thiếu tạng Phổi thì tất cả cơ cấu thâu hút và bài tiết của hệ thống phần khí trong châu thân đều bị đình đốn không vận hóa được. Chính vì thế nên mới nói: "hết thảy các khí đều thuộc về tạng Phổi".

Tóm lại ý chính của đoạn nầy là tiếp tục với đoạn trên, mà ý thức cho ta thấy rõ hệ thống trong đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông đi vào cơ thể con người rõ rệt đâu ra đấy, để khi nhập cuộc vào tinh thần kỹ thuật không bị lạc tay lái. Và câu chót của đoạn nầy chỉ là một câu lưu thông để nói lên ý tóm lược về một con người sống, một con người linh động, để ý thức cho hậu học khỏi bị sa lầy vào cái nhìn con người như là một bộ máy vô tri vô giác, như hầu hết thầy thuốc ngày nay, mà cũng là để mắc liền với tinh thần đoạn sau.

BÌNH

Nếu tôi là một kẻ mắc kẹt vào cái Tôi lùn xủn tí teo ngắn ngủi của một kiếp người mà nhìn quả địa cầu nầy, thì địa cầu không khỏi chỉ là một vật chết tê không linh động. Nhưng giá tôi thử bước tránh ra ngoài vòng thái dương hệ và to lớn lên cho bằng như hư không, mà đứng im lìm quay nhìn vào địa cầu với suốt từ khi mới phôi thai đến giờ, thì tôi mới thấy đời sống của quả địa cầu thiệt là vô cùng linh động.

Nếu tinh thần tôi là một khối hun đúc bằng cách nhìn một con người như là một bộ máy vô tri vô giác, mà mỗi một bộ phận chỉ là một thứ từ cục từ cục để riêng không quan hệ gì đến hệ thống tương quan nhân quả, cũng không cần chú trọng đến cái nhân, thì quyết định tôi phải nghĩ đến cách thay trái tim, đổi tròng mắt, và tử cung với bao tử không dính dấp gì nhau là lẽ dĩ nhiên. Với cặp mắt đó tôi đọc đoạn nầy của NỘI KINH, quyết định tôi phải bịt mũi phì cười mà cho là chuyện của đám trẻ con thơ dại.
Ngược lại, nếu tôi biết trở về với tôi, tôi biết dừng lại ở giới hạn của giác quan, của trí óc tính toán và máy móc dụng cụ, là tôi thấy ngay không những ở con người của tôi, mà cả bầu bao la vô tận đều nằm tròn trong cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của một mạch sống bắt nguồn từ **linh không vô cực** không bao giờ ngừng nghỉ. Rồi tôi đọc đoạn nầy, tôi mới thấy đây là một cách nói của một con người thật sống nói với người sống.

Thế mới biết: nếu tôi mang cặp mắt chết mà nhìn sự vật, thì tất cả sự vật đều là khung cảnh chết. Nếu tôi có cặp mắt sống mà nhìn sự vật, thì mới thấy được tất cả sự vật đều sống đều tương quan. Do đó mà biết việc làm cho cặp mắt sống lại được, là một việc làm ưu tiên nhất, quyết định nhất.

ĐOẠN 8

PHIÊN ÂM

Cố nhân ngọa huyết quy ư Can. Can thọ huyết nhi năng thị, Túc thọ huyết nhi năng bộ, chưởng thọ huyết nhi năng ốc, chỉ thọ huyết nhi năng nhiếp.

Ngoạ xuất nhi phong xuy chi, huyết ngưng ư phu giả vi tê, ngưng ư mạch giả vi lịch, ngưng ư túc giả vi khuyết. Thử tam giả, huyết hành nhi bất đắc phản kỳ không, cố vi tê khuyết dã.

DỊCH

Nên khi con người nằm ngủ thì huyết tụ về ở Gan. Gan nhờ có huyết mà con mắt có thể thấy, chân nhờ huyết mà có thể đi, bàn tay nhờ huyết mà có thể nắm, ngón tay nhờ huyết mà có thể cầm.

Khi con người đang nằm ngủ bất thần trỗi dậy, nếu gặp luồng gió thổi đến, ở mặt da huyết bị ngưng đọng mà làm ra tê. Nếu huyết ngưng đọng ở mạch, thì làm cho khó lưu hành; ngưng đọng ở chân làm ra khuyết nghịch. Ba trường hợp ngưng đọng ấy, làm cho huyết đi ra mà không trở về được, sanh ra tê và khuyết nghịch vậy.

GIẢI

Đoạn nầy vẫn mắc liền với đoạn trên, mà ý chính là muốn nói: sự sanh hoạt của con người đối với khí dinh khí vệ vận hành bên trong của một con người sống cùng khí tiết bên ngoài rất có tương quan mật thiết. Nếu vô ý thức đánh mất sự tương ưng, thì thế quân bình bên trong sẽ đổ vỡ.

Chữ "nên" ở đầu câu thứ nhất cũng như bao nhiêu chữ "cho nên" ở đầu những đoạn qua để làm thành thế chuyển tiếp. Vì cuối đoạn trên có nói "tất cả dinh vệ đều vận hành khắp châu thân suốt ngày đêm không bao giờ ngừng nghỉ", nên ngoài ý chuyển tiếp chữ "nên" nầy còn có nghĩa để diễn tả tiếp một con người sống.

Trong con mắt của người xưa nhìn con người như một cái ống, và cũng như bao nhiêu sinh vật khác, con người cũng phải chịu chung một luật ly tâm hướng tâm. Nếu tính theo như một cái ống, thì trong lòng bộ tiêu hóa là chính giữa lòng của cái ống. Nhưng nếu theo sự vận hành của 12 dòng năng lực trong kinh mạch, thì tạng Gan là đầu mối trong nhất mà cũng là nơi bắt đầu để đi ra ngoài.

Sinh hoạt của con người ngoài thế thức ngủ, ngày đêm ra; còn có những lúc nghỉ ngơi, nằm dậy không theo sự vận chuyển của công lệ ngày đêm.

Đã như là một cái ống cùng chịu chung một định luật ly tâm hướng

tâm, mà nơi trong nhất của phần khí dinh (của ۱۲ kinh mạch) lại là tạng Gan. Và cả khí dinh lẫn khí vệ đều lệ thuộc vào sự vận hành của ngày đêm sáng tối âm dương, lẽ cố nhiên khi con người nằm nghỉ hoặc đêm ngủ, tương tự như là một cái ống thuỷ bình để cân mặt bằng khi được để nằm theo mặt thuỷ bình, làm cho cả khí dinh lẫn khí vệ đều phải rút bớt ở phần mặt da để quy tụ về tạng Gan. Đây là một thế chung của trật tự tương quan biến hóa lưu thông trong đồng nhất, mà con người không thể khác hơn. Vì để diễn tả thế linh động đó, nên mới nói: "Khi con người nằm ngủ thì huyết tụ ở Gan".

Con mắt là khiếu của Gan, Gan thiếu huyết con mắt mờ. Cho nên mới nói: "Gan nhờ huyết mà con mắt có thể thấy".

Trong con người sống có 3 yếu tố quan hệ là: yếu tố khí, yếu tố huyết và yếu tố chơn nguyên. Yếu tố khí thuộc phần khí vệ, yếu tố huyết thuộc về phần khí dinh; hai phần nầy luôn luôn hoặc dời vào trong hoặc dời ra ngoài theo ngày đêm và thế sanh hoạt; còn yếu tố chơn nguyên là phần sinh lực nền tảng, lúc nào cũng chỉ một mực bình thường. Thí dụ trở về đêm mặc dù cả khí dinh lẫn khí vệ đều rút lui về bên trong, nhưng khí chơn nguyên bên ngoài vẫn giữ y nguyên như vậy; hoặc ngược lại khi trở về ban ngày cả khí dinh khí vệ đều hướng ra ngoài, mà khí chơn nguyên vẫn giữ y một mực ở bên trong. Do đó mà khí chơn nguyên trở nên quan trọng. Khi khí chơn nguyên bị suy giảm cộng với thế vận hành của khí dinh vệ ra vào, sẽ tạo thành một tình thế đảo lộn. Tuy nhiên nơi đây đang diễn tiếp về sự vận chuyển của khí dinh và khí vệ mà thôi.

Thiếu khí dinh khí vệ, thì mạch sống trong con người không thể tương ưng kịp với đà linh động trong cõi thiên nhiên, cũng như trong sanh hoạt hàng ngày của con người. Bởi thế nên mới nói: "Chân nhờ huyết mà có thể đi, bàn tay nhờ huyết mà có thể nắm, ngón tay nhờ huyết mà có thể cầm". Nếu huyết không tiếp dưỡng được đến tận tay chân thì liền sanh khuyết nghịch. Thế là huyết tùy theo sanh hoạt mà vận hành, mà sanh hoạtcũng phải bị lệ thuộc vào phần huyết.

Như trên đã nói khi con người yên nghỉ khí dinh theo khí vệ đều tụ vào Gan, lẽ cố nhiên khi con người trỗi dậy trở lại sanh hoạt bình thường, thì cả khí dinh lẫn khí vệ cũng đều phải hướng về bên trên bên ngoài mà tan ra khắp châu thân để làm nhiệm vụ bảo vệ và tiếp dưỡng. -

Chánh văn nói: “Khi con người đang nằm ngủ bất thần trỗi dậy, nếu gặp luồng gió thổi qua, ở mặt da huyết bị ngưng đọng mà làm ra tê”. Thế là trong chỗ không chữ ngoài lời, luận giả muốn nói từ khí dinh khí vệ ở Gan bắt đầu đi ra ngoài mặt da phải có một thời gian biện chứng. Nếu thiếu thời gian tính đó cộng thêm nếu có bị đổ mồ hôi rủi gặp luồng gió thổi đến, thì áp lực của luồng gió ấy sẽ lấn vào một vùng mặt da nào nó đã xâm phạm, để cho phần vi huyết quản ở mặt da bị ngưng đọng, tuần hoàn mặt da nơi ấy bị bế tắc làm ra chứng tê ở mặt da. Nghĩa là mắc một thứ bệnh có triệu chứng sờ vào mất cảm giác.

Nếu thế tà khí tiến sâu hơn lấn đến phần mạch máu, thì sẽ làm cho sự tuần hoàn của máu trở nên đông rít khó lưu thông. Thế là mạch máu đã bị ngoại tà xâm chiếm.

Nếu tà khí xâm lấn vào các kinh mạch ở hai chân, huyết ở hai chân bị ngưng đọng. Khí dinh vệ không chu lưu xuống đến chân được, lẽ cố nhiên hai chân bị các mạch vít lại, làm cho âm dương không chuyển tiếp được mà sanh khuyết nghịch.

Cách thế xâm phạm vào con người của bệnh ngoại cảm, trong trường hợp nhiễm khí lạnh và nhiễm khí gió khác nhau. Vì khí lạnh là một thứ áp lực đè nặng chung cho khắp mặt da, còn khí gió là một thứ mũi nhọn từ bên ngoài xông vào một vùng nào đó trong cơ thể. Bởi vậy khí lạnh lấn vào cơ thể cũng chậm chạp hơn khí gió; do đó nên Thương Hàn luận của Trọng Cảnh đặt tên cho sự cảm nhiễm khí lạnh bằng danh từ “thương hàn”, còn cảm nhiễm khí gió thì gọi là “trúng phong”. Cho nên hoặc làm cho mặt da tê dại, hoặc làm cho mạch máu khó lưu thông, hoặc làm cho hai chân sanh khuyết nghịch, cũng chẳng qua là vì trúng gió làm cho vòng tuần hoàn đi ra mà không trở về được, cho nên mới xảy ra tê và khuyết nghịch như chánh văn đã nói. Thế là khí dinh phải tùy thuận theo khí vệ và sự sinh hoạt của con người mà vận chuyển chu lưu. Nếu trong vô tình sinh hoạt trái thường, không thuận theo cái đà biện chứng của thiên nhiên, thì sẽ dễ sanh ra bệnh tật.

BÌNH

Biết được cái thường cái sống, thì mới biết được cái biến cái chết. Đây là một định lý.

Muốn giải quyết một sự việc gì, tất trước hết cần phải biết rõ sự việc ấy. Đây cũng là một định lý.

Thông qua mạch chánh văn, rồi nhìn ra công tác tuyên truyền về khoa học cũng như y khoa theo phương tiện truyền thanh, truyền hình, chiếu bóng v. v. về sinh lý, về tuần hoàn, về hô hấp, về tiêu hóa trong con người ngày nay, tôi làm sao dám bảo rằng: Y khoa cũng như khoa học ngày nay không biết gì hết về máu huyết, về hơi thở, về tiêu hóa, về sinh lý của một con người sống thực và cũng không biết gì hết về bệnh tật chớ?! Nhưng ngược lại, trông về toàn diện cuộc sống của tầng lớp trí thức (như các nhà khoa học, các bác sĩ v.v.) ngày nay, lúc nào cũng quạt máy, phòng lạnh, lúc nào cũng nước đá, cũng vitamine, cộng thêm với nhan nhản trước mắt càng ngày càng không biết bao nhiêu người cận thị, không biết bao nhiêu kẻ sinh ra không ngồi được, không biết bao nhiêu bệnh ung thư đang hoành hành cũng như không biết bao nhiêu người trúng gió quạt máy mà chết, kể cả những trường hợp trong gia đình bác sĩ; lại thêm đến ngày giờ nầy mà y khoa ngày nay cũng chưa biết gì hết về bệnh ngoại cảm, các bệnh thuộc loại huyết chứng (như bị đánh, bị té, kinh kỳ, sinh sản v.v.), bệnh thoát tinh trong sinh lý, bệnh thịt dư mũi, thịt dư cổ họng v.v. thì tôi làm sao dám tin rằng: Y khoa cũng như khoa học ngày nay thật tình biết được một con người sống chớ?

Có ai ngờ! Khúc ruột dư bị bệnh mà lại bảo dư ruột rồi phải đi mổ cắt bớt đi mới được?!

Có ai ngờ! Bệnh áp huyết cao (động mạch biến cứng) mà lại bảo là máu dư, rồi đâm kim lấy bớt?!

Có ai ngờ! Một em bé mới mấy tháng mắc phải chứng bệnh ngoài da. Bác sĩ ngoài chữa không được, giới thiệu vào một bệnh viện ở Sài Gòn. Một ông bác sĩ giao phó cho y tá phải rút lấy 3 lọ Péniciline máu, để ông ta thí nghiệm. Y tá đến thấy em bé nhỏ ốm, biết được nếu lấy đủ số máu ấy thì em bé chết liền, nên ông ta chỉ lấy mới có 1 lọ đã thấy em bé ngất xỉu, bèn báo cáo với bác sĩ. Bác sĩ đến không cần nghĩ phải quấy, đâm kim lấy đủ số máu mình dự định, em bé cũng theo đó mà chết, bác sĩ vẫn điềm nhiên không nao núng!

Như thế trong vô hình trong bụng tôi làm sao không nổi lên cả tá

câu hỏi thì thầm rằng:

- Không biết có phải vì lẽ phóng vọt ra ngoài nhiều quá, rồi họ biết quá hóa ra ngu chăng?

- Hay vì dục vọng quá cao mà con người trở nên u mê lú lẫn?

- Phải chăng những vị bác sĩ ngày nay họ định thí con người để làm bàn đạp cho dấu chân vụng về của họ bước đi?!

- Nếu đã không biết gì hết về một con người sống, thì sao lại gọi là bác sĩ?

- Đã không biết gì hết về con người sống, thì làm sao biết được vũ trụ sống?

- Đã không biết gì hết về sống, thì sao gọi là khoa học? Vậy ý nghĩa của hai chữ "khoa học" nằm đâu?

- Phải chăng ngoài phương pháp trở về với chính con người của mình trước để thực chứng thực nghiệm, quyết định không có một đường hướng nào khác hơn được?

ĐOẠN 9

PHIÊN ÂM

Nhân hữu đại cốc thập nhị phần, tiểu khê tam bá ngũ thập tứ danh, thiểu thập nhị du, thử giai vệ khí chi sở lưu chỉ, tà khí chi sở khách dã, châm thạch duyên nhi khử chi.

Chẩn bệnh chi thỉ, ngũ quyết vi kỷ, dục tri kỳ thỉ, tiên kiến kỳ mẫu, sở vị ngũ quyết giả ngũ mạch dã.

DỊCH

Toàn mặt da con người có tất cả 12 huyệt cái và 354 huyệt thường, cộng cả hai lại mới đủ ăn khớp với số chu kỳ của một năm. Chúng nó là những địa điểm để khí vệ ra vào, vì thế mà khi tà khí bên ngoài xâm phạm vào mặt da phải đụng đến những nơi ấy trước, phép châm phép thạch[3] cũng nhờ đó mà được thành lập để chữa bệnh.

Cái học khám bệnh phải rõ thông 5 mạch[4] làm giềng mối, muốn biết được trước phải kiến lập hệ thống tương sanh của *5 hành* trong *5 tạng*.

GIẢI

Đại khái đoạn này là nối tiếp của ý mạch văn trên để lưu ý về khí vệ bên ngoài ra tận đến mặt da, bên trong sâu tận 5 tạng và ứng ra hiện tượng 5 mạch, để kiến thiết một nền tảng khám phá về bệnh tật.

Chu kỳ của quả đất quyện theo mặt trời là 365 ngày có hơn (1 năm) kể như 366 ngày, mỗi một ngày địa cầu lăn đi một độ. Con người là quả địa cầu thu nhỏ lại, để ứng hợp với thời gian 1 năm thu ngắn lại thành ngày. Vòng chu kỳ của 12 kinh mạch vừa là vòng chu kỳ của 12 tháng, mà cũng vừa là vòng chu kỳ của 12 giờ (Tí, Sửu, Dần, Mẹo, v.v..) Lịch trình chu kỳ của 12 kinh mạch suốt trong 12 giờ phải trải qua 366 khúc thời gian, mỗi khúc là 1 khớp, bề mặt là vòng chu kỳ từng khớp nối tiếp nhau, nhưng chiều sâu lại là những cái hố vô hình thở ra tận từ 5 tạng; do đó mà con người có 366 huyệt chính, nhưng vì có một khớp thiếu nên đại lược người ta chỉ kể có 365 huyệt chính mà thôi, vì lẽ vừa nói trên nên người ta cũng gọi là 365 khớp. Điều này rất có nhiều hậu học sai lầm tưởng rằng người xưa không hiểu gì hết về cơ thể con người, thật là đáng tiếc!

Trong 366 huyệt, có 12 huyệt cái ở phía sau lưng kèm hai bên xương sống, người ta thường gọi là 12 huyệt Du (Phế du, Tâm du v.v.). 12 huyệt Du nầy thông đồng trực tiếp với tạng phủ gần nhất quan hệ nhất, cho nên gọi là 12 huyệt cái.

Khí vệ đã là luồng khí dương vận chuyển theo thế vận hành của

mặt trời suốt ngày đêm, thế là khí vệ là khí Thái dương trong thân người vận hành theo thế ly tâm hướng tâm. Vì có tác dụng bảo vệ nhiệt lực cho suốt trong ngoài, cho nên mới gọi là khí vệ. Về đêm nó thu vào tận cùng bên trong 5 tạng, ban ngày nó trở ra đến tận cùng mặt da. Cách vận hành của nó y hệt như cách vận hành của bầu khí quyện quả địa cầu. Nếu không may vì một lẽ gì nó bị suy giảm, mà áp lực ngoại tà của khí hậu bất thường xâm lấn vào, tức là gây thành loại bệnh mà người ta thường gọi chung là bệnh ngoại cảm. Loại bệnh ngoại cảm đi vào con người luôn luôn có một qui luật biện chứng, lần lượt rồi chúng ta sẽ thấy rõ vào đoạn tới cũng như liên tục với những thiên sau.

Nhờ cách vận hành của khí vệ theo ngày đêm, với cách cấu tạo mặt da có những luồng năng lực điện tuyến của chu kỳ kinh mạch và những huyệt thông đồng vào tạng phủ. Nên cái học châm cứu có cơ sở vững vàng, có thực chất rõ rệt, có kỹ thuật siêu tuyệt để dù trải qua 5-6 ngàn năm mà đối với chính chúng ta bây giờ vẫn tinh khôi như mới hồi nãy.

Trong con mắt của người thông đạt, con người không những là một con người đúng nghĩa của nó, mà còn là một phần hiện tượng trong cả một guồng máy hiện tượng vĩ đại cùng khắp bao la. Cho nên khi muốn điều chỉnh lại cái máy con người, ít nhất trên phải thông thiên văn, dưới phải đạt địa lý, giữa phải biết rõ về nhân sự, và bên trong phải thấu hiểu nhiều lắm về thế nào là con người bình thường của chính mình trước nhất, thì mới có thể giáp mặt được với con người mà mình muốn hiểu biết và điều chỉnh. Vì thế nên những điều kiện như vận khí, như luật tương sanh, tương khắc của 5 hành ráp vào 5 tạng, như ăn uống sinh hoạt, như hoàn cảnh xã hội v.v.; và cuối cùng còn phải biết rõ khi bình thường sinh lực của 5 tạng tùy theo niên vận mùa màng, mà chiếu vào 5 hiện tượng mạch của nó ra sao, để khi biến ta mới có đủ khả năng nhận chân được bộ mặt thật của nó. Do đó nên mới nói: "Cái học khám bệnh phải rõ thông 5 mạch làm giềng mối, muốn biết được trước phải kiến lập hệ thống tương sanh của 5 hành trong 5 tạng". Thế là tinh thần của mấy câu vừa kể trên đều có quan hệ suốt tận đến thiên đầu; Nếu ta chỉ coi như là mấy câu rời rạc, thì không sao nhận ra được tầm quan trọng của nó. Điều nầy người đọc phải nên cẩn thận.

BÌNH

Có người hỏi: "Khắp châu thân con người chỉ có 366 huyệt để ăn khớp với vòng chu kỳ trong 1 năm", vậy ngày nay người ta còn tìm thấy một số lớn bao nhiêu huyệt khác nữa thì sao?

Đáp: Nếu tinh thần thiệt lưu thông thì không bao giờ hỏi câu hỏi ấy. Vì sao thế? Đã chẳng từng nói: con người không những là một hiện tượng thu hẹp cả bao la, mà cũng là quả địa cầu được thu nhỏ lại. Sở dĩ nói ٣٦٥ hay ٣٦٦, chẳng qua chỉ nói đại lược về phần ảnh hưởng gần nhất. Nhưng nếu mở ra thì bao la nầy vô tận, thân con người cũng vô tận. Vì thế nên nếu ai mắc kẹt vào bệnh hướng ngoại mà dong ruỗi theo phần hiện tượng, phần tướng để săn đuổi theo cái vô cùng tận, thì quyết định cũng đến chết mất mà thôi.

Có người hỏi: mang cây thước hệ thống tương sanh tương khắc của 5 hành mà ráp vào tạng phủ, vào kinh mạch, vào mạch tượng, như thế là bởi con người chế ra hay sự thật vốn nó là như thế?

Đáp: Nếu do con người chế ra, quyết định là một sự nói láo không đáng để cho ta lưu tâm. Nếu ai nghĩ như thế, tức là chưa hiểu gì hết về cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong cái vòm viên dung vô tận này vậy.

ĐOẠN 10

PHIÊN ÂM

Thị dĩ đầu thống điên tật, hạ hư thượng thiệt, quá tại Túc Thiếu âm Cự dương; thậm tắc nhập Thận.

Tuận mông chiêu vưu, mục minh nhỉ lung, hạ thiệt thượng hư quá tại Túc Thiếu dương Khuyết âm; thậm tắc nhập Can.

Phúc mãn điền trướng, chi cách khư hiếp, hạ khuyết thượng mạo, quá tại Túc Thái âm Dương minh.

Khái thấu thượng khí, khuyết tại hung trung, quá tại Thủ Dương minh Thái âm.

Tâm phiền đầu thống, bệnh tại cách trung, quá tại Thủ Cự dương Thiếu âm.

DỊCH

Cho nên trên đỉnh đầu nhức, dưới hư trên thiệt, là lỗi ở Túc Thiếu âm và Túc Thái dương; nếu nặng nữa thì lấn vào tạng Thận.

Tròng mắt hoặc bị như liếc kéo xếch về bên trong hay bên ngoài, làm ra hiện tượng chóng mặt xoay bồ bồ hoặc con mắt mờ tai ù, dưới thiệt trên hư; đó là lỗi ở Túc Thiếu dương và Túc Khuyết âm; nếu nặng nữa thì vào Gan.

Bụng đầy căng trướng đẩy chẽn vừng lên, hai bên hông sườn bung ra, bên dưới khuyết nghịch, bên trên choáng váng; đó là lỗi ở Túc Thái âm và Túc Dương minh.

Ho hắng hơi đưa xốc lên, trong lồng ngực nghẹt vít lại, đó là lỗi ở Thủ Dương minh và Thủ Thái âm.

Tim bức rức, đầu nhức, nghe khó chịu ở vùng chẽn vừng, đó là lỗi ở Thủ Thái dương và Thủ Thiếu âm.

GIẢI

Đây vẫn là tiếp tục với đoạn trên để vạch ra 5 hệ thống triệu chứng mắc liền với kinh mạch thông đồng với tạng phủ, để mở lối khám phá cho những trường hợp bất thường khi con người bị ngoại tà xâm lấn, hầu ăn khớp với vấn đề 5 mạch của đoạn trên, mà cũng là để mở lối đề xướng cho qui luật Thương Hàn luận của Trọng Cảnh đời sau.

Bất cứ một thứ bệnh thời tiết ngoại cảm nào từ bên ngoài xâm lấn

vào thân con người trừ ra trường hợp bên trong con người ấy vốn sẵn cái thế sụp đổ. Hết thảy đều phải theo 4 cách thức và 4 giai đoạn như sau: khởi đầu lấn vào phần da lông thuộc về phần khí, phần lạc; rồi kế đến mới có thể xâm phạm vào phần kinh mạch, phần huyết; nếu nặng nữa sẽ lấn lần vào tạng; nếu tạng còn đủ sức chống đỡ, thì tà khí sẽ chạy sang phủ mà qui tụ. Cách thức biến chuyển của nó qua từng lớp cơ thể, từng hệ thống kinh mạch, từng hiện tượng triệu chứng tương quan với tạng phủ nào đó; do vậy mà ta có thể theo dõi những hiện tượng triệu chứng, để biết rõ hệ thống của bệnh tật.

Chữ "cho nên" ở đầu đoạn này vẫn là tác dụng chuyển tiếp.

Bàng quang: là phủ của Thận thuộc về nguồn cội của Túc Thái dương. Thận là tạng của Bàng quang thuộc về nguồn cội của Túc Thiếu âm. Cả hai bên trong vốn thông đồng liên lạc nhau, rồi từ tạng phủ theo kinh mạch mà thông ra đến phần khí tận bên ngoài, như hình đã vẽ ở trang 145 của thiên thứ ba - quyển 1.

Nếu phân về thành phần 5 tạng, thì mặt da là thành phần của Phổi; nếu phân theo hệ thống kinh lạc thì mặt da mỏng bên ngoài thuộc về hệ thống khí của Túc Thái dương.

Mặt da bên ngoài là nơi giàu cảm giác nhất và có nhiều mạch máu trắng nhất. Thành phần kinh lạc của mặt da thuộc Túc Thái dương kinh Bàng quang đều chầu hết về phía sau lưng (hệ thống thần kinh phía sau) mà tụ về đỉnh đầu.

Vì nó thuộc về Hàn Thuỷ, cho nên dính liền với tạng Thận. Vì gốc nó là Bàng quang, cho nên tác dụng gốc của nó là nước là lạnh. Vì phần Thủ Thái dương gốc của nó là ruột non, phần Thủ Thiếu âm gốc của nó là tạng Tim. Cả Thủ Túc Thái dương và Thủ Túc Thiếu âm hợp lại mới sanh tác dụng vi huyết quản ra tận đến mặt da để gặp với vi ti thần kinh mặt da; do đó mà tác dụng ngọn của Thái dương là khí dương. Vì Thái dương đã thuộc về Hàn Thuỷ gốc là Hàn mà ngọn là dương, cho nên thể của nó là nước. Vì thế mà tất cả các nước trong các lớp màng bao tạng phủ: màng sườn, màng ngoại thận, màng bụng, trong ống dây thần kinh, màng óc đều thuộc về thành phần của Thái dương và Thiếu âm. Thể nước này tùy theo tác dụng âm dương của mỗi nơi mà hoặc đậm hoặc

loãng khác nhau, nhưng hết thảy đều quan hệ đến khí Thái dương.

Thể nó đã là nước, là hàn, là chìm xuống mà khí của nó là hơi, là dương, là bốc lên. Do đó mà khi khí Thái dương bị mắc kẹt đình đốn ở một nơi nào, thì thể nước ở nơi đó sẽ bị biến thái và khí ở nơi đó cũng bị đổi thay, để sanh ra một thứ triệu chứng tùy theo chỗ mắc kẹt ấy là âm hay dương. Bởi vậy, khi bị ngoại cảm Thương hàn, mặt da bị bít lại làm cho sự bài tiết da đình đốn, thế nhiệt lực mặt da mất quân bình, khí dương bị dồn lui trở về trong, bên trong còn đủ sức chống trả, làm cho nó phải phản ứng ngược dòng theo hệ thống thần kinh mặt da phía sau lưng mà đổ dồn lên đỉnh đầu, gây thành triệu chứng nhức đầu trên đỉnh, để xảy ra hiện tượng trên thiệt dưới hư. Nếu sức đè ở ngoài của tà khí mạnh quá, gặp phải lúc sự bài tiết mồ hôi đang nhiều, thì số lượng mồ hôi ấy bị đẩy lui về màng óc, làm cho nước ở màng óc tăng lên và chứng nhức đầu trở nên kịch liệt. Do đó chánh văn mới nói: "Trên đỉnh đầu nhức, dưới hư trên thiệt, là lỗi ở Túc Thiếu âm và Túc Thái dương". Đó là bệnh ở khí mà vào kinh. Nếu hệ thống tạng phủ ấy không đủ sức chống đỡ, lẽ tất nhiên bệnh sẽ theo kinh mà lấn vào tạng; cho nên nói: "Nếu nặng nữa thì sẽ truyền vào Thận" là nghĩa thế.

Xác thân bên ngoài là phần dương, tạng phủ bên trong là phần âm. Nhưng bên trong tạng phủ cũng vẫn có hệ thống phân ra âm dương, thế thì xác thân cũng vậy. Thế là bên trong có 3 âm 3 dương của âm, bên ngoài có 3 âm 3 dương của dương. 3 âm 3 dương của âm có thủ túc, thì 3 âm 3 dương của dương cũng có phân thủ túc. Thế là 3 âm 3 dương, 6 thủ sáu túc của xác thân bên ngoài phải ứng hợp với 3 âm 3 dương 6 thủ 6 túc của tạng phủ bên trong.

Theo thế 3 âm 3 dương cấu kết thân người, thì chỉ có 3 dương bên ngoài còn 3 âm lại khuất vào bên trong để ứng hợp với 3 dương. Do đó mà trọn hết phía sau lưng lên đến đỉnh đầu, vòng ra phía trước đến Nhơn trung (giữa môi trên) là thuộc phần Thái dương; suốt hết phía trước từ dưới lên trên trùm cả khuôn mặt là phần Dương minh; hai bên hông người từ chân lên đến màng tang để giáp đỉnh đầu là khu vực của Thiếu dương. Thế là con người là một trụ cột 4 cạnh mà phân thành 3 dương. Đây là nói về nghĩa chính nghĩa đặc biệt, chớ không phải những luồng điện tuyến năng lực của kinh mạch phần âm cùng những huyệt ấy không có hiện ra bên ngoài.

Thủ Thiếu dương thuộc về Tam tiêu là phủ của Bọc Tim, Túc Thiếu dương thuộc về Mật là phủ của Gan, Thủ Khuyết âm thuộc về Bọc Tim là tạng của Tam tiêu, Túc Khuyết âm thuộc về Gan là tạng của Mật. Vì thế mà Thiếu dương gốc là Hỏa mà ngọn là dương, Khuyết âm gốc là phong mà ngọn là âm. Phần Thiếu dương đã gốc là Hỏa mà ngọn là dương, thành phần kinh mạch lại chiếm trọn phía hai bên hông người, bên trên dính liền với gân phía ngoài tròng mắt thuộc về hướng đuôi con mắt. Vì thế nên khi ngoại tà lấn vào phần khí Thiếu dương mà vào kinh, thế Hỏa bốc lên theo hệ thống Tam tiêu mà đổ dồn về hai bên màng tang lên khoé ngoài của hai mắt để chi phối thế quân bình khí hóa của tròng mắt và lỗ tai, làm cho triệu chứng ở mắt thấy chóng mặt quay bồ bồ, ở tai nghe tai ù và nhìn chung thấy có hiện tượng dưới thiệt trên hư. Chính vì thế, mà Thương Hàn luận Trọng Cảnh dùng 4 chữ "nhỉ lung mục huyền" để diễn tả cho triệu chứng chánh của Thiếu dương.

Đại phàm đúng theo luật của hệ thống ngoại cảm, khi bệnh từ phần khí đi vào phần kinh, hễ phần dương thiệt thì phần âm phải hư, phần âm thiệt thì phần dương phải hư; và khi bệnh nặng hơn nữa thì cách thế truyền vào tạng, cũng như đã nói ở câu Túc Thiếu âm, Túc Thái dương trên. Chính vì chỗ đó nên chánh văn mới nói: "tròng mắt hoặc bị như liếc xéo về bên trong hay bên ngoài, làm ra hiện tượng chóng mặt xây bồ bồ hoặc con mắt mờ tai ù, đó là lỗi ở Túc Thiếu dương và Túc Khuyết âm, nếu nặng nữa thì vào Gan".

Phía trước con người đã là bề mặt của Dương minh, bụng là cái thùng chứa bộ tiêu hóa mà Tỳ Vị là cơ quan chính; thế là âm dương ứng nhau. Khi bệnh ở khí lấn vào kinh, hễ Dương minh thiệt thì Thái âm phải hư, Thái âm thiệt thì Dương minh phải hư. Khi Dương minh thiệt thì xảy ra cuồng loạn không ngủ; nếu Thái âm thiệt thì bụng căng trướng đầy dẫy đẩy dồn lên chẽn vừng, làm cho hai bên hông sườn bung ra, ở dưới vít lại, ở trên choáng váng tối tăm. Cho nên nói "bụng đầy căng trướng đẩy chẽn vừng lên, hai bên hông sườn bung ra, bên dưới khuyết nghịch, bên trên choáng váng, đó là lỗi ở Túc Thái âm và Túc Dương minh".

Thủ Dương minh thuộc về Đại trường là phủ của Phổi. Túc Dương minh thuộc về Vị là phủ của Tỳ, Thủ Thái âm thuộc về Phổi là tạng của Đại trường. Túc Thái âm thuộc về Tỳ là tạng của Vị. Thủ Dương minh thuộc về Táo kim, Túc Dương minh thuộc về Táo thổ; thế là Dương minh gốc nó là ráo mà ngọn là dương.

Tạng Phổi thuộc về thanh kim, tạng Tỳ thuộc về thấp thổ; thế là Thái âm gốc nó thấp mà ngọn là âm. Vì là tạng phủ lẫn nhau, nên khi Phổi có bệnh là ảnh hưởng sang Đại trường, Đại trường có bệnh cũng ảnh hưởng sang Phổi. Triệu chứng ho hắng hơi đưa xốc lên là triệu chứng chánh về phần khí của hệ thống theo kinh Phổi và Đại trường. Cho nên nói: "ho hắng hơi đưa xốc lên, trong lồng ngực nghẹt vít lại, đó là lỗi ở Thủ Dương minh và Thủ Thái âm".

Vì Phổi là tạng da chủ về da lông, nên khi khí tà phạm vào mặt da thường làm cho hô hấp mặt da bị dội ngược trở lại Phổi mà tạo thành chứng ho hắng, lồng ngực bế tắc. Vì lẽ đó mà triệu chứng trên đây thường thông đồng với hệ thống triệu chứng Thái dương. Điều nầy ta chớ nên sơ hở.

Lồng ngực là nơi chứa Phổi và Tim, Tim nằm dưới Phổi. Hai tạng này rất quan hệ trực tiếp với hơi thở. Ruột non là phủ của Tim thuộc về Thủ Thái dương, Tim là tạng của ruột non thuộc về Thủ Thiếu âm. Khi ngoại cảm tà khí xâm phạm vào mặt da mà lấn lần vào trong, có những trường hợp hệ thống vi ti huyết quản ở mặt da đồng thời với phần khí bị áp lực ngoại tà lấn dội ngược vào trong, làm cho một mặt có triệu chứng nhức đầu, một mặt lồng ngực bị ngột ngạt Tim bứt rứt. Đó là ngoại tà xâm phạm theo hệ thống Thủ Thái dương và Thủ Thiếu âm. Nên mới nói: "Tim bứt rứt, đầu nhức, nghe khó chịu ở vùng chẽn vừng, đó là lỗi ở Thủ Thái dương và Thủ Thiếu âm".

Thông qua 5 hệ thống triệu chứng trên, ta thấy tại sao 3 hệ thống sau không nhắc lại khi điều kiện bệnh nặng sẽ nhập vào tạng? Điều này không đáng gì để cho ta lấy làm lạ. Vì sao thế? Vì hai hệ thống đầu đã nêu rõ, ta có thể theo đó mà nhận biết đâu cần phải nhại lại cho thêm phiền. Thế là đây chẳng qua là một phép lược giảng, nếu ta quá câu nệ ở chữ và lời thì lại càng thêm rắc rối. Cũng như ở thiên thứ 5 nói về nghĩa "thần", cũng chỉ nêu lên ở hệ thống một hướng mà thôi.

Trong đoạn này không dùng chữ "bệnh" mà dùng chữ "lỗi" quả là luận giả rất có dụng tâm, người đọc phải nên cẩn thận.

Trong đây nêu lên năm hệ thống triệu chứng, là để ứng hợp với cái lẽ năm mạch với 5 hành của hệ thống toàn thiên. Nền tảng cả bộ luận

Thương Hàn của Trọng Cảnh sau này đều từ NỘI KINH mà kiến thiết. Mặc dù luận Thương Hàn phân theo thế 3 âm 3 dương, nhưng đối với đoạn này về triệu chứng chính yếu đều hoàn toàn ăn khớp. Điều này nếu độc giả có lưu tâm tức khắc sẽ thấy rõ.

Nếu ai đã thâm nhập vào sự thật trong con người và đã thấu hiểu tinh thần NỘI KINH, rồi tiến sâu vào định luật Thương Hàn, tất không còn lạ lùng gì với lý do tại sao Trương Trọng Cảnh lại ghép bệnh màng óc có nước cũng như màng Phổi, màng Tim, màng sườn, màng bụng, màng ngoại thận có nước vào trong luận Thương Hàn.

BÌNH

Một hệ thống khe rãnh, người ta đắp ngang ở hướng thấp, rồi khơi dòng cho thông để tát. Tại chỗ sòng tát, người càng tát nước càng tụ về, mà trên ngọn rãnh càng ngày càng vực cạn.

Một người đắm say theo dâm dục quá độ, tinh lực càng bài tiết lại càng tụ về, mà các khớp xương, các tủy, cũng như trên Phổi tân dịch tinh lực càng ngày càng cạn kiệt.

Một người bị bệnh nước tụ về ở màng bụng làm trướng lên. Nếu ta đâm ống vào rút nước ra, nước càng rút đi nó cũng càng tụ về, mà mạch nước toàn cả châu thân càng ngày càng cạn kiệt, và tay chân càng ngày càng teo nhỏ lại, bụng vẫn càng ngày càng trướng to.

Đây là một định lý.

Một bệnh u nhọt nổi lên, sưng to đau nhức chưa làm mủ, người ta có thể cho thuốc uống hoặc thuốc đắp, rồi lần lần tự nhiên nó tan đi, không đợi quyết định rằng: phải cắt bỏ đi nó mới tiêu được.

Một bệnh thũng nước căng to, khi cho thuốc đúng cách nước tự nhiên giải tán rút đi hết, chớ không phải đợi đâm ống vào cho nước chảy ra nước mới rút được. Thế mới biết: hết thảy những bệnh tật ngưng tụ trong thân con người, hễ nó đến có cách biện chứng của nó tất nhiên khi nó rút giải tán đi cũng phải có cách biện chứng của nó, chỉ vì ta ta dốt nát

chưa thâm hiểu nên tưởng rằng cái gì cũng đem máy móc vật chất mà áp dụng để giải quyết sẽ được mau chóng hơn, đến đỗi để lại không biết bao nhiêu là tai hoạ.

Đây cũng là một định lý.

Ngày nay người ta thường làm:

Khi gặp bệnh màng óc căng nước, người ta dùng kim đâm vào khớp xương sống thắt lưng để rút bớt nước đi, rồi bắt bệnh nhân nằm đầu thấp hơn đít từ 3-4 tấc để đánh lạc hướng sự vận hành của hệ thống Thái dương. Người ta đang làm cái gì đó? Và người ta làm như thế là người ta hiểu thế nào?

Một gia đình phụng thờ tủ lạnh, một cô bé bị thịt dư mũi, thịt dư cổ họng. Đem đến bác sĩ giải phẫu cắt đi, rồi bảo về luôn luôn ngậm nước đá và luôn luôn ăn thức ăn nguội để tủ lạnh. Rồi một hôm khí tiết thay đổi bị bệnh ngoại cảm, mồ hôi chuyển ra ngoài không được, ngưng tụ vào màng Phổi, mắc kẹt ở đó hóa thành nước thừa, làm nghẹt thở. Đem đến bác sĩ, bác sĩ đâm kim vào rút nước ra, rồi bơm thuốc vào gọi là chữa bệnh. Từ đó màng Phổi bị biến động. Phổi càng ngày càng suy yếu. Cô bé lớn lên với thân hình ròm rõi, mỗi khi trở trời, đưa đến bác sĩ gia đình chiếu điện rồi báo động là Phổi đã nám với bệnh lao và cho hàng tá thuốc trụ sinh Streptomycin, để con người ấy đến ngày nay cũng chỉ là một thứ nửa người. Người ta làm cái gì đó? Người ta hiểu thế nào?!

Một bệnh màng bụng có nước, bụng căng to, vào nhà thương người ta bèn chích thuốc tê ở vùng hố hông bụng dưới bên phải, rồi khoét một lỗ đâm ống vào lấy nước ra, rồi từ đó người bệnh tay chân dần dần teo lại, nước ở bụng cứ giữ một mực trở lại đều đều.

Làm theo cách nầy, trong 10 người bệnh tìm thấy một người sống sót thật rất khó khăn. Thế là người ta làm cái gì đó? Người ta hiểu thế nào?

Một trường hợp vừa bị bệnh ngoại cảm vừa uống nhiều nước đá lạnh, hệ thống bài tiết mồ hôi bị mắc kẹt ở vùng màng bao Tim làm thành

có nước. Vào nhà thương người ta cho kim vào để rút nước ra, sau nầy kết quả ra sao khoan bàn, chỉ hiện tại thấy người bệnh ngất xỉu suýt chết, nếu không may đụng đến tạng Tim là có thể chết liền. Thế là người ta hiểu thế nào? Người ta làm cái gì đó?

Một người vốn có bệnh áp huyết cao, tánh tình nóng nảy hung tợn lại thêm uống rượu bê tha, một hôm ngồi phía sau một chiếc xe chở gạo của Hợp tác xã đang chầm chậm sắp qua ngã tư. Người ấy vịn bao gạo sau chót, bao gạo mất thăng bằng lăn rơi xuống đường, người ấy cũng rơi theo. Gạo nặng rơi trước nằm dưới, người ấy chúi đầu nghiêng theo chiều bả vai, trên đầu bị thương nhẹ, xương gánh gãy kín. Chở về nhà, nạn nhân bỗng dưng nổi lên cơn giựt, mỗi lần giựt là lưỡi thè răng cắn, con mắt kéo xếch về mang tai, đến 4-5 phút mới buông lơi, cứ độ nửa giờ, non giờ là giựt, giựt đến răng cắn lưỡi đứt đến 1/3. Đầu tiên đưa vào bệnh viện Grall, Grall không chữa được. Đưa vào Chung Cheng (Trung Chánh), các bác sĩ tụ tập rất đông cũng không biết là gì? Phải làm sao? Bệnh viện rước một bác sĩ người Nhật đến, khám xong Bác sĩ đoán: có lẽ đây là một trường hợp chảy máu bên trong xâm phạm đến thần kinh động tác v.v. Nếu nhà bệnh chịu, chỉ có cách giải phẫu để tìm máu chết lấy ra thì may sống, nếu không cũng sẽ không quá 10 ngày. Túng thế bệnh nhân được gia đình chở về, đưa đến một vị Trung y cho thuốc. Đại tiện ra rất nhiều máu chết, ba hôm hết giựt, 10 ngày sau người bệnh đi đứng bình thường và hiện giờ vẫn còn mạnh khoẻ (đây là chuyện xảy ra sau năm Mậu Thân). Thế là người ta hiểu thế nào? Người ta làm cái gì đó?

Khoa học hiện nay có những hồi người ta nói: sự biến động của nhiệt lực mặt trời rất có quan hệ đến tinh thần của nhân loại. Hoặc khi luận đàm về thiên văn người ta nói: quả địa cầu nầy sở dĩ vạn vật sanh sôi là bởi hội đủ điều kiện khí hóa âm dương, do đó mà biết được trong không gian nầy sẽ còn nhiều thế giới khác v.v..

Về nguyên tử học của khoa học người ta bảo: vấn đề phân tích để tìm sự thật đối với ngày nay hết còn linh thiêng, vì sao thế? Vì trong cái cực nhỏ cũng vẫn là một thứ bao la. Rồi cũng trong phạm vi khoa học ở khía cạnh hóa học, dược học v.v. người ta đang say sưa đắm đuối trong công việc thí nghiệm và phân tích vật chất để tìm sự thật. Rồi cũng trong lúc đó, cũng thuộc lãnh vực khoa học ở khía cạnh y khoa người ta đang say sưa nhìn con người và làm những chuyện như đã kể trên. Vậy cái hiểu của người ta thế nào? Người ta đang làm gì đó? Người ta muốn cái

gì? Người ta đang đứng đâu đó? Thế thì thế nào là nghĩa đích thực của hai chữ "khoa học"? Và khoa học chỉ là một thứ khoa học? Hay là có thứ khoa học văn minh khoa học? Có thứ khoa học lạc hậu khoa học? Có thứ khoa học phi khoa học phản khoa học? Hay là chỉ có y khoa và dược khoa là một thứ khoa học lạc hậu nhất? Nghi vấn nầy có ai lưu tâm không?

ĐOẠN 11

PHIÊN ÂM

Phù mạch chi đại tiểu hoạt sắc phù trầm khả dĩ chỉ biệt. Ngũ tạng chi tượng khả dĩ loại suy. Ngũ tạng tướng âm khả dĩ ý thức. Ngũ sắc vi chẩn khả dĩ mục sát. Năng hợp sắc mạch khả dĩ vạn toàn.

Xích mạch chi chí giả, suyển nhi kiên, chẩn viết : hữu tích khí tại trung, thời hại ư thực, danh viết tâm tê, đắc chi ngoại tật, tư lự nhi tâm hư, cố tà tùng chi.

Bạch mạch chi chí giả, suyển nhi phù, thượng hư hạ thiệt, kinh, hữu tích khí tại hung trung, suyễn nhi hư, danh viết Phế tê hàn nhiệt, đắc chi tuý nhi sử nội dã.

Thanh mạch chi chí giả, trường nhi tả hữu đàn, hữu tích khí tại tâm hạ chi khư, danh viết can tê, đắc chi hàn thấp, dữ sán đồng pháp, yêu thống túc thanh đầu thống.

Huỳnh mạch chi chí giả, đại nhi hư, hữu tích khí tại phúc trung, hữu khuyết khí, danh viết khuyết sán, nữ tử đồng pháp, đắc chi tật sử tứ chi hạn xuất đương phong.

Hắc mạch chi chí giả, thượng kiên nhi đại, hữu tích khí tại tiểu phúc dữ âm, danh viết thận tê, đắc chi mộc dục thanh thủy nhi ngọa.

DỊCH

Vả chăng, về phần hiện tượng mạch hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc trơn hoặc rít, hoặc nổi hoặc chìm đều có thể dùng ngón tay mà theo dõi phân biệt. Khí tượng của 5 tạng đều có thể dùng cây thước của 5 hành để phân loại gẫm suy. Về tướng của 5 tạng cũng như về âm thanh cũng có thể dùng cây thước 5 hành để ý thức. Về 5 khí sắc tế nhị hiện ra ngoài của 5 tạng cũng có thể dùng mắt để quan sát. Nếu có thể hợp cả môn sắc mạch lại để khám phá, thì có thể vẹn toàn.

Khi mạch xích[5] hiện thì vừa mau vừa cứng, thế là bên trong có chứa hơi, thường trở ngại cho sự ăn uống, gọi là chứng tâm tê[6]. Nguyên nhân của bệnh này là vì bên trong quá tư lự làm cho tạng Tim hao, nương nơi đó mà tà khí bên ngoài lấn vào (nghĩa là vừa nội thương vừa ngoại cảm).

Khi mạch bạch[5] hiện là vừa mau vừa nổi, trên hư dưới thiệt, tinh thần hoảng hốt, trong lồng ngực có chứa hơi, hơi thở suyễn và thiếu gọi là chứng Phế tê[6] hàn nhiệt, nguyên nhân của bệnh này là bởi say sưa rồi dâm dục.

Khi mạch thanh[5] hiện thì huyền trường, ở vùng hai hông sườn và chẻn vừng có chứa hơi, gọi là chứng Can tê[6], nguyên nhân của bệnh này là nhiễm khí hàn thấp cùng với bệnh sán[7] đồng loại, thắt lưng đau, chân lạnh, đầu nhức.

Khi mạch huỳnh[5] đến to mà hư, thế là trong bụng có chứa hơi có triệu chứng khí khuyết[8], gọi là chứng khuyết sán[7], bệnh nầy không phân nam nữ, nguyên nhân của nó là khi tay chân đổ mồ hôi nhiều quá gặp phải gió nhiễm vào.

Khi mạch hắc[5] hiện thì ở trên cứng mà to, ở vùng dạ dưới có chứa hơi, gọi là chứng Thận tê[6], nguyên nhân của bệnh nầy là bởi trầm mình trong nước lạnh lâu quá hoặc nằm chỗ ướt át khí lạnh của nước nhiễm vào.

GIẢI

Đoạn nầy bao gồm cả tinh thần "sắc mạch" của toàn thiên trong cây thước âm dương 5 hành, để ý thức khái quái về môn khám phá con người, hầu dọn đường cho tất cả những thiên sau, mà gốc rễ của nó vẫn không rời tinh thần của bao nhiêu thiên trước.

Hai chữ "vả chăng" là một tư thế để tỏ ra câu chuyện tạm ngừng giây lâu lại nói tiếp.

Tất cả những cái có bên trong con người đều có tướng hiện ra bên ngoài; đây là một định lý. Vậy hiện bằng cách nào? Hoặc ứng hiện ở mạch, hoặc ứng hiện ở khí tượng, hoặc ứng hiện ở tướng, ở âm thanh, ở sắc diện v.v..

Con người là một sinh vật sống có nhiều khả năng nhất kể cả khả năng tốt, khả năng xấu, khả năng biến hóa và khả năng rắc rối. Cho nên tất cả những công cuộc khám phá, kể cả khám phá con người, không thể có một kẻ nào khác hay một thứ máy móc nào khác hơn con người mà có thể thay thế được. Do đó nếu chúng ta có một tay thước để áp dụng tất cả điều kiện ứng hiện nói trên, tức là ta đã kiến thiết một nền tảng khám phá khá vững chãi rồi đó.

Đã là một sinh vật sống, giàu khả năng biến hóa, lại là cùng chung một guồng máy bao la. Thế tất những tướng ứng hiện ra bên ngoài chẳng qua cũng chỉ là những hiện tượng phải hoàn toàn lệ thuộc vào guồng máy chung của thiên nhiên mà biến hóa. Dùng một cái máy biến hóa vô cùng linh động để theo dõi một cái máy biến hóa, là một việc làm vô cùng hợp lý, tuyệt đối hợp lý.

Chữ "sắc" với chữ "mạch" ở nơi đây giá trị tương đương với 4 chữ "vọng, văn, vấn, thiết" của những nơi khác.

Muốn giải quyết một sự vật gì lẽ tất nhiên là trước phải biết rõ sự vật ấy. Muốn biết rõ không gì hơn khám phá. Nếu nền tảng khám phá không vững chãi thiếu linh động, thiếu chu tất, thì cuộc khám phá không thành. Nếu khám phá không thành thì không thể có vấn đề giải quyết, chỉ có vấn đề đập nhẹp để đó mà thôi. Chính vì thế nên mới có câu mở đầu

của đoạn chánh văn nầy.

Nói "khi mạch xích hiện v.v." tức là muốn nói hệ thống "sắc mạch" của hành Hỏa thuộc về tạng Tim, khi biến động ứng vào mạch cổ tay, vào bộ Thốn bên trái bằng cách vừa mau vừa cứng, đó là hiện tượng mạch vừa nội thương vừa ngoại cảm. Nguyên do là bởi tư lự nhiều quá, làm cho tạng Tim và tạng Tỳ bị hao tổn, rồi tà khí bên ngoài mới có cơ xâm nhập, làm cho khí ở lồng ngực vùng Tim đình đốn không lưu thông và có triệu chứng không muốn ăn. Vì thế nên gọi là chứng Tâm tê. Thế là đây là một trường hợp bình thường vốn mắc phải bệnh Tâm Tỳ, rồi cộng thêm bệnh ngoại cảm.

Nói "khi mạch bạch hiện v.v." tức là muốn nói hệ thống "sắc mạch" của hành Kim thuộc về tạng Phổi, khi biến động ứng vào mạch cổ tay, vào bộ Thốn bên phải bằng cách vừa mau vừa nổi, trên hư dưới thiệt, tinh thần hoảng hốt, đó là hiện tượng mạch nội thương biến sanh triệu chứng nóng lạnh như là ngoại cảm. Nguyên do là bởi say sưa rồi dâm dục, làm cho hệ thống từ Thận lên Phổi bị tổn hao mà khí của tạng Phổi bị đình đốn, lồng ngực như bị bế tắc, hơi thở suyễn mệt, nên gọi là chứng Phế tê hàn nhiệt.

Nói "mạch nổi" nghĩa là động mạch cổ tay sờ vào thấy nổi lên mặt da hơn bình thường. Nói "trên hư dưới thiệt" tức là càng đè xuống càng thấy rõ, càng nhớm tay lên càng thấy mờ.

Tạng Phổi đã là cái nón úp lên tạng Tim, là cơ quan cung cấp khí dưỡng cho Tim, mà cũng là nguồn trên của Thận vì Kim sanh Thuỷ. Con người khi uống rượu vào, vì sức bốc nhẹ của rượu đưa xốc lên Tim nung gấp ra mặt da, làm cho phần lạc, phần vi ti huyết quản ở mặt da bị căng thiệt mà bên trong nội tạng phải thiếu. Trong khi đó người ta lại dâm dục, phần tinh lực bị bài tiết, phần khí phải hao tán đi, làm cho tạng Phổi tự nhiên một mặt phải gánh lấy hơi rượu thừa, một mặt sinh lực bị chùn lại đánh thốn trở về tạng Tim; do đó nên mới tạo thành tinh thần hoảng hốt, hơi thở mất thế nối tiếp mà sanh ra hư suyễn, mặt da mất thế quân bình mà sanh ra nóng lạnh. Thế là một trường hợp Phổi bị tổn thương do say sưa rồi dâm dục gây nên.

Nói "khi mạch thanh hiện v.v." tức là muốn nói hệ thống "sắc

mạch" của hành Mộc thuộc về tạng Gan, khi biến động ứng vào mạch cổ tay, vào bộ Quan bên trái bằng cách huyền trường. Thế là vùng chẽn vừng hai bên hông sườn khí không lưu thông, thắt lưng đau, chân lạnh, đầu nhức. Nguyên do là bởi nhiễm phải khí hàn thấp cùng một tánh cách như bệnh sán, vì làm đình đốn trở ngại cho tạng khí của Gan, cho nên gọi là chứng Can tê.

Mạch "huyền" nghĩa là mạch hiện dưới ngón tay như sợi dây đang đánh có hiện tượng bên trái bên phải xoắn nhau. Còn "trường" nghĩa là dài, tức là thấy cả ba bộ suốt nhau như một cái đũa. Và huyền mà trường còn có nghĩa khi đè xuống thấy ba bộ căng thẳng liền nhau, nhưng khi nhớm lên còn thấy có hiện tượng như đầu nhọn hình tam giác (r) nhô lên ở giữa đầu ngón tay. Nói "vùng chẽn vừng và hai bên hông sườn có chứa hơi" tức là để ám chỉ cho vùng địa phận của Gan. Nói "bởi nhiễm khí hàn thấp", tức là khí hàn thấp xâm phạm vào làm cho tổ chức hệ thống của Gan biến động, mà Tây y ngày nay thường gọi là Gan yếu. Chứng nhức đầu ở đây thuộc về hệ thống Túc Khuyết âm. Còn nói chân lạnh tức là ý muốn nói hàn thấp luôn luôn nhiễm vào bên dưới trước. Chứng thắt lưng đau ở đây, tức là hệ thống của tạng Thận cũng bị bệnh lây. Thế là đây là một trường hợp vì nhiễm khí hàn thấp xâm phạm vào Gan và Thận mà sanh bệnh vậy.

Nói "khi mạch huỳnh hiện v.v." tức là muốn nói hệ thống "sắc mạch" của hành Thổ thuộc về tạng Tỳ, khi biến động ứng vào mạch cổ tay, vào bộ Quan bên phải bằng cách to mà hư v.v..

Nói mạch to mà hư, tức là hiện tượng biến của mạch hoãn của hiện tượng mạch lơi, thuộc về mạch của hành Thổ, đặt tay vào tuy thấy to nhưng đè lần vào thì lại thấy mềm lơi bở, nghĩa là ngược lại với huyền trường. Thế là ngôi chính của nó ở hữu Quan. Vì vùng bụng có chứa nhiều hơi, cho nên nói có khí khuyết. Nguyên nhân của trường hợp nầy là bởi khi tay chân đổ mồ hôi nhiều quá, rồi nhiễm phải gió, dù nam hay nữ kết quả cũng thế thôi; do đó nên mới nói: dù phụ nữ cũng vậy. Vì bụng bị căng hơi mà làm thành triệu chứng khuyết nghịch, triệu chứng sán; cho nên gọi là chứng khuyết sán. Đây là một trường hợp của hệ thống Tỳ Vị bị gió xâm nhập mà làm thành bệnh vậy.

Nói "khi mạch hắc hiện v.v." tức là muốn nói hệ thống "sắc mạch" của hàn thuỷ thuộc về tạng Thận, khi biến động ứng vào mạch cổ tay,

vào hai bộ Xích bằng cách ở trên cứng mà to...

Nói mạch trên cứng mà to, tức là mạch thiệt, đè tay vào thấy có hiện tượng kết cứng. Hai bộ Xích là để khám biết sự biến động từ rún trở xuống chân, khi thấy hiện tượng mạch nầy tức là ở dạ dưới vùng âm bộ khí không lưu thông. Sở dĩ có triệu chứng và mạch như thế, là bởi trầm mình trong nước lạnh lâu quá hoặc nằm chỗ lạnh ướt, khí hàn thủy xâm phạm vào hệ thống của tạng Thận; nên gọi là chứng Thận tê. Vì vùng dạ dưới và âm bộ thuộc về khu vực của Thận, cho nên ở đó hiện triệu chứng rõ rệt. Đây là trường hợp tạng Thận bị nhiễm khí hàn thuỷ mà sanh bệnh.

Nhìn suốt đoạn nầy ta thấy mở đầu một câu bao quát cả sắc mạch thật là khít khao, nhưng trong đây vẫn đặt nặng vấn đề mạch mà phần khí sắc sống chết sẽ nói hết ở đoạn sau.

Nói sắc mạch, rồi nói tê; tuy rằng có một hệ thống của tạng Tỳ không dùng chữ "tê", nhưng sự thiệt bên trong vẫn ứng hợp với tinh thần của tận tự đầu thiên thứ tư và quan hệ đến mấy thiên sau trong vấn đề 8 thứ gió, 5 thứ tê. Chỗ nầy độc giả hãy lưu tâm đến chữ "tê" trong phần chú thích, đừng nên sơ hở, đừng hiểu chữ "tê" theo nghĩa thông thường, thì mới khỏi bị sai lạc. Nghĩa là tinh thần luận giả không bao giờ lìa tay thước Dịch lý âm dương 5 hành 8 hướng v.v. để mà lập luận, và để giải quyết cho vấn đề ngũ quyết ở đoạn thứ 9 vậy.

ĐOẠN 12

PHIÊN ÂM

Phàm tướng ngũ sắc chi kỳ mạch, diện huỳnh mục thanh, diện huỳnh mục xích, diện huỳnh mục bạch, diện huỳnh mục hắc, giai bất tử dã.

Diện thanh mục xích, diện xích mục bạch, diện thanh mục hắc, diện hắc mục bạch, diện xích mục thanh, giai tử dã.

DỊCH

Đại phàm quan sát *5 sắc tướng khi có bệnh, hễ thấy sắc mặt vàng mà tròng mắt xanh hoặc đỏ hoặc trắng hoặc đen đều là khí sắc sống.*

Nếu thấy sắc mặt xanh đi đôi với tròng con mắt đỏ hoặc đen; hoặc sắc mặt đỏ, đen đi đôi với tròng con mắt trắng hoặc xanh là khí sắc chết.

GIẢI

Đoạn nầy nối tiếp với đoạn trên để dứt khoát phần lược luận về sắc mạch của cuối thiên, nhưng thiên trọng hẳn về phần khí sắc.

Con người vốn là hồi tụ của bao la, mà cũng là tướng địa cầu thu hẹp lại. Địa cầu nầy sở dĩ được sanh sôi phồn thịnh, là do cách cấu tạo của không gian thời gian được đầy đủ âm dương 6 khí 5 hành, mà hành Thổ là do Kim, Mộc, Thuỷ, Hỏa âm dương giao hoà hiện ra. Màu vàng tuy là màu của Thổ, nhưng sự thật là màu pha trộn của xanh, đỏ, trắng, đen. Khí của hành Thổ tuy là khí ẩm thấp, nhưng sự thật là phong, hoả, táo, hàn giao nhau pha trộn mà ra. Bởi vậy nên trên địa lý, mặt đất nơi nào có nhiều mầu mỡ, thường là có màu mỡ gà, và giàu khí thấp thổ, mà khí hậu cũng thường ấm áp. Trái lại địa lý nơi nào khí Thổ nghèo nàn thì đất đai cằn cỗi, con người hốc hác. Thế là khí Thổ là khí sanh, chỗ nào không có mặt khí Thổ là không có sanh khí. Cũng chính vì thế mà những vùng ráo lạnh quá độ chỉ phù hợp với một số ít sinh vật to lớn, mà những con vật nhỏ không thể sống được. Ngược lại nếu khí Thổ lên đến ẩm thấp lầy lụa thái quá, thì lại là môi trường phồn thịnh cho những con vật li ti, mà con người cũng theo đó dễ sanh bệnh tật. Tuy nhiên dù sao chăng nữa khí Thổ vẫn là nền tảng của sinh cơ. Khí thế của hoàn cảnh bên ngoài như thế, lẽ tất nhiên vào trong con người cũng không thể khác hơn.

Tạng Tỳ thuộc về thấp Thổ, Vị là táo Thổ, màu vàng thuộc về tạng Tỳ, Vị khí là mạch sống. Con mắt tuy là tinh hoa của bộ óc, nhưng phải mượn khuôn mặt làm nền tảng. Khuôn mặt vừa là cửa của tinh thần, lại cũng là trọn cả một con người. Do đó mà dùng khí sắc của khuôn mặt

đem so sánh với khí sắc của tròng mắt. Phần con mắt sao thì sao, nhưng nếu nền tảng của khuôn mặt có lồng khí sắc của màu thổ, tức là thuận với cái thế nền tảng mà cũng là thuận với cái thế vị khí. Cho nên dù tròng con mắt xanh, đỏ, trắng hay đen cũng đều là khí sắc có thể sống. Ngược lại nền móng không vững, vị khí không có nên mới có hiện ra mặt hoặc xanh, đỏ hay đen, mà tròng mắt hoặc đỏ, trắng, đen, xanh nên biết là khí sắc có thể chết.

Nhưng thử hỏi: về khí sắc sống, nền khuôn mặt màu vàng tại sao không có điều kiện tròng con mắt vàng? Về khí sắc chết tại sao khuôn mặt không có màu trắng và tròng con mắt cũng không có màu vàng? Nếu trọn hết đoạn nầy là trình bày một sự thực dĩ nhiên như thế, thì hai câu hỏi vừa được nêu ra để làm đầu đề để tìm học, tất nhiên là đầu đề chung để chúng ta cùng nhau nhận xét. Mời độc giả suy tư.

BÌNH

Trong nghệ thuật cạm bẫy, tôi chỉ thấy người ta thường dùng con voi để dụ con voi, con cò để gạt con cò, con quốc để gạt con quốc, chớ chưa hề thấy dùng con gà để nhử con cò, dùng con vịt để gạt con quốc bao giờ.

Tôi cũng chỉ thấy người ta dùng con người để theo dõi con người, chứ chưa hề thấy dùng con chó, con trâu hay con gà để theo dõi một con người.

Trong giai đoạn Hoa Nhật chiến tranh, tổ chức trinh thám Nhật sang Trung Hoa bắt cóc trẻ con mới nở mang về nước Nhật chăm sóc nuôi dưỡng; đến khi trưởng thành đánh lạc hướng tinh thần huyết thống, rồi huấn luyện trinh thám thật tinh vi, để thả về Trung Hoa làm việc trong tổ chức gián điệp. Tâm địa sâu độc ấy của người Nhật chẳng qua cũng chỉ là xây dựng trên nguyên tắc đồng loại mà thôi.

Có một ngôi nhà hoang có nhiều ma quái, người ta truyền khẩu nhau rằng: trong nhà ấy có một hồ ly tinh ban đêm thường hiện ra phá rối, không ai dám ở. Có mấy người bạo dạn hiếu kỳ mang trà bánh, đêm đến nấu nước pha trà, ăn uống vui chơi ngâm thơ đàn địch. Hồ ly thấy vui thích quá, bèn hiện về xin nhập cùng bọn vui chơi. Trong đám có người nêu lên vấn đề sợ, để hỏi ý kiến chung xem mỗi người sợ thứ gì

nhất. Kẻ nói sợ ma, người nói sợ quỷ, người nói sợ cọp, người nói sợ hồ ly. Khi hỏi đến hồ ly, thì hồ ly đáp: "Tôi chỉ sợ hồ ly". Khách hỏi: "Vì sao thế?" Hồ ly bảo: "Chỉ có đồng loại mới biết rõ nhau, mới có sự tàn hại nhau sâu độc. Các ông có thấy không? Có bao giờ ai dùng con cò để nhử con quốc đâu! Do đó nên tôi chỉ sợ hồ ly". Tất cả nghe thế đều hoan nghinh. Thế mới biết: chỉ có đồng loại mới hiểu nhau rõ. Đây là một định lý.

Trên mặt đất nầy chỉ có con người là giàu khả năng nhất, rắc rối nhất và cũng chỉ có bộ máy người là tinh vi nhất, nhiệm mầu nhất, linh động nhất. Đây quyết định là một việc hiển nhiên.

Thông qua các định lý, đọc đoạn chánh văn trên, nhìn về cuộc sống hiện tại. Chúng tôi không khỏi xảy ra một điều ngờ: đang trong một thế kỷ mà loài người tự cho là một giai đoạn lịch sử khoa học tiến bộ đến cực thịnh; về phương diện trinh thám gián điệp, người ta đang tìm cách áp dụng những thứ máy móc để theo dõi con người; về phương diện khoa học chỉ huy, người ta đang nghĩ áp dụng phương pháp dùng máy móc để chỉ huy con người; về phương diện y khoa, người ta cũng đang tận lực để áp dụng máy móc thay thế cho ông thầy thuốc. Ta hãy thử nghĩ trước đây 5-6 ngàn năm mà con người đã biết áp dụng phương pháp đồng loại, cũng như dùng một thứ máy móc linh thiêng để mà khám phá một thứ máy móc linh thiêng mà tất cả chúng ta ngày nay đa số trong vô tình tuy không nói ra lời, nhưng vẫn xem là một việc làm vô cùng lạc hậu. Thế mà hiện nay chúng ta đang áp dụng một phương pháp dùng những cái máy vô tri chết cứng, để mà khám phá một thứ máy linh thiêng. Thế thì chúng ta ngày nay là văn minh hay lạc hậu? Và người xưa là lạc hậu hay văn minh? Và thế nào là văn minh? Thế nào là lạc hậu? Thế nào là khoa học? Thế nào là không khoa học? Mời độc giả hãy trầm tư.

Lời giải toàn thiên

Tên thiên gọi là "Ngũ Tạng Sanh Thành", nhưng kỳ thực là từ "Lục Tiết Tạng Tượng" mà mở màn đi vào kỹ thuật áp dụng của vọng văn vấn thiết, hay nói một cách khác hơn là mở lối khám phá cho môn sắc mạch, hầu dọn đường đi sâu vào kỹ thuật trị liệu của y khoa để chứng thực con người.

Tổng kết toàn thiên tất cả có 12 đoạn:

- Đoạn 1: là bắt hệ thống tạng phủ với phần xác thân bên ngoài theo 5 hành để ăn khớp với 5 vận tương sanh tương khắc.

- Đoạn 2 - 3: 5 vị theo ăn uống rất cần cho sở thích của 5 tạng, nhưng thái quá thì lại xâm phạm vào luật tương khắc của 5 hành.

- Đoạn 4 - 5: Hệ thống khí sắc theo 5 hành ứng vào con người, nếu tươi nhuận thì sống, khô héo thì chết.

- Đoạn 6: Hệ thống hóa tạng phủ, xác thân, màu sắc, khí vị vào 5 hành.

- Đoạn 7: Tương quan sở thuộc của mạch, tủy, gân, huyết, khí trong một con người sống.

- Đoạn 8: Huyết khí dinh vệ tùy thuộc vào trật tự thiên nhiên và sanh hoạt của con người, do đó sanh hoạt cũng có thể làm xâm phạm vào luật trật tự mà gây tai hại.

- Đoạn 9: Nền tảng của nghệ thuật châm cứu, là dựa vào sự thật toàn thân có những huyệt để cho phần khí vệ thở ra. Và nền tảng của phương pháp sắc mạch phải dựa vào định luật âm dương của 5 hành.

- Đoạn 10: Hệ thống hóa triệu chứng bệnh ở kinh, nếu nặng sẽ vào tạng để kiến thiết cho nền tảng về môn bệnh ngoại cảm.

- Đoạn 11: Sắp hệ thống sắc mạch vào khuôn thước 5 hành, để lập thành một môn khám phá con người.

- Đoạn 12: Lập pháp so sánh khí sắc của nền mặt và của mắt để định sống chết.

Nhìn vào thiên và đoạn, trên bề mặt ngôn ngữ văn tự vốn là thế; nhưng nếu ta nhập thần vào chiều sâu hun hút ở ngoài lời, ta mới thấy cả

một tòa lâu đài 9 tầng 81 ngăn không những không thể tách rời mà nhìn được, mà lại còn dù trong một ngăn của một căn phòng cũng vẫn đủ cả bóng dáng của một tòa lâu đài 9 tầng nữa. Thế là dù cho thiên thứ mười nầy vốn là cái đuôi của thiên thứ 9, nhưng trong đó vẫn gói tròn cả một kho tàng dịch lý. Nếu chúng ta chịu khó thâm tâm tìm học, thì quyết định sẽ có ngày bất chợt thấy suốt cả toà lâu đài của NỘI KINH vậy. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là chứng thực Dịch lý ở nơi mình, giáp mặt với bao la trong thấu suốt.

Lời bình toàn thiên

Ví dụ: Tôi ngồi trên một con tàu đang vượt biển, vì có chút xích mích với một số hành khách trên tàu, bỗng dưng tôi nảy ra ý nghĩ lấy búa đập vỡ lườn tàu, để trả thù. Vậy mọi người nên xem tôi là khôn hay ngu?

Nếu tôi không biết gì hết về chính con người của tôi, rồi một hôm tôi ngồi nhìn trời thấy lưng trời khum khum không biết trên đó Thượng đế chế tạo bằng chất gì. Nếu một mai có xảy ra biến cố trời sập, thì tai họa này lấy gì chống đỡ. Rồi bỗng dưng tôi hoảng hốt chạy kêu gào lối xóm ầm lên, hô hào mọi người hãy kẻ công người của góp vào để cùng tôi xây dựng một chiến dịch chống đỡ. Tất cả mọi người đều phớt tỉnh làm ngơ, tức quá tôi nghĩ bụng rằng: sao người ta lại dại khờ đến thế?! Thế là tôi khôn hay ngu?

Chỉ là một thứ hiện tượng li ti xuất hiện sau khi một cuộc dậy men trên một quả bóng đang bay lơ lửng giữa một bầu không gian vô định. Thế mà đoàn người li ti ấy một mặt chẳng biết gì hết về chính con người của mình, chỉ nghĩ cách tàn hại lẫn nhau bằng những vũ khí có thể đập vỡ tan quả bóng. Vậy mà một mặt khác họ đang hô hào kêu gọi nhau để nhóm họp một đại hội nghị quốc tế, hầu lo liệu công cuộc chống đỡ lại cái thế già nua xuống dốc của quả bóng. Thái độ đó, hiểu biết đó của loài người chúng ta ngày nay là khôn hay ngu?

Chẳng có ai ngờ, không mấy ai lưu tâm đến chính con người của mình trước. Thế mà có hơn 100 quốc gia hùng cường cấp tiến trên thế giới mới vừa rồi đã tổ chức một khoáng đại hội nghị suốt 12 ngày, hầu hoạch thảo một chiến lược chống đỡ sự già nua của địa cầu, để lo sinh tồn cho nhân loại. Dự chi 5 năm đầu mỗi năm hằng 40 triệu Mỹ kim; thế

mà vấn đề phá hoại địa cầu, vấn đề đói rách vẫn được đá hất qua một bên, và còn được coi đó là một thái độ giải quyết vấn đề chậm tiến. Ôi ! Họ hiểu cái gì? Họ đang lo cho ai? Họ khôn đến cỡ nào? (Rút trong "chuyện mỗi ngày" của Bút thần thứ bảy ngày 10 tháng 6 năm 1972)

THIÊN THỨ 10

- HẾT -

Hình vẽ trên cho ta thấy hai ngôi chùa. Một ở chân núi, một ở đỉnh núi. Khi dưới chân núi đánh chuông trên đỉnh nghe rõ. Nhưng nếu trên đỉnh núi đánh chuông ở dưới không nghe. Do đó ta biết sự rung động luôn luôn lên trước, xuống sau. Ra ngoài trước, vô trong sau.

Dư ngọt thiếu đắng
Thẳng mực tàu đau lòng gỗ

Nếu suốt thời gian qua, tôi là người chỉ ưa ngọt và béo; thì ngay bây giờ trong người tôi đang thiếu đắng và cay.

Nếu cả đời tôi chỉ ưa thích quyền thế, xu phụ, bợ đỡ, che đậy, quanh co, nịnh hót, xảo trá; thế thì ngay bây giờ tôi đang rất thiếu, rất cần lời ngay lẽ thật. Nếu tôi không dám chấp nhận như thế, tức là trong bụng tôi đang chất chứa đầy nhóc những thứ ma quỉ gian tà im ẩn, thì làm sao tôi đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên 11
NGŨ TẠNG BIỆT LUẬN

Định nghĩa tên thiên

"Biệt" là phân biệt, là tách rời ra, là để riêng. "Ngũ Tạng Biệt Luận" nghĩa là một thiên luận phân biệt riêng từng bộ phận trong con người mà căn cứ ở nơi 5 tạng.

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

Nếu đã thông qua toàn thiên, thì sẽ thấy mặc dù tên thiên là "Ngũ Tạng Biệt Luận".Nhưng sự thật bên trong thì một mặt nhằm giúp nhà Vua đính chánh sự sai lầm của nhóm luyện cho sống lâu, một mặt làm cho minh bạch hệ thống tác dụng tạng phủ, và tiếp theo đó để trả lời cho nhà Vua về lý do quan trọng của mạch cổ tay và cuối cùng, tuy kết thúc vào nghệ thuật chữa bệnh, nhưng sự thật là để cho mọi người chú trọng đến vấn đề tâm linh, hầu giải quyết vấn đề cuộc sống cho được thỏa đáng.

Ngài có nghĩ muốn tìm xem phương diện chánh yếu của cuộc sống nằm ở đâu không? Ngài có muốn biết thiên chức của một người lương y phải thế nào không? Nếu có, xin mời ngài hãy đọc tiếp thiên này.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: Dư văn phương sĩ hoặc dĩ nảo tủy vi tạng, hoặc dĩ trường vị vi tạng, hoặc dĩ vi phủ, cảm vấn cánh tương phản, giai tự vi thị, bất tri kỳ đạo, nguyện văn kỳ thuyết?

Kỳ Bá đối viết: Não, tủy, cốt, mạch, đởm, nữ tử bào thử

lục giả, địa khí chi sở sanh dã, giai tàng ư âm, nhi tượng ư địa, cố tàng nhi bất tả, danh viết kỳ hằng chi phủ.

Phù! Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang, thử ngũ giả, thiên khí chi sở sanh dã, kỳ khí tượng thiên, cố tả nhi bất tàng, thử thọ ngũ tạng trược khí, danh viết truyền hóa chi phủ, thử bất năng cửu lưu thâu tả giả dã.

Phách môn diệc vi ngũ tạng sử, thủy cốc bất đắc cửu tàng.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm nghe những kẻ chuyên tu luyện cho được sống lâu, có người nói Óc Tủy là tạng, có người cho Trường Vị là tạng, có người bảo là phủ, chẳng hay vì sao mà mâu thuẫn như thế mà ai cũng tự cho rằng mình là phải, mong được nghe cho rõ?

Kỳ Bá thưa: Óc, tủy, xương, mạch, mật và tử cung, sáu bộ phận này thuộc về khí đất sanh ra, cho nên đều chứa ở âm mà tượng ở đất, nên có tác dụng chứa chớ không bài tiết, đây gọi là phủ kỳ hằng(1).

Vả chăng! Còn Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang, năm bộ phận này đều do khí trời sanh ra, khí của nó tượng cho trời, nên chuyên bài tiết chớ không chứa giữ. Đây là những nơi thâu nhận khí trược(2) của 5 tạng, nên gọi là phủ truyền hóa(3). Ở những nơi này không thể chứa lâu, chỉ có đưa đẩy và bài tiết mà thôi.

Phách môn(4) cũng là dụng cụ chung cho 5 tạng, tất cả thức ăn uống đến đây cũng không được chứa lâu.

GIẢI

Ý chính của đoạn này luận giả nương nơi nhà Vua hỏi, để minh định rõ

ràng nghĩa của chữ "tạng", chữ "phủ" và giá trị cũng như công năng của tạng phủ khác nhau.

Văn tự Trung Hoa vốn là một thứ văn tự trực giác, ví dù vốn có từ nguyên, có từ điển nhưng có khi chỉ một chữ mà tùy theo mỗi trường hợp có một ý nghĩa, một tác dụng khác nhau; do đó mà có khi không thể bằng vào tự điển để hiểu được. Lại thêm trên biển học giả, người ta còn chia ra nhiều trường phái, để mỗi trường phái chế ra một cách nói khác nhau. Do đó mà chữ "tạng", chữ "phủ" cũng bị trở nên khó hiểu như nhà Vua đã nêu ra. Phương chi[(1)] trong lãnh vực tu luyện cho được sống lâu, cũng như trong lãnh vực Y khoa đều có chia ra hai phái, lập thành hai hệ thống lập luận khác nhau: một phái chuyên trọng về hệ thống tạng Thận thì bảo hễ Thận mạnh là toàn thân mạnh, do đó họ mới cho rằng óc tủy là tạng; nói như thế cũng như nói hễ óc và tủy được đầy đủ là tạng Thận mạnh, là được sống lâu; nhóm này người ta thường gọi là nhóm thiên tiên. Còn nhóm thứ hai thì lại cho rằng hễ bộ tiêu hóa mạnh thì tạng nào cũng mạnh, cho nên họ chủ trương làm đủ cách để tăng cường và giữ vững bộ tiêu hóa về thuốc cũng như về luyện, người ta thường gọi nhóm này là nhóm địa tiên; vì chủ trương như thế, nên họ gọi Trường vị là tạng để ngược lại với nhóm trên. Đó là động cơ của câu hỏi.

Trong đoạn này, chữ "âm", chữ "địa" có giá trị cũng như nghĩa nặng, thu vào, chứa giữ và sâu kín; còn chữ "dương" và chữ "thiên" có giá trị của nghĩa nhẹ, tung ra, bài tiết, cạn, ở ngoài.

Trong 5 tạng còn có tạng quan trọng chánh yếu và quan trọng thứ yếu; do đó mà phần phủ, phần xác thân bên ngoài cũng phải có những nơi rất quan trọng và những nơi kém quan trọng. 6 bộ phận luận giả nêu ra, cốt là để chứng minh cho thấy tuy là rất quan trọng, không phải như những phủ truyền hóa, nhưng chưa phải là những nơi chánh yếu như 5 tạng, và để nói lên lý do tại sao.

Nghĩa chứa giữ và nghĩa bài tiết ở đây cũng chỉ cần nhìn trên phương diện tương đối mà thôi, độc giả đừng hiểu theo nghĩa cực đoan, chỉ có giá trị so sánh lẫn nhau mà nói.

Vì sự chứa giữ, thu vào, sâu kín đều hoàn toàn lệ thuộc vào luật hướng tâm của quả đất và còn mang hiện tượng vật chất có tồn tại theo

thời gian nữa. Do đó mà luận giả mới nói: "Sáu bộ phận kể trên là do khí đất sanh ra đều chứa ở âm, tượng ở đất, có tác dụng chứa, không có tác dụng bài tiết, nên gọi là phủ kỳ hằng".

Nói rằng: "Do khí trời sanh ra, khí của nó tượng trời" tức là ý muốn nói hoàn toàn lệ thuộc vào luật ly tâm của quả đất mà dính với bầu khí quyển bên ngoài.

Cả năm phủ truyền hóa (như có nhiều lần chúng tôi đã đề cập) đều phải nương nhờ nơi bộ hô hấp để làm động cơ cho vừa thu hút chất dinh dưỡng đưa vào 5 tạng, mà cũng vừa là nhận lãnh khí thán trược từ 5 tạng đổ dồn về để bài tiết ra ngoài; bởi vậy hơi thở ra của con người rất nhiều khí thán là thế. Do đó nên luận giả mới nói "Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang là những bộ phận do khí trời sanh ra, thuộc về tượng trời, nên tác dụng của nó chỉ thâu nhận khí thán trược từ 5 tạng và bài tiết, vì không thể chứa lâu, nên gọi là phủ truyền hóa".

Khúc ruột cùn vì không có ngấn, xuống đến đấy lại là đi thẳng, cho nên người ta thường gọi là khúc ruột ngay. Đã ngay và đứng, không có ngấn, ở dưới chót, mà lại còn là một bộ phận hứng lấy tất cả chất xác, chất thừa từ tất cả tạng phủ đổ dồn về để chờ dịp mở cửa mà đưa ra ngoài, lẽ tất nhiên cũng phải thuận theo cái đà trật tự của tạng phủ. Bởi vậy nếu nhìn kỹ một chút, ta sẽ thấy phân theo đại tiện đi ra ngoài từ dưới lên trên có nhiều giai đoạn, nhiều hiện tượng khác nhau. Chính vì chỗ đó mà trong công cuộc khám phá bệnh tật, phải nên lưu tâm đến việc khám nghiệm đại tiện và chất phân. Vì thế nên mới nói "Phách môn cũng là dụng cụ của 5 tạng, chất xác thừa đến đây không thể chứa lâu".

Suốt đoạn này dù minh định rõ ràng như đã trình bày, nhưng với nghĩa âm dương trời đất mà luận giả đã dựa vào để phân định lý do của nghĩa phủ truyền hóa và phủ kỳ hằng thì theo chúng tôi, chắc chắn độc giả sẽ không khỏi rất lấy làm bỡ ngỡ. Nhưng nếu người đọc thật rất chín chắn về nghĩa con người vừa là bao la hồi tụ, lại cũng vừa là một bóng dáng thu nhỏ của quả địa cầu, nhớ kỹ lại vấn đề trong dương cũng có cả âm dương, trong âm cũng có cả âm dương, và cái nồi tuần hoàn tận tự thiên thứ năm, thì vấn đề sẽ trở nên tỏ sáng khỏi cần phải giải thích dài dòng.

BÌNH

Những nhân vật chuyên luyện tập để cho mình được sống hoài, mỗi người có một luận điệu trái với sự thật khác nhau. Nhưng ai ai cũng tôn thờ bộ kinh Huỳnh Đình Nội Cảnh, mà nguồn gốc của Huỳnh Đình Nội Cảnh lại là do một bàn tay nào đó rút ra từ kho tàng NỘI KINH. Và trong đó, Huỳnh Đế lại đưa ra một vấn đề thắc mắc, đây là một chuyện ngược đời.

Toàn cả bộ NỘI KINH không hề thấy chỗ nào bảo cho ta phải tham sống sợ chết, để dạy cho ta một phương pháp tu luyện trái ngược với trật tự thiên nhiên. Và cốt tủy của tinh thần Lão Trang cũng đều từ NỘI KINH xuất phát, hai nhân vật ấy cũng chưa từng dạy ai một phương pháp tham sống sợ chết nào. Thế mà có lắm kẻ lại cho kho tàng NỘI KINH là một tài liệu để dạy con người tu luyện cho được sống lâu, và cho bọn tham sống sợ chết bằng kiểu đó là đồ đệ của Lão Trang. Cho nên họ ghép hai nhân vật Lão, Trang vào phái tiên gia, đây là một chuyện ngược đời.

Đa số tín đồ Phật giáo đều xem thường số người gọi là tu tiên (luyện cho sống lâu), vì họ cho rằng: số người ấy hoàn toàn lầm lạc không hiểu gì hết về tâm; trái lại số người ấy lại rất lưu tâm từng chút đến vấn đề cơ thể sanh hoạt cũng như ăn uống hàng ngày, mà toàn cả hệ thống Phật giáo thế giới ngày nay vẫn chưa có một chút nào vững vàng trên tay thước; đây là một chuyện ngược đời.

Ngược lại, các nhà chuyên tu luyện cho được sống lâu thường chê tín đồ nhà Phật chỉ biết tu tánh chớ không biết tu mạng. Thế mà trong đó, họ chưa hề nhận ra được thế nào là chánh nhân; ngược lại, tín đồ nhà Phật một mặt tuy không biết gì hết về vấn đề cơ thể sanh hoạt và ăn uống, mặt khác lại luôn luôn đề cập đến vấn đề chánh nhân. Đây cũng là một chuyện ngược đời.

Hết thảy tổ thầy thuốc đều tôn thờ kính nể tinh thần NỘI KINH; thế mà có một số người mệnh danh là Đông y ngày nay lại cho rằng: tinh thần NỘI KINH không quan hệ gì mấy đến Y khoa ngày nay cả. Đây cũng là một chuyện ngược đời.

Hệ thống văn minh Trung Hoa bắt nguồn bằng một dòng suối được

mệnh danh là Dịch học tận tự Phục Hy, Thần Nông và bủa khắp ra mọi ngành từ Huỳnh Đế về sau. Thế mà có những nhân vật thiệt là Trung Hoa như Phùng Hữu Lan chẳng hạn, được mệnh danh là chuyên gia về cổ triết học Trung Hoa lại không biết gì hết về tinh thần NỘI KINH. Đây cũng là một chuyện ngược đời.

Trong thời kỳ đệ nhị thế chiến, một nhóm tôn giáo mới cũng có ý nghĩ rằng: nếu con người tủy óc được đầy đủ sung túc luôn luôn, thì sẽ được sống lâu không già. Do đó mà người ta tìm cách lấy tủy xương sống chế thành thuốc huyết thanh để chích cho được trường sanh. Thế rồi họ tìm được một người trai trẻ có một tinh thần cũng như một tướng tá hao hao giống như ông giáo chủ của họ, họ nuôi dưỡng anh ta, cho ở chung với vị giáo chủ đến một mức thật sung túc, để rồi họ lấy tủy xương sống làm thuốc trường sinh tiêm cho vị giáo chủ ấy được sống lâu thêm. Sau khi được tiêm thứ thuốc tủy xương sống, vị giáo chủ ấy liền bị bệnh máu lên mà chết. Đây cũng là một chuyện ngược đời.

Tất cả những chuyện ngược đời như đã nói trên đều là những việc hiển nhiên nhưng do đâu mà có, mời độc giả trầm tư!

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Sở vị ngũ tạng giả, tàng tinh khí nhi bất tả dã, cố mãn nhi bất năng thiệt.

Phủ giả, truyền hóa vật nhi bất tàng, cố thiệt nhi bất năng mãn dã.

Sở dĩ nhiên giả, thủy cốc nhập khẩu, tắc vị thiệt nhi trường hư. Thực hạ tắc trường thiệt nhi vị hư.

Cố viết: Thiệt nhi bất mãn, mãn nhi bất thiệt dã.

DỊCH

Cái gọi là 5 tạng đây, nghĩa là năm bộ phận chánh để chứa giữ khí tinh hoa chớ không bài tiết. Cho nên tuy đầy mà không thể có dư.

Còn phủ nghĩa là có tác dụng truyền đưa và biến hóa các vật chất thâu nhận từ bên ngoài, chớ không có tác dụng chứa giữ. Cho nên hình như có dư mà không thể đầy.

Vì sao thế? Vì khi thức ăn uống vào miệng đi vào Vị, thì Vị đầy mà ruột còn trống. Khi thức ăn xuống ruột thì ruột đầy mà Vị trống. Cho nên mới nói: hình như dư mà không đầy và đầy mà không dư, là nghĩa thế.

GIẢI

Đây chỉ là một đoạn chuyên nói về tác dụng sinh lý chính yếu của 5 tạng và năm phủ truyền hóa, để rõ nghĩa so sánh với sáu phủ kỳ hằng.

Trong bao la này đại phàm hễ là tướng, là hiện tượng, thì không có vật nào là vật đóng cứng đặc kẹo chết tê một chỗ, dù là ngọc quí, hột xoàn hay cả quả địa cầu này cũng thế. Vì thế nên nghĩa chứa giữ và bài tiết của tạng và phủ nói đây cũng chẳng qua là nhìn trên bình diện tương đối mà thôi. Thí dụ như địa cầu đang quay vùn vụt mà ta đang ngồi trên thuyền buồm lướt gió, lẽ tất nhiên phải nói thuyền đi mà đất ở một chỗ. Ta đừng nên hiểu một cách chết cứng trên ngôn từ, rồi sẽ lạc hướng mất ý nghĩa chính.

Nói "khí tinh hoa" ở đây không phải là chỉ riêng cho một chất gì, mà là một danh từ để chỉ cho tất cả khí và chất của hệ thống âm dương 5 hành vào trong cơ thể con người được tinh luyện thu nhỏ lại, tùy theo khả năng của mỗi tạng mà phân phối chứa giữ.

Nói "đầy mà không có dư", nói "không bài tiết" ở đây có nghĩa ngoài lời là những chất tinh hoa chứa giữ đều đã được tinh luyện, chỉ để dành chi tiêu vào những cơ cấu nào có điều kiện quan trọng cần thiết, không phải như những xác thừa chỉ cần vung vãi ra ngoài. Cho nên dù có thu vào nhiều đến đâu cũng không thể có dư, chớ không có nghĩa là không

dùng.

Trong công nghệ cũng như trên thương trường, những kho hàng hóa được tinh luyện bao giờ cũng quan trọng, cẩn thận, kín đáo hơn là những kho chứa nguyên liệu. Tạng và phủ trong con người cũng tương tự; vì thế nên đụng vào tạng là cả một sự nguy hiểm, nhưng đụng vào phủ thì lại không quan hệ mấy.

Trong năm phủ truyền hóa, Vị là bộ phận nằm trên hết được tiếp xúc với thức ăn uống trước nhất, mà lại là thuộc về hệ thống nguồn gốc của Túc Dương minh, thuộc về Táo Thổ, khí của nó vượng vào buổi xế chiều. Còn phần Tiểu trường và Đại trường đã là bộ phận nối tiếp với Vị, thức ăn uống phải qua Vị trước. Phần Đại trường lại là nguồn gốc của hệ thống Thủ Dương minh, thuộc về Táo Kim, giờ khí vượng của nó thuộc về buổi sớm mai (đó là nói theo sự vận chuyển của khí vệ).

Sanh hoạt của con người suốt một đêm yên nghỉ không có ăn uống, phần đông sáng ra lại còn đi đại tiện sớm làm cho cả Vị và Trường đều xếp ve. Buổi mai lại là buổi khí đêm còn thừa, khi con người bắt đầu ăn sáng thì Vị được nhận thức ăn trước, và nửa thân trên được tiếp nhận sự tiếp tế nhiều hơn, còn dưới ruột vẫn còn trống trơn; dần dần về trưa chiều thì dưới ruột mới đầy và đầy lần lên đến Vị; đến xế chiều là giờ khí dương (Táo Thổ) ngoài cõi thiên nhiên cực thịnh, mà cũng là lúc khí ở Túc Dương minh cực vượng; rồi lần về đêm khí dương trong con người lại lần hồi thu hết vào trong. Những lý do, những điều kiện vừa kể trên làm cho sinh lý ở bộ tiêu hóa: ở Vị thì sợ nóng, ở Đại trường thì sợ lạnh và hễ Vị đầy thì Trường trống, Trường đầy thì Vị trống. Do đó mà hết thảy chúng ta nếu những ai còn ăn, còn sống, còn nói, còn làm là đều phải nên lưu ý đến bộ tiêu hóa.

BÌNH

Thiên nhiên là tôi, tôi là thiên nhiên. Bao la là tôi, tôi là bao la. Thiên nhiên bao la vốn đồng nhất, tôi cũng vốn đồng nhất. Thiên nhiên vốn tương quan, tôi cũng vốn tương quan. Thiên nhiên vốn trật tự, tôi cũng vốn trật tự. Thiên nhiên vốn biến hóa, tôi đây cũng vốn biến hóa. Thiên nhiên vốn lưu thông, tôi đây cũng vốn lưu thông. Thiên nhiên vốn luôn luôn mới, con người của tôi cũng vốn luôn luôn mới. Thiên nhiên bao la chưa hề

mở miệng bảo rằng: ta đây mới phải là thiên nhiên bao la, còn ngươi không phải. Và thiên nhiên bao la cũng chưa hề tỏ ra một thái độ nào để ngăn cản, cho tâm hồn tôi mất tự do. Thế mà bỗng dưng tôi lại nảy ra ý nghĩ: kia là thiên nhiên, kia là bao la, kia là ngoại vật; đây là tôi. Cả hai không dính dấp gì nhau. Để rồi nổi lên không biết bao nhiêu là ý nghĩ dục vọng đê hèn, cô lập, ngăn rào, cắt xén, phá hoại, chinh phục, phân chia, tàn hại; lại còn mệnh danh là văn minh, là tiến bộ. Để đến khi đục nước cùng đường rồi tôi mới hay rằng làm như thế chỉ là để tàn hại cho tự tôi mà thôi. Thật là tôi không dè tôi ngu hết bậc, mà mua lấy một bài học đắt giá quá chừng.

Người xưa vốn biết thế, nên họ tự quay về với họ, để họ là thiên nhiên, họ là bao la. Họ vốn sẵn là đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông; nhờ thế mà họ ăn uống không cầu kỳ, mà họ vẫn thấy ngon, thấy khoẻ; họ ăn mặc không xa hoa, mà vẫn thấy vui, thấy thích; họ ở không đòi hỏi huy hoàng tráng lệ, mà vẫn thấy ấm áp đầy đủ tình thương; trong không bị phiền não, dục vọng, lo sợ chất chứa nó dày xéo tâm hồn; ngoài không bị bao nhiêu là luật lệ giáo điều khuôn khổ tập quán xã hội trói buộc. Tâm hồn họ tuyệt đối tự do, mãi mãi cùng với bao la bất diệt. Quả thật là một việc làm khôn ngoan hết bậc. Vậy mà họ còn đi xa hơn nữa, họ biết bắt chước từ cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi thiên nhiên, đến cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi tâm hồn. Và cả cái đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cơ thể sinh lý chính trong con người của họ. Để họ còn rút tỉa những tinh hoa mẹo mực hầu giúp cho con cháu họ sau này áp dụng vào trong cuộc sống xã hội, để khỏi bề vi phạm vào cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi thiên nhiên mà nảy sanh đau khổ thì lại càng là một việc làm tột bậc khôn ngoan hơn nữa. Thế mà hầu hết chúng ta ngày nay hình như chưa biết gì hết về điều này. Trời ơi! Chúng ta phải nghĩ sao đây?!

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Đế viết: Khí khẩu hà dĩ độc vi ngũ tạng chủ?

Kỳ Bá viết: Vị giả thủy cốc chi hải, lục phủ chi đại nguyên dã. Ngũ vị nhập khẩu tàng ư Vị, dĩ dưỡng ngũ tạng khí. Khí khẩu diệc Thái Âm dã. Thị dĩ ngũ tạng lục phủ chi khí vị, giai xuất ư Vị, biến hiện ư khí khẩu.

Cố ngũ khí nhập Tỷ tàng ư Tâm Phế, Tâm Phế hữu bệnh nhi Tỷ vi chi bất lợi dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Hai mạch Thủ Thái âm ở cổ tay vì sao lại là động mạch chủ cho cả 5 tạng?

Kỳ Bá thưa: Vị là biển chứa thức ăn uống, là nguồn chánh của sáu phủ. Khi thức ăn uống cho vào miệng liền xuống chứa ở Vị, để rồi rút tỉa khí chất tinh hoa đem tiếp dưỡng cho khí của 5 tạng. Hai động mạch ở hai xương lớn cánh tay dưới cũng thuộc về mạch Thái âm. Cho nên sự tiếp dưỡng cho cả 5 tạng sáu phủ đều nhờ ở Vị mà biến hiện ra ở động mạch cổ tay.

Cho nên khi năm khí vào mũi chứa ở Tim Phổi, Tim Phổi có bệnh thì mũi sẽ không thông.

GIẢI

Đây là một đoạn nương nơi câu hỏi của nhà Vua, mà luận giả vạch trần tầm quan trọng của hô hấp và tiêu hóa, để hiển rõ tác dụng tiên thiên hậu thiên và giá trị đặc biệt của động mạch cổ tay mà hết thảy Y khoa đều phải để ý.

Lắng nghe cho kỹ câu hỏi của nhà Vua, ta sẽ thấy trước khi mở miệng hỏi, nhà Vua đã nhận thấy được toàn cả chuyển động hoặc thô hoặc tế, hoặc thường hoặc biến của toàn thân đều hiện rõ hình bóng trên hai động mạch cổ tay rồi. Hay ít nhất cũng được nghe nhiều lần trình bày rằng: động mạch cổ tay là mạch chủ cả 5 tạng. Chỉ vì nhà Vua không thấu suốt đến lý do của nó, nên mới đặt thành câu hỏi.

Nói "Vị là biển chứa thức ăn uống" cũng được, hay nói "Vị là ngôi chợ trời cho tất cả tạng phủ toàn thân" cũng xong. Nếu chưa biết được điều này thì kể như là chưa biết gì hết về Vị, mặc dầu con mắt có thể nhìn thấy đến những cái hố cực kỳ li ti bên trong của Vị.

Có Tiểu trường, Đại trường, Bàng quang, Tam tiêu v.v. là cũng tại có Vị. Nếu không có Vị thì tất cả các phủ cũng đều bằng thừa, thế là cả một trường thất nghiệp đình công. Lẽ dĩ nhiên Vị phải là nguồn chánh của sáu phủ.

Có thể cũng có người nghĩ rằng: giả tỉ như không cần dùng đến Vị nữa, người ta có thể cho chất bổ từ hậu môn vào để nuôi dưỡng tạng phủ thì sao? Thưa: Thế là một cuộc chủ trương lấy hậu môn làm cái miệng, lấy cái đít làm cái đầu, mang cái biến dùng vào cái thường rồi vậy.

Cũng có thể có người hỏi: ngày nay có những người có phép luyện không cần đến ăn, có thể chỉ uống nước không hằng tháng này qua tháng khác thì sao? – Thưa: Đây cũng là một thứ lấy cái quái gở mà làm cái chánh, tìm vào cái biến để làm cái thường. Ai thích thì cứ làm theo, điều đó chúng tôi không đề cập đến.

Nguồn gốc của Thủ Dương minh là Đại trường, Túc Dương minh là Vị. Nguồn gốc của Thủ Thái âm là tạng Phổi, Túc Thái âm là tạng Tỳ. Khí hóa của tạng Tỳ là một mặt dính liền với Vị, một mặt nối tiếp với Tiểu trường để mắc liền với cái xây của Thái xung hầu đưa thẳng lên nối liền với khí hóa của tạng Phổi.

Tất cả các chất tinh hoa rút ra từ bộ tiêu hóa không thể trực tiếp đưa vào các tạng để vận chuyển đi khắp châu thân, mà phải nương nhờ nơi tạng Tỳ làm trung gian. Và động cơ thở hút khắp cả toàn thân đều phải nương nhờ nơi sự hô hấp của Phổi; nếu bộ hô hấp đình đốn thì động cơ thở hút toàn thân tức thì tê liệt (nên xem lại kỹ ở thiên thứ 10).

Tạng Phổi là tạng nằm trên hết, thuộc về hành Kim, về âm thanh, về rung chuyển, về tuyên truyền. Cả động mạch và tĩnh mạch hai bên xương gánh đều mắc liền vào Phổi.

Trên bộ óc, khu vực thuộc về hô hấp có hệ thống thần kinh đi thẳng xuống Phổi, rồi Vị, và xuống thấu đến Đại trường (tức là hệ thống thần kinh Phế Vị). Và bên ngoài có nhánh rẽ theo hai bên động mạch xương gánh đi từ hệ thống dương ở phía sau lưng mà xuống cánh tay trên, theo phía trong cánh tay đi thẳng ra theo động mạch xương lớn cánh tay dưới, để cấu tạo thành một năng lực chi phối của Phổi đối với động mạch này, làm thành một dòng năng lực điện tuyến của kinh mạch Thủ Thái âm vậy.

Khi ta ăn uống vào, chất bổ dưỡng xuống đến ruột non, phần đậm đục biến ra màu sữa rồi phải nương nhờ động cơ hô hấp, theo hệ thống tuần hoàn máu trắng qua trung gian tạng Tỳ, theo mạch Thái Xung đưa thẳng lên tĩnh mạch xương gánh cho vào tuần hoàn máu đỏ ở phần máu đen, rồi đưa sang Phổi biến đỏ mà trở về Tim để phân phát ra khắp động mạch châu thân. Mỗi một chặng đường đều có một tác dụng và cứ luân lưu như thế mãi không hề ngừng nghỉ. Sự lưu thông ấy luôn luôn hiện rõ ở động mạch cổ tay, vì thế nếu có xảy ra đình đốn ta cũng có thể căn cứ vào đó mà thấy rõ ngay. Và cũng vì thế mà động mạch cổ tay trở nên là yếu điểm để quan sát mọi sự biến động mất quân bình trong toàn thân, lại cũng là nơi để cân nhắc nặng nhẹ cho độ lượng áp dụng thuốc. Đây là lý do để hai động mạch ở hai cổ tay là mạch chủ cho cả 5 tạng, nhưng đây chỉ mới là phần sinh lý trong thân. Người xưa còn gọi động mạch Thủ Thái âm này là nơi mạch đại hội, để lập thuyết cho việc khám mạch cổ tay được vững chãi. Vậy thử hỏi: nghĩa đại hội là thế nào?

Đã biết bao lần nói về con người vốn vừa là viên quang hồi tụ tận tự bao la, lại cũng vừa là tướng địa cầu thu nhỏ lại, tất cả đều cùng chung trong một định luật đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông không thể khác hơn được.

Tất cả những gì thuộc về có tướng đều là hiện tượng, đều là có sự rung chuyển biến động đổi dời, dù là tướng của ý niệm. Địa cầu vừa quay tít vừa lăn đi đuổi quyện theo mặt trời, chịu sự chi phối của mặt trăng. Bầu khí quyển luôn luôn vận chuyển theo thế ly tâm từ trung tâm địa cầu lên đến thượng tầng khí quyển, để rồi trở xuống theo thế hướng tâm mà vào lòng đất. Do định luật này làm cho tất cả những gì rung động từ mặt đất đều phải tung ra và đi lên tận cùng bầu khí quyển, rồi mới trở xuống mà rút vào giữa rún địa cầu. Bởi thế nên nếu một hòn núi dưới chân có một ngôi chùa, trên đỉnh có một ngôi chùa; thì khi chùa ở chân núi

đánh chuông là trên đỉnh núi nghe hết, ngược lại nếu chùa trên đỉnh núi đánh chuông dưới chân núi chẳng nghe thấy gì. Đây là một bằng chứng cụ thể để cho ta thấy tất cả rung động đều đi lên trước xuống sau, ra ngoài trước vào trong sau. Chính vì thế mà kỹ thuật vô tuyến truyền thanh mới có cơ sở thành lập. Đã là một sinh vật sống trên mặt đất, con người đâu thể khác hơn.

Phổi đã là tạng da bộng xốp thuộc Kim, bổn phận là âm thanh và tuyên truyền, lại nằm trên hết, luồng điện tuyến năng lực lại là động mạch cổ tay. Toàn thân con người là một khối rung động rất có trật tự ngăn nắp từ dưới lên trên, đúng theo lượn sóng rung chuyển ly tâm hướng tâm của bầu khí quyển địa cầu.

Trung bình cứ 270 cái hít vào thở ra của hô hấp là một vòng chu kỳ nhỏ của cả tuần hoàn và hơi thở. Suốt ngày đêm, phải 50 chu kỳ nhỏ thành một vòng chu kỳ lớn trong con người, đến sáng hôm sau lại trở lại mối đầu. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là mỗi một chu kỳ nhỏ, 1 phần 50 của máu đỏ trong con người được thay đổi, và phải thay đổi đến 50 lượt thì tất cả máu trong toàn thân mới được thay đổi hết. Và từ sáng đến chiều cả khí huyết đều vận chuyển ra bên ngoài xác thân nhiều hơn, từ chiều đến sáng đều vận chuyển vào bên trong tạng phủ nhiều hơn.

Phổi đã là bầu khí quyển của nội tạng, là ống khói của tạng phủ bên trong. Giờ của nó vào buổi sáng sớm là lúc không khí giàu dưỡng khí nhất, lúc đó là lúc mà con người chỉ mới chuẩn bị bắt đầu vào cõi động, ngoài trời đất màn đêm chưa kéo đi hết, sức đè nặng của khí đêm còn thừa, mặt trời chỉ mới hé nắng.

Tất cả những điều kiện kể trên để cho Thủ Thái âm trở nên là nơi dinh vệ gặp nhau, là đầu mối chung cho cả khí dinh lẫn khí vệ.

Then máy nhiệm mầu đã hé mở, nếu độc giả có suy tư, đến đây tất nhiên vấn đề lý do động mạch cổ tay trở nên vô cùng quan trọng trong y học Đông phương sẽ không còn là lạ lùng bỡ ngỡ nữa.

Nói "năm khí vào mũi v.v.", tức là trong chỗ không lời luận giả muốn bảo rằng: đừng tưởng không khí chỉ là không khí mà Xuân - Hạ - Trường hạ (cuối thu) - Thu - Đông, sanh - trưởng - hóa - thâu - tàng, Mộc

- Hỏa - Thổ - Kim - Thuỷ, Đông - Nam - Trung ương - Tây - Bắc, ấm - nóng - ẩm - ráo - lạnh, hôi - khét - thơm - tanh - thúi, đều tùy mỗi lúc mà có sự khác nhau.

Nói "năm khí vào mũi chứa ở Tim Phổi", tức là trong chỗ không lời luận giả muốn nói một cách đối nghịch lại với "5 vị vào miệng chứa ở Trường vị". Nói như thế là để cho ta thấy tạng Phổi và tạng Tim nằm trên chẽn vừng là hai bộ phận quan hệ trực tiếp với những thành phần không khí bên ngoài; mỗi khi thành phần không khí bên ngoài thay đổi một cách quá đột ngột, quá chênh lệch đều làm cho Tim và Phổi dễ sanh biến động ngay. Đặc biệt nhất là khi tạng Tim có bệnh, thì sự phản ứng với không khí bên ngoài lại càng nhạy hơn.

Nói ''khi Tim Phổi có bệnh thì mũi sẽ không thông", tức là trong chỗ ngoài lời luận giả đã nói rõ cho ta biết rằng: khi Trường vị có bệnh thì cổ họng cũng sẽ không thông. Nếu ta thông minh có nhiệt tâm khám phá, có tinh thần thông đạt là tức khắc ta thấy ngay có lẽ hầu hết Y khoa ngày nay vị tất đã biết rõ những bệnh của mũi và cổ họng. Thế mới biết: trong chỗ không lời luận giả đã mật truyền cho ta một tâm pháp để chữa trị bệnh mũi và bệnh cổ họng rồi đó.

BÌNH

Hơn 35 năm trước đây, không biết do một dòng suối hiểu biết nào mà tôi dám ngang nhiên hãnh diện rằng: tôi đã biết rõ cơ thể con người hơn người xưa, và luôn luôn lúc nào cũng có một mặc cảm rằng cổ nhân chỉ là một thứ cổ quái. Giờ đây, đọc đoạn này tôi mới cảm thấy xấu hổ ghê, và thấy mình ngu hơn con bò, dại hơn những đứa con nít. Thật rất không ngờ!

HÌNH 11 – 1: LUẬT RUNG ĐỘNG CỦA ÂM THANH

Sau đệ nhất thế chiến (1914-1918) đồng bạc Đông dương được vọt lên một giá thật cao, đến nỗi từ một quả dừa năm xu xuống còn đến nửa xu,làm cho nguồn kinh tế Đông dương bị khủng hoảng lũng đoạn. Tất cả những tiểu tư sản vướng phải nợ nần vay mượn tiền đều bị một phen sạt nghiệp, làm cho giai cấp trở nên đảo lộn.

Động đến chuyện này dường như hầu hết dân tộc Việt Nam đều biết rõ nguồn gốc xảy ra tận tự bên Pháp.

Hết thảy những nhà trồng tỉa làm vườn, mỗi khi nhìn thấy một cành cây nào trên đọt xảy ra triệu chứng bệnh hoạn bất thường, họ đều biết bới dưới gốc về hướng đó để tìm lấy nguồn bệnh tận dưới rễ mà chữa trị.

Hết thảy những thợ máy lành nghề khi nghe tiếng kêu biến động ở ống phun khói, họ có thể liệu lượng mà biết được nguồn bệnh trong máy tận tự nơi nào để phanh phui ra mà chữa trị. Nhưng lạ thay, trong giới Y khoa, một số người được mệnh danh là Lương y hoặc bác sĩ, thế mà mỗi khi bệnh ở mũi, ở miệng, ở cổ họng, ở mắt đều là cắm đầu vào tại chỗ để mà moi móc chữa trị bằng cách ỷ lại hẳn vào phương pháp giải phẫu, làm như thể toàn thân con người chỉ là từng cục từng cục không dính dấp gì nhau. Thế thì chúng ta có nên đưa ra vấn đề chính danh để chỉnh lại những tệ đoan(2) không nhỉ?! Xin mời độc giả hãy góp ý suy tư.

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Phàm trị bệnh tất sát kỳ thượng hạ, thích kỳ mạch, quan kỳ chí ý dữ bệnh dã.

Câu ư quỉ thần giả, bất khả dữ ngôn chí đức, ố ư châm thạch giả, bất khả dữ ngôn chí xảo. Bệnh bất hứa trị giả, bệnh tất bất trị, trị chi vô công hỉ.

DỊCH

Đại phàm trị bệnh phải biết cách quan sát trọn cả một con người, phải biết theo dõi hiện tượng mạch, phải chú trọng đến ý chí tinh thần và phải nhận rõ được bệnh tình.

Kẻ nào câu nệ ở quỉ thần, thì không thể cùng với họ mà

nói về đạo lý. Kẻ nào sợ áp dụng phép châm thạch quá, thì không thể cùng họ mà bàn đến chỗ tuyệt xảo. Bệnh không muốn để cho thầy thuốc chữa, tất không thể chữa, có chữa cũng vô ích.

GIẢI

Đây là một đoạn nhập diệu vào tinh thần kỹ thuật đi sâu vào nhân sự, để giải quyết vấn đề bệnh tật mà luôn luôn không rời tay thước tinh thần, đúng với nghĩa như Khổng Tử đã nói: "chí ở Đạo, cứ ở Đức, y ở Nhân và ngao du ở Nghệ thuật", mà tinh thần nghệ thuật vẫn không bị xem thường.

Nói "đại phàm trị bệnh phải biết cách quan sát trọn cả một con người", tức là trong chỗ ngoài lời luận giả bảo thẳng rằng: muốn khám phá một sự vật gì không thể nhìn từ lỏm mà thấy được mặt thật của nó. Cách nhìn từ lỏm là cách nhìn của trẻ con, của những kẻ thiếu thông minh, của những hạng người chưa biết gì hết về đạo lý, là cách nhìn của những kẻ mù kiểu khác, những kẻ thiếu trưởng thành mà thôi. Người học khám phá chớ nên vướng phải.

Nói "phải biết theo dõi hiện tượng mạch, phải chú trọng đến ý chí tinh thần và phải nhận rõ được bệnh tình", tức là muốn nói: hễ là trị bệnh, quan hệ ở chỗ phải biết khám và khám bệnh là phải thông cả bốn phép: nhìn, nghe, hỏi, khám của môn sắc mạch, và xác thân với tinh thần cũng không thể bỏ sót một phần nào, thì mới có thể biết rõ được bệnh để mà chữa. Thế là trọn cả câu này cũng là giải thích thêm cho ý của câu trên, để cho nghệ thuật khám bệnh được hoàn toàn đầy đủ.

Nói "kẻ nào câu nệ ở quỉ thần thì không thể cùng bàn đạo lý", tức là trong chỗ ngoài lời luận giả muốn nói: cái mà người đời gọi là quỉ thần ấy, chẳng qua chỉ là một thứ hiện tượng từ bóng dáng của lòng người rọi ra mà có vậy thôi (điều này đến phần Linh Khu sẽ thấy rõ). Bởi vậy kẻ nào cố chấp tin tưởng quyết định rằng ngoài tâm linh mình thật có một thứ quỉ thần nào đó, hoặc ngược lại cho rằng không bao giờ có những hiện tượng ấy đều là những kẻ mê tín. Và hết thảy những kẻ mê tín đều không biết gì hết về đạo lý; nếu cẩu thả mà áp dụng phương pháp

Chúc do (trị mẹo) với họ, chẳng qua chỉ để cho họ tăng thêm cuồng tín bằng cách say mê theo, hoặc bằng cách chống báng lại. Và những người như thế không thể nào biết được đạo lý đối với bệnh tật có một tầm quan trọng tuyệt đối. Nếu người nào biết trở về với lòng mình, hợp với Đạo, thuận với Đức, tức là người đó hiểu được giá trị cách chữa tận nguồn gốc bệnh tật rồi vậy.

Nhờ nơi yếu tố năng lực tinh thần mà nền tảng phép châm phép thạch có cơ để kiến thiết. Thiếu yếu tố năng lực tinh thần, thì phản ứng mặt da không thể hiện được. Phản ứng mặt da không thể hiện được, thì phép châm phép thạch mất tác dụng. Phương chi khi thiếu yếu tố năng lực tinh thần thì dù cho tác dụng đạo lý cũng không thể hiển hiện được nữa. Sức phản ứng của tinh thần con người ở mặt da biến hóa một cách vô cùng linh động, chẳng khác nào sự biến hóa trên hiện tượng vũ trụ không gian, chỉ có những tay châm thạch thật lành nghề mới có thể kịp thì đón tiếp. Bởi vậy mới nói "kẻ nào sợ áp dụng phép châm thạch quá thì không thể cùng bàn đến chỗ tuyệt xảo". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nội cái tâm sợ hãi của họ cũng đủ để tạo ra một thứ phản ứng xà ngầu, không thể đem lại một kết quả như ý muốn mà còn gây rối loạn ầm lên nữa là khác. Tiến sâu vào một tầng nữa, thâm nghiệm vào tinh thần câu nói trên của luận giả, ta còn thấy được nội một câu này cũng đủ để tố cáo cho sự lạm dụng phép châm phép cứu của tất cả lang băm ngày nay nữa. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là tất cả những cái gọi là châm cứu của thế giới loài người ngày nay, hầu hết nếu không phải là một thứ tả đạo bàng môn vong bổn, thì cũng là một thứ bịp bợm gạt lừa đổi chác lẫn nhau giữa lang băm và bệnh nhân mà thôi vậy.

Thật chẳng có ai ngờ, chỉ vì một vọng niệm về cái Tôi, mà cả nhân loại mỗi người đều biến thành bên ngoài có một cái kén tường đồng vách sắt vô hình, để rồi không những làm trở ngại cho thế đồng nhất của năng lực trong cõi thiên nhiên với mình, mà còn làm cho chẳng ai thật hiểu ai cả. Ở trong cái thế ngăn cách như thế, muốn có một sự hợp tác giữa người bệnh và lương y để chữa một bệnh tật cũng đã là khó khăn lắm rồi. Giờ đây lại thêm người bệnh không bằng lòng muốn để cho lương y điều trị, tất nhiên trong đó phải có chứa đựng một yếu tố quanh co nào. Chính cái yếu tố quanh co ấy là động cơ làm cho dòng điện năng lực nội tạng bị mở nghịch chiều. Như thế dù lương y có tài giỏi đến đâu cùng chẳng qua chỉ là vô ích. Cho nên mới nói: "Bệnh không muốn để cho thầy thuốc chữa, tất không thể chữa, có chữa cũng vô ích" là nghĩa thế.

Nhìn suốt đoạn này ta thấy tuy là liên tiếp đoạn trên, để nói lên nghĩa ngao du sâu vào trong nghệ thuật về chữa bệnh cũng như về khám phá con người, nhưng còn có những yếu điểm sau đây mà chúng ta cần phải biết qua:

1. Phải thấy suốt từ ngọn tới gốc, từ cơ thể tới tâm hồn, từ ngoài vào trong.

2. Phải nắm vững yếu tố tinh thần, vì yếu tố tinh thần là yếu tố nền tảng.

3. Phải chọn một đường lối áp dụng cho đích thật tương ưng với trình độ tâm lý của bệnh nhân.

4. Tuyệt đối không vì tình cảm mà sự thấy biết của mình bị bẻ quẹo qua ngả khác. Như thế tức là sao? Tức là phải đi đúng với nghĩa: khi người bệnh không đồng ý để cho chữa trị, thì không thể vì tình cảm cá nhân mà làm bừa.

Thông qua bốn điểm trên, ta thấy rõ ràng là thái độ của một người thông đạt đang ngao du vào trong biển nghệ thuật, chớ không phải là một phàm phu bị mắc kẹt vào trong cái giếng chuyên môn.

BÌNH

Tại đất nước Việt Nam ngày nay có một số người được mệnh danh là lương y Á Đông, mỗi ngày, 8 giờ sáng có thể đã phát xong 70 - 80 thẻ cho bệnh nhân, để làm vừa đủ buổi sáng. Cách khám bệnh chỉ là sờ lên cổ tay độ một phút, không cần biết có trúng được vị trí mạch hay không, kế tiếp bảo bệnh nhân thè lưỡi ra rồi thụt lưỡi vào. Có khi buổi sáng chưa kịp xông khói cái miệng, nên vừa để tay lên cổ tay người bệnh mà cũng vừa chợp ngủ gà. Rồi cũng kế tiếp theo đó viết một cái toa nguệch ngoạc tựa hồ đạo bùa của một vị phù thủy nào, rồi giao cho bệnh nhân sang chỗ lấy thuốc. Trước sau tổng cộng không được hơn 4 - 5 phút là xong một người. Nếu là cơ quan chữa trị theo kiểu châm cứu, thì tiếp theo đó người ta cho kim vào da thịt bệnh nhân cũng tựa hồ như động tác chích mứt của trẻ con trong ba ngày tết, cơ hồ như là không cần đến có trúng huyệt hay không. Có khi còn cho bệnh nhân mang kim lòng thòng lểnh

thểnh đi chơi ngoài cửa nữa. Vậy mà cũng vẫn được thiên hạ cho là lương y, là ân nhân của nhân loại. Thậm chí có khi còn mang thêm tướng ông Tiên hay ông Phật nào đó, hoặc mang thêm ống nghe mạch của Tây y vào để trợ oai càng tốt. Thế mà cũng vẫn có nhà lầu, có xe hơi để dạo phố như thường.

Nhìn vào các nhân vật ấy, những thức giả Tây y luôn luôn mỉa mai nhạo báng cho rằng: Đông y chỉ là lừa bịp chẳng biết tí gì về khám bệnh cả.

Ngược lại cũng có một số được mệnh danh là bác sĩ Tây y. Và đây chỉ kể những vị được ăn khách nhất, mỗi buổi sáng mai có thể chữa hàng trăm bệnh. Mỗi khi bệnh nhân vào, hễ nói đau đầu là lật đầu ra xem, đau đít là lật đít ra xem. Còn nghe mạch tựa hồ như nôm cá, làm như là biến động của bệnh to như sự vùng vẫy của một con cá lóc trong nôm, úp úp hai, ba cái là xong; rồi lụi thêm hoặc một hay hai mũi thuốc đã sắp đặt sẵn bằng mẹo mực ăn khách, và biên cho một cái toa có khi chỉ in sẵn rồi điền thêm mấy chữ là xong. Còn những nơi chiếu điện khám Phổi, thì lại lùa một lúc hàng tá bệnh nhân vào, rọi hết xong rồi ra ngồi cho toa; vậy mà vẫn đắt như tôm tươi.

Những chuyện chúng tôi kể trên đây đều là những chuyện tận mặt với sự thật trên muôn vàn thận trọng. Thế mà có hồi tôi vẫn bị những hình thức như thử đàm, thử phân, thử nước tiểu, chiếu điện, thử thịt chỗ bệnh, thử máu, tìm vi trùng, dùi gõ, dụng cụ mở hậu môn, mở tử cung v.v. mê hoặc mà cho rằng Á Đông không biết cách khám bệnh. Giờ đây giáp mặt sự thật với đoạn chánh văn này cũng đủ để giúp cho tôi xây dựng lại tư tưởng. Và vấn đề Đông y ngày nay có phải là Đông y hay không? Thật tình Đông y có không biết khám bệnh hay không? Tây y khám bệnh có chính xác hay không? Và hiện tình ngày nay có phải là lúc Y khoa được cực thịnh hay không? Xin mời diễn đàn chung nhận xét.

Trước đây 5 - 6 ngàn năm, không biết loài người có lần nào có kính hiển vi hay chưa, nhưng ta cứ kể như là chưa có đi. Thế mà người xưa họ đã mở miệng để lại cho ta biết rằng: phàm muốn trị bệnh là phải biết khám phá trọn cả một con người v.v.. Như thế phải chăng vì nhờ cái sở đoản thiếu phương tiện mà họ phải có cách nhìn như thế để bù vào?! Hay đây chỉ là một nguyên lý chung cho tất cả mọi cuộc chữa trị, dù cho

trị tâm hay trị thân, trị cá nhân hay trị gia đình, trị nhà hay trị nước, trị quốc gia hay trị thiên hạ cũng không thể thiếu một cách nhìn khám phá suốt toàn diện của một sự việc y như là cách khám phá trọn vẹn một con người?!

Có một vị bác sĩ Tây y viết sách nói: "Trời ban cho ta một cặp mắt thật rất vụng về, nên không thể nào nhìn thấy được một vật cực nhỏ, may nhờ cái khôn ngoan của khoa học chế ra được kính hiển vi để giúp ta nhìn thấy các giống vi trùng v.v.." Ôi! như thế có phải là nhờ dụng cụ khoa học giúp cho ta thấy được những vật cực nhỏ, tức là đã giúp cho cái thấy của ta càng thêm chính xác; hay là bị những dụng cụ khoa học giúp cho ta thấy được những vật cực nhỏ, để rồi ta bị mê hoặc mà sự đời trở nên từ lỏm từ khối riêng tư?! Và cách nhìn sự việc theo kiểu từ lỏm từ khối có giúp ích cho ta giải quyết cuộc sống được ổn thỏa hay không?! Người nói như thế có xứng đáng là một kiến thức bác sĩ hay không?! Đây cũng xin nhường cho diễn đàn chung nhận xét.

Những người mắc phải tật lé nặng quá, đều trông thấy những vật ngay thẳng hóa ra lệch đi. Cho nên mỗi khi họ nhìn vật gì cũng đều phải ngó nghiêng. Những người điếc quá, luôn luôn có mặc cảm là người chung quanh đều điếc, cho nên họ nói lớn quá. Hết thảy những người khùng đều cho thiên hạ là mất trí nên họ dễ nổi cơn giận dỗi. Chắc có lẽ vì thế mà hầu hết người nay đều cho người xưa là mê tin, là không biết gì về tâm lý. Làm sao tôi dám nói thế? Không ai ngờ một tờ báo đứng đắn nhất ở Mỹ là tờ *Time*s trong tuần tháng Sáu này có đăng hai nguồn tin:

1. Một nữ giáo sư đại học nước Anh viết một quyển sách nói về nguồn gốc loài người. Bà ta cho rằng: đầu tiên con người chỉ là một giống khỉ không đủ khả năng chen lấn trên lục địa, nên phải chạy xuống biển lặn mò những con vật thủy tộc mà ăn. Vì thế nên lông khắp mình rụng đi, còn lại trên đầu là tóc. Và cũng vì thế mà bộ sinh dục của đàn bà phải hót vào ở phía trước để tránh đất cát chui vào, bởi vậy bộ sinh dục của đàn ông cũng phải biến hóa nhô ra cho được tương ứng; và vì thế mà sự giao dục phải đâu mặt nhau, khác hơn các loài khác v.v.. Thế mà vẫn bán đắt như tôm tươi.

2. Hiện nay ở bên Mỹ nổi lên một phong trào chuyên thờ những tướng quỷ quái lạ kỳ hoặc đầu trâu mặt ngựa để làm những phép lạ mà

người ta mệnh danh là thờ Sa tăng, rồi cũng luyện sọ người làm thiên linh cái v.v. Còn buồn cười hơn những ông thầy pháp, phù thuỷ ở Việt Nam nữa. Buồn cười nhất là Quỷ sa tăng trong niềm tin của phương Tây, vốn là đại diện cho tính ác trong con người, thế mà bây giờ lại là một phong trào, một mốt thịnh hành của hiện đại.

Đọc đoạn chánh văn trên, nghe hai câu chuyện đăng ở tờ báo Mỹ, rồi mới thấy ý kiến của chúng tôi không chừng rất là hữu ý. Độc giả hãy chiêm nghiệm thử xem.

Lời giải toàn thiên

Trong xã hội loài người, trên toàn diện cuộc sống, tất cả những văn hóa, giáo dục, triết học, tôn giáo, đạo học, Y khoa, chính trị, nghệ thuật, âm nhạc, hội họa, thiên văn, địa lý v.v. và v.v. hết thảy những cái ấy sở dĩ có là tại có thằng người. Thằng người sở dĩ thành vấn đề là tại có cái Tôi, cái Mình mà ra. Nếu vấn đề Tôi, vấn đề Mình mà được thấu triệt thì vấn đề có con người hay không có con người trở nên nhẹ hẳn. Thế mới biết: vấn đề Tôi, vấn đề Mình nó nặng biết chừng nào?! Có một nhà tư tưởng buông lời nói: "Trâu, bò, heo, chó, nó cũng vẫn sống , thế mà có nghe ai nói đến vấn đề trâu sinh, chó sinh hay heo sinh bao giờ đâu! Chỉ có đơn độc nghe vấn đề nhân sinh mà thôi!" Thế mới biết: có vấn đề nhân sinh là cái tột bậc vô phước cho con người. Vì thế vấn đề giải quyết cho cuộc sống con người trở nên quan trọng. Muốn giải quyết cuộc sống con người một cách thỏa đáng, thì ít nhất cũng phải biết nhìn một con người trên tất cả mọi khía cạnh khác nhau, hoặc khía cạnh đồng nhất, hoặc khía cạnh tương quan, hoặc khía cạnh trật tự, hoặc biến hóa, lưu thông v.v. thì mới gọi là thấy hết một con người.

Đã biết được tâm với vật vốn không phải hai, xác thân với tinh thần chỉ là hai hiện tượng trong đồng nhất, thì quyết định không thể vì một lý do gì mà công cuộc điều chỉnh cuộc sống của con người chỉ thiên lệch có một bên. Phương chi khắp cả bao la, thấu suốt muôn loài, thâm nhập vào tận trung tâm của một con người, hết thảy đều chỉ gom có một chữ "Thần". Thần dụng vô phương, biến hóa cùng khắp. Mặc dù tinh thần với vật chấtvốn không hai, nhưng thật ra đòn nặng đều nằm tròn ở tinh thần, ở tâm thức. Thế thì dù nói Trời, dù nói Đất, nói bao la chăng nữa thì cũng chỉ vì thằng người. Nói vì thằng người cũng chẳng qua chỉ vì tại thằng người có cái Tôi, cái Mình. Cái Tôi, cái Mình đã không thể

vượt ra ngoài phạm vi của hai hiện tượng tâm và vật; thế thì muốn điều chỉnh lại cuộc sống con người, tất nhiên y học, triết học và đạo học không thể chỉ là ba thứ dụng cụ riêng. Vì thế mà trọn cả kho tàng NỘI KINH mênh mông bát ngát cũng chỉ để qui kết vào trong một điểm điều chỉnh lại con người, hầu cho con người được cùng với trật tự thiên nhiên nhịp nhàng đồng nhất, thì mới có thể gọi là một con người đích thực, một con người thông đạt. Đây là nghĩa tinh thần y đạo của NỘI KINH, mà cũng là dòng suối xuất phát ra tinh thần Khổng, Mạnh, Lão, Trang sau này.

Đã là Y đạo, tất không thể có nghĩa chỉ là Triết, là Đạo, hoặc là Y. Thế mới biết trong tinh thần Y đạo không hề có nghĩa Đông y hay Tây y, mà cũng không hề có y học là một thứ ngoài triết học và đạo học được nữa.

Vừa là một con người thông đạt, vừa đứng trong địa vị thiên sư; ở trong một tình thế mà văn tự chỉ ghi chép vào trong lá bối, trên lụa, chạm vào thẻ ngà, vào mạn đá ngọc, cốt sao cho được vừa lời ít vừa ý nhiều vừa để được lâu; trong khi giáp mặt với nhà Vua vừa đủ để trả lời cho một tinh thần thích tìm hiểu về bệnh tật và cơ thể con người, mà cũng vừa là thúc đẩy cho nhà Vua được rơi hẳn vào trong lãnh vực thông đạt, hầu mong lưu lại cho người đời sau một cuộc sống thanh bình. Đó là can trường máu huyết tâm tình của luận giả đối với nhân loại, mà cũng là chỗ để cho tinh thần NỘI KINH trở nên vô cùng kín đáo như ta đã phảng phất nhìn thấy trọn trong thiên này, và sẽ bộc lộ ở thiên sau.

Lời bình toàn thiên

Đã qua qua rồi, hiện tại không dừng, vị lai chưa đến, dòng thời gian cứ cuồn cuộn nối tiếp trôi qua không bao giờ có kẽ hở, ai mê lầm túm lấy cái ảo ảnh để gom đùn đống lại hiện tại, hoặc không suốt khắp cả cái tướng cuồn cuộn trôi qua, thì đều bị thời gian nó quật ngã.

Ai đọc NỘI KINH mà băn khoăn cố ráng sợ quên mất bao nhiêu thiên trước, bồn chồn với không biết bao nhiêu thiên sau; hoặc là chỉ biết có một thiên hiện tại, mà quên phứt cả cái đã qua cũng như những thiên sắp tới; thì cũng có thể sẽ bị NỘI KINH nó quật ngã hoặc biến ra một thứ điên khùng. Để rồi cũng phiên dịch NỘI KINH, cũng hô hào xuất

bản, và còn cho NỘI KINH chỉ là một phần tài liệu Y khoa, còn ngoài ra chỉ là tà đạo ma giáo của đời sau xen vào, chớ không phải là một thứ chánh học, chẳng có gì đáng kể, như ta đã thấy hiện nay. Mà không những cái học NỘI KINH là thế, cho đến học Phật hay tất cả những cái học nào của Á Đông ngàn xưa cũng đều như thế. Thế mới biết: trước khi muốn đọc NỘI KINH tất phải có một tinh thần thế nào!

Đã qua biết bao nhiêu lần giở NỘI KINH ra đọc, vừa đọc được ít câu tôi bèn đâm ra thấy ghét, rồi xếp lại mà vứt vào góc bàn. Sách vở gì mà viết ra bất chấp lịch sử, không cần dẫn ở một sách nào, lời lẽ thì lục cục, nói năng lại sang đàng, đang câu chuyện này chưa rồi lại bắt quàng qua chuyện khác, chữ nghĩa không cần tự điển, muốn nói sao thì nói, thật rất bực mình! Nhưng may thay! Nhờ trường đời giáo dục, uống những liều thuốc cay đắng đến thấu xương, khi mái tóc điểm sương lại mang ra đọc lại, rồi một hôm bừng tỉnh, bèn thử đặt mình vào trong địa vị của người xưa rồi mình sẽ nói sao đây? Tự gạn tới hỏi lui năm bảy lần, rồi cũng đến phì cười thở dài, và bằng lòng thắp hương đảnh lễ lại người xưa để mà cầu học. Thế mới biết: khi còn mắc kẹt ở trong cái chuồng Tôi, thì dù tôi có là ông Vua, ông Tổng thống, ông Thượng tọa, ông Giáo hoàng, ông Bác vật hay Bác sĩ chi chi chăng nữa, cũng không vì thế mà lời bình phẩm của tôi quyết định đã có một giá trị đàm phán. Ôi! thật là tội nghiệp cho cái Tôi biết mấy.

Khổng Tử vì tội nghiệp cuộc đời quá loạn bèn nêu ra cái học "chính danh", đây là lý do đẻ ra bộ kinh Xuân Thu. Chủ ý của thuyết chính danh là phải định nghĩa lại rõ ràng từng danh từ một. Thí dụ sao gọi là Vua? Sao gọi là tôi? Sao gọi là cha, con, anh, em, chồng, vợ? v.v. để cho Vua được ra hồn Vua, tôi được ra hồn tôi, cha được ra hồn cha, con được ra hồn con thì đời sẽ đỡ loạn. Do đó nên Mạnh Tử mới nói: "Vua coi tôi như tay chân thì tôi coi vua như đầu mặt, vua coi tôi như cỏ rác, thì tôi coi vua như giặc thù v.v."

Có nhiều lần tôi thử nghĩ: cũng trong tinh thần chính danh ấy mà ta thử sửa những chữ trên những tấm biển xem sao, có lẽ nhờ thế mà rõ thêm sự thật. Thí dụ như: "Đức Sanh Đường" ta đổi lại "Đức Tử Đường", "Vạn Sanh Hoà" ta đổi lại "Vạn Tử Nghịch" v.v. nghĩ như thế thấy cũng hay hay,nhưng rốt rồi cũng chẳng đến đâu.

Giờ đây đọc thiên này, suốt cả thiên ta chưa từng thấy có một lời nào đá động đến vấn đề Khoa học cũng như Y học, Đạo học, Triết học, Châm cứu học, Chẩn đoán học v.v. của ngày nay có phải đích thực là Khoa học, Y học, Đạo học, Triết học, Châm cứu học, Chẩn đoán học hay không, thế mà ta vẫn thấy rõ bong như ban ngày. Văn tự như thế, ngôn ngữ như thế không phải là một thứ tổ sư của thuyết chính danh rồi đó sao?! Ôi! Thật là kỳ diệu! Thế mới biết: hồi trước tôi không thấy chỗ này, phải chăng tại con mắt tôi chỉ là con mắt ếch?!

Nói chuyện cơ thể sinh lý, rồi sang qua nguyên lý mạch cổ tay, rồi đến khám phá trọn con người và bỏ lửng ở mối phương pháp chữa trị, tất cả đều luận đàm bằng một cách nhảy hố khái quát. Nếu đến đây là hết chuyện thì thật là xem thiên hạ như một trò đùa. Như thế dù biết đây chỉ là vẫn nằm trong thời kỳ chuẩn bị, để sắp nói lên một điều gì quan trọng phổ cập nhân sinh. Quả thật vậy, tiếp theo đây là một thiên đặt nền móng cho một tinh thần y tế đại đồng. Độc giả nếu không tin tôi thì cứ tha hồ mà theo dõi.

THIÊN THỨ 11

- HẾT -

Thế phản chiếu lẫn nhau tạo thành khí Thấp Thổ hay sơn lam chướng khí ở những vùng nhiều thung lũng và nhiều rừng cây cao.

Thế hấp dẫn của khí núi và khí biển, cộng với thế phản chiếu của ánh sáng tạo thành những vùng giàu khí Táo Kim.

Người và thú
Thú và người

Nếu tôi không biết trở về với tôi, để tôi trở nên thật biết, thì tôi chỉ là một thứ rất thú. Ngược lại nếu tôi biết trở về với tôi thì tôi là rất người. Nếu tôi chưa chấp nhận lý này, làm sao tôi thâm nhập nổi NỘI KINH.

C.N.

Thiên 12
DỊ PHÁP PHƯƠNG NGHI LUẬN

Định nghĩa tên thiên

"Dị" là khác; "Pháp" là phép tắc; "Phương" là địa phương, là phương hướng, là vùng; "Nghi" là phù hợp.

Là một thiên khái luận về lý do xuất phát ra tất cả các phương pháp chữa bệnh của mỗi dân tộc, mỗi nơi trên mặt đất này, và làm sáng tỏ phương diện địa lý, hầu kiến thiết một nền tảng vừa là y tế quốc tế đại đồng mà cũng vừa là y tế nhân dân, để cho Y khoa cũng như các khoa học khác đều được trở thành một môn học đích thực là Khoa học cho ứng hợp với nguyên lý "một là tất cả – tất cả là một – một tức tất cả – tất cả tức một – trong một có đủ tất cả – trong tất cả như một – một không lìa tất cả – tất cả không lìa một" của đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong cõi Dịch học thiên nhiên. Nên gọi là "Dị Pháp Phương Nghi luận" vậy.

BÌNH

Trước đây 5-6 ngàn năm không biết có lần nào cổ nhân đã cho ra những danh từ như nguyên tử học, tế bào học v.v. hay không? Hoặc đã từng sản xuất ra những thứ như phi thuyền vượt không gian, máy bay phản lực,

bộ óc điện tử, vô tuyến truyền thanh truyền hình v.v. hay không? Không biết lấy đâu mà phán xét. Nhưng có một điều tôi được biết chắc chắn: đã có nhiều lần cổ nhân áp dụng một phương pháp đặc biệt, để khám phá suốt màn bí mật tận tự bao la rồi; cho đến vấn đề tế bào, vấn đề nguyên tử họ cũng đã thông qua một cách chín chắn.

Hãy thử nhìn lại cuộc sống của chúng ta ngày nay xem: nhìn một hạt nguyên tử như nhìn cả một bầu vũ trụ bao la, chắc chắn không ai hơn các nhà nguyên tử học; nhìn một tế bào trong con người như nhìn một con người, chắc chắn không ai hơn các nhà tế bào học của Y khoa. Nhưng ngược lại, lạ thay: không những cuộc sống của chúng ta ngày nay đều đua nhau đi sâu vào tình trạng phân hóa khủng khiếp; cho đến các nhà Dược học, Khoa học cũng chỉ đang lao mình cắm đầu vào cái biển phân tích mà thôi. Cơ hồ như chẳng còn một ai được biết rằng tất cả vật chất đều chỉ là hiện tượng tổ hợp vô thường; nên hầu hết miệng nói hợp quần hợp quần mà trong lòng đang bảo rân là phân hóa phân hóa. Không bù lại người xưa, họ không hề đá động đến những danh từ như tế bào học, nguyên tử học của chúng ta ngày nay bao giờ; thế mà họ vẫn mang được chân lý ấy để áp dụng thấm nhuần vào cuộc sống hàng ngày một cách rõ rệt, chắc chắn thì thật là chua xót biết bao! Như thế, dẫu cho chúng ta có nói lên mấy muôn ngàn lượt về nghĩa đại đồng, nghĩa quốc tế, nghĩa nhân dân, nghĩa hợp quần chăng nữa cũng đều chỉ là đua nhau láo khoét mà thôi vậy.

Có người hỏi: Làm sao tôi được biết chắc như thế? – Xin thưa: Thì đây ngài có muốn biết sự thật không? Nếu muốn, thì hãy chân thành thận trọng đọc kỹ thiên này, rồi mới thấy dòng máu tim đang chảy đây là muôn ngàn lần thật trong sự thật.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: Y chi trị bệnh dã, nhứt bệnh nhi trị các bất đồng, giai dủ hà dã?

Kỳ Bá đối viết: Địa thế sử nhiên dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Thầy thuốc chữa bệnh, cũng đồng là một bệnh, mà mỗi nơi trị mỗi cách khác nhau, cũng đều được khỏi cả là tại sao?

Kỳ Bá thưa: Đó là bởi cái thế của địa lý mà ra.

GIẢI

Đây là một duyên mở đầu cho một cuộc giảng giải đại lược sâu vào địa lý, nhân sự về vấn đề chữa bệnh, để cho ta thấy lý do vì sao hoàn cảnh cấu tạo con người mà con người cũng có thể chi phối biến hóa lại hoàn cảnh, mà luận giả chỉ mới khởi lên một câu khái quát vắn tắt.

BÌNH

Một con người đã băng mình vào trong đại thể đồng nhất không hai rồi, thì vấn đề mình và người có phải là hai hay không cũng hết thành vấn đề. Do đó mà tâm hồn của họ là trọn cả một bao la, tình thương của họ lúc nào cũng phổ cập. Lúc nào họ cũng sẵn sàng chờ đợi những dịp đưa đến để tung ra đáp ứng lại một cách tự nhiên, hầu lợi ích phổ cập quần sanh, mà không bao giờ nghĩ tưởng đến một mảy may lợi ích riêng tư nào cả. Vì kẻ khác chính là họ, nên khi gặp duyên đá động đến là chực bùng xòe ra. Đây cũng là một khía cạnh then máy cơ mầu, để mở lối cho những đoạn sắp tới, mà người có thâm tâm cầu học đều phải nên lưu ý.

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Cố Đông phương chi vực, thiên địa chi sở thỉ sanh dã. Ngư diêm chi địa, hải tân bàng thủy. Kỳ dân thực ngư nhi thị hàm, giai an kỳ xử, mỹ kỳ thực. Ngư giả, sử nhân nhiệt trung; diêm giả thắng huyết. Cố kỳ dân giai hắc sắc

sơ lý, kỳ bệnh giai vi ung dương; kỳ trị nghi biếm thạch. Cố biếm thạch giả, diệc tùng Đông phương lai.

DỊCH

Thí dụ như miền Đông là miền khí của trời đất mới bắt đầu sanh, là miền giàu cá biển và muối, thuộc về vùng ghềnh biển. Dân cư ở miền ấy thích ăn mặn và ăn nhiều cá biển, họ đều ở được yên chỗ, ăn uống sung sướng. Tính chất của thịt cá biển làm cho trong người dễ sanh phát nóng. Muối mặn có tính khắc máu. Nên dân cư miền ấy màu da đều đen sậm, sớ thịt thô hở. Khi có bệnh thường làm ra ung nhọt; nên cách trị phù hợp với phép biếm thạch (giải phẫu). Cho nên phép biếm thạch cũng là phép xuất phát từ miền Đông.

GIẢI

Đây là một đoạn khởi đầu giải thích câu trả lời tổng quát của đoạn trên bằng cách phân phương hướng địa lý, mà mối đầu khởi từ phương Đông.

– Nếu ta đừng quên những nguyên lý nền tảng tận tự thiên đầu, thì ta mới thấy hai chữ "miền Đông" ở đây, ngoài sự định nghĩa Đông Tây Nam Bắc theo địa thế vận chuyển của quả địa cầu ra, còn là để ám chỉ cho những vùng có một khí hậu ấm áp, nhiều mùa Xuân hơn. Một điều nữa ta nên nhớ: trong tinh thần người xưa, Đông Nam Tây Bắc với Xuân Hạ Thu Đông, ấm nóng mát lạnh, sáng trưa chiều đêm đều có giá trị tương đương nhau. Do vậy mà hễ nói đến miền Đông là ta phải nhớ ngay đến hành Mộc, mùa Xuân, khí ấm, buổi sáng thì ta mới hiểu được cổ nhân muốn nói gì.

Hướng Đông là hướng mặt trời mới mọc, là mối đầu của buổi ban mai. – Gió Đông (gió chướng) là gió từ biển cả thổi vào, là gió ấm áp nhất. – Địa lý của địa cầu, hướng Đông là hướng nhiều biển nhất. – Tác dụng hóa sanh của 5 hành, mùa Xuân là mùa khí dương mới bắt đầu sanh. Vì những lẽ trên nên mới nói: "miền Đông là miền khí trời đất mới

bắt đầu sanh".

– Đã là miền ghềnh biển, tất nhiên là giàu khả năng cá và muối, và cá ở đây dĩ nhiên là cá biển. Cố nhiên là trong vô tình đã cấu tạo cho dân cư hai thứ nghề nghiệp chánh: là nghề ruộng muối và nghề đánh cá. Món dễ tìm nhất đã là muối và cá, lẽ tất nhiên dù có không ưa thích rồi ngày một ngày hai cũng phải trở thành thói quen. Phương chi đã là miền ghềnh biển muối cá, lẽ cố nhiên những thức ăn có vị ngọt chua cay cũng không thể không đắt đỏ; mà dù có thể có chăng nữa, cũng vẫn bị cái thế giàu muối cá nó ám ảnh để tiêm nhiễm thành một thứ thói quen ăn nhiều cá biển và vị mặn. Cho nên mới nói: "ưa mặn và ăn nhiều cá".

– Vốn đã lấy nghề cá muối làm nghề nghiệp chánh, thế là hàng ngày chỉ có phải quơ quào mò mẫm trong nước biển để sống mà thôi. Như thế nếu không bám chặt vào một chỗ thì làm sao sống được, chớ đâu phải như kiểu dân du mục cứ lùa súc vật tới đâu sẽ dời chỗ ở tới đó. Đã sống với nghề nào, thì mạch sống vẫn phải mắc liền vào nghề nấy; đó là thói quen vạn cổ của muôn dân. Cho nên hầu hết những người làm nghề đánh cá đều mắc một tật nghiệp ăn cá một cách hời hợt như ăn cơm, chẳng khác nào dân du mục uống sữa thế nước. Cho nên mới nói: "đều ở được yên chỗ, ăn uống sung sướng".

– Trong trời đất vốn sẵn một luật quân bình, loài cá đồng chỗ yếu của nó là hoàn cảnh thiếu muối, còn loài cá biển chỗ yếu của nó là hoàn cảnh muối quá dư. Cộng cái thế chỗ yếu với sự phản ứng của tâm linh để đem lại một thế quân bình, là loài cá đồng thịt của nó vị rất mặn mòi và rất khó ươn; ngược lại thịt cá biển vị rất lạt lẽo, rất bở, rất mau ươn để cho được tương ưng với hoàn cảnh. Hết thảy các loài thịt, thịt nào mau ươn nhất là thứ đó giàu khả năng biến hóa thành chất thấp độc nhất (người nay thường gọi là chất đạm – Nitrogène). Chất này có nhiều trình độ cao thấp khác nhau, thí dụ như: ở trứng vịt thúi có khác hơn trong mắm ruốc, trong cá ươn, hoặc trong chao chùa v.v.

Đành rằng trong cơ thể con người không một vật nào là không cần thiết, nhưng khi thái quá bất cập đều có thể xảy ra thế mất quân bình, chất thấp độc đối với con người cũng thế. Chính vì chất này mà người Âu Mỹ phải có thứ fromage thúi, dân Cao Miên phải có thứ bò-hóc, dân Việt Nam phải có nước mắm biển, người ăn chay phải có chao chùa, bợm nhậu phải có trứng vịt ung, dân Trung Hoa phải có khô cá mặn v.v..

Chất này vào cơ thể nó giúp cho cơ thể biến hóa thành đường, tăng trưởng bắp thịt, giữ cho áp huyết đừng bị xuống thấp quá v.v.; nhưng khi chất này bị vọt lên cao quá thì lại là dễ nảy sanh gân hoại, bắp thịt rã, hoặc ít nhất cũng xảy ra ung nhọt. Vì thế nên chất này có liên hệ đến rất nhiều bệnh, mà bệnh cùi âm (cùi rụng lóng chảy nước) là quan hệ nhất. Chính vì chỗ đó mà bệnh cùi thường xảy ra ở dân Trung Hoa, dân Nhật Bổn, Ấn Độ, Việt Nam v.v. nghĩa là rất dễ xảy ra ở những miền xứ nóng, xứ ấm, xứ ẩm ướt và mỗi nơi đều có một động cơ thúc đẩy khác nhau.

Miền biển đã là miền nhiều gió ấm gió muối – gió ấm gió muối luôn luôn làm cho ráo khí ẩm. Thịt cá biển lại là thứ thịt giàu khả năng dễ ươn. Người ghềnh biển một mặt thâu nhận nhiều thịt cá biển quá, để cho máu dễ có khả năng biến hóa thành chất thấp độc, một mặt lại hấp thụ nhiều gió biển gió muối, hàng ngày lại phải ăn nhiều muối. Bên trong đã thừa khả năng hóa sanh thấp độc, lại thêm thâu nhận nhiều muối để máu phải giảm thế lưu thông; bên ngoài lại bị gió ráo gió muối, càng làm cho trong ngoài không bù đắp được nhau, mà bên trong dễ nảy sanh phát nóng. Vì tất cả những lý do đã kể, cho nên mới nói: "Tánh chất thịt cá biển làm cho con người bên trong dễ sanh phát nóng".

– Khi bị một vết thương, nếu ta dùng nước muối mặn bằng độ mặn của máu hoặc nước mắt mà rửa, thì vết thương rất dễ lành hoặc có máu bầm cũng rất dễ tan; ngược lại nếu chỉ lấy muối xát lên chỗ vết thương, thì không những làm cho máu bị ngưng đọng lại mà còn làm cho tế bào hư hoại thành mủ nữa là khác. Đó là nghĩa muối mặn có tánh chất khắc với máu. Vì thế nên ở giữa vùng nhiều nắng gió lại thêm thâu nhận nhiều chất muối quá, tất nhiên con người sẽ gân guốc cằn cỗi khô đét mà trong máu vẫn thường thiếu nước, làm cho tuần hoàn theo đó mà thiếu linh hoạt. Vì thế mà hết thảy dân cư ở miền ghềnh biển sống với nghề chài lưới đều nước da sạm nắng, sớ thịt thô hở.

– Vì tất cả những điều kiện đã kể, cấu tạo cho con người miền ghềnh biển khi có bệnh đều dễ xảy ra ung nhọt.

– Cùng đường dễ nảy sanh phương kế, đó là công lệ chung của khả năng biến hóa tâm linh. Bất cứ là ai khi vương phải mụt ung nhọt to quá, càng đau nhức dữ dội, thì tinh thần càng làm việc tăng lên. Hoặc tìm những thứ thuốc để khỏa lấp cơn đau; hoặc tìm thuốc uống, thuốc đắp,

thuốc đặt để cho tan đi; hoặc tìm những thứ thuốc bôi để cho vùng chỗ đau được tê dại. Nếu trông thấy đã có mủ rồi, thì tức khắc trong trí sẽ nghĩ: có mủ như thế này làm sao mà tan vào trong máu cho được? Lại còn nghĩ tiếp: nếu bệnh kéo dài thế này thì đau nhức chịu sao nổi, lại còn trở ngại đến việc làm ăn nữa, càng được giải quyết sớm chừng nào càng hay. Thế rồi nghĩ tiếp: hoặc tìm những dụng cụ bén nhọn để chọc thủng cho bài tiết mủ, hoặc mổ rạch ra cho mủ càng chảy sạch càng hay. Rồi cũng lại nghĩ: coi chừng bị những thứ dơ dáy có độc nhiễm vào, có lẽ còn nguy hơn. Hết thảy những ý nghĩ đều là động cơ thúc đẩy của phản ứng tâm linh, để rồi cuối cùng đẻ ra phương pháp biếm thạch: Dùng loại đá ngọc chế thành dụng cụ bén để dùng, là cốt ý để tránh những thứ có chất độc. Thế là phương pháp biếm thạch là thỉ tổ cho khoa giải phẫu phần xác thân bên ngoài. Cho nên mới nói "biếm thạch là phép trị xuất phát từ miền Đông" vậy.

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Tây phương giả, kim ngọc chi vực, sa thạch chi xứ, thiên địa chi sở thâu dẫn dã. Kỳ dân lăng cư nhi đa phong, thủy thổ cang trường, kỳ dân bất y nhi hạt tiến, kỳ dân hoa thiệt nhi phì chi. Cố tà bất năng thương kỳ hình thể, kỳ bệnh sanh ư nội, kỳ trị nghi độc dược. Cố độc dược giả, diệc tùng Tây phương lai.

DỊCH

Miền Tây là miền giàu vàng ngọc, là nơi cát đá, là miền khí trời đất phân khai. Dân cư ở những miền ấy ở trên cao, hứng nhiều gió; thủy thổ rắn chắc, họ không chú trọng đến hình thức bên ngoài của y phục, chỉ cốt sao cho được ấm áp, chú trọng đến thực chất, ăn uống sung sướng, cơ thể rắn chắc mập mạp. Cho nên tà khí bên ngoài không thể xâm phạm vào hình thể, mà bệnh phần nhiều phát sanh từ bên trong. Phép chữa trị phù hợp với thuốc có chất độc. Nên phần nhiều thuốc có chất độc cũng đều xuất phát từ miền Tây.

GIẢI

Nói đến hai chữ "Miền Tây" là ta phải nhớ ngay đến hướng mặt trời lặn, thuộc Kim, buổi chiều, mùa Thu, khí ráo mát, ở trên cao, kết thành, đóng cứng, thu vào, hướng tâm.

Khi địa cầu trải qua một thời gian cháy đỏ, nguội lại, nhờ tro tàn của khí hỏa (khí khinh), mặt đất biến sanh khí thổ (hélium?). Vì thế vận hành của Thái dương hệ mà địa cầu trở nên có nhiều miền, chia thành năm loại khí hậu khác nhau.

Hết thảy các loài kim ngọc như vàng, bạc, sắt, thép, chì, kẽm, đồng, xoàng, thủy ngân v.v. đều phải bắt đầu từ cát đá. Hết thảy cát đá đều phải bắt đầu từ đất. Hết thảy đất muốn biến sanh cát đá đều phải có điều kiện khí ráo mà trong 5 hành gọi là khí Kim, khí ráo có hai loại: hoặc nóng mà ráo, hoặc lạnh mà ráo, mặc dù phải có sức dồn ép. Muốn có được khí ráo tức là phải có điều kiện âm dương phân khai, nghĩa là cả khí âm lẫn khí dương đều co lại mà ở khoảng giữa nảy sinh khí ráo. Nói một cách khác hơn, thí dụ như: sự vận chuyển bầu khí quyển của quả địa cầu, đến mùa Thu khí dương tận bên ngoài đã bắt đầu thu lại để rút lui vào trong, nhưng vẫn chưa tới trong; còn khí âm từ trong ruột quả địa cầu bắt đầu trương nở để tung ra ngoài, nhưng vẫn chưa tới ngoài. Vì lý do đó nên mới nảy sanh ra khí ráo. Nói "ráo" ở đây không phải là không có nước như ở sa mạc, mà muốn nói: trong không khí không có sự ẩm ướt, như ở Việt Nam đến mùa Thu giặt giũ phơi mau khô, và khi có trời mưa vừa mưa xong vài giờ mặt đất cũng đã ráo hết. Ở mùa hè tuy thấy nóng bức, nước đầm ao khô; nhưng sự thật trong không khí lúc nào cũng vẫn nhiều hơi nước. Ở mùa Đông tuy thấy lạnh quá, nhưng khi lạnh cực lại là điều kiện ngưng tụ hơi nước; cho nên những vùng nhiều khí lạnh quá như Bockor, Đà Lạt thì trong không khí lại ngưng tụ nhiều hơi nước, làm cho giặt giũ cũng bị chậm khô. Chính vì chỗ này mới nói: Khí lạnh miền Tây khác hơn khí lạnh miền Bắc, và lạnh ráo với lạnh ướt khác nhau. Do đó nên nói: "miền Tây là miền vàng ngọc, cát đá, là nơi mà khí trời đất phân khai" là vậy.

– Từ trung tâm địa cầu ra đến thượng tầng khí quyển, bầu khí quyển của quả địa cầu tùy theo thế vận hành ly tâm hướng tâm mà chia

thành sáu lớp thể khí, ba ngoài ba trong khác nhau. Bắt từ ngoài đếm vào, lớp thứ hai là lớp khí Dương minh, lớp khí Dương minh này vốn là khí ráo khí Kim. Vì thế mà trong chiều cao lên đến tầng ấy trở nên nhiều gió, nhiều khí ráo khí Kim, mà cũng là nhiều mùa Thu nữa.

Trong nguyên lý **một là tất cả, tất cả là một, trong một có tất cả, tất cả như một**, thì dù cho trong một lớp khí quyển cũng vẫn đủ tất cả các lớp, điều này ta hãy cẩn thận đừng quên. Như đã nói nếu ở tầng lớp Dương minh lẽ tất nhiên phải nhiều khí ráo mùa Thu. Tuy vậy nên nhớ rằng: phải còn vấn đề quan hệ giữa chiều cao và chiều rộng nữa (như đã trình bày trong phương trình chánh chủ ở thiên thứ 6). Thí dụ như: tuy rằng cao hơn mặt đất bằng hai ngàn thước là gặp phải đúng lớp chánh khí Dương minh của bầu khí quyển chăng nữa, nhưng nếu có một bề mặt rộng quá, trong đó còn chứa nhiều thung lũng gây thành thế phản chiếu lẫn nhau thì trở nên giàu khí thấp Thổ (Hình 12.1) và nếu có nhiều rừng cây cao lại còn sanh nhiều sơn lam chướng khí (khí độc núi rừng).

Ngược lại nếu ở mặt đất bằng vọt lên những trái núi cô đơn chót vót, cách biệt rời nhau, không cao mấy, không có thung lũng, lại thêm lưng núi, mặt biển thì sẽ tạo thành thế hấp dẫn của khí núi và khí biển với thế phản chiếu của ánh sáng, trở nên rất giàu khí táo Kim khí Thu (Hình 12.2). Vì thế mà không ai ngờ đồng là trên đất nước Việt Nam, vùng Đà Lạt cao hơn mặt đất trên hai ngàn mét mà vẫn là đất phì nhiêu nhiều khí thấp Thổ với khí chướng sơn lam, có rất nhiều nơi đất thịt màu mỡ gà, còn loại đá thì phần nhiều là đá màu đen, mặc dù thường lạnh buốt nhưng vẫn nhiều hơi nước; vì thế mà rất phù hợp với tâm lý và sinh lý của người đàn bà hơn. Còn vùng núi Kỳ Vân Long Hải thì chỉ cao hơn mặt đất bằng mấy trăm thước, thế mà rất giàu khí táo Kim của mùa Thu, núi rất nhiều đá nhưng đá lại thuần là đá trắng đá xanh có nhiều khí dương. Vì thế nên mới nói "dân cư miền Tây ở trên cao và hứng nhiều gió".

– Đã là vùng giàu khí Thu, khí táo Kim lẽ cố nhiên phải đất cứng, ít đất, nhiều đá, nước trong, khí lạnh. Con người dễ cảm thấy lạnh se, mặt da dễ bị khô ráo. Vì thế mà sức phản ứng của tâm lý cấu tạo thành một ý thức thúc liễm giữ gìn, để bảo vệ sự ấm áp cũng như sự tươi nhuận cho cơ thể hơn là cầu kỳ kiểu cách. Cho nên mới nói "vì thủy thổ rắn chắc, nên sự ăn mặc không cầu kỳ, cốt sao cho được ấm áp là hơn".

– Đã sinh trưởng trong một hoàn cảnh giàu khí Thu Kim se ráo, thủy thổ rắn chắc, lẽ cố nhiên chất đường, chất dầu mỡ đều bị dồn ép vào trong làm cho mặt da phải bị thiếu, trở nên cứng rắn lại. Do đó mà sức phản ứng của ý thức phải đòi hỏi nhiều vị ngọt béo để chế bớt sức khô ráo. Vì thế con người ở những nơi ấy phải chú trọng đến sự ăn uống cho được đầy đủ. Cho nên con người trở nên mập mạp nhiều mỡ làm cho tà khí khó bề xâm phạm. Mỗi khi có bệnh phần nhiều là bệnh nội thương hoặc do ăn uống sinh hoạt, hoặc do tâm tư mà ra. Cho nên mới nói: "họ chỉ chú trọng đến thực chất, ăn uống sung sướng, cơ thể mập mạp, tà khí khó bề xâm phạm, khi có bệnh phần nhiều phát sanh từ bên trong".

– Trong khung cảnh trật tự thiên nhiên không một mảy may nào mà không bị chi phối, đây quả là một định luật. Đối với thảo mộc, nơi nào giàu khí Tây Kim thì cây dễ kết lõi, trái thường rắn chắc mà cũng sớm già, ít có hột lép. Đối với con người, nơi nào giàu khí Thu thì mặt da thô cứng; còn về phần tâm lý, trong vô tình họ cũng chú trọng đến thực chất là hơn. Vì thế mà tinh thần của họ cũng chỉ phát triển về mặt lý trí, và họ chỉ thấy được những gì mà lý trí có thể thấy. Họ ưa dùng những gì có sự phản ứng mạnh bạo rõ rệt. Với cơ thể ấy, tinh thần ấy, bệnh tật ấy tự nhiên phải phù hợp với những thứ thuốc có nhiều chất độc mới xứng hợp. Cho nên mới nói những thứ thuốc có nhiều chất độc phần nhiều xuất phát từ miền Tây là vậy.

HÌNH 12.1: VÙNG CAO GIÀU KHÍ THẤP THỔ VÀ CÓ LAM SƠN CHƯỚNG KHÍ

HÌNH 12.2: VÙNG NÚI GẦN BIỂN CÓ GIÀU KHÍ TÁO KIM

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Bắc phương giả, thiên địa sở bế tàng chi vực dã. Kỳ địa cao lăng, cư phong hàn băng liệt, kỳ dân nhạo dã xử nhi nhũ thực. Tạng hàn sanh mãn bệnh, kỳ trị nghi ngải túy. Cố ngải túy giả, diệc tùng Bắc phương lai.

DỊCH

Miền Bắc là miền mà khí trời đất đều đóng bít lại. Đất đai quá cao, ở vào lớp gió lạnh giá đông. Dân cư thích nghề du mục và ăn uống nhiều chất bơ sữa, tạng lạnh sanh bệnh đầy. Vì thế mà khi có bệnh, cách trị phù hợp với họ nhất là phương pháp cứu. Cho nên phép cứu mồi cũng là phép phát minh từ miền Bắc.

Giền B Nói đến hai chữ "miền Bắc" là ta phải nhớ ngay đến mùa Đông, miền thuộc Thủy, khí lạnh, thu vào tận cùng, đóng cứng, có nhiều nước ngưng tụ, và nếu kể theo bầu khí quyển thì thuộc về lớp Thái dương hàn thủy trên hết.

Đối với khí âm khí lạnh, mùa Thu là mối đầu, mùa Đông là mối cuối. Mối đầu của khí âm khí lạnh là âm dương phân khai, mối cuối là âm ngưng tụ đến cùng cực để chuẩn bị sang giai đoạn sanh dương. Cho nên mùa Thu và mùa Đông cũng như miền Tây và miền Bắc tuy hình như giống, nhưng mùa Thu, miền Tây là ráo, còn mùa Đông, miền Bắc lại là ướt.

Trong vật lý không có một vật nào không trải qua một giai đoạn bế tắc mà có sự lưu thông. Cũng như trong cơ giới, nếu không có một cơ quan để tạo ra một thế ngột ngạt đến cùng tột, thì không thể lấy đâu để bắt trớn cho một giàn máy. Cũng như trong một năm, nếu không có mùa Đông thật là đông lạnh bế tắc, thì sang năm không thể có một trời Xuân ấm áp huy hoàng. Vì thế nên mới nói "miền Bắc là miền khí trời đất đóng kín lại".

– Nếu nói: Thế cao nguyên, thì miền Tây và miền Bắc đều là miền cao nguyên, đều là những vùng có nhiều núi rừng. Nhưng nếu căn cứ vào thể khí mà so, thì miền Tây thuộc về táo Kim, còn miền Bắc thuộc về hàn Thủy. Cho nên tuy đồng là cao nguyên, mà miền Tây lấy khí Kim làm chủ, còn miền Bắc thì lại lấy khí Thủy làm chủ. Do đó mà cách nói hình như gần giống nhau. Cho nên mới nói "đất đai quá cao ở vào lớp gió lạnh giá đông".

– Trong khung cảnh ướt át cơ hàn, buổi đầu nghĩ đến dừng lại một chỗ để móc đất moi củ cỏ, hái lá cây mà ăn là một việc rất khó làm. Mà trong trí luôn luôn nảy sinh ra ý kiến tìm tòi cái thế sưởi ấm, cho nên nảy sinh ra ý hợp quần, mà cũng vừa nảy sinh ra ý ăn thịt và làm nghề chăn nuôi. Trong khi nghĩ đến nghề chăn nuôi, là đã nghĩ đến sử dụng nhiệt lực của súc vật.

Chăn nuôi súc vật không loài nào tiện cho bằng loài ăn cỏ; nhưng nếu chăn nuôi được phồn thịnh, thì sự tiếp tế thực phẩm cho súc vật lại là cả một vấn đề. Sao bằng ta hãy cứ tùy duyên mà lùa đi từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác, đến đâu đóng trại tạm dừng ở đấy là hay nhất.

Đã ở đâu là phải nát giậu đó, làm nghề gì là phải sống với nghề ấy chớ biết sao hơn! Cho nên dù muốn dù không, hễ làm nghề du mục thì hàng ngày ăn uống bơ sữa là món chính. Cho nên mới nói: "dân cư ở miền ấy thích làm nghề du mục và ăn uống nhiều chất bơ sữa".

– Đã ở miền lạnh, mùa Đông chiếm gần trọn, lại hàng ngày ăn uống nhiều chất béo lạnh như bơ sữa, làm cho cả ngoài lẫn trong đều bị lạnh. Do đó mà khí của tạng trở nên ngăn đầy mà làm thành bệnh tật. Cho nên nói: "vì ăn nhiều bơ sữa, làm cho tạng lạnh sinh bệnh đầy" là vậy.

– Ở trong hoàn cảnh lạnh, mắc phải bệnh lạnh nhất là bệnh lạnh trong ruột, trước mắt ta phải nghĩ ngay đến những món ăn nóng như: ớt, tiêu, gừng, tỏi v.v. Ví nếu không tìm ra được món ăn nóng, lẽ cố nhiên phải bươi óc nghĩ ra cách khác như: đốt lửa xông hơ. Cứ như thế thời gian càng trôi qua, kinh nghiệm càng chồng chất, để dẫn con người đi mãi vào con đường tìm kiếm. Ban đầu biết đâu không từ chỗ nghe lạnh ở bụng rồi đốt lửa xông vải cho ấm và chườm chỗ đau, rồi ngày một ngày hai lần đến rang muối nóng bọc vào trong vải mà chườm. Trải qua một thời gian dài dằng dặc có những hồi nhận ra những điểm trong cơ thể như: Lỗ rún, chẽn vừng… chẳng hạn, để rồi cả một kho tàng kinh nghiệm của toàn dân khắp vùng lần hồi kết đúc lại tìm ra một cách thế ít tốn, giản tiện đưa nhiệt lực vào cơ thể tạng phủ bằng những điểm quan hệ nhỏ xíu, mà sau này được tìm thấy hệ thống đâu ra đấy để gọi là kinh huyệt. Đây là thỉ tổ của phương pháp cứu. Cho nên mới nói: "phương pháp cứu ngải cũng là xuất phát từ miền Bắc".

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

Nam phương giả, thiên địa sở trưởng dưỡng, dương chi sở thạnh xứ dã. Kỳ địa hạ thủy thổ nhược, vụ lộ chi sở tụ dã. Kỳ dân thị toan nhi thực hủ, cố kỳ dân giai trí lý nhi xích sắc, kỳ bệnh loan tê. Kỳ trị nghi vi châm, cố cửu châm giả, diệt tùng Nam phương lai.

DỊCH

Miền nam là miền khí của trời đất thuộc vào quãng trưởng dưỡng, là nơi khí dương tột bực thạnh. Đất đai thấp kém, thủy thổ mềm bở, là nơi mù mốc thường ngưng tụ. Dân cư thích chua, thường ăn những thứ dưa chua làm mắm... Cho nên con người những miền ấy đều sớ thịt nhuyễn, sắc mặt đỏ, mỗi khi có bệnh thường xảy ra chứng loan tê[(1)]. Cách chữa bệnh phù hợp với họ nhất là phép vi châm[(2)]. Cho nên phương pháp áp dụng chín loại kim[(3)] cũng từ miền Nam phát minh mà có.

GIẢI

Nói đến hai chữ "miền Nam" là ta phải nhớ đến những vùng nhiều mùa Hè nhất, thuộc hỏa, khí trưởng, sức bung nở ra đến tột độ, khí nóng, gần với xích đạo.

Vì Miền Nam vào mùa Hè là nơi lúc khí dương trong trời đất theo đà trưởng dưỡng mà bung nở ra hết mức. Vì thế nên mới nói: "miền Nam là miền khí của trời đất thuộc vào quãng trưởng dưỡng, là nơi khí dương tột bực thạnh".

– Trong vật lý, đại phàm nơi nào khí dương được thu liễm vào trong thì đất đai cây cối, vạn vật, con người bên trong cũng đều có một hiện tượng kết đúc rắn chắc. Trái lại nơi nào khí dương bung nở ra ngoài, thì nơi đó đất đai, vạn vật, thảo mộc, con người bên trong cũng

đều có một hiện tượng bộp bở yếu kém. Và cũng chính vì thế mà đất ở những nơi khí dương thu liễm vào trong ấm hơn đất ở những nơi khí dương trương nở ra ngoài. Bên trong tạng phủ con người cũng vì chịu ảnh hưởng định luật đó, mà trong vô tình dân xứ nóng ưa ăn cay nóng, còn dân xứ lạnh ưa ăn nguội lạnh. Và cũng chính vì thế mà ở những miền khí dương thu vào trong, thì những con vật lớn như: người, thú,… đều mạnh mẽ to lớn, còn những vật nhỏ như meo mốc, vi trùng thì lại rất khó sanh sôi; ngược lại ở những miền khí dương trương nở ra ngoài, làm cho những con vật to lớn như: người, súc vật đều yếu kém, mà những mốc meo, vi trùng lại được cơ phồn thịnh hoành hành. Đã là khí dương trương nở bung hết ra ngoài, lẽ cố nhiên đất đai phải mềm bở, nước đục đầm lầy; ban ngày khí nóng dằng dặc, về đêm thâu hút mốc mù. Cho nên mới nói: "đất đai thấp kém, thủy thổ mềm bở, là nơi mù mốc thường ngưng tụ".

– Trong vô tình một cách tự nhiên, hết thảy dân xứ nóng đều thích ăn của chua. Vì khi nóng quá, mồ hôi bài tiết nhiều, tác dụng co vào thu liễm của tạng Phổi suy giảm đi làm cho con người thấy khô ráo, vì thế mà mỗi khi ăn của chua vào thấy đỡ khát ngay. Chẳng khác nào như ở Việt Nam có những lúc nóng bức quá, đến bữa ăn thiếu vị chua nuốt cơm không trôi. Chính vì thế mới nói: "dân cư thích chua, thường ăn những thứ dưa chua làm mắm".

– Một cách tự nhiên hễ là khí trời bên ngoài nóng quá, thì khí huyết ở bên trong con người đều phải đổ xô ra ngoài mặt da nhiều hơn, để đương đầu với nắng táp. Chẳng khác nào trong thảo mộc khi tiếp xúc nhiều khí nắng nồng, thì sinh lực bên trong phải đổ dồn ra đọt lá để giao với khí nóng mà biến hóa thành chất lá xanh. Chính vì thế nên con người xứ nóng để hợp với hoàn cảnh sinh hoạt mới có cấu tạo da thịt tế nhị mịn màng, sắc mặt đỏ sậm. Cho nên mới nói: "dân cư miền ấy sớ thịt nhuyễn, sắc mặt đỏ".

– Trong hoàn cảnh nước đục đầm lầy, trên đầu khí nóng dằng dặc, trong người lúc nào cũng nghe khô ráo, ý thức lúc nào cũng nhớ đến chua cay, hàng ngày lại thêm tiêm nhiễm các chất dưa chua cải muối, cơ thể luôn luôn lúc nào cũng là một môi trường để hóa chua.

Trong cơ thể con người mỗi bắp thịt đều có màng bao bằng tế bào

sớ mỏng, như người thường gọi là thể bầy nhầy. Đến hai đầu bắp thịt thì thể bầy nhầy lại tóm lại thành thể gân, để mỗi đầu bắp thịt đều dụm nhau chầu về khớp xương.

Nước chua vốn là khí ẩm thấp ngưng đọng lại. Khí ẩm thấp bao giờ cũng là khí nặng, bao giờ cũng chảy xuống thấp, chìm xuống dưới.

Tay chân con người là bốn bộ phận thòng lòng. Mỗi khi bị nước chua đổ dồn về tay chân, đến các đầu bắp thịt ở các khớp đổ dồn lại không lối thoát. Khi trở về đêm hoặc gặp lúc lạnh, thì nước chua ấy chạm phải đầu gân. Gân bị kích thích biến sanh chuyển động, làm cho con người không tự chủ được mà thành chứng loan tê.

Mỗi khi cơn loan tê nổi lên, làm sao cho khí dương trong con người thấm nhuần đến chỗ đau, bắp thịt và gân đều nóng lên là nước chua giải tán, cơn đau cũng ngừng ngay. Cho nên có nhiều trường hợp người ta dùng phép chườm ấm hoặc dùng dầu nóng xoa đánh, trong khi đó ý thức được tụ về rồi nước chua cũng được giải tán.

Con người đã nhỏ bở, sớ thịt lại mịn nhuyễn, lẽ cố nhiên những phương pháp thô bạo đều không thể phù hợp với họ. Một điều đặc biệt hơn nữa là dân xứ lạnh luôn luôn vợt hẳn về mặt trí óc, lần hồi họ đi sâu vào cõi máy móc, lòng dạ của họ thường khép kín lại và luôn luôn lấy trí óc làm thầy. Ngược lại các dân tộc miền ấm nóng, phần nhiều tinh thần họ rất phù hợp với thế xoay trở vào, vì thế mà tâm lý họ rất cởi mở, họ thích mở mang về phương diện tình cảm tâm hồn hơn. Tất cả những yếu tố ấy làm cho sự suy tư của họ vừa sâu sắc, vừa tế nhị, để họ kiếm ra được cách áp dụng các loại kim nhỏ dùng chích vào những địa điểm quan hệ trong thân, hầu dẫn cho hai dòng điện năng lực âm dương của cơ thể trở về với thế quân bình là bệnh khỏi. Cho nên mới nói: “Dân miền Nam khi có bệnh thường xảy ra chứng loan tê, pháp trị rất phù hợp với loại kim nhỏ. Vì thế nên thỉ tổ phát minh ra chín loại kim cũng từ miền Nam, miền khí hậu nóng”.

BÌNH

Một buổi sớm mai vừa nhấp chung trà lạt vừa đọc qua đoạn này, bỗng dưng nôn ruột bắt phì cười, nín không được đến nước trào lên mắt mũi

mà sặc.

Có một dạo nào các ông châm cứu sinh Việt Nam đi học hỏi với các châm cứu đại sư Âu Tây mang về nước một mớ tài liệu... Các ông Tổ sư bồ đề châm cứu Âu Tây, trong bụng họ dẫy đầy thắc mắc: Không hiểu một dân tộc lạc hậu dơ bẩn cổ lỗ thiếu vệ sinh như dân tộc Trung Hoa, mà sao lại phát minh được môn châm cứu thật là thần kỳ?! Quả thật là lạ lắm! Nhưng rồi theo đó, kẻ thì bảo: "Có lẽ buổi đầu phát nguyên từ một giống dân du mục nào đó, thường ưa xài cung tên để bắn nhau, nhân một lúc nào rủi bị thương trúng các huyệt, rồi từ đó mà phát minh". Có người lại bảo: "Không phải thế! Có lẽ buổi đầu phát nguyên từ một giống dân trong rừng sâu, hàng ngày băng rừng lướt bụi bị những gai góc đâm vào phát sanh cảm giác, rồi từ đó mà phát minh" v.v. và v.v. Trời ơi! Rõ thật là một cách thế lập luận của những người tôn thờ bộ óc, những người vì ăn trái cấm nhiều quá chạy nọc quá sâu mà sanh ra biến chứng lạ kỳ! Ước chi có cách biến hóa ra vô lượng vô số vô biên thiên này mọc cánh bay khắp trời Âu, để giúp làm hồi chuông cảnh tỉnh cho giấc mộng đêm dài của các tổ sư bồ đề châm cứu Âu Tây vậy.

ĐOẠN 6

PHIÊN ÂM

Trung ương giả, kỳ địa bình dĩ thấp, thiên địa sở dĩ sanh, vạn vật dã chúng. Kỳ dân thực tạp nhi bất lao, cố kỳ bệnh đa nuy khuyết hàn nhiệt, kỳ trị nghi đạo dẫn án kiểu. Cố đạo dẫn án kiểu giả diệc tùng trung ương xuất dã.

DỊCH

Miền Trung ương là miền đất đai nhiều đồng bằng, nhiều khí ẩm, do đó mà khí trời đất hóa sanh vạn vật một cách rất phồn thịnh. Vì thế mà dân cư các miền ấy ít bị lao khổ cực nhọc, ăn uống nhiều thứ tạp nhạp. Cho nên khi có bệnh thường xảy ra bệnh teo, bệnh khuyết nghịch, nóng lạnh. Vì thế mà phương pháp trị cũng rất phù hợp

với phép đạo dẫn, phép án kiểu. Cho nên phép đạo dẫn án kiểu cũng là phép xuất phát từ trung ương.

GIẢI

Nói đến hai chữ "trung ương" là ta phải nhớ ngay những vùng nóng lạnh ấm mát quân bình, Đông Tây Nam Bắc giao nhau, địa thế nhiều đồng bằng, đất đai phì nhiêu phồn thịnh, vạn loại biến hóa sanh sôi, ít núi non hiểm trở, khí hậu nhiều khí biến hóa của Trường Hạ, rất gần giống với miền Nam.

Đã là âm dương lạnh nóng quân bình, Đông Tây Nam Bắc giao nhau, tức là Kim Mộc Thủy Hỏa giao nhau. Lẽ cố nhiên địa thế phải biến thành đồng bằng và phải giàu khí ẩm thấp, đất đai phải biến thành màu mỡ. Chẳng khác nào ta pha trộn bốn màu trắng đen xanh đỏ lại, là ta có được màu đất.

Trong một năm bốn mùa 5 hành thì Xuân sanh, Hạ trưởng, Trường hạ hóa, Thu thâu, Đông tàng. Cho nên biết được chỉ có khí thấp Thổ là nền tảng của sanh cơ trong biến hóa vô cùng. Trên khắp mặt địa cầu trừ những nơi biển đảo kỳ dư, nơi nào kém khí thấp Thổ tức là kém sự giao nhau của âm dương; cho nên vùng ấy cũng khó phì nhiêu và cũng ít đồng bằng, thảo mộc rừng cây cũng ít phồn thịnh chen chúc. Cho nên mới nói: "Miền Trung ương là nơi nhiều đồng bằng, giàu khí thấp thổ, do đó mà vạn vật hóa sanh một cách rất phồn thịnh" là vậy.

Hết thảy các miền, không miền nào nhiều thức ăn cho bằng miền giàu khí thấp Thổ, có thể có đủ thứ trái cây, vô số thủy lợi, không biết bao nhiêu rau cải hoa màu, chăn nuôi súc vật dễ dàng, săn bắt tìm kiếm giản dị. Con người không cần phải đến khó nhọc mà cũng vẫn có ăn không thiếu. Lại thêm một điều trái ngược, đã là nhiều khí Trường hạ, đến mùa Hè đã dễ sanh bệnh tật, mà mùa Hè cũng lại là mùa không biết bao nhiêu trái cây, cá, mắm, rau cải. Dù cho những người thật là siêng năng, thật là tiết độ, nhưng cũng khó tránh hai chứng bệnh là ăn nhiều thứ trong một lúc và ít cực nhọc. Do đó mới nói: "Dân miền Trung ương ăn tạp và ít lao khổ cực nhọc".

Khí thấp Thổ bên trong thông với tạng Tỳ, tạng Tỳ chủ về tay chân. Cho nên khi khí thấp Thổ bị ngưng trệ thì dễ xảy ra bệnh teo. Khi khí thấp Thổ tiêm nhiễm vào cơ thể nhiều quá, làm cho hột máu đỏ bị nở giãn ra, mà gây thành chứng nóng lạnh. Và mỗi khi có nóng lạnh, âm dương không giao nhau được ở tay chân, thì dễ sanh chứng khuyết nghịch (dễ thấy nhất là những trường hợp bệnh sốt rét ở các miền ẩm thấp). Miền Trung ương là miền khí của bốn hướng giao nhau, do đó mà rất dễ xảy ra chứng nóng lạnh. Cho nên mới nói: "Khi phát bệnh phần nhiều là xảy ra bệnh teo, khuyết nghịch và nóng lạnh".

Chứng teo, chứng khuyết nghịch vốn đã là chứng bệnh ở tay chân. Lẽ cố nhiên buổi đầu trong vô tình hoặc tay này nắn bóp tay kia, hoặc tay nắn bóp cho chân, hoặc nhờ người khác nắn bóp cho mình. Trong nhiều cách hoặc nắn, hoặc bóp, hoặc xoa, hoặc hơ, cuối cùng phép nào công hiệu nhất phép đó được chọn.

Hai chữ "đạo dẫn" tức là muốn nói sự lay chuyển gân cốt làm hoạt động các khớp tay chân để giúp cho khí huyết được lưu thông vận hành. Chữ "án" có nghĩa là đè nắn, chữ "kiểu" có nghĩa ám chỉ cho hai mạch Dương kiểu, Âm kiểu. Tức là muốn nói cách thức đấm bóp xoa nắn các huyệt Khê, huyệt Cốc của mạch Kiểu để trừ bệnh tật ở tay chân. Đời sau gọi là đạo dẫn án ma cũng chính là pháp nầy. Thế thì "phương pháp đạo dẫn án kiểu cũng là phương pháp xuất phát từ miền Trung ương" vậy.

BÌNH

Có người hỏi: Tại sao các dân tộc những miền thuộc bán cầu phương Đông lại dễ thờ lạy cúng bái những hình tượng lạ kỳ, dễ tin tưởng những gì không bằng cứ, và những hiện tượng ma quái lại cũng rất thường thấy xảy ra ở những vùng ấy?

Đáp: Nếu chúng ta có đọc NỘI KINH một cách chín chắn kỹ càng tự thiên đầu, và đã thâm nhập nghĩa "trời thiếu Tây Bắc, đất thiếu Đông Nam" thì đến đây không cần hỏi ta cũng rõ suốt.

Đã biết rõ những vùng thuộc miền Đông, Nam, Trung ương vốn là những vùng khí hậu nóng ấm, ẩm thấp, đồng bằng, đầm lầy; vốn thuộc hệ thống chịu sức chi phối của luật ly tâm. Cho nên con người sớm phát

dục, tinh thần dễ cởi mở, cơ thể thiếu rắn chắc, con người không được to lớn, tinh thần biến hóa theo sức bốc lên, bung ra, dễ chú trọng đến tình cảm. Sự rung cảm bắt đầu khởi từ tạng Tim, và toàn thân mặt da làm việc nhiều hơn trí óc. Trên bình diện thông thường, khi chưa được giác ngộ phần nhiều thiên lệch về trực giác bản năng của sức phản ứng thiên nhiên bảo vệ.

Vì trong khung cảnh nóng ấm, nên họ thường dễ bị xảy ra chứng trong cơ thể thừa nước chua và chứng tuần hoàn rối loạn, hột máu đỏ chết đông đặc ở một vùng nào; Thí dụ như trường hợp bệnh con sát (bệnh dư nước chua của trẻ em mới sanh), bệnh sản hậu huyết nghịch, bệnh con ranh của đàn bà (huyết đóng khối ở tử cung) làm cho có những hiện tượng kỳ lạ xuất hiện.

Hợp tất cả những điều kiện nói trên, với tinh thần cầu an không thích quấy rầy, đại đa số quần chúng thất thế nghèo nàn hoặc thiếu hiểu biết, có chỗ dựa nương để mà thờ lạy cúng bái van xin, cầu an một cách hời hợt vậy thôi. Chứ không như tinh thần mê tin đóng cứng một cách dị đoan kỳ lạ, xuất phát từ con đường cùng của bộ óc lý trí, rất khó gột rửa như các dân tộc ở miền Tây, miền Bắc của các xứ cao nguyên với khí hậu mát, ráo, lạnh của bán cầu bên kia. Đó là đại lược của lý do hiện tượng thần quái cũng như hiện tượng mê tin của các dân tộc bán cầu phương Đông.

Hỏi: Tại sao lại các dân tộc ở nửa thế giới bên kia không có tinh thần như thế? Và cũng ít xảy ra những hiện tượng lạ lùng như thế?

Đáp: Đại phàm đọc sách, muốn thâm nhập được hết tinh thần của sách, thì khi nói về phía bên này là trong chỗ không lời đã nói toạc ra hết những gì của phía bên kia, chỉ cần một chút lưu tâm là thấy ngay chớ sao lại còn hỏi. Thế mới biết: Hỏi như thế cũng đã là bị một thứ bệnh lý trí của bán cầu bên kia truyền nhiễm sâu rồi. Do đó mà tinh thần mê tin của bộ óc cũng thật là rất khó gỡ.

ĐOẠN 7

PHIÊN ÂM

Cố thánh nhân tạp hợp dĩ trị, các đắc kỳ sở nghi. Cố trị sở dĩ dị nhi bệnh giai dũ giả, đắc bệnh chi tình, tri trị chi đại thể dã.

DỊCH

Cho nên thánh nhân mới có sáng kiến gom hết các phương pháp lại để chọn dùng, tùy trường hợp mà thi trị, hết thảy đều được sự phù hợp nên trị tuy có những cách khác nhau mà bệnh đều khỏi cả. Đó là bởi áp dụng được phù hợp đúng với bệnh tình, biết được đại thể của phép trị.

GIẢI

Tại sao lại phải gom hết lại, mà lại gọi là biết được đại thể của cách trị?

Toàn cả bộ NỘI KINH khởi tự thiên đầu đều kiến thiết trên một nền tảng đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong cõi linh không vô cực của thiên nhiên. Do đó mà nguyên lý "một là tất cả – tất cả là một – một tức tất cả – tất cả tức một – trong một có tất cả – trong tất cả như một – một không lìa tất cả – tất cả không lìa một" trở thành một định lý căn bản, dù to như bao la hay nhỏ như vi trùng, siêu nguyên tử cũng không lìa tay thước này.

Một cái biết, biết đến tận cùng nguyên lý đã là một chuyện hết sức khó khăn. Nhưng nếu cái biết ấy không thể hiện được vào khắp phương diện đời sống hàng ngày, tức là một thứ không biết, hoặc một thứ khỉ thông thái gì đó hay một thứ vẹt thánh nhân cũng nên.

Một công thức thuốc tễ có mười vị khác nhau, sau khi chọn lựa cân định xong, người ta đem nghiền nhỏ thành bột, rồi cho mật ong vào quết nhừ thành một trăm viên. Như thế nhất định trong mỗi viên đều không thể không đủ mặt cả mười vị, dù cho người nhân công có quá vụng về thì cũng chỉ đến xảy ra chênh lệch nhiều ít chút ít mà thôi, chứ không thể nào trong một viên thuốc có thể thiếu hẳn đi một hoặc hai vị cho được.

Cũng tương tự như thế, trên mặt đất này dù có phân Đông Tây Nam Bắc Trung ương chăng nữa, rồi trong Đông Tây Nam Bắc Trung ương cũng sẽ còn có Đông Tây Nam Bắc Trung ương của nó. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong cõi thiên nhiên này, ai nghĩ tách rời từng khối để riêng theo kiểu máy móc là người đó điên dại quá chừng!

Trong tất cả mọi cái học đều có thể xếp thành hai loại: Một là cái học của phàm phu, hai là cái học của thánh nhân. Sao gọi là cái học của phàm phu? Chúng ta đừng vội tưởng học trộm cắp, sát nhân, gian tham, đểu giả mới là học phàm phu; dù cho học Phật, hay học tiên thánh gì đó chăng nữa, miễn là cái học ấy không đưa ta đến tận cùng nguyên lý cứu cánh, và khi ta nói ta đã thâm nhập vào tận cùng nguyên lý cứu cánh ấy rồi, mà ta không thể hiện được một mảy may nào vào trong đời sống thực tại hàng ngày ở chính nơi bản thân bản tâm ta, thì đều được gọi là cái học của kẻ phàm phu. Ngược lại, hết thảy những người nào thông đạt được tận cùng nguyên lý cứu cánh trong cuộc sống hàng ngày nơi chính thâm tâm mình, thể hiện một màu sắc đúng theo nghĩa hiểu biết của mình, thì đều được gọi là cái học thánh nhân. Thí dụ như tôi nói: Tôi thấy hết thảy vật chất đều không thật, đều vô thường, thì tôi không cần phải đợi ai dạy bảo tôi phải làm những gì và không nên làm những gì, mà tự nhiên không vì lẽ gì mà tôi phải đam mê theo vật chất; đó là chỗ khác của phàm phu và thánh nhân.

Hết thảy những vật chất cũng như những phương pháp cách thức trên thế gian này, không có một vật nào hay một phương pháp nào mà không có chỗ dùng; dù những vật thừa như phân, những phương pháp thô lậu xuất phát từ những miền mọi rợ chăng nữa, chỉ có cách ta áp dụng đúng chỗ, đúng lúc hay không mà thôi. Biết áp dụng đúng chỗ, đúng lúc, không bỏ một pháp, một vật nào hết, đó là tinh thần siêu tuyệt trong học thuật vậy.

Trong một xã hội hay toàn cả thế giới loài người, sở dĩ có sự mâu thuẫn trái chướng nhau trong mọi ngành cũng như mọi lãnh vực, đều là lỗi tại ở mạnh ai cứ phát triển theo kiểu ý thức rừng rú phàm phu của mình chớ không phải là một sự kiến thiết trên một nền tảng nguyên lý cứu cánh do tự mình giác ngộ. Cũng chính vì thế mà trong Y khoa mới có hiện tượng phân chia ranh giới Đông y, Tây y, thuốc Nam thuốc Bắc; hết thảy những cái ấy đều là chuyện của phàm phu u mê mà ra. Vì thế nên thậm chí có nhiều vị tự xưng là bậc lão thành trong Đông y, mà lại dám

ngang nhiên viết sách nói lên rằng: Tài liệu *Thương hàn luận* không thể dùng được, vì xứ Việt Nam vốn không có thương hàn. Thật là dốt nát! Mà lại còn đem lỗi lầm ấy đổ trút lên đầu một cổ nhân nữa. Thật là quá quắt!

Những cây cối trong rừng tuy là trên ngọn không bao giờ có sự bằng nhau, nhưng gốc rễ đều cắm xuống mặt đất như nhau. Xã hội loài người cũng tương tự như vậy. Chính vì thiếu hiểu biết về một nguyên lý nền tảng mà loài người suốt kiếp này sang kiếp khác đều cắm đầu săn đuổi tìm kiếm cái đại đồng, nhưng càng tìm càng thấy chỉ là ảo vọng. Hết thảy đều chỉ vì bỏ quên việc khám phá chính con người của mình trước, nên tất cả đều trở nên u mê.

Trong định luật co giãn rung rinh hồi tụ của năng lực viên quang tận tự bao la, muôn thuở nó vốn là vậy. Cho nên dù có xài dùng đến bao nhiêu cũng không vì thế mà hao hụt, hay bù đắp thêm bao nhiêu cũng không vì thế mà có dư. Bao la trời đất đã vậy, con người há lại khác hơn. Do đó mà hễ là khác hơn, tất có xảy ra dư thiếu mới cũ. Biết được chỗ đó, mà tất cả những bậc "bình thiên hạ" tự ngàn xưa đều biết cách gom hết tất cả những sự nghiệp hiểu biết của muôn dân muôn phương về, để chỉnh đốn lại cho được minh bạch sắc sảo; rồi trả về cho muôn phương muôn dân một cách đồng đều đầy đủ, để khi áp dụng ứng cơ không bị thiếu sót, hầu bù đắp cho những khi trong trật tự thiên nhiên gặp phải những hồi tai biến bất thường mà cuộc sống con người không chuyển hóa theo kịp. Và rồi từ đó cũng lại tự muôn phương thu về, để rồi cũng lại tung ra. Vì thế mà mạch sống vẫn được luôn luôn mới hằng mới. Chính vì chỗ này mà vua Thang mới chạm mấy câu trong phòng tắm. Nguyên lý này trong lãnh vực Y khoa chính là chỗ tôi gọi là y tế quốc tế đại đồng, mà cũng gọi là y tế nhân dân trong một quốc gia vậy. Cho nên mới nói: "Thánh nhân có sáng kiến gom hết các phương pháp lại để chọn dùng, tùy trường hợp mà thi trị, hết thảy đều được sự phù hợp…" Thế là trong chỗ không lời cổ nhân đã tỏ cho ta biết rằng họ đã thấu suốt tận cùng nguồn cội mà những cái học của chúng ta ngày nay như nguyên tử học, tế bào học, tổ hợp cơ học đều đã không lạ lùng gì; và giờ đây đem chỉ cho ta cách thức thể hiện vào trong tất cả các ngành của tất cả đời sống hàng ngày, hầu cho cuộc sống này luôn luôn đại đồng, luôn luôn mới và luôn luôn tràn ngập tình thương vô tận, chứ không phải máu chảy thành sông, xương chồng tày núi, nước mắt tràn ngập bể khơi như cuộc sống hiện tại của chúng ta ngày nay đâu! Hơn nữa ta hãy lắng nghe cho

kỹ trong đây vẫn u ẩn những lời thì thào trách móc cho hầu hết loài người chúng ta ngày nay đều là những đứa con điên khùng, trắc nết, khó dạy. Đó là ý chỉ của đoạn này.

Lời giải toàn thiên

Nếu đọc sách mà chỉ biết đọc ở bề có chữ, bề mặt mà quên hẳn bề trái, bề không lời, thì ta chỉ là những nạn nhân để cho kẻ khác xỏ mũi dắt đi. Thật là uổng cả một đời học hỏi, như thế thà không có sách còn hơn!

Toàn cả thiên này, đành rằng nhìn ở bề mặt vốn là hai người đang nói chuyện về nghĩa "dị pháp phương nghi". Nhưng nếu ta nhìn sâu thêm chút nữa, ta sẽ thấy những chỗ không lời đang nói về nghĩa thân với cảnh vốn đồng nhất, vốn không hai, vốn nhất như, vốn tuy hai mà một, tuy một mà hai. Trong vô tình thì hoàn cảnh cấu tạo con người, trong hiểu biết con người chuyển xoay hoàn cảnh. Dù hoàn cảnh cấu tạo con người hay con người chuyển xoay hoàn cảnh chăng nữa, phần tinh thần, phần tâm thức vẫn là đầu dọc. Xuân sanh, Hạ trưởng, Trường hạ hóa, vốn là thuộc phần ly tâm, thuộc về miền Đông, Nam và Trung ương; còn Thu thâu, Đông tàng vốn là thuộc phần hướng tâm, thuộc miền Tây và miền Bắc. Chính vì thế mà những người dân miền Đông, Nam, Trung ương lòng dạ dễ cởi mở, dễ chân thật, ít chuộng lý trí; còn lòng dạ của dân miền Tây, miền Bắc phần nhiều khép kín lại, dễ xảo trá, dễ chuộng lý trí. Công lệ này vốn thấu suốt muôn loài, chứ không riêng chỉ con người là thế.

Nhìn sâu thêm một tầng nữa, là ta thấy ngay luận giả đang đặt một nền móng y tế đại đồng mà cũng là y tế nhân dân cực kỳ khoa học.

Và nếu ta tiến sâu thêm một tầng nữa, ta mới thấy can trường của luận giả bao trùm thái hư, thấy biết của luận giả không hề bị vướng vào thời gian, không gian, Đông Tây kim cổ, mà chí nguyện luận giả không ngoài để thức tỉnh tất cả loài người cho cuộc sống này trở nên luôn luôn mới hằng mới. Đó là ý nhị của tất cả toàn thiên.

Lời bình toàn thiên

Người Việt Nam chỉ có người miền Bắc là khéo về ngôn ngữ nhất. Cái

hồ (xây để chứa nước) họ gọi là cái bể, mười ngàn gọi là một vạn, xá gọi là lạy, dượng gọi là chú… Nhưng thực ra xét cho kỹ, không phải chỉ người miền Bắc mới khéo về ngôn ngữ, mà hầu hết chúng ta ngày nay đều khéo về vấn đề ngôn ngữ; chẳng hạn những danh từ như: khoa học, bác sĩ, kỹ sư, bác vật…

Nếu ta nghiệm cho kỹ, ta sẽ thấy cũng chẳng qua chỉ là những thứ dượng đổi thành chú, xá đổi thành lạy… mà thôi, chớ chẳng có hơn được tý nào. Vậy mà chúng ta vẫn căn cứ vào đó để đua nhau hoan nghênh là tiến bộ. Quả thật là không chỉ đủ cho thức giả nhếch mép mỉa mai thương hại. Như thế há chẳng là là đáng xấu hổ lắm sao?

Ngày xưa tất cả những cái học nào nếu không xuất phát từ một nguyên lý đồng nhất; và lòng với miệng không như nhau, bên trong chứa đầy mâu thuẫn, thì đều được gọi là tả đạo bàng môn. Nếu chúng ta chấp nhận như thế là chí lý, thì tất cả chúng ta cũng nên bạo dạn nhìn vào sự thật để thấy rằng: Tất cả những cái gọi là văn hóa, giáo dục, triết học, Y khoa, khoa học, chính trị, kinh tế, tôn giáo, đạo đức… mà chúng ta đang có ngày nay đều chẳng qua là những thứ tả đạo bàng môn mà thôi vậy.

Trong giai đoạn hỗn loạn này, có lắm kẻ đứng trên cương vị bênh vực cái gọi là Tây y ngày nay mà phóng ra những câu như: cái bọn Đông y…; ngược lại cũng có những kẻ bênh vực cho cái gọi là Đông y ngày nay, cũng có những hồi buông lời nói: cái bọn Tây y... Chẳng khác nào những câu như: cái bọn tư bản, bọn cộng sản; hay bọn duy vật, bọn duy tâm đều chẳng qua chỉ là những thứ chỉ trích và nguyền rủa để giành phần phải, thế thôi. Thậm chí phe Tây y ra lệnh cấm đoán tất cả những người gọi là Đông y không được đụng chạm dính dấp gì đến tất cả những vật dụng, tài liệu của Tây y. Còn những người được gọi là Tây y, ngược lại đối với tất cả những gì của cái gọi là Đông y, họ đều được có quyền tự do xâm phạm. Làm như là hễ là con mắt của Tây y tức là chân lý vậy! Nhưng theo tôi thì sự thật chỉ có thông đạt hay không thông đạt, chánh biến tri hay chánh điên đảo. Nếu chưa phải là thông đạt, là chánh biến tri, thì dẫu có hơn thua nhau chút ít chăng nữa cũng chẳng qua chỉ là phàm phu, chớ chẳng có gì đáng gọi là vinh hạnh cả. Mạnh Tử nói: "Khi có giặc đến, giặc đuổi hoảng hốt chạy cuống cuồng. Đến khi tạm yên, bình tĩnh trở về, người chạy gần cười người chạy xa là thiếu bạo dạn. Nhưng sự thật cũng đều chỉ là một bọn cắm đầu chạy mà thôi" há có hơn được tí nào. Như thế ta phải nghĩ sao đây?

Luận giả đưa ra một nguyên tắc gọi là "Dị Pháp Phương Nghi", mà lại nhằm vào thiên thứ 12 thuộc quyển 2 trong phần Tố Vấn. Ví nếu nguyên tắc này đưa ra ngay tận khi mới bắt đầu, thì lại biết đâu không trở thành một nồi xà bần như những cái gọi là đại học Y khoa thống hợp cả Đông Tây y ngày nay đang làm? Thế mới biết: muốn cất nhà lầu cao bao nhiêu tầng thì cất, nhưng phải làm nền tảng vững chãi trước đã. Cũng như những cây cổ thụ có cành lá sum sê đến đâu chăng nữa nhưng vẫn phải là từ một gốc. Nếu không như thế thì quyết định sẽ rước lấy tai họa vào mình, y hệt như những tổ chức quân đội trong những khối liên hiệp quốc gia ngày nay. Ngôn ngữ khác, phong tục khác, tập quán khác, ăn uống khác, tánh tình khác, cách thức chỉ huy khác; thế mà xâu lại vào một nơi thì sự xảy ra rối loạn, dù trẻ con cũng có thể biết được. Thế mới biết: Áp dụng nguyên tắc Dị Pháp Phương Nghi, tức là nghĩa đã đứng hẳn trên một nguyên lý siêu tuyệt đồng nhất không hai để chỉ huy, thì sự thống hợp càng dồi dào phương tiện càng tốt. Chớ không phải là thứ chánh trị hễ ai có thứ gì thì mình phải có thứ nấy.

Hiện tình loài người đang ở vào giai đoạn: Về vật chất thì năm châu dễ dàng họp chợ, còn về mặt tinh thần thì lại hoàn toàn bế tắc không có lối dung thông. Trong tình trạng nầy, trên khía cạnh Y khoa xin thử hỏi: Tất cả các nhà lãnh đạo y tế tất cả các quốc gia trên thế giới ngày nay đang làm gì và sẽ phải làm sao?

Nếu ta cứ để cho tinh thần thật là bình tĩnh, phóng tầm mắt ra suốt cả thế giới năm châu, đừng vội nhìn ở mặt tiền mà hí hửng lạc quan một cách vô lý, rồi ta mới thấy hầu hết loài người ngày nay đang bị ở trong một trình trạng phải nghe toàn những điều không muốn nghe, thấy toàn những việc không muốn thấy, nói toàn những lời không muốn nói, làm toàn những việc không muốn làm. Thế nhưng phải lắng nghe, phải thấy, phải nói, phải làm; thậm chí đến lấy thúi làm thơm, đổi đen ra trắng, đến thế là cùng cực.

Nào ai có ngờ! Một thanh niên thật tình không muốn giết hại ai, không bao giờ nghĩ muốn đi lính, thế mà lại tìm vào cơ cấu Hải quân để đầu quân!

Nào có ai ngờ! Một sinh viên tuy rất không thích cái gọi là Tây y ngày nay, và trong lòng luôn luôn rất muốn tìm học trở về với Á Đông,

thế mà vẫn phải vướng lấy bao nhiêu yếu tố để theo học cái gọi là Tây y, cho đến khi tốt nghiệp!

Nào có ai ngờ! Một chàng thanh niên trẻ rất không thích đạo Phật, cũng rất không thích thầy chùa, thế mà lại vào chùa, đăng đàn thọ giới, cạo trọc, ăn chay. Mà vẫn phải làm!

Thậm chí đến khi đục nước cùng đường không lối thoát, rồi phải bị giáp mặt với sự thật mà trong lòng chúng ta vẫn cứ sợ sự thật, muốn khỏa lấp làm ngơ; nhưng sự thật vẫn là sự thật lúc nào cũng đưa đến… Như thế thử hỏi: Trong tiếng gọi kêu ca thống thiết của loài người ngày nay, có phải thật tình là loài người đang băn khoăn muốn tìm lấy một lối thoát?! Hay chỉ là một thứ đi tìm kiếm đổi chác lấy những hầm núp nổi mà thôi.

Như ta đã thấy, hết thảy sự đời chỉ có hai nẻo: hoặc chánh biến tri, hoặc chánh điên đảo, chớ không có ai lạng quạng lừng khừng. Quay trở vào là chánh biến tri, quay trở ra là chánh điên đảo.

Chánh biến tri sẽ đưa ta đến đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông; đến đại đồng; đến tình thương chân thật. Còn chánh điên đảo sẽ đưa ta đến tàn sát đau thương, đến loạn ly phân hóa, đến đổ vỡ tan tành. Dù ta có muốn hay không sự thật vẫn vốn là thế. Vậy thử hỏi giờ đây ta muốn đằng nào? Ta có dám ngang nhiên thẳng thắn mà bảo rằng: Ta đang rất muốn tàn sát đau thương, loạn ly phân hóa, đổ vỡ tan tành, hay nương thế mà trục lợi, nương lợi để gây thế, miệng thì nói không không mà lòng vẫn là có có? Nếu chúng ta thật tình muốn có đại đồng, có tình thương chân thật thì ta cũng nên thử nghĩ: Trong chánh biến tri thế nào mới là xứng đáng một tinh thần lãnh đạo quốc gia? Thế nào mới là đúng nghĩa bổn phận của một người? Thế nào mới là đúng nghĩa một tinh thần nền tảng văn hóa giáo dục? Thế nào mới là đúng nghĩa một tinh thần Y khoa? Thế nào mới đúng nghĩa thiên chức của một lương y? Đã đến thế này chúng ta không đáng cùng chung ưu tư chia sớt sao?

Nếu ta đọc NỘI KINH với một lòng chân thành kính cẩn, đọc hết thiên trên ta sẽ cảm nghe có tiếng âm thầm trong hư vô.

Con người ngày nay thật là xấc xược kiêu căng một cách kỳ lạ. Hễ

động đến là bác học, bác sĩ, kỹ sư, bác vật…; động đến là nói chuyện chuyên môn, chuyên khoa học; nghe nói hình như là thật cao thật sâu lắm vậy. Nhưng hễ nói đến chuyên môn đau đầu thì chỉ biết có đầu, ngoài đầu ra hình như không còn gì đáng biết nữa. Rõ thật là những bọn té giếng không lên được! Thế mà mở miệng là nói văn minh, mở miệng là người xưa không biết được như người nay. Chớ không dè chỉ nội một chuyện Dị Pháp Phương Nghi từ vấn đề địa lý, mà trong đó bao hàm cả một kho tàng u ẩn, nào là Nhân chủng học, Tâm lý học, Xã hội học, Thực vật học, Y học, Bệnh lý học, Châm cứu học, Ẩm thực học, Cơ thể học cho đến Nông lâm súc đều hàm chứa không thiếu, để chuẩn bị cho một cuộc nảy nở sum suê mà không hề bị vì chuyên môn trở thành mâu thuẫn. Vì sao mà họ được như thế? Té ra chỉ vì người xưa biết được cách thức nhìn trọn vẹn sự đời, để rồi họ tự phát minh ra những quy luật. Dựa vào quy luật nguyên lý mà vỡ tung ra không biết bao nhiêu là kho tàng quý giá. Tất cả chung quy đều chẳng qua từ nguyên lý Vô cực, Thái cực, Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành, Lục khí... Còn người nay chỉ biết nhìn sự đời bằng cách manh mún, để rồi lao đầu cắm cổ vào cái hố chuyên môn phân hóa, mâu thuẫn, tàn hại mà thôi. Không biết người nay có mấy ai được thức tỉnh hay không nhỉ?

Thông qua tinh thần suốt thiên, mắc liền với toàn bộ NỘI KINH, bắt nguồn từ cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của muôn vàn hiện tượng từ trong viên quang tịch chiếu của **linh không vô cực** hồi tụ hiện ra, đến một cuộc đàm đạo về Dị Pháp Phương Nghi, luận giả không hề có một thoáng nào sơ hở về nghĩa một là tất cả – tất cả là một – một tức tất cả – tất cả tức một – trong một có đủ tất cả – trong tất cả như một – một không lìa tất cả – tất cả không lìa một". Nhà Phật nói: "Nếu ai khéo phân biệt các pháp tướng, thì nghĩa cứu cánh không bị lay động", so với tinh thần này thì là một hay khác? Xin mời độc giả hãy trầm quan!

THIÊN THỨ 12

- HẾT -

Thượng ngươn – hạ ngươn
Chánh pháp – mạt pháp

Nếu tôi chỉ biết băn khoăn than thở về thời thế mạt pháp hạ ngươn, thì tôi chẳng qua chỉ là một thứ rác rến, một loài sứa thả trôi lều bều theo mặt nước. Như thế cuộc học đạo của tôi còn có nghĩa lý gì, làm sao tôi thâm nhập nổi tinh thần NỘI KINH.

C.N

Thiên 13
DI TINH BIẾN KHÍ

PHẦN CHUYỂN TIẾP MỞ ĐẦU THIÊN THỨ 13

Muốn buông tinh thần ngao du vào thiên này cũng phải có cách thức đi vào cửa như đi vào thiên thứ 9. Nếu không như thế thì không những không vào được tận cùng bên trong; ví phỏng có vào được chăng nữa rồi cũng đến không biết đường ra, đừng nói chi đến thâu thập được một bảo vật nào. Vậy nên trước khi bước vào, mời độc giả hãy thận trọng thông qua những vấn đề như sau:

1. Vấn đề san định đoạn lạc và câu văn

Sau khi thông qua tinh thần toàn thiên, chúng tôi nhận thấy đại lược tinh thần câu hỏi của Huỳnh Đế luôn luôn không ngoài hướng nhắm về khám phá con người để chữa trị bệnh tật; còn ý đáp của Kỳ Bá hướng nhắm luôn luôn cố ý mở rộng tầm mắt cho nhà Vua, để cuối cùng mở lối dung thông vào chánh đạo. Vì thế mở đầu hình như là câu chuyện của Y khoa, mà kết thúc lại là câu chuyện của Đạo học. Rõ ràng tinh thần luận giả

không lìa cái **Đạo đại học**, tay thước tu tề trị bình và tinh thần **Trung đạo** mà đến đời sau Khổng Tử mới thân thuật; và cũng chính là **tinh thần vô vi** của Lão Trang, **Vô trụ** của nhà Phật đề xướng sau nầy; chỉ vì cơ duyên thời thế khác nhau mà lối nói ra cũng có khác.

Nhắm vào những điểm nhận xét trên, chúng tôi nhận thấy về đoạn lạc cũng như về câu văn, có lẽ vì sao chép ấn loát hoặc tàng trữ trải qua nhiều thời đại, nên xảy ra nhiều đảo lộn mất mát. Thí dụ trong đoạn 2, mở đầu là khẩu khí của Huỳnh Đế, thế mà không có bốn chữ "Huỳnh Đế vấn viết"; đoạn 5 cuối bài kệ đáng lẽ câu thứ bảy, thứ tám mỗi câu phải có 4 chữ, nhưng mỗi câu chỉ còn có hai chữ; đủ biết rõ ràng là bị mất mát.

Toàn thiên vỏn vẹn chỉ có thể phân làm năm đoạn. Đáng lẽ phải đúng với mạch văn cũng như tinh thần của Kỳ Bá, thì đoạn 1, đoạn 3, đoạn 4 luận giả cắt nghĩa về bệnh tật và cách trị khó dễ, đúng hoặc sai; còn đoạn 2 và đoạn 5 là luận giả muốn hướng dẫn tinh thần người nghe trở về với Đạo. Thế là đoạn 3 đoạn 4 chính là đoạn 2 đoạn 3, còn đoạn 2 phải trả về cho đoạn 4 thì mạch văn mới thông suốt và sáng tỏ.

Về phần câu và chữ ở đoạn 4, chúng tôi vừa phiên âm y theo chánh văn, vừa thử sắp lại theo nghĩa san định, xong mới đến phần dịch. Riêng đoạn 5, cuối bài kệ thứ nhứt ở câu thứ 7 và 8, mỗi câu mất hai chữ, chúng tôi chỉ điền thẳng vào mà không có phần san định như đoạn trên. Nên trình bày rõ để độc giả tiện bề theo dõi.

2. Vấn đề cõi siêu hình

a. **Siêu hình là gì?** Là một thứ hiện tượng ngoài hiện tượng vật chất, mà giác quan ta thường sờ đụng thấy được. Vì không phải ai cũng thấy, cũng nhận ra được một cách rành mạch rõ ràng, cho nên phổ thông người ta cũng gọi là cõi vô hình.

b. **Tại sao lại gọi là cõi?** Vì lẽ hình như riêng biệt hẳn cõi hiện tượng vật chất; đó là thể theo giác quan ta mà nói, nhưng kỳ thực trong con mắt của người hiểu biết nó cũng chỉ là một hiện tượng vật chất thôi.

c. **Cõi siêu hình từ đâu mà có?** Sự thật nếu không có con người

thì dù có cõi siêu hình hay không chăng nữa cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Đành rằng có vũ trụ rồi mới có con người, nhưng khi có con người mới có chánh biến tri hay chánh điên đảo. Con người đối với bao la tuy chẳng có nghĩa lý gì, nhưng cũng rất là có nghĩa lý; cho nên tài nhân mới trở nên quan trọng, và điều kiện tinh thần, điều kiện bổn tánh linh diệu nhiệm mầu trở nên là vấn đề quan trọng nhất.

Từ viên quang tịch chiếu của năng lực rung rinh hồi tụ tận tự bao la kết tinh thành vũ trụ tướng, trong vũ trụ, trên Thái dương hệ nàycó chúng ta. Cả loài người tới vũ trụ hướng ánh chiếu ra vòm viên quang tịch chiếu, độ phản chiếu trở lại cấu tạo thành một cõi hiện tượng ngoài cõi hiện tượng vật chất nầy. Thế là tràn ngập bao la, ngoài cõi hiện tượng vật chất không phải là thứ không ngơ không ngớt như ta thường tưởng. Thế là cõi siêu hình hay cõi vô hình vốn là bóng dáng của cõi hiện tượng vật chất.

Nhưng đến con người thì lại đâu phải chỉ là vật chất. Mặc dù trong cõi cụ tượng, nhưng con người vẫn là linh thông hay biết, phương chi trong đó còn biết bao sinh vật khác. Bởi điều kiện tâm linh là điều kiện quan trọng nhất, và con người là trung tâm vấn đề; cho nên khi con người chánh biến tri thì cõi siêu hình cũng chánh biến tri; nếu con người chánh điên đảo thì cõi siêu hình cũng chánh điên đảo. Cõi hiện tượng vật chất này có hiện tượng khoáng chất, thực vật và động vật thì bên cõi siêu hình cũng đủ y như thế. Bên cõi cụ tượng này có thứ người là rắc rối nhất, thì bên cõi siêu hình cũng không thể khác hơn. Vì thế nên một khi con người chánh biến tri, thì cõi siêu hình trở nên quang đãng; nếu con người chánh điên đảo, mâu thuẫn, ôm đồm, khắt khe xung chướng thì toàn cõi siêu hình đối với con người cũng ôm đồm, khắt khe, xung chướng. Chỉ có khác là theo thế viên quang tịch chiếu, hàng ngày ta đi đứng, ăn uống, nói năng, ta thấy hình như chỉ có ta ở nội chỗ nầy. Chớ ta không dè rằng: Trong hồi đó khắp cõi bao la này không đâu không có hình ảnh của ta. Vì cái thế trương nở trùng trùng vô tận nầy, nên nếu ta chánh biến tri thì ta cùng với bao la cùng một nhịp hòa đồng trong cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông. Nếu ta khởi lên chánh điên đảo, thì không những ta chọi ngược với cái lẽ đồng nhất tương quan của trật tự thiên nhiên, mà còn gây thành mâu thuẫn xung chướng chấp chứa ôm đồm, để rồi cả thái không này biến thành một cõi siêu hình khắt khe, lạ kỳ trở lại làm chủ lấy ta; dù chỉ một mình ta hay cả loài người cũng thế.

Như thế đủ biết có cõi siêu hình là tại có con người, còn cõi siêu hình đó ra sao là tùy ở con người chánh biến tri hay chánh điên đảo.

d. **Cõi siêu hình có quan hệ gì đến cuộc sống con người hay không?** "Siêu" nghĩa là siêu việt, nghĩa là vẫn ở trong bản vị mà năng lực vượt tỏa khắp ngoài vòng bản vị. Ví nếu quả địa cầu này không có động vật, nghĩa là không có con người, thì có cõi siêu hình hay không có cõi siêu hình lấy ai mà biết. Đã từ có con người mới nhận ra cõi siêu hình, cõi siêu hình ấy quang đãng hay âm u là bởi con người chánh biến tri hay chánh điên đảo, thì lẽ đâu cõi siêu hình lại không dính dấp gì với cuộc sống con người! Phương chi trong cụ tượng chỉ có một, nhưng ra đến cõi siêu hình thì vô lượng vô biên. Như thế đủ biết: Khi cõi người chánh điên đảo, mâu thuẫn, xung chướng, tàn hại, giết chóc, tôn thờ trí óc, chiếm đoạt quyền hạn của trái tim thì cõi siêu hình ấy tai hại biết là dường nào! Tựa hồ như người ta bắt một con đỉa cắt làm nhiều đoạn gói chung với rau sam trong lá chuối, mang đem ủ xuống đất ẩm ướt, thường ngày tưới nước cho đừng khô; ít lâu sau bới lên, mỗi khúc đều trở thành một con đỉa, để rồi con đỉa này với con đỉa kia sẽ có cơn xâu xé lẫn nhau. Cuộc sụp đổ của toàn cả thế giới loài người ngày nay chính là nó đó! Thế là trọn cả thế giới loài người chúng ta hiện tại đang bị cõi siêu hình do mâu thuẫn chứa vựa muôn thuở của chúng ta tạo ra thao túng lũng đoạn hoành hành không sao chỏi chống gượng được; mà nhà Phật gọi là nghiệp lực chung là thế.

e. **Cõi siêu hình có thể thay đổi được không?** Nếu ta đã biết cõi siêu hình tuy rộng lớn, nhưng nguồn gốc đều bởi mỗi cái **Ta**;

Nếu ta nắm chắc được nguyên lý chánh biến tri, chánh điên đảo.

Nếu ta thấu rõ cảnh không có thuận nghịch, chỉ có lòng người sáng hay mê.

Nếu ta thâm nhập được lẽ tùy tâm mình thanh tịnh thì ngoại cảnh thanh tịnh; mặc dù trong khung cảnh cộng nghiệp tuy thấy có quá nặng nề chăng nữa, nguồn gốc cũng chỉ ở ta.

Nếu ta chân thành, không khiếp sợ, không nương dựa, không mong cầu riêng tư, quay trở vào chính con người của mình. Thì dù trong cõi

siêu hình có những hung thần ác quỷ chăng nữa cũng chẳng làm gì được ta. Chính vì chỗ đó, tuy vẫn y nhiên trong cõi điên đảo mà thánh hiền cùng các bực thông đạt vẫn tỏ sáng quang minh. Thế mới biết: Cõi siêu hình dù có to lớn đến đâu, nghiệp có nghiệp riêng nghiệp chung chăng nữa, sự thay đổi toàn triệt, sự thông đạt, chánh biến tri đều chỉ phải là chuyện của tự trong mỗi một con người. Quả thật! Quả thật! Khi vấn đề cái **Tôi** chưa thấu triệt, thì tôi phải bị kẹt vào trong gọng kềm của hiện tượng trời đất âm dương. Khi vấn đề cái **Tôi** đã thấu triệt rồi, thì tất cả những hiện tượng trời đất âm dương đều thuộc về ở trong tôi. Thật rõ ràng lắm! Một mảy may đừng lập thì sẽ có một sức mạnh không thể nghĩ bàn vậy.

3. Danh từ TAM BẢO

Danh từ này trên lãnh vực văn học cổ Trung Hoa, cũng như các nhà tu luyện cho được sống lâu, cho đến nhà Phật cũng đều thường dùng; nhưng mỗi nơi đều có một ý nghĩa riêng, chúng ta không thể không minh bạch.

Nhà Phật bảo: "Người giác ngộ tận nguồn tâm tánh gọi là Phật, thực hành theo các pháp giác ngộ gọi là Pháp, y cứ theo tinh thần giác ngộ mà đoàn tụ hòa hợp chung sống, hầu nghĩ cách giác ngộ cho quần sanh, thì gọi là "Tăng". Ba hình thức này rất quan hệ đối với muôn loài, là hình thức quí nhất trong xã hội loài người, cho nên gọi là Tam Bảo." Đó là cắt nghĩa theo trình độ thông thường, còn theo tinh thần NỘI KINH thì lại khác.

Trong mỗi một con người có ba yếu tố vô cùng quan trọng cho mạch sống: Một là tất cả các chất tinh hoa được kết đúc trong khắp châu thân đều qui tụ về tủy và óc, để làm nền tảng phát triển cho hệ thống thần kinh; mà tạng quan trọng là tạng Thận, phần bài tiết quan trọng là tinh khí, phần bủa khắp châu thân để đối phó và tiếp xúc với tất cả ngoại cảnh là thành phần máu trắng. Cả hệ thống máu trắng, hệ thống tủy óc, hệ thống thần kinh và tinh khí đều hoàn toàn có đặc tính động vật hơn là thực vật và khoáng chất; điểm này độc giả hãy ghi nhớ kĩ. Đây là nghĩa của yếu tố thứ nhất gọi là "tinh".

Hai là động cơ hô hấp, thâu nạp khí trời vào suốt 5 tạng ra suốt da

lông, để vừa là động cơ thâu hút dinh dưỡng, vừa cùng với các thức ăn uống để góp công tiếp dưỡng cho tạng phủ cũng như cho châu thân; vừa là động cơ biến hóa cả thể khí lẫn thể chất thành một thứ khí tinh hoa, hầu bổ sung cho năng lực vận hành của tuần hoàn máu trắng và sung bổ cho tác dụng năng lực điện trong bộ thần kinh, để toả ra cùng khắp châu thân, suốt thông tạng phủ, cũng như địa cầu có bầu khí quyển bảo vệ. Đó là nghĩa của chữ "khí", là yếu tố thứ hai.

Ba là cả một bầu bao la vô tận, dù cho chúng ta áp dụng tận lực những cách thức, những phương pháp, những dụng cụ máy móc tối tân để mà gạn lọc một cách tận cùng, không chừa một thứ gì trong hư không cả chăng nữa, nó cũng vẫn giữ nguyên vẹn một đặc tính linh diệu nhiệm mầu, không vì bị gạn lọc mà hư không trở nên mất mát sứt mẻ. Cái bao la ấy, cái linh diệu ấy vốn tuyệt vời vô tận, muôn thuở vẫn hằng mới, hằng còn. Không phải nhờ ai tạo ra, cũng không từ đâu ra, nó tràn ngập mọi nơi. Trong bao la này không hề có một nơi nào vắng mặt nó mà được, dù ở trời ở đất, ở Thiên đàng ở Địa ngục, ở Cực lạc ở Ta bà, ở Niết bàn ở sanh tử, ở thánh hiền ở phàm phu, trong chùa chiền nhà thờ nhà thánh, trong phòng tắm nhà tiêu nhà sanh, trong cơm gạo cao lương mỹ vị, trong cứt đái dơ bẩn tanh hôi, trên đỉnh đầu, trong miệng, trong mũi, cho đến ở bộ sanh dục, ở gót chân, đáy biển rừng sâu, vi trùng, siêu nguyên tử… không hề có một chỗ nhỏ xíu nào có thể đứt đoạn nó, vắng mặt nó mà mọi hình thức có thể thành lập được. Do đó mà nó cũng chưa hề chướng ngại cho một pháp nào xảy ra trong nó. Trong nó không hề có vấn đề thân cảnh, mình người, nóng lạnh, sáng tối, động tĩnh, hơn thua lợi hại, trên dưới, thấp cao, lớn nhỏ, trong ngoài… Nói tóm lại trong nó không hề có vấn đề cặp, vấn đề của cái thứ hai. Bởi thế nên một phen thoáng nhận ra nó, là con người ấy trở nên con người của muôn thuở siêu tuyệt. Hết thảy những câu như "Nhập thần rồi tỏ sáng – Thần ôi là thần – Thần cơ diệu dụng không từng có nơi chỗ – Sức biến hóa của thần không thể nói cho cùng v.v và v.v" đều chính từ nó mà xuất phát.

Nếu độc giả đừng quên tận tự thiên đầu; chính vì chỗ đó mà tôi gọi là **Linh không vô cực**; và nếu đã tỉ mỉ ở thiên thứ 5 có đoạn nói: "Ở trời (bao la) là huyền (thăm thẳm), ở đất là biến hóa, ở người là đạo. Huyền sanh thần, hóa sanh 5 vị (vật chất), đạo sanh trí". Nói: "Thần, phương Đông thì ở trời là gió, ở đất là cây, ở cơ thể là gân, ở tạng là Gan… Cũng như phương Nam, ở trời là nóng, ở đất là lửa, ở cơ thể là mạch, ở tạng là Tim…" Thế thì hết thảy mọi hiện tượng vật chất cả trong hoàn vũ nầy

đều do năng lực biến hóa của thần cơ diệu dụng biến hóa không cùng chớ không chi khác. Năng lực thần cơ diệu dụng biến hóa không cùng ấy, thuận theo đà viên quang tịch chiếu co giãn rung rinh, biến hiện vào một hiện tượng linh diệu nhất là hiện tượng con người, và ứng vào một nội tạng chính yếu quan hệ độc đáo trong con người là tạng Tim; để rồi có con người là có đủ thứ chuyện, mà con người trở nên là điểm quan trọng nhất trong tam tài. Cho nên mới nói: "Huyền sanh thần, và Tim chứa thần"; và thần cơ diệu dụng đều tỏa khắp con người để vang ra khắp bao la, chan hòa cùng vô tận thành một mạch sống không hai. Những hiện tượng ấy ứng hiện ra hoặc trên gương mặt, hoặc ở mắt, hoặc ở lòng, hoặc ở mạch, hoặc ở triệu chứng, hoặc ở phản ứng mặt da, đều tùy theo duyên mà phát khởi trong hữu ý hay vô tình! Chính nó là nền tảng cho mạch sống, cho thấy nghe hay biết trong cuộc sống hàng ngày của con người. Các thiền sư thường bảo: "Mỗi chúng sanh đều có sẵn một kho tàng vô tận", hoặc nói: "Mỗi con người đều có một vị chân không ngôi thường ứng thuận ra vào trên gương mặt", hoặc như Khổng Tử nói: "Vạn vật đồng nhất thể"... Chỉ vì hết thảy chúng sanh do động cơ mê lầm hướng ngoại ôm lấy mâu thuẫn trong lòng, nên không thấy biết được nó, mà lũy kiếp phải bị trôi lăn không được một mảy may tự do nào cả. Hết thảy thánh hiền trong muôn thuở đều biết được chỗ đó, nên kiến thiết được không biết bao nhiêu phương pháp cứu đời. Thiếu nó, Mật tông của nhà Phật không thể thành lập; và hết thảy những phương pháp chữa mẹo, phương pháp Chúc do của cổ nhân, cho đến ngay cả phép châm, phép cứu thiếu nó cũng không thể thành lập. Hết thảy thánh hiền, tiên phật, thượng đế, chúa chi chi đó… thiếu nó đều hóa ra chuyện hão huyền. Cho đến tất cả những sự mê tin của loài người cũng chỉ vì hiểu lầm nó mà ra. Hết thảy những thần bí, thần quyền của các tôn giáo cũng từ nhận lầm nó mà có. Hết thảy những cơ cấu phù thủy, thầy bùa, thầy pháp, lễ ban... của ngày nay đều từ một gốc tận ngàn xưa xuất phát từ nó, vì nhận lầm nó mà hóa ra vong bổn, biến thành tả đạo bàng môn, lưu độc mê tin cho dân chúng. Ý nghĩa trọn vẹn của chữ "thần" là thế; đó là yếu tố thứ ba trong con người.

Vì nhận thấy nếu thiếu ba yếu tố này, con người không thể tồn tại, cho nên cũng gọi là Tam Bảo vậy.

Vì nghe thấy nói thế, trong sảng sốt mê ly có một số người vì lòng sợ chết tham sống, muốn tìm đủ cách để luyện tập cho được sống lâu, nên họ lập ra thuyết luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần

hoàn hư; để rồi bị rơi hẳn vào tinh thần hữu vi ngoại đạo, tà giáo bàng môn, và thâm sâu bên trong đã biến trở thành một thứ quỉ giữ thây ma, chớ không còn là cái đạo chân thường vô vi, tịch diệt ly ngôn như ý tứ trong Kinh Dịch, trong NỘI KINH, trong thâm sâu của tinh thần Lão Trang Khổng Mạnh cũng như tinh thần nhà Phật nữa. Thế mới biết: Sai một ly là đi một dặm; nhân địa bất chân quả chiêu vu khúc là vậy.

4. Danh từ TRỰC GIÁC

Phần đông chúng ta thường nói đến trực giác, nói trực giác khác hơn lý trí; nhưng kỳ thiệt gần như hầu hết không mấy ai minh định được rõ ràng về ý nghĩa của danh từ trực giác cả. Vậy nay ta hãy thử một phen thâm sâu dứt khoát xem sao. Nếu tận tự thiên đầu ta đã chậm rãi thâm nhập một cách chín chắn, thì đến đây có lẽ ta cũng khỏi bàn gì thêm. Nhưng tôi quyết chắc rằng khó tìm được một độc giả thật cân xứng với tinh thần người viết. Nên theo đây lại một lần nữa phân thuật như sau:

a. Trực giác là gì?

Ta hãy nhớ lại đã có nhiều lần đề cập đến guồng máy tâm lý của con người với mọi khía cạnh hiện tượng tâm linh, cùng hệ thống tạng phủ ra đến thành phần cơ thể bên ngoài, để cho độc giả thấy rõ được toàn thân con người dù chỉ một tế bào cũng đủ cả ý thức và năm giác quan (nghĩa là có cả một guồng máy tâm thức); hay nói một cách khác hơn, một tế bào là một con người; và một con người là vô số con người chập lại, không một nơi nào hơn một nơi nào kém mà đâu vẫn ra đấy. Do đó mà biết được nếu mỗi người chúng ta đừng bị mê lầm, thì về phương diện cảm biết không những giác quan này có thể thay thế cho giác quan kia, mà thấy nghe hay biết cũng không còn bị giác quan ta hạn cuộc nữa. Thế là con người của ta lúc nào, chỗ nào cũng tròn đầy sự thấy nghe hay biết, bất cứ đụng đến chỗ nào cũng đều có một phản ứng toàn thân; chớ không như bộ óc, chọc ở đâu chỉ phản ứng theo thành phần hệ thống đó. Sự nhận biết của nó không cần có thời gian để bươi móc trong óc, tìm xem chuyện đó có đến lần nào chưa, hầu so sánh, tính toán, chọn lựa rồi mới quyết định. Vì tính cách đi thẳng không nhờ vả trung gian, không đặt quyền lực riêng cho trí óc như thế, nên gọi là trực giác.

Vì cuộc sống hàng ngày của chúng ta hoàn toàn ỷ lại hẳn vào giác

quan, vào bộ óc lý trí để phóng vọt ra ngoài từ đời này sang kiếp khác mãi mãi không thôi, nên phần trực giác bị chìm mất, thế là chúng ta đã bị sa đọa vào giác quan, vào bộ óc, vào cõi hiện tượng để chịu sức hấp dẫn thao túng của ngoại cảnh lôi đi, mà nhà Phật gọi là **luân hồi sanh tử**. Thế là trừ giác quan ra, toàn thân chúng ta chỉ là một cái thùng chứa đồ cũ muôn thuở bằng cách tê dại, không biết gì mà thôi.

b. Trực giác có sai lầm không?

Nếu đã thâm nhập vào nguyên lý chánh biến tri, chánh điên đảo thì điều này ta có thể rõ suốt.

Độc giả hãy nhớ kỹ lại, đây là chúng ta đang đứng trên một quả bóng hình tròn hình như bằng thủy tinh có tráng thủy bên trong, đang quay tít ở giữa ruột một bầu thủy tinh có ánh sáng, có tráng thủy bên ngoài; vì quả bóng to quá mà ta thấy hình như mặt bằng. Trong cái thế tròn sáng lặng soi ấy, hình như phần trong lồi, phần ngoài lõm. Nếu chỉ căn cứ vào phần tướng, phần giác quan mà nói, thì ta cũng thấy được mỗi khi ta phóng mình ra, nhìn lên tức thì tràn ngập trong bao la này không chỗ nào nơi nào mà không có bóng dáng, không có hiện tượng ta đông đặc cùng khắp đang châu vào để nhìn ta; mà thế nhìn lại theo chiều lật ngược dọng đầu một cách kỳ hình quái tượng, chớ không chỉ như trường hợp phản chiếu trong các viện hớt tóc của đô thành.

Ngược lại, nếu ta quay trông xuống, trông vào thì trong khắp bao la này cũng không đâu không đông đặc hiện tượng ta đang quay mặt trố mắt nhìn khắp muôn phương bằng cách theo chiều thuận, hình như là không một thế giới nào, một nơi nào không có mắt ta trông đến. Thế là hồi chúng ta nhìn ra, tức là chúng ta đã tạo ra một hình thức, một cách thế đối nghịch mâu thuẫn kỳ lạ; còn khi chúng ta nhìn vào, tức là chúng ta đã tạo ra một hiện tượng phản đối nghịch, phản mâu thuẫn. Độc giả hãy nhìn kỹ hai đồ biểu dưới đây sẽ thấy rõ.

HÌNH 13.1: HÌNH VẼ TƯỞNG TƯỢNG: CON NGƯỜI ĐỨNG TRÊN ĐỊA CẦU NHÌN RA

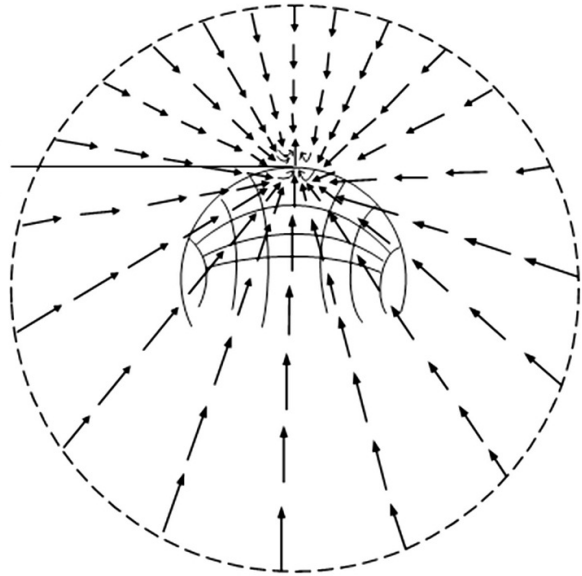

HÌNH 13.2: HÌNH VẼ TƯỞNG TƯỢNG: CON NGƯỜI QUAY TRÔNG XUỐNG, TRÔNG VÀO

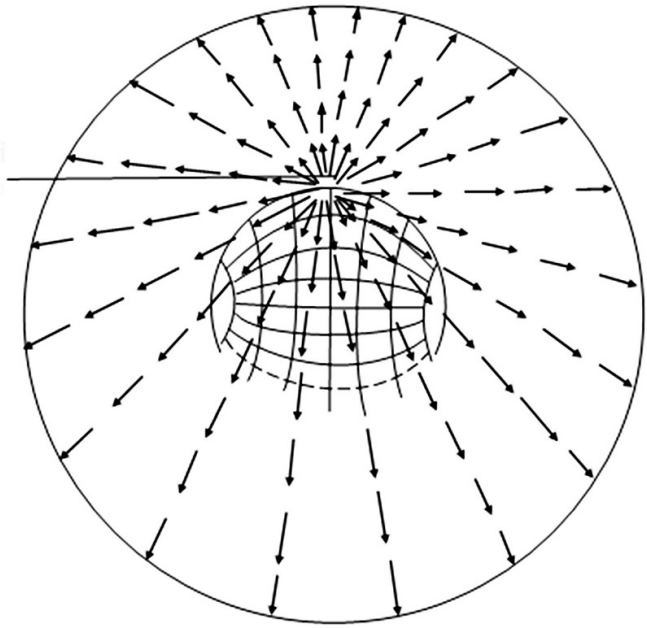

Nhưng chỉ vì vốn là thần cơ diệu dụng như đã nói ở danh từ "Tam Bảo", mà điều kiện tinh thần trở nên chánh yếu. Chính vì thế nên khi trong lòng ta đã thông suốt không có ngoài trong, thì dù cho trên giác quan, trên hình tướng có nhìn ra chăng nữa, cũng không vì thế mà sự hiểu biết trở nên hốt hoảng, lệch lạc, sai lầm. Ngược lại khi trong lòng ta chưa thấu suốt, dù cho giác quan hay xác thân có quay vào chăng nữa mà tâm lý vẫn cứ phóng vọt ra ngoài, lẽ tất nhiên phải bắt gặp những hiện tượng lạ kỳ, làm cho hiểu biết trở nên rối loạn hoảng hốt; hình như là có một đấng chủ tể nào, hoặc vô số quỷ thần trong hư không đang âm thầm dòm dõi một cách ghê rợn. Đó là hiện tượng ngoại cảnh.

Đối với phần trong thân cũng vẫn y như thế, nhưng có vài điểm khác nhau chút ít như: Khi tinh thần ta phóng vọt săn đuổi ra bên ngoài, thì toàn cả tế bào trong thân cũng đều theo đà giác quan mà phóng vọt săn đuổi; để rồi tác dụng thần kinh của toàn thân, cũng như bầu khí quyển của khí vệ, của cái phách đều siết chặt co dúm lại, gây thành một áp lực mâu thuẫn lạ kỳ, tựa hồ như một quả bóng xì hơi bị áp lực bên ngoài đè bẹp; vì thế mà tinh thần trở nên u mê đui tối. Ngược lại khi tinh thần ta biết soi trở vào mà thông đạt, thì toàn cả tế bào trong thân cũng đều theo

đó soi trở vào mà thông đạt, thì toàn cả tác dụng thần kinh cũng như trọn bầu khí quyển của khí vệ, của cái phách đều phát triển nở bung ra đến tận cùng cởi mở, để hòa nhịp với khung cảnh bên ngoài, cùng với trật tự thiên nhiên cùng tương quan, đồng nhất để biến hóa lưu thông trong một bản nhạc thiên nhiên đang hòa tấu.

Như đã trình bày, ta có thể thấy rằng nếu chỉ nói về vấn đề trực giác, thì con người có thể có trực giác, cũng có thể không có trực giác; còn tất cả muôn loài dẫu có hơn kém chút ít, nhưng vẫn đều có trực giác. Còn nói đến trực giác có sai lầm hay không, thì tất cả loài người cũng như các loài khác đều chỉ là chúng sanh. Do đó nếu trong tâm lý hướng ngoại, phóng vọt trở ra là tức khắc toàn cõi bao la không đâu không trở thành một trời mâu thuẫn, luôn luôn trái chướng với cái lẽ đồng nhất tương quan, trật tự biến hóa, lưu thông trong cõi thiên nhiên; để rồi muôn vàn đau khổ, muôn vàn chướng ngại đều hình như tập trung đổ xô về hết cho mình vậy. Đến lúc đau khổ cùng đường rồi, tinh thần một phen soi trở vào trong, là tức khắc từ trong thân suốt tận cõi bao la không đâu không là sự thật, không đâu không đồng nhất tương quan, trật tự, biến hóa, lưu thông; không đâu không là cả một trời thông minh sáng suốt, không đâu không đầy rẫy một tình thương chân thật nhiệm mầu. Thế mới biết: Một thoáng sai lầm quay ra hướng ngoại thì dù có trực giác dồi dào chăng nữa cũng chỉ là trực giác sai lầm trong chánh điên đảo mà thôi . Trái lại, một thoáng quay trở vào lưu thông thức tỉnh là trí huệ siêu tuyệt phát sanh, là trực giác đúng đắn tràn ngập, là chánh biến tri, là toàn cả con người cùng với bao la đồng nhất.

c. Tại sao khả năng trực giác là nền tảng của phép Chúc do?

Nói khả năng trực giác là nền tảng cho phép Chúc do, nhưng sự thật không phải chỉ có thế. Nếu thiếu khả năng trực giác thì không những phương pháp Chúc do không thể thành lập, mà cho đến nguyên lý viên thông cũng không thể có được; hay tất cả các phép của nhà Phật như: phép Chuẩn đề, phép Thiên thủ thiên nhãn, Phổ Môn thị hiện của Quan Thế Âm, phép Tịnh độ của kinh A-Di-Đà, phép gậy nạt, cũng như tất cả các mánh lới của các ông Thiền sư cũng không thể dùng được; và tất cả các phép lạ cũng không thể do đâu mà thành; suốt đời lũy kiếp cũng không thể tìm ra một người chứng thật; nhẫn đến dù cho khoa nguyên tử học; truyền thanh học, truyền hình học của khoa học ngày nay cũng không thể có cơ sở thành lập. Thế mới biết: Nói "Thần" là nói nghĩa linh

diệu nhiệm mầu; nói "viên thông" là nói nghĩa đồng nhất, tương giao, xen suốt; nói "khả năng trực giác" là nói đặc tính diệu dụng, chớ không phải là ba thứ, còn chánh biến tri hay chánh điên đảo là do ở con người. Thế mới biết: Đó là chỗ tâm ấn của tất cả thánh hiền trong muôn thuở, là nền tảng cho vạn pháp thế gian. Nếu trong mê lầm, thì nó chính là nơi để gạnh ra muôn cửa nhân quả luân hồi sanh tử; trong giác ngộ thì chính nó là cửa mở ra muôn pháp nhiệm mầu, tự do, tự tại vậy.

5. Danh từ Chúc do

Nếu theo từ chữ mà cắt nghĩa, thì "Chúc" có nghĩa là chúc tụng, có nghĩa là cầu chúc, cầu đảo, có nghĩa là thuyết trình, có nghĩa là chú nguyện, có nghĩa là huân tập, gom nhóm, tập trung. "Do" có nghĩa là duyên do, có nghĩa là noi theo, có nghĩa là điều khiển, có nghĩa là dẫn dắt. Nhưng nếu ghép hai chữ lại mà cắt nghĩa thì có ba nghĩa khác nhau như sau:

a. Là danh từ để chỉ một ngành trong 13 ngành Y khoa Cổ Trung Hoa.

Trước thời Huỳnh Đế, văn minh Trung Hoa có hồi lên đến cực thịnh. Các triều đại vua chúa căn cứ từ một nền tảng giác ngộ nguyên lý đồng nhất mà mở ra tất cả mọi ngành trong xã hội, trong đó có ngành Y khoa được mở ra ١٣ chi:

Chi thứ nhất gọi là Đại phương mạch. Thứ hai gọi là Tiểu phương mạch, thứ ba là Phụ khoa (đàn bà), thứ tư là Thương hàn (tất cả hệ thống bệnh ngoại cảm), thứ năm là Ngoại khoa (các bệnh ung nhọt, ghẻ độc ngoài da), thứ sáu là Châm cứu, thứ bảy là Nhãn khoa, thứtám là Khẩu Xỉ (răng miệng), thứ chín là Cổ họng, thứ mười là Tiếp cốt (gãy, dập xương, trật lọi), thứ mười một là Giải phẫu thương tích, thứ 12 là Án ma (nắn bóp, bấm huyệt,…), thứ 13 là Chúc do (tất cả phương pháp trị mẹo).

Theo đây mà nhìn thì ta sẽ thấy môn Thương hàn luận của Trương Trọng Cảnh ra đời vào triều Đông Hán, chẳng qua chỉ là một di sản tái diễn mà thôi.

Ngành Chúc do này là một ngành chuyên môn vận dụng cả sức

mạnh của khả năng trực giác tâm linh, để cứu chữa tất cả những bệnh tật bắt nguồn tận tinh thần, mà ở nhà Phật sau này gọi là dùng pháp dược vậy. Nó biết vận dụng tất cả năng lực ảnh hưởng của sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp mà người thiếu phần tâm học chưa biết gì về chính con người của mình, chưa trở về tận nguồn tâm linh của chính mình, thì không làm sao mà biết hết được. Hết thảy những phép như: phép đốt đèn Dược Sư để cầu nguyện, phép cầu kinh Địa Tạng, phép tụng kinh Phổ Môn cầu nguyện Quan Thế Âm của nhà Phật, phép ếm đối bùa chú của các ông phù thủy, các thầy lỗ ban ngày nay; hết thảy các cách cầu nguyện với Đức Mẹ ở nhà thờ Công Giáo; cũng như hết thảy những phép chữa trị bằng cách khoán như khoán dời, khoán sốt rét… đều nằm tròn trong phạm vi Chúc do hết cả. Nhưng chỉ khác có một điều là nếu làm mà không chủ động được, không thấu triệt tận nguồn nguyên lý; liền tức khắc là đã rơi hẳn vào lãnh vực thần đạo tà giáo, tả đạo bàng môn, mê tín dị doan mà thôi vậy.

b. Là một danh từ để chỉ cho những phương pháp chữa bệnh không cần dùng thuốc, toàn là áp dụng mẹo luật, tâm lý để chuyển dời tinh khí trong con người được trở về với trật tự, rồi bệnh tật tự khỏi. Đó gọi là phép Chúc do. Thí dụ như:

- Một người do chịu không nổi với tai tiếng hàm oan, phát sanh ra bệnh đau tim. Lương y khám biết được, tìm cách nói để bảo thẳng cho người bệnh được biết. Tức thì sáng tỏ lợi hại phân minh, tinh thần người bệnh liền được buông lơi hỷ xả. Rồi được chỉ cho cách điều chỉnh hàng ngày, thí dụ như niệm Phật… nhờ đó mà lần khỏi.

- Một em bé còn bú sữa mẹ, mắc một bệnh từ tâm lý người mẹ chuyển sang hồi còn trong thai. Đến lương y khám biết, dạy bảo cho người mẹ cách niệm Phật hoặc cách cầu nguyện sám hối ăn năn, để đổi năng lực trong dòng sữa cho em bé bú; nhờ đó bệnh lần khỏi.

- Một người bị bệnh sốt rét, lương y khám, biết có thể chuyển nhiệt lực vào hai huyệt Y Hi đúng cách đúng giờ là khỏi. Nhưng sợ bệnh nhân không tin, nên ngoài việc rạch da ở huyệt cho chảy chút máu đúng giờ, đúng lúc, còn dùng thêm một mảnh giấy hồng đơn có bôi lớp nhựa cây mù u rắc thêm bột tiêu sọ, hơ vào lửa cho nóng chảy ra, lại gia vị thêm một chữ bùa, rồi đột ngột dán vào huyệt đã cắt, gây thành một

luồng chấn động khác thường, là tức khắc bệnh ngừng cơn. Để y như thế đúng tuần lễ thì khỏi.

- Một người bị bệnh giời, lương y khám, biết rõ bởi một duyên cớ nào đó làm chót vót đầu dây thần kinh mặt da bị mất tác dụng, ý thức mặt da ở vùng ấy mất lưu thông bình thường, thế hóa than của mặt da vùng ấy bị bế tắc, một vùng phách bị lõm vào, làm cho mặt da nổi lên nhiều bóng nước nhỏ đau nhức. Chỉ cần làm sao áp dụng khí ấm và sự va chạm một cách hết sức tế nhị, cộng thêm điều kiện tập trung cả tinh thần thầy thuốc và tinh thần người bệnh, để đánh thức cho xúc giác phục hồi một cách tự nhiên, là bệnh tức khắc lui dần. Nhưng chỉ vì sợ người bệnh không tin làm hư pháp nên mới gia vị thêm nén hương, chữ bùa và mấy câu thần chú (sau này sẽ có dịp luận thêm về vấn đề Chúc do và hiện tượng quỉ thần, nơi đây không thể nói hết).

Nhưng có một điều chúng ta nên biết là nếu Chúc do xuất phát từ một dòng suối có thầy có tổ, có tâm ấn rõ ràng, thì họ có cách lập pháp tất cũng có cách giải trừ. Cho nên sau khi chữa lành bệnh, họ có cách làm cho người bệnh am hiểu lý do, để vừa giải trừ mê tin cho quần chúng, mà lại còn làm cho tinh thần người bệnh được mạnh mẽ hơn lên, hiểu biết càng thông đạt để lần sau khỏi mắc phải lại bệnh ấy. Nhưng than ôi! Tinh thần ấy ngày nay còn đâu! Chỉ còn lại thuần là tả đạo bàng môn, tà ma lạc đạo để gây cho dân chúng một trời tràn ngập mê tin mà thôi, chớ không còn là tinh thần của một nghệ thuật Chúc do siêu tuyệt nữa.

c. Một tay Chúc do vốn có thầy có tổ có tâm ấn, họ được biết rõ nghĩa "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức"; họ thấy được năng lực của linh không vô cực tận tự đáy lòng con người vốn chỉ là không, nhưng nó vẫn có khả năng đóng khối huân tập để thành ra một thứ hình thức trong vô hình.

- Chẳng ai ngờ: Người ta chạm trổ một kỳ hình dị tướng có bốn mặt màu mè quái gở, dựng lên thờ cúng, hàng ngày đối diện nói năng; để rồi hoặc có thể giúp mình làm được những phép lạ, hoặc có thể gặp khi bỏ lơ không cúng nó sẽ trở lại phá hoại hoành hành.

- Có ai ngờ: Một người lội sông tắm, bắt gặp một rễ cây giống hình con rắn, đem về làm một bàn thờ nhỏ để thờ hầu đùa cợt những tay

phù thủy. Đến một dạo nọ trong xóm tưởng thiệt, có người bệnh đến mượn con rắn gỗ ấy về cầm tay rồi bệnh khỏi. Trong xóm thấy lạ, có nhà có bệnh nặng đến rước anh ta sang chữa. Anh ta tưởng bở, đùa cợt mang con rắn gỗ sang. Rồi bỗng dưng lên đồng, nằm sấp mặt đất trườn lết mà chui vào bụi tre gai, đến đỗi cả xóm phải ầm lên kêu cứu. Người ta tát nước, anh chàng tỉnh ra. Từ đó lạy bố mà thả trôi sông con rắn gỗ!

- Có ai ngờ: Khi vận dụng tinh thần, tập trung tưởng tượng, để biến những hột đậu ra thành những tên lính trong vô hình hầu áp dụng Chúc do mà người ta gọi là "sái đậu thành binh". Để rồi nếu không phải là Tổ, cuối cùng những cái ấy sẽ trở lại làm hại cho kẻ chế ra nó.

- Có ai ngờ: Chính vì những nghĩa nói trên, mà Phật giáo áp dụng pháp Mông Sơn thí thực mỗi buổi chiều ở các chùa chiền để phá trừ một thứ tâm đắm chấp. Nhưng người thực hành không đúng cách, để rồi hóa ra mỗi một ngôi chùa đều có một số ma quỷ.

- Có ai ngờ: Một cuộc đấu tranh của Khổng Minh đương đầu với một sức ngoại xâm. Bên địch áp dụng đạo quân ma với những kỳ hình quái tượng, làm cho binh của Khổng Minh không tiến lên được. Nhờ Khổng Minh đã dự liệu trước chế sẵn những con thú to lớn hình tượng dị kỳ con mắt sáng trưng, bên trong có máy cử động được, có cơ quan gào thét, có chỗ chứa nhiên liệu bằng chất lưu hoàng (soufre). Để khi lâm trận, những con thú máy được thả ra liền mắt nhìn chòng chọc, chân nhảy bổ tới, miệng gào thét phun lửa, mũi thở ra khói, hơi thuốc nổ nồng nặc, làm cho tướng chỉ huy quân ma mất bình tĩnh, đoàn quân ma tan vỡ.

Một lần nữa vì đánh giết quân địch chết nhiều quá trên một con sông, hiện tượng oan hồn uổng tử về đêm nổi lên gào khóc tiếng ghe thảm thiết, lại hiện kéo về đòi đầu, binh lính sợ quá không sao ngủ được. Mỗi khi muốn độ binh qua sông là sóng gió ma nổi dậy đánh đắm thuyền. Khổng Minh bèn áp dụng phép Chúc do để giải tán, làm đủ số số đầu người bằng bột mà ma quái hiện đòi, và lập đàn tế lễ với một bản văn chiêu hồn siêu tuyệt, đích thân ông chỉ huy đàn tràng. Đọc xong bản chiêu hồn, là tất cả hiện tượng oan hồn uổng tử đều tiêu tan hết và gió yên sóng lặng, rồi độ binh qua sông.

Lại một lần nữa, giờ lâm chung ông đã dự biết, báo trước cho nhà

Vua, nhà Vua nài nỉ ông ở lại ít năm. Đến chỗ không thể đừng, ông bèn lập đàn án sao bổn mạng, trong đó có ngọn đèn. Nếu qua đúng một giờ nào đó, đèn không tắt là kết qủa được như ý. Người giữ ngọn đèn là kẻ thân cận, vì sợ đèn tắt cố ráng giữ, nên hóa ra tạo cho đèn tắt, mà công cuộc Chúc do trở nên hỏng, thế là ông lâm chung.

Chính vì chỗ này mà tất cả đền đài, nhà thờ, nhà thánh cũng đều có hiện tượng lạ. Cũng chính vì chỗ này mà nhiều vị thiền sư Mật tông, vận dụng tinh thần tạo ra được hẳn một con người để chứng minh rồi giải tán. Ngoài ra hết thảy những nào là bùa mê thuốc lú, thiên linh cái, ngải nghệ gì gì ấy cũng đều không thoát được nguyên lý này. Những kẻ tham lam ích kỉ đồ danh trục lợi, ưa lạ hiếu kì, thích mê hoặc thiên hạ, coi thường đùa cợt phép này đều đưa một trường muôn đời sa đọa, lũy kiếp trầm luân, di hại cho đời không thể nói sao cho xiết, mà người đời không mấy ai lưu tâm. Đó là nghĩa "lý" của Chúc do.

Chính vì chỗ này mà hết thảy thánh hiền, tiên, phật gì gì ấy… đều không hề lìa tay thước nội tâm. Tất cả Phật tổ đều luôn luôn chỉ nói lên nghĩa "lấy tâm truyền tâm" chớ không nói chi khác là vậy.

Năm vấn đề chuyển tiếp mở đầu như đã thuật, mời độc giả hãy thận trọng thông qua để khi vào trong khỏi bị lạc hướng.

Định nghĩa tên thiên

Nếu định nghĩa từ chữ thì "di" là dời đổi; "tinh" là tinh hoa, tinh chất, chất tinh hoa kết đúc, kết tinh; "biến" là biến hóa, biến đổi; "khí" là hơi, là tác dụng năng lực điện trong bộ thần kinh con người, là thần khí trong nội tạng, là khí biến hóa trong cơ thể, thuộc về thể khí ngược lại với thể chất của kết tinh.

Nếu hợp bốn chữ "di tinh biến khí" lại mà nói, thì có nghĩa là: một kết quả từ một phương pháp làm cho tinh khí trong con người từ chỗ rối loạn trật tự, được di chuyển trở về với thế quân bình mà khỏi phải dùng thuốc. Nhưng nếu nhìn trọn cả đầu đề tên thiên thì lại khác hẳn đi.

Đây là một thiên khái luận hàm chứa một ý nghĩa cho ta thấy rằng: Suốt đời của quả địa cầu với toàn cả dòng lịch sử của nhân loại đã trải qua nhiều lần thăng trầm thay biến, và cũng còn sẽ phải trải qua nhiều lần thăng trầm thay biến khác nữa. Hết thảy mọi cuộc diễn biến không hề có mặt bằng, và loài người càng đi sâu vào dòng lịch sử bao nhiêu, càng thấy như mình càng khôn ngoan thông minh hơn lắm vậy. Nhưng sự thật hồi đó chính là hồi thối hóa không biết chừng, dù cho con người của phương Đông, phương Nam hay Trung ương chăng nữa cũng thế, chớ không lựa là con người phương Tây, phương Bắc. Trong sâu kín để bù đắp cho tinh thần năm phương hướng không gian địa lý của thiên trước, hầu đặt lại một nền móng cách mạng quy nguyên cho nhân loại. Và tất cả đều không lìa "nguyên lý trong Thái cực có Lưỡng nghi, Tứ tượng; trong dương có âm dương, trong âm có âm dương" của Kinh Dịch mà thôi.

LỜI BÌNH MỞ ĐẦU

Đã từng nghe biết bao học giả, triết gia Đông Tây, khi nhìn về triết học Á Đông, nhất là triết học Trung Hoa, họ thường quan niệm rằng dân tộc Á Đông thiếu tinh thần khoa học và rất mê tin, trái hẳn với tinh thần Âu Mỹ. Nghe nói thế tôi vội cho là đúng lý. Trời ơi! Sao mà tôi ngu đến thế?! Thế là chính tôi chưa thật biết được một tí gì. Giờ đây càng đọc sâu vào NỘI KINH càng thấy vô cùng xấu hổ. Biết đâu khi tôi nghe người ta nói: Khoa học khoa học! Mê tin mê tin! Rồi tôi cũng bắt chước cắm đầu chạy theo nói: Mê tin mê tin! Khoa học khoa học! Chớ tôi chả có biết thế nào là khoa học, thế nào là mê tin. Chẳng khác nào gần đây có một ký giả người Âu thường tới lui trò chuyện với tôi, khi nghe tôi nói về tai hại của cái Tôi, anh ta chấp nhận liền. Nhưng đến khi nói về vấn đề luân hồi và vấn đề thượng đế, thì anh ta lại bảo: Anh ta rất đồng ý về nghĩa không thể có Thượng đế là một ông, nhưng anh ta không đồng ý trên mình không có cái gì cao hơn, và vấn đề luân hồi chỉ là mê tin dị đoan không có tinh thần khoa học. Anh ta nói với cả một tinh thần thận trọng.

Trời ơi! Nghe nói tôi bỗng giật mình. Không dè bộ óc lý trí của những người Âu đã dám tự cho rằng mình hiểu tinh thần khoa học, mà lại u mê, mê tin dị đoan gấp ngàn lần người Á đông đến thế! Vốn đã dám chấp nhận sự mê hoặc của cái tôi, mà vẫn sợ mất nó, phải ôm chầm lấy nó, rồi tưởng tượng ra một Thượng đế không tưởng để đội lên đầu cái Tôi, làm như là bao la hoàn vũ này chỉ là một cây thước dẹp dẹp dài dài

có nhiều nấc, có nấc trên nấc dưới vậy. Đã mê tin đến thế, dị đoan đến thế, mà lại còn buông lời chỉ trích ngang xương vấn đề luân hồi là mê tin dị đoan. Trời ơi! Té ra trong bụng anh ta chỉ là một khối rối nùi xà bần, chẳng biết sao là phải sao là trái. Nếu anh ta thật hiểu khoa học là gì, thế nào là đúng nghĩa tinh thần khoa học, thì sao anh ta không trả lời như thế nầy: "Trên tinh thần khoa học, cái gì chưa biết cứ phải nhận thẳng là chưa biết. Sự mê lầm của cái **Tôi** đánh lạc trí khôn, điều đó tôi biết được, nên tôi chấp nhận; còn vấn đề Thượng đế hay luân hồi chi chi đó, tôi chưa biết được, nên hãy đợi đến bao giờ tôi trút sạch được cái Tôi, rồi tôi hẳng biết cũng không muộn", có hơn không?! Đàng này chưa chi mà đã vội xây một bức tường để ngăn lấp bít hẳn trí thông minh, thì thật là mê tin, dị đoan, ngu đần quá quắt! Thế mà vẫn ngang nhiên là một ký giả!

Thái độ của khoa học đối với mê tin như thế cũng đủ để cho ta phải cẩn thận, chín chắn lại vấn đề thật khoa học, thật mê tin là gì, hầu mong khỏi phải phụ lòng cổ nhân cũng như khỏi phụ bạc với chính ta vậy.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: Dư văn cổ chi trị bệnh, duy kỳ di tinh biến khí, khả Chúc do nhi dĩ. Kim thế trị bệnh, độc dược trị kỳ nội, châm thạch trị kỳ ngoại, hoặc dũ hoặc bất dũ hà dã?

Kỳ Bá đối viết: Vãng cổ nhân cư cầm thú chi gian, động tác dĩ tị hàn, âm cư dĩ tị thử, nội vô quyến mộ chi lụy, ngoại vô thân hoạn chi hình; thử điểm đạm chi thế, tà bất năng thâm nhập dã. Cố độc dược bất năng trị kỳ nội, châm thạch bất năng trị kỳ ngoại, cố khả di tinh Chúc do nhi dĩ.

Đương kim chi thế bất nhiên, ưu hoạn duyên kỳ nội, khổ hình thương kỳ ngoại, hựu thất tứ thời chi tùng nghịch,

hàn thử chi nghi. Tặc phong sổ chí, hư tà triêu tịch. Nội chí ngũ tạng cốt tủy, ngoại thương không khiếu cơ phu. Sở dĩ tiểu bệnh tất thậm, đại bệnh tất tử, cố Chúc do bất năng dĩ dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm nghe người xưa trị bệnh chỉ có đời tinh biến khí là khỏi, nên có thể chỉ áp dụng phép Chúc do mà thôi. Còn đời nay trị bệnh, thì bên trong phải dùng thuốc có nhiều chất độc, bên ngoài phải áp dụng cả phép châm phép thạch, có khi khỏi có khi không khỏi, tại sao?

Kỳ Bá thưa: Thuở xưa con người với cầm thú còn chưa cách bức, muốn tránh lạnh họ hoạt động, muốn tránh nóng họ tìm chỗ mát mẻ. Trong không hệ lụy lưu luyến chất chứa, ngoài không bị trói buộc hình hài. Đó là cuộc đời điềm đạm, vì thế mà khí tà không thể vào sâu. Cho nên bên trong không thể áp dụng các loại thuốc có nhiều chất độc, bên ngoài không thể áp dụng những phép châm phép thạch để trị, nên chỉ có thể dời tinh biến khí bằng phép Chúc do là khỏi.

Còn đời nay thì không phải thế, trong lòng đầy những lo lắng phiền não vấn vương, bên ngoài sanh hoạt khổ cực thương tổn hình hài; lại thêm cuộc sống lệch lạc lỗi nhịp với trật tự lạnh nóng thuận nghịch của bốn mùa. Gió độc thường đến, hư tà[(1)] *tiêm nhiễm suốt ngày đêm; bên trong thấm dần đến 5 tạng, cốt tủy; bên ngoài thương tổn đến các khiếu trống, mặt da. Bởi vậy bệnh nhẹ phải hóa nặng, bệnh nặng phải chết; nên phép Chúc do không thể công hiệu nữa.*

GIẢI

Cả đoạn này mở đầu ý Huỳnh Đế hỏi: Người xưa trị bệnh sao mà giản dị nhẹ nhàng đến thế; còn ngày nay trị bệnh thì lại phức tạp nặng nề, mà có khi khỏi có khi không khỏi là tại sao? Kỳ Bá nói: Hết thảy đều bởi con

người; người xưa nhờ tinh thần cởi mở thuận với trật tự thiên nhiên, cho nên bệnh khó vào sâu và rất dễ chữa; còn người nay thì tinh thần rối loạn, làm cho toàn cả cuộc sống phải xâm phạm vào trật tự thiên nhiên nhiều quá, nên khi bệnh tật vì điều kiện tinh thần (thế quân bình của tâm thức) đổ vỡ mà bệnh trở nên trầm trọng và cách chữa cũng trở nên khó khăn, không thể giản dị nhẹ nhàng như người xưa được.

Từ xưa đến nay hết thảy những công cuộc kiến trúc đều phải nhờ ở có chỗ làm nền. Điều kiện nền tảng không có thì không thể có kiến trúc.

Nếu ta thiếu trầm ngâm ngẫm nghĩ thì ta sẽ thấy chỗ Huỳnh Đế lấy làm lạ, cũng chính là chỗ lấy làm lạ của ta. Thế là Huỳnh Đế vì ta, thay ta mà hỏi. Nhưng nếu ta đã chín chắn tận tự thiên đầu, rồi ta mới thấy tất cả công cuộc kiến thiết chữa trị đều phải xây dựng trên bề mặt của thần, của tâm linh, chẳng khác nào một công cuộc kiến trúc. Nay điều kiện tinh thần, điều kiện tâm linh đã bị đổ vỡ, lẽ cố nhiên lâu đài kiến trúc để chữa trị mất chỗ đặt nền móng, thì dù cho có áp dụng những thứ thuốc có chất độc để chữa trị bên trong, châm cứu biếm thạch để chữa trị bên ngoài chăng nữa, rồi cũng sẽ có lúc cùng đường, chớ đừng nói chi đến Chúc do Di tinh biến khí là phải lắm vậy.

Vừa đọc xong câu hỏi của nhà Vua, ta cảm thấy ngay trong chỗ ngoài lời, tinh thần Huỳnh Đế đang phảng phất chăm chú vào vấn đề lịch sử loài người đang cùng với dòng thời gian tâm lý mà đóng khối lại một cách làm sao ấy chưa được rõ thông, nên bật ra câu hỏi. Chính đây mới là mối mang của thiên nầy, để cùng với vấn đề không gian địa lý của thiên trước, kết đúc thành một hệ thống nhân sự rất có quan hệ lẫn nhau mà bổn phận của học giả phải nên lưu ý.

Luận giả khởi đầu bằng hai chữ: "thuở xưa", tức là đã có ý nhắc lại tinh thần câu chuyện ở thiên thứ nhất nói về một cuộc sống điềm đạm chất phác của người xưa.

Nói "con người với cầm thú còn chưa cách bức", tức là muốn nói danh từ thú với danh từ người chưa trở thành quan trọng mấy. Vì thế mà cuộc sống chưa đến nỗi gay go, tựa hồ như câu chuyện của nhà Phật nói: "Từ Oai Âm Vương trở về trước chưa có danh từ chúng sanh và danh từ

Phật, hồi đó chính là Đạo"; hoặc nói: "Bên nước Cực Lạc không có ba đường dữ; có chúng sanh mà không có chúng khổ, chỉ hưởng yên vui, nên gọi là Cực Lạc".

Nói "muốn tránh lạnh thì họ hoạt động, muốn tránh nóng thì họ tìm chỗ mát mẻ", đây là cả một tinh thần muốn nói: Con người khi ban sơ cũng như bao nhiêu loài khác, vẫn sung túc đầy đủ khả năng trực giác, phản ứng của sức thiên nhiên bảo vệ trọn cả con người từ trong ánh chiếu ra tận bên ngoài, không cần đợi phải đòi hỏi đến sức tính toán so đo phản ứng của bộ óc. Cho nên khi lạnh cũng như khi nóng khỏi phải bươi óc để nghĩ tìm vật này vật nọ, lông con thú nọ da con thú kia, hoặc kiến thiết phòng ấm phòng lạnh bằng cách từ bên ngoài ráp vào để sung bổ cho thân, mà chỉ phản ứng bằng một cách đơn sơ mộc mạc, tự nhiên như nhiên, hoạt động để lấy nhiệt lực, vào chỗ mát để tránh khí nóng. Cũng như con vẹt thích màu trái chín, mỏ nó biến đỏ; muốn tiệp màu lá cây để dễ ẩn, lông nó biến xanh; nhìn màu vàng nó thích quá, lông nó biến vàng; đứng trên cành cây đòng đưa mà ngủ, lúc nào cũng sợ rơi, ý thức luôn tập trung ở hai bàn chân để bám chặt vào cây nên nhiệt lực ở hai bàn chân rất cao. Cũng như con trâu Việt Nam ở miền Đà lạt bị phản ứng với sức lạnh, mà toàn thân nó được chất mỡ kết đúc để bảo vệ. Con thỏ rừng da thịt mềm mỏng, xác thân nhỏ nhắn, sống trong rừng sâu, phản ứng với khí lạnh nó mọc lông nhiều, lại biết ở hang; thiếu khí giới tự vệ nó phải bù đắp lại bằng cách nghe xa và chạy nhanh, cho nên chân sau dài hơn chân trước nhiều, lại thêm đôi vành tai đặc biệt mỏng, nhạy, chuyển động được và thính giác rất lanh lợi…

Hết thảy những phản ứng biến hóa nầy đều xuất phát từ lượn sóng trực giác của toàn thân, người thú đều bình đẳng. Chỉ trừ khi bộ óc tiến triển một cách quá mức, tinh thần của con người bị giác quan đóng khung, mà dòng suối trực giác toàn thân phải bị chìm hẳn đi, để rồi người và thú bắt đầu phân ranh cách biệt từ đó. Và thú cũng có thể rất người, mà trái lại người cũng có thể rất thú, cũng bắt đầu từ đó.

Nói "trong không hệ lụy lưu luyến chất chứa, ngoài không bị trói buộc hình hài", tức là ý muốn nói: Cả phần nghiệp riêng lẫn nghiệp chung cũng đều chưa phát triển. Cho nên bên trong chưa bị nghiệp riêng phiền não nó gặm nhấm cắn rứt tâm hồn, bên ngoài chưa bị nghiệp chung trói buộc thành những nếp khuôn quy định của xã hội cũng như của đoàn thể. Thế là trong tinh thần của loài người hồi ấy tâm với cảnh

vốn chưa phân, con người vốn còn nằm tròn trong đồng nhất, trong nhất như. Nhờ chưa bị giác quan hạn cuộc mà trời người không phân, người vật không cách; nên tâm hồn của con người hồi ấy vẫn chưa bị sứt mẻ.

Nói "đó là cuộc đời điềm đạm, vì thế mà khí tà không thể vào sâu" tức là trong chỗ ngoài lời luận giả muốn nói: Nếu một con người được để nguyên đúng với nghĩa hằng mới của bao la, đừng thêm thắt gì thêm, thì mỗi người đều vốn năng lực tròn đầy; cùng với khung cảnh đồng nhất, tương quan, trật tự, biến hóa, lưu thông trong cõi thiên nhiên cũng vốn không nảy sanh mâu thuẫn trái chướng. Trong lòng đã chưa có danh từ chánh, làm gì có tà! Đã không có cái thứ hai, làm gì có vào sâu vào cạn!

Gươm chánh cốt để trị tà, chớ ai đâu bao giờ đem dùng trị chánh! Cũng như pháp luật là cốt để trừng trị kẻ phạm tội, chớ đâu phải để phạt người ngay. Một tinh thần còn nguyên vẹn sức phản ứng bén nhạy của trực giác thiên nhiên bảo vệ, thì ai đâu cần đến những thứ thuốc có nhiều chất độc nặng nề, cũng như những phép châm phép thạch rắc rối! Cho nên mới nói: "Bên trong không thể áp dụng các loại thuốc có nhiều chất độc, bên ngoài không thể áp dụng những phép châm, phép thạch để trị".

Nhớ lại lúc tôi còn bé, ở vùng quê, tinh thần người dân còn mộc mạc đơn sơ, đường lối trong xóm qua những khe rãnh đều chỉ dùng cầu khỉ. Có một chàng trai bị bệnh sốt rét làm cữ cách nhật. Cơn sốt rét sắp lên, anh ta đang đi chơi vội chạy về nhà chuẩn bị đồ để trùm mền. Khi đi ngang qua cầu khỉ, bên dưới nước vừa lớn vừa đầy, anh ta trật chân ngã tõm xuống nước. Một cơn chấn động hoảng hốt giựt mình, rồi lấy lại bình tĩnh lội lên, về nhà thay đồ. Từ hôm ấy sốt rét ngừng bặt. Như thế đủ biết luồng sóng chấn động của sức phản ứng trực giác thiên nhiên bảo vệ lợi hại biết là dường nào! Cho nên mới nói "con người trong thời điềm đạm, khi có bệnh chỉ có thể dời tinh biến khí bằng phép Chúc do cũng khỏi" là vậy.

Trên lãnh vực học hỏi, nếu ta đừng quên năm điều kiện quan trọng là: Nói cái gì? Nói với ai? Nói hồi nào? Nói ở đâu? Ai nói? Thì ta nhớ ngay rằng đây là câu chuyện của hai nhân vật Á đông đang ngồi trên bản đồ Trung Hoa mà đàm đạo.

Trong câu nói "con người đời nay thì không phải thế", hàm chứa

một ý nghĩa ngoài lời là: Con người của bán cầu phía Đông đã trải qua một thời gian dài dằng dặc, ngao du từ cõi con Tim mà đi ra dần đến rơi tõm vào lãnh vực thao túng của trí óc. Còn số người của bán cầu bên kia, họ đang lội bơi trong cõi trí óc, để rồi sẽ gặp phải đường cùng, mà lần mò tìm về trở lại với con Tim.

Đã là một tinh thần hướng ngoại, lẽ cố nhiên là phải ôm chầm mâu thuẫn vào lòng. Trong lòng đã mâu thuẫn, thì ngày tháng trôi qua là chuỗi dài thời gian tâm lý để chất chứa, gom nhóm, đầu tư; rồi trong súc tích để cung phụng cho cái **Tôi**, thì làm sao khỏi chế biến bày đặt ra đủ thứ khuôn nếp qui định, để vừa trói buộc mình lại cũng vừa trói buộc kẻ khác. Nếu có ai làm khác hơn thì đều không phải là chân lý, đều là kẻ phản phúc. Rồi từ đó, ôi thôi! Nào là văn vẻ, phong tục, tập quán, dư luận, qui chế, pháp luật, trang sức, y phục, mũ cao áo rộng, cung điện đền đài không biết bao nhiêu cái không quan trọng, không cần thiết đều biến trở thành quan trọng cần thiết, làm cho con người bên trong đã chứa đầy nhóc, chở khẳm đủ những thứ hệ lụy phiền não đau thương, thường trực dày xéo gặm nhấm tâm hồn, lại thêm bao nhiêu là điều kiện phi lí bên ngoài hàng ngày trói buộc xác thân. Một người đã thế, muôn người cũng thế, tất cả đều như thế. Thế là cả nghiệp riêng lẫn nghiệp chung đều bắt đầu đầy rẫy. Thế là con người đã từ một thời đại điềm đạm vô tư bước sang giai đoạn mà các nhà lịch sử học gọi là giai đoạn khế ước. Từ một giai đoạn nhìn bên ngoài trông thấy hình như là rất thú mà trái lại bên trong rất người, đi lần đến một giai đoạn nhìn thấy bên ngoài thật là rất người mà không dè bên trong lại là rất thú. Cho nên mới nói "trong lòng đầy những lo lắng phiền não vấn vương, bên ngoài sinh hoạt khổ cực thương tổn hình hài" là vậy.

Trong một cuộc sống mà trí óc phát triển đến cùng cực như ngày nay, làm cho con người suốt ngày suốt đêm chỉ biết có tính toán lợi hại, đua chen vật chất, danh vọng tài tình, hơn thua chiếm đoạt, tranh chấp biên cương, rình mò sát hại. Cơ hồ như muôn điều dục vọng đều phải được ôm hết vào mình mới hợp lý. Thế rồi một người cắm đầu săn đuổi, mọi người thấy thế cũng cắm đầu săn đuổi theo, rồi tất cả đều cắm đầu săn đuổi bất kể phải quấy cứ việc đua chen, chẳng ai cần biết đến ai, càng gấp gấp càng hay, càng mau mau càng tốt. Tất cả những quá khứ đều sai lầm, tất cả những sắp đến tương lai đều phải săn đuổi cho kỳ được, tất cả những hiện tại đều phải hy sinh. Thế là cả một bầu trời hiện tại đều trở thành một chiến trường đấu tranh loạn lạc. Trong khung

cảnh như thế với vấn đề Xuân, Hạ, Thu, Đông, tứ khí điều thần, vấn đề thiên nhiên trật tự, vấn đề lạnh nóng hợp nghi chẳng còn ra cái quái gì nữa. Cho nên có thể lấy ngày làm đêm, lấy đêm làm ngày, lấy thường làm loạn, lấy loạn làm thường, lấy rượu làm nước, lấy no say rồi dâm dục làm cuộc chơi, bất cần đến trời đất. Cho nên mới nói "lại thêm cuộc sống lệch lạc lỗi nhịp với trật tự lạnh nóng thuận nghịch của bốn mùa".

Cả một xã hội loài người đã trở thành một chiến trường điên đảo phá hoại, bên trong mọi người ai ai cũng đều sắm sẵn được một ban phá hoại chuyên môn thường trực ngày đêm cho phần riêng mình, bên ngoài cả một đoàn phá hoại công cộng để cùng nhau chia sớt. Thế là đã mở hoát hết cửa trong cửa ngoài, để tha hồ cho giặc giã ra vào, tà ma quấy nhiễu. Tất cả những khí độc đều được tự do thông qua suốt tự cửa trước đến cửa sau. Ngược lại, không những là một cuộc sống điên đảo, mà ngoài sự nhận lầm đứa giặc làm con ra, tất cả những điều hay lẽ phải cũng đều bị chối ngược. Cho nên biết: Dù không phải là gió độc hư tà chăng nữa, cũng đều có thể biến thành hư tà gió độc. Suốt ngày đêm hoàn toàn nằm trong mê lầm điên đảo, lẽ cố nhiên cũng suốt ngày đêm thâu nhận sự mâu thuẫn chối ngược trong tâm hồn, theo đó mà xác thân suốt ngày đêm cũng phải thọ lãnh lấy sự xâm phạm của khí tà gió độc. Cho nên mới nói "gió độc thường đến, hư tà tiêm nhiễm suốt ngày đêm".

Tinh thần đã phóng vọt ra ngoài, trong lòng đã ôm chầm chất chứa mâu thuẫn, tức là tự mình đã mở dòng điện nghịch chiều theo thế sát phạt trái với định luật tương sanh của 5 hành trong tạng phủ. Đó là tự mình đã kiến thiết cho một hệ thống bệnh nội thương rồi.

Tạng phủ là phần chính yếu bên trong của xác thân, xác thân là thành lũy bên ngoài của tạng phủ. Thiếu tạng phủ, xác thân không thể tồn tại; thiếu xác thân, tạng phủ không lấy đâu để giữ gìn. Tạng phủ suy nhược thì xác thân cũng theo đó mà suy nhược, xác thân bại hoại thì tạng phủ cũng theo đó không lấy đâu để giữ gìn. Tạng phủ tuy là thuộc về phần âm, nhưng vẫn còn có âm dương; thì xác thân bên ngoài tuy là dương, nhưng cũng vẫn có âm dương. Mặt ngoài của xác thân là các khiếu trống và mặt da, mặt trong của xác thân là cốt tủy. Nay bên trong đã bị dòng điện nghịch chiều phá hoại, làm cho 5 tạng, cốt tủy đều bị giảm suy. Bên ngoài ăn uống, sinh hoạt, phong tục, tập quán, hoàn cảnh xã hội gây thành một thế đảo lộn, trái chướng với trật tự thiên nhiên. Tất cả khung cảnh bên ngoài đều trở thành áp lực tà khí đè bẹp cả sức chống

chọi của toàn thân. Thế là cả ngoại tà lẫn nội tà đều được móc nối nhau thành một hệ thống phá hoại suốt cả trong ngoài. Cho nên mới nói "bên trong thấm dần đến 5 tạng, cốt tủy; bên ngoài thương tổn đến các khiếu trống và mặt da".

Như đã nhiều lần đề cập, mỗi người chúng ta đều vốn sẵn đủ một khả năng phản ứng trực giác của năng lực thiên nhiên bảo vệ. Nhờ năng lực này mà con người khi tâm hồn chưa bị sức phát triển của bộ óc lấn áp, tinh thần chưa phóng vọt ra ngoài một cách quá quắt quái gở đến nỗi dở dang sụp đổ, thì mỗi khi có bệnh tật đều chẳng qua chỉ là việc xâm lấn chút ít tự bên ngoài, còn tạng phủ bên trong vẫn nguyên vẹn khả năng hùng hậu. Cho nên một phen chuyển động tung ra, là tất cả áp lực bên ngoài đều tan vỡ. Chẳng khác nào một quốc gia, bên trong chủ lực sung túc hùng cường, dẫu có giặc giã ngoại xâm chỉ cần vẫy tay một cái là trở về với trật tự. Nay phần chủ lực đã hao mòn, mà phần ngoại xâm cũng lại tới tấp. Nhân thấy thế yếu, giặc phải nương thế mà tiến sâu vào. Cho nên mới nói: "Bệnh nhẹ phải hóa nặng, bệnh nặng phải chết".

Hết thảy mọi phương pháp chữa bệnh, chỉ có nghệ thuật Chúc do là siêu tuyệt, bay bướm, nhẹ nhàng, tài tử nhất. Như đã đề cập, nếu thiếu khả năng trực giác là phép Chúc do không thể thành lập. Nói như thế tức là muốn nói: Con người khi trực giác còn hoàn toàn bén nhạy chừng nào, thì phép Chúc do càng kết quả linh động siêu tuyệt chừng nấy. Nay tinh thần đã phóng vọt ra ngoài, điện tạng phủ đã chạy nghịch chiều, sức tung ra của bầu khí quyển, của khí vệ, của cái phách đã bị đè bẹp, làm cho khả năng trực giác đã tê dại chai lì mất đi. Dù cho các loại thuốc có nhiều chất độc hay cả phép châm phép thạch cũng đều còn nằm trong hên xui may rủi, thì phép Chúc do làm gì còn có kết quả được. Cho nên mới nói "phép Chúc do không thể công hiệu nữa" là vậy.

BÌNH

Người ta nói: "Nếu thiệt Rồng linh thì không hề ở vũng nước chết!". Theo tôi thì không phải thế. Nếu thiệt là Rồng linh, thì nước chết hay nước sống là tại Rồng chớ không phải tại nước. Thế mới biết: Nếu thiệt là Rồng linh thì nước sống cũng được, nước chết cũng được, nước chết hóa nước sống cũng được, nước sống hóa nước chết cũng được; ví nếu gặp phải biển khơi "sóng vỗ ba đào" càng hay, như thế mới thiệt là Rồng linh. Cách thế đối đáp của một con người thông đạt cũng tương tự như

vậy.

Vừa mới mở miệng hỏi là đã đưa ngay vấn đề thời thế xưa nay, bệnh tật nặng nhẹ và cách chữa trị nhẹ nhàng hay nặng nề, kết quả chính xác hay hên xui may rủi ra để mà phỏng vấn. Thì quả thật là biển khơi chưa đủ sức chứa Rồng vậy.

Mở đầu làm như là vì không hiểu Chúc do là gì, nên mang ra hỏi. Nhưng biết đâu đã là người thông đạt, nhà Vua nhà Vua muốn dùng tinh thần ấy dạo qua các thời đại của nhân loại để có dịp chứng nghiệm lí do thạnh suy, hầu chứng minh cho tất cả chúng ta thấy rằng: Sự thật đạo lý vẫn muôn thuở hằng còn, chỉ vì tâm lý có sa đọa hay không sa đọa mà chỗ dụng khác nhau. Thế mới biết: Nhà Phật nói mạt pháp; nhưng sự thật pháp muôn thuở vốn y nhiên, chỉ có lòng người mạt hay không mạt mà thôi.

Nương nơi ý nghĩa của danh từ "Di tinh biến khí" và "Chúc do" để nói tuột ra thời thế có xưa nay, tâm lý có thăng trầm, bệnh tật có nhẹ nặng, chữa trị có dễ khó, hoặc mạnh hoặc chết, hoặc chữa khỏi hay không khỏi nhứt nhứt đều có duyên do. Dường như là chỉ để chứng minh cho độc giả thấy được rằng: Hết thảy trong cõi hiện tượng chưa hề có cái "không lên lên xuống xuống", để đưa ra một đấng chủ tể hoặc một thần linh nào đó; hay để cắt nghĩa cho mọi người rằng: Tất cả đều chỉ là vật chất, hầu dựng lên một chủ nghĩa duy tâm, duy vật hay duy linh gì đó không biết chừng.

Nhưng không đâu! Luận giả cốt để chỉ cho ta thấy tất cả đều ở hiện tượng con người, tại có con người mà thôi. Mà hễ nói đến con người là phải nói đến tâm lý, nói đến tâm lý là phải nói đến khả năng trực giác, nói đến khả năng trực giác là phải đá động đến vấn đề thần cơ diệu dụng của bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, tuyệt đối bình đẳng; sự thật nó vốn là thế, mà duy tâm, duy vật hay duy linh gì gì đó đều là chuyện bày đặt để cấu xé lẫn nhau của bọn thế gian chưa thông đạt.

- Để nhắc cho Huỳnh Đế cũng như độc giả nhớ lại câu chuyện Thượng cổ thiên chân tận tự thiên đầu, nhấn mạnh ở thiên thứ 5 về Âm dương ứng tượng đại luận và thắt chặt ở thiên thứ 9 về Lục tiết tạng tượng từ trước. Bên trong ngầm bày tỏ cho ta biết rằng: Mặc dù trên

phương diện không gian của địa lý có hiện tượng cấu kết của Đông, Nam, Trung ương, Tây, Bắc; cũng như thời gian có hiện tượng đã qua, hiện tại và sắp đến, nhưng cả hai đều nằm tròn trong một quy luật xen nhau mà lên lên xuống xuống theo thế thăng trầm.

- Để cho ta thấy trong vô ý thức dù người phương Đông cũng có những hồi trào lưu tâm lý tương tự như người phương Tây, người phương Tây cũng có những hồi trào lưu tâm lý tương tự như người phương Đông; cũng như người xưa cũng có những hồi trào lưu tâm lý tương tự như người nay, và người nay cũng có những hồi trào lưu tâm lý tương tự như người xưa. Mà chung qui cũng chỉ tại con người ý thức được hay không ý thức được, giác ngộ hay không giác ngộ, chớ không một móng ma nào có thể xen vào đây để mà thay thế gánh chịu cho con người được cả; dù cho phép Chúc do cũng chẳng qua chỉ là một phương pháp, chớ không phải là chuyện mê hoặc thần quyền.

- Để cho người nghe cũng như người đọc tinh thần được thấu suốt lưu thông, không bị chấp nê sa đọa vào không gian của thiên trước.

- Và để tỏ cho ta thấy tinh thần của luận giả chiều đứng suốt thời gian, chiều nằm suốt không gian không đâu mà không khắp; và cả quả đất này đối với luận giả cơ hồ như để một trái vải trên lòng bàn tay mà ngồi ngắm vậy. Quả thật thầy trò rất xứng hợp! Đủ khả năng để chấp cánh tung bay ngao du vượt ra ngoài vòng bao la vô cực.

Từ xưa đến nay đọc sách là cả một nghệ thuật khó khăn, chưa được mấy khi tinh thần người đọc xứng với tinh thần người viết, là tại sao?

Đã là sách, lẽ cố nhiên sự khai sanh ra nó phải từ trong một môi trường thời đại, một địa phương, một phong tục, một tập quán, một tinh thần, một khung cảnh và cả một thứ ngôn ngữ nào đó. Người đọc cũng thế. Vì thế mà người viết dù có siêu tuyệt đến đâu chăng nữa, tinh thần người đọc cũng không thể dễ dàng nhận thẳng vào cốt tủy của sự việc cho được. Chính vì chỗ này mà sức dung thông giữa tinh thần Phật giáo Ấn độ với tinh thần Dịch học NỘI KINH của cổ Trung hoa chưa được tiến lên đến mức cùng cực.

Dân tộc Ấn Độ mang một địa thế nửa Á nửa Âu với một ngữ thế phức âm, một tinh thần nửa trí óc nửa trực giác, lại thêm phủ lên một màu huyền bí tôn giáo lạ kỳ với rất nhiều chủng tộc. Trái lại dân tộc Trung hoa mặc dù cũng phân ra nhiều chủng tộc, nhưng cùng ở trong một địa thế lệch hẳn về Á với một ngữ thế âm đơn tự, một tinh thần thuần trực giác. Nếu nhìn vào thành phần lao động bình dân trong đại đa số quần chúng, thì hình như là mê tin lắm; nhưng nhìn lên các hàng trí thức thì thấy hoàn toàn nhuộm một màu thao thức chỉ muốn tìm lấy sự thật mà thôi. Do đó ngữ thế của Trung hoa với ngữ thế của Ấn độ trong tinh thần có những chỗ đồng, mà cũng có những chỗ khác. Cho nên trên ngôn ngữ văn tự của Ấn độ ngầm chứa một tinh thần có thể vỡ tung một nguyên tử ra to lớn tràn ngập cả bao la; còn ngôn ngữ văn tự của cổ Trung hoa ngầm chứa một tinh thần thu cả bao la vào vòng một nguyên tử. Chính vì thế mà Trung hoa mới có được một dòng suối Thiền lưu hùng dũng siêu tuyệt. Nay ta đọc NỘI KINH, nếu đừng vướng kẹt trên bề mặt của ngôn từ để đào sâu vào bề trái, vào những nơi không chữ, rồi ta mới thấy tinh thần Phật giáo Ấn Độ tuy xuất hiện sau tinh thần NỘI KINH non đến 25 thế kỷ, mà ý nghĩa của những danh từ Phật giáo được phiên dịch thành chữ Trung Hoa như: nghiệp chung, nghiệp riêng, nghiệp lực, mạt pháp, năm ấm, sáu nhập, sanh tử luân hồi, nhân quả, bổn tánh, sở tri ngu, trùng trùng vô tận, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,… đều vốn là những món có sẵn trong tinh thần cổ Trung Hoa của Dịch học, NỘI KINH học không hề có dư thiếu. Tiếc vì tất cả học giả đời sau, tinh thần bị vướng kẹt vào bề mặt của danh ngôn, làm cho cả một trời xuân huy hoàng đẹp đẽ của thánh hiền trong muôn thuở để lại bị mờ khuất chôn vùi dưới cụm mây loạn lạc, trước con mắt của người đời nay. Thật là cả một điều đáng tiếc!

Với một lòng kính cẩn, mỗi khi đọc NỘI KINH tôi không khỏi suốt buổi bàng hoàng:

- Rất lấy làm lạ cho không biết bao nhiêu người, kể cả dân tộc Trung Hoa, đều cho rằng: NỘI KINH chỉ là một tài liệu xuất phát từ những tay học giả đời sau. Thật tình ra tôi không muốn bênh vực cổ nhân mà làm gì; nhưng tinh thần học hỏi sao mà ngu muội u mê đến thế! Hèn gì không thể biết sao là phải sao là trái, thiệt chẳng lạ lùng! Chứng bệnh thông manh này cơ hồ cũng như đang mọc chân truyền nhiễm khắp mọi nơi, ước chi gởi được xâu chìa khoá năm cái đến tận tay cho họ mài lấy nước mà uống, là tức khắc họ tỉnh ngay.

- Càng lấy làm lạ! Đọc suốt cả bộ NỘI KINH không tìm ra được hai chữ khoa học mà làm thuốc! Thế mà nhìn sâu vào trong thăm thẳm, chỉ một đoạn này cũng là cả một bầu trời chân khoa học hoàn toàn mới mẻ, hiện đang mới mẻ, chẳng bù được với người nay động đến là dán ngay nhãn hiệu khoa học! Khoa học! Lúc nào cũng nói khoa học! Cũng tôn thờ khoa học! Mà chỉ là cả một bộ óc cũ rích ngu đần phá hoại, lại cố tình làm cho cũ rích ngu đần phá hoại thêm, chẳng có tí gì đáng gọi là tinh thần mới mẻ chân khoa học cả; thế mà lúc nào cũng kiêu căng tự phụ một cách lạ kỳ. Đây cũng là một điều lấy làm lạ.

- Bắt đầu bước chân vào đọc NỘI KINH là thấy cả một trời bực dọc khó khăn. Đến khi thâm sâu vào chỗ ít lời nhiều nghĩa, rồi đến chỗ có nghĩa không lời và tiến sâu vào bề bên kia của ngôn ngữ văn tự, bỗng dưng ta gặp cả một chân trời muôn màu mới tinh, rực rỡ, hình như đang chờ đón những tinh thần chí thành, trong ấy không biết bao nhiêu là bảo vật tha hồ tự do sử dụng, gây cho độc giả một luồng chấn động toàn thân, một dòng suối hứng vị tuyệt vời khó tìm đâu bắt gặp. Quả thật là con cá mua được từ cửa hàng ngoài chợ, không thể nào có một giá trị đặc biệt như con cá tự tay đuổi bắt được dưới sông. Phải chăng đây là một lòng từ, một tâm pháp, một văn minh siêu văn minh, một khoa học siêu khoa học, một bí pháp của tinh thần cổ Trung Hoa hầu lưu lại những gì quí giá để cống hiến cho toàn cả nhân loại đời sau?! Nó còn lạ lùng hơn những gì lạ lùng trong kim tự tháp của Ai Cập nữa. Đây cũng là một điều lạ.

Có người kể: Một ông già nọ chỉ có một con. Nhân lúc ông đi khỏi, đứa bé ở nhà rong chơi. Hàng xóm có một đứa bé khác đến tìm chơi không gặp con ông, nó bèn nhúm lửa, rủi ro xảy lửa bắt cháy nhà; đứa bé hàng xóm chết luôn không ra được, con ông hoảng sợ trốn đi. Khi trở về, ông bèn ôm xác đứa bé hàng xóm mà khóc la thảm thiết, rồi mang chôn cất kỹ càng và che chòi ở lại. Đến tối, đứa bé mò về kêu cửa; ông ta không những không chấp nhận mà thôi, còn cho là hồn oan thành quỉ, đến nỗi thất thanh hoảng hốt, ngất xỉu lăn cù…

Cái thế ôm tà làm chánh, biến chánh hóa tà của con người ngày nay cũng tương tự như vậy.

Dân chúng hát:

“Con rắn không chân, nó đi năm rừng bảy rú,

Con gà không có vú đẻ chín mười con…”

Rắn không chân vậy rắn đi cách nào?

Chuyện trước con mắt mà chẳng ai ngờ! Muốn đi rắn phải gồng chuyển, sức gồng chuyển nếu không phải theo chiều lên lên xuống xuống theo kiểu lên xuống lượn sóng mặt bằng, thì cũng phải gồng chuyển theo kiểu quanh bên này uốn bên kia mà người ta thường gọi là điệu đàng xà uốn khúc. Rắn muốn leo cây tất phải gồng chuyển theo kiểu quấn sát loanh quanh, ngoài ba cách thế nầy, rắn không thể đi được. Thế là không phải rắn đã bộc lộ cho ta thấy thế vận hành trong khắp cõi hiện tượng rồi đó sao; kể cả hiện tượng tâm lý trong lãnh vực con người!

Có người kể: Hai vợ chồng lão tiều nọ, hàng ngày đốn củi phải đi ngang qua cánh đồng, thường dừng chân nghỉ mát ở ngôi miếu cạnh gốc cổ thọ. Trên cành cổ thọ có con chim Sa sả đứng rỉa lông, một chiếc lông cánh rất đẹp rơi xuống. Lão tiều thích thú nhặt lấy dắt vào nón đem về. Một hôm lấy ra ngắm nghía – lạ thay! Xuyên qua chiếc lông, nhìn thấy bao nhiêu người qua lại đều trở nên kỳ hình dị tướng. Ngạc nhiên, ông bèn mang lông chim Sa sả xuống bến đò trước cửa nhà. Theo chuyến đò qua lại, ông dùng chiếc lông chim rọi tất cả mọi người. Thì ra những người càng rất người, rất đẹp bao nhiêu, lại thấy rất kỳ hình quái dạng, rất giống thú bấy nhiêu. Cuối cùng ông rọi gặp một người tướng tá trông thật giống người; nhưng khi cất chiếc lông đi thì thấy người ấy rất dị tướng.

Đến đây lão tiều mới bừng tỉnh về ý nghĩa câu: “Người xưa hình giống thú, mà có tâm đại thánh đức. Người nay bên ngoài thật giống người, mà bên trong lòng dạ thú không thể lường” thật là chí lý!

Trước đây sáu, bảy ngàn năm, có những hồi loài người không hề dùng đến những danh từ như: tự do bình đẳng, độc lập, hạnh phúc… thế mà cuộc sống vẫn được vô cùng thoải mái, bên trong không bị phiền não vấn vương, bên ngoài không bị luật lệ ràng buộc. Trái lại chúng ta ngày nay đưa ra không biết bao nhiêu danh từ rất kêu, nào là thế giới hòa bình, bình đẳng bác ái, độc lập, tự do, hạnh phúc v.v và v.v; thế mà vẫn suốt

đời giết hại lẫn nhau, đau thương khổ lụy không biết bao giờ chấm dứt. Lão Tử nói: "Tại mất Đạo, cho nên mới lập Đức. Tại mất Đức cho nên mới lập Nhân Nghĩa. Bao giờ anh hùng hào kiệt chưa chết hết, thì dân chúng chưa yên!" Nói như vậy tất đã là vô lý.

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Trung cổ chi trị bệnh, chí nhi trị chi, thang dịch thập nhựt, dĩ khử bát phong ngũ tê chi bệnh. Thập nhựt bất dĩ, trị dĩ thảo, tô thảo cai chi chi, bổn mạt vi trợ, phiêu bổn dĩ đắc, tà khí nải phục.

DỊCH

Đến đời Trung cổ, cách trị bệnh là mỗi khi bệnh đến nghĩ cách chữa ngay, dùng những thứ thuốc nước chữa trị trong khoảng 10 ngày để trừ khử *tám thứ gió độc vào cơ thể làm thành năm thứ tê.*

Nếu 10 ngày chưa khỏi, thì áp dụng thuốc chén chọn dùng cả rễ, đọt, cành, lá của các loài thảo mộc. Nhờ gốc ngọn giúp nhau mà khí phiêu khí bổn trong kinh mạch được thông suốt, là tà khí được khắc phục.

GIẢI

Đoạn này và đoạn tiếp đáng lẽ chỉ là một, nhưng vì đã dài quá, lại thêm chia ba thời kì nên phải phân thành ba đoạn. Vì thế mà đoạn nàyvà đoạn sau vẫn là lời của Kỳ Bá nói, nhưng không có ba chữ "Kỳ Bá nói" ở khởi đầu.

Nói "vãng cổ", nói "trung cổ", rồi nói "mộ thế" tức như ta bây giờ nói "thời thượng cổ, trung cổ, và hiện kim". Nghĩa là đứng ngay chỗ

mình đang ở, ngược dòng thời gian mà nhìn về tít tận xa xưa, rồi theo đà nhận xét mà suy diễn; xoắn ngay điểm tinh thần con người bị đổ vỡ ở hiện tại, rồi ngược dòng thời gian mà nhìn đến hồi tinh thần con người cực thịnh, tựa hồ như đang đứng dưới lòng máng của lượn sóng mà nhìn lên sống lưng cao nhất của lượn sóng, để phân ra ba thời kỳ: Ngay ở sống lưng cao nhất của lượn sóng đang nhô kể là vãng cổ. Đối chiếu với chỗ đứng hiện giờ chấm lấy một điểm giữa gọi là trung cổ. Thế là cách chia ba thời kỳ của luận giả đây là một cách thuận theo dòng thời gian lịch sử của nhân loại, mà nhìn về hướng thăng trầm tiến thối ngược dòng lẫn nhau của tâm lý và trí óc của loài người, trong vô tình chịu lấy ảnh hưởng chi phối của định luật âm dương ly hướng. (Xem hình 13.3).

Đã nói rằng: "trung cổ" tức là tuy đã xuống dốc nhưng chưa đến rơi tõm hẳn xuống hố sâu; cho nên bệnh tật cũng không đến khó khăn lắm. Vì thế mà trong tinh thần con người dù sao hơi hám điểm đạm vẫn hãy còn; do đó mà tinh thần lương y chưa bị phóng dật, đối với bệnh tật cốt sao biết sớm chữa sớm càng hay. Cho nên mới nói: "mỗi khi bệnh đến là nghĩ cách chữa ngay".

Tinh thần thầy thuốc cũng chỉ là đuổi theo sau đuôi để cung phụng cho sự xuống dốc ấy, chớ hiếm khi tính chuyện nâng đỡ tinh thần của bệnh nhân cho lên dốc để trở về với đơn giản. Vì thế mà khoa trẻ em hiện nay vẫn còn được tương đối ít rắc rối. Như thế ta đủ thấy lý do nào mà luận giả nói "người trung cổ chữa bệnh trước nhất chỉ dùng các thứ thuốc nước chế sẵn…" Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là con người thời Trung cổ tinh thần chưa đến rắc rối, gần như trẻ em hiện giờ.

- Khai sanh ra con người – âm dương 5 hành là gốc, sáu khí là ngọn. Âm dương 5 hành là ١٠ thiên can, là thuộc về bao la, thuộc về mặt trời, thuộc về ngày. Trong thân con người 5 tạng là gốc, sáu phủ là ngọn. Tạng phủ ở trong, kinh mạch ở ngoài. Con người tuy đã xuống dốc, nhưng vẫn chưa xa nguồn cội đạo lý, tâm lý chưa đến biến hóa muôn trùng; mỗi khi có bệnh phần nhiều chỉ là cảm nhiễm ngoại tà. Gió tám hướng từ ngoài lấn vào hệ thống 5 hành của cơ thể làm thành năm loại hiện tượng bệnh tật, mà người xưa gọi chung là năm thứ tê. Vì thế nên chỉ trong các môn thuốc nước bào chế sẵn, có thể chọn dùng cho uống trong 10 ngày là khỏi ngay. Chỉ trừ khi những trường hợp có thêm điều kiện tâm lý rắc rối chút ít, làm cho hệ thống gốc ngọn của tạng phủ và kinh mạch trong cơ thể thiếu lưu thông thì lại khác. Cho nên mới nói

“chọn dùng các thứ thuốc nước cho uống trong 10 ngày…”

- Hết thảy những trường hợp cảm nhiễm ngoại tà, nếu trong sinh hoạt ăn uống cũng như tâm tư có điều vướng kẹt chướng ngại, thì cuộc chữa trị của thuốc men khó bề đạt đến kết quả đúng mức thuận với tự nhiên; y hệt như một quốc gia vừa bị ngoại xâm vừa bị nội loạn, lại cộng thêm kinh tế đảo lộn, sinh hoạt quần chúng rối ren, thì làm sao dễ dàng tức khắc đuổi hết giặc cho được! Do đó nên phải vận dụng hết khả năng chánh trị tham mưu, để đối nội đối ngoại ăn khớp một lúc thì mới mong giải quyết được.

- Nói “nếu 10 ngày không khỏi” tức là ý nói đến 10 ngày là đã đủ số vận hành của thiên can trong ๕ hành. Đúng lý ra là đã khỏi hẳn, nhưng tại sao vẫn chưa dứt khoát, thế tất phải có lý do. Lý do ấy ở đâu? Ở chỗ trong ngoài gốc ngọn không được ăn khớp giúp đỡ lẫn nhau, thuốc không đủ khả năng biến hóa nên không thể đạt được đến mức hoàn toàn khỏi hẳn, như trong *Thương hàn luận* thường dùng bốn chữ “chưa thật khỏi hẳn” (vị liễu liễu), chớ không phải uống thuốc đến 10 ngày, đợi đến thấy không ăn thua gì rồi mới đổi thuốc khác. Như thế té ra là một thứ lang băm gia truyền mất rồi, chớ đâu phải là lương y!

- Từ xưa đến nay trong tất cả các môn thuốc của Y khoa kể cả các môn thuốc của Tây y ngày nay, chỉ có môn thuốc chén là linh động nhất, biến hóa kịp thời nhất, thuận với biện chứng thiên nhiên nhất. Thế mà nhìn bên ngoài trông như cổ lỗ nhất, do đó nên trong thấp thố thấp thưởi mới có chỗ để cho sự ngu muội của lý trí bộ óc xem thường.

Trên khắp mặt địa cầu, những nơi có nước, dù cho trong nước có nhiều sinh vật đến đâu chăng nữa, cũng phải nước nhiều hơn sinh vật. Cũng như trong tất cả những vùng đất đai rừng hoang cỏ dại, dù cho các giống thú có nhiều đến đâu chăng nữa, nhưng thảo mộc cũng phải nhiều hơn. Con người đã là một tác phẩm 5 hành kết cấu với một cái thế rất quân bình, cho nên con người dù có ăn uống nhiều chất thịt bao nhiêu chăng nữa, sự thâu nhận thảo mộc cũng phải nhiều hơn. Do đó mà cuộc sống của con người cần rất nhiều thảo mộc, và chỉ dùng thảo mộc con người mới thấy dễ chịu hơn. Cho nên nhìn vào toàn bộ dược vật học của cổ nhân, ta thấy những dược phẩm lấy ra từ động vật và khoáng chất rất ít, trái lại về thảo mộc chiếm hết ๙๐%. Theo đó mà những thứ thuốc có nhiều chất độc cũng rất ít dùng đến, và tất cả các bộ dược vật học đều

gọi chung là bản thảo.

Hết thảy dược vật học không ngoài khoáng chất, động vật và thực vật. Hết thảy khoáng chất phần nhiều có rất nhiều chất độc, lại mang thêm tính chất nặng nề thiếu linh động. Hết thảy động vật đều mang theo một sắc thái tâm lý riêng tư, do đó cũng không thể hoàn toàn linh động đúng với nghĩa biện chứng của thiên nhiên. Cả hai loại này chỉ phù hợp với trường hợp tâm lý nặng nề của thời đại mộ thế mà thôi. Chỉ còn có các loài thảo mộc là có thể biến hóa linh động một cách biện chứng thuận với trật tự khí hóa của thiên nhiên nhất.

Nhìn vào muôn loài thảo mộc, nếu ta biết cách trầm lặng thâm sâu để thấy được hoặc rễ, hoặc cội, hoặc cành, hoặc lá, hoặc đọt, hoặc hoa, hoặc quả, hoặc vỏ, hoặc hột… và mỗi khi vào cơ thể ta nó sẽ vào sâu tận bộ phận nào, nó hoạt động ra sao, có sở trường, sở đoản nào không?… Đồng thời ta cũng biết cách để thấy được suốt con người khi thường cũng như khi biến, chỗ nào thiếu chỗ nào thừa, là ta tức khắc áp dụng được. Cả một con người cũng như toàn một thân cây, từ dưới chót rễ suốt lên đến hoa lá ngọn ngành, nhựa sống luôn luôn vận chuyển suốt thông, không hề có một mảy may không phổ cập, nếu có một chút xíu của một bộ phận nào không được sinh khí phổ cập là tức khắc héo cháy ngay. Định luật này nếu ta biết áp dụng, thì những trường hợp sinh khí trong con người, ngọn gốc có xảy ra trở ngại thiếu lưu thông, cũng có thể nương nơi đây mà giải trừ được. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là mượn năng lực của thảo mộc để bù đắp cho năng lực trong con người khi thiếu lưu thông. Và khi năng lực trong con người được lưu thông, hoạt động trở lại bình thường, là tự nhiên bệnh khỏi, trừ khi không có điều kiện phá hoại của tâm lý. Cho nên mới nói "nếu 10 ngày chưa khỏi thì dùng thuốc chén… để cho khí phiêu khí bổn được lưu thông là tà khí được khắc phục" là nghĩa thế.

HÌNH 13.3: ĐỒ BIỂU SỰ THĂNG TRẦM CỦA THỜI GIAN TÂM LÝ

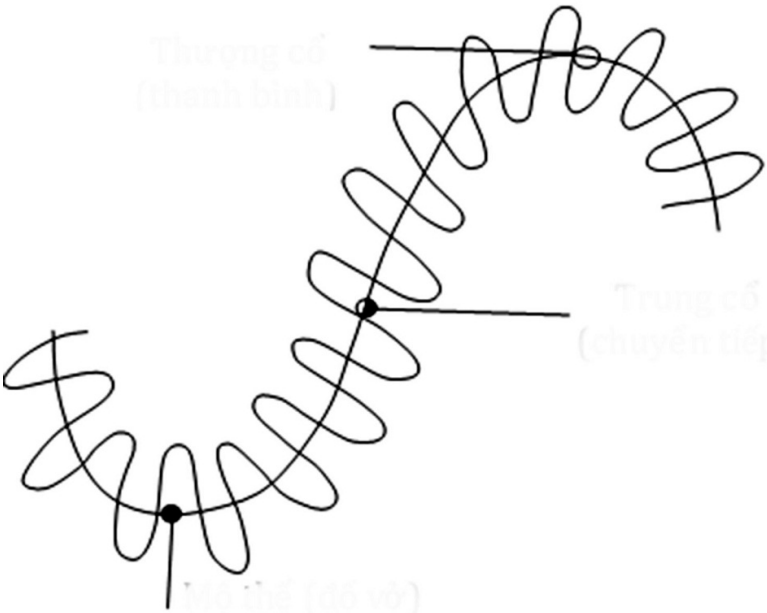

CÁCH VẬN HÀNH NGƯỢC CHIỀU CỦA TÂM LÝ VÀ TRÍ ÓC

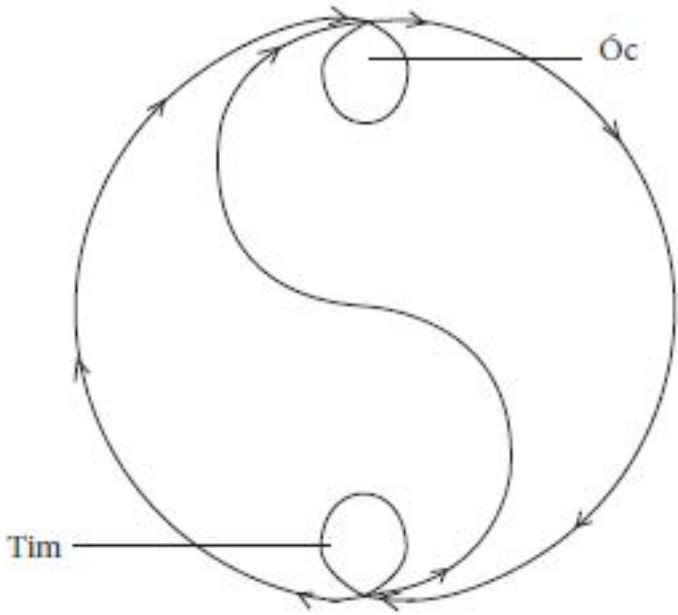

BÌNH

Làm cách nào câu trả lời cùng câu hỏi hiện ra một lúc; sự việc thách thức nửa cân, tinh thần đáp lại tám lạng; tựa hồ như đứng trước mặt gương vừa há miệng hỏi, thì trong gương cũng vừa há miệng đáp. Đó là tinh thần siêu việt của nghệ thuật xử sự tiếp vật trong con người Đông phương.

Có ai ngờ – ông G.B, một nhân vật cờ cao tuyệt đỉnh của Việt Nam, đã từng mang nghệ thuật đánh cờ tướng chu du khắp thế giới. Sau về ngồi chủ sòng phòng cờ Đại thế giới Chợ Lớn với đồng lương gần bằng hạng Đốc phủ sứ Việt nam thuở xưa. Mỗi khi nhập sòng, dù đối phương chỉ là một đứa trẻ hay một tay cao cờ nhất thế giới chăng nữa, cuối cùng ông cũng chỉ thắng đối phương độ nửa nước. Nghệ thuật đến đỗi tất cả đối phương không nhận ra được trình độ cờ ông đến cỡ nào. Cuối cùng, gặp một tay cờ tổ thế giới, ván cờ đến một tuần lễ mới ngã ngũ, và kết cuộc ông cũng chỉ hơn độ nửa nước. Nghệ thuật cho thuốc điều chỉnh bệnh tật của con người Đông phương cũng tương tự như vậy; hễ tâm lý trung cổ là thuốc trung cổ, tâm lý mộ thế thì thuốc cũng

mộ thế. Thế mà người ta còn nhắc nhở đến khám phá chữa trị sớm chừng nào hay chừng nấy. Tinh thần đó ta đáng nên kính trọng không?

"Cần khám phá sớm và chữa trị sớm" là câu khẩu hiệu của Tây y trong môn bệnh Ung thư ngày nay. Nhưng than ôi! Cái gọi là khám phá sớm của ngày nay, lại là thứ không vượt ngoài vòng con toán của trí óc và hình thức vật chất của máy móc!

Ta nên nhớ rằng: Hết thảy sự kiện, cơ mầu phát khởi của nó đều tận tự vô hình. Từ chỗ vô hình đến khi phát hiện ra có tướng, phải trải qua một thời gian tiềm phục biến chuyển ngấm ngầm dài dằng dặc. Nay nếu ta chỉ dựa vào hình thức cụ thể để gọi là khám phá sớm, biết sớm, thế thì ý nghĩa của khẩu hiệu "phải khám phá sớm để chữa trị sớm" chẳng hóa ra là nghĩa "khám phá muộn chữa trị muộn" đó sao? Thế mới hay cách nhìn tận cội rễ của **cơ mầu dấy động** là cả một kho tàng văn minh muôn thuở của Đông phương, mà cũng là một cách thế khôn ngoan nhất của loài người vậy.

Thí dụ: Một người từ thuở bé chưa từng biết con rùa ra sao. Một hôm đến nhà bạn được cho ăn thịt rùa. Không được biết tên con vật gọi là gì, nhưng anh đã ăn, đã tận mắt hình dáng, và biết rõ cách đi đứng sanh hoạt của nó ra sao. Đến khi khác, lại gặp một người đem con rùa ra khoe, hỏi anh có biết nó không? Anh đáp: Tôi đã từng ăn nó, nhưng vẫn chưa biết nó là con gì!

Lại có một người cũng chưa từng biết con rùa ra sao. Nhân đến chơi nhà bạn, người bạn đem ra khoe cho biết đó là con rùa đấy. Đến một dạo khác, có người mang rùa đến hỏi anh biết con này không? – Anh vội đáp: Biết, biết – Con rùa đó mà!

Lại có một người cũng chưa từng biết con rùa ra thế nào. Anh chỉ được nghe tả về con rùa như sau: Một con vật có cái lưng giống như cái rổ úp, đầu rắn, đuôi tắc kè và bốn chân vịt; dáng bò chậm chạp, nặng nề… Thế là trong đầu anh đã có một con vật do các bộ phận đó ráp lại biết đi… Một dạo khác, gặp người đến hỏi anh có biết con rùa không? – Đáp: Tôi biết rồi, nó giống như cái rổ úp trên bốn cái chân vịt, đầu như đầu rắn, đuôi như đuôi tắc kè vậy mà!

Thử hỏi trong ba người ấy ai là người thiệt biết con rùa? Thế mới biết: hầu hết những người tự cho rằng mình đã biết sự vật, đều là những kẻ bị rơi tõm vào cái giếng danh ngôn và tưởng tượng mà không có lối ra. Cách biết về bệnh tật của con người thời nay cũng tương tự như vậy. Thế mới biết: Cách biết về bệnh tật của con người xưa cốt sao trực tiếp chứng thực như đã nếm vị thịt con rùa, hơn là chấp cứng vào tên chữ và lời; vì thế mà cách gọi tên bệnh cũng rất hời hợt. Nếu không học sâu vào tận cội nguồn, thì ta cũng là thứ bọn té giếng không lên được.

Suốt bộ NỘI KINH ta không tìm thấy một danh từ "cách vật trí tri" hay "cách trí" gì cả. Thế mà họ nhìn vào toàn cả thân cây cũng như nhìn trọn cả con người, để họ biết được bộ phận nào của thảo mộc ăn với bộ phận nào trong con người, hầu áp dụng cho việc chữa bệnh, cho thuốc được đúng như ý muốn. Như thế há không phải là vô cùng khoa học đó sao! Nếu muốn học hỏi để tìm hiểu người xưa, lẽ đâu ta lại xem thường?!

Hết thảy thầy thuốc hiện nay, khi chữa khỏi được một bệnh gì đều thường tự hào cho rằng mình chữa khỏi được bệnh ấy. Nhưng thực ra chưa hề được mấy ai nghiệm hiểu thâm sâu về nghĩa thế nào là bệnh khỏi cả.

Trong môn tiếp cốt (trị gãy xương) cũng thường hay dùng những vị thuốc để chữa. Đến khi bệnh lành, người ta đinh ninh rằng những vị thuốc ấy trị được bệnh gãy xương; nhưng thực ra thì không phải thế. Mỗi khi xương bị gãy, nếu được sắp lại khít nhau, giữ yên một chỗ, làm sao cho đừng có điều kiện chướng ngại xảy ra như là: lay động, lạnh quá, nóng quá, máu đông đặc và điều kiện tiếp dưỡng của cơ thể ra đến chỗ đau được thông suốt… là xương tự khắc lành. Vì thế mà những vị thuốc chữa gãy xương phần nhiều là giữ cho đừng sưng sốt, đừng lạnh quá, đừng ứ máu, tiếp nhận được sự nuôi dưỡng của cơ thể… mà thôi. Tất cả mọi cách khỏi bệnh cũng đều tương tự như vậy. Chính vì thế mà điều kiện tâm lý hóa ra vô cùng quan trọng. Nhưng vì hầu hết thầy thuốc đều không biết đến, chỉ rong ruổi ra phần ngọn, làm cho những luồng điện năng lực xuất phát từ tạng phủ ra đến suốt khắp châu thân, gốc ngọn không lưu thông nhau, thì tà khí làm sao khắc phục được! Chính vì thế mà việc khai thông dòng suối tâm linh cho nhân loại, cũng như việc chuyển pháp luân của ông Phật là việc vô cùng quan trọng trong mọi lãnh vực.

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Mộ thế chi trị bệnh giả, tắc bất nhiên. Trị bất bổn tứ thời bất tri nhật nguyệt, bất thẩm nghịch tùng. Bệnh hình dĩ thành, nải dục vi châm trị ngoại, thang dịch trị kỳ nội. Thô công hung hung dĩ vi khả công, cố bệnh vị dĩ, tân bệnh phục khởi.

Đế viết: Thiện.

DỊCH

Phép trị bệnh của đời nay thì lại không phải thế. Họ không cần căn cứ vào mùa màng, không biết gì hết về âm dương, không bao giờ nghiệm xét thế nghịch thuận. Đợi đến khi bệnh đã thành hình, lại muốn dùng phép vi châm để trị ở ngoài, các thứ thuốc nước bào chế sẵn để trị ở trong. Áp dụng một cách vụng về rối rắm mà cho là bệnh có thể chữa được, thế rồi bệnh cũ vẫn chưa khỏi bệnh mới lại nổi lên.

Huỳnh Đế khen phải.

GIẢI

Đây vẫn là một đoạn dính liền với đoạn trên chung một mạch văn, để trình bày một tâm lý xuống dốc của thầy thuốc.

Hai chữ "mộ thế" được dịch là "đời nay" ở đây, theo đúng nghĩa của bề mặt văn tự tức là để chỉ cho ngay ở thời đại luận giả đang sống, nhưng sự thật chiều sâu của nó là để ám chỉ cho bất cứ một thời đại nào mà tâm lý thầy thuốc đang tận cùng xuống dốc. Thế là cả ba thời đại mà luận giả đang đề cập đây, có tính cách chú trọng đến thời gian tâm lý hơn là thời gian lịch sử. Vì thế mà câu chuyện đã xảy ra năm, sáu ngàn năm,

nay mang ra đọc lại vẫn thấy mới tinh khôi như là thầy trò ông Huỳnh Đế đang nói chuyện mới ngày hôm qua đây vậy!

Trong đoạn 2, đoạn 3 hoàn toàn không nhắc đến tinh thần người bệnh, chỉ nhắc đến tinh thần thầy thuốc mà thôi. Như thế không phải là luận giả sơ sót, mà chính vì đoạn đầu luận giả đã khái quát rồi. Do đó nên trong hai đoạn này, thuận theo đà tinh thần, thầy thuốc đủ nói lên trong chỗ không lời rằng thời trung cổ tinh thần quần chúng chưa đến nỗi quá phức tạp, lòng dạ thầy thuốc chưa đến nỗi rối ren; đến đời nay thì cả tinh thần quần chúng, bệnh nhân với tinh thần thầy thuốc đều chỉ là một mớ rối rắm lộn mèo. Cho nên con bệnh cũng chỉ biết muốn như thế như thế, và thầy thuốc cũng chỉ biết làm như thế như thế là cùng! Quả thật là con bệnh đẻ ra thầy thuốc, thầy thuốc đẻ ra con bệnh; bệnh nào thầy thuốc ấy. Đã vô ý thức, xuống dốc như thế, còn biết làm sao hơn!

Nếu không phải sống ngay trong thời Huỳnh Đế, làm sao dám nói biết chắc được những điều tỉ mỉ xem hồi đó ra sao? Chỉ có cách nhìn thấy rõ nhất là ngay như thời nay, nhìn qua bên ngoài hình như là khoa học thông thái lắm vậy. Nhưng càng đi sâu vào trong càng thấy chỉ là một trào lưu tâm lý tôn thờ bộ óc, lý trí, phân hóa mà thôi. Vì lẽ tôn thờ phân hóa, cho nên tinh thần con người ngày nay nhìn cả bao la này chỉ là những khối riêng tư; như thế làm sao biết được cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông đang diễn khắp bao la và thấu suốt cả chính con người của mình?! Cho nên họ cũng không biết gì hết về bốn mùa, vận khí, âm dương, nghịch thuận là phải.

Không ai ngờ, một câu chuyện trước đây năm, sáu ngàn năm, mà bây giờ đọc lên y như để nhắm thẳng vào giới Y khoa hiện tại mà bình luận. Quả thật là một thứ khẩu khí vì chúng ta mà cảnh cáo, mà cho roi cho vọt!

Ta hãy bình tâm thử nghĩ: Một tổ chức chánh phủ của một quốc gia đối với nội loạn cũng như ngoại xâm, mà phải đợi đến chúng nó quần tụ thành đại thế trận ngang nhiên tuyên chiến với chánh quyền, rồi mới hay biết, mới kể chắc để mà đối phó, thì chẳng hóa ra là muộn màng lắm sao?! Một bệnh tật mà phải đợi đến xẻo thịt, chích máu, đâm dao vào bụng cắt bớt gan, đem ra tìm đủ bằng cớ trên sờ đụng thấy được, trên máy móc, rồi mới quả quyết được là bệnh gì để mà chữa trị, thì thật là cả một thứ tay ngang. Phương chi đã dựa hẳn vào hình thức tại chỗ để biết

cũng như để trị, thì cái biết cái trị ấy chẳng qua cũng là một thứ chữa trị theo kiểu dựa vào hình thức vật chất tại chỗ mà thôi. Quả thật lại càng là một thứ tay ngang trong tay ngang nữa! Vậy mà vẫn kiêu căng tự phụ với điều kiện dụng cụ máy móc vật chất để tin tưởng rằng có thể chữa khỏi. Như thế làm sao mà không bệnh cũ chưa khỏi, bệnh mới lại phát sanh?! Cho nên chánh văn mới nói: "Đợi đến khi bệnh đã thành hình… áp dụng một cách vụng về rối rắm…" thì thật là không oan uổng chút nào vậy!

BÌNH

Áp dụng thời gian tâm lý để phê phán trào lưu xuống dốc của lòng người bằng cách chỉ trích phương pháp chữa bệnh và lòng dạ thầy thuốc. Văn học đến mức như thế thì thật là tài tình! Thầy thuốc đã xuống dốc như thế, thì không những là bệnh nhân, biết đâu cả thiên hạ lại không như thế!

Việc trị bệnh đã như thế, thì việc trị thân, trị tâm, trị cá nhân, trị gia đình, trị xã hội, trị nước, cho đến trị thiên hạ há lại có thể không như thế được sao!

Y khoa đã như thế, thì triết học, chánh trị, văn hóa, giáo dục, tôn giáo, đạo đức, khoa học, kinh tế,… hồ dễ khác hơn! Như thế đủ biết nhìn cái nhỏ để rõ cái lớn, nói cái ít, mà trong đó thấm thía tinh thần chỉ trích cái nhiều là sở trường độc đáo của con người thiên cổ Đông phương vậy. Thế là trong chỗ không lời, cổ nhân xác định rõ vấn đề "**biết**": Thế nào là biết đúng? Thế nào là biết sai? Và sự vật tuy muôn trùng mà cổ nhân vẫn thản nhiên bình tĩnh thu tròn tất cả vào trong nguyên lý thấu suốt.

Địa cầu khi mới sanh hột nhân có trước, khi già dặn lớp vỏ ngoài có sau; đó là sự sanh thành của địa cầu.

Địa cầu quấn quít theo mặt trời vận hành trong Thái dương hệ, sức ly tâm của bầu khí quyển đi từ trung tâm địa cầu vượt lên đến thượng tầng không khí trước, rồi từ thượng tầng không khí mà thu về trung tâm sau; đó là luật ly tâm hướng tâm của địa cầu.

Con người cũng thế, khởi đầu từ tạng Tim, theo đà ly tâm mà tiến lên đến cùng cực trưởng thành là bộ óc. Rồi từ bộ óc mà theo đà hướng tâm thu dần về Tim; phương Đông có cách của phương Đông, phương Tây có cách của phương Tây. Không gian đã thế, thời gian cũng thế; thế thì trào lưu tâm lý có thể không như thế được sao! Con người phương Đông phải có hồi như thế, con người phương Tây cũng phải có hồi như thế. Thế là một cuộc săn đuổi qua mặt nghịch chiều không lựa là Đông hay Tây. Hèn gì cả một trời Đông phương ngày nay đang cắm đầu say mê đuổi theo kỹ nghệ vật chất một cách vô cùng điên dại. Còn bên kia trời Âu Tây thì lại đang lao đầu đuổi bắt những hình ảnh mê tin một cách loạn cuồng. Từ mê tin theo bộ óc điện tử, cho đến mê tin theo sự thờ lạy cúng bái những quái tượng kỳ hình đầu trâu mặt ngựa, để làm những trò phù thủy, ếm đối… thì thật chẳng đáng để cho ta lấy làm lạ chút nào!

Thế mới biết chỉ có vài câu trong một đoạn, mà tinh thần luận giả tựa hồ như đứng trước bàn giải phẫu với một con dao sắc bén, chỉ một nhát mổ là đã phanh trần gan ruột của thời đại phơi bày ra trước mắt. Tinh thần siêu tuyệt như thế chẳng là khoái chí lắm sao?!

Địa cầu có Đông, Nam, Trung ương, Tây, Bắc; đó là không gian của địa cầu. Địa cầu biến chuyển theo bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không; nghĩa là nhỏ, rồi trưởng thành, rồi già, rồi chết. Đó là thời gian của kiếp sống địa cầu.

Đoàn người sanh ra trên quả địa cầu, trong vô ý thức lẽ cố nhiên phải có không gian và thời gian tâm lý. Con người là bóng dáng của địa cầu, cả đoàn người khắp mặt địa cầu đã như thế, thì trong một người há không như thế sao! Không gian, thời gian tâm lý đã làm cho cả con người phương Đông và con người phương Tây đang cùng nhau cắm đầu chạy trên một vòng tròn qua mặt nghịch chiều. Thế thì thời gian, không gian tâm lý của hai hệ thống Tim và Óc trong một người há lại không có chuyện ròng ròng theo vòng tròn, mà qua mặt nghịch chiều được sao!

Thế là giữa Đông và Tây cũng như giữa Tim và Óc phải có một điểm trung tâm. Bao giờ con người chưa được rơi tõm vào điểm trung tâm ấy để triển mở ra một cách trọn vẹn, là con người vẫn còn lẩn quẩn trong vòng luân hồi, thì lòng và miệng cũng như hiểu biết với việc làm của con người không thể nào như nhau, dù Đông hay Tây cũng thế, phương chi là con người ngày nay.

Như thế con người càng văn minh tiến bộ bao nhiêu, lại không là càng bị sa đọa vào trong bộ óc bấy nhiêu sao?! Chính vì chỗ đó mà con người chỉ còn có cách trở vào giữa điểm trung tâm mới mong có dịp gặp gỡ. Đây là điểm phải có của cuối thiên nầy .

HÌNH 13.4: ĐỒ BIỂU GIỮA TIM ÓC VÔ TRUNG TÂM

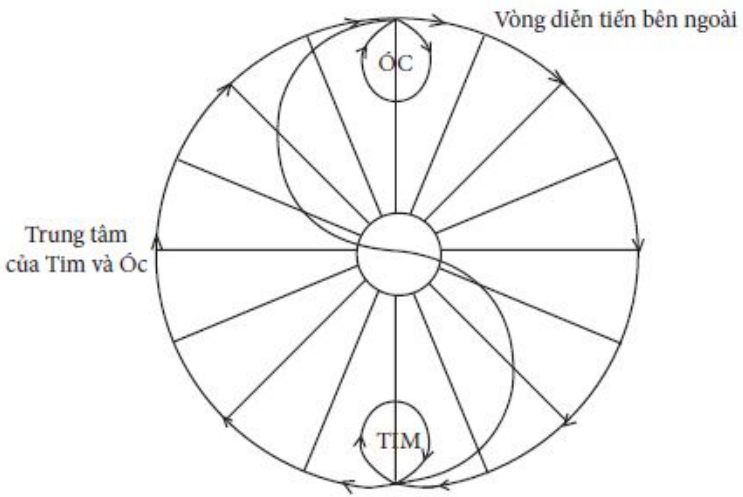

Chúng ta phải nghĩ sao với vấn đề mê tin, vì mãi đến ngày nay mà vẫn có nhiều người hiểu một cách thật hời hợt!

Chẳng ai ngờ những dân tộc ở vùng Đông Nam Á đều thuộc trong công lệ Đông, Nam và Trung ương, thuộc về loại chịu ảnh hưởng trực tiếp phần ly tâm của bầu khí quyển; vì thế tâm tình con người không bị khép kín lại. Phần đông dân chúng thờ ông Tà, ông Tướng, cục đá, ông Trạng, bà bóng, phù thủy chi chi đó… đều là chuyện của đại đa số quần chúng thất thế thiếu hiểu biết; trông thấy những hiện tượng lạ lạ, phát sanh sợ hãi, mới tỏ ra thái độ cầu cạnh xin xỏ một cách hời hợt, chỉ cốt được an phận với cuộc sống bình thản. Sự kiệnnày còn hàm chứa trong đó cả hiện tượng biến động của nước chua, đình trệ của tuần hoàn, cùng với khung cảnh địa lý… mà trong vô ý thức nó đã ảnh hưởng chi phối đến cuộc sống của muôn dân. Nhưng một khi được ánh sáng đạo lý chân thật đến mở tỏ, thì cuộc sống cũng theo đó mà được cách mạng lại.

Chính vì điểm này mà các tôn giáo Âu châu truyền sang, dân chúng rất dễ theo mà cũng rất dễ bỏ.

Như thế nếu ta bảo là tinh thần mê tin dị đoan thì không được đúng lắm, mà có thể gọi là tinh thần cầu an thì đúng hơn. Vì không riêng về tinh thần tín ngưỡng, mà đối với chánh trị, cách mạng, họ cũng vẫn có thái độ như thế. Thế mới biết đây là chuyện của tầng lớp quần chúng thất thế thiếu hiểu biết; kỳ dư những hạng có thâm nhập sự đời, có xét nét trầm tư thì tinh thần lại vượt bực vào vòng siêu tuyệt. Cũng chính vì thế mà bán cầu bên này muôn thuở vẫn thường xảy ra không biết bao nhiêu tinh thần thoát tục.

Trái lại, con người Âu Tây ở trong cảnh ngộ dồi dào sung túc, với đất địa chịu ảnh hưởng thế lực hướng tâm, khí hậu nhiều đặc tính Thu Đông của miền Tây và miền Bắc, vì thế tinh thần con người dễ khép kín lại, và sức phát triển lệch hẳn về trí óc. Cho nên nhìn thoáng qua phần đại đa số quần chúng, ta thấy dường như tinh thần Âu Tây tự do không mê tin, mà rất khoa học. Nhưng nếu nhìn sâu vào tinh thần giai cấp trí thức, thì lại thấy hầu hết đều bị chết cứng trong bộ óc lý trí tính toán, trong hình thức máy móc vật chất, làm cho họ không sao nhận biết được những sự thật mà con người Á Đông rất dễ nhận biết. Vì thế họ lao mình theo trí óc tính toán, máy móc dụng cụ, để săn đuổi tìm kiếm sự thật. Cuối cùng không tìm đâu ra, họ hoảng hốt vớ lấy một Thượng đế, một Đức Chúa gì gì ấy… do tưởng tượng đẻ ra; để rồi tin thì không vững mấy, mà nghi hoặc bỏ đi thì lại không dám buông. Do đó, trí thức càng cao, mê tin càng lắm là vậy. Nên tinh thần này đáng gọi là tinh thần mê tin dị đoan mới chính xác hơn.

Nhưng trong vòm bao la này vốn sẵn một luật quân BÌNH Dân tộc những miền chịu ảnh hưởng luật ly tâm của bầu khí quyển, thì khởi thỉ tinh thần dân tộc là từ con Tim phát triển, lòng cởi mở nở nang; nhưng đến lúc cuối, do kiến thức đưa đẩy mà lần hồi phải bị rơi vào lãnh vực bộ óc. Ngược lại, những dân tộc chịu ảnh hưởng thế hướng tâm của bầu khí quyển địa cầu, khởi thỉ tinh thần dân tộc là từ bộ óc mà phát triển; lòng họ khép kín lại, họ ích kỷ, tính toán, máy móc đủ thứ, để rồi cuối cùng không thể nào kham nổi một sự cùng đồ, mà lần hồi sẽ phải quay về với con Tim.

Như chúng ta đã thấy, những sự kiện trên đang âm ỉ bao trùm toàn

thế giới ngày nay, chỉ trừ một số ít căn cơ siêu tuyệt mới có đủ khả năng tự do tiêu dao ngoài vòng vô cực. Và bước sang một giai đoạn nữa, con người sẽ phải chỉ là con người, chớ không còn có thể nhìn theo hai công lệ trên, để toàn cả xã hội loài người có được cơn bừng tỉnh trước khi quả địa cầu nhắm mắt, tựa hồ ngọn đèn hết dầu bừng sáng lên trước khi tắt phụt.

Có ai ngờ: Một người bị bệnh ruột cùn, vào nhà thương được chữa bằng cách giải phẫu dời hậu môn sang bên hông, rồi đèo theo một cái túi để hứng phân. Với bệnh cũ vẫn còn nguyên cộng thêm một cuộc sống lạ kỳ, lòng người bệnh đâm ra bơ vơ, ngao ngán và buồn tẻ mà đến chết.

Có ai ngờ: Một Bộ trưởng phải chứng Tỳ âm chai cứng làm cho không tiết ra được chất để giữ chất đường, sanh ra chứng nước tiểu có đường. Vào nhà thương, bác sỹ Mỹ không biết phải chữa cách nào cho hết bệnh chai, bèn chữa theo kiểu viện trợ Mỹ. Độ một tuần, bệnh nhân thấy như khỏi hẳn bèn trở về nhà, để rồi tuần sau bệnh lại trở phát, vào nhà thương nằm nữa. Thế là chứng nước tiểu đường chưa khỏi, lại mang thêm chứng bệnh ghiền vào nhà thương!

Như thế không phải bệnh cũ chưa khỏi, mà bệnh mới đã phát sanh đó sao! Viện trợ đã thế, chữa bệnh cũng thế, chắc chi các ngành khác lại không như thế! Thật đáng buồn cười!

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Dư dục lâm bệnh nhân, quan tử sanh, quyết hiềm nghi, dục tri kỳ yếu, như nhựt nguyệt quang, khả đắc văn hồ?

Kỳ Bá viết: Sắc mạch giả, thượng Đế chi sở quý dã, tiên sư chi sở truyền dã.

Thượng cổ sử Tựu Thải Quý lý sắc mạch, nhi thông thần minh, hợp chi Kim Mộc Thủy Hoả Thổ, tứ thời bát

phong lục hợp, bất ly kỳ thường.

Biến hóa tương di, dĩ quan kỳ diệu, dĩ tri kỳ yếu. Dục tri kỳ yếu, tắc mạch sắc thị hỉ.

Sắc dĩ ứng nhựt, mạch dĩ ứng nguyệt, thường cầu kỳ yếu, tắc kỳ yếu dã.

Phù! Sắc chi biến hóa, dĩ ứng tứ thời chi mạch, thử thượng Đế chi sở quý, dĩ hợp ư thần minh dã. Sở dĩ viễn tử nhi cận sanh, sanh đạo dĩ trường, mạng viết thánh vương.

Như đã nói trong mục thứ Tư phần chuyển tiếp, đoạn này *có nhiều câu chữ mất mát, nên trước khi dịch chúng tôi thử sắp lại theo chỗ thấy của chúng tôi, để độc giả cùng chung nghiệm xét.*

PHIÊN ÂM THEO SAN ĐỊNH LẠI

Huỳnh Đế vấn viết: Dư dục lâm bệnh nhân, quan tử sanh, quyết hiềm nghi, dĩ tri kỳ yếu, như nhựt nguyệt quang, khả đắc văn hồ?

Kỳ Bá đối viết: Sắc mạch giả, thượng Đế chi sở quý trọng, tiên sư chi sở truyền dã.

Thượng cổ sử Tựu Thải Quý lý sắc mạch nhi thông thần minh. Kỳ pháp: hợp chi ngũ hành tứ thời bát phong lục hợp, nhi bất ly âm dương chi thường dã.

Quan kỳ biến hóa tương di, dĩ tri kỳ yếu diệu. Dục tri kỳ yếu diệu, tắc sắc mạch thị hỉ.

Sắc dĩ ứng nhựt, mạch dĩ ứng nguyệt, diệc bất ngoại hồ âm dương. Tâm bất vọng trì, tự nhiên đắc yếu.

Phù! Sắc chi biến hóa dử tứ thời chi mạch bất tương ly,

cố thượng Đế trạch thử dĩ hợp ư thần minh, dĩ quyết tử sanh, sanh đạo miên trường, mạng viết thánh vương.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm muốn theo dõi sát với bệnh nhân, để giáp mặt với tử sanh, để giải quyết sự nghi ngờ, để biết được chỗ bí yếu cho tỏ sáng như ban ngày, như thế có thể được nghe không?

Kỳ Bá thưa: Môn sắc mạch là môn mà tất cả các vua triều đại xưa đều quý trọng, là môn có thầy có tổ do tiên sư truyền để.

Ở thời thượng cổ nhà Vua phó thác cho tiên sư Tựu Thải Quý chỉnh đốn lấy môn sắc mạch, để gạnh thông nẻo vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu. Cách lập pháp là: hợp 5 hành, bốn mùa của thời gian với *tám* hướng gió không gian, nhưng không lìa lẽ thường âm dương.

Nhìn sự biến hóa đổi dời để nghiệm biết chỗ yếu diệu. Muốn nghiệm biết, chỉ có áp dụng môn sắc mạch là hơn hết.

Sắc ứng với mặt trời, mạch ứng với mặt trăng, nhưng cũng không ngoài hiện tượng âm dương. Nếu đủ lòng thành muốn biết tự nhiên suốt thông. Bởi vì sự biến hóa của sắc không hề lìa hiện tượng mạch bốn mùa, nên các vua thời thượng cổ chọn dùng môn nầy, để mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, hầu giải quyết vấn đề sanh tử, cho đạo sống được miên trường. Vì thế mà tạm gọi là thánh vương.

GIẢI

Câu chuyện mở đầu từ vấn đề lý do thời gian, không gian, tâm lý với bệnh tật nhẹ nặng, chữa trị dễ khó, công hiệu chính xác hoặc không

chính xác… Đến đây nhà Vua nhà Vua bỗng phát tâm muốn chứng nghiệm thẳng vào sự thật của sanh tử, hầu mong giải quyết vấn đề bí mật của tâm linh như đoạn đầu luận giả đã trình bày. Tiếp theo đó luận giả đưa ra môn sắc mạch, vừa để chứng minh cho thấy: Dù sao môn sắc mạch cũng không ngoài tinh thần Dịch lý, vừa đáp lại tinh thần nhà Vua mà mở nẻo gạnh thông vào cái Đạo tịch diệt ly ngôn để giải quyết vấn đề sanh tử, hầu đưa nhà Vua noi theo dấu chân của các bực thánh hiền tiền bối.

Có người bảo: "Phải học cho rộng, hỏi cho sâu, biện cho rõ, suy nghĩ cho thận trọng, thực hành cho dốc lòng. Không biết thì hỏi, không rõ thì học, đừng xấu hổ phải hỏi kẻ thấp hơn mình". Nơi đây tinh thần nhà Vua quả có như vậy.

Đại phàm muốn khám phá một điều gì ít ra cũng phải giáp mặt với điều đó, huống chi là khám phá con người. Vậy mà nhà Vua còn nói thêm là làm sao để biết rõ như ban ngày. Quả là thực tình muốn biết rồi đó. Nhưng vấn đề sanh tử cũng như bí yếu của tâm linh lại chỉ hướng về bệnh nhân mà tìm, thì chúng ta thấy hình như nhà Vua đã sẩy chân rơi tõm vào cái thế triết học ngoại quan rồi! Đàng này không phải thế; không những với tinh thần thông đạt của Kỳ Bá luôn luôn lúc nào cũng nghĩ đưa đường cho nhà Vua vào Đạo; mà tinh thần nhà Vua tận tự thiên đầu cũng đã nghe rồi về cái đạo vô vi và lý Dịch trong con người. Nơi đây chỉ vì xảy ra vấn đề Chúc do, làm cho nhà Vua thấy tự mình còn hoài nghi bỡ ngỡ, nên mang ra hỏi. Huống chi, với tinh thần Dịch học cũng như NỘI KINH học là một thứ tinh thần nhìn suốt sự vật, trông hiện tượng để nghiệm chân lý, xét chân lý để nghiệm hiện tượng, trông cái lớn để nghiệm cái nhỏ, trông cái nhỏ để nghiệm cái lớn, trông cái xa để nghiệm cái gần, trông cái gần để nghiệm biết cái xa, cho đến trông người để biết mình, nhìn mình để biết người như đã có nhiều lần đề cập từ bao nhiêu thiên trước. Vì sao phải có cách nhìn như thế? Vì như đã biết, hết thảy chúng ta đều ở trong vòm bao la viên quang hồi tụ phản chiếu trùng trùng…

Nhà Vua đang nghi ngờ đấy! Vậy nghi ngờ cái gì? Nếu không phải nghi ngờ về hiện tượng thời gian không gian tâm lý thăng trầm, thì cũng nghi ngờ về hiện tượng siêu hình với phép Chúc do, để rồi Đạo là gì, sự thật là gì, nguồn tâm linh là gì, sanh tử là gì? Không được ngã ngũ, cho nên phát lên nghi ngờ.

Từ đầu thiên suốt qua ba đoạn mặc dù nhà Vua chưa hề đề cập đến hai chữ "sắc mạch", đến đây đột nhiên nêu lên câu hỏi về ý kiến muốn dùng bệnh nhân để khám phá đến chỗ tận cùng yếu diệu hầu giải quyết nghi ngờ. Kỳ Bá liền nhận thấy ngay ra rằng: Nhà Vua đangmuốn thăm dò sâu vào môn sắc mạch, cho nên nêu lên hai chữ "sắc mạch" để trả lời. Tuy nhiên môn sắc mạch từ nhiều thiên trước cũng đã có nói; thế thì nơi đây luận giả nhắc lại vấn đề sắc mạch, là tại vì có quan hệ đến thời gian không gian tâm lý với phép Chúc do.

Luận giả không cần hỏi đến nhà Vua đang nghi ngờ cái gì, chỉ nói thẳng đấy là môn sắc mạch để làm khuôn thước khám phá mà tất cả thánh vương thời Thượng cổ đều quý trọng, là môn có tâm đắc chân truyền, có thầy có tổ chớ không vô bằng cứ. Thế là luận giả đã rõ nguồn hoài nghi của nhà Vua, nên chỉ dẫn chứng thẳng vào môn sắc mạch để phá nghi mà thôi.

Luận giả lại tiếp: "Tận từ thời Thượng cổ, nhà Vua đã phó thác cho tiên sư Tựu Thải Quý chỉnh đốn môn sắc mạch để gạnh thông nẻo vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu". Thế là trong tinh thần luận giả, Tựu Thải Quý kể như là sơ tổ.

Nói: Dùng môn sắc mạch để gạnh thông nẻo vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu. Vậy gạnh thông bằng cách nào? Ta hãy chờ xem! Đến đây luận giả hoàn toàn thay mặt người xưa mà giải thích.

Dùng nguyên lý của hai hiện tượng âm dương hợp với hiện tượng 5 hành bốn mùa của thời gian, tám hướng gió của không gian để kiến lập môn sắc mạch. Thế là qui bát quái, lục khí, ngũ hành, tứ tượng về âm dương; và quy âm dương về Thái cực vậy. Thế là Thái cực đồ của Dịch lý được trải ra và giờ đây được thu lại.

Nhưng thu lại rồi về đâu? Thiền học có câu: "Vạn pháp đều qui về một, vậy một qui về đâu?" Đây cũng là một vấn đề, ta hãy chờ xem!

Nói: "Nhìn sự biến hóa đổi dời để nghiệm biết chỗ yếu diệu. Muốn nghiệm biết, chỉ có áp dụng môn sắc mạch là hơn hết". Thế nghĩa là nói: Muốn biết được chỗ yếu diệu thì phải nhìn sự biến hóa đổi dời, và cách nhìn sự biến hóa đổi dời không có cách nào nhiệm mầu, xác thực, tế

nhị, linh thông cho bằng môn sắc mạch. Vậy biết chỗ yếu diệu ra sao, đây cũng phải chờ xem!

Nói: "Sắc và mạch cũng không ngoài hiện tượng âm dương", tức là nói: ngay cả sắc mạch chẳng qua cũng chỉ là hiện tượng âm dương. Nói: "Nếu đủ lòng thành muốn biết tự nhiên suốt thông", tức là nói: nếu có lòng chí thành là tự nhiên biết được chỗ yếu diệu. Thế là điểm yếu diệu bị đưa thối lui vào điểm lòng chí thành. Thế là vấn đề biết chỗ yếu diệu ra sao đã trở nên là vấn đề Thiền học, mà tinh thần nhà Vua đã được luận giả đưa cho rong chơi vào cõi thiền rồi!

Đã trải qua bao đoạn giải thích, luận giả lại bồi thấu thêm rằng: Tất cả các thánh vương xưa sở dĩ chọn môn sắc mạch để mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu là vì sự biến hóa của sắc không hề rời sự biến hóa của mạch bốn mùa. Thế là luận giả muốn nói: Tất cả mọi sự biến hóa đều có một lý thông suốt, tiết tấu nhịp nhàng không hề chi ly; nhưng vấn đề mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu vẫn hãy còn treo ngược. Vậy mà còn bồi thêm là để giải quyết vấn đề sanh tử cho đạo sống được miên trường. Giải quyết cách nào? Lại cũng chỉ có chờ xem!

- Vấn đề gạnh nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, để giải quyết vấn đề sanh tử cho đạo sống được miên trường, cho đến thế nào là miên trường cũng vẫn hãy còn treo ngược. Thế mà tạt ngang qua để đẩy thêm ra danh từ "thánh vương", làm cho kẹt lại càng thêm kẹt, thì thật là nghèo ngặt!

- Chỉ hai chữ "thánh vương" cũng đủ chết người! Trong nhà Phật có khi gọi ông Phật là Y vương, có khi gọi là Pháp vương, cũng có khi gọi là Thánh vương; nhưng ông Phật nào có ngôi đâu! Còn hai chữ "thánh vương" ở đây lại là để chỉ cho một nhà Vua có đạo đức, biết đem cái đạo đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông ra để giáo hóa muôn dân cho cuộc sống không bị chỏi ngược với trật tự thiên nhiên mà phát sanh ra đau thương khổ lụy. Đó là chỗ khác của nghĩa hai chữ "thánh vương" ở đây với hai chữ "thánh vương" của nhà Phật, trên bình diện ngôn ngữ phải như thế. Nhưng ta hãy thử tiến xa hơn chút nữa; trong nhà Phật có danh từ "thị hiện" để diễn tả cho ý nghĩa của vạn pháp tuy có hiển hiện, nhưng sự thật vẫn là không từ đâu đến cũng không đi về đâu, mà cũng vừa để ám chỉ cho khả năng phổ cập của một tinh thần

nhập tâm, nhập đại thể, nhập vào cõi hòa đồng. Cho nên ở kinh Phật thường nói: "Phật đã thành Phật lâu rồi, có vô lượng tướng thị hiện vào vô lượng thời gian để giáo hóa chúng sanh cho trở về nguồn tâm tánh, có khi hiện tướng thánh vương, có khi hiện tướng tu hành, có khi hiện tướng thành đạo… ". Như thế biết đâu cái tạm gọi là thánh vương của luận giả nói đây lại không phải là một danh từ thuộc về lãnh vực lý tưởng tinh thần hơn là ở tướng?! Độc giả hãy cùng tôi nghiệm xét, đợi đến cuối thiên xem luận giả kết thúc ra sao cho biết.

Nếu thời gian không gian tâm lý thăng trầm, cõi siêu hình và phép Chúc do là ba vấn đề nghi ngờ làm chướng ngại cho việc thâm nhập vào chỗ bí yếu để giải quyết vấn đề sanh tử của nhà Vua, thì tại sao luận giả không hề nhắm vào đấy mà giải thích? Đây cũng là một dấu hỏi.

Tinh thần nhà Vua đã từng thông qua những câu chuyện về Đạo vô vi, về thời gian không gian, về cái lẽ thăng trầm tiêu trưởng, về môn sắc mạch trong từng thiên một; đến đây lại nêu thêm lên vấn đề Chúc do. Như thế ta làm sao dám tin chắc rằng những vấn đề trên là những vấn đề nhà Vua chưa rõ?! Thế thì biết đâu nhà Vua hỏi ấy không phải vì ta?! Đây cũng là một dấu hỏi.

- Nhìn sự biến hóa của sắc mạch, với bốn mùa âm dương ứng nhau, tức là nhìn cái đồng nhất tương quan. Thế là nhìn suốt từ cái **không**đến cái **có**, từ cõi vật chất suốt đến cõi tâm linh, từ cõi siêu hình suốt đến cõi cụ tượng rồi đó! Nhưng nẻo nào là nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu? Chỗ yếu diệu ở đâu? Giải quyết vấn đề sanh tử bằng cách nào để cho đạo sống được miên trường?

Trang Tử nói: "Làm chim ta bay chơi, làm cá ta lội chơi, làm đạn ta bắn chơi", chữ "chơi" này cũng đến chết người! Do đâu mà đẻ ra chữ "chơi" này? Tại sao Trang Tử dám chơi kiểu đó? Chữ "chơi" của Trang sinh có dính dấp gì với đoạn này của luận giả không? Thật chẳng ai ngờ!

Tinh thần của luận giả có dính dấp gì đến nghĩa "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" của nhà Phật không? Thật cũng chẳng ai ngờ!

BÌNH

Dùng môn sắc mạch để làm cặp mắt soi thấu mọi lãnh vực biến hóa, hầu giải quyết mọi hoài nghi, mọi thắc mắc trong toàn cả cuộc sống, và bảo là để mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, thì trời ơi! Quả thật là một thứ "vạn pháp đều qui về một, vậy một qui về đâu?"

Kinh Tịnh Độ nhà Phật có nói: "Nếu ai niệm Phật chí thành, khi được vãng sanh về nước Cực Lạc, nếu muốn thấy khắp cả mười phương cõi Phật chỉ nhìn vào các thân cây là thấy ngay". Trái lại, ở kinh Diệu Pháp Liên Hoa lại nói: "Nếu thực hành đúng đến một trình độ nào đó, thì hành giả khi muốn trông thấy khắp mười phương cõi Phật chỉ nhìn vào thân mình là thấy".

Nay ta thử nói thế này: Nếu một con người chưa bị bộ óc làm chủ, tinh thần chưa bị sự quy định của cái Tôi, thì việc nhìn tất cả mọi khía cạnh biến hóa để nhận ra chỗ yếu diệu nhiệm mầu hầu giải quyết trọn vẹn cho cuộc sống cũng không phải đến nỗi là việc khó khăn lắm; thì sao?!

Nói quay trở vào, là tại có quay trở ra; nếu chưa phóng vọt trở ra thì đâu cần nói quay trở vào, ngoài còn không có làm gì có trong?! Thế mới biết: Lòng không vướng bận, nhìn vào đâu lại chẳng bắt gặp cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, huống chi là nhìn thẳng vào một con người! Thế là từ môn sắc mạch suốt đến **tu tề trị bình**, giải quyết sanh tử, mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu biết đâu không phải cả một mạch suốt thông của một tinh thần từ chỗ biến dịch di dịch mà nhìn thấu tới chỗ bất dịch trong Dịch học đó sao?! Và khi tầm mắt đã suốt thì thái độ con người ấy với cuộc sống này thế nào khỏi phải nói thêm.

Có người bảo: Nghe nói tinh thần cổ Trung Hoa với tinh thần Phật giáo cùng một nền tảng. Thế sao đọc văn NỘI KINH chỉ thấy ngôn từ mộc mạc, câu chữ lủng củng nghèo nàn; lại thêm nhuộm một màu chuyên môn, làm cho người đọc phát sanh chán ngán. Chớ không như trong kinh Phật, ngôn ngữ trôi chảy, văn chương lưu loát, mỗi câu mỗi chữ đều khít khao, là tại làm sao?

Đáp: Nếu nhận ra được ngữ thế của Ấn Độ là ngữ thế phức âm, ngữ thế của Trung Hoa là ngữ thế đơn âm. Nếu nhận rõ được tinh thần

của Phật giáo là tinh thần đập vỡ một hột nguyên tử trải ra cùng khắp bao la; còn tinh thần cổ Trung Hoa là tinh thần thu cả bao la vào trong một hột nguyên tử. Nếu nhớ lại câu chuyện của nhà Phật là câu chuyện mới xảy ra độ hơn 2.500 năm, còn câu chuyện NỘI KINH đã trải qua 5.000 năm có hơn rồi. Nếu đã rõ tinh thần cổ Trung Hoa mục đích không phải truyền dạy những cái biết cho người đời sau, mà là cốt để giúp cho người đời sau trở nên hàng thông đạt, dồi dào khả năng phát minh sáng tác. Nếu rõ thấu ý nghĩa không muốn nói nhiều của tinh thần các vị Thiền sư như Triệu Châu Vân Môn của Trung Hoa hay Vô Ngôn Thông của Việt Nam... Thì câu hỏi ấy không những trở nên hết thành vấn đề mà còn thấy NỘI KINH sao nói quá nhiều nữa là khác.

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

Đế viết: Nguyện văn yếu đạo?

Kỳ Bá viết:

Trị chi yếu cực,

Vô thất sắc mạch.

Dụng chi bất hoặc,

Trị chi đại tắc.

Nghịch tùng đáo hành,

Phiêu bổn bất đắc.

Tiểu tắc vong thần,

Đại tắc thất quốc.

Khử cố tựu tân,

Nải đắc chân nhân.

Đế viết: Dư văn kỳ yếu ư phu tử hỷ.

Phu tử ngôn bất ly sắc mạch, thử dư chi sở tri dã.

Kỳ Bá viết: Trị chi cực ư nhứt.

Đế viết: Hà vị nhứt?

Kỳ Bá viết: Nhứt giả Nhân đắc chi.

Đế viết: Nại hà?

Kỳ Bá viết:

Bế hộ tắc dũ,

Hệ chi bệnh giả.

Sổ vấn kỳ tình,

Dĩ tùng kỳ ý.

Đắc thần giả xương.

Thất thần giả vong.

Đế viết: Thiện.

DỊCH

Huỳnh Đế nói: Trẫm mong nghe được yếu đạo[(1)].

Kỳ Bá dùng kệ đáp:

Cực yếu phép trị,

Không lỗi sắc mạch.

Dùng không sai lầm,

Là cả phép tắc.

Nếu làm trái ngược,

Ngọn gốc xung khắc.

Nhỏ thì vong thần,

Lớn thì nước mất.[2]

Cũ dứt mới luôn,

Là được chân nhân.

Huỳnh Đế nói: Trẫm được nghe chỗ bí yếu phu tử đã trình bày. Phu tử nói không lìa sắc mạch, chỗ đó trẫm đã biết.

Kỳ Bá nói: Cực yếu của phép trị là ở một.

Huỳnh Đế hỏi: Sao gọi là một?

Kỳ Bá thưa: Một nghĩa là NHÂN mà được.

Huỳnh Đế hỏi: Thế nghĩa là sao?

Kỳ Bá thưa:

Đóng hết cửa nẻo

Với bệnh không cách.

Thường hỏi bệnh tình,

Theo dõi ý chí.

Được thần thì lành,

Mất thần thì nguy.

Huỳnh Đế khen phải.

GIẢI

Câu chuyện khởi đầu bằng cách hỏi về bệnh tật với phép Chúc do, Kỳ Bá đã khéo lái câu chuyện để đưa đường cho nhà Vua tiến sâu thêm về Đạo, mà cũng chính là để lái cho tâm hồn độc giả hướng về Y Đạo.

Đoạn trên luận giả dùng môn sắc mạch nói là mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, nếu ai làm được như thế tạm gọi là thánh vương. Vì thế mà đến đây nhà Vua mới hỏi về yếu đạo. Luận giả dùng một ngữ thế trực giác vắn tắt để đáp lại; thế là trên bề mặt văn tự ta thấy như rời rạc lắm, mà bên trong tinh thần của luận giả suốt đầu đuôi vốn không hở để mà kết thúc thiên nầy.

Cây có cội, nước có nguồn, quần có lưng, áo có bâu, chài có chóp, lưới có giềng, dao có cán, giỏ có quai; nếu không thế ta không sử dụng được, Đạo học cũng vậy. Vì thế nhà Phật có thuật ngữ "tổng trì" để chỉ cho chỗ tóm tắt bí yếu, nếu nắm được chỗ đó là sử dụng được toàn bộ. Đó là nghĩa của hai chữ "yếu đạo" mà nhà Vua muốn hỏi. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nhà Vua thấy được nếu chưa rơi tõm vào trung tâm cuộc sống, thì dù làm gì chăng nữa cũng không phải Đạo. Nhưng nhập cách nào đây? Đó là ý chính của nhà Vua mà cũng là điểm cần đối với tất cả chúng ta.

Kệ là một ngữ thế vắn tắt có tác dụng mạnh vào trực giác của con người, mà dân tộc Ấn Độ rất hay dùng và dùng nhiều nhất là nhà Phật, ít thấy ở Trung Hoa, chỉ trừ từ khi Thiền học Phật giáo du nhập; mà nơi đây Kỳ Bá lại dùng để đáp lời nhà Vua, đây cũng là một hình thức đặc biệt.

Nói: "cực yếu của phép trị" mà không nói cực yếu của phép trị bệnh, đủ biết chữ "trị" đây không bị hạn buộc vào trong phép chữa bệnh xác thân, mà phải là bao gồm cả trị thân, trị tâm, trị cá nhân, trị gia đình, trị xã hội, trị quốc cho đến trị thiên hạ nữa. Thế là chữ "trị" mà Khổng Tử đã ngộ được và thường nêu lên một danh từ chung là "tu tề trị bình" đó!

Nhưng luận giả đã có tinh thần bao la như thế, tại sao không tách rời khỏi bệnh nhân mà lại cứ đèo đèo theo vấn đề bệnh tật làm gì? Nói là nói vậy, nhưng ta hãy thử nghĩ suốt tự thiên đầu vốn đã bất khả phân cũng bất khả hợp, không phải đồng cũng không phải khác, vậy lấy lý do nào mà ta muốn tách rời. Phương chi sở dĩ có vấn đề là tại có con người, mà bệnh tật chẳng qua cũng chỉ là một thứ mất thăng bằng trong con người. Nếu một con người là cả cái bao la thu nhỏ lại, lẽ cố nhiên thế mất quân bình trong một con người hoặc ở xác thân hoặc ở tâm lý, với cái thế mất quân bình của nhà nước của thiên hạ, bên trong nó phải có ẩn một lẽ suốt thông. Thế thì trong việc trị một con người, tất có hàm chứa đủ nẻo gạnh thông ra khắp mọi phương diện của chữ "trị" trong thiên hạ vậy. Như thế đủ biết nghĩa của chữ "trị" to lớn biết dường nào! Làm sao có chỗ để đèo theo chữ "bệnh"? Cho nên chỗ này chữ "trị" không đi theo chữ "bệnh" là phải.

Nhưng thử hỏi tại sao không dùng chữ khác? Đừng dùng chữ "trị" được không? Nếu không dùng chữ "trị" tức là hàm chứa nghĩa xô chữ "bệnh" ra, mà chữ "bệnh" là để gắn vào từng cá nhân. Nay ta vứt chữ "bệnh" đi, tức là ta đã rơi vào lãnh vực không tưởng, không thấy chỗ thực tế; bỏ điều kiện cá nhân chỉ chạy theo điều kiện xã hội quốc gia. Thế là chữ "trị" của ta chẳng có bình đẳng chút nào, mà trong đó có hàm ẩn ý nghĩa muốn làm một Tần Thủy Hoàng gì đó không biết chừng?!

Nói: "cực yếu của phép trị", tức là muốn nói có một phép tắc có thể tận dụng chữ "trị" trong mọi lãnh vực. Khi nắm được phép tắc nầy, thì dù thu nhỏ chữ "trị" vào trong một con người, trong một bệnh tật hay

mở ra khắp cả thiên hạ cũng chỉ một lẽ suốt thông không hơn không kém. Thế nghĩa là gì? Nghĩa là Y Đạo. Đã là Y Đạo, thì đừng ai vội nghĩ phải có ngôi vua hay ngôi quan gì đó thì mới trị được! Vậy chớ ông Phật có ngôi gì đâu mà vẫn là Y vương! Thế mới biết: Chữ "trị" ở đây có nghĩa là bình trị, chớ không có nghĩa là cai trị hay thống trị; nghĩa là chỉ sửa trị cho trở về với quân bình mà thôi, chớ không có nghĩa uy hiếp, quy định hay chiếm hữu.

Nói: "Không lỗi ở môn sắc mạch mà là cực yếu của phép trị", tức là muốn nói: muốn vận dụng trọn vẹn chữ "trị" là phải suốt thông cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông từ cõi bao la vào đến xác thân suốt tận nguồn tâm linh của từng con người, cho đến mạch lạc, tướng tá, bệnh chứng… Nếu chưa khai thác được đến chừng đó là không thể phát huy trọn vẹn chữ "trị". Thế mới biết: Nếu chưa nắm được khuôn thước, chưa vào tận nguyên lý thì hai chữ "sắc mạch" đối với ta chẳng khác nào biển khơi với sức lội của ba ba vậy. Đến đây ta mới thấy Dịch học quan hệ đến xã hội loài người thế nào, mà ở đoạn thứ tư luận giả đã có lần hé mở.

Nói: Nếu lấy môn sắc mạch đừng lầm lẫn làm khuôn thước chính cho trọn vẹn chữ "trị". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn nói: cả một kho tàng Dịch lý vốn đầy đủ trong môn sắc mạch. Nếu một lương y suốt thông môn sắc mạch tức là đã suốt thông Đạo Dịch, mà đã suốt thông Đạo Dịch tức là trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa quán nhân sự rồi. Thế là con người ấy đã suốt thông cái Đạo**tu tề trị bình**. Con người như thế đứng đâu mà không được, làm việc gì mà không nên. Nên nói: "dùng không sai lầm, là cả phép tắc" là phải lắm vậy.

Trong loài thảo mộc cũng phải trên dưới, trong ngoài, ngọn gốc thông nhau; huống chi là con người.

Trong con người còn có trong ngoài, trên dưới, gốc ngọn thông nhau thì trong một xã hội cũng như một nước há lại không như thế được sao? Đã có trên dưới, trong ngoài, ngọn gốc thông nhau, tất phải có cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của nó, không thể khác hơn.

Trong tất cả nước, biển là gốc. Trong một quốc gia, ông Vua, ông Tổng thống là gốc. Trong vạn pháp, bổn tánh linh diệu nhiệm mầu là gốc. Trong xác thân con người, tạng Tim là gốc. Có gốc phải có ngọn, có ngọn phải có gốc, ngọn gốc trước sau trật tự đâu ra đấy.

Nói "thần" là nói chỗ xuất hiện của bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, vì thế mà ở thiên thứ 8 mới có câu "tạng Tim như ông vua trong một nước, là nơi để cho bổn tánh linh diệu nhiệm mầu hiển hiện. Nếu tạng Tim mê loạn thì 12 quan năng cũng nguy!". Như thế đủ biết tầm quan trọng của bổn tánh linh diệu nhiệm mầu đến ngần nào! Chính vì chỗ đó, nên tôi nói: "Điều kiện tinh thần là điều kiện chính yếu dù ở lãnh vực Y khoa, lãnh vực tu hành hay ở lãnh vực chánh trị cũng không thể khác hơn được". Chính vì chỗ đó, mà phép **tu tề trị bình** Khổng Tử nêu ra phải kèm theo cái Đạo Đại học. Nếu lìa nghĩa thần, nghĩa bổn tánh đi, thì tất cả mọi lãnh vực trong xã hội này đều là tả đạo bàng môn hết cả. Nếu đem tả đạo bàng môn vào Y khoa, thì bệnh cũ chưa khỏi bệnh mới đã phát sanh; mang vào lãnh vực tu hành, nếu không điên loạn mất thần thì cũng biến sanh ra một thứ lạ kỳ đầu cơ ểu giả; nếu mang vào lãnh vực trị quốc bình thiên hạ, thì sẽ đưa nhân loại sụp đổ xuống vực thẳm hố sâu như khắp thế giới loài người ngày nay đang làm. Cho nên mới nói: "Nếu làm trái ngược, ngọn gốc xung khắc. Nhỏ thì vong thần, lớn thì nước mất", thật không ngoa vậy.

Mỗi một con người là một cái xe chở đầy nhóc không biết bao nhiêu rác rến dơ bẩn tanh hôi tự thuở nào. Còn trái Tim là ông vua, ông Tổng thống bị tiếm quyền mà thủ phạm là ông thủ tướng, bộ óc. Chính bộ óc mới là đầu dọc trong công cuộc chất chứa đồ cũ. Thế là trong con người ngày nay bộ óc làm vua. Một người đã tôn sùng trí óc, coi trái Tim không ra gì; rồi muôn người cũng thế, cả thế giới đều thế. Thế là cả thế giới loài người đều là một thứ cũ mèm chẳng có gì là mới mẻ cả.

Như đã nhiều lần đề cập, con người khi mới sanh ra tim có trước đến khi trưởng thành óc mới đầy đủ. Bao la này vốn luôn luôn mới, muôn thuở hằng mới. Con người sở dĩ không mới là tại con người mê hướng ngoại, nhận lầm hiện tượng tương đối làm định luật mâu thuẫn, ôm mâu thuẫn vào lòng mới có sanh chứa vựa. Thế là con người sống bằng quá khứ, luôn luôn bị quá khứ điều khiển. Chính vì thế mà trong một người cũng như toàn cả nhân loại đều là quá khứ to hơn hiện tại, mặc dù quá khứ chỉ là bóng dáng. Đó là nghĩa của bộ óc loài người ngày càng to lớn,

nhưng đây chưa phải là nguy hiểm mấy.

Về định luật chánh biến tri chánh điên đảo như đã trình bày tận tự thiên đầu, với điều kiện gieo gió gặt bão ở phần chuyển tiếp của thiên thứ 9, và vấn đề trực giác ở phần chuyển tiếp của thiên nầy, là để cho ta thấy từ thể viên quang tịch chiếu của năng lực rung rinh hồi tụ tận tự bao la kết tinh thành hiện tượng vũ trụ tướng và hiện tượng thế giới vật chất. Rồi từ cõi hiện tượng vật chất phản chiếu ra cả một vòm bao la vô tận, để dọi lại kết thành một thế pháp giới trùng trùng vô tận, mà ở phần vũ trụ tướng các nhà khoa học thường gọi là thế trương nở, trong đó chỗ mắt ta không trông thấy gì cả lại là không phải không có gì hết như ta thường tưởng tượng.

Như đã từng nói, mỗi khi ta quay ra mà nhìn thì hiện tại cụ tượng vốn chỉ có một mình ta, mà trong khắp cõi bao la này không có một chỗ hở nào không có tướng **Ta** dọng đầu nhìn ngược vào ta mà ta vẫn điềm nhiên không hay không biết. Thế là từ một Ta mà hóa ra vô số vô lượng vô biên Ta trùng trùng vô tận luôn luôn mâu thuẫn với ta. Nay ta đã là cái xe chở đầy nhóc rác rến dơ bẩn tận tự thuở nào, ta ôm lấy mâu thuẫn, ta tạo cảnh xung chướng, ta tôn thờ bộ óc, ta chiếm đoạt quyền hạn của trái tim, ta chai lì tê dại không có chút tình thương nào, ta chỏi ngược với cái hằng mới đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của thiên nhiên, Tim và Óc ta đã chỏng gọng đảo ngược. Thế là chỉ có một mình ta mà ta đã tạo ra khắp cõi bao la này chật ních toàn là một thứ mâu thuẫn xung chướng, tàn nhẫn, rác rến, cũ mèm, tôn thờ bộ óc, chiếm đoạt quyền trái tim. Thế mới biết: Nếu những ý nghĩ mê lầm chỉ ở trong một con người mà có tướng như hiện tượng vật chất, thì toàn cả cõi bao la này cũng không thể chất chứa cho vừa. Một người đã thế, cả thế giới đều thế; thế là tất cả loài người chúng ta đã biến cả pháp giới này thành ra một vòm bao la cũ mèm bợn nhơ đen tối, làm chủ khiến cho cuộc sống của chính ta không còn là của ta nữa, mà lại là thuộc về cõi vô hình. Thế mới biết: Chế ra sự soán quyền của bộ óc là do cái mê của ta, chế ra cõi vô hình điều khiển toàn bộ loài người chúng ta chính là bộ óc. Như thế đủ biết khai sanh ra cái cũ làm chủ, chế tạo ra cõi siêu hình trái chướng chính là ta, mỗi người trong chúng ta đều phải hoàn toàn chịu trách nhiệm lấy. Thế là chúng ta đi từ cõi thanh bình đến cõi nước mắt và máu, biến từ cõi chân nhân đến cõi giả nhân. Thật là tai hại biết dường nào! Hèn gì nhà Phật gọi là đời ác trược là phải lắm!

Nhưng lạ thay! Cũng trong khung cảnh tối đen, cũ mèm, thúi hoắc, khói lửa mịt mờ, máu chảy thành biển, nước mắt thành sông mà các bực thánh hiền thông đạt nhìn đến đâu cũng thấy sáng rực, trong suốt, thanh bình, mới tinh, thơm ngát là tại làm sao?

Con mắt tôi có mộng, tôi nhìn đến đâu cũng toàn là mộng. Tôi mang kính đen, tôi nhìn đến đâu cũng thấy toàn màu đen. Tâm tôi dơ bẩn, tôi đi đến đâu cũng toàn là dơ bẩn. Sự có mộng, tối đen, dơ bẩn ấy dù cho toàn cả thế giới loài người hay chỉ riêng có một mình tôi chăng nữa, tuy rằng trông ra là cả một trời nhưng nhìn trở vào thì mới thấy kỳ thực chỉ tại phía trong của mỗi người mỗi đứa. Thế mới biết: cảnh vẫn y nhiên, chỉ tại lòng người hoặc đen hoặc trắng. Đây chính là nghĩa cảnh không có thuận nghịch, chỉ có lòng người sáng hay mê. Vì thế mà vẫn y nhiên cảnh này mà thánh hiền thì vẫn thanh bình, còn chúng ta lại là xếu mếu. Thế mới biết: Chữ "cõi" không đâu xa lạ, mà sự thiệt chính là ở lòng người. Cho nên tôi nói: Tâm linh là điều kiện tối quan trọng là vậy.

Quay ra, đóng cứng, mâu thuẫn, xung chướng là chất chứa đau khổ là cũ mèm, là giả nhân. Thế thì một phút quay vào được thấu triệt, là lập tức từ con người của tôi cho đến tràn ngập cả cõi bao la này đều chỉ là đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông mới tinh! Mới tinh! Muôn thuở hằng mới! Muôn thuở hằng còn! Không hề có một mảy may mâu thuẫn xung chướng, quyền hạn của trái tim trả về cho trái tim, không còn ai có quyền chiếm đoạt sai sử được nữa. Đến đây không riêng gì cá nhân tôi mà tất cả những huyễn tượng vật chất vô thường cũng đều trở thành nhiệm mầu chân thật. Như thế há không phải là nghĩa "cũ dứt mới luôn, là được chân nhân" đó sao? Và đây cũng chính là nghĩa của hai chữ "cách mạng" trong Dịch học. Thế là dù cho nói đến "Đạo Đại học"; đến phép "tu tề"; đến "chí ư Đạo, cứ ư Đức, y ư Nhân, du ư Nghệ" hay "không mình, không công, không danh, không làm gì cả mà không việc gì không làm, không thấy gì cả mà không việc gì không thấy"; "làm chim bay chơi, làm cá lội chơi" hay "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" chẳng qua cũng chỉ là xuất phát từ một nguồn. Quả thật! Quả thật! Tùy tâm mình thanh tịnh là ngoại cảnh thanh tịnh không ngoa vậy. Như thế đủ biết: Không phải đời hạ ngươn là không thể có chân nhân, và đời hạ ngươn không thể áp dụng nghệ thuật Chúc do, mà chỉ có mê hay ngộ thế thôi.

Không biết nhà Vua nghe hiểu thế nào mà lại bảo: Đã nhận ra được chỗ yếu về nghĩa không lìa môn sắc mạch, để luận giả phải bồi

thêm là tột bực của phép trị ở một. Đọc lên câu này ta thấy luận giả nhìn nhà Vua, hay đúng hơn nhìn độc giả, chưa được chắc ăn mấy, trong lòng luận giả vẫn chưa yên nên mới đẩy ra chữ "một". Như thế đủ biết chữ "một" này to lớn biết dường nào; nếu thiệt là một thì không có cái thứ hai, nếu đã không có cái thứ hai tức là không hai rồi chớ không còn là nghĩa một nữa. Nhưng nếu không hai mà không phải là một, thì chữ "không hai" ấy vẫn là chữ chết. Nếu không hai là chữ chết, tức là kẹt vào trong một rồi. Đã kẹt vào trong một, thì dù một hay không hai cũng vẫn là chữ chết không biến hóa được. Thế mới biết: Chữ "một" ở đây cũng là một cũng là không hai, cũng là không cũng là có, cũng là thái cực, cũng là lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng… cũng là linh không vô cực biến hóa vô cùng. Chính vì chỗ đó, mà luận giả dùng nó để gạn lại xem nhà Vua và cả độc giả có chen được vào trọn vẹn chữ "một" chưa.

Bị chữ "một" lạ đời này, nhà Vua tá hỏa không biết phải nói sao nên mới hỏi lại bằng cách: Sao gọi là một? Lại bị luận giả bồi thêm: Một nghĩa là Nhân mà được. Chữ "NHÂN" này còn độc địa bằng chín mười lần chữ "MỘT" nữa. Nói: NHÂN mà được, nghĩa là muốn nói: nhân mà được chân nhân. Vậy NHÂN cái gì? Chữ NHÂN này có dính dấp gì đến chữ MỘT không? Làm sao nhà Vua biết được? Nên mới hỏi lại: Thế là nghĩa làm sao? Lại tiếp theo một bài kệ bí hiểm.

Nói: Đóng hết cửa nẻo. Cửa nẻo nào?

Ở Trung Hoa có những ngôi thiền viện, người ta thờ ba cốt khỉ: một bụm miệng, một bịt mắt, và một bịt tai. Tây Du ký nói: "Không thấy không nghe cũng thái bình". Như thế biết đâu nghĩa "đóng hết cửa nẻo" của luận giả đây, há lại không phải là một thứ soi trở vào?!

Con người là trung tâm xuất phát vấn đề, là đầu dọc của mối mang chằng chịt. Bệnh hoạn là thứ mất thăng bằng do con người tạo ra, dù cho bệnh cá nhân hay bệnh thiên hạ, gốc rễ của nó cũng chỉ ở trong từng người. Cái **Tôi** là nguồn cội của bệnh hoạn, là đầu dọc của loạn ly, là tường thành của cách bức.

Một thứ bệnh cổ điển muôn thuở của con người là khi muốn đi cứ lật đật vội đi, chớ không chịu chậm lại một chút để nghĩ xem mình đi về đâu, và đi cách nào cho hợp lý không gặp chướng ngại luẩn quẩn loanh

quanh. Cũng như nói: Khám phá! Khám phá! Là áp vào khám phá, chớ không chậm lại chút để nghĩ thử xem bộ máy khám phá của mình có chính xác hay không trước đã. Thế mới biết: Tất cả những bí hiểm muôn trùng không có gì đáng gọi là khó thấy khó biết, chỉ có cặp mắt ta được trong suốt hay chưa. Thế mới biết: Mặc dù khi tôi chỉ muốn khám phá một bệnh nhân, thì điều kiện trước nhất là tôi phải làm sao cho giữa tôi với bệnh nhân đừng có một điều kiện khuất lấp nào chen vào làm ngăn cách. Như thế mới mong cuộc khám phá thành tựu.

Khi bí mật của sự việc đã được vỡ tung ra, thì thái độ đối với sự việc phải giải quyết cách nào đây tự nhiên trở nên nhẹ hẳn.

Đây không phải chỉ là khám phá hay giải quyết vấn đề bệnh tật của một cá nhân, mà hình như đây là tâm pháp, là mật ấn của tinh thần cốt tủy Đông phương để khám phá và giải quyết tất cả mọi sự việc trên thế gian này, chính nó cũng là cốt tủy của tinh thần Thiền học đó. Vì thế mà có người hỏi một Thiền sư Việt Nam: Thiền là gì? – Thiền sư đáp: Thiền là đồng nhất, là không hai, là trực tiếp, là không trung gian, không ngăn cách… Thế mới biết: Câu "với bệnh không ngăn cách" nó quan hệ biết là dường nào! Thế là luận giả đã mượn bệnh nhân mà thúc đẩy tinh thần nhà Vua băng sâu vào lối Thiền học, mà vẫn không lìa tay thước ngao du vào nghệ thuật.

Với một tinh thần đã nhìn thấy triết học, đạo học, Y khoa, văn hóa, giáo dục,… đều không thể xuất phát khác nguồn, thì trong vấn đề chữa trị, ngành chữa trị bệnh nhân đâu thể nào được gọi là không gần gũi thiết thực nhất. Vì thế mà ngàn xưa một vị lương y, một triết gia với một chân nhân không phải là ba ông. Cho nên đến đây luận giả sang ngang bằng hai câu "thường hỏi bệnh tình, theo dõi ý chí" để rẽ sang vấn đề mất thăng bằng trong từng con người, là trong sâu kín đã có dụng ý vậy.

Bổn lai con người vốn nó không thể nói là tâm hay vật. Khi nhìn ra, con người trông thấy dường như có vật có tâm. Nhưng cứu tận thì vẫn là từ một nguồn linh không vô cực thần dụng không nơi chỗ, nhiệm mầu biến hóa không cùng, chớ không phải chỉ là những xác chết. Nếu Y khoa mà bỏ quên điều kiện tinh thần, thì Y khoa đó cũng chỉ là một thứ Y khoa chết. Vì thế mà hễ thường hỏi bệnh tình, thì cũng phải theo dõi ý chí. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là muốn vẽ hình tròn, khi đặt bút xuống thì phải cho tròn, dù thu nhỏ lại hay mở to ra cũng đều phải thiệt tròn mới

được.

Toàn cả kho tàng NỘI KINH cũng như kho tàng Dịch học, chỉ có chữ "thần" là quan trọng nhất, cũng như trọn cả kho tàng kinh Phật chỉ có bốn chữ "Như Lai tạng tâm" là quan trọng nhất, mặc dù có diễn nói nhiều cách khác nhau chăng nữa, cũng chỉ là để diễn đạt nghĩa linh diệu nhiệm mầu vốn sẵn từ trong bổn tánh của mỗi chúng ta. Thiếu cái đó vũ trụ không thể thành lập, đừng nói chi đến con người. Có một điều đặc biệt hơn nữa, mặc dù luôn luôn nó không hề rời ta đến nửa sợi tóc, nó chính là ta; nhưng khi ta khởi lên mê lầm điên đảo mà bỏ quên nó đi, thì ta đây cũng vẫn y nhiên là nó mà mọi sự xung chướng, mâu thuẫn, đau khổ, mất mát không yên đều hình như bâu rứt hết vào ta, để rồi kiếp sống chỉ là kiếp chết. Vì thế mà luận giả đang nói về ý theo dõi sát bệnh nhân, rồi bỗng dưng lại vọt ra hai câu "được thần thì lành, mất thần thì nguy", để vừa giữ vững tay thước thiền, tay thước Đạo mà cũng vừa để kết thúc làm cốt tủy cho thiên nầy, và xa hơn nữa là để làm nòng cốt mắc liền với thiên sau, lại còn làm cho nhà Vua không mất tinh thần hứng thú siêu việt trong nền tảng Y khoa, thì thật là tuyệt diệu! Vì nhà Vua nghe ngã lẽ, nên kết thúc bằng khen hay.

Thế là đến đây luận giả bộc lộ hết một tinh thần cách mạng con người, để làm sáng tỏ nghĩa "lành dữ khổ vui đều bởi động – chẳng động là to nhất" của Dịch học, mà môn sắc mạch là phương tiện để đưa đường cho nhà Vua nhìn thấu đến chỗ chẳng động, để trở về với đồng nhất, để trọn vẹn được nghĩa chữ "thần", để trở về với chân nhân hầu khai thác đến cùng cực chữ "trị", để đưa con người trở về với thời đại thượng ngươn hầu làm tròn sứ mạng cái học về con người của NỘI KINH vậy. Thế là đã mở nẻo thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu một cách hết sức kín đáo rồi, chớ còn gì nữa!

BÌNH

Chơi!!!

Dù sống lâu đến 800 tuổi như Bành Tổ chăng nữa, con người cũng vẫn cảm thấy kiếp sống của mình tựa hồ một giấc mơ, một bóng thoáng mà phía sau trong bóng tối hình như có một cái gì đang đeo đuổi rình mò. Cho nên chẳng ai mà chẳng bồn chồn gấp gấp để tìm lấy một sự thỏa thích

cho cả một đời. Thế nên chơi trở nên là vấn đề quan trọng. Nhưng đời người vốn có nhiều hạng, cho nên cách chơi mỗi người cũng đều theo đó mà có khác nhau. Hoặc chơi mà cả thiên hạ nhờ cậy; hoặc chơi mà đời được yên vui; hoặc chơi mà xác thân bình yên, người người kính phục; hoặc chơi mà muôn thuở thiên hạ vẫn còn bắt chước chơi theo; hay chơi mà xác thân bại hoại yểu ương, gia đình sụp đổ; hoặc chơi mà thế giới khuynh nguy, thiên hạ than oán cũng đều từ cách chơi mà ra cả. Thế mới biết: Chơi làm sao cho được vẹn toàn là cả một nghệ thuật.

- Để lại một bộ sách không có chữ, toàn là ra dấu, cho đến ngàn đời sau con cái moi móc trong đó ra không biết bao nhiêu món đồ chơi khác nữa dùng không hết như Phục Hy; đó cũng là một cách chơi.

- Hay tìm ra được các giống lúa gạo để nuôi sống cho muôn đời, khám phá những thứ thuốc để chữa bệnh đến có lúc suýt nhiễm độc mà chết như Thần Nông cũng là một cách chơi.

- Thầy trò thỉnh thoảng gặp nhau, nhắp chung trà, nhìn trời hỏi đáp, bươi móc hết tất cả những nguyên lý suốt bao la để làm khuôn thước cho mấy ngàn năm sau không thể xê dịch như thầy trò ông Huỳnh Đế, đấy cũng là một cách chơi.

- Hoặc nối gót thánh hiền xưa mở mang thêm đạo cả, vỗ về khắp muôn dân, làm cho đến đêm nhà nhà không cần đóng cửa, ngoài đường không có kẻ lượm của rơi như Nghiêu Thuấn Thang Vũ cũng là một cách chơi.

- Lãnh giữ thư viện, đọc sách cho đã; rồi xô ngang sự đời, cỡi trâu vào núi ở ẩn, để lại 81 chương Đạo Đức Kinh như Lão Tử cũng là một cách chơi.

- Hay ở đâu, làm gì cũng vẫn là chơi, cho đến không có việc gì làm cũng là một thứ chơi nốt như Trang Tử, cũng là một cách chơi.

- Hoặc mòn gót nhẫn trán chu du khắp thiên hạ, để nói lên cái Đạo Đại học, cái phép tu tề, cái học Trung dung, rồi thiên hạ nghe hay không nghe cũng cứ làm như Khổng Tử, cũng là một cách chơi.

- Giáp mặt với khắp công hầu vương bá, nghị luận đanh thép, chánh trị lưu loát, nghĩ muốn xoay chuyển cơ đồ, quét mây đón gió như Mạnh Tử cũng là một cách chơi.

- Hoặc đợi giữa trưa ôm bình bát khất thực, ngồi lim dim dưới cội bồ đề, bủa 84.000 mắc lưới, chận hết các nẻo biến hóa của chúng sanh, độ rỗi vô số mạng như ông Phật cũng là một cách chơi.

- Hoặc trong tay chỉ một cây chổi, suốt ngày quét tới quét lui, quét xuôi quét ngược, quét trong kẹt quét ngoài sân, ở đâu cũng quét, lúc nào cũng quét, quét đến mãn đời. Có những hồi rỗi rảnh nhìn từng cánh bướm lượn qua những khóm cỏ hoa, vui đùa cùng những em bé thơ ngây trong trắng trong một ngôi chùa tận cùng hẻo lánh của một nhà sư già, cũng là một cách chơi.

Những làng chơi ấy, phương tiện chơi tuy có khác nhau, nhưng mãi đến ngày nay, chúng ta thấy hình như vẫn còn hương trầm thoang thoảng. Thế tất mỗi một cái chơi ấy, chỗ xuất phát phải có lý do.

Xuân mai vừa đến, đọt non chen chúc, hoa nở khoe tươi, gió xuân ấm áp, tuổi xuân đến thì, má xuân hồng thắm, lòng xuân phơi phới, bước xuân rộn ràng.

Rồi một hôm nắng Hè oi ả, mồ hôi nhễ nhại, cỏ cây rậm rịt um tùm, tuổi xuân qua rồi, lòng xuân đã bồn chồn hết mức, hoa quả sum suê.

Hè hết Thu sang, gió heo lay cành cũ, lá úa than thở thì thào, chiều thu sạm bóng, thời gian cường tráng trôi qua, con người cảm thấy như bơ vơ lạc lõng.

Để rồi Đông đến, hoa lá úa tàn, để lại một trời xơ rơ buồn tẻ, trập trùng đóng kén không dám dĩ hơi. Tất cả những biến hóa chuyển dời nhịp nhàng tiết tấu, bên trong hình như có một cái gì suốt khắp, hòa đồng, làm cho có những kẻ thao thức nhìn trời bỗng dưng cảm biết mà phát minh ra được một lối chơi có thể ngàn đời không ân hận. Thế mới biết: Làm chim chưa dám bay chơi, làm cá chưa dám lội chơi, làm đạn chưa dám bắn chơi, làm rồng chưa dám tung chơi và trong cuộc chơi còn để lại

ngàn đời ân hận, thì đều là những tay chơi của phàm phu tục tử cả. Những bọn ấy làm sao mà biết được cái nẻo bí mật thông hợp vào bổn tánh linh diệu nhiệm mầu là gì? Còn đủ chi để luận là chân nhân hay giả nhân nữa?

Lời giải toàn thiên

Không có con người là không có vấn đề; ví nếu mỗi một con người đều đừng mê thì vấn đề cũng không thành vấn đề, nhưng đó chẳng qua chỉ là một thứ không tưởng. Vì thế mà việc học khám phá về con người trở nên là việc chính yếu ưu tiên.

Nếu mỗi một con người chỉ là một cái máy như các nhà duy vật thường tưởng, thì việc học khám phá về con người cũng hết thành vấn đề.

Nếu vấn đề con người mà được thấu triệt, thì mọi vấn đề đều được thấu triệt ngay. Thế mới biết: Học về con người tức là học về tâm mà cũng là học tất cả. Điểm chính yếu của cái học NỘI KINH, tức là học về con người. Nếu ta quên lửng điểm này thì NỘI KINH sẽ trở thành một mê hồn trận.

Không có thần là không có bổn tánh linh diệu nhiệm mầu. Không có bổn tánh linh diệu nhiệm mầu là không có viên thông. Không có viên thông thì khả năng trực giác, cõi siêu hình cũng không thể thành lập được. Cõi siêu hình cũng như khả năng trực giác đã không thành lập được, thì nghệ thuật Chúc do lấy đâu mà kiến thiết. Hay nói một cách khác hơn, nếu không có bổn tánh linh diệu nhiệm mầu viên thông dung hội thì cả vũ trụ này cũng không có nữa, đừng nói chi là con người hay nghệ thuật Chúc do.

Đã biết rằng không có con người là hết thành vấn đề, thế thì trong con người tuy không nói ra, nhưng vẫn hàm chứa đủ tất cả mọi vấn đề. Thế là con người cũng là đời, cũng là Đạo, cũng là triết, cũng là y, cũng là nguồn gốc tất cả. Nhưng ta hãy nhìn thẳng vào cuộc sống thực tế hàng ngày của con người mà xem, thì ta mới thấy không gì thiết thực cho bằng sống và lành mạnh. Muốn cho cuộc sống được sống và lành mạnh, thì không gì bằng Y Đạo. Ngọn của Y Đạo là Y Dược, gốc của Y Đạo là

Đạo là Y tâm. Do đó mà suốt tinh thần NỘI KINH đều mở đầu bằng con người, bằng Đạo, bằng y, bằng nghệ thuật và cuối cùng đều qui kết trở về với Đạo để con người được sống yên thác thuận mà thôi.

Nhìn gió lùa, cây rung, lá đổ; nhìn hoa nở, chim kêu; nhìn trái kết, hoa tàn để thấy được môn biến dịch, di dịch hầu trông thẳng về với bất dịch. Sao bằng nhìn sự biến hóa của gương mặt, của tâm tư, của mạch nhảy, của sống chết trong một con người đang nhịp nhàng cùng với khung cảnh bao la rung chuyển. Ví nếu tâm ta đã bị muôn thuở chai lỳ làm cho sự nhìn về bao la, trông vào kẻ khác để biết được ta trở thành mất hiệu lực; thì còn có cách nào thiết thực hơn là phải nhìn tất cả những sự biến hóa chuyển dời ấy ngay ở lòng ta, ở xác thân ta, để mà bắt gặp cái bao la hằng còn hằng sáng! Thế mới biết: Chứng thực cái Đạo Dịch ở chính nơi ta, đó mới là học Dịch một cách thiết thực duy nhất độc đáo của NỘI KINH vậy.

Mặc dù trên một trường giang, gặp lúc gió yên sóng lặng, mặt nước phẳng lì, thuyền thả xuôi dòng trôi chảy, thì ai cũng như nấy, làm sao mà biết được ai là tay cự phách trong nghệ thuật lái lèo?! Thế là trời đất thuận, dòng sông thuận, chớ nào biết ai là kẻ tài với không tài! Đến khi sóng dậy ba đào, ngàn tầm bão tố, hết thảy những kẻ thờ ơ ngơ ngác đều theo tiếng gọi của tử thần, chỉ trừ những kiệt sĩ lái lèo vẫn ung dung cợt đùa sóng gió mà ngao du ngoài vòng sanh tử để truyền bá nghệ thuật lái thuyền. Thế mới biết: Nói đời hạ ngươn không có bực chân nhân là cốt để cho đời hạ ngươn vẫn có bực chân nhân. Nói đời hạ ngươn không thể áp dụng nghệ thuật Chúc do được nữa là cốt để đời hạ ngươn mà vẫn có cách nghiễm nhiên áp dụng phép Chúc do. Nói đời hạ ngươn con người xa Đạo, khó có Đạo là để nói nói đời hạ ngươn gần Đạo, có Đạo và Đạo cả. Nói đời hạ ngươn tức là để biến cái hạ ngươn trở thành thượng ngươn đó.

Ta hãy thử nghĩ: Đồng vượt trường giang, đồng băng qua được mà kẻ ở khung cảnh êm đềm, người trong ngàn tầm sóng gió. Vậy thử hỏi ai là kẻ tài tình?! Ai là người thật sống?!

Chúng ta ngày nay hễ mở miệng là rất dễ nói đến Thiền đến Đạo; nhưng sự thật thì cơ hồ như không còn được mấy ai biết Đạo là gì, Thiền là gì? Trong biển Thiền học, hạnh thấp nhất là tập trung tinh thần vào một điểm, cao nhất là giáp mặt với sự thật, không trung gian, liền

bây giờ! Tức thì!

Suốt bộ NỘI KINH cũng như đoạn này không hề thấy có một nơi nào đá động đến danh từ "Thiền". Thế mà tinh thần Thiền vẫn không thiếu, mật ấn Thiền vẫn tròn đầy. Thế mới biết: Nguồn Thiền, nguồn Dịch vẫn cùng chung xuất phát đổ dốc đến ta tận tự thuở nào, mà ta như điếc, như ngây không hề hay biết.

Một trái chín mà không thuận với trật tự thiên nhiên, chưa chi đã chín là trái chín ẻo.

Một cuộc sống mà bị sống là cuộc chết. Một cuộc già dù cho sống đến 800 tuổi chăng nữa, mà bị già là già ẻo.

Bao la là sân khấu, đời là vở tuồng, mỗi một con người là một vai tài tử. Nếu biết mình là tài tử và nghệ thuật tài tử được siêu tuyệt, thì khi diễn trò đã là chơi, khi mãn vai yên nghỉ cũng vẫn là chơi, chẳng có gì đáng gọi là hệ lụy. Đó là cuộc sống được miên trường. Trái lại nếu kịch tan vở hết, mà vẫn quên mình là kịch sĩ, vẫn hãy còn nhảy múa khóc lóc chưa nguôi, thế là kịch sĩ đã mất trí, là cuộc sống chẳng có miên trường. Cho nên là điểm kết cho thiên này là phải.

Lời bình toàn thiên

KỊCH

Con ông Trời chết

Một hôm hóa thân của Lão Đam rủ hóa thân của Trang Chu đến kịch trường Huỳnh Đế để xem tài Sĩ Đạt Ta đóng kịch.

Vì quan khách đông quá, đến trước choán hết cả chỗ ngồi, nên hóa thân của hai ngài thất thế phải chịu đứng xa.

Lúc đó trên sân khấu đang diễn tuồng "Con ông Trời chết". Vai lễ nhạc sư thì có Khổng Khâu, vai tang chủ thì có Sỹ Đạt Ta chịu trách

nhiệm, còn bao nhiêu thì vai linh tinh phụ tá không kể.

Màn tẫn liệm qua, màn tang chủ tế vong đang diễn tiến. Âm nhạc trỗi lên. Lòng chí thành trang nghiêm, cảm kích buồn thương lên đến tuyệt đỉnh cùng với tiếng đàn tiếng sáo nhập vào với vô cùng bi đát, át hết cả khung cảnh kịch trường, làm cho tất cả kịch sĩ cùng với khán giả nhất thời oà lên khóc như mưa vang cả một khu rừng mênh mông bát ngát, y như một đám tang thật là long trọng. Chỉ riêng hóa thân của Lão Đam và Trang Chu tít tận đàng xa thì thầm tấm tắc khen phục.

Kịch diễn tan rồi, khán giả ra về với mang nặng một bầu không khí tang ma, đến hôm sau chừng như chưa tỉnh hẳn. Còn các kịch sĩ hãy còn tức tưởi chưa nguôi, nước mắt ướt đầm cả vạt áo, tưởng chừng như mình đang sống trong cảnh thật. Bên cạnh, nhạc sư với nét u buồn đang uể oải sắp xếp đàn sáo.

Trong khi đó người ta bắt gặp trên nét mặt Sĩ Đạt Ta một màu bình thản, buông bổng tâm hồn nhập tận bao la, thỏa mãn với đã viên thành một vở kịch.

Buổi kịch đã diễn hồi nào chừng như không ai để ý nhớ. Một hôm nhân thấy nói: khổ, không, vô thường, vô ngã, tứ vô lượng tâm[1], tứ y pháp[2], vô vi, biến dịch, di dịch, bất dịch, kiết hung hối lẫn quan hồ động, bất động vi đại, pháp giới pháp nhĩ[3]… mới hay ra là vở kịch mình đã xem rồi.

Phần phụ lục:
CÕI SIÊU HÌNH

Với hiện tượng Quỷ Thần và phép Chúc do.

Có người hỏi: Cõi siêu hình có thật không?

Đáp: Cõi này có thật không? Hay đúng hơn chính thân tâm của ngài đó, có thật không? Ví phỏng không có ngài và tôi thì chuyện này có thành

vấn đề không?

Hỏi: Cõi siêu hình ra sao?

Đáp: Cõi này ra sao? Thế mới biết: Không có cõi này lấy đâu mà có cõi siêu hình, hay nói cho đúng hơn nếu không có ngài và tôi thì cõi siêu hình có hay không cũng không thành vấn đề. Thế là có cõi siêu hình hay không có cõi siêu hình? Cõi siêu hình ra sao? Đều chỉ có tôi với ngài hay không có tôi với ngài, và tôi với ngài ra sao đây – tức là cõi siêu hình ra sao đó!

Hỏi: Phạm vi của cõi siêu hình đến đâu?

Đáp: Hễ phạm vi tâm của tôi và tâm của ngài đến đâu, là phạm vi cõi siêu hình đến đấy.

Hỏi: Làm sao biết được phạm vi tâm tánh của mình đến đâu?

Đáp: Mời ngài hãy ngừng dứt nghĩ ngợi các duyên bên ngoài, đừng nghĩ thiện nghĩ ác gì cả, để nghiệm xem phạm vi tâm tánh mình tới đâu là tức khắc thấy ngay chớ gì!

Hỏi: Cõi siêu hình có thời gian không?

Đáp: Ví nếu trên cõi này không có con người, cũng không có ngài và tôi, thì có thời gian với không có thời gian có thành vấn đề không? Hay chỉ là đã qua qua rồi, hiện tại không dừng, vị lai chưa đến, thiên nhiên cứ mới hằng mới luôn?! Thế thì trong câu hỏi cõi siêu hình có thời gian hay không đã hàm chứa nghĩa cõi siêu hình có thời gian tâm lý không? Và nếu hỏi cõi siêu hình có thời gian tâm lý không, tức là hỏi ngài với tôi ngay bây giờ có thời gian tâm lý không? Như thế đủ biết nếu ngài và tôi kẹt vào rọ thời gian, tâm lý biến thành mâu thuẫn chứa vựa, thì cõi siêu hình có thể nào không kẹt vào rọ thời gian để tâm lý khỏi biến thành mâu thuẫn chứa vựa được không? Thế mới biết: Hễ là mâu thuẫn chứa vựa, tức là quá khứ to hơn hiện tại và quá khứ luôn luôn lúc nào cũng làm chủ hiện tại.

Hỏi: Thế là cõi siêu hình cũng có tâm lý à?

Đáp: Vậy chớ ngài và tôi không có tâm lý sao?

Hỏi: Cõi siêu hình có, nhưng sao mắt ta không trông thấy?

Đáp: Đã là cõi siêu hình mà lại dùng giác quan trong cõi hữu tướng, làm sao thấy được? Thế mới biết: Thiếu con mắt trí huệ không thể thấy được.

Hỏi: Cõi siêu hình có giai cấp thứ bực không?

Đáp: Cõi này có giai cấp thứ bực không? Hay đúng hơn trong bụng ngài và tôi có giai cấp thứ bực không?

Hỏi: Cõi siêu hình có âm dương không?

Đáp: Cõi này có âm dương không?

Hỏi: Đối với cõi này, cõi siêu hình là âm hay dương?

Đáp: Nếu kể có tướng là dương thì cõi siêu hình là âm.

Hỏi: Tại sao cõi siêu hình đã là vô hình, đã từ ta mà có, lại làm chủ được ta?

Đáp: Tại sao trái tim có trước, bộ óc có sau mà óc lại cướp quyền làm chủ được trái tim? Thế mới biết: Cõi siêu hình bản lai không hề nghĩ làm chủ ai hết, sở dĩ ta bị cõi siêu hình làm chủ, chính là do ta tạo ra. Ta hướng ngoại, ta gây xung chướng, ta ôm mâu thuẫn vào lòng, ta ôm đồm chứa vựa, ta tôn thờ bộ óc, ta chiếm đoạt quyền hạn trái tim. Cho nên biết: Cõi siêu hình làm chủ ta, chính là do ta tạo ra đó! Ta không thấy sao – ta nhìn một sắc đẹp, ta đắm đuối; sắc đẹp đã đi qua, mà từ đó về sau nơi nào chỗ nào trong hư không này, ta cũng thấy hình như sắc đẹp ấy đang đứng đối diện với ta. Nếu sắc đẹp ấy còn có lúc đi đi lại lại giáp mặt với ta, lẽ cố nhiên sẽ có hồi ta không còn sức gắng gượng được

nữa. Như thế không phải là ta tự tạo rồi đó sao?

Hỏi: Cõi siêu hình con mắt thịt không thể thấy được, nhưng tại sao lại có những người không có trí huệ họ cũng thường đề cập đến?

Đáp: Vì tùy thuộc vào vấn đề tâm lý, cho nên có những hồi con người cảm biết, nên chuyện thuộc về tâm chớ không thuộc về mắt.

Hỏi: Làm sao để cho những người chưa vào được Đạo, chưa có trí huệ cũng có thể nhận ra được cõi siêu hình?

Đáp: Nếu chưa vào được Đạo, chưa có trí huệ mà muốn biết rõ mặt thật của cõi siêu nhiên là không thể được. Còn nói làm cho mọi người có thể tạm thời thấy biết, thì điều đó chẳng có gì khó khăn cả. Chúng ta chẳng thấy sao? Nếu một người thông thường chưa biết Đạo là gì mà cũng không có phúc ấm tiền duyên, đem cho ở vào một cuộc đất mà hồi trước là nền chùa, nền miếu hoặc nền nhà của những ông thầy phù thủy tả đạo bàng môn, hoặc là nơi cư ngụ của xóm ăn chơi, hoặc là nơi dinh trại của mặt trận thì đều sẽ gặp những hiện tượng quái gở lạ kỳ không thể ở được.

Hỏi: Đã có cõi siêu hình, thế tất vấn đề địa ngục, hiện tượng ma quỉ trời thần đều có thật hết sao?

Đáp: Sao mà luẩn quẩn đến thế, tại sao không nghĩ chính thân tâm của ngài ngay bây giờ đây có thật hay không có thật?

Hỏi: Như thế có phải nghĩa là mình tưởng có là nó có, mình tưởng không là nó không không?

Đáp: Đây không phải là chuyện chơi, đừng lấy trí óc mà đùa cợt với bao la. Nội một chữ "tưởng" đó cũng là muôn cửa tai họa rồi. Ngài có thể nào đứng trước một sắc đẹp đang lôi cuốn, rồi ngài tưởng xấu, bỗng dưng nó biến thành xấu cho ngài được không? Đáp: Không. – Thế thì từ đây về sau quyết định không nên đùa cợt bằng cách tưởng tượng của trí óc như thế nữa.

Hỏi: Cõi siêu hình có quan hệ mật thiết đến cơ thể tạng phủ hay hoàn cảnh địa lý, xã hội không?

Đáp: Không những môi trường xác thân, hoàn cảnh xã hội, hình thế địa lý mà thôi vì bổn lai vốn không có tâm vật, thân cảnh, trong ngoài. Nhưng ngài có biết không? Nếu ngài và tôi chỉ là cục đá hay cội cây thì vấn đề quan hệ hay không quan hệ còn có thành vấn đề nữa không? Như thế đủ biết: Dù có thân hay cảnh chăng nữa, cũng chẳng qua chỉ là tâm; khi tâm mê theo đà chánh điên đảo, thì trong vô tình đã trái ngược với trật tự thiên nhiên. Đã là có tâm có vật, có thân có cảnh làm sao không nảy sanh cái thế trói buộc tương quan?! Thế thì trong câu hỏi ấy đã hàm chứa nghĩa: Hiện tượng ma quái quỉ thần có dính dấp gì đến cơ thể hay đến hình thế địa lý hay không!

Nếu không dính dấp gì đến tâm lý, thì làm sao có được những người từ tâm lý bơ vơ nảy sanh ra hiện tượng đồng bóng?! Mà ngay cả hiện tượng cơ bút cũng không thể thành lập.

Nếu không dính dấp gì đến xác thân cơ thể, sao những bệnh dư nước chua, bệnh máu đông đặc, bệnh sản hậu huyết nghịch lại nảy sanh hiện tượng ma quái lạ kỳ?!

Nếu không dính dấp gì đến hoàn cảnh địa lý, thì sao những vùng đồng bằng vũng lầy âm u ẩm thấp thì lòng người dễ tin nhảm, hiện tượng ma quái thường xảy ra?! Như thế đủ biết:

"Lòng quanh quéo, sông càng quanh quéo,

Cảnh đìu hiu, dạ lại đìu hiu"

Là một biện chứng không ngoa vậy.

Có người hỏi: Tả đạo bàng môn với Chúc do khác nhau ra sao?

Đáp: Tả đạo bàng môn vốn là ngoại đạo, vốn thuộc về phép huân tập của thế gian, không căn cứ vào nguồn tâm linh bổn tánh, do một sự luyện tập nhiều thời gian mà kết quả. Còn phép Chúc do xuất phát từ một

con người phát minh được từ tận nguồn tâm tánh mà kiến lập. Cho nên kẻ thực hành phép Chúc do vào được là phải ra được; còn tả đạo bàng môn thì cuối cùng hậu quả rất phũ phàng bi đát, nếu có con cháu thì hệ lụy đến con cháu, nếu không có con cháu thì hệ lụy đến thân. Một đàng mang nặng tính chất mê tin thần quyền, còn một đàng thì cực kì văn minh khoa học, không thể đem so sánh được. Vì thế mà tả đạo bàng môn phải được huân tập hoài hoài, nếu thiếu huân tập thì sẽ có ngày không còn linh nghiệm.

Hỏi: Tinh thần Chúc do của Trung Hoa với tinh thần huyền bí của Ấn Độ có giống nhau không?

Đáp: Tinh thần huyền bí của Ấn Độ mang nặng một màu sắc mê tin của tôn giáo tín ngưỡng, do sự huân tập lâu đời với lòng mê tin mà ra; nên tuy đối với tả đạo bàng môn của Trung Hoa trên sắc thái có khác đi chút ít, nhưng kỳ thực vẫn là tả đạo bàng môn. Cho nên nhà Phật gọi là thần thông ngoại đạo. Vì thế mà trước khi Phật giáo ra đời, chỉ có Bà-la-môn là được trọng dụng nhất.

Hỏi: Tinh thần Chúc do của Trung Hoa với tinh thần Mật tông của nhà Phật có giống nhau không?

Đáp: Cùng phát minh tận nguồn tâm linh bổn tánh thì cả hai đều giống nhau. Nhưng đến khi lập pháp vào đời, thì Mật tông của nhà Phật cũng như pháp dược, bên ngoài có một sắc thái nền nếp tôn giáo tín ngưỡng hơn; còn phép Chúc do nhìn bên ngoài hao hao có tướng tả đạo bàng môn hơn, vì lẽ nó không có một nền nếp nào.

Hỏi: Tinh thần phát minh bổn tánh của tổ Chúc do với tinh thần phát minh bổn tánh của nhà Phật có khác nhau không?

Đáp: Rất có khác. Vì sao thế? – Vì lẽ Tổ Chúc do ra đời tận thời thượng cổ của Trung Hoa, tức là thời thượng ngươn của Đông phương, nên việc phát minh tâm tánh có tánh cách như một người đi trên dòng sông gió yên sóng lặng thuận dòng thuyền trôi, mà nhận ra mặt nước phẳng bằng. Còn nhà Phật ra đời gặp hồi dòng đời xuống dốc, nhờ sức vật lộn với sóng vỗ ba đào mà nhận ra được đặc tánh của nước. Cả hai tuy kết quả như nhau, nhưng tinh thần trỗi dậy bên trong rất là có khác.

Hỏi: Những ngôi chùa cổ có quan hệ gì đến tinh thần Chúc do không?

Đáp: Nếu là hệ thống Phật giáo Trung Hoa thì rất có quan hệ. Vì sao thế? Vì khi Phật giáo đại thừa du nhập vào cõi Trung Hoa, rồi truyền sang Nhật Bản, Việt Nam, mỗi một vị Tổ khi nhận ra được thâm nghĩa: "Vạn pháp vốn bình đẳng không có cao thấp, trong lớn có nhỏ, trong nhỏ có lớn, trong một có nhiều, trong nhiều có một", y cứ vào đó tùy duyên phương tiện mà mỗi vị đều có một tinh thần kiến trúc các ngôi đền chùa khác nhau, nhưng không ngoài nghĩa: Vừa để tiêu biểu cho guồng máy tâm thức của một con người, cũng vừa để tiêu biểu cho một thân. Vì thế mà các ngôi chùa cổ có sắc thái tựa tựa Mật tông, đó là do tinh thần Phật giáo với tinh thần Chúc do của Đạo học Trung Hoa pha trộn mà ra. Nên có nhiều người bệnh chỉ vào chùa lễ, rồi tự nhiên bệnh khỏi.

Hỏi: Đại khái một ngôi chùa cổ đúng nghĩa phải như thế nào?

Đáp: Nhìn vào một ngôi chùa cổ trước nhất ta thấy gì? Ta thấy có những ngôi tháp nhiều tầng cao vọi, tùy theo ý nghĩa của người sáng lập mà số tầng khác nhau, nhưng ngoài ra "tầng" còn có nghĩa là trùng trùng vô tận (như nghĩa vũ trụ trương nở của khoa học), có nghĩa là trí huệ cao siêu do sự hòa đồng giữa tâm và trí.

Vào cửa tam quan, bước vào sân chùa ta thấy ngôi chùa đặt giữa một khuôn viên hình chữ nhật xung quanh có nhiều cổ thọ với một thế địa lý, bốn góc có bốn ngôi miếu gọi là miếu thờ Tứ thiên vương. Chữ "Tứ thiên vương" ở đây có hàm ý nghĩa tứ đại (là bốn công năng đất nước gió lửa), mà cũng hàm ý nghĩa tác dụng thần kinh ý thức của tay chân và tác dụng ý thức của phương hướng. Ngay trước cửa ngoài sân nhìn vào, lại một ngôi miếu cửa quay vào chánh điện thờ một tướng như hung thần đầu có sừng, mặt đen lưỡi le, mặc quân phục tay cầm cờ mà người ta thường gọi là Tiêu diện đại sĩ. Có huyền thoại cho rằng vị này là hóa thân Quan thế Âm thị hiện để quản lãnh các loại cô hồn. Nhưng trong sâu kín còn có nghĩa là tác dụng thống nhiếp hết các vọng niệm tản mác trong con người. Bước vào chánh điện, sát vách ngoài trông vào là một tượng cốt võ quan mặc quân phục thời cổ, lưng đeo giản, tay chấp, nhìn vào tượng Phật. Có huyền thoại là một tướng trời tên Vi Đà phát nguyện làm Hộ pháp, mà là hóa thân của một Bồ tát. Vừa để tiêu biểu cho khi một con người được quay trở vào là tất cả nguồn năng lực đều

chầu về, vừa để tiêu biểu cho sức bảo vệ vốn có sẵn trong ta. Hai bên tượng hộ pháp, bên trái một tượng hung thần, bên phải một tượng thiện thần mà người ta thường gọi là ông Thiện ông Ác, cốt để tiêu biểu cho sự phản ứng của hai dòng nhân quả thiện và ác, để thúc đẩy ta tiến lên. Ngay chánh điện, chính giữa là cốt một vị Phật (tùy theo tông) mí mắt luôn luôn buông xả để tiêu biểu cho tinh thần hướng nội, hai bên có hai vị Bồ Tát theo hầu. Thí dụ tông Tịnh độ, chính giữa là Phật A-Di-Đà là để tiêu biểu cho bổn tánh linh diệu hằng sáng hằng còn, tức là quang mà cũng là Đạo; bên trong nhìn ra phía trái là Bồ Tát Quan Thế Âm, tiêu biểu cho sức rung động không có giai tầng, mà cũng có nghĩa là hạnh, là từ bi; bên phải là Bồ Tát Đại Thế Chí có nghĩa là năng, mà cũng có nghĩa là đức, là hỷ xả. Ba ngôi này vào trong thân còn có nghĩa là nguồn năng lực tận tự bao la mắc liền vào Tim và Thận, để kết thành thế tác dụng tâm linh. Hai bên hông trái phải của chánh điện thờ 18 cốt tượng cũng đều to lớn như người thật, mà người ta thường gọi là 18 vị La Hán, cứ mỗi ba ông là có một sắc thái gần giống như nhau tựa hồ như anh em một cha một mẹ. Cả hai bên đều quay mặt vào cốt Phật, mỗi vị đều có một cử chỉ khác nhau, là để tiêu biểu cho khi một người đã quay trở vào thì vọng niệm do tai, mắt, miệng, mũi, thân, ý rong ruổi theo sáu trần để nảy sanh sáu cõi ý thức xâu xé cả đời người, giờ đây đều quay trở vào thành năng lực hồi phục. Từ tượng hộ pháp vào đến bàn Phật chia ba phần: bên trong hai phần, bên ngoài một phần. Tại ranh giới đó có một bàn thờ Phật Di Lặc quay mặt trở ra, tướng tá mập chì bì gần giống đàn bà, có sáu đứa trẻ bò chung quanh: đứa móc mũi, đứa móc miệng… để tượng trưng cho sự rắc rối của sáu giác quan. Có một huyền thoại rằng vị Phật này hiện giờ còn là Bồ Tát đang ở cung trời Đâu Suất, sau này sẽ giáng phàm làm Phật độ sanh. Đây là vừa tiêu biểu cho một tinh thần tìm đạo bằng cách hướng ngoại của bộ óc tích tập ở cung Nê Hoàn đến bao giờ quay trở về với con tim, để cho tim và óc, tâm và trí được hòa đồng thì mới có cơ giải thoát; mà cũng vừa tiêu biểu cho một cuộc sống xuống dốc hết mức của loài người thuộc về đời hạ ngươn tức là mạt pháp, rồi từ đó toàn thể loài người mới bắt đầu tỉnh ngộ để trở về với tâm, hầu bước sang qua giai đoạn thượng ngươn sau mà nhà Phật gọi là kiếp tăng (bởi vì đời sống của địa cầu phải trải qua bao nhiêu lần lên dốc xuống dốc, rồi mới tan hoại). Trước bàn Phật có một cấp thấp xuống để bày kinh kệ chuông mõ; đây là tượng trưng cho pháp. Sân trống ở giữa để hành lễ, là nghĩa tăng trong tinh thần của đoàn người hướng nội.

Sự thật ngôi Phật ở giữa, nói Phật gì Phật gì ấy đều có một ý nghĩa tiêu biểu. Nhưng thực ra trong tinh thần người sáng lập, thì ngôi đó chính

là ngôi bản thân bản tâm của mỗi người. Mà Phật gì Phật gì ấy, tức là một hệ thống của một con đường hướng nội để trở về tâm, mà người ta thường gọi là tông. Nghĩa là một ý nghĩa của một đường hướng quay trở về với mình.

Phía sau vách bàn thờ Phật, chỗ quay mặt xuống nhà Tổ, là bàn thờ Tổ mà người Việt Nam và người Tàu thường thờ Tổ Đạt Ma. Nơi đây có một ý nghĩa vừa là vị nối tiếp Phật để mà soi sáng cho chúng sanh, lại cũng vừa là tiêu biểu cho một sức hộ niệm nối tiếp. Mà cũng là nơi chiêm ngưỡng cho tất cả các vị Tổ nối tiếp sau Phật Thích Ca, cũng như nhà Nho thờ tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai sơ.

Trước mặt bàn Tổ trông xuống chùa dưới là một sân vuông nhỏ, hai bên có hai dãy hành lang liên lạc từ chùa dưới lên chùa trên. Xuống khỏi dãy hành lang, chính giữa có một bàn thờ một tượng cốt Phật đàn bà có 18 tay, mỗi tay cầm một khí giới mà người ta thường gọi là Phật Chuẩn Đề. Cũng có một huyền thoại. Nhưng đây là tiêu biểu tác dụng bảo vệ của phần thần kinh âm, mà cũng là tác dụng bảo vệ phần âm của tâm thức.

Phía sau bàn Chuẩn Đề là quá đường thọ trai, hai bên là hai dãy bàn dài có nhiều ghế để hội họp. Tận cùng hai dãy bàn là hai bức vách, trước hai bức vách là hai bàn thờ vong để các vị Phật tử quá cố được đem vào chùa. Còn tăng phòng nếu đặt phía sau không hết, thì chen vào hai bên hông bàn Tổ. (Xem hình 13.5)

HÌNH 13.5: ĐỒ BIỂU NGÔI CHÙA CỔ

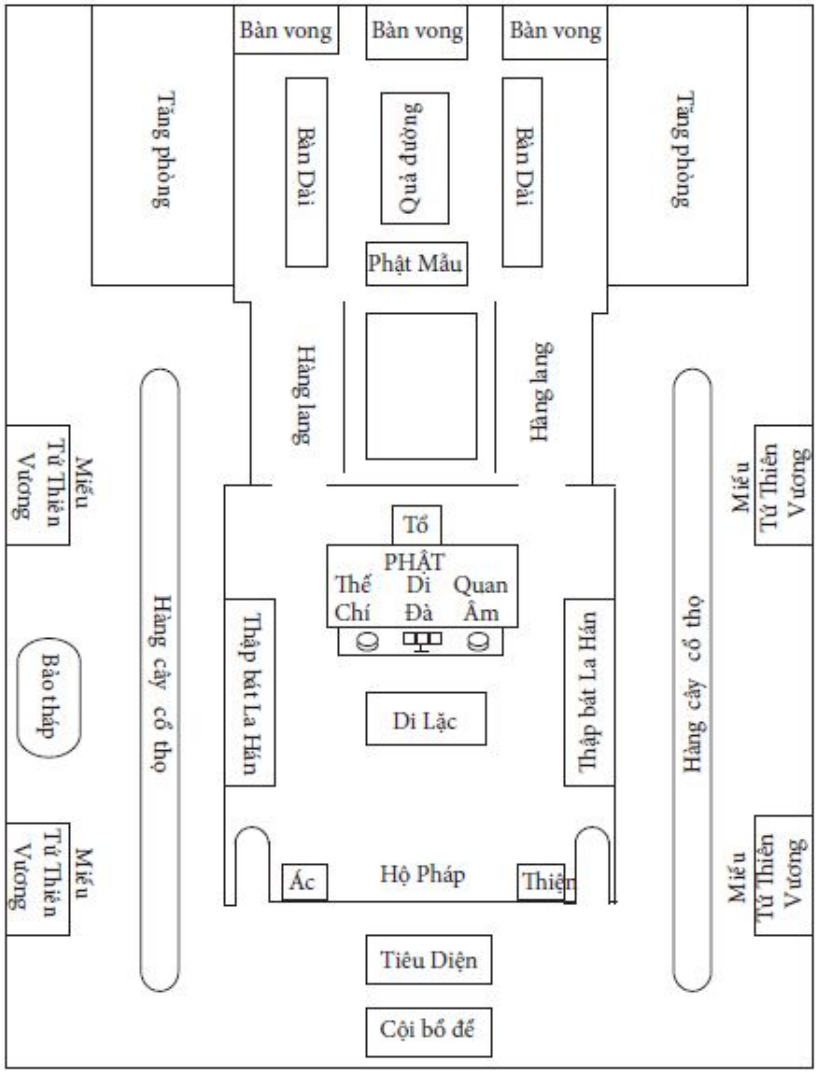

Nhắc lại, toàn cả ngôi chùa được đặt trên một địa thế cao ráo, có nhiều cổ thọ um tùm; còn các ngôi tháp cũng thường chen khuất vào trong lùm cổ thọ.

Mái chùa vừa lài vừa cong, cũng để vừa nói lên một thân tứ đại ngũ uẩn được quay trở vào, cũng vừa để nói lên sự vững vàng che chở của hiện tượng hoàn vũ. Bốn góc mái có hình rồng giỡn, trên nóc có hình

lưỡng long tranh châu, cột chánh điện có hình rồng đanh, vừa để nói lên tác dụng hệ thống thần kinh, vừa để nói lên tất cả sự vận hành của pháp tướng. Hai bên vách chùa sau thường có vẽ hình tượng Thập Điện Minh Vương ở cõi địa phủ, là để nói lên tác dụng phản tác dụng của phần ý thức nặng nề trong phần hệ thần kinh bên dưới.

Trong chùa có trống sấm, cách đánh cũng như tiếng kêu có tác dụng khoả bằng những vọng tưởng điên đảo bất tề suốt ba cõi, cho tinh thần trở nên phấn chấn. Có hồng chung miệng úp trở xuống, vừa để nói lên âm thanh từ tạng Phổi truyền đạt khắp châu thân, vừa để tiêu biểu cho luồng chấn động tác dụng xuống tận cùng cõi âm để nâng đỡ các loạn tưởng điên cuồng, các chúng sanh tận cùng cõi dưới. Có chuông gia trì miệng trở lên, vừa để nói lên tác dụng rung chuyển hệ thần kinh trong thân xuống tột bực bên dưới thì lại dội bốc trở lên, vừa để tiêu biểu cho tổ chức âm thanh rung chuyển suốt lên đến thượng từng ba cõi để độ rỗi các chúng sanh bên trên. Còn mõ gia trì thường sơn đỏ, tiếng ấm, để tiêu biểu cho trái Tim, vừa là tổ chức âm thanh để ảnh hưởng thẳng vào cõi người. Rõ thật đúng như câu:

"Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm,

Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa."

Trước sân chùa, ngay chính giữa hoặc hai bên hông chùa thường đào ao trồng sen, tiêu biểu cho từ trong mê lầm tâm hướng thượng vượt khỏi bùn lầy, nhân quả hiện ra một lúc. Cũng có một đôi nơi có thờ tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế quy y với Phật, để nói lên khi một con người hướng nội, thì tất cả những năng lực có giai tầng của tất cả cơ cấu ý thức đều trở về với năng lực viên quang hồi tụ không có giai tầng của bổn tánh linh diệu nhiệm mầu để hòa đồng như một.

Phép thắp nến đỏ, nến vàng vừa để tỏ lòng tôn kính, vừa để nói lên ý nghĩa soi sáng hòa đồng tự trong con tim. Còn phép thắp hương là để nói lên sự áp dụng mùi hương đưa tâm hướng thiện xông ra khắp ba cõi thấu đến bao la.

Thế là toàn cả ngôi chùa là một hiện tượng, vừa là một ngôi hoàn vũ thu hẹp lại vừa là sự trải mở thân tâm, và tất cả đều quy về một tinh

thần hướng nội. Nhờ tinh thần hướng nội, mà toàn cả năng lực tận tự bao la đều được chầu về bảo vệ tròn đầy. Thế là ngôi chùa tức là một bộ kinh không chữ, là thân tâm của một con người khi trở vào, là một mật ngữ, chớ không phải là nơi chỉ để sùng bái tín ngưỡng suông. Do đó mà vào chùa lễ Phật đúng hơn là trở vào với chính con người của mình, và không còn xem thường bổn tánh linh diệu nhiệm mầu nữa. Thế là lễ Phật tức là lễ mình và để nhắc lên rằng chính mình là Phật, hãy đừng quên. Vì thế mà một vị Tổ có chứng ngộ hẳn hòi, khi sáng lập một ngôi chùa thì ngôi chùa đó trong siêu hình có nhiều tác dụng đặc biệt. Thí dụ một người thác loạn thần kinh vào chùa, bị ảnh hưởng không khí sắc, thinh, hương vị, xúc, pháp của một ngôi chùa, mà tự nhiên tác dụng thần kinh được trở về với trật tự. Hoặc những đứa trẻ thường hay bệnh hoạn đến chùa gặp một vị Tổ, có khi chỉ một cái xoa đầu, là khi về đứa bé được tự nhiên lần mạnh khoẻ. Vì thế mà một ngôi chùa cổ rất có quan hệ đến tinh thần Chúc do, cũng như tinh thần của một dân tộc.

Hỏi: Tả đạo bàng môn tại sao di hại cho con cháu cũng như cho chính mình? Vậy Chúc do có di hại cho con cháu không?

Đáp: Đành rằng bổn tánh linh diệu nhiệm mầu vốn không dơ không sạch, không bớt không thêm; nhưng khi duyên đã khởi, đã huân tập nhóm chứa, tự nhiên phải có thời gian của nó. Vốn đã huân tập nhóm chứa mà lại chưa biết gì hết về bổn tánh linh diệu nhiệm mầu, cứ theo đà vọng tưởng hướng ngoại, lẽ tất nhiên càng ngày càng tạo thêm mâu thuẫn trong cõi siêu hình, vọng tưởng đóng khối, hết hồi thuận theo thì phải đến hồi xung khắc, giống hệt như mẹ với con ruột thịt trong cõi thế gian này. Và tùy theo dòng huyết thống liên hệ, nên có hiện tượng di hại đến cháu con.

Có ai ngờ, một thầy tà đạo bàng môn luyện hai cái sọ người thành thiên linh cái để chữa bệnh, ban đầu chữa bệnh rất hiển linh. Sau cùng ông đi vắng, ở nhà người con gái tự nhiên tắt thở. Ông chạy về kịp, cho hai đầu lâu vào cối giã gạo, miệng đọc thần chú tay quết nhừ, con ông bỗng dưng lăn ra van xin tha tội, rồi ông mang gói xương đầu lâu ra tận giữa dòng sông mà đổ, con ông mới lay tỉnh. Thế mà gia đình ấy cuối cùng tan nát.

Lại một trường hợp cha là phù thủy tả đạo bàng môn không có con trai lớn, trong nhà thờ hai hình tượng người nữ, thường ngày huân tập.

Khi trở về già, xảy ra nhiều hiện tượng làm xáo trộn tinh thần bà vợ ông, làm cho vợ chồng không yên. Và kế đó, vì không có con trai kế tiếp, nên người con gái tự nhiên bỗng nổi lên nhức đầu, rồi mất ngủ. Khi vừa mơ màng liền thấy binh lính tàu bè về gọi đi đánh giặc, không chịu đi liền thấy một hiện tượng như một quả dừa rơi ngay trán, hoảng hốt tránh né, đầu lệch ra khỏi gối là bị thức giấc. Rồi tiếp theo nhức đầu, đến hai mắt mù hẳn, nằm một chỗ chồng phải đút cơm, cơ thể càng ngày càng nhỏ lại, đến nay vẫn còn. Đến đời cháu ngoại của ông cũng làm giống như ông mới yên được. Nhưng trong gia đình vẫn phải loạn luân tan tác, không còn ra sao cả.

Lại một trường hợp nữa, đời ông là thầy tả đạo bàng môn, đến đời cháu trong thân tộc khi có đau ốm không rước thầy tả đạo bàng môn là không khỏi bất cứ là nhẹ nặng. Rốt rồi trong họ cũng phải có người làm theo.

Và hết thảy dòng họ những gia đình tả đạo bàng môn lòng dạ thật rất là tráo trở.

Còn Chúc do thì khác, vì là phát minh bổn tánh theo đường lối Dịch học mà năng lực tự nhiên trở lại tròn đầy. Dù có buổi đầu khởi từ huân tập, nhưng sau khi phát minh được bổn tánh rồi, thì huân tập cũng được, giải tán cũng được; đó là riêng phần của Tổ sư. Nhưng nếu có con, có cháu, vì lẽ con cháu không thể có một trình độ tương đương, nên những việc làm có những ấn tượng lạ, con cháu không thể hiểu được, nên rốt rồi cũng bị phản ứng tâm linh. Cho nên một vị Tổ Chúc do cũng phải như một vị Tổ Mật tông của nhà Phật, nghĩa là một cuộc sống độc thân và ngộ Đạo.

Hỏi: Làm sao biết chắc phép Chúc do có ứng nghiệm xác thực?

Đáp: Nếu nói cho hết thì cùng kiếp cũng không rồi, nhưng nếu ai có tiếp xúc trực tiếp là tức khắc thấy.

Sau đây xin lược kể ít bằng cớ:

Một cuộc thông dâm của đôi trai gái sinh viên, lỡ có thai bốn tháng,

lén phá thai. Vì là thai nữ, khi vào thai bị một sức hút vào để thọ hưởng ân tình của một trung ấm thân. Giờ đây bị phá, sức huân tập hãy còn, biến thành một hiện tượng mà người đời gọi là thành quỉ, hằng đêm về ngủ với cậu trai. Về phần cô gái đã đi xa, lấy chồng khác. Khi nào cậu trai muốn lấy vợ, thì lại bị hiện tượng ấy hằng đêm hiện về ám ảnh, làm cho hao tổn tinh lực nhiều quá trở nên chán nản. Theo đó không biết diễn ra bao nhiêu chuyện… Chạy chữa khắp thầy thuốc, rước khắp phù thủy tả đạo bàng môn, rốt rồi cũng không làm sao được cả. Mỗi khi động đến, là tức khắc vào xác lên đồng, tự xưng là chúa quỉ. Hỏi tên họ nó bảo không có tên họ (vì lẽ khi vào thai nó bị quên hẳn giai đoạn tiền kiếp). Chẳng ai biết tự sự làm sao cả. Sau gặp một vị hòa thượng biết rõ, đặt tên cho nó. Nó thích tên, nên từ đó về sau nó bị điều khiển. Và người con trai ấy được khuyến tu, thì hiện tượng đó cũng êm đi.

Một người đàn bà trẻ tuổi, trong thân tộc có người uống thuốc độc tự tử. Vì đàn bà tánh lệch về tình cảm, lại ở chỗ ẩm thấp, nên hiện tượng oan hồn hàng đêm cứ hiện về quấy nhiễu. Đến một vị hòa thượng biết phép Chúc do, cho vào lễ Phật và thuyết pháp cho nghe. Thế rồi oan hồn nhập xác lên đồng khóc lóc xin thuốc giải thuốc độc. Vị hòa thượng dùng nước lã chú tâm đưa cho uống và bảo: "Đó là thuốc giải, uống vào để ói hết thuốc độc ra". Người ấy bưng nước uống, tức thì ói mửa dữ dội. Giây lát oan hồn ấy bình tĩnh lại, nhà sư thuyết pháp cho nghe, rồi được giải tán, bệnh khỏi.

Cũng một người đàn bà, có người em trai ghiền thuốc điếu bị bệnh đau ruột dư không thuốc chữa kịp nên chết. Vì lòng đắm nhiễm thương chị quá, nên hồn oan cứ hiện về nhập vào người chị làm xáo trộn cả gia đình. Sau nhờ một vị hòa thượng vừa biết Y khoa vừa thông Chúc do. Trong khi lên đồng khóc lóc xin thuốc, mạch cổ tay của người chị hoàn toàn là mạch đau ruột dư, chiếu theo mạch nhà sư viết một cái toa thuốc không có chữ, tập trung thành một thang thuốc tư tưởng cho vào trong nước, cho bệnh nhân uống, rồi khỏi và được giải tán.

Một người đàn ông tuổi độ 50 vì quá tham dâm mà bà vợ thường tránh né. Lửa dục xông lên làm ho ra máu, đau Phổi. Tây y Đông y đều không chữa được. Đến một vị hòa thượng biết phép Chúc do, dùng giấy vàng cắt thành từng sợi ngang độ một phân, rồi dùng son viết từng câu "Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát" theo chiều dài và dặn: "Hãy phân đều ngày đêm sáu lần, mỗi lần ngắt một câu, ra trước bàn Phật, tay đốt miệng

đọc đúng y theo câu đó 12 lượt, rồi bỏ vào tách chế vào chút nước sôi đã nguội, lược lấy nước mà uống, trong khi thực hành phải để hết tâm tin tưởng". Người bệnh đúng y theo đó mà làm, qua hai tuần lễ bắt đầu thấy bệnh đỡ và lên cân. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nhờ trụ tâm lại, vọng niệm đỡ hoành hành, lửa dục bớt xung khắc lên Phổi.

Một trường hợp khác, một người vì tánh tình nóng quá, giận dỗi thúc bách, tạng Tim to ra, đến gần chết. Chở đến một vị hòa thượng có biết thuốc, chỉ cho biết đó là hậu quả của tánh nóng, bề nào cũng chết, nếu nỗ lực niệm Phật A-Di-Đà quên dứt mọi việc trái chướng rồi uống thuốc thì may ra qua được. Người bệnh nghe thế vâng làm, nhờ đó bệnh lần thuyên giảm cho đến lành mạnh, sống thêm mười mấy tuổi nữa, hiện nay vẫn còn. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là áp dụng phép đổi giai tầng rung động cũng như năng lực, mà người bệnh khỏi.

Một trường hợp khác: một người đàn bà bị hiện tượng ma quỷ ám ảnh do cơ thể và chỗ lệch ở phần âm, đến xin một vị hòa thượng chữa trị. Hòa thượng gọi vào chánh điện lễ Phật, bảo quỳ ở giữa quay mặt vào tượng Phật, nhắm mắt tưởng Phật để hòa thượng làm phép. Đợi bệnh nhân đến giai đoạn mỏi, hòa thượng bèn ngầm rót một miếng nước lã vào lòng bàn tay, tập trung tinh thần chụp vào đỉnh đầu người bệnh, hét lên một tiếng. Người bệnh giật nẩy người rồi khỏi bệnh.

Lại một người học phép tả đạo bàng môn luyện một cây chuối cho thành một người nữ để áp dụng chữa bệnh. Đến giai đoạn gần kết quả, bóng người nữ thoáng hiện về, kế đó bỗng ông thầy qua đời, anh ta không biết làm sao nữa. Rồi anh ta có vợ, từ ấy về sau bóng ấy thỉnh thoảng hiện về làm đủ cách cho gia đình xáo trộn không yên, đến đỗi anh ta đánh chết vợ. Từ đó về sau tinh thần anh ta càng ngày càng lụn bại, nghèo khổ trôi nổi, đau ốm liên miên, hai bên khoé miệng có hai lằn nám như hai con rắn chực chui vào hang. Khổ sở quá, anh đến một vị hòa thượng khám biết, hỏi phanh ra tự sự. Bèn chỉ cho phép trai giới, lễ tượng Quan Thế Âm, hàng ngày trì tụng một môn thần chú Quan Âm linh cảm. Làm đúng như thế đủ 100 ngày là khỏi. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là dùng Chúc do để phá tai hại của tả đạo bàng môn vậy.

Đấy, ứng nghiệm của phép Chúc do là thế; nhưng ta hãy đừng lầm với tả đạo bàng môn.

Nếu ai chưa biết chắc rằng: Mình đã tỏ ngộ tận nguồn tâm tánh, thì cũng chớ nên tham đắm những chuyện lạ kỳ để rồi phải bị âm ma hướng dẫn lạc lối vào tả đạo bàng môn, đến chết không có lối thoát. Phải biết! Phải biết!

THIÊN THỨ 13

- HẾT -

Con mắt của kẻ trộm đạo chỉ nhìn tới cái có. Lòng dạ của kẻ có chỉ dớn dác lo âu. Chỉ có kẻ có và kẻ trộm mới lúc nào cũng chú ý ở chỗ có, lúc nào cũng dớn dác lo âu.

Nếu lòng dạ tôi lúc nào cũng nhìn ở chỗ có, cũng sợ hãi lo âu. Thế là lòng dạ tôi là lòng dạ của kẻ có và kẻ trộm đạo thì làm sao tôi đọc được NỘI KINH.

C.N

Thiên 14
THANG DỊCH LIÊU LỄ LUẬN

LỜI MỞ ĐẦU

Thiên này tinh thần vẫn nối tiếp thiên trên bên trong vẫn ẩn một ý nghĩa Đạo và thời gian tâm lý. Đoạn lạc tuy không đảo lộn, nhưng trong từng câu vẫn bị có mất mát nhiều chữ, do đó nơi phần phiên âm chỗ nào nhận thấy có sự mất mát làm cho câu văn trở nên tối ý, thì chúng tôi trực tiếp chen vào những chữ viết trong ngoặc để cho được sáng nghĩa. Nên có mấy câu mở đầu để độc giả ý thức.

Định nghĩa tên thiên

"Thang dịch" nghĩa là chất nước đậm đặc, nhưng ở đây còn có nghĩa để gọi chung cho tất cả những thứ thuốc nước bào chế sẵn của người xưa, cũng như thuốc cao thuốc nước của người bây giờ. "Liêu lễ" là một danh từ, để gọi chung cho tất cả những thứ nước có chất rượu của người xưa.

Thiên này gọi là "Thang Dịch Liêu Lễ Luận", vì trong đó có đề

cập đến hai danh từ này. Nhưng kỳ thực chỉ mượn mấy chữ ấy để đặt tên thiên, còn tinh thần thì vẫn hoàn toàn nối tiếp với thiên trước, nên không hàm ẩn một ý nghĩa gì đặc biệt.

LỜI BÌNH MỞ ĐẦU

Nếu trước đây năm sáu ngàn năm mà loài người đã từng biết bào chế ra những thứ thuốc cao, thuốc nước, thuốc rượu ngọt… để lâu không hư, thì môn hóa học bào chế các dược phẩm, các thuốc nước để lâu không hư của con người ngày nay vị tất đã là mới mẻ! Và như thế đủ biết dòng đời không chỉ là một cây thang lên dốc mãi mãi, mà là những lượn sóng có nhiều đợt thăng trầm. Nếu dùng con mắt này mà nhìn tất cả mọi khía cạnh diễn tiến của loài người, biết đâu ta sẽ không khám phá được rất nhiều sự thật?!

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: (Dụng) ngũ cốc (dĩ vi) thang dịch cập liêu lễ nại hà?

Kỳ Bá đối viết: Tất dĩ đạo mễ, xuy chi đạo tân. Đạo mễ giã hoàn, đạo tân giã kiên.

Đế viết: Hà dĩ nhiên?

Kỳ Bá viết: Thử đắc thiên địa chi hòa, cao hạ chi nghi, cố năng chí hoàn. Phạt thủ đắc thời, cố năng chí kiên dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Dùng các loại ngũ cốc để chế ra các thứ thuốc nước, thuốc rượu ngọt ra sao?

Kỳ Bá thưa: Phải dùng loại gạo lúa mùa[(1)] và nấu bằng

củi rạ của nó. Loại gạo lúa mùa được đầy đủ chất bổ, rạ nó lại cứng.

Huỳnh Đế hỏi: Vì sao thế?

Kỳ Bá thưa: Vì nó thọ bẩm được khí trung hòa của trời đất thuộc về loại lúa chịu đất lòng ống (không cao không thấp) nên thọ bẩm rất đầy đủ. Gặt hái đúng lúc, nên rạ nó rất cứng.

GIẢI

Mở đầu nhà Vua muốn hỏi về cách chế thuốc nước, thuốc rượu. Tùy thuận câu hỏi luận giả vừa đáp lại ý của nhà Vua lại cũng vừa chuẩn bị một tinh thần để hướng dẫn nhà Vua cho đừng lạc hướng y đạo.

Chữ "lúa mùa" ở đây không phải chỉ hẳn cho lúa hay nếp, mà ý muốn nói: hoặc lúa hoặc nếp cũng đều có loại lúa mùa, đều tùy theo chỗ cần dùng. Thí dụ như: Miền Nam Việt Nam có giống lúa Đốc Phụng và nếp Ruồi, đều là giống lúa mùa.

Rạ lúa tức là thân cây lúa. Dùng thân cây lúa làm củi để nấu gạo lúa mà làm thuốc, dù trong trường hợp thiếu củi tất cũng có ngụ ý gì. Điều này ai ai cũng có khả năng suy ngẫm. Người xưa có câu "Giết gà không nên dùng dao mổ trâu". Không biết có liên quan gì đến ý này hay không? Mời độc giả chiêm nghiệm.

Nhà Vua hỏi: Dùng các loại ngũ cốc để bào chế ra cách thứ thuốc nước, thuốc rượu ra sao? Luận giả đưa ra vấn đề là phải dùng các loại lúa mùa vì lúa mùa chỉ phù hợp với thổ nghi không gò không trũng, thọ bẩm được khí trung hòa của trời đất, chất bổ được trọn vẹn.

Nghĩa "trung hòa" ở đây, nếu nói theo khí hậu tức là khí hòa của Trung ương thấp thổ, âm dương giao hòa, phải có đủ điều kiện như thế mới có đủ khả năng sung bổ sanh sôi.

BÌNH

Có người than với tôi: Nghe nói NỘI KINH là sách Đạo, sao càng đọc càng gặp toàn là chuyên môn? Trời ơi! Nói như thế chẳng khác nào người ta bảo với tôi rằng: ông nói trong đá có lửa, trong cơm có nhiều đường mà sao chúng tôi tìm mãi cũng không thấy đường và lửa ở đâu, chỉ trông thấy thuần là bột và đá cục?

Đành rằng trong một bữa ăn đâu có ăn được cả bàn ghế, chén bát, muỗng đũa, mâm xoong, thế mà bữa nào cũng phải bầy la liệt đủ thứ! Đâu có một bữa ăn nào mà thức ăn đổ xả láng vào mâm, rồi lấy tay bụm cho vào mồm nuốt tuốt không nhai mà được!

Chúng ta có bao giờ thử nghĩ: Một đàng giáo dục cho trở nên một con người có đầy đủ khả năng đảm đang phát minh sáng tác, với một đàng chỉ lưu lại sự nghiệp tinh hoa để rồi con cháu đời sau ngồi dưng thọ hưởng mà trở thành một đời biếng nhác. Như thế đàng nào hơn?!

Có hai cách ăn: Một cách là chậm rãi nhai kỹ để thưởng thức tận cùng hương vị của thức ăn, hai là làm sẵn thành một thứ hồ tinh hoa chỉ ực nuốt tuốt vào bụng không cần biết hương vị nó ra sao. Vậy ta chọn cách ăn nào. Thế mới biết: đây chỉ cho lúa, chớ không cho cơm cho cháo. Cho thức ăn để phải nhai ăn, chớ không cho cái nhai sẵn rồi sún cho nuốt.

Chỉ có cái không là gì mới có thể biến hóa ra tất cả cái có là gì. Chỉ có cái không là gì mới vào được tất cả mọi chỗ. Chỉ có cái không là gì mới có khả năng nảy sanh ra đức tính trung hòa. Nếu nhờ ở cái không là gì trong bẩm tánh trung hòa, mà giống lúa mùa được ghi vào hàng thượng phẩm trong thực vật, thế thì vị Nhân Sâm nhờ bẩm tính trung hòa hàm chứa đủ cái không là gì, mà được ghi vào thượng phẩm trong dược vật là phải.

Nếu nói rất mực trung hòa thì trời đất phân ngôi, vạn vật sanh sôi; thế thì trời đất sở dĩ phân ngôi, vạn vật sở dĩ sanh sôi cũng từ cái không là gì của trung hòa mà xuất hiện. Người xưa nói: "Bao giờ có được đức tính trung hòa thì mới có khả năng tham gia giúp đỡ trời đất, để biến hóa giáo dưỡng muôn loài". Thế mới biết: "Đức tính trung hòa là nguồn cội nảy sanh ra vạn loại".

Nếu nói: "Trong tương giao phải có đạm bạc bình thường, thì nhân tình mới bền bỉ", thế là cái đạm bạc bình thường trong nhân tình cũng là một thứ không là gì của đức tính trung hòa mà ra.

Nếu nói thời thượng cổ nhờ con người còn chất phác, điềm đạm, rỗng rang mà tinh thần còn được tròn đầy mạch sống; thế thì điềm đạm, chất phác, rỗng rang cũng là một tướng trung hòa của cuộc đời thạnh thế.

Nếu trời đất lấy trung hòa làm đức hiếu sinh, dòng đời lấy trung hòa làm thạnh thế, thảo mộc nhờ trung hòa mà tác dụng được rộng sâu; thế thì cuộc sống con người thiếu đức tính trung hòa, là lỗi nhịp cùng trời đất.

Có người nói: "Rỗng rang rời rảnh động dụng đừng mê", "tâm bình thường là Đạo", "bửa củi gánh nước là diệu dụng thần thông". Nói như thế biết đâu không phải là diễn tả đức tính trung hòa trong con người thông đạt bằng một cách nói khác?!

Nhưng đức tính trung hòa làm sao có? Có thể luyện tập được không? Nếu là thứ luyện tập tức là giả vờ, mà giả vờ là điếu.

Từ cái không tối, không khuyết, không là gì nảy sinh ra vô số cái thoáng, cái tia, cái chớp, cái từng hột, từng viên, từng khối, tròn tròn, sáng sáng, lăn lăn, đủ màu, đủ sắc, đủ cỡ, mang chở đủ thứ. Thế là từ cái không là gì, đến những khối sáng cực lớn, hay những cái thoáng cực siêu, cũng không có đơn thuần mà vừa một vừa nhiều, vừa nhỏ vừa lớn, vừa hẹp vừa rộng, vừa sắc vừa không đồng thời xuất hiện, mà muôn vàn vật tượng đều chỉ là tổ hợp vô thường. Mang cái thân tổ hợp mà nhìn vật tượng tổ hợp, bằng vô số tướng tròn tròn lăn lăn; hoặc nhìn theo chiều nằm hoặc nhìn theo chiều đứng, hoặc nhìn theo chiều cao chiều sâu, chiều ngang chiều dọc, hoặc nhìn theo chiều tròn chiều dài, không đâu mà không bắt gặp cái tướng lên lên xuống xuống, tướng hai con rắn quyện nhau mà tướng này với tướng khác cách nhau bằng những hố trống.

Đã là từng hột, từng khối, từng viên, thì dẫu cho dùn lắc như dùn lắc một lít gạo chăng nữa cũng không thể có tướng mặt bằng; thế là sự đời vẫn từng khối từng cục riêng tư. Sanh già bệnh chết, sanh trụ dị diệt, thành trụ hoại không, hơn thua phải quấy, được mất thăng trầm làm sao

có trung hòa chứ?!

Các nhà khoa học bảo: "Bao giờ có cách nào đem cho khí hậu xuống đến mức cực lạnh ngoài nóng lạnh hoặc tất cả khí hậu trong vũ trụ chỗ nào cũng như chỗ nấy, lúc nào cũng y như nhau, tức là bộ mặt thật của sự đời có thể xuất hiện." Nhưng làm gì có, có là tận thế. Vậy tại sao ta phải tìm lấy bộ mặt thật của sự vật làm gì cho khó khăn?! Sao không cứ y như hồi nào tới giờ mà sống?! Thế là nhà khoa học đã đầu hàng trước khi ra trận; mà đức tính trung hòa không thể thực hiện được sao?

Tại sao Khổng Tử lập ra cái Đạo Đại học? Nếu mục đích của Đạo Đại học không phải để chỉ cho loài người trở về giáp mặt với cái không là gì chính tận đáy lòng mình, thì Đạo Đại học ấy phỏng còn có đại nữa không? Nếu không vào được cái không là gì, thì làm sao thâm nhập được vào trong tất cả mà bảo là đại?!

Tại sao Khổng Tử đã lập ra cái Đạo Đại học mà còn nói thêm cái Đạo Trung dung? Trung dung có dính dấp gì đến Đại học không? Tại sao toàn bộ Tứ Thư lại đóng chung, mà Đại học rồi mới Trung dung, mới Luận ngữ, mới Mạnh Tử? Thế thì Trung dung có dính dấp gì đến trung hòa không?

Có người giải thích tinh thần Trung dung nói: "Mở ra thì cùng khắp, thu lại thì lui chứa kín sâu". Lại nói: "Không lệch lạc là trung, hòa đồng và bình thường là dung".

Nếu cái không là gì, không tối, không khuyết là bản mạng của muôn loài cái Đạo Đại học là phép tắc để trở về với cái không là gì của bản mạng. Thế thì cái học để trở về với cái không là gì của chính mình tức là một cách nói khác của cái học kiến tánh vậy.

Nếu không là gì là nơi xuất phát ra đức tánh trung hòa. Nếu cái Đạo Đại học là nguồn cội xuất phát ra đức Trung dung. Thế thì trung dung tức là đức tánh trung hòa trong con người mà Khổng Tử gọi một cách khác, là một kết quả của một tinh thần thông đạt chớ không phải là thứ giả vờ. Nếu chưa thông đạt, thì dù động tay máy chân cũng là gây thành đổ vỡ; đã là thông đạt, thì dù tung hoành hoạt bát cũng vẫn là hợp lý chân

thường. Vì thế mà Phật bảo A Nan: "Tôi vừa bấm móng chân là toàn cả bao la rực rỡ; còn ông thì vừa móng niệm thì sụp đổ dẫy đầy".

Các ông thiền sư nói: "Một phen giác ngộ là quả đất chìm bằng". Lục Tổ bảo: "Bằng thẳng là A-Di-Đà (bình trực tức A-Di-Đà)". Hãy coi chừng hai chữ "bằng thẳng" vừa là huyệt sống mà cũng vừa là huyệt chết! Vậy thế nào là "bằng thẳng"? Cái nghĩa "Trung hòa", "Trung dung" với "chìm bằng", "bằng thẳng" có quan hệ gì nhau không?

Có người nói: "Ông Phật mới là chân lý", thế là chân lý của bọn đó là thứ từ cục từ cục để riêng.

Nếu phóng vọt ra ngoài mà săn đuổi là có trong có ngoài, là không thể không hố cách. Thế là một phen quay trở vào tận cái không là gì của tâm linh để khám phá điều chỉnh chính con người của mình trước, tức là đã thủ tiêu ranh giới, là nhập vào cái Đạo Đại học, là mở lối thông đạt, là thực hiện bổn tánh, là mở cửa cho đức trung hòa, trung dung phát lộ, là quả đất chìm bằng, là bằng thẳng tức A-Di-Đà, là vừa tròn vừa từng hột, vừa đường thẳng vừa mặt bằng, vừa lượn sóng vừa hai con rắn quấn, mà cũng là vừa không là gì đồng thời xuất hiện. Như thế há không xứng đáng để tham gia giúp đỡ cơ hóa dục của trời đất sao? Thế là cùng cực cái nghĩa trung hòa vậy.

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

(Huỳnh) Đế (vấn) viết: Thượng cổ thánh nhân tác thang dịch liêu lễ, vi nhi bất dụng hà dã?

Kỳ Bá viết: Tự cổ thánh nhân chi tác thang dịch liêu lễ giả, dĩ vi bị nhĩ, cố vi nhi phất phục dã.

(Đế viết: Trung cổ hà như?)

(Kỳ Bá viết): Trung cổ chi thế, đạo giả sảo suy, tà khí

thời chí, phục chi vạn toàn.

Đế viết: Kim chi thế, (phục diệc) bất tất dĩ, hà dã?

Kỳ Bá viết: Đương kim chi thế, tất tề đọc dược công kỳ nội, biếm thạch châm ngại trị kỳ ngoại dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Thánh nhân thời thượng cổ thường chế ra các thứ thuốc nước, thuốc rượu mà ít hay dùng đến là tại sao?

Kỳ Bá thưa: Từ ngàn xưa thánh nhân chế ra thuốc nước, thuốc rượu, cốt chỉ để phòng bị mà thôi. Thế nên có làm ra mà ít dùng đến.

Huỳnh Đế hỏi: Đến thời Trung cổ thế nào?

Kỳ Bá thưa: Đến thời Trung cổ đạo đã lần suy, khí tà thường đến, nên phải uống vào mới được vẹn toàn.

Huỳnh Đế hỏi: Còn thời nay cũng uống như thế, sao không thấy khỏi là tại sao?

Kỳ Bá thưa: Đối với đời nay, phải đi đôi với các loại thuốc có chất độc để công phá ở trong, phép biếm phép thạch phép châm phép cứu để trị ở ngoài nữa mới được.

GIẢI

Nếu nhà Vua không từng đọc một sách nào nói về thời thượng cổ, thì làm sao có ra câu hỏi như thế?! Và làm sao có được cơ duyên để tinh thần luận giả cũng lại trở về với tinh thần Đạo?! Như thế đủ biết: đây là một lần nữa, nương nơi câu hỏi để luận giả nhắc lại vấn đề thời gian tâm lý ở tận thiên trước. Và đã nói lên một ý sâu kín là: tất cả sự đời chỉ có điều kiện tâm linh, điều kiện tinh thần là quan trọng nhất.

Đã mở miệng hỏi: tại sao hàng thông đạt thời thượng cổ biết chế ra loại thuốc nước, thuốc rượu ngọt mà lại ít dùng đến, tức là đã nói cho ta biết: từ thời thượng cổ đến đời ấy vẫn có cách nối tiếp truyền để. Nghĩa là sao? Nghĩa là đã có sách. Nhưng hình thức sách vở ra sao, lại là một chuyện khác.

Đã nói: đến thời trung cổ, Đạo lần suy, tức là nói: thời thượng cổ Đạo vốn sẵn thịnh. Đạo đã sẵn thịnh đến nỗi chế ra thuốc nước, thuốc rượu ngọt mà không cần dùng đến, lại bảo là chỉ để phòng bị. Vậy phòng bị cái gì?

Mặc dù trong thời thượng ngươn, Đạo hãy còn thịnh nhưng chắc có phải ai cũng biết Đạo hết không? – Không thể có!

Trong tất cả các thiên có đề cập đến vận khí, như ở thiên thứ 9 đã bàn về hư tà. Ý nói: trật tự vận hành của Thái dương hệ này có những hồi gặp vận năm bất cập, lại thêm trong cuộc du hành của Thái dương hệ phải qua mặt những khối hành tinh khác trúng vào thế tương khắc, làm cho con người dễ xảy ra bệnh tật mặc dù ở thời thượng ngươn. Như thế đủ biết: có một loại bệnh tật, dù trong tinh thần con người thông đạt cũng có thể xảy ra, chớ đừng nói gì đến những người chưa hiểu biết gì. Thế thì nói: chế ra chỉ để dự phòng, tức là dự phòng khí hư tà đó.

Đã cắt nghĩa về thời thượng cổ… thế tất đến trung cổ phải ra sao? Do đó mà biết được nhà Vua đang hỏi phăng tới.

Đã nói: Thời thượng cổ nhờ Đạo thịnh nên khí tà khó thâm nhập, vì thế mà thuốc chế ra chỉ để phòng bị. Thì đến đây phải là Đạo hơi suy, khí tà thường đến, nên phải thường uống thuốc là lẽ dĩ nhiên.

Nói: Đạo lần suy. Vậy tại sao suy? Suy bằng cách nào? Nếu địa cầu không to lớn hơn ra, sự vận hành không chậm lại, loài người không càng ngày càng đông đúc chen chân, thì tinh thần loài người cũng không đến phóng vọt ra ngoài. Tinh thần không đến phóng vọt ra ngoài, thì sự nghiệp trí óc chưa đến to lớn. Sự nghiệp trí óc chưa đến to lớn thì thế hòa đồng giữa tim và óc, tâm và trí cũng chưa đến mất quân bình. Tâm và trí cũng chưa đến mất quân bình, thì việc dùng trí óc chiếm đoạt quyền hạn trái tim cũng chưa xảy ra. Thế là trong chiều sâu của câu "Đạo lần suy"

bao hàm nghĩa ở phần Thái dương hệ từ khi trên mặt địa cầu có mặt loài người đến khi có mặt thầy trò ông Huỳnh Đế, thì sự vận hành của Thái dương hệ cũng đã thay biến đi nhiều rồi về phần lòng dạ con người, trong vô ý thức cũng đang đổ dốc. Mà Đạo suy tức là người suy; người suy, Đạo suy tức là bộ óc thịnh. Đến đây mới là cụ thể nghĩa Đạo lần suy. Và như vậy là bề bên kia của câu nói "Đạo lần suy", trong không lời đã tố cáo cho biết là loài người hễ vừa có mặt là bắt đầu lần lần phóng vọt ra ngoài, phần đông luôn luôn theo đà vô ý thức; và loài người rất dễ nhầm lẫn giữa hai nghĩa văn minh tiến bộ với lạc hậu thối hóa. Thế là bộ óc càng văn minh tiến bộ, là loài người càng lạc hậu dã man tính thú dẫy đầy, cuộc đời càng rơi vào dương suy âm thịnh.

Nói thời thượng cổ nhờ Đạo còn thịnh nên khí tà khó xâm nhập, vì thế mà thuốc không cần uống; còn thời trung cổ Đạo lần suy, khí tà thường đến. Vậy tự hỏi khí tà thường đến hay loài người đã tự biến chánh hóa tà? Như thế đủ biết nói "khí tà thường đến", trong đó vừa bao hàm nghĩa khí hư tà dễ xâm nhập, ngoài ra còn biến khí hậu bình thường ra thành khí tà nữa không biết chừng! Vì sao mà biết? Vì Đạo lần suy, tâm lý loài người đang đổ dốc, tinh thần đang phóng vọt ra ngoài, năng lực đang dần hao tán, làm cho áp lực khí hậu bên ngoài càng ngày càng nặng thêm, sức chống đỡ của cơ thể càng ngày càng suy kém, cơ thể con người ngày càng bở ra. Nếu không biết trở về với Đạo, không có thuốc, không thể tạm yên là phải. Bởi vậy ở thiên thứ nhất (Thượng Cổ Thiên Chơn) mới nói: "Tại sao con người thời thượng cổ sống đến trăm tuổi mà vẫn khỏe mạnh? Vì đức (năng lực) còn được trọn vẹn".

Đã nói về thời thượng cổ, trung cổ, tất không thể không đề cập đến hiện kim. Vì thế mà bắt buộc nhà Vua phải hỏi phăng tới.

Ở thời trung cổ đã nói: Vì Đạo lần suy, khí tà thường đến nên phải thường uống thuốc cho được vẹn toàn. Thế tất ngày nay đang lúc Đạo đã suy, khí tà gió độc thường đến, lẽ cố nhiên thuốc phải cần uống hơn nữa. Thế nhưng tại sao trong thực tế chứng minh cho thấy thuốc cũng vẫn uống mà bệnh vẫn không khỏi? Nên nhà Vua phải thắc mắc.

Luận giả đáp: Đến đời nay, nếu muốn công bệnh ở trong thì phải đi đôi với các loại thuốc có chất độc, muốn trị ở ngoài thì phải có phép biếm thạch châm cứu nữa mới được. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là

không thể dùng dao mổ gà để mổ trâu; bệnh một cân thuốc không thể tám lạng. Thế là luận giả muốn nói: con người ngày nay tinh thần đã bại hoại, xác thân đã ươn hèn, sức phản ứng của bản năng trực giác thiên nhiên bảo vệ đã tê dại, khí dương đã suy dần. Nếu thầy thuốc dốt nát không biết cân sức bệnh sức thuốc, thì không thể nào chữa nổi.

Nhìn vào toàn cả tinh thần đoạn này, sâu vào đến nơi không chữ ta thấy được luận giả đang lưu ý cho nhà Vua: trong vô tình, một cách rất tự nhiên, loài người luôn luôn buông trôi phóng vọt trước rồi mới ý thức sau. Và làm sao để ý thức cho loài người biết Đạo là gì, lý do nào có đạo thịnh đạo suy, để kêu gọi loài người hãy quay đầu trở lại về với con người của chính mình. Nếu trong vô ý thức tinh thần quần chúng đã thả trôi đổ dốc, thì tinh thần thầy thuốc cũng đâu có thể khác hơn. Luật thiên nhiên đào thải luôn luôn để dành cho những kẻ lười biếng buông trôi mê muội không biết gì hết về chính con người của mình. Và khi điều kiện tinh thần sụp đổ, thì toàn cả mọi phương diện trong xã hội loài người cũng đều bị sụp đổ, chớ không riêng gì về Y khoa. Hầu ý thức cho nhà Vua biết câu chuyện Đạo quan trọng đến ngần nào đối với danh nghĩa cũng như địa vị của nhà Vua, để phát động một phong trào cách mạng con người và mắc liền cùng bao nhiêu thiên trước thành một dòng suối đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông vậy.

BÌNH

Thác đời vẫn luôn luôn đổ dốc, lòng người vẫn luôn luôn tiếp tục dại dột ngây ngô. Lấy ngọn làm gốc, lấy trí óc làm trái tim, Y khoa đã thế, các ngành khác cũng thế; quần chúng đã thế, thầy thuốc cũng thế. Dùng trí óc để tạo ra muôn điều bệnh tật đau thương, rồi cũng lại dùng trí óc để tìm kiếm muôn phương chạy chữa, làm sao chắc trúng?! Thế là đời hoàn toàn sụp đổ. Không sụp đổ sao được? Không sụp đổ sao có thầy trò Huỳnh Đế hiện ra?! Hiện ra để làm gì? Phải chăng để sụp đổ thêm…?! Và từ khi có mặt thầy trò Huỳnh Đế đến nay đã ngót năm ngàn năm rồi, vậy dòng đời đã ra sao? Sóng đời đã mấy lượn? Tình đời đã đến đâu? Cuộc sống đã thế nào? Mỗi chúng ta hãy cùng nhau tận mặt vào thực tế xem thử:

Này, ta hãy thử lắng nghe một nhà văn Việt Nam thời tiền chiến viết: "Đầu đội trời, chân đạp đất, bẩm khí thiêng của núi sông, làm chúa tể cho muôn loài, con người ta quý thiệt! Nhưng, than ôi! Giá ta thử bước tránh ra ngoài vòng thế giới ngoảnh lại mà trông, thì thấy con người ta

chỉ như một đám lõa trùng nhô nhô nhúc nhúc trên đám biển tục sóng tình, sống hổ với trời, chết chôn thúi đất mà thôi vậy.

Nghe toàn những điều không nên nghe, thấy toàn những việc không đáng thấy, nói toàn những điều không nên nói, làm toàn những việc không nên làm. Thế mà phải nghe, phải thấy, phải nói, phải làm; thậm chí lấy thúi làm thơm, đổi đen ra trắng đến thế là cùng cực! Dẫu ai có chút nhân tâm thế đạo thì cũng đến nước kêu trời trời không thấu, hỏi Phật Phật không thiêng, trách người trước đã qua, tiếc người sau chưa đến". Thật rõ ràng là một bản án đời không thể chối, mà không án sao được!

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

(Huỳnh) Đế (vấn) viết: Hình tệ huyết tận, nhi công bất lập giả, hà (dã)?

Kỳ Bá (đối) viết: Thần bất sử dã.

Đế viết: Hà vị thần bất sử?

Kỳ Bá viết: Châm thạch đạo dã. Tinh thần bất tấn, chí ý bất trị, cố định bất khả dủ.

(Đế viết): Kim tinh hoại thần khứ, dinh vệ bất khả phục thâu hà dã?

(Kỳ Bá viết): Thị dục vô cùng, nhi ưu hoạn bất chỉ, tính khí thi hoại, dinh lịch vệ trừ, cố thần khứ chi.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Khi xác thân đã bại hoại, máu huyết đã hết, trị không kịp nữa là lý tại sao?

Kỳ Bá thưa: Vì tinh thần không còn sử dụng được nữa.

Huỳnh Đế hỏi: Sao gọi là tinh thần không còn sử dụng được nữa?

Kỳ Bá thưa: Phép châm thạch là phải vậy. Khi tinh thần bệnh nhân không còn vận dụng được nữa và ý chí đã loạn, sức phản ứng của cơ thể đã mất, cho nên bệnh không thể chữa khỏi.

Huỳnh Đế hỏi: Tại sao tinh hoại thần đi, dinh vệ không thể hồi phục?

Kỳ Bá thưa: Vì dục vọng không cùng, phiền não không thôi, tinh khí tán hoại, phần dinh vít lại, phần vệ bỏ đi, nên thần cũng phải đi luôn.

GIẢI

Vẫn tiếp ý đoạn trên, nhà Vua đưa ra vấn đề lý do nào mà bệnh nặng trở nên khó chữa. Theo đó luận giả nói lên cái lẽ tại sao khi thác đời xuống dốc thì bệnh tật trở nên khó chữa, để minh chứng cho sự quan trọng của điều kiện tinh thần.

Một quốc gia mà sức ngoại xâm tràn ngập, nhân dân chết gần hết, đất đai bị thiêu rụi, nhà cửa hóa tro tàn, kinh tế lương thực đến hồi kiệt quệ, sức tiếp thu cũng không còn; cho đến tất cả tinh thần quần chúng không còn một ai có chút phản ứng muốn dẹp giặc. Thì biết đâu quân đội viễn chinh càng hùng hậu bao nhiêu chăng nữa, lại chẳng hóa ra càng biến cho thế nước gấp hoang tàn?!

Ta hãy thử xem: đem một cục nước đá đặt lên đùi một người trai tráng, giây lát lấy ra. Trước nhất ta thấy tại chỗ cục nước đá nằm, da lạnh tái mét; kế đó lần lần đỏ hồng lên, để chứng tỏ sức phản kháng còn mạnh. Nhưng nếu chuyện này xảy ra ở một cơ thể bạc nhược kiệt quệ, thì lại rất khó khăn; như thế đủ biết sức phản ứng không còn. Thế là sức phản ứng trong thân con người chiếm một tầm quan trọng trong công

việc chữa bệnh. Chẳng khác nào một quốc gia đã bại hoại không còn một người dân nào có ý chí phản ứng sức ngoại xâm nữa; thì dù quân đội viễn chinh có giúp đỡ được hoàn toàn như ý muốn của họ, sau khi rút đi rồi tình trạng cũng đâu hoàn đấy. Đó là chỗ luận giả bảo là tinh thần không còn sử dụng được nữa.

Nhưng bởi luận giả trình bày một cách quá vắn tắt, nên nhà Vua phải gạn hỏi lại cho kỹ: thế nào là tinh thần không còn sử dụng được nữa?

Bất cứ một trường hợp bệnh tật nào khi đến giai đoạn nặng, muốn áp dụng châm thạch thi trị, ít nhất sức phản ứng của tinh thần trong thân cũng phải còn điều động được. Đàng này tinh thần đã không thể vận dụng, chí ý đã rối loạn, thì làm sao mà điều động cho có một khả năng phản ứng sống dậy để bệnh lành. Cho nên mới nói: Phép châm thạch là phải vậy. Khi tinh thần không còn điều động được, chí ý đã rối loạn, sức phản ứng của cơ thể đã mất thì bệnh không thể khỏi. Như thế đủ biết điều kiện tinh thần quan trọng đến ngần nào, để dẫn khởi thêm câu chuyện.

Ở thiên đầu đã đề cập đến cái lẽ tại sao con người đời nay tuổi chưa đến 50 mà đã già suy. Thế tất câu chuyện tinh thần không còn sử dụng được nữa ở đây, là câu chuyện của trường hợp tuổi chưa già mà con người đã bại hoại.

Lấy làm lạ tại sao tuổi chưa đến già, mà tinh hoại thần đi, dinh vệ không thể hồi phục một cách quá đột ngột như thế, tất phải có lý do; đó là tinh thần của câu hỏi.

Toàn bộ NỘI KINH không hề lìa hở chữ "thần" và điều kiện tâm lý, y như toàn bộ kinh Phật không hề lìa hở chữ "tâm" và chữ "thức". Đã biết rằng: điều kiện tinh thần là quan trọng duy nhất, là động cơ để mở lối cho dòng điện nghịch chiều; cho nên tinh thần không những là nơi để mở ra muôn pháp nhiệm màu, mà cũng là nơi dọn lối cho muôn điều tai họa. Nên dù cho tinh khí bị tán hoại, phần dinh vít lại, phần vệ bỏ đi, tinh thần không ở nữa; đầu dây mối nhợ cũng không ngoài dục vọng vô cùng, phiền não chất chứa triền miên chớ có gì khác hơn đâu! Đó là chỗ luận giả y cứ để đáp lại tinh thần nhà Vua vậy.

BÌNH

Trước đây năm ngàn năm mà lòng người đã vô ý thức phóng vọt ra ngoài, đến đỗi xem điều kiện tinh thần không ra gì, dục vọng không cùng, phiền não triền miên, cho đến thân tâm cơ cực, chết mất, không thuốc chữa lành. Rồi đã qua năm ngàn năm đổ dốc, ta hãy thử nhắm mắt trầm tư, rồi mới thấy điều kiện tâm linh đối với con người ngày nay chỉ là không tưởng. Ví nếu xã hội loài người hiện nay không tận cùng bế tắc, thì chân lý vị tất đã là chân, mà con người vị tất đã có hồi thức tỉnh?! Năm ngàn năm trước bệnh tật đến chết không có cách chữa lành, thế thì bệnh tật ngày nay không cầm chắc chết là không có lý!

Có ai ngờ: Một người vì đam mê của cải, giấu đút để dành. Gặp hồi chiến tranh loạn lạc, quân giặc tìm biết chiếm đoạt hết không chừa. Rồi ông ta phát lên một chứng chỉ xoa ngực bảo là: "Nóng quá! Tức quá!" Đi khắp thầy thuốc, nhà thương chẳng ai biết tí gì, để rồi ông ta chết. Làm sao trị được?!

Có ai ngờ: Một người có cậu con trai đầu lòng mới thi đậu tú tài bị bắt lính, đem ra tập trận có bốn bữa mà đã gửi về cái quan tài, làm cho ông cha bất thần bị đau khổ, rồi uống rượu lê mê, cho đến xụi mất một chân. Nằm nhà thương, chạy chữa khắp nơi cũng không khỏi. Làm sao khỏi được?!

Có ai ngờ: Một người đàn bà chỉ vì ông chồng mê một đứa cháu gái, hai bên tư thông rồi dẫn nhau đi mất. Vì buồn khổ, bà bỗng dưng phát bệnh ung thư Tử cung. Đi khắp nhà thương, chạy khắp thầy thuốc không ai biết lý do, cuối cùng rồi chết. Làm sao chữa được chứ?!

Thế mới biết: khi đã rơi tõm vào cái TÔI, tức là đã tình nguyện vào nhà thương điên rồi vậy; chỉ có khác là bệnh nhẹ hay bệnh nặng, bệnh tiềm phục hay bệnh hiện hành, bệnh thiểu số hay bệnh toàn thể mà thôi. Chỉ những điều thấy biết tận mặt dẫu cho chúng tôi có kể lể hết kiếp cũng không cùng, chỉ thuật sơ đại lược ít điều với một can trường bàng hoàng chua xót. Ôi! Sớm giác ngộ được mấy ai?!

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

(Huỳnh) Đế (vấn) viết: Phù, bệnh chi thỉ sanh giả, (kỳ cơ) cực vi cực tinh, (phong tà) tất tiên nhập kết ư bì phu, (nhiên hậu đệ truyền ư kinh mạch tạng phủ). Kim lương công (mỗi hữu bệnh chí), giai xưng viết bệnh thành, danh viết nghịch. Tắc châm thạch bất năng trị, lương dược bất năng cập dã.

Kim lương công giai đắc kỳ pháp, thủ kỳ số; thân thích huynh đệ viễn cận. Thinh âm nhựt văn ư nhỉ, ngũ sắc nhựt kiến ư mục, nhi bệnh bất (năng trị) giả, diệc hà hạ bất tảo (dự) hồ?

Kỳ Bá (đối) viết: Bệnh vi bổn, công vi phiêu, phiêu bổn bất đắc, tà khí bất phục, thử chi vị dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Khi bệnh mới phát sanh, cơ bệnh rất nhiệm nhặt1. Khí tà gió độc trước phải vào kết ở bì phu2, rồi mới theo duyên mà truyền lần vào kinh mạch tạng phủ. Nhưng, tại sao hết thảy thầy thuốc ngày nay mỗi khi có bệnh đến đều bảo là bệnh đã thành hình rồi, cho là bệnh nghịch. Thế rồi châm thạch cũng không thể trị, thuốc hay… cũng không thể chữa.

Họ vốn có đủ thế lực, có tổ chức hẳn hòi. Vấn đề âm thanh, vấn đề khí sắc đều là chuyện trước mắt hàng ngày; thế mà bệnh không thể trị được. Như thế tại sao không sớm dự liệu?

Kỳ Bá thưa: Nói rằng bệnh ở đàng gốc mà chữa ở đàng ngọn, ngọn gốc không ăn khớp nhau, thì khí tà làm sao khắc phục được, là nghĩa đó vậy.

GIẢI

Cả tinh thần đoạn này cốt để tiếp tục dẫn chứng mấy đoạn trên và thiên trước, hầu nói lên một thời thế tâm lý loài người xuống dốc tột bực. Cả thầy thuốc lẫn con bệnh đều chỉ là những bệnh nhân hướng ngoại, dốt nát, bỏ quên phứt điều kiện tinh thần, chỉ chú trọng phù hoa; đến đỗi bệnh ở đàng gốc mà chữa ở đàng ngọn, thì làm sao có kết quả.

Ở thiên trước, đã mô tả rõ về sự dốt nát nông nổi của thầy thuốc đời nay. Đến thiên này, ở đoạn trên đã vạch trần tâm lý đồi trụy của con người thời mạt kiếp. Do sự kết đúc của hai điều kiện này mà cấu tạo thành một hậu quả là: mỗi khi bệnh đến thấy chừng như dễ ăn lắm vậy, thi thố đủ thứ rối loạn lăng xăng, sau cùng bệnh cũ không khỏi bệnh mới đã phát; hoặc tuyên bố rằng: bệnh đã thành hình to lớn rồi, rất nghịch không thể chữa được.

Mới trông qua ta thấy hình như thiên này với thiên trước, trong tinh thần có chỗ mâu thuẫn. Nhưng nghiệm cho kỹ, ta mới thấy chỉ là diễn tả một thái độ loạng quạng không biết phải đi về đâu của thầy thuốc đời này mà thôi.

Chữ "đời nay" đây nó đã cũ đến 5.000 năm có hơn rồi, chẳng hề có ai chùi lau thêm bớt; thế mà thoáng nghe qua, ta vẫn thấy mới tinh khôi y như chuyện đang xảy ra ngay bây giờ, tức thì. Điểm này rất quan hệ đến tất cả loài người chúng ta ngày nay. Vậy nên độc giả hãy thận trọng lưu tâm! Và giờ đây chúng ta bắt đầu lần vào từng chi tiết.

Nói: Khi bệnh mới phát sanh, cơ bệnh rất nhiệm nhặt. Thật ra không phải chỉ ở bệnh tật là thế, mà tất cả mọi việc xảy ra trên đời này cũng đều có cơ mầu nhiệm nhặt như thế hết cả. Nếu ta nắm vững được then máy này, thì tất cả cuộc sống của ta đều trở nên giản dị thanh bình, chớ không riêng gì là bệnh tật.

Bao la đã là một vòm không khuyết, nguồn tâm linh vốn là viên quang rỗng suốt không có bến bờ. Vì thế không hề có một sự kiện gì có mặt trên đời này mà chỉ là đơn độc, không phải bởi tổ hợp của bao nhiêu nhân duyên. Một khởi là tất cả đều khởi, một có mặt là tất cả đều có mặt. Nếu ta không nhận ra một cách tỉ mỉ đâu là điều kiện chính, đâu là điều kiện phụ, thì cơ mầu làm sao ta nắm được; phương chi sự nhận

định ấy lại xuất phát từ trong lãnh vực qui định của cái **TÔI**. Chính vì chỗ này mà suốt từ Dịch học của Phục Hy, rồi Thần Nông, Huỳnh Đế cho đến Lão Trang, Khổng Mạnh đều không ngớt đề xướng đến cơ mầu; cho đến nhà Phật bên Ấn Độ cũng không thể nói khác hơn được.

Đã nói nhân duyên tụ hội, điều kiện tổ hợp, thì dù cho một hột siêu nguyên tử cũng không thể đơn thuần. Cho nên thấu triệt cơ mầu, thật là một điều vô cùng thiết yếu.

Nói: Khí tà gió độc phải trước vào kết ở bì phu, rồi mới theo duyên mà truyền lần vào kinh mạch tạng phủ; tức là muốn nói: bất cứ một sự việc gì xảy ra cũng đều phải có điều kiện cơ duyên tính và thời gian tính, huống chi là bệnh ngoại cảm vốn từ ngoài vào thì lại càng mang nặng thời gian tính hơn. Thế nghĩa là sao? – Nghĩa là từ khi khí tà chạm vào thân, đến khi bệnh thành hình phải có thời gian tiềm phục và thời gian hiện hành, chớ phải đâu bỗng dưng xuất hiện.

Một điều đáng lấy làm lạ là: bốn chữ "thầy thuốc ngày nay" của nhà Vua đã trải qua năm ngàn năm có hơn rồi, không hiểu tổ chức Y khoa của thời đó thế nào, mà ta nghe qua thấy y như là chuyện hiện tại. Vì sao thế? Vì nếu sức phát triển bộ óc chưa được khoáng sung, dụng cụ máy móc chưa được dồi dào, hình thức cơ cấu tổ chức chưa được chặt chẽ, tinh thần thầy thuốc chưa bị kẹt vào giải phẫu, vật chất, tế bào, vi trùng thì làm sao có thể xảy ra như chuyện nhà Vua đã kể tiếp! Thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong tinh thần nhà Vua đã nghĩ: Quái! Đoàn thể cũng như tổ chức Y khoa đã hoàn bị thế ấy, lẽ cố nhiên phải rõ cơ bệnh. Tại sao phải đợi đến bệnh thành hình, rồi mới hay biết mà bảo là nghịch; đến nỗi châm thạch không thể trị, thuốc hay không thể chữa?

Như thế ta đủ biết: trước đây năm ngàn năm tinh thần dân tộc Trung Hoa đã từng xuống dốc đến một mức đòi hỏi phải có thầy trò Huỳnh Đế hiện ra. Và như thế nghĩa là sao? Nghĩa là dân tộc Trung Hoa đã có hồi văn minh vật chất tiến bộ một cách lạ kỳ, tương tự như sự tiến bộ của chúng ta ngày nay; mà chúng ta ngày nay chẳng qua chỉ là những kẻ tuột dốc đến cùng cực rồi vậy.

Ta hãy xem: trong lãnh vực Y khoa của chúng ta ngày nay mỗi khi có một bệnh đáng kể đến, nếu chưa đủ điều kiện máy móc vật chất

chứng giám cho thì thầy thuốc không thể nào quyết định được, họa chăng chỉ là theo chứng mà giải quyết tạm vậy thôi. Thế là trong vô tình nhà Vua đã tố cáo trước trọn cả đoàn thể Y khoa của thế giới loài người chúng ta ngày nay vậy.

Ở thiên trên luận giả đã nói về dòng đời xuống dốc, xã hội loài người nảy sanh nghiệp riêng nghiệp chung, và đã từng vạch trần sự dốt nát của thầy thuốc hiện nay là không biết căn cứ vào bốn mùa, 5 hành, không hiểu gì hết về sự ảnh hưởng của mặt trời mặt trăng, cũng không biết nghiệm xét về lẽ nghịch thuận của gốc ngọn, bỏ quên hẳn điều kiện tinh thần. Đến thiên này, đoạn trên lại phanh phui lòng dạ bệnh nhân ôm đồm tham đắm, phiền não triền miên. Như thế ta đủ biết câu trả lời của luận giả nơi đây hàm chứa cả một tinh thần sâu sắc. Ý luận giả muốn nói: bổn tánh linh diệu nhiệm màu là nguồn cội của vạn pháp, điều kiện tinh thần là gốc gác mạch sống của loài người. Khi tinh thần của loài người đã bị phá sản, thì mọi ngành trong xã hội đều bị đổ dốc, lãnh vực Y khoa thầy thuốc cũng đổ dốc theo, lòng dạ bệnh nhân cũng sụp đổ; thế là trọn cả phần gốc đều bị ngửa nghiêng không một ai biết cách nâng đỡ. Mỗi khi bệnh tật đau khổ đến là chỉ biết rong ruổi theo triệu chứng, theo hình thức vật chất để giải quyết phần ngọn tạm thời, thì dù cho chỉ ở phương diện ngoại cảm cũng không thể chữa khỏi, đừng nói chi đến bệnh nội thương. Thế là đã mắc liền với ý: bệnh ở đàng gốc mà chữa ở đàng ngọn, ngọn gốc không ứng hợp nhau, thì khí tà không thể khắc phục được như đã có lần khởi xướng ở thiên trước. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn nói: trong một nhà thương điên dù có số bệnh điên đang bị ngoại cảm, cũng không thể dùng người bệnh điên không ngoại cảm làm thầy thuốc để chữa cho được. Và Y không thôi thì không thể được, phải có Đạo mới nên, mà Y là phần ngọn, Đạo là phần gốc. Như thế đủ biết: trong tinh thần luận giả, vấn đề Y khoa chuyên môn chỉ là một phần ngành ngọn trong bao nhiêu ngành ngọn.

BÌNH

Trong một nhà thương điên khổng lồ, nếu chỉ có một bác sĩ lành mạnh, dù có băn khoăn chua xót đến đâu, cũng không thể làm gì hơn được! Cố nhiên phải xách gói tìm kiếm xem còn có người nào chưa điên hoặc điên ít để mà giúp đỡ họ trước, cho họ trở nên tỉnh táo thông đạt, hầu chung lưng đấu cật mở lối chạy chữa cho tất cả bệnh nhân. Có nghĩ đến đấy, ta mới thấy được tinh thần của luận giả can trường đến mức nào. Quả thật

lượng cùng trời đất, không thể nói sao hơn!

- Nếu ai có đủ con mắt thần nhìn khắp cả thế giới loài người, suốt dòng kim cổ để xem một màn bi kịch bệnh điên chữa bệnh cho bệnh điên, thì rồi nếu không đến phì cười tất cũng phải nước mắt trào không sao ngăn được!

- Ngay hồi thầy trò Huỳnh Đế mà đã than thở ĐỜI NAY, đến Khổng Mạnh Lão Trang cũng than ĐỜI NAY, rồi đến Trương Trọng Cảnh đời Đông Hán cũng than ĐỜI NAY, mãi đến chúng ta bây giờ cũng nói ĐỜI NAY. Thế thì trước thời Huỳnh Đế Kỳ Bá mấy ngàn năm, biết đâu không lắm kẻ cũng than ĐỜI NAY y như chúng ta bây giờ?! Thế mới biết: nghĩa của hai chữ "ĐỜI NAY" không phải chỉ là thời gian của lịch sử hay của kim đồng hồ. Và dòng đời lên lên xuống xuống, cũng không phải là lên lên xuống xuống theo kiểu đóng cứng chết tê như người đời thường tưởng. Mà cơ sụp đổ luôn luôn lúc nào cũng chực hờ.

- Chính vì nhìn thấy hàng đồ đệ của mình đang dùng con mắt chết mà nhìn sự việc, nên có hồi Phật bảo: "Này! Tỳ Kheo các ông, chính ngay bây giờ đây các ông cũng đang vừa sanh, vừa già, vừa bệnh, vừa chết…" Thế là hai chữ "ĐỜI NAY" ở đây, nói lên không phải để cho ta dùng trí óc chết mà hiểu được. Thật là khổ tâm!

- Nếu không hiểu sự vật bằng bộ óc chết, không nhìn sự vật bằng cặp mắt chết, thì không bao giờ đi săn đuổi cái đơn thuần, cũng không thể thấy cái sự vật chỉ là đơn thuần; lẽ cố nhiên giải quyết sự vật theo kiểu viên đạn thần như Y khoa ngày nay cũng không thể có. Đã dùng bộ óc chết với cặp mắt hột chai (mắt giả) mà nhìn sự vật để giải quyết, thì dù cho thuốc thang, châm cứu cũng đều bị biến ra thành những viên đạn thần.

Có ai ngờ: Một phong trào đề xướng Đông y và phép châm cứu một cách sôi nổi như ngày nay, mà cũng chẳng qua chỉ là những viên đạn thần. Làm sao mà biết được? Kìa! Ta hãy nhìn xem: tất cả mọi giới Y khoa ngày nay còn được mấy ai lưu tâm đến những vấn đề ăn uống, sinh hoạt, hoàn cảnh xã hội, điều kiện tinh thần, môi trường thọ bẩm đâu! Chớ đừng nói chi đến vận khí, trật tự của thiên nhiên nữa?! Thế mới biết câu "chỉ rong ruổi theo bề ngoài chẳng biết gì hết về nguồn cội" của

Trương Trọng Cảnh nói quả là sự thật. Chính vì chỗ đó, nên tôi mới nói: ngày nay chỉ có Tây y văn minh và Tây y lạc hậu mà thôi.

Có ai ngờ: Tổ chức Y khoa ngày nay có những cơ cấu máy móc vĩ đại phải mất đi hàng tỷ bạc này sang hàng tỷ bạc khác, để ấp ủ cho những đứa trẻ sơ sinh thiếu tháng, mà không tìm ra được một người nào biết lưu tâm về lý do của cái sinh thiếu tháng ấy!

Có ai ngờ: Vẫn luôn luôn mở hoát cửa dục vọng, mà một mặt lại bon chen tìm thuốc ngừa thai, tìm cách cột chùm trứng, cột ống dẫn tinh để gọi là sốt sắng lo toan giải quyết vấn đề nhân khẩu cho nhân loại?! Rõ thật là kẻ điên chữa bệnh điên trong nhà thương điên. Quả thật là tổ chức vật chất càng khoa học bao nhiêu, biết đâu tinh thần con người càng không rơi vào lãnh vực điên dại bấy nhiêu?!

Nếu lòng người chưa xuống dốc, lòng người chưa trôi xuôi mà có cái học NỘI KINH hiện ra là vô lý. Thế mới biết: cái học NỘI KINH xuất hiện, biết đâu không phải bởi tinh thần Đạo Dịch trong lòng người đã bị suy vi, y như là cái học nhà Phật đã suy vi trong lòng người ngày nay?! Lão Tử nói: "Bởi mất cái Đạo nên mới lập cái Đức". Thế mới biết: cái học Dịch đã có hồi bị lòng người chối bỏ, cũng như sự chối bỏ Phật giáo ngày nay vậy. Do sự chối bỏ đó, mà từ khuôn mặt Dịch học thuần lý nó phải biến dạng sang cái học NỘI KINH, để mắc thẳng vào ăn uống, sinh hoạt, tâm tư, tạng phủ, mạch lạc, tướng tá của con người; bủa ra khắp các ngành trong xã hội, mắc liền với trật tự thiên nhiên một cách vô cùng thiết thực, chân khoa học; quét sạch tất cả những mê tín thần quyền, tà thuyết dị đoan, hầu phát động lên một cao trào cách mạng con người đúng y như nghĩa hai chữ "cách mạng" của cái học Dịch; và cái Đạo vô vi, cái Đạo Đại học, cái **phép tu tề**, cái Đạo Trung dung của tất cả thánh hiền đời sau cũng đều từ đó mà vang ra. Nếu ai đã được thấm nhuần cái học này một cách thâm sâu chín chắn, thì dẫu cho có muốn chối bỏ đi nữa quyết định cũng không thể được

Nếu câu chuyện của Huỳnh Đế Kỳ Bá chỉ thuần là câu chuyện Y khoa trong Y khoa, mà luận giả đặt nặng vấn đề tinh thần để đem ra trách, thì thật là vô lý.

Nếu đời với Đạo có thể phân hai, đạo lý chỉ là của riêng của thánh

hiền hoặc của tôn giáo tín ngưỡng, không dính dấp gì đến ăn uống, sinh hoạt, xã hội, gia đình, xác thân, tạng phủ con người, thì không những tất cả tôn giáo tín ngưỡng, đạo lý thánh hiền gì gì ấy mà kể cả cái học NỘI KINH cũng đều là những thứ vô lý. Thế mới biết: ai bảo cái học NỘI KINH là cái học chuyên môn, thì người đó chẳng hiểu tí gì về NỘI KINH. Ai bảo Đạo là thứ không dính dấp gì đến xác thân ăn uống sanh hoạt hàng ngày, thì kẻ đó cũng chẳng biết tí gì về Đạo. Thế mà đã trải qua ngót năm ngàn năm, tất cả những bảo vật trong kho tàng NỘI KINH vẫn còn nằm ỳ y nguyên tại chỗ, lại còn bị loài người tranh nhau đút túi những vật dụng phụ thuộc bên ngoài để đem về chế tạo ra những tả đạo bàng môn, đồ danh trục lợi, kiếm cơm chạy gạo cho qua bữa hàng ngày, thì thật là dẫu cho Huỳnh Đế Kỳ Bá có sống lại cũng đến than thở bồi hồi cho kiếp số loài người mà thôi vậy!

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

(Huỳnh) Đế (vấn) viết: Kỳ hữu bất tùng hào mao nhi sanh, ngũ tạng dương (khí) dĩ kiệt. Tân dịch sung quách, kỳ quách độc cư, tinh cô ư nội, khí hao ư ngoại, hình bất khả dữ y tương bảo. Thử tứ cực cấp nhi động trung, thị khí cự ư nội, nhi hình thi ư ngoại, trị chi nại hà?

Kỳ Bá (đối) viết: Bình trị ư quyền hành, khử uyển trần tỏa. Vi động tứ cực, ôn y, mâu thích kỳ xứ, dĩ phục kỳ hình, khai quỉ môn, khiết tịnh phủ, tinh dĩ thời phục, ngũ dương dĩ bố, sơ điều ngũ tạng. Cố tinh tự sanh, hình tự thạnh, cốt nhục tương bảo, cự khí nải bình.

Đế viết: Thiện.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Có trường hợp không phải bệnh ngoại cảm, mà bên trong khí dương của 5 tạng đã kiệt. Tân dịch (các chất nước) trướng đầy, phần phách ở mặt da

không liên lạc vào trong được. Tinh côi ở trong, khí hao ở ngoài, cơ thể thũng ra đến không còn xứng với y phục nữa. Vì tay chân đã quá thũng làm cho sinh khí bị dồn ép vào trong; thế rồi bên trong thì khí chống trả, bên ngoài thì hình thũng trướng. Như thế phải trị ra sao?

Kỳ Bá thưa: Muốn chữa trị phải thận trọng cân nhắc, phải làm sao cho cơ quan thay cũ đổi mới được lưu thông. Trước nhất tay chân phải được hoạt động nhẹ chút ít, quần áo phải được xông ấm rồi mới mặc, tìm huyệt để áp dụng phép chích tréo, cho mở lỗ chân lông, rửa sạch tịnh phủ (Bàng quang) để hồi phục hình hài, rồi tinh tự nhiên sẽ tùy theo đó mà hồi phục. Khi khí dương trong 5 tạng đã bủa, tạng phủ đã lưu thông, thì tinh tự sanh, cơ thể tự lần mạnh, chừng đó bắp thịt với xương mới liền nhau, khí dương trong toàn thân mới bình phục.

Huỳnh Đế khen phải.

GIẢI

Đây là một đoạn thảo luận về trường hợp bệnh nội thương, để chiếu ứng với trường hợp bệnh ngoại cảm của đoạn trên, trong một dòng đời xuống dốc đến tột bực, tinh thần của bệnh nhân đã đổ vỡ. Rồi nói lên đại lược tinh thần chữa trị phải thế nào, và trong đó ngầm ý chỉ cho nhà Vua thấy khi tinh thần bị đổ vỡ thì mọi khó khăn đều chầu về.

Nói: Không phải trường hợp ngoại cảm, mà là khí dương trong ○ tạng đã kiệt; thế là bệnh nội thương.

Nói: Khí dương trong ○ tạng đã kiệt đến mức mà tất cả các chất nước đều đình đốn đầy dẫy, thũng trướng ra đến nỗi áo quần không còn tương ưng, sinh lực bị dồn ép vào trong đến tim đập loạn động. Tại sao khí dương trong ○ tạng phải kiệt quệ đến thế? Đã không phải là bệnh ngoại cảm, đã ở trong dòng đời xuống dốc; nếu không phải bởi dốt nát về ăn uống, sinh hoạt, thì quyết định cũng phải là bởi điều kiện tinh thần. Nếu chỉ dốt nát về ăn uống sinh hoạt, đến đỗi làm cho khí dương trong ○

tạng đã kiệt thì cũng còn khả dĩ; đến như nếu dục vọng vô cùng, phiền não triền miên, nghĩ ngợi không thôi, làm cho khí dương trong ◦ tạng đã kiệt thì nguy to. Đó là chỗ để cho luận giả đáp: phải nên thận trọng cân nhắc khám phá, mà cũng là chỗ nghi ngờ không ngã ngũ để nhà Vua mang ra hỏi.

Đã biết rằng: khí dương là mạch sống của muôn loài. Nay gặp phải một trường hợp thũng âm, nước đầy dẫy khắp châu thân, trướng ra đến đỗi quần áo cũng chật, khí dương trong ◦ tạng đã kiệt; nếu không biết gì hết về duyên do, thì làm sao dám mó tay vào chứ! Chỉ trừ có bậc tay ngang?! Do đó nên mới nói: phải thận trọng cân nhắc kỹ càng là thế. Thế là ít ra sau khi khám phá rồi, thấy còn có một sinh lộ nào đó mới có thể thò tay vào.

Một sức đình đốn đến nỗi nước ngập tràn châu thân, lẽ cố nhiên mục đích là phải làm sao cho cơ thay cũ đổi mới được lưu thông trả lại bình thường. Đó là mục đích tối hậu được nêu ra.

Hết thảy những trường hợp bệnh thũng âm, mặc dù khí dương trong ◦ tạng đã kiệt, nhưng chỗ quan yếu không ngoài phần Tiên thiên và Hậu thiên, nghĩa là không ngoài Thận và Tỳ Vị. Tạng Thận thuộc thủy, mà vẫn có phần Thận dương thuộc hỏa và thổ trong thủy. Hậu thiên thuộc Tỳ Vị, Tỳ Vị thuộc thổ. Theo luật tương khắc thì thủy khắc hỏa, thổ khắc thủy. Giờ đây nước tràn ngập, khí dương ẩn tàng trong tạng Thận cũng kiệt, lửa Tim sắp bị nước Thận dập tắt, khí thổ của Hậu thiên cũng bị nước tràn ngập không ngăn nổi. Nếu động cơ khí dương của phần Tiên thiên và Hậu thiên được phát động, thì khí dương trong ◦ tạng mới hồi phục, nước mới rút đi.

Châu thân của con người có hai tay hai chân là bốn bộ phận hoạt động, vừa để tiêu thụ các chất tinh hoa (phần âm) của cơ thể, vừa để tạo ra nhiệt lực cho cả Tiên thiên lẫn Hậu thiên. Vậy trường hợp bệnh này, ta phải lập pháp chữa trị bằng cách nào? Trước nhất phải làm sao? Đó là một câu hỏi cần phải có.

Nước đã tràn ngập, cơ cấu thay cũ đổi mới đã đình đốn, âm dương không thể giao nhau; đến đỗi xương và bắp thịt bị hở ra, thì tinh hoa trong con người làm sao hồi phục. Thế nên luận giả đưa ra một lịch trình

chữa trị: Trước nhất phải hơi máy móc một chút, là phải làm sao cho tay chân có hoạt động chút ít để cho cơ khí dương của phần Tiên thiên và Hậu thiên được máy động, và cho mặc y phục được xông ấm để giúp thêm cho khí vệ. Kế đó phải tìm huyệt thuộc hệ thống tréo của ◦ tạng mà áp dụng phép chích (phép mâu chích này sau này sẽ có thiên trình bày thật rõ) cho khí dương trong 5 tạng lưu thông, rồi mở lỗ chân lông, rửa sạch tịnh phủ để hồi phục lần hình hài. Khi khí dương trong 5 tạng đã bửa, 5 tạng đã lưu thông, nước rút hết, thì tinh tự hồi phục.

Nhìn trên bề mặt văn tự ta thấy hình như không đá động đến vấn đề thuốc thang, chỉ thuần áp dụng phép châm cứu mà thôi. Nhưng nếu ta lắng sâu vào ý tứ và sau này có dịp đi sâu vào phép chích tréo, thì ta mới thấy ở đây áp dụng phép chích tréo chỉ để giải quyết phần bên trong. Thế tất việc mở lỗ chân lông, rửa sạch tịnh phủ, tức là phải dùng thuốc để chuyển hệ thống khí hóa của Bàng quang thông đồng ra khí vệ thuộc về phần hình hài bên ngoài. Da lông có mở, Thận Bàng quang mới có dẫn nước; nghĩa là khí có hóa thì nước mới rút, da lông mở thì đường tiểu mới thông. Đây chính là chỗ mà ngôn ngữ bình dân gọi là phép "xổ nước", và đây cũng chính là chỗ mà các lương y thường dùng "Ma hoàng hợp phương" để chữa.

Khi nước được rút hết rồi, tinh lực lần lần hồi phục, kẽ bắp thịt hết hở, xương và thịt khít nhau, thì khí dương toàn thân mới bình phục.

Thông qua tinh thần trình bày của luận giả, ta thấy rõ ràng là cả một tinh thần khoa học, tựa hồ như một ông tướng chỉ huy mặt trận, như vua Võ trị thủy, thứ tự rõ ràng, phép tắc phân minh. Quả là khuôn thước cho môn bệnh thũng âm muôn thuở. Như thế làm sao ta dám bảo tinh thần người xưa không có khoa học, và Y khoa hồi xưa không được như bây giờ?!

BÌNH

Nếu một hành tinh nào trong vũ trụ này chưa đủ điều kiện âm dương giao hòa, là hành tinh đó chưa có sinh vật.

Nếu quả địa cầu này chỉ là một khối nước đá hay một khối lửa đỏ, thì vạn vật không thể sanh sôi.

Nếu khí dương là mạch sống của muôn loài;

Nếu Tim là tạng dương ở trong dương, là mặt trời ở trong thân, là nơi chứa thần;

Nếu tinh thần là thuộc dương, để cho các vị tổ Mật Tông của nhà Phật có điều kiện có thể tạo ra một con người mà không cần đến vấn đề giao dục;

Nếu ánh thái dương chiếu xuống mặt đất này tùy theo điều kiện mặt đất trong một vòm bao la viên quang tịch chiếu hồi tụ rung rinh, là những điều kiện tối yếu để nảy sinh ra những con vật sống;

Thì hai chữ "khí dương" ở đây với nghĩa chữ "thần" trong toàn bộ NỘI KINH, tất cũng như hai mà cũng hình như một.

Nếu khí dương là mạch sống cho muôn loài trên quả đất này, mà cũng là mạch sống cho trong từng cá thể một;

Nếu khí dương là điều kiện quan hệ đến chữa trị trong muôn ngàn bệnh tật;

Như thế khí dương đối với gia đình, với xã hội, với quốc gia, với thế giới có quan hệ gì không?

Nếu âm dương là một đòn cân quan hệ chung cho cả suốt cõi hiện tượng bao la. Thế thì đòn cân âm dương này có quan hệ gì đến gia đình, đến xã hội đến quốc gia hay đến cả thế giới không?

Nếu dương thịnh âm suy dẫu có xảy ra bệnh tật, thì cũng vừa nhẹ vừa dễ chữa.

Nếu trong một cá nhân âm thịnh dương suy, không xảy ra bệnh tật trên xác thân vật chất, thì cũng xảy ra bệnh tật trên tinh thần.

Nếu bất cứ bệnh tật nào khi biến sang âm, thì luôn luôn đều trở nên

nguy hiểm. Vậy thử hỏi: một gia đình một xã hội một quốc gia hay một thế giới mà âm quá thịnh dương quá suy, thì sao?

Nếu bệnh mập phì, bệnh cận thị, bệnh thịt dư mũi, thịt dư cổ họng, bệnh trẻ con đầu to xương sống không cứng, bệnh nống bại (polyo), bệnh ung thư, bệnh sa ruột, bệnh hippi cao bồi du đãng của xã hội, bệnh tinh thần bơ vơ đều là bệnh âm.

Nếu hai nước cực thịnh trên thế giới là nước Mỹ và nước Nhật, là hai nước giàu bệnh cận thị nhất;

Nếu khoa học tiến triển đến một mức mỗi nhà đều có một tủ lạnh, mỗi người dân bữa ăn nào cũng có nước đá lạnh để uống, xứ nào người nào cũng được ăn thứ thịt ướp lạnh cách qua một năm, mỗi ngày mỗi người đều có yaourt, có kem để tráng miệng;

Nếu tất cả loài người ngày nay không chết về một bệnh nào khác, tất phải chết về bệnh ung thư như các bác sĩ thường tuyên bố.

Nếu quả đất này càng ngày càng lăn chậm mà cũng càng ngày càng to ra, cộng thêm tất cả những điều kiện đã kể của xã hội loài người, thì kết quả thế giới này sẽ ngã ngũ về đâu?!

Mời độc giả hãy chiêm nghiệm lại phương trình CHÁNH CHỦ, nguyên lý âm dương, và sắp tới sẽ gặp thêm phương pháp KỲ HẮNG để mà kết đúc ngã ngũ tinh thần nhận xét.

Lời giải toàn thiên

Toàn thiên chỉ có năm đoạn tóm tắt như sau:

Đoạn 1: Luận giả muốn nói về giá trị của trung hòa.

Đoạn 2: Ý muốn nói hết thảy chúng sanh vì vô ý thức nên phải bị trôi lăn theo luật âm dương thăng trầm của dòng đời mà lên lên xuống xuống.

Đoạn 3: Muốn nói trọn cả cuộc sống đều phải lấy bổn tánh linh diệu nhiệm màu làm nền tảng, nếu mê lầm bỏ quên nó là đi vào cõi chết.

Đoạn 4: Nếu muốn giải quyết một sự việc là phải nhìn tận đến khi cơ mầu chớm phát. Nếu không rõ lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi thiên nhiên, cũng như không rõ tác dụng của tâm linh thì dù bệnh ngoại cảm cũng không giải quyết được.

Đoạn 5: Nói về bệnh nội thương (thũng âm) để làm sáng tỏ sự quan trọng của khí dương trong cơ thể.

Thế là trong chỗ không lời luận giả còn nói: Không thể có Y mà không có Đạo, muốn kiến thiết Y phải trước kiến thiết Đạo. Không có Đạo mà có Y là tả đạo bàng môn, nếu có Đạo là tất cả đều có. Kiến thiết Đạo là kiến thiết tất cả, kiến thiết trọn vẹn. Không kiến thiết Đạo mà kiến thiết Y, thì Y chẳng ra hồn. Nếu kiến thiết Y bằng cách kiến thiết Đạo tức là kiến thiết tất cả. Ý thức được trọn vẹn về Đạo là tối thượng chân khoa học, là một sự phát minh duy nhất muôn thuở của loài người không có cái gì trên nó, cũng không có cái gì ngoài nó được. Bổn phận mỗi một con người muốn có cuộc sống yên vui là phải biết đến, mà bổn phận một nhà Vua hay nhà nước đối với dân chúng cũng lại càng cần phải biết hơn. Ai không biết đến là người đó có tội, là ở trong đau khổ, mà nhà Vua hay nhà nước lại càng tội nặng hơn. Để một mặt thúc đẩy cho nhà Vua tiến lên hầu phát động một phong trào tu - tề - trị - bình, để chỉnh lại cái loạn vô thức của lòng người; một mặt nối liền với tinh thần thiên trước và thiên sau này vậy.

Lời bình toàn thiên

Sóng đời hết lượn lên rồi lượn xuống, chúng sanh sống trong ấy hầu hết vừa nứt mắt ra là đã tự nhiên vô ý thức thả tuột dốc trôi xuôi. Vì thế mà chưa có một bậc thông đạt nào không từ mê lầm mà xuất hiện, cũng không có một chúng sanh mê lầm nào rồi sẽ không trở thành thông đạt. Hèn gì lắm kẻ phải tin có một đấng chủ tể nào, thì thật không lấy làm oan uổng lắm!

Một cuộc sống không được sống yên thác thuận đều chẳng qua chỉ tại mê lầm. Vì giác mê xen kẽ, nên mới có kẻ đã thấy dẫn người chưa

thấy.

Nếu chưa có bệnh đâu cần rước chi thầy thuốc! Thế mới biết: có hiện tượng Huỳnh Đế Kỳ Bá hiện ra, tức là bệnh đời đã trầm kha ngoắc ngoải và cái học Dịch của Phục Hy cũng đã bị chối bỏ mỏi mòn.

Nhà Phật nói: Đây là cõi đời ác trược; nhưng nếu quả là luôn luôn ác trược, sao lại có chánh pháp và mạt pháp? Sao có thượng ngươn hạ ngươn? Sao lại nói: "Chúng sanh tức là không phải chúng sanh"? Không biết ngoài địa cầu này, còn có cõi nào luôn luôn trọn vẹn rặt mùi yên vui hay không, không mấy ai biết chắc! Nhưng nếu không có, sao lại có chuyện cõi Cực Lạc Phật A-Di-Đà?! Thế mới biết: có cõi rặt mùi đau khổ, tất có cõi rặt mùi yên vui. Nhưng nếu quả trong bao la này không thể có mặt bằng, thế tất có lên dốc rồi phải có xuống dốc. Làm sao mà biết được? Nhà Phật nói: "Hết thảy cái gì có tướng cũng đều là huyễn hóa vô thường". Thế mới biết: có thượng ngươn hạ ngươn, chánh pháp mạt pháp, vui khổ hay không đều chỉ tại lòng người ý thức hay vô ý thức. Đây chính là nghĩa:

"Một niềm tròn sáng tánh tội không

Đồng chung pháp giới hằng thanh tịnh".

Nếu địa cầu không từ nhỏ rồi lần lần lớn, không từ quay nhanh rồi lần quay chậm là địa cầu chết. Có nhỏ rồi lớn, có quay nhanh rồi quay chậm, thì dòng đời mới có thượng ngươn hạ ngươn, trong vô ý thức lòng người mới có hút vào hay vọt ra. Đã vô thức thả trôi đổ dốc đến chối bỏ sự thật, mà đời phải ngầu đục đảo điên; thế thì hiện tượng Huỳnh Đế Kỳ Bá hay hiện tượng Thích Ca cũng đều là những cục phèn để lắng trong dòng nước đời ác trược.

Đã thêm ٥··· năm nữa quả đất không thể không lần to, lần lăn chậm. Thế hấp dẫn giữa quả đất và mặt trời không thể không đã mất quân bình, và mặt trăng với quả đất không thể không như thế. Thế mất quân bình ấy biết đâu không bắt buộc vầng trăng phải lần xa quả đất; quả đất có hồi bị sức hút mặt trời mà phải xích lại gần hơn! Và có hồi vì sức đuổi theo đã kém sút mà phải dang xa, làm cho chu kỳ bầu dục quả đất biến thành một vòng vừa dài vừa hẹp. Lẽ cố nhiên thời tiết không

quá Hè thì quá Đông, không quá nóng thì quá lạnh, sức nặng của con người càng ngày càng hao hụt, tinh thần của loài người càng hoảng hốt phóng vọt lạc lõng bơ vơ, bệnh tật càng ngày càng quái dị; thời gian, ngày giờ càng lệch lạc bất thường, xã hội loài người ngày càng đắm say theo vật chất; tàn hại giết chóc ngày càng hung hăng; thức ăn uống cách sinh hoạt, tôn giáo tín ngưỡng đều trở thành thuốc độc, cho đến cái học nhà Phật cũng bị loài người chối bỏ hoàn toàn. Thế là tinh thần chối bỏ sự thật của người ngày nay so với ٥··· năm về trước, làm sao không càng vừa sâu vừa rộng?! Thế mà câu chuyện của NỘI KINH đến nay ta đọc qua chừng như câu chuyện mới xảy ra trong lúc nãy. Thế mới biết: cái học NỘI KINH tuy là cái học không thể chối; ngoài tinh thần này không có một lối thoát nào có khả năng phổ cập hơn; nhưng hiềm một nỗi, thế vận hành của Thái dương hệ đã đến hồi bắt đầu quá lệch lạc. Thế là cơ duyên tuy rất hợp, nhưng cũng rất trễ tràng! Quả thật! Quả thật! Loài người chúng ta đang phải gặp hồi vừa may mà cũng vừa rủi. Nếu đã không dám đi thẳng vào cái đạo tịch diệt ly ngôn, mà còn chần chờ trước cái học về trật tự thiên nhiên của NỘI KINH, thì trời ơi! Chỉ còn có một cách đón chờ một dịp tự kết thúc mình! Nếu là hàng khéo nghĩ, nên phải liệu lượng sao đây?!

THIÊN THỨ 14

- HẾT -

Nếu tôi còn hỏi cái không là gì ra sao, ranh giới nó tới đâu tức là tôi đã mắc phải một thứ bệnh hiểu biết. Tất không thể nào tôi nhận ra được khi tôi không nghĩ thiện không nghĩ ác, không móng ý, chính hồi đó cái không là gì đích thị là tôi. Thì làm sao tôi vào được tận nguồn sâu thẳm của kho tàng NỘI KINH.

C.N

Thiên 15
NGỌC BẢN LUẬN YẾU

LỜI MỞ ĐẦU

Hết thảy hiện tượng đều huyễn hóa vô thường, đều từ cái KHÔNG HAI mà xuất phát.

Địa cầu có nhỏ, rồi lớn, rồi già suy; cho nên trong vô ý thức mà dòng đời có lên lên xuống xuống. Do đó mà thiên này nối liền với hai thiên trước, quyết định không thể không có duyên do.

Chữ "Thần", chữ "Đạo" và chữ "Một" là ba chữ thường đi đi lại lại suốt từ thiên thứ 13 (Di Tinh Biến Khí) cho đến thiên 16 (Chẩn Yếu Kinh Chung) mà thiên này vẫn còn gồm đủ. Thế là chữ "Thần", chữ "Đạo", chữ "Một" đối với thiên này là ba chữ vô cùng quan trọng.

Từ thiên này cho đến suốt thiên sau, phần chuyên môn chiếm gần hết, mới trông qua ta thấy hình như luận giả hoàn toàn đặt nặng vấn đề chuyên môn, mà thiên này lại là tóm tắt ở trong tóm tắt. Vì thế thiên này trở nên quá keo sắc; lại thêm câu chữ hình như cũng bị mất mát xáo trộn phần nào, làm cho đoạn lạc không được thông suốt, câu văn trở nên tối

nghĩa. Thí dụ như: từ đoạn một sang đoạn hai cảm thấy có một hố cách bức làm sao ấy, cũng như câu chót ở cuối của thiên ngừng dứt rất đột ngột, đó là chưa kể đến phần sai lạc linh tinh trong từng chữ một. Vì thế nên điều quan trọng nhất là phải thấu suốt yếu chỉ toàn thiên muốn nói gì trước đã, có rõ ràng yếu chỉ mới có thể san định được phân minh.

Mặc dù lời đáp của luận giả ở đoạn 1 là những lời sau này trong thiên 19 (Ngọc Cơ Chơn Tạng luận) Huỳnh Đế có lúc lặp lại nguyên văn chăng nữa, nhưng khi đã chịu trách nhiệm để san định lại, chúng tôi thấy có bổn phận tùy theo khả năng của mình mà chỉnh đốn lại câu và chữ cũng như đoạn lạc, cốt sao cho được càng thêm sáng tỏ mà không mất phần yếu chỉ, chớ không thể cố chấp ở chữ và lời. Những câu, những chữ được thêm hoặc được chỉnh đốn lại thì chúng tôi cho vào trong ngoặc để độc giả tiện bề tham khảo.

Định nghĩa tên thiên

"Ngọc Bản" là bản bằng ngọc, "luận yếu" là lời luận tóm tắt. "Ngọc Bản Luận Yếu" là lời luận tóm tắt quan trọng, bí yếu khắc vào bản ngọc, mà sau này chúng ta sẽ thấy Huỳnh Đế lặp lại một đoạn nguyên văn ở thiên thứ 19 (Ngọc Cơ Chân Tạng luận). Thế là bản ngọc là một thứ sách cổ dùng những bản bằng ngọc mà khắc chữ vào, để lưu truyền lại cho đời sau mà cũng bao hàm nghĩa ghi xương tạc dạ.

Ở phần Linh Khu tuy lệch hẳn về chuyên môn, mà đã có thiên Ngọc Bản; thế thì gọi là Ngọc Bản Luận Yếu ở đây, có lẽ là phần quan trọng nhất đã được khắc vào bản ngọc; mà thiên Ngọc Cơ Chân Tạng luận cũng trong lệ này.

Đến cuối thiên lại có câu "luận yếu đã hết", vì thế mà kết đúc thành tên thiên.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: Dư văn QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, sở chỉ bất đồng, dụng chi nại hà?

Kỳ Bá đối viết: QUÍ ĐỘ giả, độ bệnh chi siển thâm dã. KỲ HẰNG dã, ngôn kỳ bệnh dã.

Thỉnh ngôn đạo chi chí số: ngũ sắc mạch biến, QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, đạo tại ư nhứt. Thần chuyển bất hồi, hồi tắc bất chuyển, nải thất kỳ cơ.

Chí số chi yếu, bách cận dĩ vi. Trước chi Ngọc bản, mạng viết HỢP NGỌC CƠ.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm nghe phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, sự chỉ dạy mỗi nơi có khác, vậy phải áp dụng thế nào?

Kỳ Bá thưa: QUÍ ĐỘ nghĩa là độ bệnh cạn sâu, KỲ HẰNG nghĩa là nói về những bệnh đặc biệt.

Theo đây trước hết xin nói về cái cùng cực của Đạo: về sự biến hóa của 5 sắc năm mạch cũng như phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG; nói tuy bao la nhưng Đạo chỉ ở MỘT. Hễ thần chuyển thì không dội lại, nếu có dội lại thì không thể chuyển; tức là đã lỗi cơ.

Chỗ bí yếu cùng cực càng gần sát càng nhiệm mầu, nên khắc vào bản ngọc, mệnh danh là HỢP NGỌC CƠ.

GIẢI

Toàn thiên này mắc liền với thiên trước bằng chữ "Thần", chữ "Đạo" và chữ "Một", để mượn môn sắc mạch hầu nói lên hai hệ thống bệnh tật: một thuộc về thường (theo hệ thống điện thuận chiều), hai thuộc về trái

thường (theo hệ thống điện nghịch chiều), mà điểm quan trọng đều qui hết về "tinh thần" bằng một cách tóm tắt để mở lối cho thiên sau. Và đoạn mở đầu là tóm tắt trong tóm tắt.

Đại ý luận giả muốn nói: con người không thể tách rời cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi thiên nhiên mà tồn tại được. Vì vô ý thức phóng vọt hướng ngoại thả trôi theo dòng đời xuống dốc, không hiểu gì hết về chính con người của mình, trong vô tình gây thành động cơ đổ vỡ; vì thế trong bệnh tật có hai hệ thống khác nhau, mà cơ mầu chớm phát của nó rất là vi diệu, phải nên học biết.

Toàn bộ NỘI KINH có nhiều nơi xảy ra bốn chữ "QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG". Các nhà chú thích Trung Hoa lại còn cho rằng: những kinh sách thời thượng cổ để lại có hai thiên là QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG và Ngũ Sắc Mạch Biến. Thế là nhà Vua đã có nhiều lần nghe qua hoặc đọc qua các sách xưa, mà vẫn bị nghi hoặc vì mỗi nơi nói một cách khác, không thể áp dụng được, nên mới có chuyện mang ra hỏi.

Nếu không được giải thích thì bốn chữ "QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG" trở nên vô cùng bí hiểm. Luận giả bảo: "QUÍ ĐỘ nghĩa là để nghiệm biết bệnh ở cạn hay ở sâu"; thế là hai chữ "QUÍ ĐỘ" có thể là một động từ hay một danh từ động hơn là một danh từ, vì nó là một phép tắc, một phương pháp, một cách thức. Còn KỲ HẰNG mà nói là "để nói về những bệnh đặc biệt", thế thì hai chữ kỳ hằng là một liên danh từ, mà Kỳ là đặc biệt, là lạ, là nghịch, là khác, còn HẰNG là thường, là thuận, là ngược lại với KỲ. Nhưng thế nào là trái thường, là nghịch? Thế nào là thường, là thuận? Vẫn hãy còn để đó.

Luận giả lại tiếp: "Đây xin nói về cùng cực của Đạo", đọc lên câu này dù là ai thì cũng thấy chữ Đạo lỏng lẻo quá chừng. Đã nói là Đạo, sao lại bảo có cùng cực với không cùng cực? Thế là trong chỗ không lời luận giả muốn bảo không đâu là không có Đạo, không thể có một vật nào ở ngoài Đạo, đời với Đạo khác nhau chẳng qua chỉ là thứ bày đặt của con người.

Cách thế dùng chữ này, quả là tinh thần người nay không dễ gì nhận biết được, vì thế mà có những người học Phật thường bảo: người Trung Hoa xưa nhận định về Đạo không được rõ ràng. Nhưng nếu ta

nghĩ cho kỹ, nghiệm cho sâu, rồi ta mới thấy sự hiểu biết của người nay quá nông nổi, và cách nhận định cũng không được chính xác. Vì luận giả thấy được chỗ đó, nên tiếp tục giải thích:

Các nhà chú thích bảo: câu "ngũ sắc mạch biến" và câu "QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG" đều là tên của hai thiên sách cổ, để nói về sự biến hóa của sắc và mạch với phép "QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG". Thế thì dù hiểu nó là tên của hai thiên sách, hay hiểu nó là sự biến hóa trong môn sắc mạch với phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG cũng chả có hại gì.

Luận giả nói: "dù nói ở sắc mạch biến hay QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG đối với Đạo chẳng qua chỉ là MỘT". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là dù cho sự biến hóa của mạch với bốn mùa cũng như phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG nói ra tuy có muôn vàn, chung qui cũng đều ở trong cái lẽ đồng nhất. Ta hãy thử nghĩ: tại sao luận giả lại đưa ra vấn đề Đạo, vấn đề cái lẽ đồng nhất ở nơi đây? Tại sao không giải thích thẳng về phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, mà lại nói chi luẩn quẩn loanh quanh? Ví nếu giải thích thẳng vào phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG thì việc gì xảy ra? Thế mới biết: chữ "Đạo", chữ "Một" ở đây với luận giả rất là quan hệ!

Nhìn suốt bộ NỘI KINH, không đâu ta không thấy có một cách lập luận là: luôn luôn mở đầu bằng khái quát, rồi kế đó phân tích, phân tích rồi gợi cho trong tinh thần người nghe cũng như người đọc nếu đủ lòng thành liền nảy sanh một nhận thức qui nạp. Thế là trong tinh thần luận giả luôn luôn để ý đến sự hướng dẫn cho tâm và trí, trực giác với lý trí, tim và óc có nẻo trở về với hòa đồng, để sự hiểu biết được ứng đúng vào trong cuộc sống.

Có ai ngờ: trong cuộc sống này, thiếu tinh thần Đạo là cuộc sống trở nên loạn ly. Điều này ai ai cũng có thể biết.

Có ai ngờ: trong cuộc sống, nếu có một phút quên lãng về cái lẽ đồng nhất, liền có thể xảy ra một giờ khổ lụy đau thương. Điều này ai ai cũng có thể biết.

Có ai ngờ: Đạo là cái gì? Cái lẽ đồng nhất là cái gì? Nếu thiếu cái Đạo, thiếu cái lẽ đồng nhất là không có sự hiểu biết đúng. Điều này ai ai cũng có thể biết. Thế mà hầu hết loài người hễ vừa động dụng là tức

khắc đã quên lững về Đạo, về cái lẽ đồng nhất đi. Như thế dẫu cho có muốn biết đúng chăng nữa cũng không làm sao được! Mạnh Tử nói: "Không thể có một giây xa lìa Đạo, mà trái lại người đời luôn luôn quên lãng". Thế mới biết: trong cuộc sống này sự nhắc nhở lẫn nhau để luôn luôn đừng có phút nào quên lãng về Đạo, về cái lẽ đồng nhất tương quan là một việc làm vô cùng quan trọng. Vì thế mà thiên này chỉ vỏn vẹn có ba đoạn, mà đoạn đầu luận giả đã đưa ngay chữ "Đạo", chữ "Một", rồi đến chữ "Thần" ra; để dù cho đến hai đoạn sau và cả đến thiên sau này có bàn sâu vào phần chuyên môn chăng nữa, cũng không bị mất tinh thần "ngao du trong nghệ thuật". Thế mới biết: đã là thông đạt thì dù đứng đâu, làm việc gì hoặc nhỏ hoặc lớn cũng đều hàm chứa một tinh thần thông đạt.

Sau khi đưa chữ "Đạo", chữ "Một" ra, luận giả lại tiếp: "Hễ thần chuyển thì không khựng dội lại; nếu có khựng dội lại thì không thể chuyển, tức là đã lỗi cơ".

Chữ "Thần" ở đây với bao nhiêu chữ "Thần" tận tự thiên đầu có giống nhau không? Có thể nào y cứ vào nghĩa cố định mà giải thích được không? Tại sao thần phải chuyển? Tại sao chuyển lại không được khựng dội lại? Tại sao dội lại là lỗi cơ? Mà cơ là cái gì? Làm sao biết được thần chuyển với không chuyển, khựng dội lại với không khựng dội lại?

Bổn tánh linh diệu nhiệm màu vốn không hai. Sáng suốt tròn đầy vốn không hề có bao la cùng với con người ngăn cách. Tất cả mọi hiện tượng không ngoài viên quang, nhưng cũng không phải chỉ là viên quang. Vì thế mà trong thông đạt không đâu không chỉ là thần, nhưng thần cũng không thể chỗ nào cũng như chỗ nấy, đã là chỗ nào cũng như chỗ nấy thì không thể gọi là Thần; thế là Thần cơ diệu dụng vốn không nơi chỗ, biến hóa không cùng. Thế mới biết: nghĩa Thần ở bao la với nghĩa Thần trong con người cũng đồng mà cũng khác.

Trong bao la này một giàn máy khổng lồ huyễn huyễn hóa hóa, đang vùn vụt chuyển vần, do một sự kết hợp của vô số giàn máy huyễn hóa chuyển vần. Thái dương hệ này là một giàn máy huyễn hóa chuyển vần trong huyễn hóa chuyển vần. Con người là hóa thân của bao la, mà cũng là hóa thân của giàn máy Thái dương hệ. Cứ như thế mà thu mãi vào tận siêu nguyên tử của tế bào.

Nghĩa "Thần" ở bao la vốn là suốt khắp, mà ở Thái dương hệ lại là mặt trời. Đã là suốt khắp tất phải suốt khắp cả Thái dương hệ, mà cũng là suốt khắp cả con người. Thế thì Thần vào trong con người cũng vừa là suốt khắp, vừa là Thái dương hệ, mà cũng vừa là tạng Tim.

Con người mắc liền với quả đất, quả đất mắc liền với Thái dương hệ, Thái dương hệ mắc liền với ngân hà, ngân hà mắc liền với thái cực, thái cực lấy viên quang tịch chiếu làm cơ mầu mà cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông được thành lập. Thế là Thần của con người cũng là Thần của bao la, cơ của bao la cũng là cơ trong con người, trật tự trong con người phải cùng với trật tự của bao la đồng nhất. Đời với Đạo đã không thể phân hai, con người cùng với bao la không thể cắt xén.

Nhìn trở ra là chánh điên đảo, là phân hóa, là cắt xén, là vụn vặt, là nhìn không khắp, là trái thường. Soi trở vào là chánh biến tri, là đồng nhất, là hòa hợp, là nguyên vẹn, là nhìn suốt khắp, là thường hằng.

Cùng trong một cơ mầu đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, khi lành mạnh cũng như khi đau ốm, con người không thể riêng khác. Hễ là chánh điên đảo là đã mở dòng điện nghịch chiều, để chấp nhận sự đổ vỡ, đã xung khắc với cơ trật tự lưu thông; nếu là chánh biến tri, tức là cùng với cơ trật tự lưu thông đồng nhất.

Trong thần cơ đồng nhất trật tự lưu thông không hề có tâm, vật, trong, ngoài, chỉ có con người chánh biến tri hay chánh điên đảo, để hậu quả là đồng nhất với cơ mầu hay lỗi cơ đổ vỡ. Đó là mối mang để mở ra hai hệ thống của bệnh KỲ hay bệnh HẰNG; dẫu cho động cơ từ sanh hoạt ăn uống cũng phải gốc rễ tận tự tinh thần. Thế mới biết: Thần chuyển là không khựng dội lại, khựng dội lại là lỗi cơ mầu. Quả là chí lý.

Bất cứ một việc gì xảy ra trên đời này dù to lớn đến đâu chăng nữa, khởi nhân của nó vẫn ở cùng cực cơ vi. Khi cơ vi đã phát khởi chẳng khác nào một viên đạn đã thoát nòng súng, một mũi tên đã thoát vành cung. Cơ chớm phát ấy, trí lực thường tình không thể đón bắt; vì thế nên thánh hiền trong muôn thuở đều không ngớt ý thức về cơ mầu. Cho nên tận tự thiên đầu đã có đề cập bằng câu "Cơ mầu dấy động họa

phúc liền sanh. Điềm đạm rỗng rang bệnh nào phát khởi". Thế mới biết: chỗ cơ mầu chớm phát vô cùng diệu vi mà cũng là ranh giới ở giữa cái biến dịch, di dịch và bất dịch. Thế là "chỗ bí yếu cùng cực càng gần sát càng nhiệm mầu" là một cách nói khác về cơ vi, mà chữ "Đạo", chữ "Một", chữ "Thần", chữ "Cơ" là bốn chữ quan hệ với nhau vô cùng mật thiết.

Tại sao chỗ cơ mầu chớm phát lại là chỗ thánh hiền trong muôn thuở rất lưu tâm? Tại sao phải chạm khắc vào bản ngọc? Tại sao lại mệnh danh là HỢP NGỌC CƠ? Ai hợp?

Khi cung đã kéo thì chỉ có buông tên hay không buông tên, chớ không hề có buông tên rồi đuổi theo bắt lại. Viên đạn đã lắp vào nòng súng chỉ có nhắm và kéo cò hay thôi để xuống khóa lại, chứ không hề có kéo cò rồi đuổi theo bắt lại viên đạn bao giờ. Chỉ có trồng cây này hay trồng cây khác, chớ không hề có bẻ quả này vứt đi dùng quả khác lấp vào. Thế mới biết: người khôn ngoan chỉ có đổi nhân, chớ không hề nghĩ đổi quả. Thế thì trong cuộc sống hàng ngày, chỗ khởi nhân của tất cả mọi sự việc không phải là điểm vô cùng quan trọng đó sao?! Nhà Phật nói: "Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả". Thế sự tuy có muôn vàn, lòng người tuy có thiên hình vạn trạng nhưng cũng không ngoài hai lẽ: chánh biến tri hay chánh điên đảo. Chánh điên đảo đi đến chỗ phân hóa, đổ vỡ tan tành; còn chánh biến tri thì cùng với thiên nhiên đồng một lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông vậy. Thế mới biết: cái lẽ KỲ HẰNG không phải chỉ là KỲ HẰNG của bệnh tật nơi xác thân mỗi con người, cho đến cả gia đình, xã hội, quốc gia, thiên hạ, văn hóa, giáo dục, triết học, chánh trị… cũng đều cùng một lẽ thấu suốt bao gồm, mà cơ vi chỉ ở lòng người, là điều duy nhất quan hệ. Có lúc Khổng Tử bảo đồ đệ là thầy Tăng Sâm rằng: "Này Tăng Sâm! Đạo ta chỉ có Một mà suốt tất cả". Vậy thử hỏi chữ Một ấy nguồn suối nó ở đâu?!

Sự thật là thế, như thế không đủ để cho ta quí trọng mà chạm vào bản ngọc để lưu lại cho người đời sau sao?! Không những là ghi khắc vào bản ngọc, mà còn phải tạc dạ ghi xương nữa là khác! Như thế biết đâu hai chữ "Ngọc bản" ở đây, lại không còn có nghĩa là xương cốt?! Cho nên mới nói là "khắc vào bản ngọc, mệnh danh là HỢP NGỌC CƠ".

Cơ mầu đã là cơ mầu của đồng nhất, đời với Đạo không thể phân

hai. Thế là cơ mầu không phải để riêng cho bệnh nhân hay thầy thuốc, mà là nền tảng của khắp cõi bao la. Nhưng có một điều cần phải biết là khi ngao du vào lãnh vực nghệ thuật của Y khoa, từ đó diễn ra đến đâu đều phải có khuôn, có thước, có qui tắc. Phép tắc thế nào? Hãy đợi đến hai đoạn sau sẽ rõ.

BÌNH

Nếu Đạo không phải là cái không xưa không nay, thần là cái không một không nhiều mà cũng không có vấn đề suốt khắp hay không suốt khắp; vũ trụ này chỉ là một đống rác lộn mèo không trật tự, thì vấn đề cơ mầu chớm phát không còn là vấn đề bí yếu đáng tạc dạ ghi xương, mà lòng người tráo trở giây phút thế này, giây phút thế khác cũng không phải là việc đáng cho ta để ý.

Nếu cơ mầu không phải là viên quang tịch chiếu, không gian thời gian không phải là theo đà lượn sóng lên lên xuống xuống thăng trầm, con người không hề quên để ý chỉnh đốn cái máy Mình trước, thì đâu đến đỗi phóng vọt ra ngoài để thả trôi theo dòng đời tuột dốc! Tất cái học Dịch cũng chưa bị chối bỏ tiêu trầm, mà Huỳnh Đế Kỳ Bá cũng không cần hiện ra thở than, rồi cái học NỘI KINH xuất hiện. Thế mới biết: có cái học NỘI KINH là bởi cái học Dịch có bị tiêu trầm, mà cái học NỘI KINH phải là thứ không ai có quyền chối bỏ. Nếu dòng đời đổ dốc càng xa nguồn càng sâu rộng hơn lên, tựa hồ như ánh sáng đèn pin càng ra xa càng nở lớn, thì từ khi có mặt Huỳnh Đế Kỳ Bá đến nay đã trải qua 5000 năm, cuộc đời không thể không càng ngày càng thêm ác trược.

Nếu tâm lý chối bỏ sự thật của loài người chưa đến quá quắt, cho đến cái học của nhà Phật cũng bị chối bỏ luôn, thì cái học NỘI KINH được san định lại cũng chưa có cơ khởi phát.

Nếu Đạo là cái không hai đâu đâu cũng thế, thì vấn đề 5 sắc mạch biến, QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, thần cơ bí hiểm không thể là chuyện chỉ nhốt cứng vào trong khuôn khổ bệnh tật của cá nhân; và thuận nghịch hai nẻo là việc trong xã hội loài người đâu đâu cũng có thể có.

Nếu cơ mầu không vi diệu, thì sao ngay ở lòng tôi một mảy may chớm phát tôi đón bắt cũng rất là khó khăn?!

Nếu cơ mầu không phải từng nơi từng chỗ, thì sao có hiện tượng nhân quả rõ ràng?!

Nếu cơ mầu không phải là cùng chung với bao la trọn vẹn, sao các nhà nguyên tử học không tìm thấy được một vi tế đơn thuần?! Thế mới biết: trong thần cơ diệu dụng không hề có suốt khắp hay không suốt khắp, một hay nhiều, mà nhiều một đồng một lúc, rộng hẹp cùng chung, lớn nhỏ cùng hiện, bao la với bé bỏng bình đẳng một màu không có nơi nào không đủ, không chẳng đủ.

Nếu quả có một đấng chủ tể đứng chủ trương, thì đấng chủ tể ấy thật là hồ đồ mâu thuẫn! Nay giả sử tôi ngồi vào bàn ăn dùng đũa gắp một thức ăn trong đĩa để vào miệng và bảo: Này! Tất cả đều là vật chất, tôi có đưa tay gắp là tôi có được thức ăn. Thế là chuyện ăn của tôi chỉ có thức ăn và đôi đũa, còn mâm bàn, chén bát nồi niêu, xoong đĩa, ghế đẳng, cửa nhà, cho đến tất cả những người khác cùng với hư không đối với tôi nào có dính dấp, thì tất cả mọi người sẽ hiểu tôi ra sao? Thế mới biết: thần cơ diệu dụng chỉ là một đấng chủ tể tận đâu đâu hay chỉ là vật chất lăng nhăng trong những máy thí nghiệm của phòng thí nghiệm, thì thần cơ diệu dụng ấy chẳng có nghĩa thần cơ diệu dụng chút nào! Do đó mà biết được lao đầu vào công cuộc thí nghiệm vật chất, để tìm lấy một kết luận cho cơ mầu hầu chỉnh đốn lại sự đổ vỡ trong cuộc sống, là những kẻ bệnh điên thượng hạng bị nhốt vào phòng điên của nhà thương điên đặc biệt. Thế mới biết: liều thuốc cứu chữa lại bệnh điên đặc biệt, không đâu hơn là trở lại điều chỉnh cái máy MÌNH để cơ mầu được tự nhiên xuất hiện trọn vẹn. Khi bệnh điên đã hết, thì KỲ với HẰNG cũng hết thành vấn đề. Thế là cơ thần được khắc ghi vào bản ngọc, mà cái học "lấy tâm truyền tâm" mới được phục hồi.

Trời ơi! Có ai ngờ: trong ruột tôi có hai tế bào – một đang sanh chứng bệnh điên tuôn chạy lùng khắp bộ tiêu hóa, để tìm xem ở đâu là trọn vẹn của một con người; còn một tỉnh bơ nằm im lìm, rồi cùng với thân tôi, nó biết được vốn không hai không khác mà không cần đến lùng kiếm tìm tòi. Rồi hôm nào, trông thấy tế bào điên kia đang sục sạo khổ sở, thương hại quá, nó muốn đem hết tự sự mà bảo cho nghe; nhưng rốt rồi chẳng khác nào một thằng vừa câm vừa điếc kể lại cho kẻ khác chuyện chiêm bao ngày hôm qua. Trời ơi! Như thế không phải là việc khổ tâm sao?!

Nhà Phật kể: "Thiện Tài đồng tử là một nhân vật học Đạo, lanh lợi vô cùng, lại thêm có sức thần thông quảng đại. Một hôm nghĩ quyết khám phá cho ra bí mật trong lỗ chân lông của Bồ Tát Phổ Hiền; thế mà vận dụng hết suốt kiếp thần thông cũng không mò đụng hết bờ mé". Vậy Thiện Tài đồng tử là ai đó? Ta hãy thử lẳng lặng trầm ngâm…

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

(Ngũ sắc mạch biến); dung sắc kiến thượng hạ tả hữu, các tại kỳ yếu:

Kỳ sắc kiến siểng giả, thang dịch chủ trị thật nhật dĩ. Kỳ kiến thâm giả, tất tề (độc dược) chủ trị nhị thập nhứt nhựt dĩ. Kỳ kiến đại thâm giả, liêu tửu chủ trị bá nhựt dĩ. Sắc yểu diện thoát (nhược) bất trị bá nhựt tận tử. Mạch đoản khí huyệt tử. Ôn bệnh hư thậm tử.

Sắc kiến thượng hạ tả hữu, các tại kỳ yếu: thượng vi nghịch, hạ vi tùng. Nữ tử hữu vi nghịch, tả vi tùng; nam tử tả vi nghịch, hữu vi tùng. Dịch, trùng dương tử, trùng âm tử.

Âm dương phản (tác), trị tại quyền hành tương đoạt.

KỲ HẰNG sự giả, QUÍ ĐỘ sự dã.

DỊCH

Về sự biến hóa của sắc và mạch; khi khí sắc hiện trên nét mặt hoặc hiện ở trên hoặc hiện ở dưới, hoặc bên trái hoặc bên phải tùy theo mỗi nơi mà có sự quan hệ riêng:

Nếu khí sắc hiện thấy cạn, dợt, có thể chọn dùng những thứ thuốc nước bào chế sẵn cho uống, độ 10 ngày khỏi.

Nếu khí sắc hiện sâu, đậm, tất phải cùng đi đôi với những thứ thuốc có chất độc, áp dụng chủ trị độ 21 ngày khỏi. Nếu khí sắc hiện quá sâu, quá đậm thì phải dùng loại thuốc rượu cho uống đến 100 ngày thì khỏi. Nếu sắc yểu, gương mặt hốc hác mà không chữa trị có thể đến 100 ngày chết. Nếu lại thêm mạch đoản khí tuyệt thì chết không hẹn ngày. Trong trường hợp bệnh Ôn, cơ thể quá hư cũng chết.

Khí sắc hiện lên nét mặt tùy theo trên dưới, bên trái bên phải mỗi nơi đều có quan hệ khác nhau: nếu hiện ở trên, xông lên là nghịch; ở dưới, rút xuống là thuận. Về phần phụ nữ bên phải là nghịch, bên trái là thuận; về phần nam bên trái là nghịch, bên phải là thuận. Nếu là trái thường đổi ngôi, ở nam gọi là trùng dương cũng chết, ở người nữ gọi là trùng âm cũng chết.

Nếu khí sắc hiện âm dương trái nhau như thế, muốn chữa trị tất phải cân nhắc sắc mạch cho thật kỹ lưỡng để đương đầu cướp bệnh.

KỲ HẰNG với QUÍ ĐỘ không phải là hai.

GIẢI

Đoạn trên đã mở đầu bằng sự biến hóa của sắc mạch với phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG chung qui chỉ ở trong cái lẽ đồng nhất. Đến đoạn này bắt đầu mở rộng về sự biến hóa của sắc hợp với mạch, mà đi lần vào phần tinh thần nghệ thuật vậy.

Luận giả tiếp: "Về sự biến hóa của sắc và mạch; khi khí sắc hiện lên nét mặt sẽ phải tùy theo trên dưới, bên trái bên phải mà mỗi nơi đều có giá trị quan trọng khác nhau". Thế là trong chỗ không lời luận giả muốn nói: gương mặt là phản ảnh của toàn thân, có cách nhận định để thấy được mỗi một vùng trên khuôn mặt là đại biểu cho một vùng trong châu thân, căn cứ vào đó mà khám phá ta có thể biết được khi thường cũng như khi biến. Đây là chỗ để cho Y khoa và tướng số đồng xuất phát

từ một nguồn.

Gương mặt là bóng dọi của thân người, khí sắc trên khuôn mặt là bóng dọi của tạng phủ trong con người ấy. 5 tạng là hiện thân của 5 hành, 5 hành phân âm dương mà có 10 can. Mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ với mỗi can đều có chỗ ứng hợp. 5 tạng tuy là âm, nhưng mỗi tạng vẫn có phần âm dương của nó. Khí sắc hiện lên mặt, tức là thế mất quân bình của nội tạng đã lộ ra đến ngoài. Căn cứ vào nơi chỗ, quan sát khí sắc dợt, đậm, cạn, sâu, để giải quyết thế mất quân bình từ trong nội tạng. Mỗi cái 10 ngày là giáp một vòng âm dương ứng hợp vào 5 tạng với 5 hành.

Phép bào chế thuốc mà làm ra thuốc nước, là cốt để khi vào cơ thể dễ bề lưu thông, bên trong dễ đi sâu vào 5 tạng, bên ngoài dễ suốt ra đến da lông, đến gương mặt.

Nếu là khí sắc dợt, cạn tức là trường hợp bệnh nhẹ, chỉ cần sức thuốc chu lưu giáp một vòng âm dương của 5 hành, là khắp 5 tạng suốt đến bên ngoài thay đổi đến gương mặt. Nên mới nói: "nếu khí sắc hiện thấy cạn, dợt, có thể chọn dùng những thứ thuốc nước bào chế sẵn cho uống, độ 10 ngày khỏi".

Bệnh ở tạng là bệnh thuộc âm, 5 tạng thuộc 5 hành nên dựa vào Thiên can mà tính. 10 và 20 đều là con số âm cực, là hai vòng Thiên can; 21 là âm cực sanh dương. Trong 5 tạng thiếu khí dương lưu thông, là sanh khí không thể hồi phục. Khi khí sắc hiện lên khuôn mặt thấy đậm thấy sâu, tức là gốc rễ bệnh càng ăn sâu hơn; nếu không có sức mãnh lợi của thuốc có chất độc, thì không thể xông vào được. Do đó mới nói: "Nếu thấy khí sắc hiện sâu, đậm thì phải dùng thuốc có chất độc để điều trị, độ 21 ngày khỏi". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là phải áp dụng hình thức thuốc nước mà trong đó có nhiều tính chất mãnh lợi, để chữa trị trong trường hợp bệnh sâu đậm hơn mới có thể khỏi.

Thuốc nước là dùng tánh chất lỏng; áp dụng thuốc có chất độc mà chế là dùng tánh chất mạnh; trong thuốc có rượu là dùng tánh nhạy, đi nhanh.

Một vòng 10 là một khởi đầu của âm, 10 vòng 10 là hết bực âm.

Nếu khí sắc thấy quá đậm, quá sâu, tức là thế mất quân bình đã tràn ngập vào trong âm cực hiện lộ ra đến gương mặt. Nếu trong thuốc không dùng chất rượu, thì không thể dẫn thuốc đến phần chi tiết cùng cực cái ngọn của mạch lạc; không thông suốt dinh vệ, thì không thể đánh tan nổi khí sắc cực âm. Cho nên mới nói: "Nếu khí sắc hiện quá sâu, quá đậm thì phải dùng thuốc có chất rượu để chữa, độ 100 ngày là khỏi". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là thuốc nước mạnh có rượu mới chữa nổi.

Với một tinh thần lương y gặp một trường hợp bệnh nặng trừ khi chết liền không kể, nếu thời gian còn kéo dài là phải tận lực tìm cách cứu chữa, chứ không thể để đó ngồi nhìn. Trong trường hợp biết được thời gian còn dài, tuy nếu không chữa thì rồi cũng sẽ chết, nhưng thời gian còn, tất còn có thể tìm phương chữa trị. Cho nên mới nói: "Khí sắc đã yểu, gương mặt hốc hác; nếu không trị thì có thể đến 100 ngày chết".

Mạch đoản là một hiện tượng mạch ở cổ tay, khi bắt vào thấy mỗi bộ không thông suốt nhau, như là bị đứt từng khúc ngắn. Khí tuyệt là hơi thở không được nối tiếp.

Nếu đã khí sắc yểu, vẻ mặt hốc hác, lại mạch đoản hơi thở không nối tiếp; như thế làm sao còn có thể nói có ngày giờ? Cho nên mới nói: "Nếu mạch đoản khí tuyệt là chết không có hẹn ngày".

Sự truyền chuyển của bệnh tật tuy có phân ra KỲ và HẰNG, nhưng cũng còn phải phân ra hai lối: nội thương và ngoại cảm. Cả nội thương và ngoại cảm đều có phân KỲ phân HẰNG, là bởi tâm lý con người có lên dốc xuống dốc.

Bệnh Ôn là một thứ bệnh do phục hàn của mùa trước vào ẩn núp trong con người, đến mùa sau mới phát ra. Nhưng nếu khí dương cũng như tinh hoa trong cơ thể vẫn luôn luôn sung túc thì không có chuyện phục tà. NỘI KINH có nhiều lần cho ta biết: "Mùa Đông bị cảm nhiễm khí lạnh tiềm phục trong thân, để sang Xuân phát sanh bệnh Ôn"; hoặc nói: "Mùa Đông nếu không chứa giữ tinh hoa của cơ thể, thì mùa Xuân sẽ mắc bệnh Ôn"; lại nói: "Thận là tạng chứa giữ tinh hoa toàn thân". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là khi tạng Thận bị suy yếu, tinh hoa của cơ thể không được súc tích đầy đủ, gặp phải mùa Đông sức đè nén của khí lạnh được chen vào tận cùng thâm sâu, để đến mùa Xuân năm sau biến hóa

trỗi dậy mà phát lên thành bệnh Ôn để bài tiết ra ngoài. Thế là khởi nhân của bệnh Ôn bắt đầu từ thế hư thiếu, cho nên khí tà hãm vào trong. Do đó khi bệnh Ôn hiện nguyên hình mà cơ thể quá suy nhược, thế là khí tà hãm vào tận cốt tủy, là trường hợp rất dễ chết. Cho nên mới nói: "Trường hợp bệnh Ôn, cơ thể quá hư cũng chết". Vì thế mà có lắm trường hợp tân hôn vào đầu mùa Đông, gặp năm khí lạnh nhiều quá, đến sang Xuân người đàn ông thường mắc phải bệnh Ôn rất là khó chữa.

Vì khuôn mặt là bóng dáng của cả con người, khí sắc hiện trên khuôn mặt trên dưới, trái phải mỗi nơi đều có sự quan trọng của nó. Khi khí sắc hiện trên khuôn mặt nếu là ở trên hay còn càng đi lên, tức là cơ bệnh vẫn hãy còn tiến triển, nên là nghịch. Nếu hiện ở dưới hay đi xuống, tức là thế bệnh lui; nên gọi là thuận. Làm sao biết khí sắc đi lên hay đi xuống? Tuy là khí sắc nhưng vẫn có gốc có ngọn, nếu ngọn quay xuống là đi xuống, ngọn trở lên là đi lên. Làm sao biết được chỗ nào gốc, chỗ nào ngọn? Cũng như nhìn vào một cội cây hay hòn núi để phân gốc ngọn.

Bản mạng của phụ nữ vốn là âm, bên phải của phụ nữ là âm ở trong âm. Nay bệnh của nội tạng là bệnh âm, lại hiện khí sắc lên mặt theo chiều âm; thế là âm càng nặng (trùng âm), không có hiện tượng âm dương giao hòa. Cho nên đối với phụ nữ khí sắc hiện lên bên phải của gương mặt là nghịch, bên trái là thuận.

Bản mạng của người nam thuộc dương, bên trái của khuôn mặt là dương trong dương. Khi nội tạng có bệnh, khí sắc hiện lên bên trái tức là dương càng thêm dương (trùng dương), không có hiện tượng âm dương giao hòa. Cho nên người nam khí sắc hiện bên trái là nghịch, bên phải là thuận. Vì thế mà những trường hợp khí sắc hiện lên nét mặt theo chiều nghịch của nam nữ như thế, đều là chứng chết. Cho nên mới nói: "nếu trái thường đổi ngôi, ở người nam gọi là trùng dương cũng chết, ở người nữ gọi là trùng âm cũng chết" là nghĩa thế.

Nếu là lương y thông đạt suốt cả bốn phép vọng văn vấn thiết, thông cả thiên văn, địa lý, nhân sự gặp trường hợp khí sắc trái nghịch như thế mà thời gian còn kéo dài, lẽ tất nhiên dẫu có muốn trị cũng phải thận trọng cân nhắc, hầu đón đầu bệnh tật chuyển nghịch thành thuận, chuyển nguy thành an. Nếu không phải như thế, mà mó tay vào càng thêm

nguy hiểm. Cho nên mới nói: "Nếu khí sắc hiện âm dương trái ngôi, muốn chữa trị tất phải cân nhắc sắc mạch cho thật kỹ lưỡng để đương đầu cướp bệnh" là vậy.

Trong thân người điện nghịch chiều là KỲ, thuận chiều là HẰNG. Bên ngoài thầy thuốc với bệnh nhân cách bức là KỲ, không ngăn cách là HẰNG.

QUÍ ĐỘ là phương pháp khám phá. Nếu giữa thầy thuốc với bệnh nhân không có HẰNG, thì không thể khám phá. Cho nên biết: việc KỲ HẰNG với QUÍ ĐỘ không phải là hai vậy.

Thế là trọn cả đoạn này áp dụng môn sắc mạch trong phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, để khám phá biết được bệnh thế nghịch hay thuận, KỲ hay HẰNG mà đặt nặng về phần khí sắc, chớ không phải để chỉ cho ta một phương thuốc chữa nào.

BÌNH

Nếu trong lớn có nhỏ, trong nhỏ có lớn, trong một có nhiều, trong nhiều có một, một nhiều thông nhau, lớn nhỏ bình đẳng, thì gương mặt là khuôn mặt của cá nhân, biết đâu khuôn mặt của gia đình không phải là vị gia trưởng? Nếu khuôn mặt của gia đình là vị gia trưởng thì biết đâu khuôn mặt của xã hội không phải là những dân chi phụ mẫu?! Nếu khuôn mặt của xã hội là dân chi phụ mẫu, thì biết đâu khuôn mặt của quốc gia không phải là tổ chức của nhà nước hay tổ chức của Tổng Thống?!

Nay khí sắc trên khuôn mặt của cá nhân đã có cách để phân định lành dữ, nghịch thuận, chánh tà thì lẽ đâu trên khuôn mặt của gia đình, xã hội, quốc gia hay thế giới lại không có cách để phân định lành dữ, nghịch thuận, chánh tà hay sao?! Đã không có cách để phân định, tức là không phải cái Đạo một mà suốt khắp rồi.

Bỏ quên không nghĩ đến sự điều chỉnh cái máy Mình trước, mà phóng vọt ra ngoài là nguồn gốc để nảy sinh ra KỲ HẰNG hai nẻo. Thế thì cái cơ để rõ thế nghịch thuận KỲ HẰNG không đâu tóm gọn cho bằng cứ nhắm vào cái có điều chỉnh chính con người của mình trước hay không đã. Tuy vốn là ∘ hành sanh khắc, nhưng cũng chẳng qua chỉ ở

hướng nội, hướng ngoại hai đường; dù nhỏ như sanh hoạt ăn uống hay móng lòng vụn vặt của cá nhân, hoặc gia đình, nhà nước hay thiên hạ cũng không vì lẽ rộng hẹp lớn nhỏ mà có khác. Nếu QUÍ ĐỘ với KỲ HẰNG là hai là khác, tức là người khám phá với sự việc được khám phá là hai sự kiện không thể thông nhau, thì cơ khám phá chỉ là hão huyền vọng tưởng. Thế mới biết: muốn ôm trọn điều kiện khám phá vào lòng để thủ tiêu hẳn một trường thành cách bức, hầu cho cuộc khám phá được sáng tỏ phân minh không gì bằng hãy quay trở lại để khám phá và điều chỉnh chính con người của mình trước đã.

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Mạch bát (hoặc vi) tê xúc (hoặc) hàn nhiệt chi giao. Mạch cô vi tiêu khí, (cô nhi) hư tiết vi đoạt huyết. (Tiêu khí) vi nghịch, (đoạt huyết) vi tùng.

Hành KỲ HẰNG chi pháp, dĩ Thái âm thỉ. Hành sở bất thắng viết nghịch, nghịch tắc tử. Hành sở thắng viết tùng, tùng tắc hoạt.

Bát phong tứ thời chi thắng, chung nhi phục thỉ, nghịch hành nhứt quá, bất phục khả số. (KỲ HẰNG QUÍ ĐỘ, Đạo tại cơ vi, thuận nghịch phân kỳ), luận yếu tất hỉ.

DỊCH

Mạch động nếu không phải có chứng bán thân bất toại, thì phải có triệu chứng lạnh nóng giao xen.

Mạch côi là khí tiêu, nếu mạch côi mà có kèm theo triệu chứng đi tả tức là huyết mất. Khí tiêu là nghịch, huyết mất là thuận.

Muốn thực hành phép KỲ HẰNG phải lấy Thái âm làm đầu mối.

Sự vận hành trong con người, nếu theo tương khắc là nghịch, nghịch thì chết; theo thế tương sanh là thuận, thuận thì sống.

Gió tám hướng với bốn mùa thắng khắc, giáp vòng rồi trở lại. Sự vận hành theo chiều nghịch chỉ được đi qua một vòng, không thể thêm một vòng thứ hai. Phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG quan hệ ở cơ mầu, thuận nghịch chia hai nẻo, luận yếu hết vậy.

GIẢI

Đoạn này để nối tiếp đoạn trên diễn tả cho hết ○ sắc mạch biến với phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, nhưng lệch về phần mạch; rồi cuối cùng qui kết về cơ mầu, để ăn khớp với chữ "Đạo", chữ "Một" và chữ "Thần" ở đoạn đầu, mà cũng là điểm để lưu thông mắc liền cùng toàn bộ NỘI KINH vậy.

Nói về mạch cổ tay khi thần khí trong con người được lưu thông, cơ thể không bệnh tật, thì mạch cổ tay cũng tùy theo vận khí trật tự thiên nhiên mà hiện ra không lớn không nhỏ, không mau không chậm, không quá thiệt quá hư, quá nổi quá chìm, luôn luôn ung dung hòa hưỡn, hiện đầy một vẻ có thần.

Bệnh bán thân bất toại là một thứ bệnh đã xâm phạm vào thần kinh động tác, vào cả hệ thống của gân khớp và Gan. Cũng như khi trong con người khí âm lấn khí dương thì làm ra lạnh, khí dương lấn khí âm thì làm ra nóng. Cả hai thế lực kình chống lẫn nhau mà sanh ra triệu chứng nóng lạnh giao xen, đây cũng là thế âm dương mất sự giao hòa.

Mạch động là hiện tượng mạch dù nhịp chậm hay nhịp mau cũng đều có hiện tượng động, mà trong trường hợp lạnh nóng giao xen và bán thân bất toại thường thấy xảy ra. Cho nên nói: "Ở trường hợp mạch động, nếu không phải là bán thân bất toại thì cũng là lạnh nóng giao xen". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là mạch động tùy theo mang thêm một tánh chất gì nữa, hoặc động mà nổi, hoặc động mà chìm, hoặc động mà mau, mà chậm, hoặc nhỏ hoặc lớn ở bộ phận nào, ta sẽ tùy theo đó mà đoán

định; đây chỉ nói khái quát.

Có hai trường hợp mạch cổ tay mới chẩn qua thấy như là một thứ, nhưng xem kỹ mới thấy khác; đó là trường hợp mạch nhược. Nhược nghĩa là quá mềm, quá yếu, quá nhỏ; nghĩa là âm dương không giao hòa mà quá hư, cho nên cũng gọi là mạch côi.

Mạch này nếu hiện ở trường hợp bệnh đi tả quá nhiều, tức là bởi đi tả làm cho máu trong người bị biến hóa tiêu hao, thì nếu bệnh tả được chữa dứt, sức khỏe được hồi phục là hiện tượng mạch đó mất đi.

Nếu trong trường hợp một người khủng hoảng tâm lý không có chứng đi tả mà có mạch này, tức là khí lực trong người ấy đã bị hao tán đến kiệt sức. Đây là trường hợp thuộc dòng điện nghịch chiều, rất có quan hệ đến tinh thần, đến tâm lý. Cho nên mới nói: "Mạch côi là khí tiêu, nếu mạch côi mà có kèm theo triệu chứng đi tả là huyết mất. Khí tiêu là nghịch, huyết mất là thuận". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là đồng một mạch nhược, nhưng nếu nhận cho kỹ sẽ thấy trong đó có chỗ khác nhau. Ở trường hợp đi tả là trường hợp bệnh đột ngột, không đến phải đáng lo lắm; nếu không như thế, tức là sinh khí ở Thái âm và Dương minh lần hồi hao mòn, bởi một động cơ sâu kín khó bề thay đổi, có ngày sẽ đến chết mất.

Như đã có nhiều lần đề cập, sự vận chuyển của khí lực trong con người hoặc ở khí hay ở kinh, hoặc ở phần vệ hay ở phần dinh cũng đều phải lấy Thái âm làm đầu mối. Thủ Thái âm tạng Phổi dính liền với phần Tiên thiên là Thận, Túc Thái âm thuộc tạng Tỳ dính liền với phần Hậu thiên là Vị. Một chủ về khí, một chủ về huyết, về chất; một thiên trọng về bên ngoài, một thiên trọng về bên trong, trong ngoài đều giáp mối ở Thái âm cả. Cho nên mới nói: "Nếu muốn thực hành phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG thì phải lấy Thái âm làm đầu mối" là vậy.

Tất cả máy móc thế gian chưa hề có một thứ máy nào vặn cho chạy ngược lại mà không tức khắc ngừng hoặc hư, chớ không thể có một cách thứ ba là chạy rối loạn. Chỉ có cái máy người là có thể hoặc chạy hoặc rối loạn, hoặc mở dòng điện nghịch chiều mà cũng có thể đến một thời gian khá lâu mới bị đổ vỡ; vì thế mà thế gian mê muội xem thường.

Dòng điện khí lực vận hành trong nội tạng con người, hễ theo chiều tương sanh của ngũ hành là thuận, nếu theo chiều tương khắc là nghịch. Bởi vậy mới nói: "Sự vận hành trong con người nếu theo tương khắc là nghịch, nghịch thì chết; theo thế tương sanh là thuận, thuận thì sống" là nghĩa thế.

Dòng đời trôi qua, thời gian cứ chảy mãi, năm nào cũng như năm nào, hết Xuân rồi Hạ, hết Hạ rồi Trường hạ, hết Trường hạ rồi Thu, hết Thu rồi Đông, Đông để sang Xuân. Cho nên sanh trưởng hóa thâu tàng cũng theo đó mà luân lưu. Người xưa nói: Nguyên hanh lợi trinh là sự trật tự vận hành thông thường của trời đất. Hết Thủy rồi Mộc, hết Mộc rồi Hỏa, hết Hỏa rồi Thổ, hết Thổ rồi Kim, hết Kim rồi Thủy, Thủy để rồi Mộc lại. Nếu gió tám hướng không định ngôi, thì lấy đâu để biết sự thắng khắc của bốn mùa?! Phải chăng chỉ nhờ ở gió tám hướng, để ta nhận ra hiện tượng tương khắc hay tương sanh?! Vì có gió trái mùa mới có chuyện mùa kia lấn mùa nọ, do đó nên mới nói: "Gió tám hướng với bốn mùa thắng khắc giáp vòng rồi trở lại" là nghĩa thế.

Trong bao la này vốn không có mặt bằng, cho nên hết thảy hiện tượng đều phải theo kiểu lượn sóng mà lên lên xuống xuống, hết hồi tương khắc phải đến hồi tương sanh; nhưng đối với nội tạng bên trong con người lại có khác. Hết thảy sinh vật chỉ có sinh vật người là rất linh; chữ "linh" ở đây có nghĩa sống, linh động, bén nhạy như một lưỡi gươm máy. Vốn đã bén nhạy ở bề bên này tất phải bén nhạy ở bề bên kia; nếu không bén nhạy linh động, thì đâu đến nỗi phóng vọt ra ngoài thả theo dòng đời tuột dốc trôi xuôi, để tạo thành cái thế mở dòng điện nghịch chiều gây thành đổ vỡ, và nếu không linh động bén nhạy, thì cũng không có cơ thông đạt phục hồi. Nhưng đối với xác thân này, trong thế điện nghịch chiều không thể diễn tiếp đến vòng thứ hai mà không chết. Cho nên mới nói: "Sự vận hành theo chiều nghịch chỉ được đi qua một vòng, không thể thêm một vòng thứ hai" là vậy.

Trong cái thế đời với Đạo vốn không thể phân hai, vấn đề ngũ hành tương sanh tương khắc chỉ là bề ngoài nhìn thấy như trái nhau, nhưng bên trong kỳ thực là để giúp nhau nên. Thế thì vấn đề tương sanh tương khắc cũng bởi chỉ tại có con người, cho nên vấn đề tinh thần của con người trở nên vô cùng quan trọng. Thế mới biết: Nói QUÝ ĐỘ, nói KỲ HẰNG đâu phải chỉ là chuyện của cá nhân trên xác thân vật chất! Nếu không nhận ra cơ mầu chớm phát tận trong đáy lòng của chính con người

của mình, thì không thể nào rõ được nguồn cội tâm linh của mình nó bao la rỗng hoát đến mức nào! Và cũng không có cách nào để biết được nghĩa cơ mầu chớm phát của suốt khắp bao la. Cho nên mới nói: "Phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG quan hệ ở cơ mầu" là vậy.

Kinh Dịch nói: "Lành dữ khổ vui đều bởi động"; thế là khi cơ mầu dấy động không thể không xảy ra hai nẻo thuận nghịch khác nhau, kết quả là họa hay phúc cũng tùy theo đó mà kiến thiết. Thế mới biết: Có ٥ sắc mạch biến, có QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG cũng không ngoài chánh biến tri hay chánh điên đảo. Cho nên mới nói: "Thuận nghịch chia hai nẻo, luận yếu hết vậy" là nghĩa thế.

BÌNH

Nếu lớn với nhỏ đều cùng đồng một nguyên lý, KỲ HẰNG với QUÍ ĐỘ không phải là hai, điều kiện tinh thần là điều kiện quan hệ duy nhất, thì xem mạch động ở cổ tay tức là xem tinh thần động loạn của từng hột máu. Xem tinh thần động loạn của từng hột máu mà đoán biết được hoặc bán thân bất toại hoặc lạnh nóng giao xen; thế thì xem mạch động của một thế giới hay một quốc gia, tức là xem tinh thần bồng bột náo động trong từng cá nhân quần chúng. Thế là bệnh bán thân bất toại hay bệnh lạnh nóng giao xen của thế giới loài người hay một quốc gia nó là cái gì, tức khắc ta cũng có thể biết được.

Nếu xem mạch nhược là để xem khí lực hoặc mạch sống của từng hột máu nó tiêu hao mòn mỏi đến cỡ nào, để mà biết được động cơ tiêu hao mòn mỏi ấy là ở tâm linh hay vật chất. Thế thì xem mạch nhược của thế giới loài người, tức là xem thần khí hao mòn trong tinh thần từng cá nhân quần chúng để mà đoán biết được bệnh cơ kiệt quệ ấy là bởi phá sản vật chất hay phá sản tinh thần.

Nếu đi tả sanh ra kiệt sức, là trường hợp có thể bồi bổ phục hồi. Bằng tinh thần bại hoại mà sanh ra kiệt sức, là trường hợp nguy kịch nặng nề. Thế tất ta cũng có thể nhìn thấy một quốc gia hay một thế giới; nếu không phải tinh thần đổ vỡ thì dẫu cho kinh tế có thiếu thốn nghèo nàn, rồi cũng có cơ hồi phục. Chí như lòng người suốt từ trên xuống đến dưới đều tinh thần đổ vỡ lộn mèo, ngày ngày phá sản bằng cách xung khắc giết hại lẫn nhau, thì quyết định không phải là dễ gặp cơ duyên hồi

phục. Thế mới biết: ๐ sắc mạch biến, QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG, thần cơ hồi chuyển, Đạo vốn không hai, thu trọn vẹn cái lớn vào trong cái nhỏ, mở cái cực kỳ vi tế ra đến cùng khắp bao la, MỘT mà suốt khắp, suốt khắp mà MỘT là cái Đạo thánh hiền muôn đời vẫn y nhiên không khác.

Nếu trên không thông thiên văn, dưới không đạt địa lý, giữa không suốt việc người, thì không thể là một lương y. Thế thì khi thiên văn đã thông, địa lý đã đạt, nhân sự đã suốt rồi, thì không những là y bệnh mà còn y thầy thuốc, y cá nhân, y gia đình, y quốc gia, y thiên hạ, không chỗ nào mà không ngồi được mà cũng không chỗ nào không làm vừa, chớ không còn chỉ là một thứ bị đóng khung trong làng bệnh tật. Thế mới biết: Nghĩa của hai chữ "y vương", biết đâu không phải cũng từ đây mà xuất phát?!

Nếu không có cách thu trọn thần cơ biến hóa vào trong nắm tay, thì cũng không thể nào có cách siêu ra ngoài vòng **vô cực**. Và cái Đạo thánh hiền trong muôn thuở chẳng qua cũng chỉ là một thứ chết khô. Mà toàn bộ NỘI KINH cũng trở thành một thứ đồ cổ để ngắm.

BỔ KHUYẾT:

Cuối thiên 46 bắt gặp đoạn này. Tìm mãi mới hay là từ cuối thiên 15 lộn vào, nên có bản bổ khuyết này.

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Quí độ giả thiết độ chi dã; kỳ hằng giả ngôn kỳ bệnh dã. Sở vị kỳ giả, sử kỳ bệnh bất đắc dĩ tứ thời tử dã; hằng giả đắc dĩ tứ thời tử giả. Sở vị quí giả phương thiết cầu chi dã, ngôn thiết cầu kỳ mạch lý dã; độ giả đắc kỳ bệnh xứ, dĩ tứ thời độ chi dã.

DỊCH

Quí độ nghĩa là thiết tha trắc độ, kỳ hằng nghĩa là nói bệnh trái thường. Gọi là kỳ nghĩa là làm thành bệnh lạ, khi chết không theo luật lệ của bốn mùa; hằng nghĩa là khi chết theo đúng luật lệ của bốn mùa. Quí nghĩa là phải thiết tha tìm cầu, nghĩa là nói thiết tha tìm cầu mạch lý; độ nghĩa là nắm được chỗ bệnh, dựa vào bốn mùa mà trắc độ.

Lời giải toàn thiên

Ví phỏng không có âm dương thay biến, ngũ hành thuận nghịch hai nẻo khác nhau, thời gian không gian chỉ là mặt bằng, dòng đời không hề lên lên xuống xuống, lòng người không thả tuột dốc trôi xuôi, tinh thần Dịch học chưa bị lơ là chối bỏ thì Huỳnh Đế Kỳ Bá đâu cần phải ngồi lại than thở mà bàn chuyện NỘI KINH?!

NỘI KINH đã không có, làm gì có Ngọc Bản Luận Yếu?

Nhìn trên bề mặt của toàn thiên ta thấy chỉ là tóm tắt vấn đề ngũ sắc mạch biến, QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG; là một phương pháp mới mẻ để khám phá vấn đề bệnh tật. Nhưng kỳ thật chỉ là một khía cạnh khác, một cách nhìn khác về âm dương thay biến nghịch thuận của ngũ hành, chớ không chi khác lạ. Tuy nhiên nếu ta đừng mắc kẹt vào chữ và lời, mà nhập thần vào tận nguồn tinh thần của luận giả, rồi ta mới thấy phép QUÍ ĐỘ KỲ HẰNG mà luận giả muốn nói đây, cơ hồ như cây thước Vạn năng, như phương trình chánh chủ để rà lại hết mọi khía cạnh, mọi lãnh vực của cuộc đời, chớ không phải chỉ ở bệnh nhân hay thầy thuốc. Đạo vốn là cái **không hai**, cái đồng nhất; nhưng lòng người càng vô ý thức càng đổ dốc, thì cơ mầu của họa phúc cũng không thể không càng ngày càng nghèo ngặt hơn lên! Do đó mà không thể không ghi xương tạc dạ. Tóm tắt tuy chỉ có bấy nhiêu lời, nhưng nghĩa lý thật là vô cùng man mác! Nên mới dùng hai chữ "Ngọc Bản" để tiêu biểu cho tinh thần. Nếu biết khai thác áp dụng, tức là đã có cặp mắt thần để nhìn suốt khắp; bằng không biết mở mang khai thác, thì ít nhất trong lãnh vực Y khoa cũng không đến nỗi đui tối u mê. Nếu người có chí học hỏi không thể không cùng chung lưu ý mà đào sâu thêm nữa.

Nếu hướng ngoại là nguồn cội nảy sinh ra bệnh KỲ, thì kìa ta hãy xem: Khi thầy tướng số gặp một tướng cực kỳ đẹp mà phải đoán là xấu, cực kỳ xấu mà phải đoán là tốt; như thế há không phải là vì lòng hướng ngoại thấy mình đẹp hay thấy mình xấu, để rồi cái đẹp trở nên xấu, cái xấu trở nên đẹp! Như thế há không phải bởi hướng ngoại thấy đẹp thấy xấu, mà trở thành bệnh KỲ trong nhan sắc đó sao?!

Ăn mặc lòe loẹt, kiểu cách kỳ lạ, bôi xanh bôi đỏ, ưỡn ẹo gợi trêu, tìm những kiểu mỏng dính trong nửa mờ nửa tỏ để khoe bày chỗ hiểm, hầu kêu gọi tính dâm. Như thế há không phải bệnh KỲ trong trang sức, vì lòng bơ vơ lạnh lẽo mà nảy sanh ra tìm kiếm bên ngoài đó sao?!

Nếu ta chỉ biết tìm lấy cao lương mỹ vị cho được thích mồm, mà không nghĩ đến hậu quả bệnh tật ra sao; như thế há không phải là bệnh KỲ trong ăn uống?!

Phóng túng theo dâm dật, săn đuổi theo chất ghiền, chật vật theo tiền tài danh vọng, để tìm lấy cái đã, cái sướng khoái của dục lạc xác thân mà không nghĩ đến hậu quả thế nào; như thế há không phải là bệnh KỲ trong sinh hoạt?!

Mỗi người một cách thế dục vọng mong cầu cố săn đuổi một hình ảnh xa xăm, kẻ danh người lợi, kẻ phước người tình. Mỗi người một mục đích khác nhau, từ cha mẹ đến con cháu không hề ai để ý hiểu biết được ai, còn có đâu để ý mà điều chỉnh chính con người của mình trước; cho nên trên dưới rối loạn chẳng hề có chút bình tề. Như thế há không phải là bệnh KỲ trong gia đình, lại còn là gì nữa?!

Hàng ngày giao thiệp cư xử gặp gỡ chỉ cốt sao sát phạt kẻ khác, gom bó về mình, chẳng cần phải quấy, không kể gần xa, không nghĩ đến hậu quả gia đình con cái, không chút thương xót, chỉ nghĩ có mình; như thế há không phải là bệnh KỲ trong tương giao cuộc sống?!

Muốn khám phá cơ mầu mà lại bon chen vào vòng vật chất, ỷ lại trí óc, chiếm đoạt quyền hạn trái tim, mê tin theo máy móc, lao mình vào các cuộc thí nghiệm điên cuồng, tìm lấy sự thật tận ở đâu đâu, tránh né cuộc sống hiện tại để cuối cùng rơi hẳn vào lĩnh vực mê tin; như thế há không phải là bệnh KỲ trong làng khoa học?!

Một mặt muốn cho con người trở nên đạo đức chân thật, sáng suốt thông minh; một mặt khác bỏ quên lửng về nghĩa phải truyền dạy nhau điều chỉnh cái máy MÌNH trước, mà chỉ đua chen truyền dạy thâu thập được nhiều hiểu biết kiến thức, gom bó được nhiều tài liệu đã qua. Để rồi một mặt miệng nói như là đạo đức lắm, mà mặt khác đầy dẫy những mê muội đê hèn lưu lại cho xã hội không biết bao nhiêu tai hại. Như thế há không phải là bệnh KỲ trong giáo dục?!

Phóng vọt ra ngoài tìm kiếm tận đâu đâu, mê man vào trong vị lai quá khứ. Hoặc ngồi nhìn trời mà tưởng tượng; hoặc qua một cơn rượu đã trà say, á phiện ngất ngây mà suy tư lập luận; hoặc lục lọi lượm lặt tất cả những cái bả kim cổ Đông Tây, rồi dựng lên một thuyết kỳ kỳ lạ lạ mà quên phứt vấn đề điều chỉnh lại cái máy MÌNH, để rồi hoặc nói duy tâm hoặc nói duy vật, hoặc nói duy lý hoặc nói duy linh… Như thế há không phải bệnh KỲ mê man trong triết học, chớ là gì đó?!

Gom bó học thuộc cho nhiều kinh sách của các vị giáo chủ để lập cái giống y, tuyên truyền mở rộng cái làm giống làm theo, nhào nặn cái giả vờ giả bộ, lợi dụng lòng tin tưởng của nhân dân mà buôn bán đổi chác phước lợi hão huyền, ôm ấp cái quá khứ, mong ngóng vị lai, nhồi nặng thêm đầy kiến thức của thánh hiền muôn thuở để được thiên hạ bái phục, được ăn trước ngồi trên, chẳng bao giờ nghĩ đến soi trở lại lòng mình mà điều chỉnh trước. Rốt rồi chỉ lặn đáy biển mà đếm ngọc trai, đếm bạc nhà người để được lấy công từ cắc; còn chính mình chỉ là trơ trọi tay không, cuối cùng chúng sanh vẫn là chúng sanh, đâu hoàn đó. Như thế há không phải là bệnh KỲ trong tôn giáo tín ngưỡng để cho đạo lý càng sụp đổ thêm lên, chớ là gì nữa?!

Nói vạn vật tổ hợp, nói nguyên tử cũng không thể có đơn thuần, nói xác thân chỉ là tế bào gom nhóm. Thế mà bỏ quên chính con người của mình không nghĩ điều chỉnh trước, đắm say theo máy móc, tin trọn ở sắc tướng bên ngoài, coi con người như một xác chết, lao đầu vào phân tích chia chẻ tìm tòi; để đến nỗi chính mình cũng không vượt nổi sức hấp dẫn của tình đời vật chất, đối với bệnh tật chỉ biết quả mà không biết nhân, rốt rồi không biết về đâu cho phải. Như thế há không phải là bệnh KỲ của Y khoa và dược học?!

Nói năng xảo trá, qua lại không ai hơn, đổi phải thành quấy, đổi

quấy thành phải, phe lùa theo mạnh, lấn hiếp kẻ yếu hèn. Miệng thì nói luật nói lý, mà thân tâm thì đê tiện tung hoành. Hễ có tiền nhiều thì dẫu cho quấy cũng cãi thành phải tới mây xanh, còn không có tiền thì phải cũng nói thành quấy, chung qui chỉ biết có thế lợi kim tiền chẳng hề để ý đến trong bụng mình vừa hôi vừa thúi. Dựa vào quyền cao tước lớn, mà thấy chỉ có ta đây. Như thế há đâu chẳng phải là bệnh KỲ của pháp luật?!

Móng khởi lòng dục vọng, nghĩ muốn tranh bá đồ vương, bên trong lòng tham ngày ngày tích lũy, bên ngoài nói chuyện dân tộc phải quấy tình thương. Dùng ba tấc lưỡi để xung động quần chúng nhân dân cho sa vào cạm bẫy. Đổ tội cho kẻ khác bằng cách dùng ba tấc lưỡi giết người. Mưu lợi dụng hết tất cả mọi người trong xã hội. Bề mặt thì như thân thiện bên này chống báng bên kia, mà trong lòng thì a tòng bên kia sát phạt bên này. Mưu mô lươn lẹo còn hèn hạ hơn là một thứ gái lấy hai chồng, bỗng dưng không không dựng đứng thành có chuyện, quy tội cho kẻ khác giành phần phải về mình, sớm đầu tối đánh, lòng dạ nhảy chang cháng tựa hồ như khỉ vượn không bao giờ đứng yên. Bên ngoài làm như là chính mình rõ mình lắm, nhưng sự thật bên trong chưa hề biết rõ nguồn gốc lòng dạ của mình nó thăm thẳm tận tới cỡ nào. Như thế há không phải là bệnh KỲ trong chánh trị?!

Lập phe lập đảng đánh giết nhau tối trời tối đất, áp dụng những thứ khí giới tối tân có thể trong chốc lát tiêu diệt cả toàn dân trong một nước. Một mặt nói hòa bình hợp tác, một mặt đi chia xẻ đất nước kẻ khác mà xúi giục giết người. Một mặt nói tìm kiếm cho con người được thảnh thơi, một mặt điều khiển con người như trâu như ngựa. Lòng tham không dứt, cố sản xuất quá nhiều, hàng hóa thiếu thị trường rồi bắt người khác chịu. Cứ đua nhau sản xuất những thứ khí giới vô cùng nguy hiểm để xúi giục giết nhau, mà một mặt khác lại chùm nhum lo địa cầu tan rã. Như thế há không phải là bệnh KỲ của thế giới loài người đang diễn tiến?!

Nếu nói cho hết không biết mấy kiếp cho cùng, chỉ có cách là lấy việc điều chỉnh chính con người của mình trước làm khuôn thước, rồi mới hay trọn cả thế giới loài người ngày nay đang lâm vào tình trạng bệnh KỲ chớ không có bệnh HẰNG. Nên biết được nói CHÁNH nói CHỦ là hiện tượng bên ngoài; nói KỲ nói HẰNG là nói căn bệnh bên trong. Thế mới biết: nguyên lý KỲ HẰNG với Đại học, Trung dung với

tu-tề-trị-bình của Khổng Tử không thể không quan hệ.

Lời bình toàn thiên

Luận giả chú trọng đến Đạo, Một, Thần và Cơ; nhưng tôi, thì tôi nói: chỉ có cái không tối, không khuyết, không là gì là độc đáo nhất, đầy đủ nhất. Vì sao thế? Vì chỉ có cái không tối, không khuyết, không là gì mới có thể nảy sanh ra thoáng, ra tia, ra chớp, ra viên, ra khối, để rồi tất cả đều chỉ là ánh sáng đủ màu, đủ thứ, đủ cỡ, đủ tướng; rồi bên này chiếu qua, bên kia chiếu lại, qua lại lẫn nhau ánh chiếu với cái bầu không là gì mà thần cơ xuất hiện. Thế thì một tia nắng chiếu xuống mặt đất, một sức tập trung của tư tưởng hay một vọng niệm chớm nổi lên cũng đều trọn vẹn cả cái cơ mầu không lớn không nhỏ, không dư không thiếu; tựa hồ như không có cuộn phim, không thể thành chiếu bóng mà không có màn bạc, không cả cái bao la cũng không thể thành chiếu bóng.

Trong cái bầu không là gì có vô số khối tròn sáng; trên một khối tròn sáng có một đám lao nhao đang bày trò vật chất thế này hoặc thế khác, để tìm lấy kết quả của trọn cả thần cơ, làm sao trúng? Vì lầm chỗ đó mà khoa học càng lao mình vào mọi cuộc thí nghiệm, là càng xúc tiến cho khoa học kỹ thuật tiến bộ mà khoa học khám phá trở nên lạc hậu thụt lùi. Cho nên dẫu muốn nghiệm biết cơ thần hóa sanh ra một con người cũng phải nương nhờ nơi con tinh trùng và cái trứng, mà cũng còn chưa biết hậu quả ra sao. Các vị Tổ Mật tông của nhà Phật nhờ biết được chỗ này, mà chỉ áp dụng điều kiện tinh thần cũng có thể chế tạo ra một con người đầy đủ. Thế mới biết: khi chưa nhập trọn được cái không là gì, mà vội bày trò vật chất, đó là cơ sụp đổ trọn vẹn của thế giới loài người, mà cũng là tội án của khoa học hiện tại. Và cuối cùng, đùng một cái, khoa học với triết học đụng đầu nhau một cách nảy lửa, đứng lại trố mắt nhìn nhau, để không biết nên phải bắt tay nhau hay không nên bắt tay nhau? Đi về con đường nào phải? Chỉ có khi nhập trọn vào trong cái không là gì của chính lòng mình, thì nghĩa "Đạo, Một, Thần, Cơ" tức thì xuất hiện trọn vẹn. Thế mới biết: việc trở về với chính con người của mình mà điều chỉnh, khám phá, là con đường độc đáo để nhập trọn vào thần cơ, và cũng là khoa học tối thượng chân khoa học không có cái thứ hai của thánh hiền trong muôn thuở.

ĐẠO

Đạo không ở hồi xưa

Đạo không ở bây giờ.

Đạo không ở kinh sách

Đạo không ở bàn thờ.

Đạo không ở đâu hết

Đạo không có bến bờ.

Đạo không phân nam nữ

Đạo không có trẻ già.

Đạo không có chay mặn

Đạo không phải chánh tà.

Đạo là nguồn vạn loại

Đạo ngậm chứa đất trời.

Đạo không phân trên dưới

Đạo không có trong ngoài.

Đạo không đâu không phải

Đạo chính thiệt thân này.

Đạo càng tìm càng cách

Im lặng hồi thấy ngay.

Tâm mê sanh gom bó

Chuyền níu hóa luân hồi.

Phật Thánh không hề nói

Chỉ truyền pháp thứ hai

Đập cho chết cái trí

Tức thì hiện mặt mày.

THIÊN THỨ 15

- HẾT -

Nếu tôi muốn khỏi phân định phải trái, chẳng cần biết thế nào là chánh, thế nào là tà, miễn vừa với lòng dạ riêng tư của tôi là chân lý, thì tôi hãy phủ nhận điều kiện phải khám phá tìm hiểu chính con người của mình trước, và cũng đừng thèm đọc NỘI KINH. Đợi đến bao giờ khổ lụy ngập trời, nước mắt pha máu rồi tôi tự giác cũng không muộn. Đó cũng là một cách đọc NỘI KINH, nếu tôi không tin tôi cứ làm thử.

C.N

Thiên 16
CHẨN YẾU KINH CHUNG LUẬN

PHẦN KHÁI LUẬN:

Tại sao NỘI KINH là một thứ rất khó học mà quyết định cần phải học?

Bao la rỗng hoát, không tối, không khuyết, không hạn lượng, không là gì, tự hồi nào đến hồi nào vẫn y nhiên không có thuở. Trong đó có bao nhiêu khối Ngân hà, mỗi khối Ngân hà có bao nhiêu Thái dương hệ, mỗi đoàn Thái dương hệ có bao nhiêu hành tinh, bao nhiêu vệ tinh, bao nhiêu mặt trời, cho đến Thái dương hệ này có bao nhiêu hành tinh bao nhiêu vệ tinh; đoàn người lao nhao trên quả địa cầu này, ai là người dám quả quyết rằng: mình đã biết chắc. Từ lớp này sang lớp khác, từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia dù cho con người có tận lực giác quan, nỗ lực cùng trí óc, động viên hết cả máy móc dụng cụ, mở mang hết phép tính toán để biết cho tận cùng; nhưng mãi mãi và mãi mãi đối với giác quan nó vẫn giữ nguyên vẹn một lập trường bí mật.

Rồi có một lúc, đoàn người lao nhao thấy mình khớp với cái lớn,

không đủ khả năng để ôm chầm vào người, bèn nghĩ ra một cách khác: cắt xén sự vật, manh mún ra đến phần li ti, hầu may ra tìm được bộ mặt thật của sự vật. Nhưng càng mò sâu vào phần mảy mún, con người càng gặp phải trong cái li ti mảy mún bao hàm cả cái man mác bao la, con người lại hoảng hốt áp dụng đủ cách tính toán trí óc, máy móc, dụng cụ, tận lực cắt xén đến phần li ti của li ti, nhưng cuối cùng con người vẫn đụng đầu phải bộ mặt bao la man mác của cái li ti trong li ti. Thế là giác quan, trí óc, máy móc tính toán cũng đều hoàn toàn thất bại trước cái li ti trong li ti; mà muôn thuở đối với con người với giác quan, phần li ti cũng vẫn giữ nguyên vẹn một lập trường bí mật.

Trong cái thế bí lối cùng đường của bộ óc, con người cảm thấy mình hoàn toàn thất bại, bơ vơ; thế là không thể dùng cái hữu hạn mà tìm kiếm cái vô cùng. Rồi có một lúc, có người quá ư mệt mỏi buông xuôi yên nghỉ, vừa bừng tỉnh ra mới hay rằng mình cùng với muôn vàn hiện tượng cả cái bao la này vẫn luôn luôn mới hằng mới, không riêng mà cũng không chung, không có người đi tìm và kẻ bị tìm, cũng không có người muốn biết và vật bị biết. Đã qua, hiện tại, sắp đến chỉ là việc hão huyền; lớn với nhỏ, một với nhiều, được với bị đều là chuyện bày đặt của trí óc. Thế là từ đó con người ấy là thoát tục, là bao la, là vô vi, là vô ngã mà cũng là vô tướng, vô niệm, vô trụ, là thả hạc, là rong chơi, là thảnh thơi rất bực, là từ cái cực bé bỏng của con người đã biến thành cái cực to lớn bao la, muôn thở không hạn lượng không thời gian.

Dòng đời vẫn lên lên xuống xuống; con người vẫn luôn luôn vô ý thức thả tuột dốc trôi xuôi; cuộc đời tựa hồ cửa chợ: kẻ đi trước về trước, kẻ đi sau về sau, cứ xen kẽ lẫn nhau không hề có một lượt hay không một lượt; kẻ đã biết không dễ gì bảo cho người chưa biết phải khéo đừng vô ý thức mà lạc lối lầm đường. Thế là công việc của bộ óc, bộ óc cứ làm, lớp trước làm rồi lớp sau làm nữa không hề ngừng nghỉ.

Bản lai tất cả là một, cho nên tinh thần càng phóng vọt đổ dốc, trí óc càng chồng chất, thì dẫu cho trong một người, sự chứa chất kiến thức cũng vẫn nặng oằn. Vì thế mà các bực tiên giác không thể không động lòng, tìm cách đánh thức cho con người trở lại với tinh thần mình mà tìm lấy lối thoát.

Nhưng hiện tượng là từng hột từng hột, sự đời là từng chập, từng

chập một, cuộc đời là cửa chợ vẫn lại lại đi đi. Cho nên rồi chuyện của trí óc, trí óc cứ làm y; còn các bực thánh hiền thoát tục có muốn nói gì, mặc tha hồ cứ nói.

Rồi đến một lúc quả đất càng già nua, chợ đời càng đông đúc; dòng đời càng xuống dốc, con người càng chen chân. Trí óc vật chất đến hồi cực độ khoáng sung, vật chất trở nên năm châu dễ dàng hợp chợ. Địa cầu tuy vẫn ngày càng to ra, mà thế giới vẫn ngày ngày bị thu hẹp lại; tinh thần con người ngày ngày càng ứ trệ, cách bức nhau muôn trùng khó nỗi dung thông. Thế giới máy móc, xã hội cũng máy móc; tâm tư, gia đình, ăn uống, sanh hoạt cũng đều một mực đổ dốc theo trí óc máy móc. Thế là dòng đời trở nên cứng ngắc cùng với bao la trật tự mất hẳn cái thế biến hóa đồng nhất tương quan, thế là tổng kết cuộc đời sụp đổ.

Cuộc đời vẫn là cửa chợ, kẻ đi trước vẫn muốn về trước, người đến sau vẫn chưa muốn về liền, hồi nào vẫn như hồi nào không khác. Rất có lắm người muốn vượt thoát, cố bám chặt lấy điều kiện tinh thần, để rồi tâm và vật tách rẽ hai đường mà cuối cùng không vượt khỏi tầm tay thao túng của vật chất. Thế là đến lúc bỏ tâm mà lệch theo vật, hay bỏ vật mà lệch theo tâm cũng đều không thể vượt trần thoát tục. Mà trong cơ mầu, con người đến hồi phải có một tinh thần cực kỳ siêu việt để giáp mặt cùng sự thật, không thể phân hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đời với Đạo không thể phân hai, xã hội vật chất, ăn uống sanh hoạt, tâm tư cũng đều phải có cách để thông qua suốt khắp. Thế là cái cơ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông phải đến hồi xuất hiện.

Đã mang một huyễn thân tổ hợp lệ thuộc vào một huyễn cảnh muôn trùng, thế thì đồng nhất không thể phân, tướng thì hình như rối ren không thể hợp. Cái lớn đã lớn quá, trí óc giác quan không thể biết; cái nhỏ nhỏ quá dù ở trong chính bản thân con người của mình, trí óc giác quan cũng cùng đường.

Muốn lui vào chỗ ngừng dứt, lại bị khung cảnh vật chất tới tấp đổ trút chèn ép tơi bời. Tướng lớn đã không thể biết khắp, tướng nhỏ đã không thể vào; Tâm đã không thể theo, vật chất đã không thể bám; dẫu cho có làm lơ, nó cũng đưa tới. Hàng ngày còn phải ăn uống sanh hoạt nói năng, Thái dương hệ này vẫn phải còn theo thiên nhiên mà vận hành trật tự, kiến thức càng ngày càng chồng chất, nghiệp chung của loài

người làm cho dòng đời càng ngày càng bế tắc; nếu chưa phải là bực thông đạt thoát tục siêu đời, lẽ cố nhiên trong cõi huyễn hóa này không có một vấn đề nào khi đụng đến ta mà có thể là vấn đề không quan hệ.

Mặc dù tinh thần là gốc; nhưng trong trật tự của hiện tượng vật chất, cái gì gần cái đó ảnh hưởng mạnh, thấy to lớn, hiện rõ ràng. Biển đời càng ngày càng trái với trật tự thiên nhiên, con người càng ngày càng chỉ là hồn oan trong xác chết. Thế là cái học về đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông gặp cơ gặp hồi phải được xuất hiện, để khai thông nẻo bế tắc cho loài người; và trở về điều chỉnh khám phá chính con người của mình là điều kiện tiên quyết. Tuy đã biết khó khăn hết bực, nhưng cũng không ai có thể làm thế cho mình. Cho nên tôi nói: là quyết định học và cần phải học là vậy.

Định nghĩa tên thiên

"Chẩn" nghĩa là khám, "yếu" nghĩa là tóm tắt, "kinh" là kinh mạch, "chung" là kết cuộc.

Trong thiên này nhà Vua hai lần hỏi: lần thứ nhất hỏi về tóm tắt của phép khám phá bệnh tật, lần thứ hai hỏi về chung cuộc cái chết của 12 kinh, mà trong đó có hàm ẩn nối tiếp giải thích thêm cho nguyên lý Kỳ Hằng của thiên trước. Vì thế nên đầu đề thiên gọi là "Chẩn Yếu Kinh Chung luận".

LỜI BÌNH MỞ ĐẦU

Thoáng đọc qua tên thiên, chừng như lát nữa tôi sẽ được một phép khám bệnh khỏi cần phải dụng công, dụng lực, phí sức tinh thần. Tựa hồ như tôi tạo được một cái máy khám bệnh điện tử, chỉ cần lùa hết bệnh nhân vào, giây lát bệnh nhân ra, rồi máy sẽ cho tôi những toa thuốc; hoặc bệnh nặng bệnh nhẹ, bệnh chết, bệnh sống cũng đều phân định rõ ràng, tôi khỏi phải nhọc công tốn sức mà cũng được mệnh danh là bác sĩ. Nhưng, trời ơi! Lại không phải thế! Nhà Vua muốn hỏi cái tận cùng thu hẹp, cái tóm gọn đơn thuần; còn luận giả thì cứ tha hồ mà đẩy ra một bao la man mác, để lòi trong cái cực nhỏ mang sẵn cái cực lớn, cả cái bao la vừa đủ tròn trong cái cực nhỏ. Thế mới biết: nếu không phải đó là sự thật thì

luận giả cố bày ra việc ấy làm chi, mà hết thảy người đọc NỘI KINH phần nhiều đều hững hờ lơ đễnh.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: Chẩn yếu hà như?

Kỳ Bá đối viết: Chánh ngoạt, nhị ngoạt, thiên khí thỉ phương, địa khí thỉ phát, nhân khí tại Can.

Tam ngoạt, tứ ngoạt, thiên khí chánh phương, địa khí định phát, nhơn khí tại Tỳ.

Ngũ ngoạt, lục ngoạt, thiên khí thạnh, địa khí cao, nhân khí tại đầu.

Thất ngoạt, bát ngoạt, âm khí thỉ sái, nhơn khí tại Phế.

Cửu ngoạt, thập ngoạt, âm khí thỉ băng, địa khí thỉ bế, nhân khí tại Tâm.

Thập nhất ngoạt, thập nhị ngoạt, thủy phục, địa khí hợp, nhơn khí tại Thận.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Tóm tắt phép khám thế nào?

Kỳ Bá thưa: Tháng Giêng tháng Hai khí trời mới mở, khí đất mới phát, khí trong con người ở tạng Gan.

Tháng 3 tháng 4 khí trời mở hẳn, khí đất thật phát, khí trong con người ở tạng Tỳ. (Tim?)

Tháng 5 tháng 6 khi trời cực thịnh, khí đất cực cao, khí trong con người ở đầu.

Tháng 7 tháng 8 khí âm mới se, khí trong con người ở Phổi.

Tháng 9 tháng 10 khí âm mới ngưng, khí đất mới đóng lại, khí trong con người ở tạng Tim. (Tỳ?)

Tháng 11 tháng Chạp nước gom, khí đất khép lại, khí trong con người ở Thận.

GIẢI

Đây là đoạn mở đầu Huỳnh Đế hỏi về tóm tắt phép khám phá bệnh tật, mà luận giả chỉ mới nêu lên khái quát rằng: trong khung cảnh đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông này, khí trong con người phải tùy theo sự vận hành của khí trời đất mà mỗi lúc khác nhau. Đây là điều kiện vô cùng quan hệ trong nghệ thuật khám phá bệnh tật, mà bổn phận thầy thuốc cần phải biết rõ.

Đọc qua những câu trả lời khái quát về khí trong con người, ta có trầm ngâm nghiệm xét rồi mới thấy trong chỗ không lời ý luận giả bảo: khi trong mê, ai cũng tưởng mỗi một con người chỉ là một hiện tượng nhỏ xíu, đơn thuần sanh hoạt không hề dính dấp gì với ngoại cảnh bao la; nhưng kỳ thật con người không những cùng với bao la đồng nhất, mà còn là một hiện tượng thu hẹp lại của bao la. Và con người sống trên mặt địa cầu này, con người phải chịu sự chi phối trực tiếp của Thái dương hệ; cho nên dù có muốn biết rõ tóm tắt của phép khám, cũng không thể khác hơn.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là muốn nói địa cầu vận hành theo Thái dương hệ vừa chạy vừa lăn tạo thành một bầu khí quyển ly tâm hướng tâm, từ trung tâm quả địa cầu lên đến thượng từng khí quyển đại khái chia làm sáu lớp (ba âm ba dương). Như ta đã biết từ trước, sự phồng ra hóp vào của bầu khí quyển, hay nói một cách khác là sự hô hấp của quả địa cầu, có hai cách khác nhau: một cách hô hấp nhỏ và một cách

hô hấp lớn. Hô hấp nhỏ nghĩa là một ngày một đêm lăn giáp một vòng bổn thân; hễ bên gặp ban ngày là khí quyển phồng ra, bên gặp ban đêm là khí quyển hóp vào, ngày đêm cứ như thế mà xoay vòng mãi mãi. Còn vòng hô hấp lớn tức là Xuân Hạ thì bầu khí quyển nở tung ra, đến Thu Đông thì lại bóp thắt vào, năm nào cũng như năm nấy. Hai thế hô hấp nhỏ và hô hấp lớn cứ xen kẽ nhau mà luân lưu, do đó một ngày hay một năm cũng vừa khác nhau mà cũng vừa không khác. Trong cái thế trương nở và thu bóp hô hấp của quả địa cầu, tức là thế ly tâm hướng tâm của bầu khí quyển, ba âm ba dương cứ thay đổi ra vào tức là thế khí trời với khí đất lên lên xuống xuống giao nhau, làm cho con người đứng trên mặt đất giữa quãng khí giao ít nhất không thể không thọ lãnh sự ảnh hưởng này thẳng vào trong nội tạng. Cho nên, dù là tóm tắt của phép khám cũng không thể vượt khỏi điều kiện này.

Địa cầu vừa chạy vừa quay chung quanh mặt trời theo chu kỳ bầu dục; mùa Đông là mùa địa cầu xa mặt trời nhất, tất cả nhiệt lực của địa cầu đều phải thu vào vùng hẹp nhất của trung tâm. Đến khi mùa Đông đã qua, bắt đầu mùa Xuân, tháng Giêng tháng Hai địa cầu lần lần xích lại gần mặt trời hơn, bầu khí quyển được sự nóng sáng của mặt trời bắt đầu sưởi ấm, làm cho khí dương giữa lòng đất theo sức hấp dẫn của ánh sáng và khí nóng mặt trời mà trương nở dãn dần đến lớp thứ hai trong lòng đất. Thế là khí dương trong lòng đất đã co vào hết mức, giờ đây bắt đầu dãn nở ra; thế là khí âm cũng đã bắt đầu tụ về giữa lòng đất, để lấp vào hố trống của khí dương lúc trước.

Tháng Giêng tháng Hai thuộc về mùa Xuân, khí ấm, thuộc Mộc, hướng Đông. Tạng Gan cũng thuộc về tạng ấm, hành Mộc. Vì thế nên nói: "Tháng Giêng tháng Hai khí trời mới mở, khí đất mới phát, khí dương trong con người ở tạng Gan".

Vòng chu kỳ của địa cầu vì mỗi năm có bốn lần sang số để đổi thế vận hành, mà hóa ra mỗi năm có bốn mùa khác nhau, mỗi cuối mùa có ۱۸ ngày khí Thổ vượng. Tháng ۳ tháng ٤ vừa là cuối mùa Xuân gặp khí Thổ vượng vừa là đầu mùa Hè, nhờ địa cầu xích lại gần mặt trời hơn chút nữa mà khí hậu hóa ra rất ấm. Khí dương trong lòng đất càng theo sự hấp dẫn của khí ấm bên ngoài, mà trương dãn ra đến lớp thứ ba của lòng đất sát mặt đất. Vì thế mà vùng khí hậu trung hòa, lúc đó là lúc mặt đất bắt đầu tiết ra màu mỡ.

Khí rất ấm nhưng chưa phải nóng, lại là lúc mặt đất trở nên phì nhiêu. Phương hướng tuy thuộc Đông Nam, sức trương nở của khí dương trong lòng đất chưa tung vượt lên khỏi mặt đất, hãy còn tập trung ở lớp mặt đất.

Tạng Tỳ thuộc Thổ, bên ngoài thông với khí đất màu mỡ; do đó mới nói: "Tháng 3 tháng 4 khí trời thật mở, khí đất thật phát, khí dương trong con người ở tạng Tỳ".

Địa cầu càng xoay chuyển, hết Xuân sang Hè càng ngày càng xích lại gần mặt trời, mãi đến hết mùa Hè mới là cực độ. Tuy nhiên khí dương thu vào giữa lòng đất, bên ngoài mùa Đông giá buốt; đến lần lần chuyển sang Xuân bên ngoài khí lạnh vẫn còn đè nặng bao trùm, làm cho khí dương trong lòng đất từ Đông sang Xuân, đến bắt đầu mùa Hè vẫn phải tiến lên từng đợt từng đợt không thể vượt bậc. Đến lúc tột độ mùa Hè, khí nóng sáng tưng bừng của mặt trời chiếu thẳng vào địa cầu, làm cho khí dương trong lòng đất hết bị sức đè nặng của khí âm còn lại mà tung ra khỏi mặt đất, vượt hẳn lên thượng tầng khí quyển, hồi đó khí âm đã vào trọn trong lòng đất, lớp tập trung của khí dương lại là lớp ngoài nhất thuộc thượng tầng bầu khí quyển. Vì thế khí dương trong con người cũng theo luật nhảy vọt đó, mà vượt ra đến tận cùng bên ngoài mặt da và chỗ cao nhất là đỉnh đầu. Cho nên mới nói: "Tháng 5 tháng ٦ khí trời cực thịnh, khí đất cực cao, khí dương trong con người ở đầu".

Hết Hè sang Thu, chu kỳ của địa cầu cùng cực hồi gần sát mặt trời, phải dần dần bắt đầu tuột dốc xa lơi. Khí cực nóng của mùa Hè đã bắt đầu giảm thế, sức nóng sáng của mặt trời xa dần, khí dương tận cùng bên ngoài bầu khí quyển đã hết hồi trương nở bắt đầu chùn lại. Nhưng vì trọn cả phần bên trong khí âm hãy còn choáng ngợp, chỉ mới hơi rục rịch chuyển động; cho nên sức co vào của khí dương ở thượng tầng bầu khí quyển cũng chỉ theo từng đợt mà thu dần vào lớp thứ hai bên ngoài. Sự thu vào ấy để lại trong không khí một hiện tượng se ráo.

Trong con người, tạng Phổi là tạng thông đồng với mặt da, vừa là tạng cấu tạo bằng tế bào da, là tạng cao nhất trong 5 tạng, là bầu khí quyển trong nội tạng, thuộc về hành Kim, mùa Thu, khí se ráo.

Mùa Thu đến, gió Tây thổi, khí se ráo hiện, khí dương của bầu khí

quyển bắt đầu co vào, khí dương trong con người đã hết trương nở đến hồi chùn lại. Nếu người đã quá trung niên, sức tung ra đã giảm, thì mặt da cũng bắt đầu chùn nhăn vít lại. Do đó mà khí dương trong nội tạng vẫn còn phải theo thế từng bậc từng bậc mà thu vào, sự tập trung phải ngưng đọng ở tạng Phổi. Cho nên nói: "Tháng 7 tháng 8 khí âm mới se, khí trong con người ở Phổi".

Cuối Thu sang Đông, địa cầu càng thả dốc càng xa dần mặt trời, khí nóng sáng của mặt trời không đủ sức cổ võ cho mặt đất phát huy. Khí dương của bầu khí quyển đã co vào đến lớp thứ ba bên ngoài giáp với mặt đất, làm cho không khí trở nên tạnh ráo càng thêm tạnh ráo, lưng trời trong vắt, âm dương hiện tướng phân khai. Nhưng âm chưa bỏ hẳn bên trong lòng đất mà vượt ra bên ngoài, do đó mà khí dương bên ngoài cũng chưa có thể vượt bực vào hẳn bên trong.

Trong con người chẽn vừng là lằn mức giao nhau của trời đất, tạng Tim nằm sát dưới Phổi phía trên chẽn vừng. Vì chịu sự chi phối dãn ra co vào của khí dương bầu khí quyển, mà cuối Thu sang Đông khí dương trong con người cũng phải ngưng tụ ở tạng Tim. Nên mới nói: "Tháng 9 tháng 10 khí âm mới ngưng, khí đất mới đóng lại, khí dương trong con người ở tạng Tim".

Sang Đông hẳn, địa cầu đã thả dốc đến một mức tương đối tột bực xa mặt trời. Khí nóng sáng của mặt trời không đủ sức hút khí dương của quả đất, vì thế mà khí dương của quả đất phải rời bỏ bên ngoài nhường chỗ cho khí âm hoàn toàn ngự trị. Nhờ khí âm đã bỏ hẳn bên trong lòng đất mà ra ngoài, do đó khí dương của bầu khí quyển được dịp vượt bực từ ngoài mặt đất mà thu hẳn vào trung tâm.

Con người đứng trên mặt đất, nếu nhìn bằng con mắt, con người là quả địa cầu thu hẹp lại, thì Vị (bao tử) là điểm trung tâm. Nếu nhìn con người là một vật phải dính liền với mặt đất, thì điểm tận cùng ở trong tức là ở dưới.

Tạng Thận là tạng nửa dưới thuộc âm, nửa trên thuộc dương, là tạng chỉ huy tất cả các bộ phận dưới nhất trong nhất, thuộc về mùa Đông. Vì đến mùa Đông phần Thận dương thu góp hết tinh hoa cùng khí dương trong 5 tạng mà súc tích lại, để chuẩn bị tương ưng với sức trỗi

dậy của sang Xuân, làm cho mặt da trở nên ít mồ hôi mà Bàng quang trở nên nhiều nước tiểu. Vì thế đến mùa Đông, Vị và Thận là hai bộ phận có một sức nóng đặc biệt, nhưng Vị thuộc về phủ. Cho nên mới nói: "Tháng 11 tháng Chạp nước gom, khí đất khép lại, khí dương trong con người ở Thận".

Thế là trọn cả đoạn này đã trình bày một định luật âm dương tiêu trưởng từ khí dương trong nội tạng con người thông đồng với khí dương của bầu khí quyển, để chuẩn bị đến đoạn sau sẽ đề cập đến lớp lang trật tự của phần xác thân bên ngoài, cùng với nội tạng bên trong và trật tự thiên nhiên của khí hậu bên ngoài có một lẽ đồng nhất tương quan, mà ai muốn biết về con người cũng cần phải biết.

Độc giả hãy ngắm kỹ các đồ biểu tức khắc thấy rõ.

HÌNH 16.1: ĐỒ BIỂU KHÍ QUYỂN, CON NGƯỜI TƯỢNG TRƯNG VÀ CÂY THƯỚC TRẬT TỰ TẠNG PHỦ

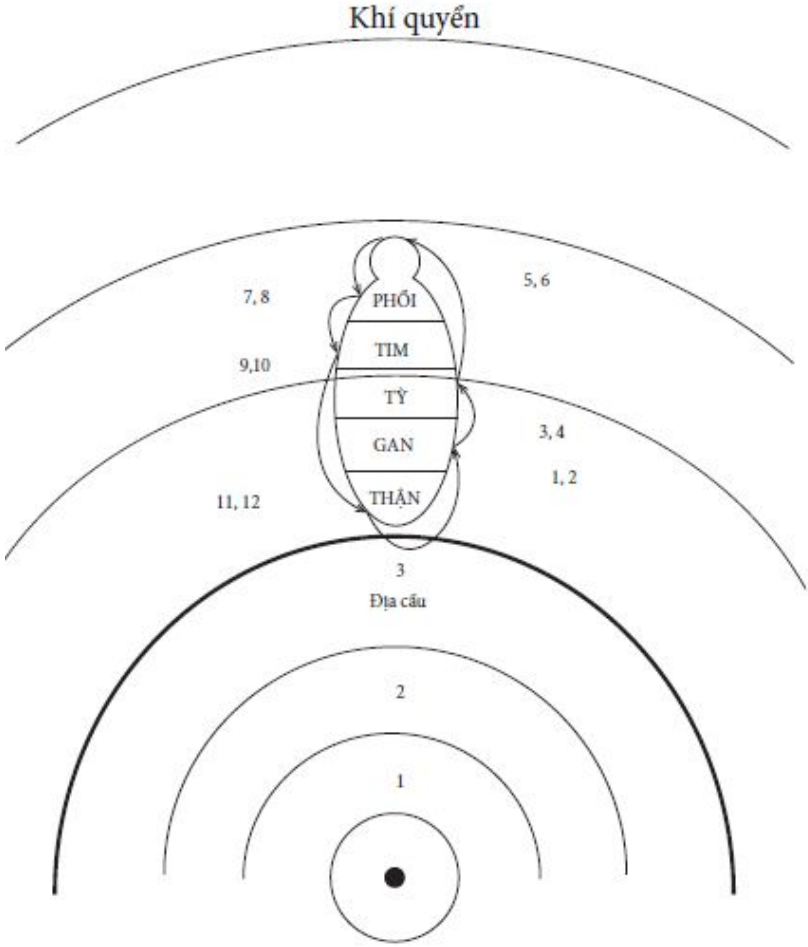

Có người hỏi: Nói tháng 5 tháng 7 khí trời cực thịnh, khí đất cực cao, khí trong con người ở đầu. Sao đến tháng 11 tháng Chạp lại không nói khí trong con người ở đít, mà lại nói ở Thận?

Đáp: Ở đít nghĩa là đồng với ở ngoài, mà ở ngoài tức là không phải ở trong.

Hỏi: Từ tháng Giêng đến tháng 6 có nói đến khí trời và khí đất, mà từ tháng 7 đến tháng Chạp chỉ nói khí âm khí đất, không nói đến khí trời là tại sao?

Đáp: Từ tháng Giêng đến tháng ৭ là lúc khí dương trong lòng đất bốc lên vọt ra, từ tháng ৮ đến tháng Chạp là lúc khí dương thu vào, tuột xuống. Một người đứng ở mặt đất căn cứ vào sự cảm biết rõ nhất, lẽ cố nhiên từ tháng Giêng đến tháng ৭ là phải nói đến khí trời khí đất, từ tháng ৮ đến tháng Chạp phải nói khí âm, chớ không thể nói cách nào khác hơn.

Hỏi: Thế thì chữ "ngoài", chữ "trong" rất là lộn xộn. Vậy phải làm sao, có cái gì để làm chuẩn cho khỏi hiểu sai lầm?

Đáp: Nghĩa "trong và ngoài" trong chữ Trung Hoa xưa có ba cách nói: hoặc gọi nội ngoại, hoặc gọi trung ngoại, hoặc gọi lý biểu; mà trong Y khoa chữ "lý", chữ "biểu" là hai chữ thường dùng nhất.

Chữ "lý" vừa là nghĩa mặt trong, cũng vừa là nghĩa ở trong; chữ "biểu" vừa có nghĩa là mặt ngoài, cũng vừa là nghĩa ở ngoài. Vì thế khi áp dụng vào thân người sẽ tùy theo chỗ dùng, trường hợp, vị trí mà mỗi nơi định nghĩa một cách khác nhau, không thể mắc kẹt đóng cứng vào một chỗ mà hiểu được.

Thí dụ: Ở phần xác thân bên ngoài, qua khỏi lớp da thì đụng lớp mỡ dưới da; thế là phía trong của lớp da, lớp mỡ dưới da là "lý" đối với mặt ngoài da là "biểu". Hoặc từ mặt da vào giáp đến xương cũng có thể gọi chung mặt da là "biểu", mà lớp giáp với xương là "lý". Đó là nói sơ về nghĩa ngoài trong của từng lớp xác thân bên ngoài.

Nhưng khi vào tạng phủ bên trong lại khác. Thí dụ khi muốn nói về sự vận hành của khí dinh (phần huyết), khí vệ (phần khí), hễ ra tận cùng bên ngoài rồi thì lại trở vào trong, vào tận cùng bên trong thì trở ra ngoài.

Đối với khí dinh và khí vệ, tận cùng bên ngoài là mặt da, tận cùng bên trong là tạng Gan. Khi con người thức, ban ngày khí dinh và khí vệ đều tăng cường hết về bên ngoài, trở về đêm con người nằm ngủ, khí dinh khí vệ đều lìa bên ngoài mà thu vào bên trong điểm trung tâm là Gan. Nên có khi gọi ngoài da là "biểu", tạng Gan là "lý".

- Con người là một cái ống, đối với mặt da, bộ tiêu hóa là phần

trong nhất, đối với bộ tiêu hóa, mặt da là phần ngoài nhất. Cho nên khi bị bệnh ngoại cảm rút vào mắc kẹt ở bộ tiêu hóa cũng gọi là bệnh nhập lý.

- Mặt da là phần ngoài nhất của con người, mà cũng là phần thuộc về dương nhất. Nếu khí dương mặt da không đủ thì con người biến sanh chứng lạnh. Bên trong tạng phủ có tạng Tỳ là tạng giao hội của bốn khí nóng lạnh ấm mát từ bốn tạng, để tạo thành một tánh trung hòa ngưng đọng trương nở thuộc về khí thấp Thổ, vẫn là thuần âm không có nghĩa âm cực sanh dương như tạng Gan; cho nên người xưa gọi là Thái âm. Vì thế mà có lúc cũng gọi tạng Tỳ là "lý", mặt da là "biểu".

- Tạng Thận là tạng thuộc về mùa Đông, thu chứa tinh hoa sung bổ cho cốt tủy, mở cửa cho sinh dục, thuộc về tạng của xương để đối lại với mùa Hè, với mặt da bên ngoài. Tạng Thận là tạng thuộc về tột bực ở dưới mà cũng tột bực ở trong; cho nên người xưa gọi tạng Thận là Chí âm, và có khi gọi tạng Thận là "lý" mà mặt da là "biểu".

- Xác thân là phần ngoài của tạng phủ, tạng phủ là phần trong của xác thân. Tạng nào, phủ nào ngoài xác thân cũng có thành phần nấy. Thí dụ trong tạng là Gan, thành phần bên ngoài của xác thân là gân; do đó mà có khi gọi thành phần bên ngoài là "biểu", tạng phủ bên trong là "lý" nữa. Vì thế mà mỗi khi đọc đến hai chữ "biểu lý" thì chúng ta hãy thận trọng để ý đến trường hợp muốn dùng, mới khỏi bị sai lạc.

BÌNH

Để lại người sau.

Nếu nói được đến chỗ rõ ràng rành mạch, mà người nghe đến khỏi phải cần một chút trầm ngâm ngẫm nghĩ nào hết cũng hiểu được, thì không những người nghe chỉ nghe bằng bộ óc gần như là không dính dấp gì đến xác thân, mà ở người nói cũng chỉ nói được những gì thuộc trong lĩnh vực hiện tượng tương đối.

Nếu chỉ nghe bằng bộ óc, hiểu bằng lý trí thì đồng với không nghe, không hiểu. Nếu nói chỉ để nói được những vấn đề trong phạm vi hiện tượng tương đối, thế là chỉ nói chuyện thế gian. Đã là nghe để trở thành không nghe không hiểu, nói chỉ nói vấn đề thế gian, thì cuộc sống này kể

như không có cách giải quyết; đó là việc cả thế giới loài người ngày nay đang làm.

Trong chỗ chẳng được đừng, người xưa để lại cho người sau chỉ còn có cách duy nhất là mượn những chuyện dễ nói có thể nói được, để biến những chỗ không chữ không lời trở thành có chữ, có lời, có nghĩa có lý, hầu nói những điều khó nói không thể nói, mà người sau đọc đến nếu không lặng lẽ trầm ngâm thì không thể nào biết được, làm cho sức phóng vọt trương nở của bộ óc phải bị khựng lại mà tinh thần thâm sâu của con tim được tự do khoáng sung, để rồi tâm trí được trở về với cơ đồng nhất. Thế là trong đó có hàm ý giải quyết cho cuộc sống rồi.

Đã ít lời, ít chữ, ít tốn hao giấy mực, lại được lợi ích vô cùng. Nhưng, than ôi! Tinh thần con người ngày nay vì phóng vọt ra ngoài nghe nhiều quá, mà lỗ tai chỉ còn thích nghe những chuyện nhảm nhí tầm phào; vì thấy nhiều quá mà mắt hóa ra đờ, chỉ còn thích nhìn thích đọc những gì lăng nhăng dâm dật; tâm trí quá chổng đầu nhảy chang cháng lung tung đến nỗi chai lỳ, chỉ còn thích nghĩ đến những chuyện miên man cuồng loạn. Vì thế mà những điều để lại của người xưa đều trở nên hết hiệu lực, vậy lỗi đó bởi người xưa hay người sau?

Một cách nhìn.

Quay nhìn lại chính con người của mình để rõ suốt bao la, nhìn cái nhỏ để biết cùng khắp cái lớn, nhìn cái hữu hạn để rõ cái vô cùng, nhìn cái có tướng để thông đến chỗ không tướng, nhìn cái động để rõ được cái bao la của sự im lặng, nhìn vào con người để thấy được sự thay biến thăng trầm của quả địa cầu, của bầu khí quyển, nhìn vào quả địa cầu, vào bầu khí quyển mà thấy được sự thay biến thăng trầm của khí dương trong con người. Hoặc dùng những chỗ không chữ không lời để nói lên những luật nhảy vọt vượt bực không hình không tướng cho người sau cùng thấy cùng biết, mãi đến hơn 5.000 năm sau mà vẫn hãy còn chính xác như đoạn chánh văn này. Tinh thần như thế là khoa học hay không khoa học?

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Cố Xuân thích tán du cập dữ phân lý, huyết xuất nhi chỉ, thậm giả truyền khí, gián giả hoàn dã.

Hạ thích lạc du, kiến huyết nhi chỉ, tận khí bế hoàn, thống bệnh tất hạ.

Thu thích bì phu tuần lý, thượng hạ đồng pháp, thần biến nhi chỉ.

Đông thích du khiếu ư phần lý, thậm giả trực hạ, gián giả tán hạ.

Xuân Hạ Thu Đông các hữu sở thích, pháp kỳ sở tại.

DỊCH

Cho nên mùa Xuân phải chích huyệt rẽ của kinh và chiều sâu là ở lớp bầy nhầy ranh giới bắp thịt (tấu lý), hễ thấy máu thì thôi. Bệnh nặng thì chích sâu cho truyền khí, bệnh nhẹ thì chích cạn để lưu thông.

Mùa Hạ chích những huyệt lạc, hễ thấy máu thì thôi. Tà khí tiết hết, đóng huyệt lại, là bệnh chứng tự bớt.

Mùa Thu chích ở dưới lớp da dầy, dù nửa thân trên hay nửa thân dưới cũng thế, hễ thấy thần chuyển thì thôi.

Mùa Đông chích huyệt ở lớp ranh giới giáp với xương, bệnh nặng thì chích thẳng chích đứng, bệnh nhẹ thì chích nhiều mũi chích xiên.

Xuân Hạ Thu Đông bốn mùa đều có lớp để chích, căn cứ theo đó mà phép châm lập pháp.

GIẢI

Đại ý đoạn này muốn nói tạng phủ là phần trong của cơ thể, cơ thể là phần ngoài của tạng phủ, hai cách cấu tạo tuy khác nhau, nhưng trong cái thế tương quan trật tự biến hóa lưu thông, cơ thể cũng như tạng phủ đối với mùa màng trật tự của cõi thiên nhiên xác thân này vẫn có thứ tự lớp lang của nó. Căn cứ vào đó mà kiến thiết phép châm phép cứu, do đó phép châm phép cứu cũng không thể vượt qua định luật này.

Cũng theo cái thế chuyển tiếp vượt bực nhảy hố, luận giả liền vào thẳng bằng câu "cho nên mùa Xuân phải chích...". Thế là sau chữ "cho nên" phải qua một khoảng cách ghê gớm, mà khoảng cách ấy lại là để giải thích cho từng lớp của xác thân ứng theo từng tạng và nhịp nhàng trật tự theo mùa màng, nhưng giải thích cách nào luận giả không đề cập đến.

Mãi đến thiên 64 (Tứ Thời Thích Nghịch Tùng luận) luận giả bảo "ở thân, thì mùa Xuân khí dương ở phần kinh mạch, mùa Hạ ở phần tôn lạc (vi ti quản), Trường hạ ở bắp thịt, sang Thu ở lớp da dày, đến Đông khí dương vào ở cốt tủy.

Huỳnh Đế hỏi: Vì sao thế? Luận giả đáp tiếp: "Vì mùa Xuân khí trời mới mở, khí đất mới phát, giá buốt mới lơi, nước lỏng, kinh mạch thông; nên khí dương trong con người ở kinh mạch. Đến mùa Hạ, kinh mạch đầy, khí tràn, huyết chảy vào tôn lạc, tôn lạc được căng thẳng, da dẻ sung thiệt. Đến Trường hạ, kinh lạc đều thạnh, bên trong mới thấm tràn vào bắp thịt. Sang Thu khí trời mới thu lại, tấu lý (bầy nhầy) bế tắc, da thớ co nhăn. Đến Đông thì huyết khí đều thu liễm vào trong, khí dương vào tận cốt tủy mà thông đồng với 5 tạng"; thế là đến thiên 64 mới giải thích hố trống này.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là đến đoạn thứ hai của thiên này đáng lẽ phải nói:

Trong phần nội tạng, khí dương trong con người ứng theo trật tự mùa màng là thế; cho nên phần cơ thể bên ngoài cũng phải tuân theo luật thăng trầm tiêu trưởng đó, mà mùa Xuân khí dương tập trung ở phần kinh mạch, mùa Hạ tập trung ở phần tôn lạc, Trường hạ tập trung ở phần bắp thịt, mùa Thu tập trung ở lớp da dầy, mùa Đông tập trung ở lớp

cốt tủy. Vì thế mùa Xuân phải chích... thì mới khỏi bị hố cách.

Nhưng giải thích trên đây có phần Trường hạ và bắp thịt, mà đoạn này không có; như thế đủ biết thiên này vẫn còn trong tinh thần khái lược.

Trong nghệ thuật châm, bắt buộc phải biết rõ tạng nào phủ nào, thuộc về lớp nào ngoài thân, thuộc về kinh nào, huyệt nào, mùa nào, hành nào, khí nào, phần sâu phần cạn của lớp nào, có tác dụng nào để khi sử dụng cho được chính xác.

Về huyệt áp dụng tuy rất bao la, nhưng đại khái không ngoài huyệt mộ (thông đồng với khí của nội tạng thường nằm hết phía trước thân), huyệt du (là những huyệt trực tiếp vào những cuống của nội tạng đều nằm hết phía sau lưng), huyệt kinh (ở theo kinh), huyệt lạc (ở theo lạc), huyệt 5 hành (ở phần tay chân). Nhưng thường dùng nhất, tiện lợi nhất chỉ có huyệt 5 hành; vì ở tay không vào xa hơn cùi chỏ, ở chân không lên xa hơn quá gối.

Khí huyết trong con người đã tùy theo khí hậu mà có lớp tập trung; thế tất khi chích vào, hiện tượng vừa thấy máu là một hiện tượng rất có quan hệ đến chừng mực nhất. Cho nên mới nói: "Mùa Xuân phải chích huyệt rẽ của kinh thuộc lớp tấu lý, hễ thấy máu thì thôi".

Cuối câu dịch là "bệnh nặng thì chích sâu cho truyền khí, bệnh nhẹ thì chích cạn để lưu thông", là vì thông qua các thiên luận về phép châm với tinh thần các nhà chú thích của Trung Hoa, thì ta thấy ý luận giả muốn nói: dù ở một lớp trong cơ thể thuộc mùa nào cũng có tầng sâu và tầng cạn của nó. Mà câu này muốn nói là: nếu bệnh nặng theo thế tương khắc của 5 hành, thì phải dùng luồng điện ảnh hưởng sâu mới có thể truyền khí để phá thế tương khắc; nếu là bệnh nhẹ thì không cần chích sâu cũng được lưu thông. Nhưng vì nói theo thuật ngữ, nên câu nói quá vắn tắt làm cho ta trở nên khó hiểu.

Mùa Hạ là mùa khí trời trương nở đến cùng cực, khí huyết trong xác thân cũng căng nổi tận bên ngoài phần vi ti quản; cho nên hễ chạm thủng da là khí huyết bài tiết, khí tà cũng theo đó mà bị đánh bật ra ngoài. Và cũng vì mùa Hạ là mùa khí huyết dễ tiết ra bên ngoài, do đó khi chích

hễ thấy khí tà tiết hết, là phải đóng huyệt lại (xoa bít dấu kim) thì bệnh mới khỏi. Cho nên mới nói: "mùa Hạ chích những huyệt lạc, hễ thấy máu thì thôi. Tà khí tiết hết, đóng huyệt lại, là bệnh chứng tự bớt".

Mùa Thu đã là mùa khí dương trong cơ thể tập trung ở lớp da dầy, cho nên phép chích cũng theo đó mà lấy huyệt. Vì sao thế? Vì khí dương trong cơ thể ở đâu, là khi có khí tà xâm phạm vào đều có phản ứng ở đó, trên dưới vẫn như nhau. Và khi chích vào hễ thấy công hiệu ở tại chỗ thì thôi.

Hai chữ "thần biến" ở đây là để chỉ cho thần khí ở mặt da chỗ chích cũng như tinh thần người bệnh được biến hóa lưu thông mà nói. Cho nên mới nói "mùa Thu chích ở dưới lớp da dày, dù nửa thân trên hay nửa thân dưới cũng thế, hễ thấy thần chuyển thì thôi".

Mùa Đông khí dương trong con người đã chìm hẳn vào trong xương, nên khi có bệnh cũng phải tìm lấy sự phản ứng ở đó. Cho nên phép chích cũng phải theo kinh, theo lớp, theo huyệt mà chích.

Khi có bệnh nặng muốn có ảnh hưởng mau lẹ phải chích sâu, cho nên kim phải đứng thẳng. Nếu không phải bệnh nặng, thì chỉ theo huyệt rẽ của lớp ấy mà cho kim xiên và chích nhiều mũi. Cho nên mới nói "mùa Đông chích huyệt ở lớp ranh giới giáp với xương, bệnh nặng thì chích thẳng chích đứng, bệnh nhẹ thì chích nhiều mũi chích xiên".

Thế là trọn cả đoạn này chỉ chú trọng ở tầng lớp của xác thân, để lập nền tảng cho phép châm một cách khái quát, chớ chưa phải đi sâu vào phần chi tiết của chuyên môn.

Có người hỏi: Tại sao chỉ có mùa Xuân mùa Hạ mới có câu "hễ thấy huyết thì thôi", còn Thu Đông không có?

Đáp: Vì Xuân Hạ là thế của khí dương trong con người đang hồi trương nở, khí huyết cũng theo đó mà trương nở; cho nên có thể căn cứ vào kết quả thấy có máu, để giúp vào sự chừng mực rất hay. Còn Thu Đông nếu đợi phải thấy máu, thì biết đâu không đã quá sâu rồi, cho nên không nói. Tuy nhiên hễ là nghệ thuật thì quan hệ ở thần, nếu đã nhập

vào yếu chỉ nghĩa của chữ "thần", thì quyền hành đều do một tay ta xoay chuyển, không thể cố chấp nê trệ mà có thể thành công.

Hỏi: Trong bốn mùa tại sao chỉ có mùa Thu mới nói phép chích nửa thân trên hay nửa thân dưới cũng đều một cách như nhau, còn mấy mùa khác lại không có?

Đáp: Nếu có đọc qua tận tự thiên đầu, thì tự nhiên không lấy làm lạ. Ở thiên thứ 2 có nói: "mùa Xuân gọi là phát trần, mùa Hạ gọi là phồn tú, còn mùa Thu gọi là dung bình, mùa Đông gọi là bế tàng". Thế là mùa Thu là mùa hai thế co giãn tạm thời dừng đứng lại, mà cảnh vật trông ra như hiện một màu ảm đạm thê lương, sức gồng thắt trong con người đứng lại; do đó mà toàn cả mặt da, trên dưới đều có hiện tượng đồng nhất như nhau. Bởi vậy trong nhà Phật mới có thuyết "tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân". Cho nên chỉ có mùa Thu mới có cách nói đó.

BÌNH

Phần đông người ta bảo: Đoạn này luận giả tiếp tục đoạn trên để giải thích về chuyên môn, hầu đặt nền tảng rõ rệt cho phép châm. Nhưng theo tôi thì khác, tôi nói: Luận giả đang tiếp tục chứng minh cho thấy ít nhất con người cũng phải là một bầu trời đất nhỏ, và đối với bầu trời đất lớn bên ngoài luôn luôn lúc nào cũng dung thông; nếu không thấy như thế, dù nói thế nào cũng vẫn kể như chưa hiểu tí gì về con người. Nếu tách rời con người ra, kể như không dính dấp gì tới trời đất để đặt nền tảng cho Y khoa, thì thật là rất sai lầm xuẩn động. Nếu chuyên môn mà không có Đạo là trở thành tả đạo bàng môn, không thể giải quyết gì cho cuộc sống. Và nếu ta nhìn vào bề trái của ngôn ngữ, ta sẽ thấy Y khoa hồi đó nếu không lắm điều lệch lạc lạm dụng sai lầm nhất là về khoa châm, thì quyết định không thể có cách nói như thế. Chẳng khác nào hiện nay nếu không đầy dẫy những lệch lạc lạm dụng sai lầm, thì cũng không có chuyện san định NỘI KINH.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn phá khéo tinh thần đóng cứng vào chuyên môn, và làm cho chúng ta có được con mắt nhìn trọn sự vật để không bị đọa vào cái hố chi li vậy.

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Xuân thích Hạ phần, mạch loạn khí vi, nhập dâm cốt tủy, bệnh bất năng dũ, lịnh nhơn bất thị thực, hựu thả thiểu khí.

Xuân thích Thu phần, cân loan nghịch khí, hoàn vi khái thấu, bệnh bất dũ, lịnh nhơn thời kinh, hựu thả khốc.

Xuân thích Đông phần, tà khí trước tạng, lịnh nhơn trướng, bệnh bất dũ, hựu thả dục ngôn ngữ.

Hạ thích Xuân phần, bệnh bất dũ, lịnh nhơn giải đọa.

Hạ thích Thu phần, bệnh bất dũ, lịnh nhơn tâm trung dục vô ngôn, dịch dịch như nhơn tương bộ chi.

Hạ thích Đông phần, bệnh bất dũ, lịnh nhơn thiếu khí, thời dục nộ.

Thu thích Xuân phần, bệnh bất dĩ, lịnh nhơn dịch nhiên, dục hữu sở vi khởi nhi vong chi.

Thu thích Hạ phần, bệnh bất dĩ, lịnh nhơn ích thị ngọa, hựu thả thiện mộng.

Thu thích Đông phần, bệnh bất dĩ, lịnh nhơn sái sái thời hàn.

Đông thích Xuân phần, bệnh bất dĩ, lịnh nhơn dục ngọa, bất năng miên, miên như hữu kiến.

Đông thích Hạ phần, bệnh bất dũ, khí thượng phát vi chư tê.

Đông thích Thu phần, bệnh bất dĩ, lịnh nhơn thiện khát.

DỊCH

Đến mùa Xuân nếu chích lầm phần mùa Hạ, làm cho mạch chạy loạn, hơi thở yếu, bệnh lấn vào cốt tủy, không những không thể khỏi, lại còn làm cho con người không muốn ăn và thiếu khí.

Nếu chích lầm phần mùa Thu, làm cho gân chuyển khí nghịch, lại sanh ho hen; không những bệnh không khỏi, mà còn làm cho người bệnh thỉnh thoảng kinh hãi và hay khóc.

Nếu chích lầm phần mùa Đông, thì khí tà bám chặt vào tạng làm cho biến chứng sinh ra trướng; không những bệnh không khỏi, lại còn sanh chứng hay nói.

Đến mùa Hạ nếu chích lầm phần mùa Xuân, bệnh không những không khỏi, mà còn làm cho con người bải hoải rời rã.

Nếu chích lầm phần mùa Thu, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người biến chứng trong lòng muốn không nói gì, lo lo sợ sợ như có người sắp đến bắt.

Nếu chích lầm phần mùa Đông, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người thiếu khí thỉnh thoảng muốn giận.

Đến mùa Thu nếu chích lầm phần mùa Xuân, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người bất chợt như nhớ muốn phải làm điều gì nhưng rồi lại quên đi.

Nếu chích lầm phần mùa Hạ, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người thêm hay nằm, hễ nằm là hay mơ.

Nếu chích lầm phần mùa Đông, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người thỉnh thoảng ớn lạnh.

Đến mùa Đông nếu chích lầm phần mùa Xuân, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người muốn nằm nhưng không thể ngủ, hễ mơ màng ngủ là như có thấy gì.

Nếu chích lầm phần mùa Hạ, không những bệnh không khỏi mà khí còn bốc lên làm ra các chứng tê.

Nếu chích lầm phần mùa Thu, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người sanh chứng khát nước.

GIẢI

Đoạn trên là để tiếp tục minh chứng cho cái lẽ "thân người là bầu trời đất nhỏ", hầu chỉnh lại nghệ thuật châm. Đến đoạn này cũng căn cứ vào nghệ thuật châm để chứng minh cho thấy cái lý "con người là bầu trời đất nhỏ" vẫn hoàn toàn là sự thật, chớ không phải là chuyện bịa đặt, ai vô ý thức xâm phạm vào tất nảy sanh biến loạn.

Mùa Xuân là mùa khí âm hàn của trớn mùa Đông bên ngoài hãy còn đè nặng, khí dương bên trong lòng đất đang tìm lối vượt thoát ra ngoài. Hồi đó trong thân người, lớp kinh mạch tấu lý khí dương đang vùng trỗi dậy, nếu phải khí tà xâm lấn thì chỗ đó là chiến trường. Với nghệ thuật chích là mũi kim phải được tiếp xúc đến lớp đó, kinh đó, huyệt đó, phần đó, để khí tà được theo đó mà bài tiết ra ngoài.

Phần mùa Xuân thuộc Mộc, thuộc về gân và kinh mạch. Đối với phần mùa Hạ thuộc về tôn lạc, thì phần mùa Xuân phải sâu hơn.

Phần mùa Hạ thuộc Hỏa, thuộc về mạch máu của Tim. Nay đáng lý phải chích phần kinh mạch mùa Xuân thuộc Mộc, để bài tiết khí tà của Mộc; trái lại xâm phạm vào phần mùa Hạ của tôn lạc của Hỏa, làm cho khí Hỏa ở tôn lạc bị tiết bớt đi, còn phần mùa Xuân thuộc Mộc bệnh vẫn y nguyên. Thế là nơi không bệnh bị tiết khí, nơi có bệnh bị bế tà. Bệnh

bên trong không tiết ra ngoài được, khí âm bên ngoài bị lấn thêm vào. Mộc không sanh Hỏa được (Gan không giúp cho Tim được), Hỏa không đủ để sanh Thổ (Tim không đủ để giúp cho Tỳ); mà trái lại Mộc khắc Thổ được (Gan truyền bệnh cho Tỳ), mạch nhân đó mà loạn. Cho nên mới nói: "đến mùa Xuân nếu chích lầm phần mùa Hạ, làm cho mạch chạy loạn, hơi thở yếu, bệnh lấn vào cốt tủy; không những không thể khỏi, lại còn làm cho con người không muốn ăn và thiếu khí".

Nếu bệnh phần mùa Xuân mà chích lầm phần mùa Thu, tức là khí tà của Mộc vẫn y nguyên, khí chánh của Kim bị bài tiết. Kim không chế Mộc được, Mộc tà hoành hành, làm cho gân chuyển khí nghịch, lại thêm ho hen. Thế là khí tà của Mộc lấn khí chánh của Kim, tức là bệnh Mộc vẫn còn nguyên, làm thêm khí Kim sanh hao tổn, bệnh trở nên biến chứng kinh hãi và hay khóc. Cho nên mới nói: "nếu chích lầm phần mùa Thu làm cho gân chuyển khí nghịch, lại sanh ho hen; không những bệnh không khỏi, còn làm cho người bệnh thỉnh thoảng kinh hãi và hay khóc".

Nếu bệnh ở phần mùa Xuân, mà chích lầm ở phần mùa Đông; vì mùa Xuân là mùa khí dương bên trong tìm lối tung vượt ra ngoài, bên ngoài khí âm hãy còn đè nặng, nên khi bị xâm phạm vào lớp mùa Đông, khí của Thủy bị hao tán, Mộc tà không bài tiết được, nên khí tà bám sát vào trong. Do đó mà bệnh cũ không khỏi, lại thêm chứng trướng và chứng muốn nói nhiều. Cho nên mới nói: "nếu chích lầm phần mùa Đông, thì khí tà bám chặt vào tạng, làm cho biến chứng sanh ra trướng; không những bệnh không khỏi, lại còn sanh chứng hay nói".

Mùa Hạ thuộc Hỏa, bệnh ở tôn lạc, mà lầm chích ở phần mùa Xuân; tức là khí Mộc bị tiết, rước bệnh vào sâu hơn. Vì khí mộc bị tiết, nên con người phải bải hoải. Cho nên mới nói "đến mùa Hạ nếu chích lầm phần mùa Xuân, bệnh không những không khỏi mà còn làm cho con người bải hoải".

Trong 5 hành, Kim có tác dụng chế Hỏa, Hỏa có tác dụng khắc Kim. Nay mùa Hạ bệnh mà chích lầm phần mùa Thu, khí Kim bị tiết, Hỏa tà hoành hành; bệnh cũ không khỏi mà còn biến sanh chứng muốn không nói gì và hay lo lo sợ sợ như sẽ có người đến bắt. Cho nên mới nói: "nếu chích lầm phần mùa Thu, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người biến chứng trong lòng muốn không nói gì, lo lo sợ sợ

như có người sắp đến bắt".

Mùa Hạ là mùa khí dương trong con người ra tận ngoài da mỏng, với mùa Đông khí dương vào tận cốt tủy là hai thế cực. Giờ đây mùa Hạ bệnh, hỏa tà không được tiết mà khí chánh của Thủy lại bị xâm phạm; do đó bệnh cũ còn nguyên, lại thêm khí Hỏa bốc nổi. Do khí Hỏa bốc nổi, mới có biến chứng thiếu khí và hay muốn giận. Cho nên mới nói: "nếu chích lầm phần mùa Đông, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người thiếu khí thỉnh thoảng muốn giận".

Xuân Hạ là hai mùa khí dương trong con người từ tận cùng ở trong trương nở ra tận cùng ở ngoài; Thu Đông là hai mùa khí dương trong con người từ ở ngoài lần thu vào cốt tủy, để bên ngoài nhường chỗ cho khí âm.

Nay mùa Thu bị bệnh, tức là khí uất kẹt ở lớp da dày, ở hệ thống Kim mà lầm chích ở phần mùa Xuân của kinh mạch. Khí chánh của Mộc bị bài tiết hao tổn, khí tà của Kim được nước lấn vào, làm cho âm thịnh dương suy; không những bệnh không khỏi, còn thêm biến chứng sực nhớ như muốn làm gì rồi lại quên đi. Cho nên mới nói "đến mùa Thu nếu chích lầm phần mùa Xuân, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người bất chợt như nhớ muốn phải làm điều gì nhưng rồi lại quên đi".

Nếu bệnh mùa Thu mà chích lầm lớp mùa Hạ; thế là khí tà của Kim còn nguyên, mà khí chánh của Hỏa bị hao tổn, tạo thành cái thế âm thịnh dương suy, không những bệnh không khỏi, còn biến ra chứng ưa nằm hay mơ. Cho nên mới nói "nếu chích lầm phần mùa Hạ, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người thêm hay nằm, hễ nằm là hay mơ".

Mùa Thu, mùa Đông đều là âm, nhưng Thu là dương ở trong âm, còn Đông là âm cực.

Nay mùa Thu bị bệnh lại chích lầm phần mùa Đông, khí chánh của Thủy bị hao tán, khí âm tà của Kim lấn sâu thêm vào, mới có biến chứng thỉnh thoảng ơn ớn phát lạnh. Cho nên mới nói "nếu chích lầm phần mùa Đông, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người thỉnh

thoảng ơn ớn lạnh".

Mùa Đông là mùa âm cực, mùa Xuân là mùa dương sanh. Khi mùa Đông có bệnh lại chích phần mùa Xuân; thế là Thủy tà còn nguyên mà khí chánh của Mộc bị hao tổn, làm cho bệnh càng âm thịnh dương suy. Không những bệnh không khỏi mà còn biến chứng hay muốn nằm, khó ngủ, khi chợp mắt như có thấy gì. Cho nên mới nói "đến mùa Đông nếu chích lầm phần mùa Xuân, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người muốn nằm nhưng không thể ngủ, hễ mơ màng ngủ là như có thấy gì".

Bệnh đã ở phần Thủy lại chích phá khí chánh ở phần Hỏa, bệnh làm sao khỏi; do đó mà khí âm được thế bốc lên, biến làm ra các chứng tê. Cho nên mới nói: "nếu chích lầm phần mùa Hạ, không những bệnh không khỏi mà khí còn bốc lên làm ra các chứng tê".

Mùa Đông đã là mùa âm cực, khí dương trong con người tập trung ở lớp gần xương và cốt tủy. Nay mùa Đông có bệnh, lại chích lầm phần mùa Thu; thế là chánh khí của Kim vô cớ bị tiết mà không sanh Thủy được, Thủy tà vẫn còn nguyên, mới có biến chứng bệnh cũ không khỏi, lại thêm khát nước. Cho nên mới nói "nếu chích lầm phần mùa Thu, không những bệnh không khỏi, còn làm cho con người sanh chứng khát nước".

Tóm lại cả đoạn này luận giả áp dụng hai định luật: một là tầng lớp sâu cạn của xác thân, hai là lý tương sanh tương khắc của 5 hành trong thân, với áp lực khí hậu thay biến của bên ngoài, hầu minh chứng cho lý "thân người là bầu trời đất nhỏ" ở đoạn thứ hai vốn là sự thật. Nên khi nhận ra được rõ ràng, thì dù trước trường hợp làm loạn chích lầm sanh ra biến chứng lung tung, ta cũng có chỗ y cứ để mà xét biết. Không những thế thôi, mãi đến sau nguyên lý này còn là nền tảng giúp ích cho môn trị liệu bằng thuốc của bệnh ngoại cảm nữa.

BÌNH

Có người hỏi: Hiện nay trên thế giới, phong trào châm học đang sôi nổi, người ta đang mạnh dạn truyền bá cái học đó bằng cách chỉ biết rõ từng điểm huyệt trong thân người và tác dụng của nó, rồi y cứ theo đó mà

thực hành là có kết quả ngay. Thậm chí người ta có thể trình bày độ 2-3 trang sách là hết, và người ta có thể dạy nhau bằng thơ từ qua lại chỉ trong vòng ba tháng là thành công. Nếu nói một cách dễnh dàng ghê gớm dài dòng văn tự như NỘI KINH, thì học biết bao giờ cho rồi?

Đáp: Nếu đi tìm một kỹ thuật tả đạo bàng môn để bênh vực cho phe này hù dọa phe khác, hoặc tìm lấy một thế lợi ích riêng tư nào đó của cá nhân thì học như vậy là hay. Còn nếu muốn áp dụng phép châm để minh chứng cho cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong đại thể thiên nhiên này, hầu chỉnh lại lòng người, cùng chung kiến thiết lại cuộc đời, há lại có thể áp dụng phương pháp tả đạo bàng môn mà giải quyết được sao?! Không nghe NỘI KINH đã từng nói: "Kẻ nào chưa biết Đạo, không nên truyền dạy". Thế mới biết: câu nói "chí ở đạo, cứ ở đức, y ở nhân, ngao du ở nghệ thuật" của Khổng Tử là một câu nói rất mực tiêu biểu, xứng đáng làm thầy cho muôn đời vậy.

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Phàm thích hung phúc giả, tất tỵ ngũ tạng. Trúng Tâm giả hoàn tử; trúng Tỳ giả ngũ nhựt tử; trúng Thận giả thất nhựt tử; trúng Phế giả ngũ nhựt tử; trúng cách giả giai vi thương trung, kỳ bệnh tuy dũ bất quá nhứt tuế tất tử.

Thích tỵ ngũ tạng giả, tri nghịch tùng dã. Sở vị tùng giả, cách dữ Tỳ, Thận chi xứ, bất tri giả phản chi.

Thích hung phúc giả, tất dĩ bố kích trước chi, nãi tùng đơn bố thượng thích. Thích chi bất dũ, phục thích. Thích châm tất túc, thích thủng dao châm. Kinh thích vật dao, thử thích chi đạo dã.

DỊCH

Đại phàm chích phía trước thân người vùng lồng ngực và bụng, phải nên tránh chạm vào ngũ tạng. Hễ chích

trúng tạng Tim làm giáp một ngày đêm chết; chích trúng tạng Tỳ năm ngày chết; chích trúng tạng Thận bảy ngày chết; trúng tạng Phổi năm ngày chết; nếu chích trúng chẽn vừng tức là khí của tạng phủ bên trong đều bị tổn thương, thì dẫu cho ngay hồi đó bệnh tuy có khỏi nhưng cũng không qua khỏi một năm là phải chết.

Nếu khi chích mà biết tránh 5 tạng, tức là biết cái lẽ nghịch thuận. Chữ "thuận" nói ở đây, tức là muốn nói chẽn vừng cùng với tạng Tỳ, tạng Thận có liên quan mật thiết; nếu không biết sẽ làm trái ngược lại.

Cho nên khi chích ở vùng lồng ngực và bụng phải phủ lên một lớp vải mỏng, rồi chích cách vải. Chích một lần bệnh chưa khỏi, thì lại chích nữa. Khi chích kim phải được giữ yên để đợi khí, không nên lay kim, chỉ trừ khi nào có chứng sưng sốt thì mới được phép lay kim. Phép chích phải vậy.

GIẢI

Đại khái đoạn này cốt để ứng với đoạn thứ nhất về khí dương trong ngũ tạng tùy theo mùa màng mà nơi tập trung dời đổi, để nói lên khi thực hành phép chích ở vùng phía trước thân phải nên tránh chạm vào ngũ tạng, nếu phạm vào sẽ tùy theo tạng mà xảy ra thời gian chết khác nhau. Cũng như đoạn trên để ứng với đoạn thứ 2 hầu nói lên khi chích sai lầm ở phần xác thân bên ngoài sẽ xảy ra nhiều biến chứng.

Nhưng trong đây thiếu phần nói về trúng tạng Gan; mãi đến thiên thứ 52 (Thích Cấm Luận) và thiên thứ 64 (Tứ Thời Thích Nghịch Tùng Luận) mới có nhắc lại chuyện này, trong đó có nói đến tạng Gan, ngoài ra còn nói đến nhiều chỗ nguy hiểm khác nữa. Nhưng hiềm một nỗi, cả hai nơi đều nói một chuyện mà ngày chết cả hai lại không giống nhau, làm cho ta thấy như là số ngày chết không dựa vào một quy luật nào cả. Do đó trước khi giải thích đoạn này chúng tôi xin trích dịch một đoạn ngắn trong thiên thứ 52 để minh chứng:

"Nếu chích trúng tạng Tim chỉ trong một ngày là chết, biến chứng làm ra ợ hơi. Nếu chích trúng tạng Gan năm ngày chết, khi biến chứng làm ra nói. Nếu chích trúng tạng Thận sáu ngày chết, biến chứng làm ra hắt hơi. Chích trúng tạng Phổi ba ngày chết, biến chứng làm ra ho. Chích trúng tạng Tỳ 10 ngày chết, biến chứng làm ra nuốt". Không nói đến trúng chẽn vừng.

Nếu đem hai đoạn mà đối chiếu ta sẽ thấy ba điểm đáng để ý: một là trong đoạn hiện tại thiếu hẳn câu "chích trúng tạng Gan", hai là không nói đến biến chứng, ba là số ngày chết không ăn khớp nhau, chỉ đơn độc có tạng Tim là ăn khớp. Như thế đủ biết trải qua nhiều đời có bị mất mát sai lạc, và trong thiên này chỉ là khái lược.

Về phần chú thích của các học giả Trung Hoa như Mã Nguyên Đài, Trương Ẩn Am hoặc để y nguyên không cắt nghĩa, hoặc theo số sanh số thành của 5 hành ở Hà Đồ, hoặc cộng cả số sanh số thành lại mà cắt nghĩa. Té ra kết quả là muốn nói sao thì nói, không ai có một tiêu chuẩn đích xác; chỉ có Trương Cảnh Nhạc, thì lại nói khác hẳn đi. Vì thế mà chúng tôi xin trích dịch đoạn chú thích ấy vào đây, để chúng ta tiện bề tham khảo.

Trương Cảnh Nhạc nói: "Theo ý ngu, tôi xét đoạn văn trên đây nói về chích phạm vào 5 tạng, kết quả thời gian chết có xa gần khác nhau đều căn cứ vào chỗ hiểm yếu của âm dương mà có ra thế hưỡn hay gấp. Vả chăng sự sống chết đều lấy khí dương làm chủ, cho nên xâm phạm vào chỗ hiểm yếu của phần dương thì thời gian gấp; nếu xâm phạm vào chỗ hiểm yếu của phần âm thì có hơi hưỡn. Tạng Tim, tạng Phổi đều ở trên cao, đều là hai tạng dương; nhưng tạng Tim là dương trong dương, tạng Phổi là âm trong dương. Cho nên khi trúng tạng Tim là chết gấp nhất, chỉ trong một ngày, rồi Phổi kế đó nên ba ngày là phải. Còn Gan, Tỳ và Thận đều ở dưới chẽn vừng, đều thuộc âm; nhưng Gan là tạng dương ở trong âm, Thận là tạng âm ở trong âm, Tỳ là tạng rất âm ở trong âm. Cho nên khi chạm phải Gan so với hai tạng trên là hơi hưỡn hơn một chút, nên năm ngày chết, rồi kế đến Thận là sáu ngày, đến Tỳ thì 10 ngày. Đó là nghĩa hưỡn gấp vậy.

Xét ra trong thiên Chẩn Yếu Kinh Chung, Vương tiên sinh (Vương Băng) dùng số 5 hành để CHÚ THÍCH ở Tỳ thì nói theo số sanh, ở Phổi

thì nói quá con số sanh, ở Thận nói quá con số thành, ở Tim thì nói không kịp để tính số. Nói như thế hình như là gần đúng lý, nhưng hoặc thế này hoặc thế kia, hoặc nói hoặc không nói, không hoàn toàn ứng hợp, e rằng không thể không miễn cưỡng".

Thế là Trương Cảnh Nhạc căn cứ vào âm dương mà có một sự nhận xét riêng biệt. Mới đọc qua ta thấy rất phù hợp với tinh thần của đoạn thứ nhất, nhưng ta hãy thận trọng mà nghiệm kỹ lại: vì sao ở tạng Tim một ngày chết? Lại sang tạng Phổi là ba ngày, không được hai hoặc bốn hoặc năm? Rồi đến tạng Gan sao lại phải năm, mà không bốn hay ba hoặc chín? Rồi từ tạng Gan sang tạng Thận tại sao chỉ qua có một số là sáu, mà không được bảy hoặc tám, chín? Và từ tạng Thận đến tạng Tỳ tại sao sáu rồi lại 10, không được tám, chín? Như thế đủ biết, việc này còn có bí ẩn quan hệ gì với Hà Đồ, nên cách giải thích của Trương Cảnh Nhạc tuy là có phần sáng suốt, nhưng cũng chưa dứt khoát được điều nghi. Phương chi ta hãy nhìn lại về nguyên lý sanh thành của Hà Đồ trong con người thử xem:

Về Phôi thai học: Con người khi mới sanh, tạng Thận có trước, rồi đến tạng Tim, tạng Gan, tạng Phổi và cuối cùng là tạng Tỳ. Tạng phủ có rồi, mới đến xác thân.

Ở phần xác thân: Bên trong có tạng Thận bên ngoài mới có xương, có tạng Tim rồi mới có bộ tuần hoàn, có tạng Gan rồi mới có tổ chức gân, có tạng Phổi mới có da, có tạng Tỳ mới có thịt.

Mời độc giả hãy ngắm kỹ bản Hà Đồ trình bày một cách khác như dưới đây rồi chúng ta mới thấy nguyên lý sanh thành trật tự trong Hà Đồ vẫn hoàn toàn ứng hợp đúng với cách cấu tạo con người.

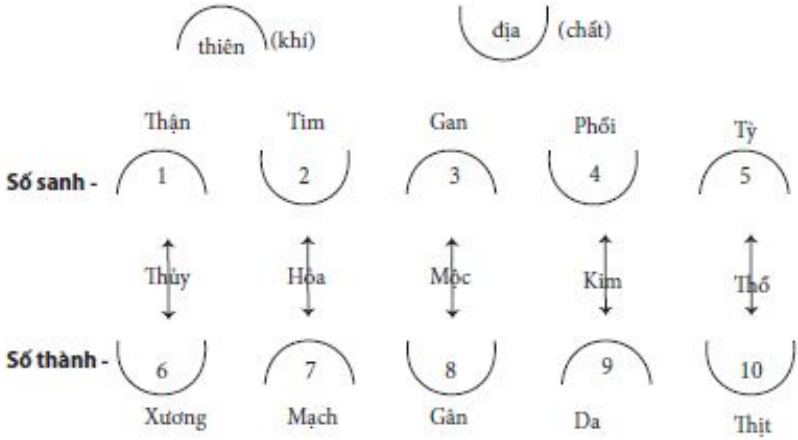

Nếu độc giả đừng quên nguyên lý Hà Đồ về vũ trụ sanh thành ở thiên thứ tư mà nhìn vào đồ biểu trên đây sẽ càng thêm thấy suốt.

Vẫn biết rằng lẽ sống chết trong con người hoàn toàn căn cứ vào 5 tạng và âm dương, tất nhiên không một cái chết nào không có lý của nó. Nhưng nơi đây chánh văn đã có chỗ mất mát, có sự lệch lạc không đồng nhất. Về phần chú thích của các học giả Trung Hoa cũng chưa hẳn đã dứt khoát. Và đứng trên lập trường thận trọng cái nhân hơn là thay đổi cái quả, nên chúng tôi trình bày hết mọi phương diện ra đây để độc giả cùng chung nhận xét.

Giờ đây ta hãy trở lại nhìn vào tinh thần thâm sâu của đoạn này một lần nữa xem sao. Ta thấy trong chỗ không lời, luận giả muốn nói con người đã không thể lìa vũ trụ mà đứng riêng. Đã là bầu trời đất nhỏ, khí dương trong 5 tạng đã phải theo bốn mùa mà biến chuyển. Lồng ngực và bụng là hai nơi khí dương trong 5 tạng đi ra, cho nên hết thảy huyệt mộ đều nằm ở phía trước. Và chẽn vừng là một bộ phận dính liền với Tam tiêu thông đồng với tất cả tạng phủ, là ranh giới của trời đất giao nhau trong thân người, khí dương của 5 tạng nương nơi đó mà ra vào; vì thế mà chẽn vừng cũng là một bộ phận hiểm yếu. Ai muốn áp dụng phép chích để chữa bệnh, ít nhất cũng phải rõ thông cơ thể học, sinh lý học, phải biết rõ từng tạng một, và con người cùng vũ trụ tương thông, rồi mới nên thực hành. Và khi mới thực tập hay chưa hoàn toàn thuần thục, thì tốt hơn nên tránh những điểm hiểm yếu xâm phạm vào nội tạng, kẻo

khí dương trong nội tạng bị phá tán là nguy mất. Ngoài sự trúng trực tiếp vào nội tạng, tai nạn xảy đến một cách cấp bách ra, sự xâm phạm vào chẽn vừng cũng gián tiếp xâm phạm vào tạng phủ, vì thời gian nguy hại kéo dài đến hàng năm, nên người ta chỉ nhìn vào kết quả tạm thời mà ít ai để ý đến tai hại của nó. Bởi vậy khi chích phía trước lồng ngực và bụng phải vô cùng thận trọng, không nên lạm dụng chích sâu, tinh thần phải thật bình tĩnh, kim phải được giữ yên; chỉ trừ khi nào gặp phải bệnh thiệt như sưng sốt u nhọt mới được phép lay kim hay mở miệng (hoặc mổ rạch). Phép chích là phải vậy, nếu ai không biết như thế đều là sai lầm, không thể không thận trọng.

Thế là trọn cả đoạn này luận giả vẫn tiếp tục tinh thần đoạn trên, vừa để kiểu chánh lại tinh thần lạm dụng trong Y khoa, vừa cảnh cáo cho tất cả hãy nên thận trọng ở nhân hơn là bôn chôn đổi quả. Và một điều nên thâm khắc là: con người đã vốn là bầu trời đất nhỏ; là với trời đất cùng chung, thì khi chưa phải là hàng thông đạt, con người vẫn là vô cùng tận. Đừng ai vội xem thường!

BÌNH

Nếu căn cứ vào chữ và lời để hiểu tinh thần của đoạn chánh văn này thì chẳng khác nào vượt biển khơi lâm vào tình trạng sa mù không có lối thoát. Lại thêm cách chú thích của Vương Băng, Trương Ẩn Am, Mã Nguyên Đài chẳng khác nào thêm gặp phải đêm trường tối đen như mực không có chỉ nam. Thế mới biết: với sự giải thích của Trương Cảnh Nhạc, tuy chúng ta không thể dựa vào đó làm cứu cánh, nhưng cũng có thể gọi là một tia chớp giữa đêm trường vậy.

Có người hỏi: Nói chích trúng tạng nào mấy ngày chết, tạng nào mấy ngày chết, như thế rồi khi giải phẫu nội tạng ra sao? Huống chi ngày nay người ta ghép Tim, làm Phổi giả... như thế phải hiểu thế nào?

Đáp: Nếu nhìn gọn lỏn về mặt chuyên môn mà nói, thì điều đó thật rất đáng thắc mắc. Nhưng nếu nhìn sự việc một cách trọn vẹn và chú trọng đến cái nhân, thì nỗi thắc mắc ấy hết thành vấn đề. Vì sao thế? NỘI KINH có nhiều chỗ nói: "tạng phủ con người có thể mổ mà xem được", như thế đủ biết việc giải phẫu người xưa đã làm rồi.

Nay ta thử nghĩ: Nếu luận giả không đưa câu chuyện tai hại về sự lầm lạc của phép chích xâm phạm vào nội tạng ra để nói, tức là chúng ta sẽ không được nhắc nhở về sự phải chú trọng đến cái nhân, đừng vội bôn chôn đổi quả, thì rồi sự đời sẽ ra sao? Trong chuyên môn sẽ thế nào? Và khi đã nói ra như thế việc gì sẽ xảy ra? So với không nói lợi hại thế nào? Phương chi hiện giờ chúng ta gọi là hiểu biết về con người, chúng ta có dám chắc rằng đã hoàn toàn hiểu biết, đã khám phá hết hay không? Hay chỉ là ẩu tả mù mờ xuẩn động? Nếu ta dám thật tình mà nhìn nhận rằng mình chưa biết khắp, mà mỗi bước đi của chúng ta đều được lưu ý đến hệ thống tương quan nhân quả, thì lời của luận giả trong thiên này lẽ đâu đến vô bổ. Nếu chúng ta có trí, hãy nên thận trọng kẻo vấp phải cái người xưa gọi là "càng thông minh càng ngu tối, càng tính toán càng hụt hao" vậy.

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

Đế viết: Nguyện văn thập nhị kinh mạch chi chung nại hà?

Kỳ Bá viết: Thái dương chi mạch, kỳ chung dã; đái nhản phản chiết, khế túng, kỳ sắc bạch, tuyệt hạn nải xuất, xuất tắc tử hỉ.

Thiếu dương chung giả, nhĩ lung, bá tiết giai túng, mục hoàn tuyệt hệ. Tuyệt hệ, nhứt nhựt bán tử. Kỳ tử giả, sắc tiên thanh bạch, nải tử hỉ.

Dương minh chung giả, khẩu nhĩ động tác, thiện kinh, vọng ngôn, sắc huỳnh, kỳ thượng hạ kinh thạnh, bất nhân tắc chung hỉ.

Thiếu âm chung giả, diện hắc, xỉ trường nhi cấu, phúc trướng bế, thượng hạ bất thông nhi chung hỉ.

Thái âm chung giả, phúc trướng bế bất đắc tức, thiện ế,

thiện ẩu, ẩu tắc nghịch, nghịch tắc diện xích, bất nghịch tắc thượng hạ bất thông, bất thông tắc diện hắc, bì mao tiêu nhi chung hỉ.

Khuyết âm chung giả, trung nhiệt yết càn, thiện nịch, tâm phiền, thậm tắc thiệt quyện, noản thượng túc nhi chung hỉ. Thử thập nhị kinh chi sở bại dã.

DỊCH

Huỳnh Đế nói: Mong được nghe 12 kinh mạch khi khí tuyệt, chung cuộc thế nào?

Kỳ bá thưa: Kinh Thái dương khi khí tuyệt chung cuộc là: tròng mắt trợn ngược lên, xương sống ểnh ngược, toàn thân co giật, sắc mặt trắng bệch, mồ hôi ra như tắm, rồi chết.

Kinh Thiếu dương khi khí tuyệt chung cuộc: làm tai ù, các khớp đều buông lơi rời rã, tròng mắt liếc kéo hẳn về hai bên. Khi có triệu chứng này, thì độ một ngày rưỡi chết. Khi chết, sắc mặt hiện xanh trắng, rồi mới chết.

Kinh Dương minh khi khí tuyệt chung cuộc: miệng tai đều hoạt động, hay hoảng hốt, nói xàm, sắc mặt vàng, tất cả kinh thủ kinh túc đều có hiện tượng thạnh, tay chân tê, rồi mới chết.

Kinh Thiếu âm khi khí tuyệt chung cuộc: sắc mặt biến đen, răng dài mà dơ, bụng trướng bí hơi, trên dưới không thông rồi chết.

Kinh Thái âm khi khí tuyệt chung cuộc: bụng trướng khí hơi, không thở được, hay ợ, hay ói, hễ ói thì khí nghịch, khí nghịch thì mặt đỏ, khí không nghịch thì trên dưới không thông, trên dưới không thông thì sắc mặt biến đen, da lông khô héo rồi chết.

Kinh Khuyết âm khi khí tuyệt chung cuộc: bên trong nóng, cổ họng khô, hay đi tiểu, Tim bứt rứt, nặng nữa thì lưỡi cuống đớ, ngoại thận rút tuốt lên rồi chết.

Đó là tướng chết của 12 kinh vậy.

GIẢI

Đoạn này ý nhà Vua muốn hỏi về triệu chứng, cũng như hiện tượng chết của 12 kinh mạch trong con người thế nào, luận giả y cứ vào đó mà trả lời. Nhưng hỏi thì 12 mà đáp có 6, như thế đủ biết luận giả chỉ đáp khái lược chung cho kinh Thủ và kinh Túc. Vì đây chỉ mới nói qua về triệu chứng chết mà thôi, chớ không phải để giảng giải về môn kinh mạch, đến sau sẽ có những thiên nói tỉ mỉ về môn này.

Hai chữ "kinh mạch" hoặc "kinh lạc" của người xưa đối với chúng ta thật là vô cùng bí hiểm, chớ nên dựa vào chữ và lời mà hiểu kinh mạch là những dây thần kinh hay động mạch, tĩnh mạch hoặc mạch của tuần hoàn máu trắng, hay ngược lại, trừ hết những thứ ấy đi riêng có một thứ kinh mạch nào khác; như thế đều là không phải. Mà đây chỉ là những luồng năng lượng điện tuyến do tất cả những điều kiện động mạch, tĩnh mạch tuần hoàn máu trắng và hệ thống thần kinh tổ hợp kết thành, mà hệ thống thần kinh là nền tảng; do đó mà các huyệt không hoàn toàn nằm trên một thành phần nào. Và chính năng lực điện tuyến này là công năng chính yếu để điều động cho khí huyết trong con người được lưu thông; cho nên cũng gọi là phần khí dinh nữa.

Tất cả những luồng năng lực này đều vận hành có đường có lối, chớ không phải vận hành theo thế co vào dãn ra như khí vệ. Do đó mà cùng với khí vệ khi thì hiện tướng nhập chung, khi thì hiện tướng tách riêng. Nghĩa của hai chữ "kinh mạch" là vậy.

Về phép phân định kinh mạch trong con người dựa vào nguyên lý ba âm ba dương, chia ra phần Thủ và phần Túc (phần tay, phần chân) thành ra 12 kinh mạch.

Như có lần đã nói: Nếu nhìn một con người như một cột trụ vuông

dẹp, thì ba kinh dương chiếm trọn phần ngoài: phía trước là Dương minh, phía sau là Thái dương, hai bên hông là Thiếu dương; còn phần ba kinh âm đều khuất hết vào trong. Mặc dù khi phân định kinh mạch để tìm huyệt, trên mặt da bên ngoài vẫn có đủ 12 kinh.

Vì tác dụng của kinh Thái dương chiếm trọn hết phần mặt da bên ngoài, còn kinh Khuyết âm là nơi tận cùng bên trong để khí huyết gặp nhau: do đó mà phải mở đầu bằng kinh Thái dương, và kết thúc bằng kinh Khuyết âm.

"Thái" nghĩa là quá hơn đại, "Thái dương" là khí dương rất lớn. Bên trong của Thái dương là Ruột non và Bàng quang, tác dụng bên ngoài là khí huyết ở phần vi ti quản mặt da, phần giữa lấy toàn bộ thần kinh phía sau lưng làm cơ sở; bên trên suốt đỉnh đầu ra phía trước mặt dính liền với tròng mắt phủ xuống đến Nhân trung, bên dưới xuống tận cùng gót chân mà ra phía ngoài ngón út, bên ngoài nó chỉ huy sự bài tiết da, bên trong dính liền với tủy xương sống.

Bộ óc là tinh hoa của tạng phủ, tròng mắt là tinh hoa của bộ óc, xung quanh tròng mắt có năm tổ chức gân: phía trên, phía dưới, bên trái, bên phải và phía sau nhờ thế mà tròng mắt được linh động. Cuống mắt bên trong lại mắc liền với óc nhỏ phía sau, cho nên khi kinh Thái dương khí tuyệt mới có triệu chứng tròng mắt trợn ngược, xương sống ểnh, tay chân giật, gương mặt trắng bệch, mồ hôi ra như tắm rồi chết.

"Thiếu" là nhỏ là ít, "Thiếu dương" là khí dương còn nhỏ. Gốc của Thiếu dương bên trong là Tam tiêu và Mật, ngọn là bầy nhầy tấu lý bên ngoài, ở thành phần cơ thể thuộc các gân khớp, luồng kinh mạch bên trên dính liền với gân của khoé ngoài tròng mắt và tụ tập xung quanh lỗ tai. Cho nên mới nói: "khi kinh Thiếu dương khí tuyệt thì tai ù, khớp dãn, tròng mắt liếc kéo hẳn về hai bên". Còn nói: khi tròng mắt kéo xếch qua hai bên thì một ngày rưỡi chết, lại ăn khớp với thiên thứ 52 nói: "Chích trúng Mật là một ngày rưỡi chết", mà Mật thuộc về Túc Thiếu dương. Thế tất khi khí của Thiếu dương tuyệt mà một ngày rưỡi chết thì là việc vốn có. Nhưng lý do nào phải một ngày rưỡi, đó là việc phải cần thể nghiệm.

Màu xanh thuộc Mộc, thuộc Khuyết âm và Thiếu dương. Màu

trắng thuộc Kim, thuộc Thái âm. Trước khi chết mà hiện sắc mặt xanh trắng rồi mới chết, thế là khí ở Thiếu dương với Thái âm lấn nhau mà hiện ra khí sắc. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là khí của Mật thoát hết ra ngoài, khí của Tam tiêu kiệt ở trong mà ra vậy.

"Minh" là sáng, "Dương minh" là khí dương tỏ sáng.

Miệng là khiếu trên của bộ tiêu hóa. Xương quai hàm trên dưới giáp với miệng, bên trên giáp với lỗ tai. Do đó mà miệng và lỗ tai có dây thần kinh liên hệ lẫn nhau ở hai bên má.

Kinh Dương minh gốc bên trong thuộc về Vị và Đại trường, phần ngọn bên ngoài là lớp mỡ dưới da, phần kinh chiếm trọn vùng phía trước. Màu vàng thuộc Thổ, mà nền tảng của Dương minh cũng thuộc Thổ. Hay hoảng hốt, nói xàm là hai triệu chứng khi Dương minh có loạn. Tất cả kinh Dương minh đều nhiều huyết nhiều khí và trên dưới đều thuộc động mạch; cho nên khi có biến loạn thì tất cả đều căng thẳng, và cuối cùng làm ra chứng tê. Nên mới nói: "Kinh Dương minh khi khí tuyệt chung cuộc: miệng tai đều hoạt động, hay hoảng hốt, nói xàm, sắc mặt vàng, tất cả kinh Thủ kinh Túc đều có hiện tượng thạnh, tay chân tê rồi mới chết".

Thiếu âm là âm còn nhỏ, gốc của nó bên trong là Tim với Thận; vì lấy Tim là chủ, cho nên mặc dù Túc Thiếu âm thuộc về Thận mà vẫn gọi là Thiếu âm. Thành phần đi ra bên ngoài là tuần hoàn máu đỏ và tuần hoàn máu trắng. Phần kinh mạch chìm khuất bên trong, mặc dù theo luồng điện tuyến kinh mạch người ta vẫn tìm thấy những huyệt bên ngoài. Màu đen là màu của Thận. Răng và xương đều là thành phần của Thận.

Con người như một thân cây, gốc rễ đều bám liền dưới lòng đất; vì lý này mà trong 12 kinh đều chú trọng phần Túc, lấy phần Túc làm chánh. Do đó mà khi kinh Thiếu âm khí tuyệt, tức là Túc Thiếu âm khí tuyệt. Túc Thiếu âm khí tuyệt, tức là khí ở Thận tuyệt. Vì khí ở Thận tuyệt, nên thế tương giao giữa tạng Tim và tạng Thận không thông nhau nữa, do đó mà có triệu chứng bụng trướng bế.

Cho nên mới nói: "Kinh Thiếu âm khi khí tuyệt chung cuộc: sắc

mặt biến đen, răng dài mà dơ, bụng trướng bí hơi, trên dưới không thông rồi chết!".

Có một người đàn bà bị bệnh ung thư Tử cung và biến chứng tràn lan ra nhiều nơi, xâm nhập vào tạng Thận. Cuối cùng trước khi chết hoàn toàn có đủ tất cả các triệu chứng như nói trên; lại còn thêm hai bên bắp chuối từ đầu gối xuống đến cổ chân xương thịt đều dãn bung ra, trông thật thê thảm.

Thái âm là âm quá lớn; bên trong gốc từ tạng Phổi và tạng Tỳ, thành phần bên ngoài là bắp thịt. Tạng Phổi thuộc Thủ, tạng Tỳ thuộc Túc. Cũng như bao nhiêu kinh khác phải lấy Túc làm chánh, tạng Tỳ thuộc về vị ngọt, trương nở là khả năng chánh, bụng là vùng của nó, hay ợ hơi và hay ói là hai triệu chứng thường thấy của nó, khí nghịch là triệu chứng thái quá của Tỳ. Màu đỏ là màu của Tim, Tâm Hỏa và Tỳ Thổ là hệ thống tương sanh. Khi tạng Tỳ bị bế tắc cũng làm trên dưới không thông; người ăn ngọt nhiều quá cũng rất dễ bị đầy hơi không thông làm xâm phạm đến tạng Thận, mà sắc mặt biến đen. Bởi những lẽ nói trên nên khi Thái âm khí tuyệt mới có làm ra bụng trướng bí hơi không thở được, hay ợ hay ói, hễ ói thì khí nghịch, khí nghịch thì mặt đỏ, khí không nghịch thì trên dưới không thông, trên dưới không thông thì sắc mặt biến đen, da lông khô héo rồi chết.

"Khuyết" là hết, "Khuyết âm" là âm hết, âm hết nghĩa là dương sanh. Nguồn gốc bên trong của Khuyết âm là Bọc tim và Gan, nhưng Gan thuộc về phần Túc. Thành phần bên ngoài của nó là gân. Gan bên trên thông đồng với Bọc tim, dính liền với Tim để tạo thành cái thế Mộc sanh Hỏa. Thành phần thần kinh động tác là thành phần thuộc về Gan, chỉ huy toàn bộ thần kinh động tác thuộc về óc nhỏ phía sau. Cuống lưỡi, cuống mắt đều gom về phía sau óc nhỏ; vì thế mà huyệt Á môn nằm ở cuối phía sau sọ đầu, và cũng vì thế nếu phạm sâu vào huyệt Á môn tức là lưỡi bị tê liệt không nói được, cho nên gọi là "Á môn".

Bộ sanh dục là nơi đầu dây thần kinh động tác, mạch máu trắng cũng như gân đều chầu về để tạo thành cái thế hoạt động sinh lý; cho đến sự gồng thắt của Bàng quang cũng phải nhờ đó mà có tác dụng.

Vì tất cả những điều kiện nói trên, nên khi kinh Khuyết âm khí

tuyệt mới có những hiện tượng như: bên trong nóng, cổ họng khô, hay đi tiểu, Tim bứt rứt, nặng nữa thì lưỡi cuống đớ, ngoại thận rút tuốt lên rồi chết.

Thế là luận giả đã khái quát triệu chứng chết của 6 nhóm 12 kinh để kết thúc thiên này.

BÌNH

Đọc qua đoạn này phần đông sẽ thấy như là không quan hệ mấy, vì đây chỉ là phần để dành cho hàng chuyên môn, thông thường đối với mọi người đâu có quan hệ gì! Nhưng ta hãy thâm sâu, thâm sâu mà ngẫm nghĩ! Bệnh tật là thứ nhà nào không từng có, chết chóc là thứ gia đình nào trước tới giờ lại không. Thế mà hầu hết chúng ta khi bình thường dửng dưng như không quan hệ; khi việc đã tới chỉ còn có cách điên loạn lên rồi đụng đâu quơ đó, để gọi là "đau chân há miệng" một cách vô cùng cẩu thả. Như thế dẫu cho có gặp phải người sáng suốt cũng khó mà giúp ích gì được cho mình. Thế là chỉ có giao phó sanh mạng mình cho bọn đồ danh trục lợi, hên xui may rủi, cuối cùng chỉ có khóc lóc thở than. Ta hãy thử nghĩ: đứng trước một mớ triệu chứng rối nùi của một bệnh tật nguy kịch, mà biết phân định rõ ràng thuộc hệ thống kinh mạch nào, tạng nào, phủ nào, nguy kịch đến trình độ nào, thì dù cho những thầy thuốc gọi là danh tiếng hiện nay cũng vị tất được mấy ai đã dám tự xưng rằng mình biết hết. Huống chi nếu trong gia đình bệnh nhân có người biết được, không những có thể săn sóc giúp đỡ người bệnh, mà còn nhờ đó mà biết được kẻ nào là lang băm, kẻ nào là thầy thuốc để gởi gắm sanh mạng nữa. Sự ích lợi rõ rệt như thế, mà chúng ta vẫn xem thường và đùn cho hàng chuyên môn. Như thế đủ biết ngày nay người ta đi tìm thầy thuốc chỉ cần có nhiều tiền, nghĩ rằng: như thế sẽ mua chuộc được sanh mạng; còn thầy thuốc cốt sao làm vừa lòng bệnh nhân để lấy được nhiều tiền mà cũng không mất danh vọng. Như thế "sống chết mặc bây, tiền thầy bỏ túi" là phải, đừng nên vội trách ai.

Xưa có một người đàn bà mang một đứa con mới chết, đến ngã lăn khóc ngất, xin Phật cứu cho sống lại. Phật bảo hãy đi tìm một gia đình nào từ trước đến giờ chưa từng có một người chết, mà xin một nắm tro mang về để Phật làm thuốc cứu chữa. Bà lội đi suốt buổi chẳng tìm được một nơi nào, trở về thây ma đã gần sình, mếu máo bạch Phật rằng: Không gặp được một gia đình nào không có người chết cả. Phật bảo:

Thế là sự chết ai ai cũng phải đi qua, chớ phải riêng chỉ có con bà! Thế rồi Phật giảng cho nghe, bà ấy trở nên bình tĩnh mang con về chôn cất bình thường.

Thế mới biết: Đợi đến việc rồi la hoảng khóc ngất chạy loạn lên kêu trời kêu Phật một cách điên cuồng, còn bình thường luôn luôn giữ một trạng thái si mê là bệnh chung muôn thuở của chúng sanh vậy.

Lời giải toàn thiên

Kết lại thiên này gọi là "Chẩn Yếu Kinh Chung", đó là ý nhà Vua muốn hỏi; nhưng tinh thần đáp của luận giả thì lại muốn nói trong bao la này không hề có nghĩa riêng chung, dù cho muốn tóm gọn cách khám phá con người ít nhất cũng phải biết thông qua những điều kiện như sau:

a. Từ trong tạng phủ ra đến tầng lớp xác thân, đến phần kinh mạch bên ngoài, hết thảy đều không thể tách rời khung cảnh trật tự thiên nhiên mà tồn tại được. Con người không những với trời đất cùng chung quan hệ, mà con người còn là một bầu trời đất thu hẹp lại nữa.

b. Nếu muốn biết khi biến ít nhất cũng phải biết được khi thường, không biết được cái thường không thể nào biết được cái biến. Thế mới biết: Biết được cái thường là rất cần thiết.

c. Then máy sống chết trong con người chỗ quan hệ là ở nội tạng và âm dương, mà khí dương là quan trọng nhất.

d. Nếu là thông đạt không những không thể nhìn một con người bằng cách riêng tư mà còn phải thận trọng ở nhân hơn là hời hợt đổi quả. Vì thế mà bao nhiêu thiên trước, đã có những hồi nhắc đến một vị lương y phải là "trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa suốt việc người"; nếu chưa được như thế, chưa phải là lương y.

Để nối tiếp với ý thiên trên: thuận với trật tự thiên nhiên là HẰNG, trái lại là KỲ, hầu mở lối cho thiên sau để bàn sâu rộng tỉ mỉ về cách khám bệnh vậy. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trọn cả thiên này chỉ chú trọng đến điểm: chỉnh lại sự hiểu biết của tinh thần thời đại mà nhất là ở

Y khoa, hơn là truyền dạy về thủ thuật chuyên môn.

Lời bình toàn thiên

Nếu con người là bầu trời đất nhỏ được, thì con người cũng là bầu vũ trụ nhỏ. Nếu là bầu vũ trụ nhỏ được, tất con người cũng là một bao la nhỏ. Đã là bao la nhỏ, tất con người là bao la. Đã là bao la tất cũng là vũ trụ, là trời đất, mà cũng là con người. Thế là con người vừa một vừa nhiều, vừa nhỏ vừa lớn, vừa con người vừa trời đất vũ trụ bao la, vừa đời vừa Đạo, vừa là gì vừa không là gì; mà cũng không phải một, không phải nhiều, không phải nhỏ, không phải lớn, không phải con người, không phải trời đất vũ trụ bao la, không phải đời, không phải đạo, không phải là gì, không phải không là gì, cho đến không có **có không**, không được mà cũng không mất. Thế là bản lai con người vượt ra ngoài vòng văn tự danh ngôn, vốn nó là vậy. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là không có bị.

Nhưng nếu không hiểu như thế, không biết rõ tận cùng như thế, thì con người chỉ là một cái thùng chứa, một thứ xe chở đầy nhóc toàn những vật vô dụng mục nát dơ bẩn, là nô lệ, là con đẻ của trời đất, là không xứng đáng hột cát của vũ trụ mà cũng không xứng đáng hạt bụi của bao la, đúng lý là phải đứng sau chót các loài muôn thú! Thế là từ cái **không bị** rơi vào cái **bị** để trở nên bị có sáng có tối, có động có tĩnh, có nóng có lạnh, bị khổ bị vui, bị khôn bị dại, bị được bị mất, bị có bị không, bị gần bị xa, bị thăng trầm, bị vinh nhục, bị nam bị nữ, bị họa bị phúc, bị mình bị người, bị sanh tử, bị luân hồi, hết thảy đều bị, không đâu mà không bị. Thế là có cái Tôi thì cái Tôi bị ở trong trời đất, không có cái Tôi cũng y thân này mà trời đất ở trong tôi. Quả thật là:

"Có thì có tự mảy may,

Không thì cả thế gian này cũng không.

Thử xem bóng nguyệt dòng sông,

Ai hay không có có không là gì".

Nếu cắt bỏ hẳn tạng Phổi hoặc tạng Tim, tạng Gan hay tạng Thận thì con người không thể sống được; mà cắt bỏ hẳn tạng Tỳ đi con người sẽ còn sống được ngắc ngoải một thời gian.

Nếu xẻo bỏ bớt một phần Tim hay một phần Gan, con người không thể sống được; mà cắt bỏ bớt một phần Phổi, một bên Thận còn có thể sống ngoắc ngải một thời gian. Thế là âm dương là then máy sống chết trong con người, mà khí dương là cửa cái; đây quả là một định lý.

Nhờ quả đất xích lại gần mặt trời mà khí dương trong lòng đất mới đi ra ngoài để tiếp ứng với khí nóng sáng của mặt trời; cũng như nhờ quả đất lần xa mặt trời, khí dương của quả đất phải thu về lòng đất, mà khí âm trong lòng đất phải bốc ra ngoài để tiếp ứng với khí âm của bao la. Thế là "đồng thinh tương tứng, đồng khí tương cầu", âm về với âm, dương về với dương.

Nếu sức vận chuyển của mặt trời không nhanh và mạnh hơn địa cầu rất nhiều, và mặt trời không to lớn hơn, thì quả đất không thể bị hút chạy theo để tạo thành thế hai con rắn quyện nhau. Hơn nữa, nếu quả địa cầu cũng là một mặt trời thứ hai y như mặt trời đang có, hoặc mặt trời biến thành một quả địa cầu thứ hai y như địa cầu đang có, thì vị tất có sanh ra thế hấp dẫn của hai con rắn quyện nhau, và biết đâu không thể xảy ra thế xô nhau?! Thế là âm gặp dương thì hút, dương gặp âm thì hút, âm gặp âm thì xô, dương gặp dương thì xô; đây là định luật từ lực.

Nếu khí dương trong lòng đất không gặp khí nóng sáng của mặt trời sưởi ấm, thì khí dương ấy càng ngày càng chìm lỉm vào trong.

Theo thế càng ngày càng lăn chậm và càng to ra của địa cầu, trong thời gian ấy, mặt đất sẽ lần hồi trở thành hoang vu, bơ vơ, cô đơn lạnh lẽo, đầy một khí tượng chết ghê rợn, để đi đến khí dương tắt phụt và địa cầu tán hoại.

Thế thì trong vô ý thức, cái bơ vơ cô đơn lạnh lẽo hoang vu ghê rợn trong tinh thần của một người nữ sống thiếu lứa đôi quả là một cảnh tượng đáng rùng rợn thật! Chính vì thế nhà Phật mới bảo: "Người nữ rất khó tu, người nữ nghiệp nặng". Vì sao thế? Vì như nhiều lần đã nói: bởi người nữ thọ bẩm lệch về quả địa cầu. Mà cũng chính vì thế, nếu người

nữ ý thức rõ được định luật này, thì cảnh tượng bơ vơ ấy cũng hết thành vấn đề vậy.

Địa cầu là một khối đất thuộc âm, mặt trời là một khối lửa thuộc dương. Cả hai đều xoay vần hấp dẫn lẫn nhau thành cái thế con rắn đực và con rắn cái quyện nhau giữa hư không. Nếu địa cầu đã là cơ cấu đầu tư khí nóng sáng của mặt trời, như thế biết đâu mặt trời lại không phải là cơ cấu đầu tư khí âm tối của quả đất?! Thế là khi quả đất bị tách rời khỏi mặt trời, biến thành cô âm, thì khi mặt trời tách rời quả đất sao lại không biến thành cô dương?!

Cô âm đã là một hiện tượng trái thường, thì cô dương lại không phải là một hiện tượng trái thường sao?! Thế mới biết: cùng sống trên mặt đất này, cùng chung trong thời gian địa cầu sắp già nua trong dòng đời xuống dốc, trong vô ý thức, người nữ thiếu người nam trở thành cô âm nguy hiểm. Vậy trong vô ý thức, người nam thiếu người nữ, há lại không trở thành cảnh tượng cô dương nguy hiểm đó sao? Thế mới biết: Khi không hiểu gì hết về nguồn cội chính con người của mình, thì dù nam hay nữ cũng vẫn bình đẳng như nhau; cho đến khi trở thành thông đạt, dù nam hay nữ cũng vẫn bình đẳng như nhau không khác. Thế mới biết: Khi tinh thần thông đạt, thì nam nữ bổn lai bình đẳng; khi chưa thông đạt, thì dù nam hay nữ mỗi một thân phận đều có một thế khó khác nhau.

Có nhiều người bảo: Thiên này chỉ thuần giảng về chuyên môn Y khoa. Nhưng riêng tôi, thì tôi nói: Thiên này có tính cách chỉnh lại lòng người, phủ nhận chuyên môn để làm sáng tỏ cái nghĩa "du ư nghệ". Nếu ai chưa hiểu như thế, thì muôn đời chỉ là "bị" và NỘI KINH chỉ là một thứ trói mình mà thôi.

THIÊN THỨ 16

- HẾT -

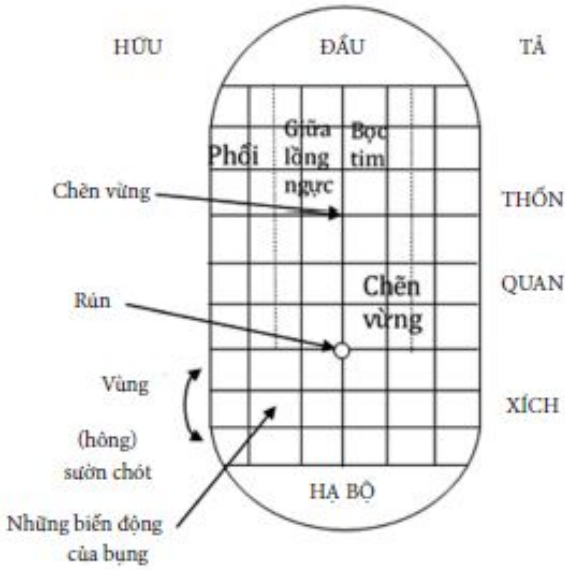

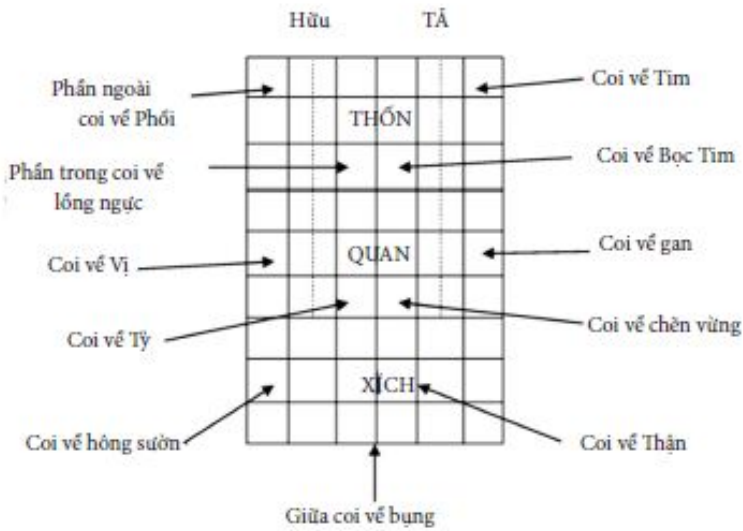

Mỗi bộ đều có Phù, Trung, Trầm. Từ mặt da đè xuống xương phân làm 3: phần trên gọi là Phù, giữa gọi là Trung, phần sát xương là Trầm.

Tôi đọc NỘI KINH là cốt để giúp vào việc dốc toàn lực điều chỉnh thấu triệt chính con người của tôi trước. Nếu

tôi không để ý đến điểm quan trọng này mà tôi vội bình phẩm, tức là ma nói, ma bình phẩm mà cũng là ma đọc. Nếu tôi không dám nhìn nhận điểm này thì tôi là người không xứng đáng để đọc NỘI KINH vậy.

C.N

Thiên 17
MẠCH YẾU TINH VI LUẬN

Phần chỉ nam

Mời độc giả ngắm kỹ đồ biểu này.

Cái "không là gì" khi chưa ai nghĩ đến vốn nó vẫn không tên không chữ, không đợi phải ai sanh ra nó, có ai biết hay không có ai biết nó cũng bất cần, muôn thuở vẫn y nhiên, đừng ai vội tìm xem ai sanh ra nó. Chỉ có tất cả hiện tượng đều từ trong nó xuất hiện, mà nó cũng chưa hề bảo nó làm ra hiện tượng nào. Từ khi có người để ý đến tính cách "không là gì" của nó, mới có cái gọi là "không là gì". Và khi đặt bút viết số "không

là gì", tức là cái "không là gì" đó trở nên cái không là gì nhỏ xíu; thế là cái "không là gì" ấy trở thành cái sau cái "không là gì" và trước cái "có là gì". Thế là trên cả một tờ giấy, trước con số 1 ta đã viết con số 0, rồi cứ thế mà diễn tiếp.

Tất cả những hiện tượng sở dĩ có khả năng biến hóa đều là nhờ ở nằm tròn trong cái "không là gì". Và mỗi một hiện tượng muốn biến hóa vào trong tất cả, tất phải trở về với "không là gì"; nếu thiếu cái "không là gì" thì không thể biến hóa được. Cho nên đến hết số, sau con số một (1) ta phải viết thêm con số không (0) nối tiếp trên nền giấy trắng. Thế mới biết: "không là gì" là cái to nhất, và con số 0 vừa là đầu mà cũng vừa là đuôi. Thiếu cái "không là gì", cũng như thiếu con số 0, là nhà toán số hết đường biến hóa, và cũng vì thế mà con số · là sợi dây trói chặt tinh thần các nhà toán số không thể nào vượt ra được. Bởi vậy Hà đồ vẽ 1· con số trên nền bao la. Giờ đây cũng trên một nền bao la, ta biến 10 con số Hà đồ ra thành ba số như hình vẽ trên, rồi ta mới thấy tất cả những gì gọi là kinh sách của thánh hiền để lại đều là từ cái "không là gì" mà nói chuyện về "không là gì" có khả năng biến hóa ra muôn trùng, để rồi cuối cùng cũng trở về với cái "không là gì". Và con người là một hiện tượng xuất phát từ trong cái "không là gì", con người không thể khác hơn. Thế mới biết: nếu muốn khám phá tận cùng thiên này, tất phải dùng cái tâm khởi thỉ bằng "không là gì" thì mới mong vào được tất cả. Trừ khi ta muốn học NỘI KINH mà vẫn được ngu thêm, cũng như học Phật mà vẫn được sa đọa thì hãy làm ngược lại.

Nếu không đề cập đến phần nghệ thuật, thì không thể nào nhận rõ được cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông từ trong con người với thiên nhiên bao la, cũng như không thể nào nhận ra được cái cực kỳ bé bỏng và cực kỳ to lớn của chính con người, chớ đừng nói chi đến giá trị du ư nghệ. Nhưng khi đề cập đến phần nghệ thuật, thì lại có những bọn đang chực hờ lăm le để biến nghệ thuật du ư nghệ trở thành một thứ chuyên môn sa đọa không hồn, hay nói cho đúng hơn là một thứ tả đạo bàng môn; hoặc có kẻ tâm tư nhỏ hẹp đang nóng bỏng về cuộc sống sụp đổ, vội cho rằng: đây chỉ là nói chuyện chuyên môn, mà đâm ra nhàm chán. Thế mới biết: làm sao để cho người đọc NỘI KINH đừng bị sa đọa hay nhàm chán, đây quả là một điều khó khăn cho người san định vậy.

Văn tự của NỘI KINH đã không thể dựa hẳn vào tự điển mà biết

được, lại còn tùy nơi, tùy chỗ, tùy lúc mà định nghĩa khác nhau. Làm cho người đọc chỉ còn có cách duy nhất là phải ngừng dứt các ngoại duyên, để lòng rỗng rang đứng lặng trả về với cái "không là gì", nhập thần cùng cổ nhân tìm xem cổ nhân muốn nói gì, thì mới có cơ thấu triệt. Thí dụ chữ "khí" không thiên nào mà không có; và trong khái quát "khí" là thể hơi, ngược lại với "chất" là thể ngăn ngại, điều này ai cũng có thể biết. Nhưng càng đi sâu vào chi tiết ta càng gặp nhiều rắc rối hơn. Thí dụ, ngoài cõi thiên nhiên có khí trời, khí đất, khí âm, khí dương, khí giao, khí 5 hành, khí bốn mùa, khí tà, khí chánh…; rồi lần vào con người lại có khí Phổi, khí Tim, khí các tạng, khí dinh, khí vệ, khí ăn uống, khí ở Vị, khí ở các phủ, khí bệnh, khí tà v.v. và v.v., thật là rắc rối biết bao! Nhưng nếu ta xoắn chặt nghĩa "khí" là ngược với "chất", là phần thể hơi, rồi tùy nơi, tùy lúc luận giả đề cập mà tìm hiểu, thì tự nhiên sẽ không đến nỗi khó khăn lắm. Điều này chúng ta phải nên thận trọng, chớ để vô tình sơ hở.

Định nghĩa tên thiên

Là một thiên tóm luận nương nơi sự khám phá bệnh tật, để nói lên cái lẽ bí yếu tinh vi mầu nhiệm về môn khám phá cơ thể con người, hầu chứng minh cho thấy con người cùng với bao la trời đất vốn chung một lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông không thể phân mà cũng không thể hợp.

LỜI BÌNH MỞ ĐẦU

Không có một cách nói nào tuyệt diệu cho bằng nói đến chỗ không dùng lời, không thể nói. Không có một cách nhìn nào tuyệt diệu cho bằng nhìn đến chỗ không tướng, không thể thấy. Không có một cách nghe nào tuyệt diệu cho bằng nghe đến chỗ không có tiếng, không thể nghe.

Nương nơi việc nghe cái không thể nghe, thấy cái không thể thấy, nói cái không thể nói, để biết được cái không thể biết, để vào được cái không thể vào.

Ngài có muốn vào dạo chơi trong cõi "không thể vào" không? Nếu muốn, mời hãy thử đọc kỹ thiên này.

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế vấn viết: Chẩn pháp hà như?

Kỳ Bá đối viết: Chẩn pháp đương dĩ bình đán, dương khí vị động, âm khí vị tán, ẩm thực vị tiến, kinh mạch vị thạnh, lạc mạch điều quân, khí huyết vị loạn, cố nải khả chẩn hữu quá chi mạch.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Phép khám mạch thế nào?

Kỳ Bá thưa: Phép khám mạch phải lấy vừa sáng sớm làm quan trọng. Bởi vì lúc đó khí dương chưa động, khí âm chưa tan, chưa có ăn uống, mạch kinh chưa thạnh, mạch lạc còn quân bình, khí huyết chưa loạn; cho nên có thể khám để biết mạch mất bình thường.

GIẢI

Tận tự thiên thứ 13 vẫn là hoàn toàn nối tiếp sự khám phá về con người; và từ thiên này mãi đến mấy thiên sau hoàn toàn thâm nhập trọn vào trong con người đến chỗ cực kỳ vi diệu, đúng theo nghĩa "từ cái cực lớn thu vào cái cực nhỏ, để rồi từ cái cực nhỏ mở ra trở về với cái cực lớn".

Đây là đoạn mở đầu chỉ chú trọng đến giờ nào là giờ khám mạch được chính xác nhất, hầu nhập sâu vào tinh thần nghệ thuật.

Nếu tận tự thiên đầu mà đã tâm lãnh thần hội, thì đến đây câu hỏi của nhà Vua sẽ khỏi phải nêu ra. Như thế ta đủ biết Huỳnh Đế nếu không phải cũng như bao nhiêu người khác, thì quyết định Huỳnh Đế quả là một người thay ta mà hỏi, vì ta mà hỏi. Nếu ta là người biết đọc sách, thì ta chớ há xem thường.

Luận giả bảo: Phép khám mạch phải lấy vừa sáng sớm làm quan trọng, rồi tiếp tục, luận giả lại giải thích bởi vì… Nhưng ta hãy trầm ngâm thận trọng, rồi mới thấy tại sao phải căn cứ vào lúc sáng sớm? Tại sao không sớm hơn nữa, càng sớm càng hay?

Nhưng nếu ta đừng quên buổi sáng sớm là gì, có quan hệ gì đến bầu khí quyển không? Thuộc về khí nào làm chủ? Trong thân thuộc tạng nào? Thuộc về kinh nào, mạch nào và sự vận hành suốt ngày đêm trong châu thân ra sao? Thế âm dương đun đẩy nhau của bầu khí quyển thế nào? Con người cùng với bao la trời đất nhịp nhàng ra sao?... Tức khắc ta không còn lạ gì. Nếu không phải thế thì trong đoạn này sẽ bị một màn bí mật bao trùm không sao thấu triệt.

Buổi sáng sớm ta đang ngủ mà phải thức giấc, nếu không phải do khí dương của mặt trời đánh thức, vậy cái gì làm cho ta thức giấc?

Tuy đã thức giấc, nhưng ta cảm thấy vẫn còn lạnh lẽo mát mẻ như hồi đêm. Nếu không phải khí âm của đêm tối vì mặt trời chưa đến mà sức nặng hãy còn bao trùm không gian, vậy cái gì làm ra? Thế mới biết: khí dương tận bên trong con người theo mặt trời mới chớm phát, mà bên ngoài vẫn còn bị khí âm đè nặng. Như thế không phải khí dương chưa động, khí âm chưa tan, chớ là gì?

Giá trị của mạch cổ tay thế nào? Tại sao phải lấy mạch cổ tay làm quan trọng? Cho đến phân bộ vị trái phải cũng đã có nhiều lần nói qua rồi. Nay ta hãy thử sáng sớm vừa mới thức giấc tự mình hãy sờ lên vùng tạng Tim của chính mình, hoặc dùng tay mình mà khám lấy mạch của chính mình, hãy ghi nhớ xem ra sao. Đến khi vừa qua bữa ăn, ta cũng lại làm như thế. Rồi ta thử đem hai kết quả ra mà so sánh; dù là một người hoàn toàn bình thường chăng nữa, ta cũng sẽ thấy hai sắc thái kết quả có chỗ rất khác nhau.

Trong con người tạng phủ ví như cội gốc của cây, mạch kinh ví như cành nhánh, mạch lạc ví như tận cùng hoa lá. Buổi sáng lần trưa, cuộc sống càng đi lần vào náo nhiệt, nào ăn uống, nào hoạt động tay chân nặng nhọc, nào bồn chồn lo lắng, nào khí nóng sáng mặt trời thúc giục bên ngoài…, để từ tạng phủ sang mạch kinh sung thạnh, rồi lần đến trưa mạch lạc căng đầy. Tạng Tim cũng theo đó mà khi đập nhanh khi đập

chậm, khi bồng bột, khi vội vàng. Muôn điều chi phối, bao nhiêu hiện tượng náo loạn che khuất chìm mất bộ mặt thật tận cùng sâu kín bên trong. Như thế làm sao thấy được tận nguồn cội sự mất bình thường?! Vì thế nên mới nói tiếp "chưa có ăn uống, mạch kinh chưa thạnh, mạch lạc còn quân bình, khí huyết chưa loạn; cho nên có thể khám để biết mạch mất bình thường".

Có người hỏi: Tại sao phải căn cứ vào giờ sáng sớm, mà không lấy vào giờ chiều tối?

Đáp: Âm là nặng, dương là nhẹ. Khi khí dương đi ra đến Phổi, bên ngoài là khí âm còn đè nặng, thế là tất cả sự biến chuyển rung động tế nhị trong toàn thân đều hiện tỏ rõ ở tạng Phổi, và bao nhiêu lượn sóng rung chuyển đều đúng theo trật tự mà đi ra mạch Thủ Thái âm ở cổ tay một cách vô cùng chính xác. Còn buổi tối dư vị náo loạn của ban ngày hãy còn nối tiếp, mà khí âm bên ngoài đã đến, khí âm bên trong con người cũng theo đó mà vượt ra ngoài, cuộc xuống dốc của khí dương để trở vào trong không gặp phải trở lực khó khăn, do đó mà mạch trở nên không trung thực. Phương chi tảng sáng là mối đầu của dinh vệ vận hành khắp châu thân, là giờ khí dương trong quả địa cầu tung vượt ra ngoài mà lên trên, là giờ thuộc về Thủ Thái âm. Còn giờ chiều tối là lúc khí dương của quả địa cầu trở vào trong, mà trong con người thuộc về Túc Thái âm, thuộc về tạng Tỳ, cho nên không thể nào chính xác được.

Thế là trọn cả đoạn này chỉ chú trọng vào năng lực và luật âm thanh rung động trong con người cùng với trật tự thiên nhiên đồng nhất, để chọn lấy một thời gian chính xác nhất trong một ngày đêm, hầu định đoạt cho nền tảng nghệ thuật mạch học vậy.

BÌNH

Nếu đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông là một định lý;

Nếu tảng sáng sớm là lúc năng lực cũng như tất cả sự rung động trong con người đối với mạch học là chính xác nhất là một định lý;

Thế thì khi nhìn vào suốt một đời người, ta hãy thử xem lúc nào là lúc năng lực cũng như tất cả sự biến động của đời người được chính xác

nhất?

Nếu sáng sớm của một ngày đêm với tuổi thơ của một kiếp người, hai pháp đồng là một hệ thống. Thế thì hiện tượng tuổi thơ trong suốt kiếp của quả địa cầu, tất không thể ngoài hệ thống này.

Sáng sớm của một ngày đêm đối với thân người, tuổi thơ đối với suốt kiếp của một con người, cũng như tuổi thơ đối với suốt kiếp của quả địa cầu nếu quả là đồng một pháp suốt thông, thế thì tuổi thơ của cả một thế giới loài người với đến bao giờ quả địa cầu tán hoại, so với ba pháp trên thế nào?

Nếu quả bốn hiện tượng ấy đồng chung trong một hệ thống, thế tất loài người của khi quả địa cầu mới trưởng thành so với loài người ngày nay chắc chi đã không trung thực hơn nhiều lắm?!

Như thế đủ biết cái văn minh của loài người ngày nay chỉ là văn minh kỹ thuật; và con người càng tiến bộ về mặt văn minh kỹ thuật bao nhiêu, tức là con người càng xa nguồn cội, càng gần ngành ngọn bấy nhiêu. Nếu vô ý thức, tức là đã đi sâu vào lãnh vực dã man thối hóa mà thôi vậy.

Chẳng ai ngờ: Cùng là một đoàn người chung sống trên mặt địa cầu của Thái dương hệ này, thế mà ở người xưa khi họ muốn diễn tả về năng lực, về rung động, về âm thanh… sự diễn đạt rất là cà lập cập, ngôn ngữ của họ rất là lủng củng mộc mạc đơn sơ, họ nói ra rất lờ mờ, không hiểu họ có biết hay không biết. Đến nay đã trải mấy ngàn năm, những gì để lại mà chúng ta được đọc rất không hề đá động gì đến máy móc phức tạp. Thế mà cái nhìn của họ suốt tận tự bao la, vào trong muôn trùng hiện tượng vật chất, thâm nhập vào tận tế vi, lui lại vào tận chính con người của mình, vén hẳn hết tất cả màn bí mật, giải quyết trọn vẹn cuộc sống ổn định đâu ra đấy; cho đến thâm nhập vào động mạch cổ tay, và giờ sáng sớm là giờ chính xác nhất; mỗi mỗi đều mắc liền nhau như những mắt xích, không hề có một hố cách.

Còn chúng ta ngày nay đã tự gọi là trải qua mấy ngàn năm văn minh, lúc nào miệng cũng nói ỏm tỏi đề cao hiểu biết. Khi diễn tả về năng lực, về rung động, về âm thanh, về nguyên tử thì thật là rõ ràng

không ai nói rành mạch bằng. Xa hơn nữa, chúng ta còn chế được phi thuyền vượt không gian, ống viễn kính khám phá vũ trụ, máy bay phản lực, bom nguyên tử, hỏa tiễn liên lục địa, vô tuyến truyền thanh, truyền hình, cho đến tất cả những máy móc điện tử… Thế mà cuộc sống càng ngày càng bế tắc, con người càng ngày càng khổ lụy đau thương, cho đến hầu như chỉ còn đặt trọn vào tinh thần mê tin với một đấng chủ tể nào đó, hay một bộ óc điện tử là cùng. Một sự thông thái ngu muội lạ kỳ như thế, há không đáng để ta tủi nhục lắm sao?!

Có một lúc, một bác sĩ đại diện cho phái đoàn Y khoa của Liên hiệp quốc người Âu sang Việt Nam để quan sát về tình hình bệnh trẻ em. Có dịp gặp chúng tôi, trong câu chuyện qua lại về sự hiểu biết của người phương Đông, tôi có bàn qua về vấn đề vì mỗi một tế bào vốn nó là hoàn toàn đủ điều kiện như một con người, nghĩa là thân con người là tổ hợp, do đó mặt da con người không chỗ nào không đủ điều kiện thấy nghe hay biết của tất cả giác quan. Vị bác sĩ ấy nghe qua tỏ thái độ cho rằng: Người Á đông chỉ bày đặt những chuyện vô lý để mê tin. Câu chuyện đã trôi qua mấy tháng… Đến nay bỗng dưng trên mặt báo, người ta đang hô hào về một vị người Âu nào đó phát minh được một thứ máy điện tử, áp dụng được cái thấy được ở mặt da để giúp cho người mù có thể tạm thấy được. Thế là mới chỉ biết chút chút về mặt da, mà người mù đã bị đầu cơ mất! Huống chi là vấn đề mạch học Đông phương. Trời ơi! Có ai ngờ: Đã chế ra được những máy vô tuyến truyền thanh, truyền hình, thế mà chúng ta vẫn còn u mê ngu xuẩn một cách quá quắt dường ấy! Chẳng ai ngờ: Gom tất cả bao nhiêu xương máu, bao nhiêu tiền của, bao nhiêu kiếp người để lao đầu vào một cuộc mê tin bộ óc điện tử, mà giá trị của nó chẳng xứng đáng bằng một dụng cụ cơ bút của Cao Đài giáo ở Việt Nam. Thế mới biết chúng ta ngày nay chỉ là một thứ khỉ thông thái hơn là một con người đích thực vậy.

Nay ta hãy thử lược qua vài mẩu chuyện xưa, để tìm hiểu xem trình độ ngu muội của chúng ta ngày nay đến cỡ nào:

a. Trong một câu chuyện để diễn đạt về tác dụng của bộ tuần hoàn máu trắng trong sinh vật, nhà Phật bảo: "Mỗi chúng sanh (nghĩa là mỗi một sinh vật chỉ là một khối tổ hợp) đều có một thứ nước gọi là nước ái (đắm nhiễm); hễ khóc chảy ra ở mắt gọi là nước mắt, tủi chảy ra ở mũi gọi là nước mũi, thèm ứa ra ở miệng gọi là nước miếng, động lòng dục ứa ra bộ phận sinh dục gọi là nước dâm…"

Trời ơi! Có cách nào diễn đạt vừa mộc mạc, vừa đơn giản mà vừa đầy đủ hơn nữa không?! Mời các bạn Y khoa của chúng ta ngày nay hãy cùng chung ngẫm nghĩ.

b. Cũng kinh Phật chép: "Ông A Na Luật là con nhà giàu đi tu mà quá lười biếng, thường cứ ăn rồi ngủ. Một hôm bị Phật mắng là súc vật, quá tự ái khóc đến đui cả hai mắt. Phật cứ để tự nhiên, rồi từ đó Phật gia công giảng dạy ông ta trở lại tu hành siêng năng, đến sự thấy trọn cả một con người xuất hiện. Không những không lệ thuộc vào mắt mà vẫn thấy như người thường, ngoài ra còn thấy được trọn cái bao la này, tựa hồ như nhìn một chùm trái cây để trong lòng bàn tay".

Trời ơi! Không dè chúng ta ngày nay lại là ngu muội quá chừng! Thế mới biết, ông Phật bảo "Bởi biết trở ra nhiều quá, nên hóa ra ngu" thật là không oan uổng chút nào vậy. Mời các bạn khoa học của chúng ta ngày nay hãy suy tư.

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Thiết mạch động tĩnh nhi thị tinh minh, sát ngũ sắc, quán ngũ tạng, hữu dư bất túc, lục phủ cường nhược, hình chi thạnh suy, dĩ thử tham ngũ, quyết tử sanh chi phân.

DỊCH

Chẩn sự động tĩnh của mạch, nhìn thần khí, quan sát 5 sắc, nghiệm xét 5 tạng hoặc thái quá hoặc bất cập, sáu phủ hoặc mạnh hoặc yếu, cơ thể hoặc thạnh hoặc suy; rồi tổng hợp toàn bộ khám phá mà lật đi lật lại chín chắn nhiều lần, thì có thể quyết định được sự sống chết ra sao.

GIẢI

Đoạn trên đã nói về sự chọn giờ chính xác, đến đoạn này chỉ thuần bàn về phương pháp áp dụng một thứ máy móc siêu tuyệt không hai để khám phá con người, mà cái máy ấy không đâu xa lạ, chỉ chính là thân tâm của mỗi người mà thôi vậy. Và ta nên nhớ: Đây chỉ là nói về phương pháp sử dụng một cái máy đã điều chỉnh chính xác rồi, chứ không phải là một thứ áp dụng bừa bãi. Chỗ này nếu sai một ly là lệch đi một dặm, hết thảy người đọc phải nên thận trọng chớ há xem thường.

Như bao lần đã đề cập, điều kiện quan trọng duy nhất trong công cuộc khám phá là: Trước nhất phải làm sao người khám phá với đối tượng khám phá không bị một bức tường huyền bí nào ngăn che, thì công cuộc khám phá mới mong chính xác. Huống chi trong công cuộc chữa bệnh vị lương y, người bệnh, với phương pháp áp dụng là một toa thuốc ba vị để đương đầu với mọi thứ bệnh tật. Làm sao có thể khác hơn?! Ta thử nghĩ trong một khung cảnh người thầy thuốc đã không hiểu gì hết về chính con người của mình, tinh thần của ông ta chỉ là một thứ méo mó không chính xác; bệnh nhân là một thứ chỉ biết có tiền và mê tin; thầy thuốc với con bệnh ai nói nấy nghe chẳng hề có một tí gì cảm thông, tuy giáp mặt mà vẫn muôn trùng cách bức. Như thế hỏi người thầy thuốc biết cái gì chứ? Huống chi trong công cuộc khám phá này, phải cần động viên toàn bộ thông minh của cả tai, mắt, miệng, mũi, thân, ý, để đi vào đến chỗ nhập thần. Mà có thể cẩu thả xem thường được sao?!

Vẫn biết rằng chỉ nội sáu bộ ở động mạch cổ tay cũng đã là cả cái bao la thu hẹp lại, huống chi là những nét đậm của năng lực âm thanh chuyển động trong một con người. Nhưng dù sao chăng nữa, nếu ta chỉ ỷ lại ở một góc, trong đột ngột vội vàng là ta có thể rơi ngay vào cái thế u mê ám độn. Vì thế, công cuộc khám phá phải áp dụng trọn vẹn cả mạch cổ tay, nhìn tinh thần, xem khí sắc, nghiệm tạng phủ xác thân… nghĩa là phải động viên cả vọng, văn, vấn, thiết. Thế là áp dụng cả một bài toán trực giác mà vẫn còn chưa chắc, ý bảo phải lật đi lật lại nhiều lần. Quả thật là một cái học vô cùng tinh tế! Thế mà không quyết định được sự sống chết, thì quả là vô lý.

Như có nhiều lần đề cập: Một con người khi chính mình đã được điều chỉnh và khám phá rồi, tức là họ không còn bị đọa vào trong từng giác quan, họ là năng lực, là bao la. Do đó nếu thật là lương y thì ba ngón tay của họ không những là ba ngón tay, mà còn là cả tai, mắt, miệng, mũi, thân, ý đều gom về chỗ đó. Thế mà họ còn không hoàn toàn ỷ lại thay!

Vậy thử hỏi: Trong cách thế dùng ống nghe mạch chụp chụp sơ sài vài ba cái không được đến nửa phút, mà vội quyết định một thái độ chữa trị, như thế làm sao chúng ta biết được cái gì?

Con người đã không phải là một cục thịt chết, một cái máy vô tri, thế mà chúng ta vẫn lăm le giao phó trọng trách của mình cho những vật vô tri ấy, thì quả thật không gì vô lý cho bằng! Thế mới biết: Câu "Nhìn thần khí để khám phá" trong đoạn chánh văn này đóng một vai trò quan hệ biết bao, tất cả những trường hợp khám phá không thể thiếu.

BÌNH

Lạ lắm! Lạ lắm! Chẳng ai ngờ: Từ Việt Nam chúng ta muốn nói chuyện sang Hoa Kỳ, chúng ta có thể chế ra máy viễn thông để nói chuyện. Ở Hoa Kỳ muốn thấy tình hình Việt Nam, chúng ta có máy vô tuyến truyền hình. Ở Việt Nam chúng ta muốn nghe tiếng nói của Trung Hoa lục địa, chúng ta có máy thu thanh. Thế sao ngày nay chúng ta ngu quá, đến đỗi không nhận ra được chính mình cùng với bao la đồng nhất, cho đến không nhận ra được giá trị của mạch cổ tay. Đây quả thực là một điều tột bực lạ!

Tây Du Ký chép: "Thầy trò Tam Tạng đi đến một nước gọi là nước Châu Tử. Vua Châu Tử vì bị yêu quái bắt cóc mất vợ, rầu rĩ đến sanh bệnh nặng. Tôn Ngộ Không vào xin chữa, vì tướng Ngộ Không dị kỳ nhà Vua quá sợ, buộc lòng Ngộ Không phải dùng ba sợi dây kim tuyến nhờ người buộc vào ba bộ mạch rồi chuyền ra đến ngoài phòng để Ngộ Không làm phương tiện chẩn mạch…". Thế là tác giả Tây Du Ký muốn nói gì đó? Dây kim tuyến là gì? Có phải là một thứ lò xo thật nhỏ làm bằng kim khí thật mịn không? Tại sao phải dùng dây kim tuyến mà không dùng chỉ? Tất cả những sự chuyển động của tất cả tinh cầu trong bao la này đều theo thế lò xo xoáy ốc, vậy dùng kim tuyến cột vào mạch để chẩn mạch có liên quan gì đến vũ trụ không? Thế mà vẫn khám phá được một căn bệnh gọi là bệnh Song điểu thất quần (lẻ đôi), thế là muốn nói cái gì đó? Trải qua không biết bao nhiêu lâu rồi, thế mà đến ngày nay đọc đến vẫn còn hào hứng. Đây cũng là một chuyện lạ thật!

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Phù mạch giả huyết chi phủ dã. Trường tắc khí trị, Đoản tắc khí bệnh, Sác tắc tâm phiền, Đại tắc bệnh tiến.

Thượng thạnh tắc khí cao, hạ thạnh tắc khí trướng. Đại tắc khí suy, Tế tắc khí thiểu, Sắc tắc tâm thống.

(1)Hồn-hồn cách chí như dũng tuyền, bệnh tiến nhi sắc tệ. Miên-miên kỳ khứ như huyền tuyệt tử.

PHẦN SAN ĐỊNH

Câu đánh dấu số (1) này ý tứ tuy không mất, nhưng người đọc có thể hiểu lầm ra một cách khác. Vì thế mà chúng tôi san định lại như sau:

Bệnh tiến nhi sắc tệ, kỳ mạch hồn-hồn cách chí như dũng tuyền, hoặc miên-miên kỳ khứ như huyền tuyệt giả, tử dã.

DỊCH

Vả chăng mạch là ống máu; hễ mạch trường là phần khí được bình thường, mạch đoản là phần khí có bệnh, mạch sác thì Tim bứt rứt, mạch đạilà bệnh tiến.

Nếu trên thạnh thì khí nghịch, dưới thạnh thì khí trướng hãm, thỉnh thoảng ngừng là khí không nối tiếp, mạch tế là khí kém, mạch sắc là Tim đau.

Trong tình trạng bệnh tiến sắc héo, nếu hiện tượng mạch đến loạn động cuồn cuộn như mạch suối trào, hoặc phái phái như dây tơ sắp đứt, đều là trường hợp mạch chết.

GIẢI

Đoạn này bắt đầu đi lần vào từng hiện tượng mạch với từng bệnh chứng một trong cái thế nhận xét chung cả sáu bộ. Bởi vì phép chẩn mạch, khi thì nhìn chung cả sáu bộ, khi thì phân bên phải bên trái để so sánh, khi thì chỉ coi từng bộ một; mà đoạn này chỉ chú trọng vào hiện tượng chung mà thôi.

Chữ "mạch" ở đây rất có khác với chữ "kinh mạch" ở các nơi khác. Đây chỉ hoàn toàn chú trọng vào động mạch, vì thế mà khởi đầu vào đã định nghĩa ngay "mạch là ống máu".

Con người đã là một thứ tổ hợp của tế bào và mỗi một tế bào cũng vẫn là một thứ tổ hợp, cho đến máu cũng là một thứ tổ hợp do từng hột máu li ti.

Như đã nhiều lần đề cập đến, trong máu đại khái có ba phần: phần máu đỏ, phần máu trắng và phần nước máu. Ba phần này nhờ tác dụng khí hóa của năng lực điện trong con người mà hòa hợp nhau một cách tinh tế, để được tuần hoàn lưu thông. Dòng suối năng lực ấy do một mặt bởi con người ngấm mình trọn trong cái thế viên quang tịch chiếu của bao la, một mặt cộng với hô hấp, ăn uống và sanh hoạt, nhờ thế khi chẩn mạch ta vẫn thấy một ống suốt thông nên gọi là mạch Trường (Trường: dài). Nay do một duyên cớ nào đó, làm cho năng lực điện trong máu không được khít khao nối tiếp một cách suốt thông, ba ngón tay của người thầy thuốc khi đè xuống thấy có hiện tượng như bị đứt làm ba đoạn ngắn mà khớp đứt nằm giữa mỗi ngón tay thầy thuốc, đó gọi là mạch Đoản ("đoản" nghĩa là ngắn). Cho nên mới nói: "Hễ mạch Trường là phần khí được bình thường, mạch Đoản là phần khí có bệnh", thế là hai câu này chỉ mới đề cập đến hình thế của mạch dài hay ngắn mà thôi.

"Sác" nghĩa là mau, ngược lại với "trì" nghĩa là chậm. Tạng Tim nối tiếp với bộ tuần hoàn, bên trong nhờ Tim đập đều đều, cứ hai phòng trên bóp vào cho máu chảy xuống hai phòng dưới, rồi khi hai phòng trên mở ra hai phòng dưới bóp vào để đưa máu đi (về bộ tuần hoàn đến thiên sau sẽ nói tỉ mỉ). Vì thế, khi bình thường Tim đập có tiếng "cục kịch" "cục kịch" như tiếng quả lắc đồng hồ. Cứ một hít vào một thở ra của người trung niên bình thường là Tim đập kém năm nhịp; do đó mà mạch cổ tay cũng như vậy, có đôi trường hợp thọ bẩm khác thường chăng nữa,

cũng chỉ hoặc 4,5 đến năm nhịp là cùng. Nếu nói một cách khác hơn, tức là mỗi phút trung bình mạch đập 72 nhịp (đây chưa đề cập đến các tầm tuổi khác nhau hoặc nam hay nữ).

Máu từ tạng Tim đi ra đến tận mặt da khắp tế bào châu thân để qua phần vi ti quản nhỏ như tơ, theo tĩnh mạch mà chảy về Tim. Vì thế mỗi khi hoặc bị khí hậu bên ngoài xâm lấn mặt da, vào bộ hô hấp, làm cho phần vi ti quản không được lưu thông, mặt da mất thế hô hấp bình thường, hoặc bởi ăn uống sanh hoạt lệch lạc, hoặc bởi tâm lý bị kích động, làm cho sức nóng trong bộ tuần hoàn cũng như tạng Tim đột ngột vọt lên cao, nhịp đập của tạng Tim trở nên bồng bột. Do đó Tim đập mau hơn bình thường, mạch cổ tay cũng theo đó mà nhảy mau, làm cho đương sự cảm thấy vùng Tim bị bứt rứt.

Đúng nghĩa của môn Mạch học định, thì một thở ra hít vào của thầy thuốc (bình thường) mà mạch bệnh nhân nhảy sáu nhịp gọi là sác là mau, bốn nhịp gọi là trì là chậm. Cho nên mới nói "mạch sác tức là có triệu chứng Tim bứt rứt". Thế là câu này chỉ chú trọng đến nhịp mạch.

"Bệnh" nghĩa là mất bình thường, thiếu lưu thông. Khi một con người bình thường không bệnh tật, ống mạch không trường cũng không đoản, nhịp mạch không mau cũng không chậm, tướng mạch không lớn cũng không nhỏ. Đến khi có bệnh, hễ bệnh thiệt, thái quá, có dư thì mạch hiện to; bệnh hư, bất cập, thiếu thì mạch hiện quá nhỏ. Khi bệnh còn hoành hành thì mạch trái thường; khi bệnh sắp khỏi thì mạch hiện một cách hòa hưỡn, tướng mạch lần trả về bình thường. Cho nên mới nói: "mạch đại (to) là bệnh tiến". Thế là câu này chỉ chú trọng về tướng của mạch.

Thế là trong chỗ không lời luận giả đã nói qua về mạch dài ngắn, mau chậm, lớn nhỏ rồi. Nếu ta đã nhận được nghĩa mau, nghĩa lớn, tất ở phần phản diện, ta cũng đã nhận được nghĩa chậm, nghĩa nhỏ. Đây là chỗ để dành cho hậu học được có chút công lao, nếu ta vô ý thức sẽ hoài công học hỏi.

Như có nhiều lần đã nói, nếu xếp sáu bộ mạch dính lại thành hình chữ "mục", chia đôi , rồi ráp vào thân người đứng trên quả đất. Căn cứ vào đó, khi chẩn mạch nếu ta bắt gặp hiện tượng trên lớn dưới nhỏ hoặc

trên nhỏ dưới lớn, là ta tức khắc biết được tại sao. Nếu độc giả có ghi nhớ kỹ sự trình bày ở thiên thứ 7, tất không có gì bỡ ngỡ. Hãy để ý đồ biểu ở Hình 17.1 thì sẽ càng thêm thấu triệt.

HÌNH 17.1: ĐỒ BIỂU SÁU BỘ MẠCH RÁP VÀO THÂN NGƯỜI

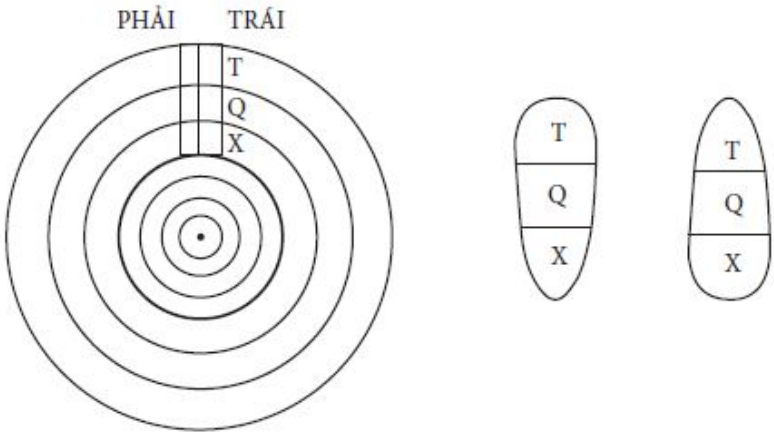

Như nhiều lần đã nói, sự vận hành của khí dương trong con người bắt đầu từ bên dưới phía trái mà đi lên, lên đến tận cùng rồi sang bên phải mà đi xuống, xuống rồi lại sang bên trái mà đi lên. Sự vận hành này nếu có chỗ kẹt, sẽ tùy theo chỗ kẹt ấy ở trên hay ở dưới, bên trái hay bên phải mà hiện tượng lớn nhỏ khác nhau. Cho nên mới nói "nếu trên thạnh thì khí nghịch, dưới thạnh thì khí trướng hãm".

Cơ tuần hoàn trong khắp tạng phủ châu thân nhờ năng lực tinh hoa khí dương trong 5 tạng được điều hòa đầy đủ, các thành phần trong máu được bình thường, trong nội tạng không có nơi nào bị hư hoại, nên không hề có gián đoạn; vì thế mà nhịp mạch cũng như Tim đập vẫn được đều đều. Nay do một duyên cớ gì mà có một tạng nào tinh hoa năng lực của khí dương bị suy kiệt, thí dụ như một người làm việc tinh thần nhiều quá, tạng Tim trở nên hao hụt mà các tạng khác vẫn còn khỏe; vì thế mà luồng năng lực vận hành bị gián đoạn, làm cho nhịp mạch cũng như nhịp đập của Tim thỉnh thoảng ngừng một nhịp. Cho nên nói "thỉnh thoảng ngừng là khí không nối tiếp".

Trong Mạch học, từ mạch trung bình xuống đến mạch cực nhỏ chia làm ba bực: dưới bình thường một bực gọi là "tiểu"; nhỏ hơn tiểu thì gọi là "tế", tuy nhỏ hơn tiểu nhưng vẫn còn thấy rõ ràng minh bạch; đến như "vi" không những nhỏ hơn tế, mà còn mềm yếu khó nhận ra nữa.

Tổ chức của ống mạch, sự trương nở và nổi lên mặt da là thuộc về phần khí, phần năng lực. Do đó khi phần khí thiếu, ống máu bị co lại và cơ sanh hóa của huyết cũng theo đó mà yếu đi. Cho nên mới nói "mạch tế là khí kém". Thế là câu này chú trọng về phần ống máu bên ngoài.

Như đã nhiều lần nhắc đến, máu trong con người đại khái chia làm ba thành phần: máu đỏ, máu trắng và nước máu. Giờ đây bởi một duyên cớ gì, thí dụ như người ghiền trà Tàu nặng quá, đến tuổi già thành phần máu trắng và nước máu trong ống máu không đủ sức để cho máu đỏ hòa tan; hoặc trong trường hợp tinh thần vì buồn khổ uất ức, mở dòng điện nghịch chiều, thế quân bình ba thành phần trong máu bị chênh lệch, sự tuần hoàn của máu trở nên khó khăn, làm cho tạng Tim cũng như mạch máu co giãn rất khó khăn. Về phần triệu chứng, ở người bệnh nhận thấy thỉnh thoảng nghe đau trong Tim; còn về phần mạch mà thầy thuốc nhận được ở hiện tượng mạch cổ tay là mạch sắc (rít). Rít nghĩa là hiện tượng máu chảy qua trong ống máu một cách rất khó khăn. Cho nên mới nói "mạch sắc là Tim đau". Thế là câu này chú trọng đến phần máu trong mạch vậy.

Trong các hiện tượng mạch, có những trường hợp bệnh càng ngày càng trầm trọng, sắc mặt ngày càng hao mòn; còn mạch cổ tay thì cuồn cuộn không phân rõ nhịp, quá hơn sáu nhịp, đè vào ống mạch tựa hồ như đè vào một lớp da căng thẳng, nhìn chung tựa hồ như mạch suối trào có tính cách loạn động hơn là thần khí; hoặc ngược lại, mạch chỉ phái phái như sợi tơ, khi đè vào thấy như dây sắp đứt. Cả hai trường hợp ấy đều là hiện tượng mạch sắp chết. Cho nên mới nói "trong tình trạng bệnh tiến sắc héo, nếu hiện tượng mạch đến loạn động cuồn cuộn như mạch suối trào, hoặc phái phái như dây tơ sắp đứt, đều là trường hợp mạch chết".

BÌNH

Nếu tất cả hiện tượng đều là tổ hợp, thì ống máu và máu trong ống máu

cũng là tổ hợp. Đây là một định lý.

Nếu mạch máu và máu cũng là một hiện tượng tổ hợp, thế thì chẩn mạch cổ tay tức là dùng xúc giác để quan sát tất cả mọi hiện tượng biến hóa trong khối tổ hợp của mạch máu và máu. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là dùng xúc giác với toàn cả linh năng để quan sát tất cả biến động cũng như bình thường của toàn cả khối tổ hợp trong con người, bằng cách thu hẹp vào hiện tượng mạch.

Toàn cả sự biến động trong con người không ngoài rung động, tiếng động và biến dạng động.

Trong thông thường, rung động chỉ có xúc giác mới bắt được, tiếng động chỉ có thính giác mới bắt được, biến dạng động chỉ có thị giác mới bắt được.

Một người lương y xưa, tai, mắt, miệng, mũi họ vẫn đầy đủ; thế mà họ còn dùng ba ngón tay chẩn mạch để khám phá tất cả sự rung động, tiếng động, biến dạng động suốt tất cả điều kiện biến động trong con người. Thế là trong chỗ không lời, họ đã trả lại cho xúc giác cũng như cho mặt da họ, hay nói đúng hơn là họ trả về cho tế bào họ được vẹn toàn tai mắt miệng mũi thân ý như trọn cả một con người. Nhờ thế mà một vị lương y Á đông xưa giữ được vẹn toàn khả năng trực giác; do đó mà "lương y là từ mẫu", "lương y là Bồ Tát", "lương y là thông đạt", "lương y là trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa suốt nhân sự" hay "lương y là một chân nhân" gì đó đều là chuyện chẳng có lạ lùng gì. Thế mà chúng ta ngày nay còn cho rằng cái học ấy là mơ hồ, là dị đoan, là huyền hoặc không thực tế, là lạc hậu; để ôm chầm lấy cái tướng dùng dụng cụ ống nghe mắc vào lỗ tai, rồi chụp chụp sơ sài vài ba cái vào thân bệnh nhân để chỉ nhận ra được vài ba thứ tiếng động, rồi vội quyết định một thái độ mà cho là tuyệt diệu. Thì thật quả chúng ta là những kẻ sợ chết chìm mà lao đầu vào nước lớn vậy.

Thế mới biết: nếu chúng ta muốn ngu thêm, thì trước nhất hãy từ chối khả năng hiểu biết của trọn cả một con người (trực giác chân chính), kế đó xem thường giác quan, rồi thứ nữa tôn sùng trí óc, đừng thèm nghĩ đến điều chỉnh chính con người của mình trước, và sau cùng dựa hẳn vào con toán, vào dụng cụ máy móc mà đặt niềm tin, là tức khắc

ta sẽ được trở nên một thứ ngu hiểu biết được mệnh danh là thông thái vậy.

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Phù tinh minh ngũ sắc giả, khí chi hoa dã. Xích dục như bạch khỏa châu, bất dục như giả. Bạch dục như nga vũ, bất dục như diêm. Thanh dục như thương bích chi trạch, bất dục như lam. Huỳnh dục như la khỏa hùng hoàng, bất dục như huỳnh thổ. Hắc dục như trọng tất, bất dục như địa thương sắc. Ngũ sắc tinh vi tượng kiến hỷ, kỳ thọ bất cửu dã.

Phù tinh minh giả, sở dĩ thị vạn vật, biệt hắc bạch, thẩm trường đoản. Nhược dĩ trường vi đoản, dĩ bạch vi hắc, như thị tắc tinh suy hỷ.

DỊCH

Vả chăng! Tinh thần và 5 sắc là tinh hoa của khí; cho nên hễ đỏ thì phải được như lụa trắng bọc son, chớ không nên như đá đỏ bầm. Trắng phải được như màu trắng của lông cánh ngỗng, chớ không nên khô khan như màu trắng muối. Xanh phải được như màu xanh láng của ngọc bích, chớ không nên như màu xanh chàm. Vàng phải được như lụa trắng mịn bọc đá Hùng hoàng(1), chớ không nên như màu đất sét. Đen phải được bóng láng như màu đen sơn mài, chớ không nên như đất đen xanh. Nếu tinh thần và 5 sắc hiện lên thiếu tươi nhuận như đã nói trên, tức là điềm không thọ vậy.

Vả chăng tinh thần của con người là để nhìn vạn vật, phân biệt được trắng đen, nghiệm xét được dài ngắn. Nếu thấy dài ra ngắn, thấy trắng ra đen, thế là tinh hoa trong người ấy đã suy kiệt mất rồi.

GIẢI

Đoạn này nối tiếp với đoạn trên để tiếp tục trình bày lần sâu vào chi tiết của phương pháp khám bệnh, mà đây chỉ chuyên nói về tinh thần và khí sắc. Nếu độc giả đừng quên phần khí sắc đã trình bày ở thiên thứ 10 và thiên 13, thì đoạn này cũng không có gì mới lạ. Tuy nhiên vì hễ là khám phá thì phải đủ cả vọng văn vấn thiết, vì thế nên nơi đây không thể thiếu.

Vì tinh thần và khí sắc vốn là tinh hoa của khí dương, còn mạch là hiện tượng của phần âm, cho nên nếu môn khám phá mà thiếu phần tinh thần và khí sắc, tức là một sự thiếu sót lớn lao. Mới thoáng qua ta thấy hình như tinh thần và khí sắc là hai chuyện có thể tách rời; nhưng khi biến động, không những phần triệu chứng khách quan ở người thầy thuốc nhận được mà thôi, mà còn ở phần triệu chứng chủ quan do sự nhận định màu sắc bên ngoài của tinh thần người bệnh nữa. Vì thế mà đoạn này mở đầu bằng một câu tổng quát chung cho cả tinh thần lẫn khí sắc.

Về phần khí sắc, cũng như đã nói ở các thiên trước, mỗi nơi tuy có một cách nói khác nhau, nhưng ý nghĩa của nó không ngoài sắc tươi nhuận hay khô héo, sắc sống hay sắc chết, khí sắc đó nhựa sống đang vận hành bên trong hay đã đình đốn không hoạt động nữa mà thôi. Cho nên mới nói "nếu tinh thần và 5 sắc hiện lên thiếu sự tươi nhuận như đã nói trên, tức là điềm không thọ". Thế là nghĩa không thọ nói đây mới chỉ là phần khí sắc.

Cách cấu tạo con người tạng phủ có trước, rồi mới đến xác thân. Tinh hoa của 5 tạng đều quy tụ về tạng Thận để chứa giữ. Tạng Thận sung túc thì đưa vào bồi bổ cho tủy và óc, để tăng cường cho sức khỏe của tất cả giác quan và tay chân xương cốt khắp châu thân. Thế là óc là biển của tủy, là nơi mà tinh hoa của 5 tạng chầu về. Cặp mắt của con người đóng ở phía trước mặt là cơ quan quan sát, là nơi để tinh thần chiếu diệu ra ngoài, là tinh hoa của toàn cả bộ óc; vì thế mà chỉ ở hai mắt cũng đủ cả cơ cấu tạng phủ trong con người. Bởi tất cả những lý do cấu tạo như đã nói trên, nên bất cứ một người nào khi bình thường vẫn thấy dài ngắn, đen trắng phân minh như bao nhiêu người lành mạnh khác, đến khi lâm bệnh trầm trọng mà nhìn ra vạn vật đều thấy đảo lộn khác hẳn

người thường, hoặc nhìn thấy màu đen ra màu trắng, màu trắng ra màu đen, hoặc trông vật dài hóa ra ngắn, ngắn hóa ra dài; thế là tinh hoa đã hao kiệt, là điềm không thọ trong phạm vi tinh thần. Cho nên mới nói "Tinh thần là để nhìn vạn vật, phân biệt đen trắng, nghiệm xét dài ngắn. Nếu thấy dài ra ngắn, thấy trắng ra đen; thế là tinh hoa đã suy kiệt".

Thế là đoạn trên nói về thiết chẩn, nghĩa là nói về chẩn mạch để nghiệm chứng. Còn đây nói về vọng chẩn, tức là khám bằng mắt bằng cách quan sát; mà trong đó có pha lẫn vấn chẩn, tức là khám bằng hỏi để biết được về sự nhận định màu sắc của người bệnh.

BÌNH

Một buổi chiều Hè đối diện với ánh nắng chiều tà, ta ngậm một ngụm nước phun tỏa ra hư không là ta thấy ngay một tướng cầu vồng nhỏ, nhưng kỳ thực là một quả bóng có nhiều lớp màu.

Giữa đêm đen trong nhà tối, ta thắp một ngọn nến. Ngọn lửa tuy có hình thoi chăng nữa, nhưng ta nhìn vào xung quanh ngọn đèn, bất cứ một chiều nào ta cũng bắt gặp một bóng tròn có nhiều lớp nhiều màu khác nhau.

Giữa đêm trăng ta nhìn lên trời, ta sẽ thấy bất luận là trăng tròn hay trăng khuyết, nhưng vành bóng trăng thì vẫn cứ tròn.

Đứng trước một mặt hồ gương phẳng lặng, ta thử nhặt một viên sỏi nhỏ ném nhẹ xuống mặt nước, rồi ta sẽ thấy đợt sóng dang dang từ hình tròn cực nhỏ rồi lần ra đến lớn.

Như thế cái bản sắc sóng tròn ấy vốn nó từ đâu, nếu không phải bởi năng lực của viên quang hồi tụ?!

Nếu có lưu tâm, ta mới thấy tất cả những sự diễn đạt trong toàn bộ NỘI KINH tựa hồ như sức tung ra co vào của những đợt sóng viên quang hồi tụ tận tự bao la. Vì thế đồng là diễn đạt một sự việc, mà mỗi thiên đều có một cách nói, một tác dụng khác nhau. Thế mới biết: Ngôn ngữ của con người thông đạt có chỗ khác hơn ngôn ngữ của thế gian, mà ta

cần phải để ý lắm mới nhận ra được. Nếu không nhận chân được điều kiện này, thì hai chữ "viên thông" của nhà Phật ta cũng mù tịt không sao thông suốt được.

Một vị linh mục tuổi mới vừa quá 40 mà cơ thể mập chảy ra, đến bước đi lờ khờ, tinh thần lừ đừ, khí sắc chìm lỉm một cách chậm chạp mệt nhọc. Chỉ vì ăn nhiều dầu mỡ, uống nhiều nước đá, nên cơ thể, khí sắc cũng như tinh thần hiện ra như thế. Thế mới biết: Tinh thần và khí sắc là tinh hoa của phần khí, phần dương, quả là một điều kiện quan trọng trong con người để kết đúc thành một thế **chánh chủ** vậy.

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

Ngũ tạng giả, trung chi thủ dã. Trung thạnh tạng mãn, khí thắng thương khủng giả, thinh như tùng thất trung ngôn, thị trung khí chi thấp dã.

Ngôn nhi vi, chung nhựt nải phục ngôn giả, thử đoạt khí dã. Y bị bất liễm, ngôn ngữ thiện ác bất tỵ thân sơ giả, thử thần minh chi loạn dã.

Thương lẫm bất tàng giả, thị môn hộ bất yếu dã. Thủy tuyền bất chỉ giả, thị Bàng quang bất tàng dã. Đắc thủ giả sanh, thất thủ giả tử.

DỊCH

5 tạng là giàn máy để giữ ở trong. Nếu trung khí[1] thạnh tạng đầy, phần khí Thổ thắng làm cho dễ bị sự lo ngại xâm chiếm, thì tiếng nói như từ trong phòng nhà vọng ra; như thế là bởi phần trung khí quá thạnh, khí Thấp quá nhiều mà có ra như thế.

Nếu giọng nói rất yếu, suốt cả ngày mới lại muốn nói nữa thế là chánh khí[2] bị hao mất, không được nối tiếp.

Nếu chăn áo đều tung ra, nói năng không kể phải quấy thân sơ, thế là tinh thần đã loạn rồi.

Nếu bộ tiêu hóa không thúc liễm được, đại tiện cứ chảy ngay, thế là cửa nẻo của hậu thiên[3] không đóng lại được. Nếu tiểu tiện cứ chảy ngay không ngừng, thế là Bàng quang không chứa giữ được. Hễ giữ được thì sống, không giữ được thì chết.

GIẢI

Đoạn này vẫn tiếp tục với đoạn trên để luận giả giải thích lần sâu vào phép khám phá, mà đây chỉ nói về 5 tạng là dàn máy để giữ gìn bên trong thân người; nếu dàn máy hư không giữ được, thì nguy mất. Nhưng trong đây vẫn bao hàm nghĩa khám bằng cách nghe, như nghe giọng nói của người bệnh, nghe nhà bệnh kể lể lại các chứng, rồi theo đó mà tiếp xúc quan sát.

Trong con người, tất cả tinh thần, khí sắc cũng như nhựa sống đều xuất phát từ 5 tạng; thế là 5 tạng là cơ cấu chính, là gốc rễ của sự sống toàn thân. Cho nên mới nói: "5 tạng là giàn máy để giữ ở trong".

Cách thế triển khai năng lực của 5 hành trong 5 tạng; hễ khí của Phổi thì co vào, khí của Tim thì bốc lên, khí của Gan thì tung ngang, khí của Thận thì chìm xuống, khí của tạng Tỳ thì trương nở. Về tinh thần thì Tim là vui, Gan là giận, Thận thì buồn sợ, Phổi thì lo, Tỳ thì nghĩ. Về khắc chế thì Thủy chế Hỏa, Hỏa chế Kim, Kim chế Mộc, Mộc chế Thổ và Thổ chế Thủy.

Nay trung châu, khí Thổ quá thạnh lấn cái thế thu tàng của tạng Thận, làm cho phần khí trong các tạng đầy. Phần khí Thổ thắng làm cho dễ bị sự lo ngại xâm chiếm; thế là khí Thổ thắng khí Thủy, nên tiếng nói như là ở trong phòng sâu vọng ra. Cho nên mới nói: "Đó là trung khí quá thạnh, khí thấp quá nhiều mà có ra như thế".

Nếu căn cứ vào phần Thận dương mà nhận xét, thì trường hợp này

có thể là chất tan trong dầu quá thừa (cortine). Do đó mà âm thanh phát ra dường như lệch hẳn về âm Cung.

Tiếng nói là sự phát âm của phần khí. Lưỡi là khiếu của tạng Tim, mà cũng là nơi cơ quan của 5 tạng chầu về. Huống chi còn phải bên trong có Phổi, bên ngoài có mũi, miệng. Vì thế nên khi tinh hoa của 5 tạng hao hụt, phần khí bị suy vi, thì tiếng nói rí rí nhựa nhựa kéo dài, lại trở nên ít muốn nói. Cho nên mới nói "đó là chánh khí bị hao mất, không được nối tiếp".

Chính vì nghĩa này, nên *Thương hàn luận* của Trọng Cảnh có nói "Hễ bệnh thiệt thì nói xàm, bệnh hư thì nói tiếng nghe rí rí nhựa nhựa nặng nề" vậy.

Có những trường hợp hoặc thương hàn hoặc bệnh ôn nhập vào Dương minh, biến sanh sảng sốt loạn thần, hoặc những trường hợp bệnh nhiệt xâm lấn vào tạng Tim cũng phát sanh cuồng loạn. Cho nên mới nói: "Nếu chăn áo đều tung ra, nói năng không kể phải quấy thân sơ, thế là tinh thần đã loạn rồi".

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là do một duyên cớ gì đó làm cho sức nóng đổ dồn vào nội tạng, hoặc vào bộ tiêu hóa nhiều quá, xông lên Tim và óc mà gây thành chứng loạn thần vậy.

Suốt khắp bao la không hề có hiện tượng mặt bằng, hết thảy đều có tướng từ hột, từ khối, từ đợt, từ lượn sóng, từ chập. Bởi vậy trong bộ phận Đại trường đều có ngấn ngang, có thể bóp vắt; thế mà ở vùng hậu môn lại còn có bắp thịt thắt để điều khiển sự chừng mực. Nay vì một lẽ gì làm cho tác dụng bóp vắt và thắt chặt ở Đại trường cũng như ở hậu môn mất đi, nên phân cứ chảy ngay như trong trường hợp bệnh dịch tả chẳng hạn; thế gọi là "cửa Hậu thiên không đóng lại được".

Cũng như ở Bàng quang, khi nước xuống đến đấy, vì thế thu liễm co thắt ở Bàng quang mất đi, làm cho nước không hóa khí được mà phải chảy ngay; cho nên gọi là "Bàng quang không chứa giữ".

Thế là hai câu này chỉ chú trọng về mặt triệu chứng, chứ không

phải chú trọng về nguyên nhân của bệnh. Và đến đây ta thấy ăn khớp với ý câu mở đầu "5 tạng là guồng máy để giữ vững ở trong", cho nên mới kết thúc bằng câu "hễ giữ được thì sống, không giữ được thì chết".

Nhìn thông qua đoạn này ta thấy câu đầu chú trọng đến giá trị chứa giữ của 5 tạng, câu hai chú trọng đến khí của 5 tạng bị khí thấp vượt lên cao quá, câu ba chú trọng đến khí tinh hoa trong nội tạng bị suy yếu mà ứng ra âm thanh, câu bốn chú trọng đến tinh thần, câu chót chú trọng đến sự thất thủ sanh nguy. Thế là trong chỗ không lời luận giả đang chú trọng về điều kiện "tinh, khí, thần", nếu giữ được thì lành, không giữ được thì nguy, chứ chưa phải luận thâm sâu tế nhị vào nguồn bệnh. Do đó mà ta phải nên thận trọng, kẻo xảy ra nhiều điều sơ hở.

BÌNH

Quân bình, biến hóa và lưu thông là ba điều kiện tối yếu trong cái máy người, dù ở tâm lý hay sinh lý cũng thế thôi. Cho nên hễ quân bình đổ vỡ là không biến hóa được, không biến hóa được thì không lưu thông được. Không quân bình, không biến hóa, không lưu thông là đi vào cõi chết, là lẽ tất nhiên. Thế là tiếng nói rền rền như trong nhà vọng ra hay rí rí, nhựa nhựa, nặng nề, không muốn nói; hoặc thần loạn không kể thân sơ; hoặc chảy ngay, cửa nẻo không đóng lại được, đều là những tiếng báo động để đòi hỏi tìm kiếm lại cái thế quân bình, biến hóa và lưu thông, cũng như tiếng báo động còi nắp hơi của nồi nấu áp lực vậy.

Hết thảy các tướng, chỉ có khối tròn là có khả năng quân bình nhất. Hết thảy những cái tròn, chỉ có cái không khuyết là tròn nhất. Hết thảy những tướng không khuyết, chỉ có **không là gì** mới là không khuyết nhất. Thế mới biết chỉ có **không là gì** mới tuyệt đối tròn, tuyệt đối quân bình; và tất cả những méo mó mất quân bình đều qui về cái **có**.

Trong mọi cách để thực hiện cái **không là gì**, chỉ có một cách duy nhất là trở về để khám phá điều chỉnh chính con người của mình trước.

5 tạng trong con người đã là guồng máy giữ vững bên trong, cũng chính là cơ cấu thống hợp cả tâm lý, vật lý và sinh lý mà chỉ có tâm lý là điều kiện quan trọng duy nhất. Vì thế khi chưa thực hiện được cái **không là gì** trong chính thâm tâm mình, thì dẫu có quân bình chăng nữa cũng chỉ

là tạm bợ, có đâu đến biến hóa lưu thông?! Thế nên tận tự thiên đầu đã có lần nói "điềm đạm rỗng rang, bệnh nào phát khởi". Thế là chỉ có điềm đạm rỗng rang (không là gì) là cách làm cho 5 tạng giữ vững bên trong hay nhất mà thôi vậy.

ĐOẠN 6

PHIÊN ÂM

Phù ngũ tạng giả, thân chi cường dã. Đầu giả tinh minh chi phủ, đầu khuynh thị thâm, tinh thần tương đoạt hỉ.

Bối giả hung trung chi phủ, bối khúc kiên tùy, phủ tương hoại hỉ.

Yêu giả Thận chi phủ, chuyển dao bất năng, Thận tương (bại hỉ) bì hỉ.

Tất giả cân chi phủ, khuất thân bất năng, hành tắc lủ phủ, cân tương (bại hỉ) bì hỉ.

Cốt giả tủy chi phủ, bất năng cửu lập, hành tắc chấn trạo, cốt tương bì hỉ. Đắc cường tắc sanh, thất cường giả tử.

DỊCH

Vả chăng 5 tạng là nguồn cội sức mạnh cho toàn thân.

Đầu là bộ phận súc tích tinh thần; nếu đầu gục, con mắt cứ nhìn xuống, là tinh thần sắp hết.

Lưng trên là mái che của lồng ngực; nếu lưng gục xuống, hai vai nhô lên, thế là mái che gần hư hoại rồi.

Thắt lưng là phần hoạt động bên ngoài của Thận; nếu

thắt lưng không thể chuyển xoay dao động, là Thận sắp tê liệt.

Đầu gối là nơi gân tụ tập; nếu đầu gối không thể co duỗi được nữa, khi đi thì lọm khọm, là gân sắp tê liệt.

Xương là nơi chứa tủy; nếu khi đứng không thể đứng lâu, khi đi thì lắc lay búng rẩy không thể tự chủ, thế là xương cốt sắp tê liệt.

Tất cả những cái ấy hễ được sức mạnh thì sống, mất sức mạnh thì chết.

GIẢI

Đoạn này tiếp tục với đoạn trên cũng chú trọng đến "tinh, khí và thần", nhưng trên kia thì lại lưu ý nhiều về triệu chứng bên trong, còn ở đây lại lưu ý nhiều về tư thế của phần xác thân bên ngoài.

Tạng là chứa đủ, trong con người 5 tạng là guồng máy súc tích tinh hoa khí huyết bên trong; còn xác thân là phần tác dụng bên ngoài do sức mạnh từ trong 5 tạng ánh ra. Cho nên mới nói "5 tạng là nguồn cội sức mạnh cho toàn thân".

Khí tinh hoa của toàn cả một con người đều chầu về súc tích ở óc. Óc chứa trong sọ đầu, các giác quan đều mắc thẳng vào, mà khuôn mặt với đôi mắt là cửa để cho tinh thần chiếu diệu ra ngoài. Nếu tủy óc lưng đi, khí dương không đủ, thì sẽ làm cho con người đầu phải gục không thể cất lên nổi, con mắt cứ nhìn xuống; đó là triệu chứng tinh thần sắp hết. Cho nên mới nói: "đầu là bộ phận súc tích tinh thần; nếu đầu gục, con mắt cứ nhìn xuống là tinh thần sắp hết". Thế là câu này chú trọng về thần.

Xương sống của con người là một trụ cột để cho tạng phủ mắc vào. Toàn cả cái lưng là mái che cho cả tạng phủ. Do đó mà mỗi một tạng một phủ đều chiếm một vùng lưng và một quãng xương sống làm nơi quan trọng. Bởi vậy lưng trên là mái sau, còn lồng ngực là vách trước

mà bên trong chứa đựng tạng Phổi và tạng Tim. Nếu có một nguyên do nào làm cho quãng lưng trên đổ cúp, vai nhô lên, như thế đủ biết bên trong tạng Phổi và tạng Tim không đủ sức để cho phần lưng trên được chống gượng. Cho nên mới nói "lưng trên là mái che của lồng ngực; nếu lưng gục xuống, hai vai nhô lên, thế là mái che gần hư hoại rồi". Thế là câu này chú trọng đến phần khí, phần dương.

Tạng Thận tuy đóng sát sau lưng, bên trên đụng chẽn vừng; nhưng ở phần xác thân bên ngoài, trọn cả quãng thắt lưng là nơi mà tác dụng của tạng Thận và tạng Tỳ ánh chiếu ra, là vùng thống hợp giữa Tiên thiên và Hậu thiên. Cho nên hễ tay chân hoạt động, thì các bắp thịt ở bụng và ở thắt lưng đều hoạt động. Bởi vậy khi phần Tiên thiên và Hậu thiên đều khỏe mạnh, thì các bắp thịt trước bụng được săn cứng, các bắp thịt ở phía sau thắt lưng đều chuyển xoay nhanh nhẹn. Bởi thế nên khi tạng Thận bị tê liệt, là quãng xương sống vùng thắt lưng cũng theo đó mà tê liệt. Cho nên mới nói "Thắt lưng là phần hoạt động bên ngoài của Thận; nếu thắt lưng không thể chuyển xoay dao động, là Thận sắp tê liệt".

Tất cả các khớp xương trong thân người, khớp to nhất, ở dưới nhất, nhiều gân nhất, quan hệ đến Gan và Thận nhất chỉ có đầu gối. Nếu đầu gối không thể co duỗi được, bước đi trở nên lọm khọm là biết ngay gân sắp tê liệt. Cho nên mới nói "Đầu gối là nơi gân tụ tập; nếu đầu gối không thể co duỗi được nữa, khi đi thì lọm khọm, là gân sắp tê liệt".

Tủy là tinh hoa của 5 tạng, xương là nơi chứa tủy nhiều nhất. Thiếu tủy, xương mất tác dụng; cho nên nhìn một người đứng không thể đứng lâu, đi thì lắc lay không thể tự chủ, là biết ngay vì tinh hao, tủy kiệt mà xương sắp tê liệt. Cho nên mới nói "xương là nơi chứa tủy, nếu khi đứng không thể đứng lâu, khi đi thì lắc lay búng rẩy không thể tự chủ, thế là xương cốt sắp tê liệt". Thế là từ câu nói về thắt lưng đến đây hoàn toàn chú trọng đến phần tinh.

Cả tinh, khí và thần trong con người đều phải nhờ ở sự súc tích quân bình từ trong 5 tạng, thì xác thân mới được khỏe mạnh; nếu 5 tạng không súc tích, thế quân bình đổ vỡ, thì toàn cả cuộc sống đều sẽ sụp đổ. Cho nên mới nói "tất cả những cái ấy hễ được sức mạnh thì sống, mất sức mạnh thì chết".

Nhìn trọn cả đoạn trong chỗ không lời ta thấy cách nhìn con người của luận giả: phần dưới thì quan hệ đến tinh, phần trên là quan hệ đến khí, rồi trên nữa là quan hệ đến thần. Tựa hồ như một cây nến, từ nến, rồi tim, rồi đến ngọn đèn; hễ nến hết, tim lụn thì ngọn đèn phải tắt phụt. Ngọn đèn tuy không phải là tim, tim tuy không phải là nến, nhưng nến cũng không khác với tim, tim cũng không khác với ngọn đèn. Thế là tuy ba mà một, tuy một mà ba vậy.

BÌNH

Đọc suốt đoạn này chẳng ai mà chẳng nói đây là luận giả muốn nói tinh khí thần trong 5 tạng con người, nếu còn được vẹn toàn thì con người mới còn mạnh khỏe. Nhưng có được mấy ai thử nghĩ: Tại sao tinh thần sắp hết mà đầu gục xuống? Tại sao lưng đổ là khí sắp kiệt?… Như thế đủ biết khi người ta soi gương, người ta mãi nhìn bóng mình trong gương mà bỏ quên mất gương rồi! Chớ nào ai hay, hiện tượng xác thân con người chỉ là một giàn máy nhỏ xíu xiu như muôn vàn giàn máy nhỏ xíu xiu khác, đang mắc liền vào một bộ phận địa cầu quá to lớn trong một giàn máy Thái dương hệ, gắn liền vào khối Ngân hà vĩ đại để mắc liền với vũ trụ bao la; mặc dù giàn máy nhỏ xíu xiu ấy vẫn là bao la: Vì thế mà khi cái thế âm dương giao hòa trong thân con người bị đổ vỡ, tức là thế ly tâm hướng tâm trong con người không còn cùng với thế ly tâm hướng tâm của trời đất ăn khớp nhau nữa. Thế là máy trời đất vẫn xoay vần, mà sợi dây trần nối liền giữa cái máy nhỏ xíu xiu này với trời đất đã đứt rồi. Cho nên máy trời đất chạy cứ chạy, còn con người thì ngã lăn đùng ra để mà tài bồi cho bộ phận địa cầu càng ngày càng to lớn.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn nói đầu gục, xương sống cúp, tức là thế ly tâm sắp mất, chỉ còn lại sự ảnh hưởng của sức hút hướng tâm quả đất mà thôi.

Ôi! Đọc sách cũng là một nghệ thuật trong những nghệ thuật.

ĐOẠN 7

PHIÊN ÂM

Kỳ Bá viết: Phản tứ thời giả, hữu dư vi tinh, bất túc vi tiêu. Ưng thái quá bất túc vi tinh, ưng bất túc hữu dư vi tiêu. Âm dương bất tương ứng, bệnh danh viết quan cách.

PHẦN SAN ĐỊNH

Thông qua suốt thiên chúng tôi nhận thấy đoạn này mất hẳn một câu hỏi, và trong câu trả lời cũng bị đứt đoạn từng quãng. Do đó nên sau khi nhận ra được toàn ý đoạn này, chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm thử san định lại như sau, để cùng độc giả cùng chung nhận xét:

Huỳnh Đế vấn viết: Mạch phản tứ thời, âm dương bất tương ứng, tinh tiêu hà như?

Kỳ Bá đối viết: Phản tứ thời giả, hữu dư vi tinh, bất túc vi tiêu.

Ưng thái quá nhi bất túc, ưng bất cập nhi hữu dư, hữu dư như thử danh vi tinh.

Ưng bất cập nhi hữu dư, ưng thái quá nhi bất túc, bất túc như thử danh vi tiêu.

Thị vị âm dương bất tương ứng thời giả, bệnh danh viết quan cách.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Mạch trái với bốn mùa âm dương không ứng đúng, định nghĩa Tinh và Tiêu thế nào?

Kỳ Bá thưa: Tinh nghĩa là đáng lẽ bất cập mà thái quá. Tiêu nghĩa là đáng lẽ thái quá mà bất cập.

Cho nên mạch trái với bốn mùa, bên đáng lẽ thiếu mà dư là Tinh, bên đáng lẽ dư mà thiếu là Tiêu. Thí dụ như mùa

Xuân, mùa Hạ thuộc dương, mạch tay trái phải lớn hơn mạch tay phải, ngược lại tay phải lại lớn hơn tay trái; thế là tay phải gọi là Tinh, tay trái gọi là Tiêu. Thu Đông thuộc âm, đáng lẽ mạch tay phải lớn hơn tay trái, mà ngược lại tay trái lại lớn hơn tay phải; thế là tay trái là Tinh, tay phải là Tiêu. Tinh nghĩa là ngưng đọng, không lưu thông. Tiêu nghĩa là bị rút bớt, hao mòn.

Như thế tức là âm dương của mạch không ứng theo âm dương của bốn mùa, âm dương trong thân không giao nhau nên gọi là bệnh quan cách.

GIẢI

Đoạn này khái quát luận giả mượn mạch của bệnh quan cách để chứng minh cho thấy con người phải cùng với trời đất bao la cùng chung nhịp nhàng trật tự, hầu minh định rõ ràng nghĩa của hai thuật ngữ Tinh và Tiêu để đáp lại câu hỏi của nhà Vua.

Huỳnh Đế đưa ra vấn đề âm dương của mạch trong con người không ăn khớp với âm dương của bốn mùa mà lại hỏi về nghĩa Tinh, Tiêu. Thế là thuật ngữ Tinh, Tiêu đã có nhiều lần đề cập, nhưng chưa được tường tận, nên đến đây nhà Vua phải gạn hỏi kỹ lại. Ví nếu đoạn này không có ý kiến nhà Vua hỏi, thì hoàn toàn thật là vô lý; thế mà tất cả các nhà chú thích Trung Hoa chẳng thấy một ai lưu tâm, cũng là một điều lạ lắm.

Con người đã là bầu trời đất nhỏ, đã cùng với trời đất nhịp nhàng trật tự cùng chung. Nếu đúng nghĩa với sự biến hóa của âm dương trong trời đất, thì khi khí dương bốc lên là khí âm phải chìm xuống, khi khí âm bốc lên là khí dương phải chìm xuống. Khí dương ngoài trời đất bốc lên, thì khí dương trong con người cũng bốc lên; khí dương ngoài trời đất chìm xuống để nhường chỗ cho khí âm bốc lên, thì khí dương trong con người cũng phải chìm xuống để nhường chỗ cho khí âm bốc lên.

Ngoài trời đất, Xuân Hạ, khí dương thịnh nổi ở Đông và Nam; Thu Đông, khí dương bên ngoài lần suy mà chìm vào Tây và Bắc; thì trong

con người Xuân Hạ mạch tay trái phải thịnh hơn tay phải, Thu Đông tay phải phải thịnh hơn tay trái, đó là lẽ dĩ nhiên. Cũng chính vì thế mà Xuân Hạ hai bộ Thốn thạnh, Thu Đông hai bộ Xích thạnh; và cũng vì thế mà người nam tay trái, hai bộ Thốn thạnh, người nữ tay phải, hai bộ Xích thạnh.

Nay vì một lẽ gì làm cho phần thiếu lại bị ngưng đọng để xảy ra hiện tượng có thừa, như là tinh hoa đình đốn không lưu thông, cho nên gọi là Tinh. Trái lại ở phần thừa lại bị thiếu thốn, như là có một sức gì rút rỉa làm cho tiêu hao; cho nên gọi là Tiêu.

Căn cứ vào sự thật cổ nhân thấy được khi âm dương của mạch trái với âm dương của mùa như thế, tức là hoặc ở phần âm, hoặc ở phần dương, hoặc cả hai phần đều bế tắc không giao nhau nữa. Vì sự bế tắc ấy mà xảy ra bao nhiêu triệu chứng nguy kịch, gọi chung là quan cách.

Căn cứ vào chỗ đã trình bày ở thiên thứ ९, hễ quan thì lỗi thuộc về âm, cách thì lỗi thuộc về dương, còn quan cách là cả âm dương đều lỗi. Thế thì trong đoạn này tuy nói tổng quát, nhưng ta có thể thấy hễ Xuân Hạ mà mạch tay phải lớn quá tức là quan, Thu Đông tay trái lớn quá là cách, và bất luận Xuân Hạ hay Thu Đông cả hai tay đều lớn quá dị thường tức là quan và cách một lượt.

Có một điều đáng cho ta để ý sở dĩ có mạch quan cách là bởi âm dương lên xuống mất bình thường, thế ly tâm hướng tâm chênh lệch không giao nhau. Thế thì lý do để phát sanh ra thế âm dương lên xuống trong con người không giao nhau ấy, biết đâu không thể hoặc bởi ăn uống sinh hoạt, hoặc bởi tâm lý tánh tình, hoặc bởi vòng lên xuống ly tâm hướng tâm của sáu khí âm dương ở bầu khí quyển bị một ảnh hưởng ngoại lai nào đó, làm cho âm dương tạm thời đình đốn không giao nhau, thời tiết đảo lộn mà con người phải bị ảnh hưởng lây?! Vì thế nên thiên thứ 15 mới đề cập đến nguyên lý Kỳ Hằng. Và cũng vì thế mà chủ trương cứu cánh của tinh thần NỘI KINH hoàn toàn ở chỗ phải trở về điều chỉnh chính con người của mình trước, và nhập vào cái Đạo vô vi tịch diệt là một phương pháp dưỡng sinh tối thượng. Điều này độc giả hãy nên ghi nhận cẩn thận, để sau này có dịp gặp lại những thiên sau.

Thế là hai chữ "quan cách" ở thiên thứ 9 cũng như thiên này, hoàn

toàn là để ám chỉ cho một lý là vì thế âm dương trong con người không giao nhau mà xảy ra hiện tượng ở mạch, chớ đâu phải là để ám chỉ cho một số triệu chứng. Chính vì chỗ này nên có nhiều học giả Trung Hoa trách móc sự nhận lầm của Trương Trọng Cảnh ở *Thương hàn luận*. Phương chi Trương Trọng Cảnh chỉ đề cập đến bộ Thốn và bộ Xích, chớ không nói đến toàn bộ tay trái và tay phải. Không những một mình Trương Trọng Cảnh nói thế mà thôi, cho đến Tần Việt Nhơn, Vương Thúc Hòa, Lý Đông Diên, Châu Đơn Khê cũng đều viết sách chủ trương như thế, làm cho nghĩa hai chữ "quan cách" ở NỘI KINH bị người đời hiểu sai lầm thành một thứ tên của một số triệu chứng. Hèn gì đa số thầy thuốc ngày nay đọc NỘI KINH không hiểu gì hết, thật là phải lắm!

BÌNH

Suốt qua đoạn này, bỗng dưng một ý nghĩ đưa đến làm cho tôi bắt phì cười. Người ta nói: dân tộc nào đọc sách nấy, tất phải dễ hiểu và hiểu rõ hơn dân tộc khác. Thế mà nhìn qua tất cả những học giả Trung Hoa chú thích đoạn sách này rồi, mới thấy vị tất người Trung Hoa ngày nay đọc sách cổ nhân Trung Hoa lại dễ hiểu và hiểu rõ hơn người Việt Nam. Thế là "thần nhi minh chi tồn hồ kỳ nhân" (nhập thần là tổ sáng tùy ở tâm người) quả là chí lý!

Nếu con người bỏ quên cái **không là gì**, thì con người không hề có được thật sự yên vui. Thế thì việc trở lại điều chỉnh và khám phá chính con người của mình trước, chẳng qua cũng chỉ để giáp mặt với cái **không là gì**. Và chỉ có giáp mặt với cái **không là gì**, thì mọi mặt trong cuộc sống mới có cơ tự giải quyết một cách thỏa đáng. Thế mới biết: Chỉ vì cái **không là gì** mà có cái học Dịch, chỉ vì cái **không là gì**mà có cái học NỘI KINH, chỉ vì cái **không là gì** mà Lão Tử làm ra Đạo Đức kinh để nói về nghĩa vô vi, chỉ vì cái **không là gì** mà Trang Tử trong Nam Hoa Kinh có thiên Dưỡng sinh chủ, chỉ vì cái **không là gì** mà Khổng Tử có cái Đạo Đại học… Chỉ vì cái **không là gì** mà phải đề cập đến âm dương bốn mùa 5 hành sáu khí, cũng chỉ vì cái **không là gì** mà nói đến sự thuận nghịch với trật tự thiên nhiên. Thế thì cái Đạo vô vi, cái phép dưỡng sinh, cái Đạo Đại học, chẳng qua cũng chỉ là những ngón tay để chỉ hướng cho con người biết lối trở về giáp mặt với cái **không là gì** của chính mình, hầu cho cuộc sống được thuận với âm dương trời đất trật tự thiên nhiên một cách êm đẹp duy nhất. Thế mới biết: Suốt mấy ngàn năm dòng suối Đạo học của Trung Hoa vốn bắt nguồn từ cái **không là gì**, mà đổ dốc

bủa rẽ ra muôn nẻo sông ngòi, qui tụ về biển cả, rồi bốc thành hơi để cùng với cái **không là gì** của bao la đồng nhất; bằng cớ là chính ngày nay chúng ta đang thấy được điều đó. Trời ơi! Vậy mà có những bọn tự cho mình là triết gia khảo cứu triết học Trung Hoa, dám to mồm bảo triết học Trung Hoa vốn không có nguồn gốc vững chãi; và khi nghe thấy ai đá động đến hai chữ "âm dương" chúng nó đều gán cho mấy chữ là Âm dương gia, rồi cho cái học đó là một thứ xây nhà lầu trên hư không. Thật là quá quắt! Những bọn như thế mà lại là thầy thiên hạ, bảo sao thiên hạ đừng ngu thêm?!

Nếu ai bảo đoạn này là để nói về đạo lý, thì phải coi chừng cái đạo lý của người ấy có thể là một thứ chuyên môn sa đọa, tả đạo bàng môn không biết chừng!

Nếu ai bảo đây là chỉ nói chuyện về chuyên môn có ăn thua gì đến đạo lý, thì biết ngay được đối với kẻ ấy đời với Đạo vốn phân hai, họ làm sao biết được nghĩa du ư nghệ là gì?! Như thế đủ biết miệng họ nói Đạo, mà trong tinh thần họ thì lại bao la trời đất, vũ trụ muôn loài, con người vạn vật đều chỉ là những món từ cục từ cục riêng tư. Học Đạo như thế, dẫu cho lũy kiếp tìm Đạo cũng không thể gặp.

ĐOẠN 8

PHIÊN ÂM

Đế viết: Mạch kỳ tứ thời động nại hà? Tri bệnh chi sở tại nại hà? Tri bệnh chi sở biến nại hà? Tri bệnh sạ tại nội nại hà? Tri bệnh sạ tại ngoại nại hà? Thỉnh vấn thử ngũ giả, khả đắc văn hồ?

Kỳ Bá viết: Thỉnh ngôn kỳ dữ thiên vận chuyển đại dã.

Vạn vật chi ngoại, lục hợp chi nội, thiên địa chi biến, âm dương chi ứng. Bỉ Xuân chi noãn, vi Hạ chi thử. Bỉ Thu chi phẩn, vi Đông chi nộ. Tứ thời chi động, mạch dữ chi thượng hạ.

Dĩ Xuân ứng trung qui, Hạ ứng trung củ, Thu ứng trung hành, Đông ứng trung quyền.

Thị cố Đông chí tứ thập ngũ nhựt, dương khí vi thượng, âm khí vi hạ. Hạ chí tứ thập ngũ nhựt âm khí vi thượng, dương khí vi hạ. Âm dương hữu thời dữ mạch vi kỳ, kỳ nhi tương thất, tri mạch sở phân, phân chi hữu kỳ, cố tri tử thời.

Vi diệu tại mạch, bất khả bất sát; sát chi hữu kỷ, tùng âm dương thỉ; thỉ chi hữu kinh, tùng ngũ hành sanh; sanh chi hữu độ, tứ thời vi nghi.

Bổ tả vật thất, dữ thiên địa như nhứt, đắc nhứt chi tình, dỉ tri tử sanh.

Thị cố thinh hợp ngũ âm, sắc hợp ngũ hành, mạch hợp âm dương.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Mạch động theo bốn mùa, chỗ ở của bệnh, cách thế bệnh biến, bệnh thoạt ở trong, thoạt ra ngoài, năm điều kiện này làm sao biết rõ?

Kỳ Bá thưa: Đây hạ thần xin nói về con người cùng với bao la cùng chung một giàn máy vận chuyển.

Ngoài vạn vật trong bao la, sự thay biến của trời đất, sự ứng hóa của âm dương, phải có cái ấm của mùa Xuân mới đến được cái nóng nồng của mùa Hạ, phải có cái khựng lại của mùa Thu mới có sự dồn ép của mùa Đông. Bốn mùa hoạt động đổi thay, mạch trong con người cũng theo đó mà thăng trầm.

Vì thần khí của mùa Xuân tựa hồ như tác dụng thước tròn, thần khí của mùa Hạ tựa hồ như tác dụng của thước vuông, thần khí của mùa Thu tựa hồ như tác dụng

của ống thủy bình, thần khí của mùa Đông tựa hồ như tác dụng của dây dọi.

Cho nên bắt đầu tiết Đông chí qua 45 ngày khí dương hơi bốc lên, khí âm hơi chìm xuống. Bắt đầu tiết Hạ chí qua 45 ngày khí âm hơi bốc lên, khí dương hơi chìm xuống. Âm dương có mùa cùng với mạch ăn khớp, nếu có lỗi nhịp là biết mạch cùng với bốn mùa không ăn nhau. Căn cứ vào sự lỗi nhịp đó mà phân được kỳ, cho nên có thể tính biết được lúc chết.

Mạch lý rất diệu huyền không thể không xét; nếu khám phá có hệ thống, thì phải bắt mối từ âm dương. Nếu mối mang có mạch lạc, thì phải dựa hẳn vào luật tương sanh của 5 hành. Nếu luật tương sanh không loạn thì bốn mùa phù hợp.

Nếu bổ tả không lỗi, cùng trời đất đồng chung. Thấu được lẽ đồng nhất, là biết được tử sanh.

Cho nên tiếng hợp với năm âm, sắc hợp với 5 hành, mạch hợp với âm dương.

GIẢI

Đoạn trên đã nói: Âm dương của mạch trái với âm dương của bốn mùa làm ra quan cách; cho nên đến đây Huỳnh Đế muốn căn cứ vào mạch động theo bốn mùa để hỏi thêm cặn kẽ đến những điều kiện như là bệnh ở kinh nào, bệnh biến ra sao, bệnh phân trong ngoài, hầu được biết cho rõ. Kỳ Bá đáp: Trong cái thế đồng nhất tương quan, chỉ có căn cứ vào âm dương bốn mùa 5 hành của trời đất mà thôi.

Từ trước nhà Vua vốn luôn luôn luẩn quẩn mắc kẹt vào trong cái thế chuyên môn, còn luận giả thì luôn luôn chăm chú đưa đường cho nhà Vua bắt gặp cái lẽ đồng nhất tương quan ở chính trong con người. Mãi đến đây điều đó hoàn toàn cụ thể, nên ý người hỏi với ý người đáp được gặp cơ ứng hợp. Vì thế nhà Vua đưa ra một loạt năm câu hỏi, luận giả

cứ theo đó tuần tự mà diễn đạt trình bày.

Cũng như bao nhiêu lần khác, luận giả luôn luôn áp dụng một thế lập luận từ khái quát, rồi phân tích, để điểm chung cuộc người hỏi và người đáp được cùng chung gặp gỡ trong chỗ ngoài lời.

Luận giả muốn nói: Muốn rõ suốt năm điều kiện nhà Vua hỏi, trước nhất là phải hiểu trong cái thế đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, hiện tượng con người không thể là ngoại cuộc tựa hồ như một giàn máy mắc liền. Quả thật là một tinh thần đối đáp rất qui củ.

Vạn vật tuy phồn tạp, cho đến con người cũng không thể lìa mặt đất mà tồn tại. Lý do bám vào mặt đất mà tồn tại được ấy, không ngoài ở nương nhờ vào luật xoay vần vận chuyển của Thái dương hệ và địa cầu, để con người cùng vạn vật bên dưới có mặt đất chở, bên trên có bầu khí quyển che, bên ngoài là cả một bầu bao la vô tận hồi tụ khởi duyên để trời đất biến thay, âm dương ứng hóa, rồi vạn vật mới được sanh sôi. Nếu cơ trời đất biến thay, âm dương ứng hóa ngừng dứt, thì ấm nồng mát lạnh cũng không có và cơ tận diệt đã hiển bày. Cho nên hễ hết Xuân rồi Hạ, hết Hạ rồi Thu, hết Thu rồi Đông; hết ấm rồi nóng, hết nóng rồi mát, hết mát rồi lạnh; hết bốc lên rồi thì tung ra, tung ra hết mức thì phải khựng lại, hết khựng lại rồi thì phải dồn ép thu vào, thu vào tột bực rồi thì lại vọt lên tung ra; cứ thế mà ra ra vào vào, lên lên xuống xuống không một giây phút nào ngừng nghỉ. Bao la vạn vật đã thế, chính con người chúng ta cũng thế; cho đến mạch lạc, tế bào, siêu nguyên tử trong con người cũng không thể khác hơn. Vì thế bốn mùa lên xuống thay nhau hoạt động, mà mạch trong con người cũng phải theo đó thăng trầm. Nếu chúng ta chịu lắng lòng soi lại tỉ mỉ con người chính mình, cũng như tất cả vạn vật trong vũ trụ bao la này bằng cặp mắt hai khí âm dương thay biến thăng trầm, rồi ta mới thấy tất cả chỉ là hiện tượng, tất cả lều bều, tất cả chỉ như giấc mơ, như huyễn hóa, như bóng, như bọt, như sương sớm, như điển chớp, như tiếng vang, như mây bay, như gió thoảng, như khói chuyển, như bụi mù, chẳng hề có một hiện tượng nào là hiện tượng đứng yên mãi mãi. Cho nên mới nói "Ngoài vạn vật trong bao la, sự thay biến của trời đất, sự ứng hóa của âm dương… Bốn mùa hoạt động đổi thay, mạch trong con người cũng theo đó mà thăng trầm".

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong con mắt của luận giả thể cứng, thể đặc, thể lỏng và thể hơi chỉ là những hiện tượng biến huyễn

do hiện tượng người huyễn nhận ra mà thôi. Không với có, lớn với nhỏ, với từng hột từng hột, với mây khói không hơn không kém. Phải nhận ra được đến chỗ đó thì mới thấy được nghĩa sống là gì, và mới theo kịp sự linh động của thiên nhiên.

Luận giả lại tiếp: "Bởi vì mùa Xuân tựa hồ như thước tròn, mùa Hạ tựa hồ như thước vuông, mùa Thu tựa hồ như thước thủy bình, mùa Đông tựa hồ như dây dọi". Thế là luận giả muốn diễn đạt bốn hiện tượng vọt lên, bung ra, chùn lại và chìm xuống đi vào vạn vật cũng như vào trong con người của Xuân Hạ Thu Đông, do sự vận chuyển của bao la cũng như sự vận hành của Thái dương hệ đã từng nói tận tự những thiên đầu chớ không chi lạ. Nhưng có điều đáng nói là nếu căn cứ vào hiện tượng của khí dương vọt lên, bung ra, chùn lại và chìm xuống mà ráp vào khuôn thước, thì theo tôi đáng lẽ mùa Xuân phải để vào thước vuông, mùa Hạ để vào thước tròn. Vì sao thế? Vì mùa Thu chùn lại mà ráp vào ống thủy bình, mùa Đông chìm lỉm thẳng xuống mà ráp vào dây dọi, thì mùa Xuân ráp vào thước vuông, mùa Hạ ráp vào thước tròn là phải. Phương chi trong hiện tượng mạch, mùa Xuân tức là mạch Huyền khi nhớm tay lên có hiện tượng nhọn, ở mùa Hạ mạch Hồng khi nhớm tay lên thấy có hiện tượng bầu; cũng như mùa Xuân đọt non mới nẩy tuy mềm dịu nhưng vẫn ngay thẳng, đến mùa Hạ tuy rậm rịt nhưng cành lá vẫn có tướng lòe xòe theo thế bầu. (Xem hình 17.2: Mạch 4 mùa với hiện tượng cây).

HÌNH 17.2: MẠCH BỐN MÙA VỚI HIỆN TƯỢNG CÂY

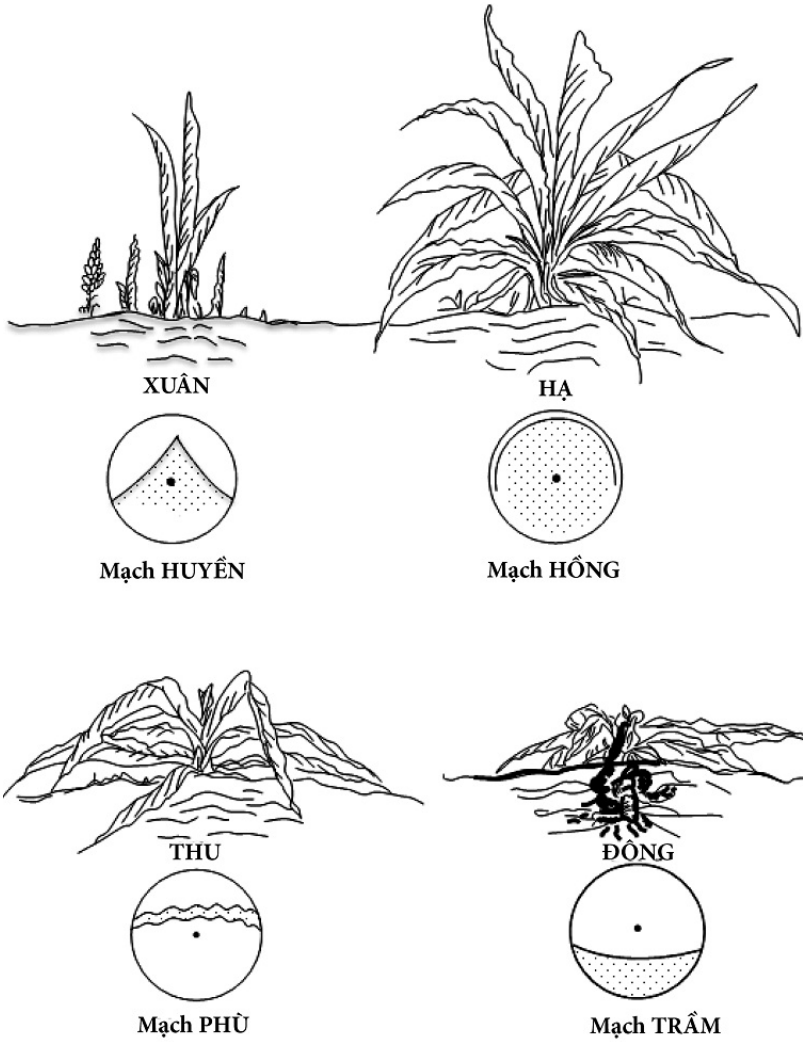

Nhưng ở một phương diện khác, thì lúc mùa Xuân khí dương chớm phát, đọt non nẩy mầm, tuy có hiện tượng nhọn bén góc cạnh nhưng vẫn là mát dịu mềm mại; mùa Hạ tuy có hiện tượng bầu tròn bung bốc, nhưng vẫn là nóng nồng gay gắt. Do đó không biết có phải vì thế mà luận giả ráp mùa Xuân vào thước tròn, mùa Hạ vào thước vuông hay không? Hay bởi sao chép nhiều đời mà lầm lẫn? Cho nên theo chúng tôi thì nên cần tìm hiểu ý luận giả muốn nói gì, hơn là mắc kẹt vào văn chữ.

Thế là luận giả đã thông qua phần khái quát.

Giờ đây tiếp tục vào phần chi tiết, nên luận giả hạ hai chữ "Cho nên"…

Đông chí tức là mùa Đông cực, là tột bực mùa Đông; Hạ chí tức là tột bực mùa Hạ.

Nói "Bắt đầu tiết Đông chí qua ε5 ngày", nghĩa là nói trải qua 15 ngày Đông chí, rồi 15 ngày Tiểu hàn, 15 ngày Đại hàn, rồi bắt đầu tiết Lập xuân. Thế là trải qua ba tiết, hết Đông cực rồi sanh Xuân, tức là hồi đó khí dương trong lòng đất phải hơi bốc lên để đi ra. Hiện tượng khí dương mới bốc lên ấy cũng gọi là bắt đầu dương, cũng gọi là một dương, mà cũng gọi là Thiếu dương; vì trong badương, khí dương này bắt đầu trước nhất. Hễ khí dương hơi bốc lên tất khí âm phải hơi chìm xuống, chớ không thể có hố trống.

Nói "Bắt đầu tiết Hạ chí qua ε5 ngày", tức là nói dương cực. Trải qua 15 ngày tiết Hạ chí, 15 ngày Tiểu thử, 15 ngày Đại thử là đến bắt đầu Lập thu; thế là dương cực sanh âm. Nghĩa là hồi đó khí âm trong lòng đất hơi bốc lên, khí âm đó cũng có nơi gọi là bắt đầu âm, một âm hay Khuyết âm; tức là khí âm khởi đầu nhất trong ba âm (thế là tính theo bắt đầu từ bên trong đi ra) và hồi đó khí dương hơi chìm xuống. Nghĩa là khí dương ra tận bên ngoài rồi, bây giờ phải trở vào. Âm dương ra vào, bốn mùa theo đó mà luân lưu; đó là một định luật hô hấp của quả địa cầu từng năm một trong Thái dương hệ. (Xem hình 17.3: Địa cầu xoay vần theo mặt trời để phân Hạ chí, Đông chí)

HÌNH 17.3: ĐỊA CẦU XOAY VẦN THEO MẶT TRỜI ĐỂ PHÂN HẠ CHÍ ĐÔNG CHÍ

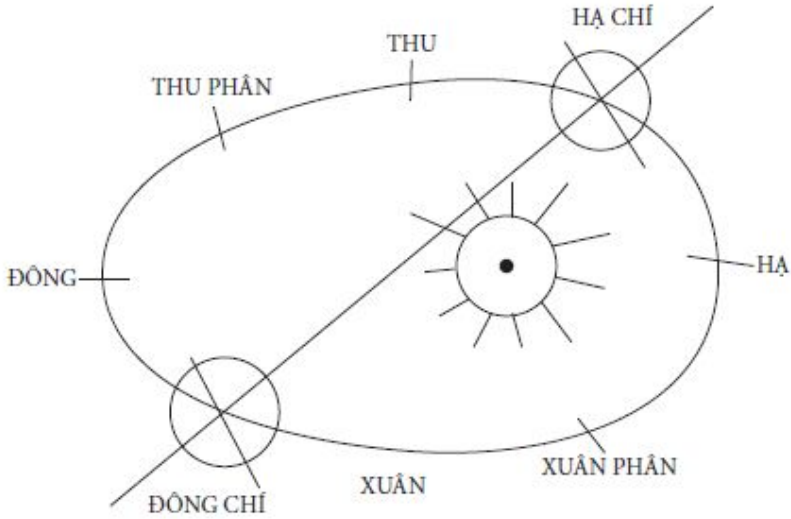

Luận giả lại tiếp: "âm dương có mùa cùng với mạch ăn khớp, nếu có lỗi nhịp là biết mạch cùng với mùa không ăn nhau. Căn cứ vào sự lỗi nhịp đó mà phân được kỳ, cho nên có thể tính biết được lúc chết". Nhưng luận giả không bước thêm một bước nào nữa, để nói rõ mạch với mùa phải ăn khớp nhau như thế nào, thế nào là lỗi nhịp, phải tính cách nào để biết được lúc chết, đó là điều người học phải thắc mắc.

Rồi bỗng dưng luận giả lại tiếp: "Mạch lý rất diệu huyền không thể không xét, nếu khám phá có phép tắc thì phải bắt mối từ âm dương. Nếu mối mang có mạch lạc thì phải dựa vào luật tương sanh của 5 hành, nếu luật tương sanh không loạn thì bốn mùa phù hợp". Thế là chỗ bí yếu nằm ở âm dương, bốn mùa, 5 hành tương sanh tương khắc.

Đành rằng trên kia đã nói về luật âm dương bốn mùa Đông chí Hạ chí. Nhưng ở đây cũng không nói phải áp dụng cách nào, quả là một điều đáng thắc mắc, mà cũng là điều người thiệt học phải dụng công.

Ở thiên Bình Mạch sau này có nói: "Bộ Thốn xuống không đến bộ Quan là phần dương tuyệt, bộ Xích không lên đến bộ Quan là phần âm tuyệt; như thế đều là chứng chết, không thể trị". Nếu tính thời gian, thì phải căn cứ vào tháng tiết của thế tương khắc trong 5 hành; đó là nghĩa

“phân ra có kỳ, mà biết được lúc chết”.

Nay ta hãy thử ôn lại nghĩa bốn mùa âm dương 5 hành tương sanh tương khắc từ khung cảnh thiên nhiên bên ngoài vào đến tạng phủ mạch lạc xác thân, như đã có nhiều lần đề cập tận tự những thiên qua xem sao:

Về mùa màng 5 hành tương sanh, từ Đông sang Xuân là Thủy sanh Mộc, kế Xuân sang Hạ là Mộc sanh Hỏa, Hạ sang Trường hạ là Hỏa sanh Thổ, Trường hạ sang Thu là Thổ sanh Kim, Thu sang Đông là Kim sanh Thủy.

Về âm dương thì từ Đông cực sang Hạ là thuộc dương, từ Hạ cực sang Đông là thuộc âm.

Về khí hậu 5 hành tương khắc, thì mùa Xuân đáng lẽ gió Đông ấm lại thổi gió Tây mát; mùa Hạ đáng lẽ gió Nam nóng lại thổi gió Bắc lạnh; Trường hạ đáng lẽ phải gió Tây nam ẩm lại thổi gió Xuân ấm; đến Thu đáng lẽ gió Tây mát lại thổi gió Nam nóng; sang Đông đáng lẽ gió Bắc lạnh lại thổi gió Tây nam ẩm; thế là khí hậu trái mùa theo thế tương khắc.

Vào trong con người về tạng phủ thì Gan - Xuân; Tim - Hạ; Tỳ - Trường hạ; Phế - Thu; Thận - Đông.

Về mạch 5 hành tương sanh theo mùa, thì mùa Xuân mạch Huyền; Hạ mạch Hồng; Trường hạ mạch Hưỡn; Thu mạch Phù; Đông mạch Thiệt, Trầm.

Về mạch tương khắc trái mùa, thì Xuân - Phù, Hạ - Trầm, Trường hạ - Huyền, Thu - Hồng, Đông - Hưỡn.

Về 5 tạng tương khắc trái mùa, thì bệnh Gan gặp mùa Thu, gió Tây; bệnh Tim gặp mùa Đông, gió Bắc; bệnh Tỳ gặp mùa Xuân, gió Đông; bệnh Phổi gặp mùa Hè, gió Nam; bệnh Thận gặp Trường Hạ, gió Tây Nam đều là tương khắc.

Về âm dương phải trái, Xích Thốn, thì nửa năm đầu thuộc dương,

mạch tay trái, hai bộ Thốn, phần phù đều thạnh; nửa năm sau thuộc âm, mạch tay phải, hai bộ Xích, phần trầm đều thạnh.

Như đoạn trên đã nói: "Nếu mạch âm dương phải trái không ăn khớp theo âm dương của bốn mùa thì làm ra bệnh quan cách", đến đây lại đưa ra nguyên lý Hạ chí Đông chí để nói đến cái thế âm dương thay biến ra vào lên xuống đổi ngôi, lại thêm như đã dẫn ở thiên Bình Mạch; thế là ta đã thấy rõ luận giả muốn nói gì.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong chỗ ngoài lời, luận giả muốn nói: Từ bắt đầu Đông chí qua 45 ngày khí dương hơi bốc lên, bắt đầu Hạ chí qua 45 ngày khí âm hơi bốc lên, là mạch hai bộ Xích lần nổi lên, bên trên phải dính liền với hai bộ Quan; nếu trái lại không lên đến bộ Quan, là phần âm bên dưới tuyệt. Từ bắt đầu Hạ chí qua 45 ngày khí dương hơi chìm xuống, bắt đầu Đông chí qua 45 ngày khí âm hơi chìm xuống, lúc đó mạch hai bộ Thốn phải xuống liền với hai bộ Quan; nếu không như thế, tức là phần dương bên trên đã tuyệt.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là bắt đầu Đông chí qua 45 ngày, cũng như bắt đầu Hạ chí qua 45 ngày, hai quãng thời gian ấy nếu mạch hai bộ Thốn không xuống đến hai bộ Quan là khí dương tuyệt, cũng như hai bộ Xích không lên đến hai bộ Quan là khí âm tuyệt; đó là âm dương trên dưới không giao hợp nhau, trái lại phân ly, cùng với mùa màng lỗi nhịp. Nên nói: Muốn biết được sự phân của mạch, là biết được lúc chết. Biết được lúc chết, nghĩa là căn cứ vào tháng tiết của 5 hành tương khắc trong thế âm dương ly tuyệt mà ra.

Nói một cách khác hơn, trong sáu bộ mạch đồng là hai Thốn, hai Quan, hai Xích chia phải trái âm dương; nhưng bắt đầu tiết Đông chí qua 45 ngày khí dương hơi bốc lên, khí âm hơi chìm xuống, hồi đó tuy hai bộ Xích đồng chuyển lên dính liền với hai bộ Quan, nhưng động cơ phải ở bên trái trước, hai bộ Thốn tuy chuyển lần xuống để dính liền với hai bộ Quan, nhưng động cơ phải ở bên phải trước. Bắt đầu tiết Hạ chí qua 45 ngày khí âm hơi bốc lên, khí dương hơi chìm xuống, hồi đó tuy hai bộ Xích cũng đồng chuyển lên dính liền với hai bộ Quan nhưng động cơ phải ở bên phải trước, hai bộ Thốn tuy cũng chuyển lần xuống dính liền với hai bộ Quan nhưng động cơ phải ở bên trái trước. Thế là âm dương Xích Thốn chuyển theo thế tréo, để thành cái thế âm dương tương giao. Ngược lại, nếu không chuyển được, nghĩa là âm dương trái mùa, âm

dương ly tuyệt; nghĩa là quyết định chết. Nhưng ngày giờ chết còn cần phải hội đủ điều kiện về thế tương khắc của 5 hành trong ngôi thứ của mạch (thí dụ vị trí mạch Gan lại thấy hiện tượng mạch Phổi…), mùa của mạch (thí dụ mùa Xuân mà có hiện tượng mạch của mùa Thu, mạch Phù…), tạng bệnh với mùa tiết ngày giờ (thí dụ bệnh Gan gặp mùa Thu, tiết Thu, ngày Kim, giờ Kim…). Điều này ta khỏi cần thắc mắc, sau này sẽ có nhiều trường hợp nhắc lại một cách tỉ mỉ hơn.

Xa hơn nữa, nếu ta có súc tích tận tự thiên đầu thì ta còn thấy luận giả muốn nói thế này: Trừ những điều kiện như thế quay niễng của địa cầu (trời thiếu Tây bắc, đất thiếu Đông nam) ở thiên thứ 5; người nữ thuộc tay phải, hai bộ Xích thạnh; người nam thuộc tay trái, hai bộ Thốn thạnh như đã nhiều lần đề cập; và tùy theo vận khí từng năm có những bộ không ứng rõ như sau này sẽ đề cập đến ra, thì như sau đây:

1. Đây là đồ biểu tưởng tượng bổ đôi cả bầu khí quyển và địa cầu, để nhìn thấy rõ sáu lớp khí mà ba lớp ngoài địa cầu là phần badương, ba lớp trong lòng đất là phần ba âm.

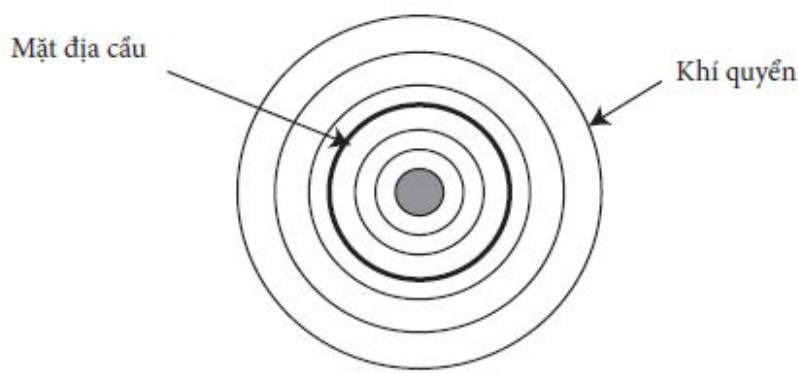

2. Đây là bắt đầu từ Đông chí qua ε5 ngày địa cầu lần Xích lại gần mặt trời chút. Khí dương (dương điện tử) trong lòng đất bắt đầu động để tìm đường ra ngoài theo sự kêu gọi của khí nóng sáng mặt trời, và khí âm (âm điện tử) ngoài bầu khí quyển cũng theo đó mà tìm đường chen vào lòng đất để bước sang Xuân.

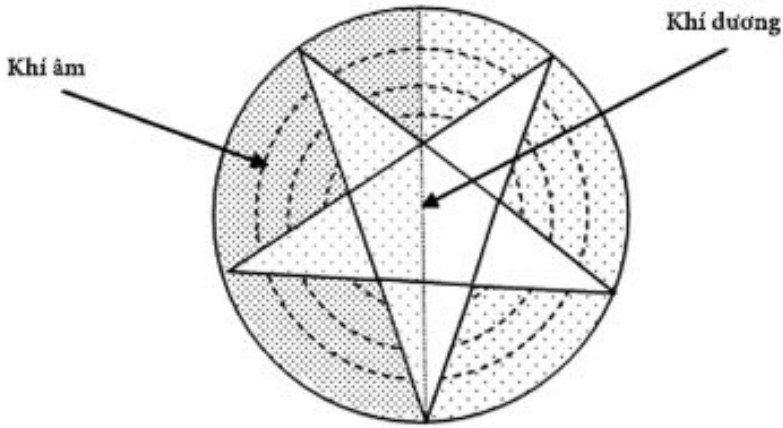

3. Đây là lúc hết Xuân sang Hạ, địa cầu đến điểm gần mặt trời nhất (tức là tột bực mùa Hạ). Tất cả khí dương trong lòng đất đều đã vượt hẳn ra đến tận cùng bầu khí quyển để gặp gỡ khí nóng sáng mặt trời, và khí âm cũng đã vào hẳn phần ba âm trong lòng đất.

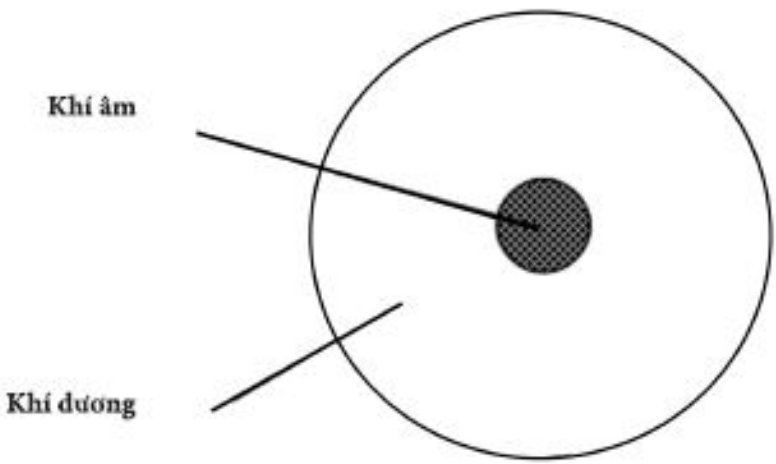

4. Đây là bắt đầu từ tiết Hạ chí qua ɛ5 ngày, địa cầu bắt đầu xa dần mặt trời. Khí âm trong lòng đất bắt đầu động để tìm đường ra ngoài theo sự kêu gọi của khí mát, tối của bao la; và khí dương tận cùng ngoài bầu khí quyển cũng theo đó mà chùn lại tìm đường chen vào ba âm ở

trong lòng đất, để bước sang Thu.

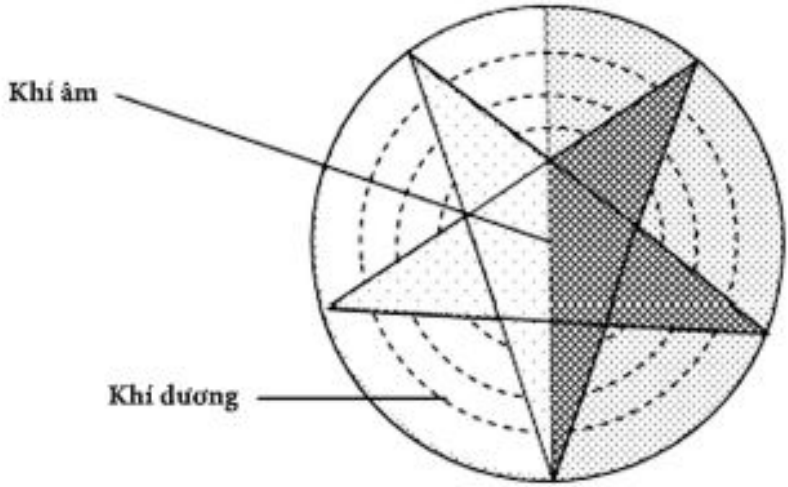

5. Đây là lúc hết Thu sang Đông, địa cầu đến điểm xa mặt trời nhất (tức là tột bực mùa Đông), tất cả khí âm trong lòng đất đã vượt hẳn phần ba âm ra đến tận cùng bầu khí quyển để gặp gỡ khí mát, tối của bao la, và khí dương hồi đó cũng đã vào hẳn phần ba âm trong lòng đất.

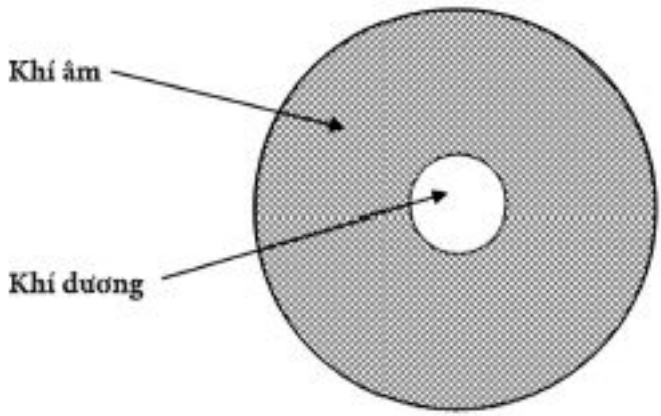

6. Đây là nhắc lại đồ biểu thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng, trong dương có âm, trong âm có dương.

7. Đây là biểu đồ tưởng tượng sự vận hành của âm dương vào trong mạch từ bắt đầu tiết Đông chí đến cực Hạ.

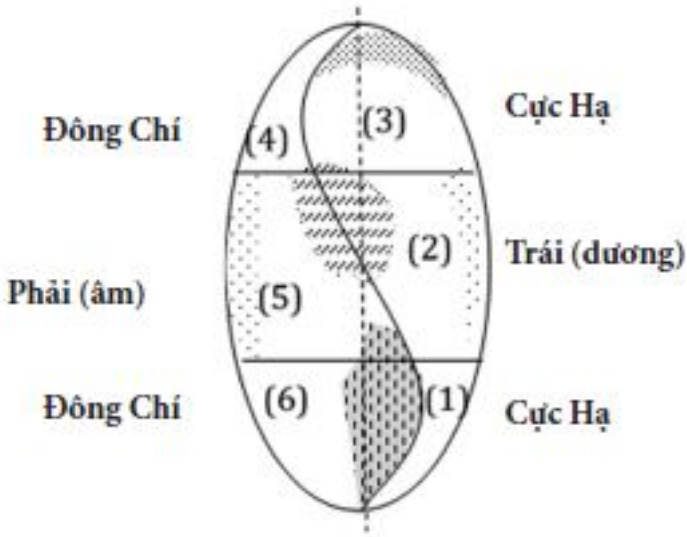

1. Địa cầu bắt đầu xích lại gần mặt trời. Từ cực Đông bắt đầu tiết Đông chí qua ε5 ngày, mạch Trầm Thiệt từ hữu Xích chuyển sang tả Xích, khí dương trong con người cũng theo đó bắt đầu nổi vọt trương nở

ở Thận âm để giao tiếp với tạng Gan, làm cho mạch tả Xích động nổi lên dần để sang Xuân nối liền với tả Quan. Nói một cách khác, bắt đầu tiết Đông chí qua ɛ5 ngày, tuy hai bộ Xích đều động để nối liền với hai bộ Quan, nhưng tả Xích Thiệt và rõ hơn hữu Xích. Nghĩa là mỗi bộ mạch đều có sắc thái riêng, nhưng hồi đó tất cả đều thấy động ở phần Trầm lúc nhớm tay lên, mà tỏ rõ nhất là tả Xích.

2. Địa cầu lần lần gần mặt trời, hết Đông rồi sang Xuân. Mỗi bộ mạch tuy có một sắc thái riêng, nhưng lúc đó tất cả đều phải nhuộm một màu hơi Huyền trường, mà to và tỏ rõ nhất là tả Quan. Thế là từ động ở phần Trầm đi lần đến phù Huyền lần to lệch về bên trái.

3. Địa cầu đã đến điểm gần mặt trời nhất, hết Xuân sang Hạ cực. Mỗi bộ mạch tuy có một sắc thái riêng, nhưng lúc đó tất cả đều nhuộm một màu hơi Hồng đại tán mà to rõ nhất là tả Thốn. Thế là đi từ Huyền trường sang phù Hồng mà tay trái to hơn tay phải, và khi đè xuống đến phần trầm thì tay trái thiếu hơn tay phải.

4. Cũng trong lúc bắt đầu tiết Đông chí qua 45 ngày, khi khí dương động ở tả Xích để lên nối liền với tả Quan mà sang Xuân, thì khí âm trong con người từ Tim Phổi chùn lại để từ hữu Thốn rút dần xuống nối liền với hữu Quan. Trong lúc đó mỗi bộ mạch tuy có sắc thái riêng, nhưng tất cả đều phải nhuộm một màu hơi Trầm mà phần phù ở hữu Thốn mềm rõ hơn hết.

5. Hữu Quan tuy nằm bên phải nhưng thuộc về tỳ Vị trung châu, cho nên chỉ vượng ở Trường hạ và bốn phần cuối mùa. Hồi đó mỗi bộ mạch tuy có sắc thái riêng, nhưng tất cả đều phải nhuộm một màu hòa hưỡn trung bình mà phần hữu Quan là rõ nhất.

6. Cũng trong lúc cực Hạ, khí dương trong mạch đã hiện rõ ở phần tả Thốn, còn khí âm đã lọt vào hẳn bên trong. Tất cả sáu bộ mạch tuy đều nổi vượng, bên trái to hơn bên phải, hai bộ Thốn nổi hơn hai bộ Xích; nhưng ở hữu Xích phải thiệt hơn tả Xích. Thế là suốt sáu tháng dương, phần dương đã ra ngoài hết, phần âm đã vào trong hết, mà mạch tay trái, hai bộ Thốn, phần phù to thạnh hơn, mà rõ nhất là tả Thốn; còn tay phải, hai bộ Xích, phần trầm phải nhỏ và hư hơn hết, mà hư rõ nhất là tả Xích.

8. Đây là đồ biểu âm dương vận hành trong mạch bắt đầu từ tiết Hạ chí đến cực Đông:

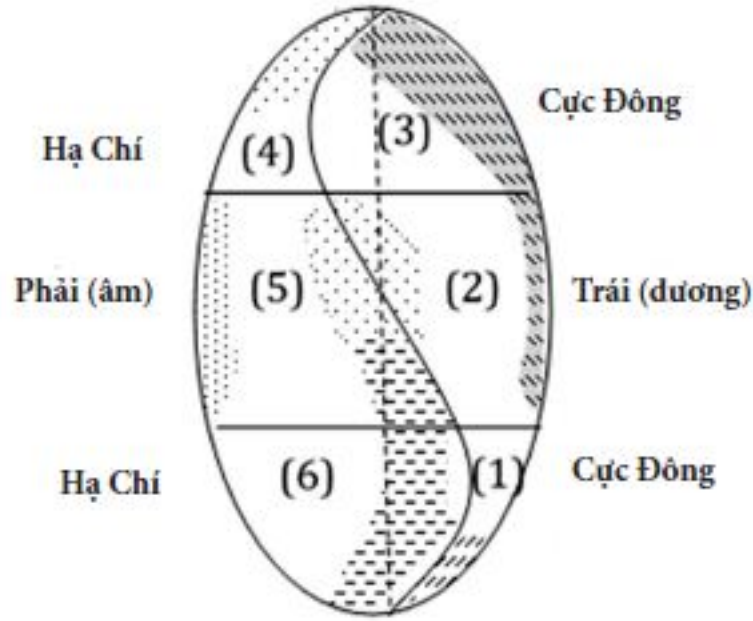

(1)(4) Địa cầu bắt đầu xa dần mặt trời, từ cực Hạ bắt đầu tiết Hạ chí qua 45 ngày, khí dương cực chuyển từ trái sang phải, khí âm từ trong lòng đất bắt đầu bốc lên; mạch phù Hồng đã chùn lại. Hồi đó tả Xích hư hơn hữu Xích, hữu Thốn thạnh hơn tả Thốn để Xích lên Thốn xuống nối liền với Quan, và tay phải bắt đầu to hơn tay trái.

(2)(5) Địa cầu xa dần mặt trời, từ Hạ sang Thu khí dương lần chuyển vào trong, khí âm lần chuyển ra ngoài, âm dương giao nhau. Hồi đó sáu bộ đều Phù Sắc, phần trầm lần Thiệt mà bộ Quan bên phải to hơn và rõ hơn bên trái.

(3)(6) Địa cầu đến điểm xa mặt trời nhất, từ Thu sang Đông, khí dương thu hẳn vào trong, khí âm đã chuyển hẳn ra ngoài. Hồi đó sáu bộ mạch đều nhuộm màu Trầm Thiệt, nhưng hữu Xích Thiệt hơn tả Xích để chuẩn bị chuyển sang tả Xích; còn hai bộ Thốn phần phù hư rõ nhất ở hữu Thốn. Thế là suốt sáu tháng âm, phần âm đã ra ngoài hết, phần

dương đã vào trong hết mà mạch tay phải, hai bộ Xích, phần trầm to thạnh hơn và rõ nhất là hữu Xích; còn tay trái, hai bộ Thốn, phần phù phải nhỏ và hư hơn mà rõ nhất là hữu Thốn.

9. Đây ta hãy tưởng tượng biến sáu bộ mạch hình bầu dục thành mặt đồng hồ và cây kim ở giữa, đầu dương hướng phía dưới bên trái, đầu âm hướng phía trên bên phải. Rồi cứ theo số thứ tự mà xoay, thì ta tức khắc thấy ngay dương lên âm xuống, âm lên dương xuống, cứ như thế tuần hoàn như thế mãi không ngừng.

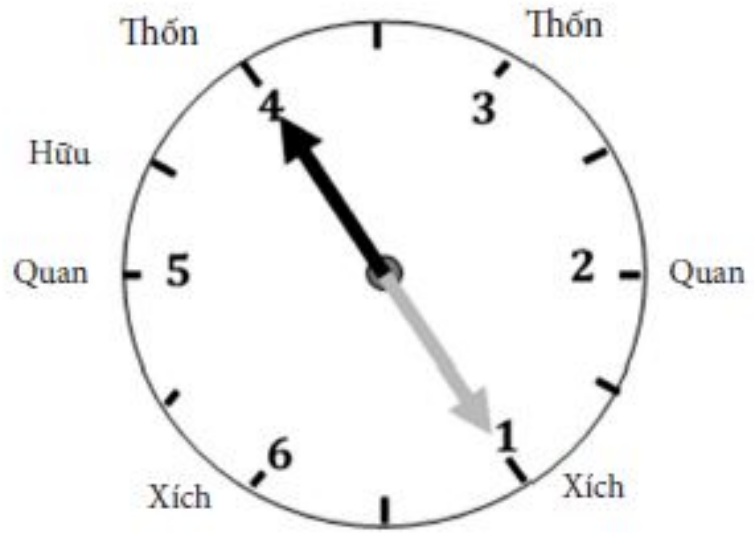

10. Tại sao đến mùa Xuân lại hiện mạch Huyền lệch bộ Quan bên trái? Trường hạ mạch Hưỡn lệch bộ Quan bên phải? Bắt đầu từ tiết Đông chí qua 45 ngày, khí dương bên trong tạng Thận bốc lên liên lạc với tạng Gan. Lượn sóng động của mạch từ hai bộ Xích đã nhồi lên hai bộ Quan để nối liền mà lệch về bên trái, vì bên trái là ngôi của Gan. Trong khi đó khí âm ngoài trời cũng động và đè nặng, làm cho lượn sóng âm ở hai bộ Thốn cũng nhồi về dính liền với hai bộ Quan; nhưng khí âm vẫn lệch về hữu Quan, vì hữu Quan là ngôi của tạng Tỳ. Còn mùa thì thuộc về tạng Gan, vì tạng Gan là dương ở trong âm. Cho nên bên phải nhỏ hơn bên trái; và khí âm đang thẳng trớn đi vào, cho nên hữu Quan

không thể hiện mạch Huyền rõ như tả Quan. Nghĩa là lượn sóng Huyền tập trung về tả Quan ở mùa Xuân.

Mạch Huyền
mùa Xuân

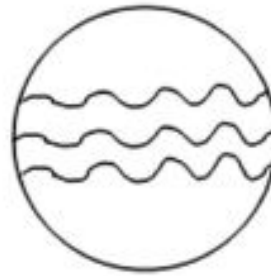

Mạch Hưởn
Trưởng Hạ

Đến Trưởng hạ đã chuẩn bị sang Thu, khí thấp thuộc Thổ thuộc về Tỳ Vị lệch về bộ Quan bên phải, vì khí của tạng Tỳ chỉ huy trọn cả bên phải. Lúc đó khí dương đã chùn lại để rút vào trong, về phía bên phải; còn khí âm bên trong cũng đã động nhớm lên để đi ra ngoài, mà lệch về bên trái.

Nửa năm sau thuộc âm, thời tiết thuộc thấp Thổ. Khí dương vào bên phải, khí âm ra bên trái, làm cho khí thế của tạng Gan phải kém đi, mà khí thế Thấp Thổ của tạng Tỳ được khí dương hòa nhịp, nên hóa ra khí tượng hòa hưỡn thạnh vượng. Thế là lượn sóng hòa hưỡn thạnh vượng phải chầu về hữu Quan, mà bên phải to hơn bên trái.

11. Đây là tổng kết hai thời gian sau Đông chí ε5 ngày và sau Hạ chí ε5 ngày, mạch Xích Thốn không nối liền với Quan là quyết định chết. Nhưng từ Đông chí qua ε5 ngày khí dương bốc lên lệch ở tả Xích, khí âm chìm xuống lệch ở hữu Thốn. Từ Hạ chí qua ε5 ngày khí dương chùn lại lệch ở tả Thốn, khí âm bốc lên lệch ở hữu Xích.

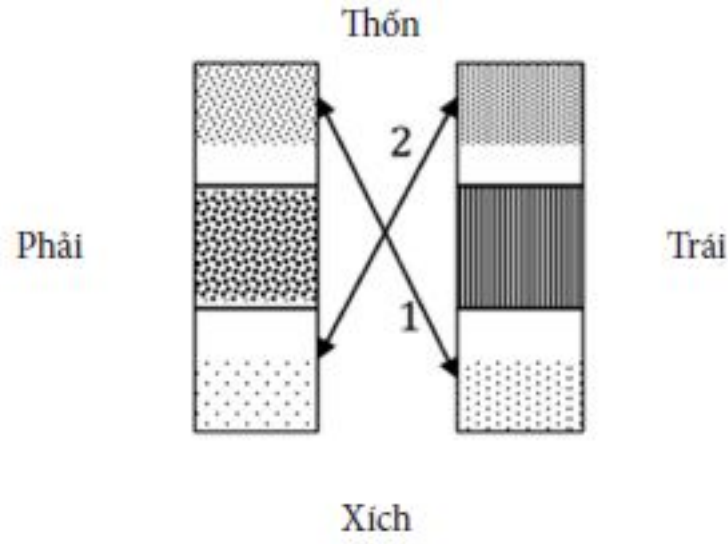

12. Ta hãy ngắm kỹ hai đồ biểu này, phần trong của (a) cũng là tướng dương ra âm vào trong sáu bộ mạch của sáu tháng dương, trong dương có âm, trong âm có dương.

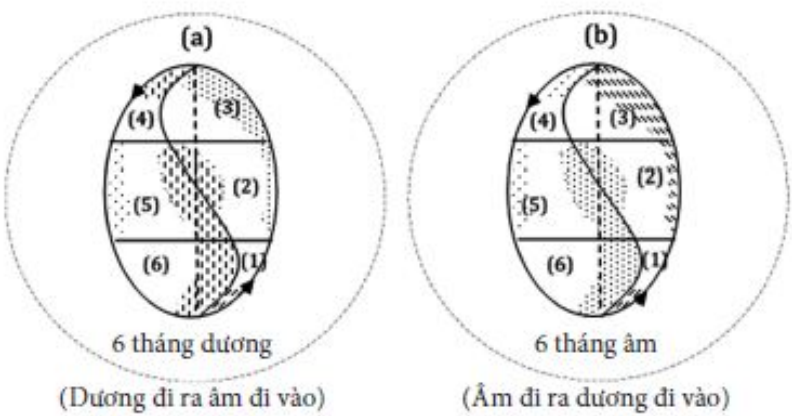

Phần trong của (b) là tướng âm ra dương vào trong sáu bộ mạch của sáu tháng âm, trong âm có dương, trong dương có âm.

Cả hai vòng ngoài đứt đoạn của (a) và (b) chỉ là để tiêu biểu cho cái **không là gì** là phần vô cực, là con người trong bao la.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn nói với ta: tất cả vô cực, thái cực, lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, ngũ hành, lục khí... của cả một kho tàng Dịch học đều vốn có sẵn có đủ ở nơi ta. Và chỉ có quay về với ta mà chứng thực sự thật của Dịch lý là chính xác nhất. Chính vì nghĩa này nên mới nói là "Mạch Yếu Tinh Vi" vậy.

13. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là tổng kết toàn bộ rung động của mạch lạc, cũng như suốt khắp bao la, thâm nhập vào trong muôn vàn sự vật, mới nhìn phớt bên ngoài, ta thấy hình như chỉ là từng khối từng cục riêng tư không dính dấp gì nhau. Đến khi ta nhìn tiến dần vào sự vật, ta thấy hình như không đâu là không bởi do xâu hai thế mâu thuẫn lẫn nhau mà thành (a). Dần dần ta tiến xa chút nữa, ta mới thấy rằng sự vật chỉ là thế biến dạng của hình tròn mà ra hiện tượng bên này giao qua tận bên kia, bên kia giao qua tận bên này như thế hình (b). Rồi ta hãy tiến sâu xa thêm chút nữa, ta mới thấy tất cả bao la sự vật đều chỉ là những hiện tượng huyễn hóa tổ hợp bằng những huyễn tượng li ti, chuyển động theo thế đợt sóng âm dương của viên quang hồi tụ rung rinh suốt khắp từ cái bao la không là gì không một khe hở như hình tưởng tượng (c), (d). Tuy là huyễn tượng tổ hợp, nhưng không bao giờ trong âm không có dương, trong dương không có âm. Đây là nguyên lý thể vốn **không hai** mà hiện tượng có tương đối của toàn bộ cốt tủy Dịch học, mà cũng là mặt thật của tất cả sự vật cũng như con người.

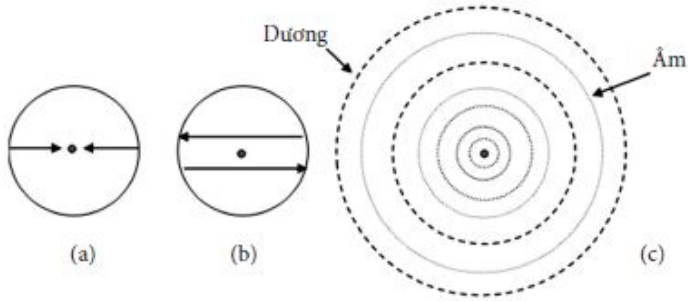

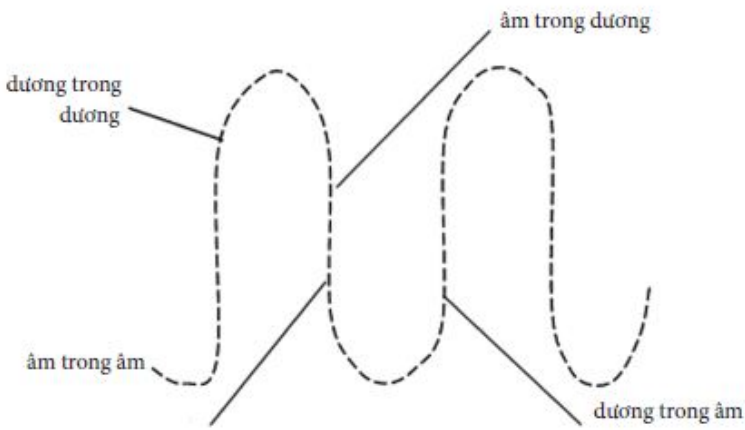

Đến đây ta thấy rõ: sự lầm lạc của thuyết duy vật duy tâm, cũng như phương pháp trị liệu và kỹ thuật bào chế phân chất của Tây y, cùng mọi sự lầm lạc của khoa học vật chất ngày nay. Sau này sẽ có dịp đề cập thêm đến phần chi tiết.

HÌNH 17.4: CON NGƯỜI PHÂN 6 Ô, MỖI Ô PHÂN 9 Ô, VÀ 6 BỘ MẠCH, MỖI BỘ PHÂN 9 Ô

Hễ là cái Đạo nhất quán trong nghệ thuật du ư nghệ, thì phải trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa quán nhân sự; phải rõ thấu âm

dương bốn mùa 5 hành sanh khắc vào trong thần khí, sắc mạch, tạng phủ, nam nữ, tâm lý, vật lý, sinh lý; thì mới có quyền nhúng tay vào vấn đề tử sanh. Hoặc bổ hoặc tả mới không lỗi, dù cho dùng thuốc hay dùng kim cũng vẫn đồng một lẽ không khác; hễ chỗ thừa thì bớt chỗ thiếu thì thêm; thuận với lẽ tương sanh thì lành, nghịch với lẽ tương sanh thì dữ; nhìn trọn vẹn một con người, lấy tinh thần làm quan trọng; con người cùng bao la cùng chung một lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông. Cho nên nói: "Nếu hoặc bổ hoặc tả không lỗi, cùng trời đất đồng chung. Thấu được lẽ đồng nhất, là biết được tử sanh".

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong chỗ ngoài lời luận giả muốn nói: Nếu dốt nát về cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, không biết gì hết về sự điều chỉnh chính con người của mình trước, và cũng không rõ được vấn đề thần khí sắc mạch với âm dương bốn mùa 5 hành tương sanh tương khắc, chỉ nhìn sự vật bằng cặp mắt phân hóa riêng tư, thì càng mó tay vào trong mạng sống, dù cho dùng thuốc hay dùng kim cũng chẳng qua chỉ để chực làm chết người mà không hay biết.

Còn nói "tiếng hợp với năm âm, sắc hợp với 5 hành, mạch hợp với âm dương", tức là muốn nói: năm thứ tiếng, năm thứ âm, nămthứ sắc, năm mạch với 5 hành đều có cái lẽ âm dương của nó chớ không chi khác.

Tóm lại đoạn này luận giả chỉ đáp về nghĩa mạch động theo bốn mùa, nhưng vẫn chưa rồi. Lời văn tuy dón gọn nhưng nghĩa lý bao hàm cả sự vận hành của vũ trụ, và thâm nhập vào đến tận cùng chỗ vô tướng trong con người, để cho ta thấy con người cùng với bao la cùng chung một nhịp nhàng trật tự tương quan; và tất cả muôn vàn hiện tượng cùng với con người chẳng qua chỉ là những huyễn huyễn hóa hóa biến huyễn không ngừng; và cái tướng người đối với địa cầu, với Thái dương hệ, với khối Ngân hà, với toàn cả vũ trụ, với bao la chẳng qua chỉ là một huyễn tướng xỉu xíu xiu tận cùng mún mín huyễn hóa trong huyễn hóa trong huyễn hóa trong huyễn hóa, mà tất cả những huyễn huyễn hóa hóa ấy lại nằm tròn trong lòng bàn tay của cái **không là gì**. Nếu muốn chứng thực được cái lẽ ấy chỉ có một cách duy nhất là trở vào điều chỉnh khám phá về con người, mà chính con người của mình là trước nhất. Khi tự thấy được cái tướng mình chỉ là một hạt bụi huyễn hóa, thì hồi đó tất cả màn bí mật đều được vỡ toang.

BÌNH

Đoàn Tây Du đi thỉnh kinh đến xứ Phật lãnh được kinh ra về, dọc đường mới hay kinh không có chữ, bèn trở lại hằn học người phát kinh. Người giữ kho kinh bảo: "Kinh đó mới là kinh thiệt, tại người Trung Hoa mang nghiệp nặng, lòng dạ tráo trở, lường thăng tráo đấu, cân già cân non, nên mới đọc không được. Nếu muốn thỉnh kinh có chữ, phải có lễ vật gì để lại mới được". Ngộ Không bực lắm bèn kiện giáp mặt với Phật. Phật bảo: "Thủ tục ở đây là vậy". Bèn trở lại dâng bình bát bằng vàng mới thỉnh được kinh.

Có người bảo: xứ Phật sao còn hối lộ? Chớ biết đâu dù cho tu hành mà còn lo ăn, sợ đói, sợ thiếu, thì dẫu cho kinh có chữ cũng vẫn không đọc được như thường, đừng nói chi đến kinh không chữ! Vậy mà còn thêm lòng dạ tráo trở, lươn lẹo đảo lừa, thì kể như đui luôn! Hèn gì suốt mấy ngàn năm phần có chữ của NỘI KINH cũng vẫn còn y nguyên thay, chớ đừng nói chi đến phần không chữ! Bởi vậy nên mới lặn lội qua xứ Phật để đòi thỉnh kinh có chữ. Thế mới biết: Phần có chữ của NỘI KINH vẫn là một thứ có chữ mà không chữ.

Dân tộc Trung Hoa đã thế, các dân tộc khác thế nào? Kẻ có bình bát bằng vàng để dâng mà phải như thế; vậy những kẻ bình bát bằng sắt bằng sành, và tráo trở lọc lừa, điêu ngoa đểu giả hơn không biết bao nhiêu lần, chắc chắn là phải đui luôn không thể nào đọc được! Hèn gì nào Trung Hoa lục địa, Trung Hoa Đài Loan, Trung Hoa Hồng Kông, nào Anh, nào Pháp, nào Đức, nào Mỹ, nào Nhật, nào Việt Nam đều đua nhau bươi móc NỘI KINH để tìm lấy những vật dụng nhỏ nhặt hầu đút túi riêng tư; nhưng rốt cuộc coi ra chỉ là những cái bả, là phải. Thật đáng buồn cười!

Có một thứ **bát trận đồ** không có trận lập ở giữa **không là gì**; thế mà vẫn có cửa ra cửa vào, cửa sanh cửa tử. Kẻ nào khôn hồn biết lối vào biết lối ra thì sống, kẻ nào không biết lối vào không biết lối ra thì chết rục xương luôn!

Có người bảo: Thế thì ai vô làm chi cho khổ. Nhưng khốn nỗi, chưa một lần vào trận ra trận thì vị tất đã là người lớn! Trận được lập đã 5-6 ngàn năm mà vẫn còn y nguyên chưa ai khám phá nổi, mấy ông thần giữ trận vẫn thong thả rong chơi; thế mà có một bọn dám to gan lớn mật

dắt cả đoàn cả lũ vào đó bới tung ra, không sợ mấy ông thần giữ trận đánh cho chết! Nhưng không đâu, mấy ông thần giữ trận đều biết coi tướng hết! Họ biết được đến đây là đúng lúc người đến đỡ đần họ, nên không những họ làm lơ mà chỉ thêm cho những chỗ bí mật nữa là khác! Mà không phanh phui sao được? Kìa! Không thấy đó sao, đám con nít con nôi vô ý vào chơi rồi chết luôn, xương trắng chồng chất! Nếu không phanh phui, thì rồi sẽ còn biết bao nhiêu con nít chết nữa; cho nên buộc lòng phanh phui ra chút chút, để gọi là đỡ vớt một số trẻ thơ ý thức. Dù cho thần giữ trận có thử sức đập chết một hai mạng cũng chả sao, để gọi là tạm tạm đúng nghĩa của câu thiên cơ bất khả lậu.

Bát trận đồ ấy ở đâu? – Là NỘI KINH đó!

Có một **Kim tự tháp** không có tháp, kiến thiết ở giữa **không là gì**. Trong đó chứa không biết bao nhiêu là kho tàng vô giá, mà vật nào vật nấy cũng đều được khoán bùa tàng hình, nên dù để giữa **không là gì** mà bọn ếch bà đi qua đi lại nườm nượp nhướn mắt trợn dọc mà nhìn cũng chẳng thấy gì. Có đôi lúc nhìn thấy những vật là lạ muốn trộm về làm của riêng, nhưng khi mang về rồi cũng không biết dùng vào đâu, mà thỉnh thoảng lại còn hiện tướng ma quái để đe dọa, đành phải mang trả lại chỗ cũ.

Không biết tháp lập hồi nào, chỉ biết nghe người ta đồn đã 5-6 ngàn năm và hiện giờ trên đỉnh tháp thiên lôi vẫn còn đứng chực sẵn. Thế mà có một bọn dám to gan lớn mật dắt cả đoàn cả lũ vào phanh phui bới tung ra, không sợ thiên lôi đả cho vỡ sọ. Thật là quá quắt! Chúng nó chắc chưa nghe ông già mù (Lục Vân Tiên) nói: "Máy trời chẳng dám nói ra…" Ông già mù không dám nói đành rồi; còn bọn đó tuy không nói ra, nhưng nhớm nhớm hớ hớ được. Vì sao thế? Vì thiên lôi có đánh chúng nó cũng chẳng làm chi, mà có đánh cũng chẳng làm sao chúng nó; vì xương cốt chúng nó vốn làm bằng **không là gì**, còn thịt thà của chúng nó thì lại làm bằng bao la, dẫu có đánh cũng trợt búa, trặc tay ăn trét.

Mà không bới vỡ toang ra sao được?! Vì hồi người lập ra tháp này, là cốt để cho **người ta thiệt** dùng. Nay đến lúc ma quỉ lộng hành, đánh lộn nhau tối trời tối đất; nếu không bới ra lấy phép tắc để dùng, rủi chúng nó đánh nhau làm vùi lấp mất hết thì khốn to! Nhưng tiếc thay! Không biết bọn đó tài ba đến mấy, sợ e lát nữa thâu thập không hết bảo vật thì thật là uổng biết chừng nào! Nhưng có còn hơn không. Vậy mà

thiên hạ vẫn đứng ngoài dòm, sợ thiên lôi đả họ, nên không mấy ai dám nhào vào tiếp tay cả!

Kim tự tháp không tháp ấy là gì? – Là NỘI KINH đó!

Có một thứ **Vạn Lý Trường Thành** không có thành, có người xây lên đã năm, sáu ngàn năm để làm hàng rào ngăn giữ phòng riêng cho các vị bác sĩ trong đại dưỡng trí viện, để cho bệnh điên với người tỉnh đừng bị lộn lạo. Kẻ nào tỉnh thì đi qua dễ dàng, kẻ nào điên thì bị mấy ông thần giữ thành xô lăn cù trở lại. Người ta không biết trên mặt thành có những gì, mãi đến ngày nay vẫn còn là bí mật. Vậy mà có một bọn dám cả gan bò lên rong chơi suốt từ đầu tới đuôi, thấy có nhiều cảnh thú quá, bèn trở xuống cổ võ rủ rê cho được nhiều người lên thưởng thức. Có rất đông người muốn dạo chơi, nhưng khốn nỗi vừa bò lên đến gần mặt thành trông thấy bao la ghê quá, nôn cửa sau, bèn thối hồi trở lại hết. May thay còn được ít người lên đến mặt thành thấy gió dữ quá đều run en phát rét.

Vạn Lý Trường Thành không thành ấy ở đâu? Lão tiều Tông Bổn đã không chỉ lại còn nói sấm:

"Tam giáo từ xưa đã có rồi,

Thôi đừng dỗ trẻ lá vàng rơi

Tòng cao ngàn thước xông mây biếc

Khe suối giăng ngang chắn bụi đời".

Vậy là ở đâu? – Là NỘI KINH đó!

Có một chuyện lạ nữa. Trên sự thật, đáng lẽ mỗi khi chúng ta chạy bộ mút đất liền, mà vẫn cứ chạy tức là phải rơi xuống biển. Nếu đi tàu giữa biển cứ cắm đầu chạy miết mút biển là tức khắc đụng đất liền. Thế là đất liền với biển vốn không hai.

Cũng như nếu ta đâm sầm vượt khỏi mặt đất, là gặp cái không;

cũng như ta ngồi phi cơ hết việc trên không phải trở về với mặt đất. Thế là hẳn nhiên **không** với **có** không thể phân.

Thế mà có hạng người tự cho mình là phe vật chất, lại không dám mút đường vật chất để gặp tinh thần, mà còn lăm le xô phần tinh thần ra ngoài. Trái lại có nhóm cũng tự cho mình là đứng ở phe tinh thần, mà chẳng dám mút đường tinh thần, sợ gặp vật chất. Để rồi cả hai, mỗi bên ở một phía vách tường để mà nói với, ồn ào nguyền rủa lẫn nhau, chớ chẳng có ai hiểu trong dương có âm, trong âm có dương là gì cả. Thật là rất đáng thương xót! Như thế chẳng là lạ lắm sao?!

Cả hai số người ấy là ai đó? – Là cả thế gian ngày nay vậy.

Mỗi khi đá động đến câu chuyện khoa học, nghe đến danh từ âm điện tử, dương điện tử ghê quá, dường như là chuyện lạ này mấy triệu năm rồi chưa hề ai biết; cho đến chuyện trên mặt trời nổi bão lửa... nghe thật là rất cao xa khiếp đảm; cho đến nhìn vào bức đồ biểu quả địa cầu bổ đôi có vòng niềng dương điện tử tụ tập của đại khoa học gia hiện thời (như hình vẽ), lại còn rùng rợn hơn. Quả khoa học vật chất ngày nay thật là thần thánh.

Nhưng... nhờ một dạo rong chơi vào **bát đồ trận** không trận, phanh phui **Kim Tự Tháp** không tháp, trông thấy được vố số những chuyện bí mật như ở địa cầu khí dương đáp ứng với mặt trời, khí âm đáp ứng với bao la, năm thuộc vận Mộc thái quá Thiếu âm quân Hỏa tư thiên thì Tuế Tinh làm chủ tình hình v.v và v.v. Rồi mới hay chuyện dương điện tử âm điện tử, chuyện trên mặt trời có bão lửa, chuyện vòng niềng dương điện tử quanh địa cầu đều chỉ là chuyện manh mún vụn vặt. Thế mới biết: năm sáu ngàn năm về trước biết đâu đã không có những kẻ cặp mắt to bằng **không là gì** soi thấu suốt lòng quả đất, chiếu khắp hiện tượng bao la, nhìn thấy suốt con người chỉ là một hạt bụi bộng rỗng, há mồm to bằng hư vô, để nói lên những bí mật bằng cách không nói?! Thế mới biết: chuyện khoa học ngày nay hãy còn trẻ thơ quá! Mà không trẻ thơ sao được?! Chuyện Đế Thiên Đế Thích vẫn còn sờ sờ trước mắt kia cũng còn không biết nghĩ sao, mà nói chuyện chi đến mặt trời mặt trăng cho mệt. Vậy mà có lúc ráng lấy hơi bùng rềnh ra cho kẻ khác thấy mình to lớn. Do đó nên biết danh từ «khoa học" phải được định nghĩa lại.

Có người hỏi: NỘI KINH không phải là sách chuyên môn Y khoa, vậy chớ cứu tận là gì? – Không biết! Muốn biết chuyện đó cứ đi tìm Phục Hy mà hỏi thì rõ.

Hỏi: Rủi không gặp Phục Hy thì sao? – Thì cứ tìm Lão Đam, Trang Sinh mà hỏi.

Hỏi: Nếu rủi hỏi Lão Đam, Trang Sinh mà không thỏa mãn thì sao? – Muốn dùng ống nhìn trời cho thỏa thích thì cứ lấy ống mà nhìn trời, khỏi hỏi.

Hỏi: Nếu nhìn trời không thỏa mãn thì sao? – Thì cứ tìm Khổng Khâu mà hỏi về chuyện du ư nghệ.

Hỏi: Nếu chuyện du ư nghệ mà không thỏa mãn thì sao? – Thì hãy đi sang Ấn Độ mà tìm Duy Ma đại sĩ để nghe cái ông bệnh nhân đó kể bệnh. Nghe này, ông ta kể: "Cái thân này thật là vô thường không có chút sức mạnh cứng rắn nào cả, là thứ chóng bại hoại, là thứ không thể tin, là chỗ để cho khổ não bệnh tật gom nhóm, như bọt như bèo không thể cầm giữ, như hơi lửa hực vì từ dục vọng mà có ra, như cây chuối không lõi, như huyễn như hóa, như giấc mơ, như bóng thoáng, như tiếng vang, như mây nổi, như điển chớp, như lửa bốc, như gió thoảng, như hư không, như bao nhiêu thứ vật chất khác, là thùng chứa dơ bẩn, là tủ đựng hư-ngụy, là chỗ để cho già chết thúc bách, như rắn độc, như giặc cướp, như hư không gom nhóm, là một đống tổ hợp. Hỏi vậy người trí có thể bỏ qua chuyện này được không?". Đó, ông ta kể vậy đó.

Có người hỏi: Làm sao tận dụng được NỘI KINH? – Thôi! Thôi! Xin gạt qua chuyện đó, để nghe thằng Siêu Thiền nói chuyện tào lao còn hơn.

- Kinh Lăng nghiêm ông Phật nói: "Nếu chuyển được vật là đồng với Như-Lai". Chuyển cách nào?

- Ông già Đạt Mạ đến gặp Lương Võ Đế, Lương Võ Đế trong màn hỏi vọng ra: "Ai đó? Phật hay ma?"- Đáp: "Ai ma ta ma, ai Phật ta Phật".

Thế là sao?

- Huệ Năng nói:

“Huệ Năng không kỹ lưỡng

Chẳng dứt trăm tư tưởng

Đối cảnh tâm thường khởi

Bồ-Đề làm gì lớn?”

Hỏi: Như thế nghĩa là sao? – Thôi! Thôi!

- Chẳng có ai thấy khi hai kẻ đánh nhau, trong đó có một người bạo dạn nhanh như chớp nhảy vào ôm chầm dính liền thành một, quay tít mòng mòng. Thôi đối phương khỏi đánh.

- Cũng chẳng có ai nghe: Ông Tổng Hòa có người em bà con là ông Cả Quới. Trước cửa ông Cả có giếng; lão Cam hàng thịt là người ở trọ đất ông Cả có tài nói láo vang danh, một hôm gánh thịt bán ngang qua cửa ông Tổng. Ông Tổng gọi mua thịt, lại thử đùa: Cam ạ! Tao nghe mày nói láo dữ lắm, đâu thử nói láo nghe chơi.

Lão Cam lễ phép bẩm: Xin để khi khác, hôm nay có chuyện gấp quá.

Hỏi: Chuyện gì gấp thế? – Bẩm ngài, con ông Cả Quới mới vừa té xuống giếng chết, tôi phải bán gấp để về phụ chôn cất.

Nói xong, anh ta lật đật gánh thịt đi. Ông Tổng hoảng hốt thắng xe đi thăm con ông Cả. Đến nơi không có gì cả, ông Tổng tức quá kêu lão Cam lại trách cứ: Tại sao mày nói láo với tao dữ quá vậy Cam? – Lão Cam lễ phép lột khăn xá xá: Bẩm ngài, tại ngài biểu nói láo ngài nghe, gấp quá không biết chuyện chi để nói, bèn nói đại thế thôi!

Thế là lão Cam đã nhào thẳng vào bụng ông Tổng, để chuyển ông Tổng rồi đó.

Tận dụng NỘI KINH là vậy đó!

Hỏi: Vậy đó là sao? – Thôi! Thôi! Xin đừng hỏi nữa. Thằng Siêu Thiền vốn có máu điên, không khéo nó tuôn ra cả nùi rồi điên luôn theo nó đi mất!

HÌNH 17.5 : QUẢ ĐỊA CẦU CẢ BẦU TRỜI KHÍ QUYỂN BỔ ĐÔI TRONG THẾ ĐỊA CẦU ĐANG VẬN HÀNH

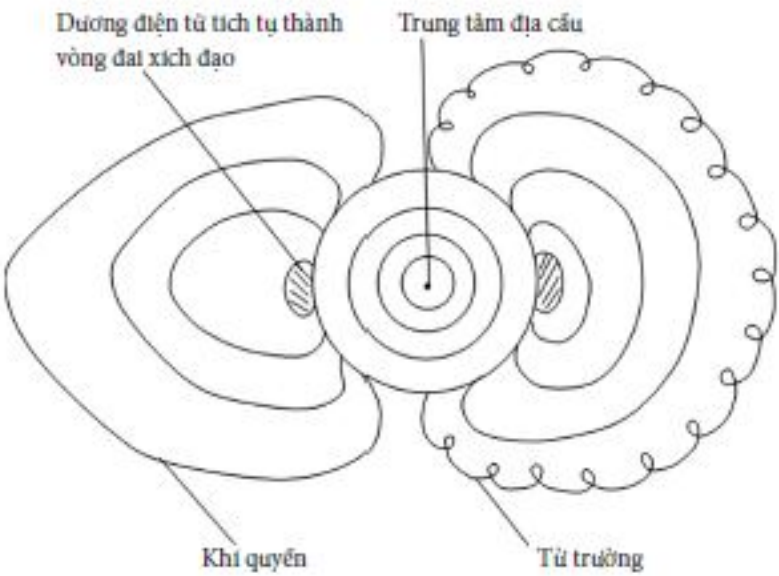

ĐOẠN 9

PHIÊN ÂM

Thị tri âm thạnh tắc mộng thiệp đại thủy khủng cụ,

dương thạnh tắc mộng đại hỏa phiên chước, âm dương câu thạnh tắc mộng tương sát hủy thương.

Thượng thạnh tắc mộng phi, hạ thạnh tắc mộng đọa.

Thậm bảo tắc mộng dử, thậm cơ tắc mộng thủ.

Can khí thạnh tắc mộng nộ, phế khí thạnh tắc mộng khốc.

Đoản trùng đa tắc mộng tụ chúng, trường trùng đa tắc mộng tương kích hủy thương.

DỊCH

Nhờ thế mà biết được khi âm thạnh thì nằm mơ thấy lội nước to khiếp sợ. Khi dương thạnh thì nằm mơ thấy lửa to, cháy dữ dội. Khi âm dương đều thạnh thì nằm mơ thấy việc tàn sát lẫn nhau.

Nếu bên trên thạnh thì nằm mơ thấy bay, bên dưới thạnh thì nằm mơ thấy rơi.

Khi quá no thì nằm mơ thấy cho, khi quá đói thì nằm mơ thấy lấy.

Khi khí lá Gan thạnh thì nằm mơ thấy giận, khi khí Phổi thạnh thì nằm mơ thấy khóc.

Trong bụng nhiều lãi chỉ, thì nằm mơ thấy tụ tập đông người.

Khi trong bụng lãi đũa nhiều quá thì nằm mơ thấy đánh nhau.

GIẢI

Đoạn trên đã nói về mạch động theo bốn mùa mà có nổi chìm lên xuống; cho nên âm thanh, sắc tướng và mạch động hết thảy đều cũng phải biến hóa theo khuôn khổ âm dương. Đến đoạn này nối tiếp theo nghĩa âm dương biến hóa đi vào tận đến guồng máy tâm thức mà vào trong mộng, để có lắm lúc cũng có thể nương nơi mộng mà nghiệm biết sự chênh lệch lên xuống của hiện tượng âm dương; do đó mà tiếp theo mấy chữ "nhờ thế mà biết được…".

Xin nhắc lại chữ "âm" chữ "dương", chữ "khí" chữ "huyết" ở đây không thể hiểu theo kiểu danh từ chết, mà phải hiểu bằng chữ sống mới được.

Trong tạng phủ con người có hai luồng tác dụng khí hóa cũng vẫn được mệnh danh là âm dương, tức là luồng tác dụng năng lực của tạng Thận ảnh hưởng lên Tim (là âm), và luồng tác dụng năng lực của Tim xuống Thận (dương). Hai luồng năng lực này giao nhau để bủa khắp trên dưới châu thân, như là ở địa cầu có hai hệ thống dương điện tử và âm điện tử lên xuống ra vào như đã nói ở đoạn trên.

Con người là một thứ hiện tượng thuộc loại có khả năng cảm biết giàu nhất trong tất cả các loại có khả năng cảm biết. Đành rằng mỗi một tế bào vẫn là một con người trong con người, vẫn có đủ tác dụng giác quan; nhưng khuôn mặt con người vẫn là cửa để cho khả năng cảm biết tập trung chiếu diệu ra các giác quan, mà mắt là cơ quan để tiếp xúc với mọi hiện tượng sắc tướng.

Tạng phủ là guồng máy để giữ vững bên trong, xác thân là cái thùng để hoạt động bảo vệ bên ngoài. Mọi công việc đều phải tùy thuộc vào ngày đêm âm dương bốn mùa; ban ngày khí nóng sáng của mặt trời kêu gọi khí dương trong thân tập trung ra ngoài lên trên làm cho con mắt phải mở, cơ cấu của cả tạng phủ ở óc phải thay thế tạng phủ mà điều động tất cả hoạt động của con người trong ngày, còn khí âm phải trở vào bên trong để giữ gìn tạng phủ; do đó mà con người ban ngày phải làm lụng hoạt động ăn uống, và cũng do đó mà ngủ ngày gặp lúc trưa nắng khi thức dậy đôi mắt đỏ ngầu, và cũng vì thế mà ngủ ngày ít nằm mơ hơn ban đêm. Đến đêm màn trời phủ xuống, khí dương toàn thân phải tập trung về bên trong giữ gìn tạng phủ, còn khí âm bên trong phải ra hết

bên ngoài để tiếp xúc với màn đêm, làm thành một thế đầu tư âm dương như quả địa cầu đối với mặt trời và bao la, do đó mà mọi hoạt động ăn uống làm lụng, nghĩ ngợi lo lắng trí óc đều phải đình chỉ để qua một đêm ngủ ngon tĩnh dưỡng. Vì thế ngủ đêm thường phải đắp chăn, và cũng vì thế ngủ đêm sáng thức dậy con mắt không đỏ, có ghèn mà miệng dễ hôi.

Nếu một người tuổi trung niên không bệnh tật gì, thì âm dương trong người sẽ cứ theo thế ra vào thay nhau như đã nói trên, để thù-ứng với thế ra vào của âm dương trời đất bên ngoài mà luân lưu như thế mãi mãi không ngừng.

Hết thảy chúng sanh nhất là con người, khi chưa nhận suốt được hiện tượng mình đích thị là **không là gì**, thì ngoài việc ngoại cảnh đã đi qua mà bóng trần cảnh hãy còn giữ lại trong guồng máy tâm thức ra, còn có những lúc do ngoại cảnh kích động hoặc do nội thân biến động, cũng tự chuyển khởi tạo-tác thành những tướng trạng mà nhà Phật gọi là tác ý. Thí dụ như đang trong giấc ngủ say có người để ngọn đèn chao gần ngón chân cái, nghe hơi ấm ấm, mơ thấy xức cù-là; nghe tiếng các súng thay nhau nổ ở biên thùy "bịt bùng" "bịt bùng", mơ thấy người ta đánh nhạc; hoặc quá mệt mỏi nằm tréo chân ngủ, lâu quá phát đau nhức, mơ thấy bị xiềng chân, hoặc đang ngủ mắc tiểu mà khí dương ở Bàng quang không đủ, liền mơ thấy ra gốc chuối tiểu, rồi thành đái dầm… Nếu còn nhớ lại tận tự thiên thứ 5, thì sẽ không lạ.

Mọi hiện tượng mà con người đã tiếp xúc tận tự lũy kiếp qua đều không ngoài khuôn khổ của âm dương 5 hành hợp 5 tạng, hễ lạnh thì hợp với nước với Thận, nóng thì hợp với lửa với Tim…

Đúng theo luật màn bạc thì phía sau màn bạc nếu có ánh sáng tỏ rõ như ban ngày chiếu ngược lại thì hình bóng trên màn bạc không hiện lộ được, cũng như khi bật đèn lên thì hình bóng trên màn bạc cũng không hiển lộ được; trái lại càng tối chừng nào, hình bóng càng tỏ rõ chừng nấy.

Thức giấc mắt mở là bật đèn lên, ngủ nhắm mắt là buông màn bạc xuống, ngủ ngày nắng gắt là phía sau màn bạc bị ánh sáng phá, trong thân chênh lệch bất an là động cơ tác ý, ý khởi là hình bóng theo khe hở chiếu lên óc rọi ra mí mắt để cụ thể hóa giấc mơ.

Vì thế nên khi tác dụng năng lực của khí âm, tạng Thận lấn thế tác dụng năng lực khí dương, tạng Tim thì cuộc tác ý sẽ làm ra thấy lội nước to khiếp sợ. Ngược lại khi khí dương, tạng Tim lấn thế năng lực tác dụng khí âm, tạng Thận nhiều quá, thì cuộc tác ý sẽ làm ra thấy lửa cháy to dữ dội. Nếu đôi bên âm dương đều thạnh mà không giao hòa, có tính cách kình chống lẫn nhau, thì làm cho cuộc tác ý thấy việc tàn sát lẫn nhau. Cho nên mới nói "khi âm thạnh thì nằm mơ thấy lội nước to khiếp sợ…". Thế là đây chỉ nói lên ở phần tướng quả, chớ chưa phải bàn đến điều kiện nguyên nhân nào làm ra âm dương chênh lệch; điểm này ta phải hiểu cẩn thận.

"Trên" nghĩa là pháp thiên, phần khí; "dưới" là pháp địa, phần chất. Một quả bóng được bơm khinh khí, khi buông ra phải bốc bay lên;được đựng đầy cát, khi để xuống nước phải rút chìm xuống. Khi có một lý do nào hoặc từ thọ bẩm hoặc do tĩnh tọa, làm cho phần khí khinh, khí thán, trong con người bốc lên bộ thần kinh xung động bộ óc, thì sẽ có một cuộc tác ý mơ thấy bốc bay; như có người vì ăn nhiều con nhộng, cũng nằm mơ thấy bay. Ngược lại, hoặc bởi thọ bẩm tinh thần cha mẹ quá sa đọa vào trong trụy lạc truy hoan đến kiệt sức mà sanh ra, khi lớn lên lúc thức thường tác ý về đắm nhiễm nịch ái, khi ngủ nội tạng mất quân bình, làm cho cuộc tác ý thường thấy rơi; nhưng hoặc thấy rơi từ ngọn cây xuống mặt đất, hoặc thấy rơi từ mặt đất xuống vực sâu duyên do cũng có khác. Cho nên mới nói: "Nếu bên trên thạnh thì nằm mơ thấy bay, bên dưới thạnh thì nằm mơ thấy rơi" là vậy.

Bởi vậy ở kinh Lăng Nghiêm nhà Phật có giảng về lý sa đọa địa ngục, và lý nằm mơ lúc sống cũng là hiện tượng dọn đường chuẩn bị cho sự quyết định của lúc chết, cũng ở trong lý này.

Trong một bầu mộng huyễn, nếu không biết được là mộng huyễn thì biết đâu không những khi ngủ mà khi thức cũng vẫn là giấc mơ?! Trong cuộc sống mơ này, hễ giàu có sang cả thì bày biện văn vẻ, lễ nghĩa luộm thuộm; nếu đói rách nghèo hèn thì trộm cắp gian tham. Cho nên người xưa mới nói: "Phú quý sanh lễ nghĩa, bần cùng sanh đạo tặc". Nhưng phía sau cái lễ nghĩa, đạo tặc ấy không phải chỉ là lễ nghĩa, đạo tặc suông mà thôi. Kìa, chúng ta hãy xem: Nước Mỹ khi nghèo khó thì tìm đủ cách thế để gom bó vào mình, đến khi quá dư giàu là nghĩ đến gọi là viện trợ chia sớt cho kẻ khác; nhưng phía sau chất chứa một cái gì, mấy ai được thấu rõ. Cũng như một ông lang băm khi có đông khách, lợi tức

bắt đầu hơi dư dả thì thường tỏ ra thái độ lương y, giúp đỡ kẻ khó nghèo đi đôi với tổ tôm, tài bàn; đến lúc vắng khách đìu hiu, hũ gạo còn hai ba ngày nữa cạn sạch, dù có thân bằng quyến thuộc đến cũng bị đập ẹo xương sống, chịu không kham. Thế thì nói: "Khi quá no nằm mơ thấy cho, khi quá đói nằm mơ thấy lấy" còn có lạ gì! Thế mới biết: Trong cảnh mộng giữa đêm trường nằm mơ thật là một thứ mộng ở trong mộng, mà không phân được đâu là mộng đâu là thực vậy. Thực với mộng chẳng qua cũng chỉ là mộng thôi.

Tạng Gan thuộc Mộc, tạng Phổi thuộc Kim. Kim bao giờ cũng khắc Mộc, hễ Mộc yếu là Kim lấn. Vì một lý do gì hoặc thọ bẩm, hoặc sanh hoạt, hoặc ăn uống, hoặc tâm tư làm cho Gan hoạt động thừa, cuộc sống mất thế bình thường chuyển ra thế dễ xung động, dễ giận dỗi, dễ nóng nảy khó bề gìn giữ. Ngược lại có thể cũng vì nguyên nhân ấy, trong cái thế bất cập làm cho Gan hoạt động quá thiếu mà năng lực của tạng Phổi ảnh hưởng vào Gan quá thừa, làm cho cuộc sống chênh lệch về hướng dễ lo sợ, dễ khóc than. Cuộc sống đã thế, thì giấc mơ nào có khác chi. Cho nên mới nói "Khi khí lá Gan thạnh thì nằm mơ thấy giận, khi khí Phổi thạnh thì nằm mơ thấy khóc".

Mỗi một tế bào đều có khả năng thấy, dẫu là tế bào trong ruột cũng thế.

Mỗi một tác ý đều nhuộm một màu chủ quan. Mỗi một chúng sanh đều là những kẻ bị đọa vào trong giác quan. Tất cả những sinh vật chi chít li ti dẫu có tranh nhau đến đâu, cũng chỉ là hiện tướng bâu rức. Tất cả những sinh vật có chiều dài, khi có tranh nhau là có hiện tượng quấn xà nẹo giằng co.

Bởi vậy khi trong Ruột có nhiều lãi chỉ chi chít li ti, khi tác ý từ tướng bâu rức đổi ra tướng xúm đen xúm đỏ. Trong ruột có nhiều lãi đũa, khi tác ý từ tướng ngọ ngoạy giằng co đổi ra tướng quật nhau ẩu đả. Cho nên mới nói "Khi trong bụng nhiều lãi chỉ, thì nằm mơ thấy tụ tập đông người. Khi trong bụng lãi đũa nhiều quá, thì nằm mơ thấy đánh nhau".

Thế là trọn cả đoạn này luận giả cho cái lý âm dương vào trong mộng, để chứng thực cho mọi người thấy được rằng: Dù cõi âm hay cõi

dương, cõi ngủ hay cõi thức, tất cả chỉ là hiện tượng, tất cả chỉ là mộng huyễn, và tất cả đều có cái lý nhất quán của nó.

BÌNH

Đọc xong đoạn này có người bảo: Quái! Sao có chuyện lạ thế? Thưa: Quái, lạ thế! Sao không có chuyện lạ thế? Nếu không có chuyện, thế thì nói chi đến Âm Dương Ứng Tượng; nói chi đến Lục Tiết Tạng Tượng; nói chi đến chuột đồng hóa làm vỏ vẻ, vỏ vẻ hóa làm chuột đồng. Đã không thế thì sao lại nói tất cả đều chỉ là hiện tượng, đều là ứng hóa! Thế thì tất cả đều là ứng tượng, thế là ứng tượng là một tên gọi khác của ứng mộng vậy. Đã ở trong một đại ứng mộng trường, sao lại không có chuyện mộng? Đã tất cả đều là mộng, thì sao lại không có mộng thật và mộng mộng?! Không những mộng thật, mộng mộng, mà còn có thứ mộng tơ lơ mơ nữa là khác. Thế là trong khung đại mộng huyễn trường, tất cả những bọn lao nhao chỉ là những hồn mộng. Đã là mộng huyễn trường, là hồn mộng, tức là mộng huyễn trường, hồn mộng chỉ là một tên gọi khác của **không là gì** mà thôi. Vốn đã là **không là gì** mà lại khăng khăng ôm lấy cho là thật, thì sao không được gọi là mộng?! Đã là mộng, thì sao lại bắt phải mộng như thế này hay mộng như thế kia, mà không được hoặc mộng như thế này hoặc mộng như thế kia? Nếu không thế sao kinh dạy "Hết thảy đều như giấc mơ, như huyễn hóa, như bóng như bọt, như sương sớm, như điển chớp, như bóng lướt như gió thoảng…" Nếu không thế sao cụ Ngạc Am nhà ta (Cô Lâu Mộng) lại bảo:

"Một vùng trời đất dấu tang thương,

Thân thế trăm năm giấc mộng trường".

Không thế sao lại bảo:

"Chẳng biết mộng chi còn nói ứng,

Mộng trong giấc mộng khéo thêm phiền".

Siêu Thiền còn nhớ có một dạo vì sợ chậm trở thành gì gì ấy quá, nên hối hả ngày đêm đày đọa xác thân ngồi hoài không nằm, kềm chế hơi

thở, đến mệt mỏi quá vừa đặt lưng nằm xuống là mơ thấy mình đang nằm mơ dạo chơi rồi lại gặp mình. Chợt tỉnh ngồi thở dài, suốt đời từ bé đã là mộng chưa đã sao, nay lại còn mộng nữa; rồi lại nằm xuống, lại mộng nối. Đến mấy hôm sau mộng vẫn nối tiếp, cứ mãi hết mộng mộng rồi sang mộng thật, hết mộng thật lại sang mộng mộng. Đến chán quá, bừng tỉnh ra, mới hay rằng cái tâm lý lo sợ cảnh mộng rồi sẽ không trở thành gì gì ấy cũng chính là một thứ hồn mộng, như thế làm sao nhận ra suốt được khung cảnh đại mộng trường! Thế là từ đó tha hồ sao sao cũng được, đã biết rõ là mộng chả cần bận tâm; thế rồi thôi, không mộng nữa. Thế mà có biết bao kẻ đã ở trong mộng thấy mình không mộng, lại muốn tìm kiếm những mộng mộng để mộng thêm. Kìa! Một chàng thi sĩ mộng:

"Thổn thức năm canh nghĩ hận mình

Hổ mang lấy lốt tóc mày xanh

Hững hờ đặt bước đường văn tự

Thầm thủi len mình chốn lợi danh

Gương mộng dù trong soi chẳng thấu

Giấc mơ tuy đẹp nhắp khôn thành

Nỗi niềm trằn trọc đêm Xuân vắng

Giọng dế tường đông khóc điểm canh".

Trời ơi! Đã là mộng thật với mộng mộng lộn lạo dường ấy, thế mà lại còn tô điểm thêm nào trong, nào đẹp.

Kìa! Một nhà cách mạng làm bí thư cho một lãnh tụ, nhân hàng ngày thấy hai nàng kiều con của ông lãnh tụ vừa đẹp vừa mơ, lúc nào cũng vừa đàn vừa hát. Anh ta tiếc rẻ sao mình vô phước không được cùng nhập điệu mơ theo. Thế rồi buột bút viết để lén mơ nho nhỏ rằng:

“Không yêu có đâu mà làm thơ…!

Không mơ có đâu sầu trăng mờ…!

Tình ta mong manh như dây tơ

Tình ai mênh mang nhìn trời mơ.

Tơ …! Thơ…! Mơ…! Thờ … ơ…!”

Thế mà vẫn chưa được vào mộng mộng, bèn lại vận hết thần lực thở hơi cuối cùng:

“Ôi! Chết lòng ơi, lòng hỡi lòng!

Còn nhiều nguyện ước với non sông

Ai xui đột khởi Bồng Lai đảo

Ai chắc rào ngăn được sóng lòng!”

Thế là ở trong cảnh mộng nhà cách mạng mộng quyết định băng mình thả trôi theo dòng mộng mộng, có lẽ nghĩ dẫu chết cũng sướng đời.

Có kẻ thân vẫn ở trong cảnh mộng này mà lại muốn tìm một mộng mộng để được về Lạc thổ, rồi lại bày ra ngày ngày đến trước điện đường, gọi nhau cùng lễ tượng vẽ, gọi nhau cùng mộng khóc cho dữ dội để lát nữa sẽ được mộng mộng mộng sanh về Lạc thổ. Thế mới hay vì quá sợ mộng lại gánh thêm thứ mộng ba tầng nữa, thì thật là oan uổng!

Có lão Thiền sư bảo: Cõi đời chỉ là cảnh mộng. Có người bẻ: Mộng với thực khác nhau xa lắm, tại sao Thiền sư nói thế? Đã có gì làm bằng cớ? Thiền sư chậm rãi bảo: Này, khi bác ra đường, bác thấy gái đẹp bác có mê tít không? Lúc ngủ tơ lơ mơ bỗng dưng gặp gái đẹp, bác cũng có mê tít không? Thế mới biết: Mê tít hồi thức hay mê tít hồi ngủ cũng vẫn là mê tít, sao được gọi là bên này thực bên kia mộng?!

Này, bác có bao giờ nằm mơ thấy bàn ghế tủ kệ không? Nếu có, bác có mang vào đây để xài dùng được không? Và đến khi ngủ, bác có mang được bàn ghế tủ kệ này vào trong mộng được không? Như thế mộng với thực không phải chỉ là hai tên gọi đó sao?!

Ngồi thừ để tưởng tượng ra một cơn tình duyên say sưa ngây ngất với một cuộc va chạm tình duyên say sưa ngây ngất ở lúc thức hay lúc ngủ, biết đâu không phải vẫn là một cơn say sưa ngây ngất?!

Bác ra đường bị côn đồ đuổi đánh, hốt hoảng chạy lả người, mệt thở không kịp. Khi mơ thấy côn đồ đuổi đánh cũng chạy mệt lả người, há hốc mồm thở không kịp. Thế là hai cảm giác ấy khác hay không khác? Thế mới biết: Mộng thực hay mộng mộng chẳng qua cũng chỉ là mộng thôi.

Trong đời có hai hạng người không mộng là bực chí nhân và bực chí ngu. Chí nhân mà không mộng đây, phải chăng là không mộng?! Đã là cảnh mộng mà lại không mộng, biết đâu cái không mộng ấy chẳng qua chỉ là một thứ mộng?! Thế mới biết: Cái không mộng của bực chí nhân là rõ suốt mộng trường, tất cả đều chỉ là kịch mộng. Đã biết rõ mồn một chỉ là kịch mộng, thì thôi mặc tha hồ sao sao cũng được. Mộng đóng vai bao la thì cứ bao la, đóng vai không là gì thì cứ không là gì, là vũ trụ thì cứ vũ trụ, là trời đất thì cứ trời đất, là hùm beo sói gấu thì cứ tha hồ là hùm beo sói gấu, là hươu nai chim chuột thì cứ tha thồ hươu nai chim chuột, là thánh hiền tiên Phật thì cứ mà tha hồ thánh hiền tiên Phật, khi vui cười cứ vui cười, khi buồn khóc cứ buồn khóc, khi tay không cứ tha hồ tay không, khi có đủ thứ thì cứ mà tha hồ có đủ thứ, lúc ngủ mơ thì cứ tha hồ mà ngủ mơ, lúc tỉnh mộng thì cứ tha hồ mà tỉnh mộng, lên trời cũng được, xuống bể cũng được, ở đâu cũng được, chẳng hỏi chẳng đòi. Khi diễn mộng khóc, không khóc thẳng tay, thì sao gọi là mộng nhập thần?! Khi cười không dám cười cho vỡ bụng, thì sao được gọi là mơ chí diệu! Chỉ có khác là nếu lúc nào cũng biết là đang ở trong cảnh mộng thì hóa ra một thứ mộng tỉnh bơ, sao được gọi là mộng nhập thần?! Nếu chỉ là mộng sướt mướt không hay là mộng, thì lại là mê cảnh mộng làm cảnh thật, sao được gọi là kịch mộng?! Sao được gọi là chí nhân?! Chỗ đó nếu không vào được thì không những không đọc nổi đoạn này, còn có đâu nhận ra được **không là gì** nữa?! Như thế đâu được gọi là to nhất! Thế mới biết: Cái không mơ của bực chí nhân chỉ là một tên gọi khác của "tiêu dao" vậy.

Người ta nghe nói bực chí ngu không mộng, rồi người ta cứ hiểu là bực chí ngu không mộng, chớ nào hay đâu chỉ vì ôm chầm lấy cảnh mộng mà cho là thật; cho nên chẳng những không biết sao là thật mà cũng không biết sao là mộng, nên mới tạm gọi là không mộng. Thế mới biết: Đồng là hai chữ "không mộng" mà ở bực chí nhân với bực chí ngu khác nhau xa lắm; thế mà ở quãng giữa ấy lại có bọn chợt hay mình đang ở trong mộng, hoảng hốt khổ sở lăn lộn đau thương, rồi tính toán suy lường, nghĩ càn nghĩ quấy để tìm lấy lối thoát mộng, rồi trong mộng to bày thêm mộng nhỏ, trong mộng nhỏ nữa lại dệt thành mộng to, mộng bé, mộng lớn, mộng gần mộng xa, mộng hơn mộng thiệt, mộng đời mộng Đạo, mộng tiên Phật mộng trời thần, đến nỗi không còn phân được sao là mộng thật sao là mộng mộng. Thế mới biết: Chính bọn người này mới đích thực quyết định là hồn mộng. Quả là đáng thương xót vậy.

ĐOẠN 10

PHIÊN ÂM

Thị cố trì mạch hữu đạo, hư tĩnh vi bảo.

Xuân nhựt phù, như ngư chi du tại ba. Hạ nhựt tại phu, phiếm phiếm hồ vạn vật hữu dư. Thu nhựt hạ phu, trập trùng tương khứ. Đông nhựt tại cốt, trập trùng châu mật, quân tử cư thất.

Cố viết: Tri nội giả án nhi kỷ chi, tri ngoại giả chung nhi thỉ chi, thử lục giả trì mạch chi đại pháp.

DỊCH

Cho nên nếu chẩn mạch có đạo lý, thì phải trong lòng rỗng rang rời rảnh thanh tịnh là hơn.

Mùa Xuân mạch đi nổi tựa hồ như cá lội trong sóng. Mùa Hạ mạch nổi bồng ở mặt da, phới phới như vạn vật có thừa. Mùa Thu chìm lần xuống dưới da như các loài trùng đóng kén sắp rút đi. Mùa Đông chìm vào tận xương

như các loài trùng đóng kén bít cửa, như những người học Đạo nhập thất.

Cho nên nói: Muốn biết ở trong thì phải biết chẩn mạch, muốn biết ở ngoài thì phải biết trật tự của trời đất, âm dương, khí sắc. Bốn mùa, âm dương là sáu điều kiện khuôn thước chính cho phép chẩn mạch vậy.

GIẢI

Đoạn này vẫn tiếp theo đoạn trên để đáp cho trọn về nghĩa mạch động theo bốn mùa, và kết thúc khái quát về phép chẩn mạch; nên vẫn nối tiếp bằng hai chữ "cho nên"…

Trong thân con người là cả một giàn máy luôn luôn chạy ầm ĩ suốt cả ngày đêm, khi động to, khi động bình thường, khi động bé. Trừ những bực thông đạt; ngoài ra con người còn là một cái xe chở đầy nhóc một guồng máy cũ muôn thuở đang chạy ầm ĩ trên chiếc xe đang chạy, hay nói một cách khác hơn là một chiếc tàu đang chở đầy nhóc những máy móc lạ kỳ, mà thứ nào thứ ấy cũng đều đang chạy vùn vụt trong cái thế con tàu đang chạy ầm ĩ lướt sóng gió ba đào. Thế nên khi muốn độn thần nhập vào ba ngón tay để nhìn cho tận mặt sáu bộ mạch người bệnh, mà người thầy thuốc chỉ là một kho tàng náo động ầm ĩ bụi mù thì làm sao thấy được gì mà gọi là lương y. Phương chi đã chưa phải **không là gì**, thì không thể nào nhập vào tận kẹt hóc của tận tâm hồn bệnh nhân cho được. Thế mới biết: Chí không ở Đạo, không cứ ở Đức, không y ở nhân thì không thể ngao du ở nghệ thuật được. Cho nên trước khi thành lương y là phải có đạo lý, chưa biết gì hết về sự điều chỉnh chính con người của mình trước thì không thể nào được gọi là lương y. Đã không phải là lương y mà chẩn mạch, thì biết đâu ngay hồi chẩn mạch trong lòng không nổi dậy ba đào nào sắc, nào tình, nào danh, nào lợi?! Nên mới nói: "Nếu chẩn mạch có đạo lý, thì phải trong lòng rỗng rang rời rảnh thanh tịnh là hơn" là nghĩa thế.

Nói "cá lội trong sóng", tức là để diễn tả một thế nổi mà chưa bồng lên mặt nước, tức là thấy Huyền.

Nói "phới phới như vạn vật có thừa", tức là diễn tả một hiện tượng nổi bồng hẳn lên, tức là mạch Hồng.

Nói "như các loài trùng đóng kén sắp rút đi", tức là nói một khí thế chùn lại như sắp lặn, tức là mạch Phù Sắc.

Nói "như các loài trùng đóng kén bít cửa, như người học Đạo nhập thất", tức là muốn diễn tả một hiện tượng ẩn, thế là muốn nói mạch Trầm.

Thế là trọn hết bốn thế diễn tả trên chẳng qua chỉ là một cách nói khác của Xuân mạch Huyền, Hạ mạch Hồng, Thu mạch Phù, Đông mạch Trầm Thiệt. Tức là từ chìm sang nổi, từ nổi trở về chìm. Nhưng ta hãy lắng nghe cho kỹ trong ngôn từ diễn tả, nhất là hai câu "như loài trùng đóng kén sắp rút đi", "như loài trùng đóng kén bít cửa, như người học Đạo nhập thất", rồi ta mới thấy trong chỗ không lời luận giả muốn bảo: tất cả mọi hiện tượng đều động, tất cả thế động đều chỉ là lên lên xuống xuống ra ra vào vào, hết thảy đều mắc liền với thế vận hành của địa cầu trong Thái dương hệ cùng với vũ trụ bao la cùng nhịp nhàng rung chuyển, mà suốt con người tận tế bào cũng không thể khác hơn.

Ở địa cầu phần trong là phần nặng, phần chất, phần ba âm; phần ba tầng khí quyển bên ngoài tức là phần khí, phần ba dương. Vì thế mà khi vào trong con người, phần mạch là phần chất thuộc âm; phần thần khí, phần sắc diện thuộc về phần khí, phần dương. Vì thế có lần nói: "Mạch thuộc âm, quan hệ với mặt trăng; khí, sắc thuộc dương, quan hệ với mặt trời". Nên khi khám phá một con người dù là khám phá bệnh tật, ngoài việc sắc mạch ra còn phải biết đến trật tự bốn mùa. Mà trật tự bốn mùa hay sắc mạch, cũng không thể vượt ngoài phạm vi âm dương. Cho nên mới nói "muốn biết ở trong thì phải biết chẩn mạch, muốn biết ở ngoài thì phải biết trật tự của trời đất, âm dương, khí sắc. Bốn mùa âm dương là sáu điều kiện khuôn thước chánh cho phép chẩn mạch.

BÌNH

Nếu chẩn mạch mà trong lòng phải được rỗng rang thanh tịnh, thì mới được gọi là chẩn mạch có đạo lý. Thế nghĩa là tất cả những cuộc chẩn mạch mà lòng dạ người thầy thuốc không được rỗng rang thanh tịnh,

không vượt được ra ngoài phạm vi sắc tình danh lợi, thì đều bị liệt vào chẩn mạch vô đạo chẳng lựa là Đông hay Tây. Cuộc chẩn mạch đã vô đạo đến thế, thì sao được gọi là khám phá?! Sao được gọi là lương y?! Sao được gọi là trong phạm vi Y khoa?! Có thể nào một bát địa phàm phu không hiểu tí gì về việc phải trở lại điều chỉnh và khám phá chính con người của mình trước, cũng như chưa hiểu tí gì về nghĩa đồng nhất tương quan, về giá trị của **không là gì**, mà bỗng dưng làm ra rỗng rang thanh tịnh được không?! Tuyệt đối không thể được. Thế mới biết: Hết thảy những kẻ chưa hiểu gì hết về nghĩa *phải trở lại điều chỉnh khám phá chính con người của mình trước*, mà cố làm ra rỗng rang thanh tịnh thì đều là những kẻ giả bộ giả vờ.

Nếu một cuộc khám phá về con người mà phải thật là rỗng rang thanh tịnh dường ấy, vậy thử hỏi tất cả muôn vàn khám phá của toàn thế giới loài người phải làm sao đây? Có thể nào đá hất việc này qua một bên được không? Ví phỏng cứ đá hất việc này qua một bên, thì việc gì sẽ xảy ra? Ồ! Không thấy đó sao?! Nội một cuộc khám phá về nguyên tử học, chỉ bởi cái nhân không chánh mà hậu quả không thể lường! Thế mới biết: Chỉ một câu nói rất đơn sơ của luận giả, mà với người nhạy nghe nhạy hiểu, nghe rõ mồn một trong chỗ im lìm đang nổi sấm sét đánh vỡ tung những mặt nạ giả vờ giả bộ của toàn thế giới loài người chúng ta ngày nay, mà nhất là tất cả các hạng lang băm. Thế mới biết: Thứ sấm sét có tướng còn mong đỡ gạt, chớ thứ sấm sét vô hình làm sao đỡ nổi?! Kẻ nào có mặt nạ phải lẹ lẹ thu hồi.

Nếu tất cả những cuộc kiến thiết của loài người đều không bắt đầu bằng nền móng *phải trở lại điều chỉnh khám phá chính con người của mình trước*, thì danh từ người chẳng qua chỉ là một tên gọi khác của một giống thú vật kỳ lạ hung tàn tột bực đứng sau chót muôn thú mà thôi. Nếu tất cả đều phải bắt đầu bằng nền móng trở lại điều chỉnh khám phá con người của mình trước, thì sao có việc đời với Đạo, tôn giáo nọ với tôn giáo kia, đảng này với đảng khác, cường quốc với nhược tiểu… là hai?! Thế mới biết: Thêm một tiếng sấm sét nữa đánh vỡ tung các mặt nạ vĩ đại khắp hoàn cầu.

Trời ơi! Đọc sách cổ nhân mà đến chỗ lắng nghe được trong hư vô dường ấy, thì dẫu cho có nhảy múa khoa tay khoa chân, ngã lăn sùi bọt mép, khoái trá ngất người rồi chết luôn đi cũng chẳng hệ gì!

Nếu Xuân Huyền, Hạ Hồng, Thu Phù, Đông Trầm là bốn thể mạch trong con người lên xuống theo định luật bốn mùa âm dương, thì mùa Xuân gọi là phát trần, mùa Hạ gọi là phồn tú, mùa Thu gọi là dung bình, mùa Đông gọi là bế tàng ở thiên thứ hai, chẳng qua cũng là một cách nói khác của Xuân Huyền, Hạ Hồng, Thu Phù, Đông Trầm trong toàn cả vạn vật mà thôi. Mà nếu Xuân phát trần, Hạ phồn tú, Thu dung bình, Đông bế tàng là cái phải như thế trong vạn vật, thì sao Xuân đến lòng ta phải mới, Hạ đến lòng ta phải to, Thu về lòng ta phải ngừng dứt các duyên, Đông sang ta phải soi trở vào trong, lại không phải là cái phải như thế của trong lòng người?!

Nếu một năm cũng như một tháng, một tháng cũng như một ngày, một ngày cũng như một giờ, một giờ cũng như một phút, một phút cũng như một giây, một giây cũng như **không là gì**; tính đảo ngược lại cũng thế;

Nếu một người cũng như một tế bào, một tế bào cũng như một nguyên tử, một nguyên tử cũng như một siêu nguyên tử, một siêu nguyên tử cũng như **không là gì**, **không là gì** cũng như một người;

Thì dẫu cho một năm hay một sát na, hay **không là gì**, hoặc một người, hay một siêu nguyên tử, cho đến cả **không là gì**, lại há không có lúc nào là lúc không đầy đủ vừa phát trần, vừa phồn tú, vừa dung bình, vừa bế tàng được sao?!

Đã là hằng phát trần, hằng phồn tú, hằng dung bình, hằng bế tàng, tức là một cách nói khác của nghĩa "sum la sầm uất luôn luôn mới, vạn tượng li chi đổi đổi dời". Vũ trụ đã thế, trời đất đã thế, vạn vật đã thế; thế sao con người chúng ta lại có thể trốn tránh cái vừa mới, vừa to, vừa đồng nhất, vừa **không là gì**, để đến nỗi phải mang cả cái thân tâm cũ mèm vạn kiếp, hầu lãnh lấy tất cả những đau khổ muôn trùng?! Như thế há chẳng đủ để cho chúng ta cực kỳ xấu hổ, bứt đầu bứt tóc, cào cấu cú dọi, đấm ngực la vang để mà lăn cù tức tối với cái u mê dại dột đó sao? Ôi! Hỡi người!

Thật ra thì ngôn ngữ văn tự chỉ là một thứ dụng cụ bất toàn, cho nên nếu người nghe không được ý quên lời, thì dẫu cho có nghe nhiều cũng chẳng qua là một thứ vô ích.

Luận giả bảo: Việc chẩn mạch khám phá một con người không thể lìa âm dương. Vậy thử hỏi có việc làm nào là việc làm trốn tránh được bốn mùa âm dương? Thế mới biết: Điều luận giả nói đây chỉ là phương tiện. Ta chẳng từng nghe thánh hiền nói sao, bất cứ một việc làm nào cũng đều phải có đủ ba đều kiện: mùa màng, thời tiết; địa lý, địa thế và lòng người. Nếu không hội đủ ba điều kiện này, thì vị tất đã không thất bại! Thế mới biết: Nói không thể lìa âm dương bốn mùa, chẳng qua cũng chỉ mới nói một phần nào trong những điều kiện thiên văn, địa lý, nhân sự mà thôi. Thế mới biết: Dù sĩ nông công thương, dù nghề văn nghiệp võ, dù triết học Y khoa, dù kỹ nghệ khoa học; nếu kẻ nào coi thường điều kiện bốn mùa âm dương, thì vị tất cái biết của kẻ ấy là thật biết. Có ai biết đâu, dẫu đến việc trở vào điều chỉnh chính con người của mình trước để trả cho mình trở về với cái **không là gì** vốn có chăng nữa, chẳng qua cũng chỉ là một cách buông mình để cho đừng chỏi ngược với bốn mùa trật tự âm dương trong cái thế đồng nhất tương quan mà thôi vậy. Thế mới biết: Trong cái thế nhất quán, hễ là thông đạt thì dẫu cho chỉ là một hạt bụi cũng vẫn là thông đạt, là nhất quán, là muôn trùng, là bao la; nếu chưa phải là thông đạt thì dẫu cho có tất cả, cũng chẳng qua chỉ là nghèo nàn, từng cục từng khối tản mác chi li trong cái thế u mê đui tối mà thôi. Kinh Lăng nghiêm có câu: "Nếu bị vật chuyển tức là chúng sanh, nếu chuyển được vật tức là to nhất" là nghĩa đây vậy.

ĐOẠN 11

PHIÊN ÂM

Tâm mạch bác kiên nhi trường, đương bệnh thiệt quyện bất năng ngôn. Kỳ nhuyến nhi tán giả, đương tiêu khát hoàn tự dĩ.

Phế mạch bác kiên nhi trường, đương bệnh thoá huyết. Kỳ nhuyến nhi tán giả, đương bệnh quán hạn, chí kim bất phục phát tán dã.

Can mạch bác kiên nhi trường, sắc bất thanh, đương bệnh truỵ nhược bát, nhân huyết tại hiếp hạ, lịnh nhơn suyễn nghịch. Kỳ nhuyến nhi tán sắc trạch giả, đương bệnh dật ẩm. Dật ẩm giả, khát bạo đa ẩm nhi dịch nhập

cơ bì trường vị chi ngoại dã.

Vị mạch bác kiên nhi trường, kỳ sắc xích, đương bệnh chiết bệ. Kỳ nhuyến nhi tán giả, đương bệnh thực tê.

Tỳ mạch bác kiên nhi trường, kỳ sắc huỳnh, đương bệnh thiểu khí. Kỳ nhuyến nhi tán, sắc bất trạch giả, đương bệnh túc hành thủng nhược thủy trạng dã.

Thận mạch bác kiên nhi trường, kỳ sắc huỳnh nhi xích giả, đương bệnh chiết yêu. Kỳ nhuyến nhi tán giả, đương bệnh thiểu huyết, chí kim bất phục dã.

DỊCH

Nếu mạch Tim động (giật dội) cứng mà trường, tức là có chứng lưỡi đỏ không nói được. Nếu mạch mềm mà tán, là phải chứng khát nước đã uống nhiều, chỉ qua một ngày một đêm là tự khỏi.

Nếu mạch Phổi động (giật dội) cứng mà trường, là phải chứng nhổ ra có máu. Nếu mạch mềm mà tán, là phải chứng mồ hôi nhiều quá đã lâu rồi, giờ đây dẫu muốn phát tán cũng không thể được.

Nếu mạch Gan động (giật dội) cứng mà trường, sắc mặt không xanh, là trường hợp bị té hoặc bị đánh, ở dưới hông sườn có máu chết đọng lại, làm cho con người phải suyễn nghịch. Nếu mạch mềm mà tán, khí sắc bóng láng, là phải chứng dật ẩm; dật ẩm nghĩa là khi khát nước quá uống táo bạo, làm cho nước ngấm vào da thịt là ngưng đọng ở phía ngoài trường vị.

Nếu mạch Vị động (giật dội) cứng mà trường, sắc mặt đỏ, là phải chứng chột khớp đùi trên giáp với xương chậu. Nếu mạch mềm mà tán là bệnh thực tê.

Nếu mạch Tỳ động (giật dội) cứng mà trường, sắc mặt

vàng mét, là phải chứng thiếu khí. Nếu mạch mềm mà tán, sắc mặt không bóng láng, thì có chứng sưng ở xương ống chân tựa hồ như bệnh thũng nước.

Nếu mạch Thận động (giật dội) cứng mà trường, sắc mặt vàng đỏ, là phải chứng trẹo thắt lưng. Nếu mạch mềm mà tán, là đã phải chứng thiếu huyết lâu rồi, đến bây giờ vẫn chưa hồi phục.

GIẢI

Đoạn này vẫn là nối tiếp với đoạn trên để nói về mạch; nhưng cũng là bắt đầu trả lời với nhà Vua về nghĩa chỗ bệnh hiện, vì thế mà nhuộm một màu sắc mạch chứng, mạch nào chứng nấy. Nhưng đã là mạch nào chứng nấy, như thế chỉ là bàn qua về tướng quả của chứng và mạch, chớ chưa phải là đề cập đến nguyên nhân. Mà mỗi một tướng quả đều có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau. Mà đã có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau, tất có thông lệ và ngoại lệ. Đã có thể có thông lệ và ngoại lệ, thì việc dựa vào một nguyên nhân nào để giải thích thì cũng có thể đúng và cũng có thể vị tất đã đúng. Thế thì nguyên tắc tìm cách giải cho thỏa mãn để được gọi là phù hợp với ý chỉ của chánh văn, thì sợ e hóa ra tỉa bớt ngón chân cho vừa chiếc giày, chớ không phải còn là nghệ thuật đo chân mà đóng giày nữa. Cho nên theo chúng tôi thì dù có giải thông chăng nữa, cũng nên coi đó chỉ là phương tiện tạm bợ, để còn đón chờ thời gian giáp mặt với sự thật, thì tinh thần học của chúng ta mới mong khỏi bị méo mó. Vì thế mà tất cả lời giải của chúng tôi trong đoạn này phải nhìn bằng con mắt như thế mới có giá trị.

Muốn hiểu đoạn này cho đúng nghĩa sâu sắc của nó, để khỏi mắc phải cái bệnh từng khối từng cục riêng biệt của Tây phương và bệnh lạc hướng "đường tẻ mất dê" như Trang Sinh đã chế nhạo, thì hãy đừng quên nguyên tắc chính như sau đây: Bất cứ một tạng phủ nào cũng đều có đủ cơ cấu của 5 tạng 5 hành. Thế là mỗi nơi đều có đủ khả năng tương sanh tương khắc của 5 hành; và xác thân bên ngoài hợp với nội tạng bên trong mỗi mỗi đều có chỗ hợp, như Tim hợp với mạch, Gan hợp với gân… như bao nhiêu thiên qua đã có đề cập kỹ lưỡng.

Nhìn kỹ tạng Tim ta thấy có mạch động, mạch tĩnh. Ống mạch,

Bọc tim với máu đen thuộc Gan, thuộc Mộc; máu đỏ thuộc Tim, thuộc Hỏa; thành phần da của Tim thuộc Kim, thuộc Phổi; thịt Tim thuộc Thổ, thuộc Tỳ; mạch máu trắng vào trong Tim thuộc Thủy, thuộc Thận. Lưỡi là khiếu của Tim. Tạng Gan là hệ thống trên của Tim, tạng Tỳ là hệ thống dưới của Tim, tạng Thận là thế khắc Tim, tạng Phổi là thế chịu Tim khắc. Hễ Tim bệnh thì trọn cả bộ tuần hoàn đều bệnh, bộ tuần hoàn bệnh thì Tim bệnh.

Nói "mạch Tim" nghĩa là nói vị trí tả Thốn. Nói "động cứng mà trường", tức là nói Huyền trường động (giật dội) mà đè vào thấy cứng. "Cứng" nghĩa là thuộc về phần máu trắng, thuộc Thận, thuộc Thủy. Vì sao thế? Vì thuộc về loại thiệt. "Huyền trường" là thuộc về Gan, thuộc Mộc, thuộc gân. "Động" nghĩa là thiếu mềm dẻo, ngột ngạt. Thế là Huyền trường, động cứng là một sự hợp tác của máu trắng và gân cấu kết lại mà sanh ra.

Đúng theo nghĩa mạch này, nếu cả sáu bộ đều như thế, mà nhất là tả Thốn, tức là hiện tượng ống động mạch biến cứng, mất sự co giãn mềm dẻo, do tuần hoàn máu trắng của Thận mất bình thường, chất bổ từ bể họng xôi lên tuần hoàn máu đỏ bị một duyên cớ nào đó từ hệ thống tạng Gan đưa lên Tim, hai thế hợp nhau làm cho sự hòa hợp của máu không hòa được để kết thành hiện tượng Huyền trường, động, cứng. Thế nghĩa là tạng Gan và Bọc tim đã có sự kết cứng đình trệ khó lưu thông, mà sách Thọ Thế Bảo Nguyên gọi là "chuẩn bị trúng phong". Nghĩa là nếu gặp một cơn kích động hoặc bởi sanh hoạt, thức ăn, hoặc bởi tâm lý, hoặc do gió của khí hậu là tức khắc bước sang giai đoạn trúng phong; thế là có một bộ phận nào đó bị bại, mà người nay gọi là bệnh máu lên hay bệnh áp huyết cao, và người ta nhận thấy trong ống máu xuất hiện nhiều chất vôi, trong nước tiểu xuất hiện nhiều chất lòng trắng trứng. Còn người xưa thì gọi là bán thân bất toại. Do đó mà có thể nghi rằng: Đây là một trường hợp hậu quả của bệnh cứng động mạch gốc rễ từ Gan và Thận lên Tim, bước sang một giai đoạn một tia máu trên óc vùng chỉ huy thần kinh động tác bị căng thẳng hoặc vỡ trúng vùng óc thuộc bộ phận thần kinh điều động cuống lưỡi làm cho bị đè tê liệt, nên lưỡi đớ không nói được không biết chừng!

Hay hoặc nếu chỉ ở phần tả Thốn có hiện tượng mạch như thế, vì một chứng bệnh riêng biệt nào đó của tạng Tim cũng không biết chừng, điều đó có giáp mặt mới có thể khẳng định.

Mềm nghĩa là ngược lại với cứng, là bở. Tán là tan, là ngược lại với tụ. Nghĩa là không săn mà quá lơi. Săn là Huyền, quá săn là Khẩn; ngược lại với Huyền là Hưỡn, quá Hưỡn là tán.

Khi tạng Tim bị ảnh hưởng về nước nhiều quá, thì ở vị trí tả Thốn sẽ có hiện tượng mạch mềm mà tán.

Nói "tả Thốn mềm mà tán là phải chứng tiêu khát", tức là nói: Khi thấy mạch tả Thốn mềm mà tán là hậu quả của chứng khát nước uống nhiều quá mà có ra. Thế mà bảo rằng: "qua một ngày một đêm là tự khỏi", thì biết đâu đây không phải là hiện tượng tạm thời do uống nước mà ra? Vậy nên cũng chỉ để chờ xem. Thế là đã qua hai trường hợp ngược nhau ở vị trí tả Thốn.

Nói "Mạch Phổi động (giật dội) cứng mà trường", tức là nói vị trí hữu Thốn Huyền trường mà cứng. Vậy cái gì cứng? Tại sao cứng? Tại sao động? Như bao nhiêu tạng khác, tạng Phổi vẫn đủ 5 hành 5 tạng, vẫn đủ khả năng sanh khắc của 5 hành, bên ngoài vẫn hợp với da lông. Tế bào da của Phổi thuộc Phổi, thuộc Kim; tế bào thịt của Phổi thuộc Tỳ, Thổ; tế bào sụn, gân của ống Phổi thuộc Gan, Mộc; mạch máu ở Phổi thuộc Tim, Hỏa; hệ thống máu trắng ở Phổi thuộc Thận, Thủy. Tỳ là hệ thống trên Phổi, Thận là hệ thống dưới của Phổi, Tim là tạng khắc Phổi, Gan là tạng chịu Phổi khắc. Thế của Phổi bộng xốp mềm mịn, co giãn dẻo dai. Ống phổi có nhiều ngấn ngang để điều chỉnh sự co giãn lên xuống. Những lỗ trong Phổi là những nơi chầu về vô số vi ti quản động mạch máu đen nối liền với tĩnh mạch máu đỏ, ngoài ra còn vô số mạch máu trắng với thần kinh âm dương của Phổi. Khi bình thường sự co giãn của tế bào tạng Phổi thường theo khí hậu mùa màng. Do đó mà vị trí mạch hữu Thốn lúc bình thường chỉ theo mùa màng mà nhận ra được sự biến dạng một cách rất tế nhị mà thôi. Nhờ thế mà biết được khi vị trí hữu Thốn mạch Huyền trường động cứng, tức là bóng dọi của phần tổ chức thuộc loại tế bào gân sụn và tế bào máu trắng trong Phổi bị một duyên do gì làm ra có chỗ kết cứng mất sự co giãn mềm dẻo bình thường, để phần vi ti quản máu đỏ hoặc máu đen trong đó không co giãn được theo nhịp điệu chung của toàn thể buồng Phổi mà nứt bể theo nước bọt nhổ ra.

Tạng Phổi là tạng thuộc phần khí; khi toàn cả tổ chức tạng Phổi mất sức co giãn, tức là cả phần âm dương trong Phổi cũng như tổ chức

mặt da đều đã từng bị những cơn toát mồ hôi quá lắm bởi một nguyên do nào, làm cho cả khí âm lẫn khí dương đều bị xì bẹp. Đến khi thấy hiện mạch mềm mà tán vẫn chưa hồi phục, dẫu cần dùng một cơn đổ mồ hôi cũng không thể làm được. Cho nên mới nói "nếu mạch Phồi động cứng mà trường, là phải chứng nhổ ra có máu. Nếu mạch mềm mà tán, là phải chứng mồ hôi nhiều quá đã lâu rồi, giờ đây dẫu muốn phát tán cũng không thể được". Thế là đã qua hai trường hợp ngược nhau ở vị trí hữu Thốn.

Nói "mạch Gan" tức là nói tả Quan. "Huyền trường" là bản sắc của vị trí tả Quan của Gan thuộc Mộc, thuộc Gân, thuộc về hoạt động. Động (giật dội) là ngột ngạt; cứng nghĩa là ngưng kết. Xanh là khí sắc của Gan. Cũng như bao nhiêu tạng khác, Gan vẫn đủ cơ cấu của 5 tạng, vẫn đủ khả năng tương sanh tương khắc của 5 hành. Hệ thống trên của Gan là Thận Thủy, hệ thống dưới của Gan là Tâm Hỏa, tạng chế ngự Gan là Phế Kim, tạng bị Gan chế ngự là Tỳ Thổ. Cuống Gan bên trái, thân Gan nằm bên phải; cũng như cuống Tỳ bên phải, thân Tỳ lệch bên trái để làm thành thế tương giao quân bình. Chỉ phần tạng Gan cũng đủ cả da, thịt, gân, mạch và máu trắng. Tạng Gan vốn là tạng súc tích máu đen để chế ra Mật.

Tạng Tỳ tuy có hai phần, nhưng phần Tỳ âm mới là chính thật của Tỳ, lại lệch về chính giữa thuộc về trung châu, còn phần Tỳ dương lệch bên trái cũng như Gan lệch bên phải chẳng qua đều là cơ cấu tác dụng của Gan. Do đó mà hai bên hông sườn đều là vùng vị trí của Gan, nhưng lệch về bên trái.

Khi tạng Gan có một cuộc ngưng đọng không lưu thông hoặc bởi một nguyên nhân bệnh tật từ trong hay bởi một sự xâm lấn do một nguyên nhân nào bên ngoài, làm cho sự hoạt động của tạng Gan bị ngột ngạt đình trệ mới có hiện ra mạch ở tả Quan Huyền trường động cứng. Nhưng làm sao phân biệt được là nguyên nhân từ ngoài hay từ trong? Do đó mà luận giả mới biện bạch: Nếu do bệnh tật từ trong làm ra, tất trên mặt phải hiện khí sắc xanh của Gan và vùng hông sườn không bị chướng ngại, nên người bệnh không hiện triệu chứng thở suyễn khí nghịch. Trái lại, nếu sắc mặt không xanh, kèm theo triệu chứng thở suyễn khí nghịch, tức là người đó đã hoặc bị đánh hoặc bị té, vùng hông sườn có máu chết ngưng đọng nên chướng ngại cho hệ thống hơi thở. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn nói: Mạch tượng ngột ngạt của Gan đây,

nếu là do bệnh tật bên trong, tức là nguồn bệnh có phần máu trắng của Thận và Phổi, Thủy và Kim dự vào, nên mới có khí sắc; còn không như thế, tức là chỉ do vòng tuần hoàn bị trở ngại bởi bị đánh bị té mà vùng của Gan bị xâm phạm, mạch máu dập, máu chết ngưng đọng mà gây nên.

Ngược lại khi khí hóa thấp của Tỳ âm bởi một duyên cớ nào làm tăng lên cao quá, thí dụ như trường hợp tập quán uống nước quá nhiều, thì khí ẩm ướt đó sẽ tràn ngập sang Gan làm hiện ra mạch ở tả Quan vừa mềm vừa tán. Nếu thêm khí sắc ở mặt bóng láng, thì quả là trường hợp uống nước quá nhiều, không những nước xâm chiếm vào Gan, mà còn ngấm vào da thịt và phía ngoài Trường vị nữa. Thế là một hiện tượng Thổ lấn Mộc. Người đó Mật sẽ dợt đi, mí mắt sẽ đầy húp. Nên mới nói "nếu mạch mềm mà tán, khí sắc bóng láng…". Thế là đã qua hai trường hợp ngược nhau ở vị trí của tả Quan.

Vị là phủ, Tỳ là tạng. Cả hai đều thuộc Thổ, coi về khí Thổ. Nhưng tạng Tỳ là Thấp Thổ, âm Thổ; Vị làTáo Thổ, là dương Thổ. Cả hai đều ứng ở ngôi hữu Quan; do đó mà phần nổi, phần ở ngoài là để nghiệm Vị; phần chìm, phần trong là để nghiệm Tỳ.

Nay nói mạch Vị động (giật dội) cứng mà trường, tức là từ phần trung lên đến phần phù lệch ra phía ngoài hữu Quan thấy có mạch Huyền trường động cứng. Lại thêm khí sắc hiện mặt đỏ, tức là bệnh thuộc phủ thuộc kinh. Nghĩa là khí thế của Túc Dương minh bị khí thế tạng Tim và tạng Gan lấn, làm cho vùng khớp xương đùi giáp với xương chậu theo luồng năng lực của Túc Dương minh khởi lên phản ứng có triệu chứng trẹo đùi.

Ngược lại, nếu thấy hiện tượng mềm mà tán là khí thế của Vị dương bị âm thấp hóa lấn thái quá, làm cho mỗi khi ăn vào là thấy bụng đau khó chịu gọi là chứng thực tê. Nên mới nói "Nếu mạch Vị động cứng mà trường, sắc mặt đỏ, là phải chứng chột khớp đùi trên giáp với xương chậu. Nếu mạch mềm mà tán là bệnh thực tê".

Hệ thống trên của tạng Tỳ là tạng Tim và Thận dương, hệ thống dưới của tạng Tỳ là tạng Phổi, chế ngự tạng Tỳ là Gan, chịu tạng Tỳ chế ngự là Thận âm. Màu vàng là màu Tỳ Thổ. Xương ống chân thuộc Thận, phía trong thuộc về ba kinh âm. Tĩnh mạch cửa của Gan phần dưới mắc

liền vào Ruột già và Ruột cùn, phần trên mắc liền vào tạng Tỳ. Nên khi hữu Quan từ phần trung trở xuống trầm thấy có hiện tượng Huyền trường động cứng, mà trên mặt hiện khí sắc vàng mét. Thế là hiện tượng tạng Gan lấn tạng Tỳ, làm cho thế khí hóa ở tạng Tỳ bị sa sút đi và hệ thống tiếp dưỡng từ tạng Tỳ lên tạng Phổi cũng theo đó mà bị sa sút.

Ngược lại, nếu mềm mà tán, thì chỉ là khí hóa thấp hơi thạnh thôi. Vì khí hóa thấp ấy chưa phải là sự đình trệ của nước, nên sắc mặt không hiện bóng láng. Và khí hóa thấp ấy lấn vào Thận, chìm xuống phần hai chân, làm cho vùng xương ống chân nếu bấm vào sẽ thấy hơi lún, tựa hồ như đã có nước ngưng đọng nhưng chưa phải đến thế. Cho nên mới nói "Nếu mạch Tỳ động cứng mà trường, sắc mặt vàng mét, là phải chứng thiếu khí. Nếu mạch mềm mà tán, sắc mặt không bóng láng, thì có chứng sưng ống chân tựa hồ như bệnh thũng nước". Thế là đã qua hai trường hợp ngược nhau ở vị trí hữu Quan.

Tạng Thận có hai phần: phần Thận dương và Thận âm. Phần Thận dương cũng chia ra làm hai phần: phần tan trong dầu thuộc tinh hoa của máu trắng, phần tan trong nước thuộc tinh hoa của máu đỏ.

Cũng như bao nhiêu tạng khác, tạng Thận vẫn có đủ 5 tạng 5 hành và khả năng tương sanh tương khắc, cũng đủ da, thịt, mạch, gân và máu trắng, bên ngoài vẫn hợp với xương và tuần hoàn máu trắng; ngoài ra còn là tạng nòng cốt để cấu tạo ra bộ thần kinh. Tuần hoàn máu trắng tuy là tuần hoàn của Thận, nhưng ta nên nhớ khi đến một nơi nào nó đều có một cách biến hóa tùy theo nơi ấy. Cho nên tuy cốt cách nó thuộc Thận, nhưng nó cũng chính là thành phần Thận đi vào các tạng, mọi nơi. Cũng như toàn bộ thần kinh với tủy và óc đều là cơ cấu lấy tạng Thận làm tạng trọng tâm, nhưng mỗi vùng trong óc với mỗi phần hệ thống thần kinh cũng đều tùy theo bộ phận trực thuộc của nó mà có tác dụng khác nhau. Thế là toàn bộ thần kinh, tủy, óc, xương và tuần hoàn máu trắng đều là những thành phần quan hệ mật thiết với tạng Thận.

Hệ thống trên của tạng Thận là Phổi, hệ thống dưới của Thận là Gan, tạng chế ngự nó là Tỳ Thổ, tạng chịu nó chế ngự là Tim.

Phần tan trong dầu của Thận dương theo luồng năng lực của tuần hoàn máu trắng liên lạc lên khắp cơ cấu của Tỳ, mà đi lên bủa khắp cơ

cấu của Phổi. Phần tan trong nước của Thận dương theo luồng năng lực của tuần hoàn máu đỏ liên lạc lên khắp cơ cấu của Gan, mà đi lên bủa khắp cơ cấu của Tim. Nghĩa là năng lực của Thận dương cả phần tan trong dầu lẫn phần tan trong nước từ bên dưới bốc lên đến tận cùng bên trên, tuy đôi bên đều bốc lên như nhau, nhưng chủ động là ở bên trái; khi đi xuống, tuy cả hai đều như nhau, nhưng sự thực thì phần chủ động lệch hẳn về bên phải. Bên trái thì chất tan trong nước làm chủ, bên phải thì chất tan trong dầu làm chủ.

Như đã nhiều lần nhắc đến, hình thức tuần hoàn máu trắng là hình thức mạch tĩnh xuyên qua vô số hạch, nên có tướng kết thành từng đốt. Và phần đi kèm sát hai bên phía trước xương sống đều dính liền với hệ thống bắp thịt mét của hai bên, phần này trước kia có chỗ gọi là Phục xung.

Nếu chỉ nhìn vào ba thành phần chánh của Thận mà nói, thì phần tan trong dầu của Thận dương là thuộc Thổ, phần tan trong nước là thuộc Hỏa, phần Thận âm là thuộc Thủy.

Nguyên động lực của tuần hoàn máu trắng đã là hô hấp, vì thế mà có cái thế Kim Thủy tương sanh. Phần tan trong nước của Thận dương phải thông qua Gan rồi mới lên Tim; nên Thận đối với Gan là thế tương sanh, cũng như Phổi đối với Thận. Thế thì vòng thâu thập kết đúc tinh hoa khởi từ cuối mùa Đông lệch về phía Thận trái, rồi sang Xuân mà lên Gan, sang Hạ lên Tim, Trường hạ vào Tỳ, đến Thu sang Phổi, rồi đến Đông trở về Thận phải, để cuối Đông lại sang qua Thận trái mà đi lên. Thế là đến đây ta đã thấy được nghĩa Thận Thủy sanh Can Mộc, Can Mộc sanh Tâm Hỏa, Tâm Hỏa vào Thận dương sanh Tỳ Thổ, Tỳ Thổ sanh Phế Kim, Phế Kim sanh Thận Thủy và tại sao Thận chế ngự Tim, Tỳ chế ngự Thận.

Mạch Thận nghĩa là hai bộ Xích; màu vàng là màu của tạng Tỳ, đỏ là màu của Tim. Nay phải triệu chứng trẹo thắt lưng (khum xuống dễ mà đứng thẳng ểnh ra sau khó), sắc mặt vàng đỏ mà mạch lại Huyền trường động (giật dội) cứng. Như thế nghĩa là sao? Tức là tổ chức hệ thống máu trắng ở phía trước hai bên xương sống bị Hỏa Thổ hóa từ tạng Tim tạng Tỳ đưa xuống, làm cho hệ thống bắp thịt mét cũng như hệ thống hạch máu trắng và phần tan trong dầu của Thận dương bị kết cứng, thắt lưng do đó mà cúi dễ ngửa khó. Cho nên mới nói "Nếu mạch Thận động cứng

mà trường, sắc mặt vàng đỏ, là phải chứng trẹo thắt lưng". Như thế ta có thể dùng ngôn ngữ của đời này mà diễn tả, tức là Thận dương phải chứng hoạt động thừa nên mạch hiện ra thái quá.

Ngược lại nếu mạch hai bộ Xích mềm quá, tán quá, nghĩa là quá hư. Thế là phần Thận dương phải chứng hoạt động thiếu, chất tan trong nước của Thận dương không đủ để cho năng lực căng cứng của ống mạch được bình thường, phần tan trong dầu không đủ để cho ống mạch nở to, nhịp đập của Tim không đủ, cơ năng hóa đỏ của máu xuống thấp dưới bình thường, nên mới có hiện ra mạch như thế. Vì thế mới nói "nếu mạch mềm mà tán là phải chứng thiếu huyết". Thế là đã qua hai trường hợp ngược nhau ở vị trí hai bộ Xích.

HÌNH 17.6: HỘI Ý NĂNG LỰC CỦA MỖI TẠNG ẢNH HƯỞNG LẪN NHAU THÀNH THẾ TƯƠNG SANH TƯƠNG KHẮC

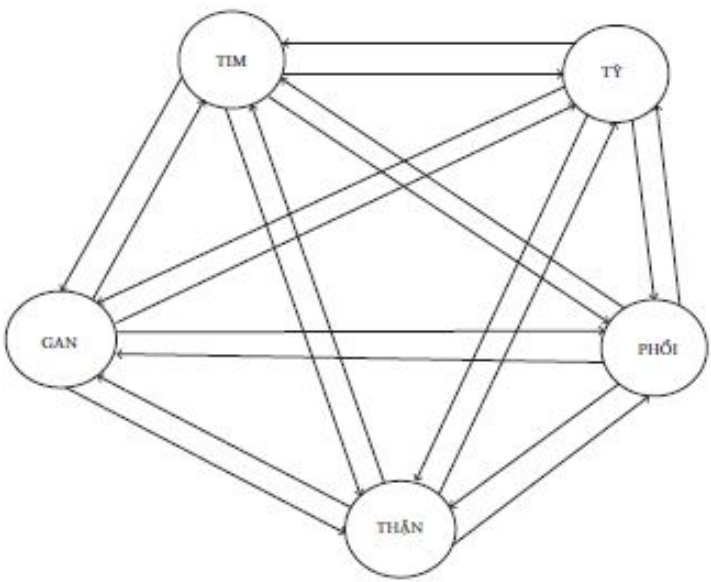

Thế là suốt cả sáu tiết của đoạn này chỉ bàn qua về tướng quả của hai trường hợp thiệt và hư trong mỗi vị trí mạch mà thôi. Nhưng vẫn không lìa tay thước âm dương bốn mùa 5 hành tương sanh tương khắc, trong ngoài hợp nhau bắt nguồn suốt tận tự thiên thứ 5. Nếu ta chỉ nhìn

tại chỗ và đóng khung cứng vào thế ngôn ngữ văn tự, thì chẳng khác nào bọn mù rờ voi, trật tuy không trật nhưng trúng vẫn chưa trúng.

BÌNH

Có một tòa đại cổ thọ trỗi dậy từ cánh đồng "không là gì" đã trải qua năm, sáu ngàn năm rồi, cao đến ngất trời không ai thấy tàng của nó. Đàng xa nhìn vào chỉ thấy sừng sững một bóng hiên ngang hùng vĩ. Khi đến gần sát một bên, thì lại thấy cành nó ngoằn ngoèo, cội cây gồ ghề, da cây xù xì xấu xí, rễ nó lượn sóng u nần quăn queo chằng chịt, không biết lõi của nó ra sao. Thợ rừng bảo: rễ nó ăn sâu xuống tận đáy bể. Có người mang rìu búa đến đẵn hai ba nhát thử xem, bỗng rìu búa nhoáng lửa le lưỡi, người đẵn đổ hào quang!

Tòa cổ thọ ấy là gì? Là NỘI KINH đó! Chỗ xù xì xấu xí nhất là ở đâu? Là đoạn này vậy.

Có một phú ông nọ trẩy kinh mua được một bức danh họa, mang về treo lên để trang trí. Nhưng tiếc thay! Phú ông vốn không biết thưởng thức danh hoạ, chỉ biết thích thú theo màu mè. Thấy chỗ nào xanh lơ, đỏ ối, vàng hực thì ông ta tấm tắc khen ngợi; đến những nơi có màu tím màu thâm, vẽ hang vẽ hóc thì ông ta lại bĩu môi tiếc rẻ. Thế rồi một hôm phú ông hạ lịnh cho gia đinh khuân tranh xuống, dùng dao đục đục bỏ những nơi có màu thẫm tím, có những hang hóc xấu xí. Đục xong, phú ông yên trí ra lệnh treo lên. Đến đó phú ông mới bỗng dưng hoảng hốt hay ra bức danh họa đã hỏng.

Phú ông ấy là ai đó? Là những kẻ đọc đoạn này mà cho là không phải Đạo, sanh chán đó!

Có một lão nhà quê nọ rất hiếm con, và rất thích con trai. Có một anh chàng láng giềng mới sanh được một trai mới ba bốn tháng rất khảu khỉnh. Hàng xóm ai cũng thích đến bẹo nựng trò đùa. Anh ta cũng sang bẹo nựng trò đùa, một hôm anh ta nựng nịu chỗ hiểm của đứa bé và nói: "Tôi chỉ thích chỗ này". Khi anh ta nói thế, không may vị thần giữ sổ ước nguyện nghe được. Đến lúc vận hội phải cho anh ta có con trai, thần giữ sổ ước nguyện bèn ghi cho anh ta sẽ sanh một trai mà khắp mình đều có chỗ hiểm. Đến khi sanh ra, anh ta thấy con mình dị tướng không giống

con ai hết, rồi khổ sở ngồi khóc nức nở trông rất thảm thiết.

Lão nhà quê ấy là ai đó? Là những kẻ đọc NỘI KINH chỉ biết có phần chuyên môn đó!

ĐOẠN 12

PHIÊN ÂM

Đế viết: Chẩn đắc tâm mạch nhi cấp, thử vi hà bệnh? Bệnh hình hà như?

Kỳ Bá viết: Bệnh danh tâm sán, thiểu phúc đương hữu hình dã.

Đế viết: Hà dĩ ngôn chi?

Kỳ Bá viết: Tâm vi mẫu tạng, tiểu trường vi chi sứ, cố viết thiểu phúc đương hữu hình dã.

Đế viết: Chẩn đắc vị mạch hư thiệt, bệnh hình hà như?

Kỳ Bá viết: Vị mạch thiệt tắc trướng, hư tắc tiết.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Nếu chẩn gặp mạch Tim đi gấp, thế là bệnh gì? Triệu chứng thế nào?

Kỳ Bá thưa: Đó là bệnh tâm sán, phải coi chừng ở dạ dưới có kết khối thành hình.

Huỳnh đế hỏi: Căn cứ vào đâu mà nói thế?

Kỳ Bá thưa: Bởi vì Tim là tạng rất dương, Ruột non là

phủ; do đó nên mới đoán dưới dạ dưới có kết khối.

Huỳnh đế hỏi: Khi chẩn gặp mạch Vị hoặc hư hoặc thiệt, bệnh chứng thế nào?

Kỳ Bá thưa: Nếu mạch Vị thiệt là có triệu chứng trướng, hư là có triệu chứng đi tả.

GIẢI

Đoạn này vẫn là nối tiếp với đoạn trên, để tiếp ý mạch nào chứng nấy. Nhưng chỉ khác ở điểm không nói Huyền trường động (giật dội) cứng, mà chỉ nói gấp, nói hư thiệt.

Trọn cả đoạn chỉ vỏn vẹn có ba tiết: hai tiết nói về vị trí mạch Tim, một tiết nói về vị trí mạch Vị. Nếu ta nhìn kỹ cách thức sắp xếp hệ thống sáu tiết của đoạn trên, thì ta không thể nào không nghi rằng đoạn này còn thiếu những tiết nói về Phổi, Gan, Tỳ, Thận nữa; do đó mà nơi đây ta không thể không đánh một dấu ngoặc to lớn (?), và hết đoạn này tức là hết phần đáp về chỗ bệnh hiện.

Chữ "gấp" ở đây dịch từ chữ "cấp". Chữ "cấp" đúng nghĩa của nó là vội vã, gồng thắt chớ không như Huyền trường động cứng; cho nên cũng có bao hàm nghĩa mau, nhưng không phải chỉ mau mà thôi. Nay nhà Vua hỏi về mạch Tim đi gấp, tức là muốn hỏi vị trí tả Thốn tượng mạch hiện gồng thắt mà mau.

"Sán" nghĩa là nổi gò, gồng thắt, hoặc có cơn đau hoặc không cơn đau. Căn cứ vào hình thế và vị trí của mạch nhà Vua hỏi, luận giả đáp ngay đó là bệnh tâm sán… mà không nói đến duyên do. Nên nhà Vua mới gặng lại rằng: Căn cứ vào đâu mà nói thế.

Tột bực dương của Tim nghĩa là Thái dương ở trong dương, là mặt trời trong thân, là tạng của Ruột non, là nơi xuất phát của bộ tuần hoàn, là ông vua của 5 tạng. Ngôi của nó ở trên, lệch về phía trước bên trái. Luồng năng lực của nó tụ tập nhiều nhất là ở vùng Ruột non, để làm động cơ cho sự tiếp dưỡng, cho nên Ruột non là phủ của nó.

Đúng lý ra tất cả những bệnh tật từ khí hậu bên ngoài lấn vào tạng Tim chỉ đến Bọc Tim là cùng cực; nếu bệnh lọt được vào trong, trừ khi nào có sẵn một nền móng nội thương để cho bệnh bên ngoài nương nơi đó mà xâm phạm vào, thì sẽ chết liền tức khắc. Nếu không như thế, đều là bọc Tim thọ lãnh đảm nhiệm tất cả. Vì thế nên khí tà lấn vào tạng không được phải trở về phủ. Đây là một nguyên tắc.

Khi máu từ trong Tim phát ra theo mạch Nhiệm phân phát đi các nơi, mạch Nhiệm theo lằn giữa thân đi xuống đến Ruột non, lại tủa ra tụ tập ở Ruột non để làm động cơ thâu hút và lưu thông. Đây là một nguyên tắc.

Nay mạch tả Thốn hiện ra hiện tượng nôn gấp, tức là ở vùng Ruột non có một thế chướng ngại ngoan cố làm cho nguồn năng lực của Tim không suốt thông qua được, nên lượn sóng phản ứng dội lên Bọc Tim mà thành ra mạch tượng nôn gấp.

Vùng dưới rốn trên xương mu gọi là dạ dưới, chỗ đó lại là vùng bên ngoài của Ruột non. Khi Ruột non xảy ra một thứ bệnh có hình, thì chỗ đó phải hiện lên có tướng. Do đó nên khi Huỳnh Đế vặn lại rằng: Căn cứ vào đâu mà nói thế, thì luận giả lại đáp bằng một cách nhảy hố rằng: Tim là tạng tột bực dương, Ruột non là phủ, do đó nên đoán dưới dạ có kết khối. Thế là lời đáp của luận giả trong chỗ không lời bắt buộc nhà Vua phải không được bằng quên những nguyên tắc đã học hỏi từ trước, chớ không phải khoảng trống ấy không có ý nghĩa. Vì thế mà chỗ đó cũng là chỗ rất quan hệ trong tinh thần học hỏi của chúng ta, hãy nên lưu tâm chớ để sơ hở.

KHOẢNG NGHI CÓ THIẾU MẤT MÀ KHÔNG THỂ QUYẾT ĐỊNH

Tiết này tựa hồ trùng ý với tiết thứ 4 của đoạn 11. Nhưng ở trước kia nửa tiết đầu thì chú trọng bệnh ở kinh, còn mạch thì nói Huyền trường động (giật dội) cứng và mềm tán, chớ không nói hư và thiệt. Và trước kia là mạch văn diễn tả của luận giả, còn đây chỉ là một đoạn đáp ngắn theo câu hỏi của nhà Vua; đó là chỗ khác. Nhưng Huyền trường động cứng và mềm tán đem sánh với nghĩa hư thiệt ở tiết này, ta sẽ thấy hình như không khác.

Về phần thiệt, thì trên kia chú trọng chứng chột khớp xương đùi, còn đây thì chú trọng chứng trướng đầy tại chỗ của Vị. Còn về phần hư, thì trên kia chú trọng đến chứng thực tê ăn vào đau bụng, đây lại chú trọng đến chứng đi tiêu chảy. Đó là chỗ khác mà hình như cũng giống.

Nhà Vua Khi chẩn được mạch Vị hoặc hư hoặc thiệt, thì sẽ có triệu chứng ra sao?. Luận giả đáp ngay: Hễ thiệt thì có triệu chứng trướng đầy, hư thì có triệu chứng đi tả. Như thế biết đâu chữ "thiệt" của luận giả nói đây lại không bao hàm nghĩa Huyền trường động cứng?! Và chữ "hư" ở đây, biết đâu lại không bao hàm nghĩa mềm mà tán?!

Trong mạch lý hễ từ từ đè xuống đến phần trầm mà vẫn có luôn thì gọi là thiệt, nếu trái lại là hư. Và trong triệu chứng, khi vị trí hữu Quan phần Vị mà thiệt thì lại cũng thường thấy đi đôi với chứng táo bón; nếu là hư thì cũng thường thấy đi đôi với chứng đi tả. Như vậy chứng bụng trướng đầy ở đây, biết đâu không bao hàm nghĩa táo bón?! Thế mới biết: đáng lý sau tiết này, nhà Vua phải gặng lại về trường hợp của tiết này với trường hợp của tiết thứ 4 đoạn trên chỗ khác nhau thế nào mới phải. Trái lại đến đây nhà Vua lại im bặt, mà sang qua một vấn đề khác. Vậy thử hỏi: Là một sự mất mát, hay sự sơ sót của nhà Vua, hay ngụ một ý gì? Đây quả cũng là một chi tiết mù mờ đáng tiếc; nhưng, không sao! Cứ để yên đợi thời gian tập nghiệm của hậu học tự có giải đáp.

Nhìn chung đoạn này ta thấy vẫn là nối tiếp với đoạn trên để nói xong về chỗ bệnh hiện; nhưng ta vẫn cảm thấy trống trải quá.

Có người nghi tiết chót của đoạn 15 phải ở trong đoạn này; nhưng xét ra không hợp lý, để đến đó sẽ bàn thêm.

BÌNH

Nhà tôi có cội Sa kê cành lá hiên ngang oai vệ, bốn mùa hằng cho chúng tôi những quả ngon lành hoặc để thưởng thức vào những buổi trưa rảnh rang buồn miệng, hoặc giúp cho chúng tôi thành những thức ăn ngon lành trong bữa ăn đạm bạc thôn quê. Nhưng tội một nỗi là thân nó có một chất mủ có thể chế ra nhựa để đánh bẫy chim, nên trẻ con trong xóm thường đổ xô đến băm cội nó để lấy mủ. Trải lâu ngày làm cho thân cây sinh ra không biết bao nhiêu vết sẹo, lại thêm có những chỗ vỏ mất lại liền. Nếu

trông riêng từng chỗ, thì cội cây trở nên vô cùng xấu xí; nếu nhìn chung toàn diện với những ích lợi của nó đối với chúng tôi, thì những nơi vết sẹo xấu xí gồ ghề kia tuy vẫn là một điều đáng tiếc, nhưng không vì thế mà nét đẹp ở công dụng của nó đối với chúng tôi lại tổn giảm đi phần nào. Đoạn này của NỘI KINH đối với chúng tôi cũng tương tự như vậy.

ĐOẠN 13

PHIÊN ÂM

Đế viết: Bệnh thành nhi biến, hà vị dã?

Kỳ Bá viết: Phong thành vi hàn nhiệt. Đản thành vi tiêu trung. Khuyết thành vi điên tật. Cửu phong vi xan tiết. Mạch phong thành vi lệ. Bệnh chi biến hóa, bất khả thắng số.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Khi bệnh thành hình rồi biến ra một hiện tượng bệnh khác ra sao?

Kỳ Bá thưa: Hễ phong thành thì làm ra nóng lạnh. Đản (thấp nhiệt) thành thì làm ra chứng tiêu trung (trung châu bị tiêu hao). Khuyết nghịch thành thì làm ra bệnh ở trên đỉnh đầu. Phong nhập vào con người lâu ngày thì làm ra chứng đi tả phân sống. Bệnh phong ở mạch lâu ngày biến thành ra bệnh cùi. Sự biến hóa của bệnh không thể tính xiết.

GIẢI

Đây là đoạn mở đầu của đợt thứ ba để luận đàm về thế bệnh biến, mà khởi đầu bằng nhà Vua hỏi nhắc lại. Nhìn vào sự cặn kẽ ở đoạn này của nhà Vua, ta không khỏi lấy làm lạ về sự sơ hở của tiết chót ở đoạn trước, bởi vì trước nhất nhà Vua đã đưa ra một loạt năm câu hỏi rồi. Nếu

không phải là điều thiếu sót, tất phải là vì nhà Vua đã rõ mà có thể là quên đi điều kiện tâm lý của hậu học?!

Vừa phát nóng mà cũng vừa sợ lạnh là chứng của phần Thái dương. Hết ớn lạnh rồi phát nóng đi đi lại lại, là chứng Thiếu dương. Có lạnh có nóng nếu không phải bởi nhiễm lạnh thì phải bởi nhiễm gió. Hoặc gió hoặc lạnh khi phạm vào cơ thể đều có phản ứng nóng lạnh. Hễ da thớ vít lại không bài tiết được thì phát nóng, da thớ hở ra gió lấn vào thì sợ lạnh. Cho nên mới nói: Hễ phong thành thì làm ra chứng nóng lạnh.

– Đản nghĩa là thấp và nhiệt hợp tác. Thấp thuộc về đồng loại với tạng Tỳ, nhiệt thuộc về đồng loại với Vị; do đó mà thấp nhiệt hợp tác phải qui về Tỳ Vị.

"Trung" nghĩa là trung châu, là Tỳ Vị. "Tiêu" nghĩa là tiêu hao, khô ráo, không chứa giữ.

Khi thấp nhiệt tụ về trung châu, tất phải làm ra hiện tượng tiêu khát, tiêu ẩm, tiêu thực. Nghĩa là ăn uống thì nhiều mà vẫn tiêu hao mòn mỏi. Cho nên mới nói "đản thành thì làm chứng tiêu trung".

– "Khuyết" nghĩa là khuyết nghịch, "nghịch" nghĩa là khí huyết đều bắt từ dưới đổ dồn xung nghịch lên trên, làm cho chỗ giao nhau của kinh âm và kinh dương ở đầu ngón tay ngón chân không giao nhau được mà tay chân bị lạnh móp tê dại cóng lại. Khi khí khuyết nghịch ấy xông lên đến đỉnh đầu, thì phải làm ra những triệu chứng ở đầu. Đó là hiện tượng "vật cực tắc phản" trong bệnh tật. Cho nên mới nói "khuyết nghịch thành thì làm ra bệnh ở trên đỉnh đầu".

– Gió tà nghĩa là khí tà của phong Mộc khi vào cơ thể, nếu không phản ứng ngay ở phần ngoài cơ thể, thì phải theo thế "đồng khí tương cầu" tùy theo loại mà qui tụ về Gan. Làm cho cái thế quân bình chế ngự giữa Gan và Tỳ phải đổ vỡ biến thành thế Mộc khắc Thổ, mà bộ tiêu hóa thiếu hẳn than biến sanh chứng đi tả phân sống. Cho nên mới nói "phong nhập vào con người lâu ngày thì làm ra chứng đi tả phân sống".

– Chữ "phong" ở đây ngoài nghĩa gió độc ra, còn có nghĩa là hai thế

hấp dẫn như lửa cháy với không khí, có nghĩa là kích thích, là nhạy chuyển dời, là thuộc về Gan, về gân, về thần kinh động tác, về hiện tượng bệnh co rút hoặc co giật đều gọi là phong. Vì là thể động, cho nên cũng có khi gọi phong là khí tà thuộc dương. Chữ "phong" của Trung Hoa quả thật là một danh từ bao hàm.

Chữ "mạch" ở đây ngoài nghĩa mạch máu ra, còn có nghĩa là gân mạch, là luồng năng lực, là kinh mạch. Thế là mạch đối với phong, mạch là âm mà phong là dương.

Danh từ "bệnh phong cùi" ở đây bao hàm nghĩa hủi của người Bắc và nghĩa cổ xạ của người Nam. Đối với Âu Tây, bệnh cùi người ta chỉ dựa hẳn trên vi trùng học mà tìm kiếm nghiên cứu; nhưng mãi đến ngày nay vẫn chưa có một sự thấy biết thông suốt và một cách chữa trị tương đương, chỉ đợi đến khi bệnh thành hình để mà định bệnh thế thôi. Đối với Á Đông, thì lại hoàn toàn chú trọng vào luật âm dương khí hóa để mà giải quyết; nên tự thuở nào họ đã biết cách chữa trị, kết quả một cách cụ thể rõ ràng; nhưng phần giải thích đối với người nay trở nên thật là lờ mờ khó hiểu. Nhưng riêng nó, người xưa vốn đã lập ra một chuyên khoa; do đó mà khi ai bước vào chuyên khoa là tức khắc nhận ra được. Còn nơi đây chỉ là trường hợp nói phớt qua, nên khó hiểu cũng không lạ gì. Sau này sẽ có những thiên bàn kỹ. Tuy nhiên có nhiều điều ta cần phải để ý thông qua như sau thì mới có cơ nhận thức được rõ:

a. **Bệnh cùi thường thấy ở Đông phương ít thấy ở Tây phương**

Nói Tây, nói Bắc là nói lạnh, nói ráo; nói Đông, nói Nam, nói Trung ương là nói ấm, nói nóng, nói ẩm thấp.

Nói bệnh cùi thường thấy ở Đông phương ít thấy ở Tây phương, tức là muốn nói ở những miền ấm, nóng, ẩm mới có cơ bệnh cùi xuất hiện. Thế là xứ ấm, xứ nóng và xứ ẩm thấp là ba môi trường để dễ cho bệnh cùi xuất hiện. Vì thế đại khái những xứ như Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam… thường thấy bệnh cùi; đó là phần khí hậu, phần địa lý.

b. **Định nghĩa bệnh cùi**

Cùi là gì? Người ta dựa vào một giai đoạn khi bệnh thành hình cụ thể có hai triệu chứng đặc biệt là: rụng lóng tay, lóng chân và gân co rút trông rất thê thảm. Người Trung Hoa gọi là lệ phong ác độc, người Việt Nam dịch là cùi, hủi và cổ xạ.

c. **Nguyên nhân của bệnh cùi**

Bất cứ một sự việc gì xảy ra ta thường hay nói đến nhân đến quả, nhưng sự thật thì phải là nhân duyên và hậu quả. Vì sao thế? Vì không có một sự việc nào xảy ra chỉ đơn độc có một điều kiện, mà phải do nhiều điều kiện tổ hợp, rồi mới kết thành tướng quả. Bệnh cùi cũng vậy. Chánh văn nói: "Bệnh phong ở mạch lâu ngày biến thành ra bệnh cùi". Vậy phong ở mạch đi đến lâu ngày biến thành bệnh cùi phải như thế nào? Ta thử nghiệm xét:

Nếu nguyên nhân của bệnh cùi mà chỉ là do một thứ vi trùng nào đó làm ra. Thế là ta đã phủ nhận định luật nhân duyên, điều kiện tổ hợp, thế là ta đã phản khoa học mất rồi. Nếu ví phỏng sự thật có thế, thì viên đạn thần tất phải linh. Thế mà mãi đến ngày nay Tây y vẫn chưa tìm ra được một thứ thuốc đơn độc nào chữa trị bệnh cùi một cách chính xác. Thế là viên đạn thần chỉ là thần, chớ không có thật.

Nếu thành phần gân, mạch và thần kinh động tác là ba thành phần bên ngoài của tạng Gan. Thế là bệnh của gân, mạch và thần kinh động tác tức là bệnh của hệ thống Gan.

Nếu tất cả các loại hiện tượng phong đều qui về Gan, thì bệnh Gan là bệnh phong.

Nếu xứ ấm, nóng và ẩm thấp là ba địa lý môi trường thuận tiện cho bệnh cùi, thì trong tạng Gan, gân mạch và thần kinh động tác của một con người vốn chứa sẵn khí phong, thấp và nhiệt, cũng là một môi trường cá nhân thuận tiện để cho bệnh cùi cụ thể xuất hiện.

Nay ta hãy bình tâm mà nghiệm xét đại khái những nét đậm của các dân tộc thường xảy ra bệnh cùi, và thông qua những trường hợp kinh nghiệm để tìm hiểu câu nói của chánh văn xem sao:

– Dân tộc Trung Hoa tận tự thuở nào số người nghèo thiếu, ít biết rất đông. Ăn ở, sanh hoạt đã kém điều kiện sạch sẽ, lại thêm vì hoàn cảnh nghèo thiếu bắt buộc, nên các thức ăn uống được chế tạo ra thường có nhiều chất thấp độc (đạm độc) như khô cá mặn, chao ủ, trứng vịt bắc thảo, trứng vịt muối… Phương chi ngoài ra còn có những địa phương thường ăn thuần những vật lạ mà phổ thông ít biết nữa. Biết đâu những điều kiện đại khái trên không là nhân duyên để cấu tạo thành bệnh cùi của Trung Hoa không giống Ấn Độ?!

– Dân tộc Ấn Độ cũng thế, cũng nghèo đói rất nhiều, lại thêm môi trường xứ nóng. Trong cảnh nghèo đói, có những món không thể ăn, cũng phải tìm cách làm cho ăn được; có những việc làm đáng lý không thể làm cũng phải làm thường trực, như nghề đổ thùng tiêu chẳng hạn; có những chỗ không thể ở được cũng phải ở, như gần sở rác, sở thùng chẳng hạn. Lại thêm vì khí hậu nóng quá, làm cho bên trong không đủ nhiệt lực, bên ngoài có dư, vì thế nên cấu tạo thành tục ăn quá cay và bôi dầu mè ở mặt da… Biết đâu đại khái không vì nhân duyên sai biệt ấy, mà bệnh cùi ở Ấn Độ phải có một màu sắc khác hơn?!

– Nước Nhật là cù lao, miền ghềnh biển, là miền phải ăn nhiều cá. Dân tộc Nhật là dân tộc thích ăn gỏi cá sống. Như thế biết đâu không vì thế, mà duyên khởi bệnh cùi của nước Nhật không khác hơn xứ khác?!

– Dân tộc Việt Nam tuy thuộc dân tộc xứ ấm, nhưng đất đai cũng có nhiều nơi ẩm thấp; lại thêm gần đây đã mấy mươi năm trường, ngoài chiến tranh chết chóc vùi lấp sơ sài ra, còn cộng thêm những sự phá hoại khí hậu từ lòng dã man của các cường quốc; vậy mà còn tiêm nhiễm những cách ăn uống rất không hợp như là thường ăn mắm ruốc kho chung với thịt heo, măng le, ớt, hoặc trứng vịt ung, trứng vịt bắc thảo, chao chùa, thịt bò bảy món, thịt heo đông lạnh để hằng năm, thịt cá vồ nuôi cầu tiêu… không thể kể sao cho xiết. Vì thế biết đâu bệnh cùi ở Việt Nam lại trở nên phức tạp?!

Do đó nếu ta muốn khảo sát một thứ bệnh nào đó, không thể mang một tâm lý bị qui định nào đó để làm ống kính nhận xét mà được. Mà ta phải luôn luôn lưu tâm hội cả thiên văn, địa lý, nhân sự, chủng tộc, hoàn cảnh xã hội, tập quán, sanh hoạt, ăn uống, tâm lý lại mà khám phá bằng một tinh thần thông đạt không ranh giới, thì may ra mới thấy được sự thật.

Sau đây là những trường hợp mà chúng tôi có giáp mặt chứng kiến:

1. Một cậu trai độ 16 tuổi vốn sẵn một môi trường lá Gan không bài tiết hết các chất độc. Vì ở quê thường đi săn bắt những con thú lạ như các thứ rắn hoặc kỳ đà, ba ba, trăn… Không hiểu ăn trúng thứ thịt gì, rồi tự nhiên tay chân đều rút lại, khắp mình sanh ghẻ chóc có mủ, đến đỗi phải lết xin ăn. May gặp được một người thầy thuốc tốt biết được, cho thuốc chữa Gan, rồi bệnh khỏi, lần mạnh trở lại như thường, chẳng hề có chút tật nguyền nào cả.

2. Một ông thợ câu, câu được con ba ba mai to bằng mui chiếc xe lam, đầu đỏ. Ông ta kéo về làng xẻ thịt bán. Tất cả những người mua ăn, mấy tháng sau độ bảy tám phần mười số người ấy đều bị bệnh cùi cả.

Một trường hợp khác cũng giống như thế mà lại là con trăn (chớ không phải là con ba ba).

3. Một người đàn bà gia đình ở bờ biển chuyên làm nghề đánh cá, thường ăn nhiều cá biển. Khi chiến tranh Việt Nam bùng nổ, trong lúc chạy loạn, ở ngón chân cái của bà có một chỗ sầy da, chạy qua một vùng vũng lầy sụp phải xác chết ương chôn không hòm, bị nhiễm độc. Về nhà từ đó về sau phát lên bệnh cùi.

4. Một cô nữ sinh tuổi độ 21-22 trong một hệ thống gia đình có bệnh Gan, vào trường nội trú Công giáo ở Đà Lạt học. Bị ăn nhiều thịt bò và cá vồ cầu, khi về Sài gòn phát lên bệnh cùi dữ dội.

5. Một người nông dân ở vùng Phú Định vốn có bệnh Gan. Một hôm đi làm ruộng về mệt, có người bạn đem cho cặp chim trích, làm thịt ăn. Ăn xong, độ tháng sau bỗng dưng phát lên bệnh cùi dữ dội. Vào viện Pasteur khám đủ cách, chữa đủ điều, vẫn không khỏi rồi chết.

6. Một cậu thanh niên ngoài 20 tuổi ở một vùng quận Cái Bè là nơi rất ẩm thấp, lại là nơi chuyên nuôi cá vồ bằng cầu tiêu. Một hôm anh ta ăn thịt cá vồ ấy, lập tức vài hôm sau đó da nổi từng mảng bọc nước khắp người, rồi vỡ lầy ra. Khi chạy chữa thầy thuốc biết bệnh ấy, mách hộ anh ta. Nhờ thế mà khỏi, không bị tiến đến giai đoạn rụng lóng tay chân.

Việc này vẫn còn nằm trong hiện tại.

Trên đây là những trường hợp mà bút giả đã từng giáp mặt với sự thật.

d. **Tại sao miền Nam Việt Nam có khi gọi là cùi, có khi gọi là cổ xạ?**

Bệnh cùi rất dễ lầm lẫn với bệnh giang mai, nhưng nếu là chuyên khoa thì không thể lầm lẫn được; vì thế mà ta hãy để việc ấy về phần chuyên khoa. Chỉ có điều là tại sao gọi cùi? Tại sao gọi cổ xạ?

– Trong kinh nghiệm người ta thấy bệnh cùi có hai loại: Một loại bắp thịt nở trướng, rụng lóng chảy nước, tức là cùi ướt mà thông thường ai cũng đồng ý gọi là cùi. Còn một loại nữa, thì tay chân các khớp chỉ rút lại, bắp thịt teo, không đi đứng hoạt động được và khắp mình sanh nhiều ghẻ mủ chớ không chảy nước; thế là cùi khô và người ta thường gọi là cổ xạ, nhưng danh từ cổ xạ xuất phát từ đâu thật bút giả cũng chưa rõ.

Về phương diện vi trùng học không hiểu hai loại bệnh này vi trùng có khác nhau hay không, sự thật bút giả cũng không được biết. Còn người xưa thì cũng bảo là có trùng; nhưng trùng là vi trùng hay hình thức nào khác, cũng không thấy nói rõ. Nhưng tất cả đều qui về bốn yếu tố là: phong, thấp, nhiệt, đình đốn hợp lại; do đó mà cách chữa của người xưa cũng dựa hẳn vào những yếu khí hóa. Thế là đến đây ta thấy được cùi ướt nghĩa là lệch về yếu tố thấp, mà thấp nghĩa là lệch về tạng Tỳ; cùi khô nghĩa là lệch về yếu tố phong, mà phong nghĩa là lệch về tạng Gan. Thế là cùi hay cổ xạ là vậy đó.

e. **Cùi và cổ xạ trên mạch lý có khác không?**

Trải qua mấy mươi năm theo dõi khám phá của chúng tôi, chúng tôi bắt gặp hễ là đơn độc cùi ướt thì mạch mềm, bở, hưỡn, lơi, đơn độc cùi khô thì mạch động, cứng, mau, to, và giữa hai loại ấy còn thường thấy một hiện tượng pha trộn của hai loại nữa.

Những điều nêu ra để thông qua như trên, cốt chỉ để tìm hiểu ý nghĩa câu chánh văn: "Bệnh phong ở mạch lâu ngày biến thành ra bệnh cùi" là nghĩa như thế nào mà thôi. Thế thì sau khi tổng kết tất cả, ta có thể tạm kết luận rằng: Từ điều kiện phong, thấp và nhiệt của địa lý khí hậu với điều kiện thọ bẩm tạng Gan và tạng Tỳ hoạt động thừa trong một con người tâm lý bồng bột, cộng thêm những điều kiện trợ duyên như thời thế, hoàn cảnh xã hội, tập quán, phong tục, sanh hoạt, ăn uống… mà kết đúc lại, làm cho thế lưu thông ở tạng Gan và tạng Tỳ đình đốn mà xâm nhập vào gân, mạch và hệ thống thần kinh động tác, rồi phá hoại ra đến bắp thịt mà bệnh cùi được thành hình. Vì thế tuy đồng là bệnh cùi, nhưng có thể là ở mỗi người mỗi khác; nên nếu không vô tâm mà thấu suốt nguồn nhân và bao điều kiện trợ duyên, thì không thể nào khám phá hết được. Đó là hết nghĩa của câu "Bệnh phong ở mạch lâu ngày biến thành ra bệnh cùi".

Như thế ta có thể thấy cách chữa của cổ nhân dựa vào những điều kiện khí hóa làm căn bản, quả có một lý do của họ. Và đến đây luận giả bảo tiếp "Sự biến hóa của bệnh vô cùng không thể nói sao cho hết", quả đã xuất phát từ một nguồn thấy biết sâu rộng. Ôi! Sách không thể hết lời, lời không thể hết ý. Chúng ta chỉ có nương nơi lời mà thẳng vào ý, để giáp mặt với sự thật là hơn.

BÌNH

Nếu sự biến hóa của bệnh vô cùng không thể tính xiết quả là một thuyết không đúng, thì thuyết vũ trụ này động biến cũng không đúng.

Nếu thuyết vũ trụ này động biến mà đúng, thì sự biến hóa của bệnh vô cùng cũng phải đúng.

Nếu tất cả đều động biến mà đúng, thì sự biến hóa từ hình thức này sang hình thức khác cũng phải có.

Nếu từ hình thức này biến sang hình thức khác mà có thể có, thì từ một giống sinh vật này biến sang một giống sinh vật khác cũng có thể có.

Nếu từ một sinh vật này mà biến sang một sinh vật khác có thể có, thì từ một giống vi trùng này biến sang một giống vi trùng khác cũng có

thể có và lại càng dễ có thể có hơn. Vì sao thế? Vì vi trùng là giống cực nhỏ. Thế thì từ một bệnh này biến sang một bệnh khác cũng có thể có, trừ khi ta chỉ cắt khứa một khúc hình thức để qui định vào một khuôn khổ nào đó thì không kể.

Nếu tất cả hiện tượng đều chỉ là tổ hợp, sanh diệt giao xen của vô số hiện tượng li ti nhỏ nhít;

Nếu tất cả sự biến hóa của muôn vàn hiện tượng đều chỉ là thêm điều kiện bớt điều kiện mà quyết định là đúng;

Thì phương pháp cố định quả quyết bệnh gì, bệnh gì ấy, cứ mãi mãi là bệnh đó không biến hóa đổi thay là sai rồi.

– Có ai ngờ: Cây Thăng Ma ở miền Mỹ Tho Bến Tre vẫn là cây, nhưng với thổ nghi ở Tây Ninh thì lại biến là dây.

– Có ai ngờ: Giống sán xơ mít khi vào con chó có hình thức khác, sang con heo hoặc trâu, bò, trăn, rắn, gà, vịt, hay người ta, mỗi nơi nó đều biến ra một hình thức khác.

– Có ai ngờ: Con mẻ là một giống giòi nhỏ, phải có kính chiếu đại mới thấy được; thế mà người ta nuôi bằng tủy xương sống heo, nó biến to bằng đầu ngón tay út để người ta chiên ăn.

– Có ai ngờ: Ở núi Kỳ Vân cũng như miền rừng Biên Hoà, Thủ Dầu Một có thứ muỗi chỉ đẻ trứng rồi lập tức nở ra muỗi, chớ không trải qua thời kỳ lăng quăng.

– Có ai ngờ: Con vẹt tôi nuôi ban đầu mỏ đỏ lông xanh, vì cho nó ăn quả sắn có màu đen mà mỏ nó biến đen; nó trông thấy người nhà mặc áo vàng nó thích quá rồi biến lông vàng; nó nhìn tấm biển màu đỏ nó thích quá, tạo ra một mớ lông đỏ quanh cổ trước ức, tựa hồ như đeo thắt nơ. Quả thật! Sự biến hóa trong trời đất không thể nói sao cho cùng! Như thiên thứ 9 đã đề cập. Thế mới biết: Căn cứ vào máy móc dụng cụ, tìm đủ phương cách để đón chụp giăng bắt những hình tướng cụ thể hầu quyết định một sự thật, mà bỏ quên phứt đi phần tâm linh cũng như phần

khí hóa, tổ hợp, thì dẫu cho có túm bắt được chăng nữa, khi xem lại chẳng qua cũng chỉ là những bóng dáng của dấu chân thời gian, vị tất đã là sự thật, chỉ luống uổng nhọc công vô ích mà thôi vậy.

Trong đời có ba hạng người: Một là họ biết rõ tất cả hiện tượng đều là huyễn hóa biến chuyển không ngừng, đều gốc gác từ cái **không là gì**; dẫu cho thân họ cũng thế. Khi họ nhận rõ đích thực là thế, từ đó thôi tha hồ sao sao, biến hóa ra cách nào cũng được, không mong cầu đòi hỏi, không lừa lọc bài trừ, không nương gá kinh hãi, không tìm kiếm chỗ đứng, quanh năm suốt tháng vô sự thảnh thơi. Đừng mong ai có thể hù dọa họ được; vì họ đã **không là gì**, là bao la, là vào trong tất cả, là biến hóa vô cùng, là tiêu dao, là thả hạc. Đây là hạng thật sống.

Hai là nhìn thấy tất cả đều bằng con mắt đóng cứng chết tê, cho đến thân hình cũng thế; thế rồi luôn luôn phóng vọt ra để săn đuổi theo những bóng dáng huyễn hóa muôn trùng, kết cuộc chỉ là chết chóc đau thương. Đó là hạng thật chết, thuộc về bát địa chúng sanh.

Ba là đã biết được tất cả đều tổ hợp, đều huyễn huyễn hóa hóa biến chuyển không ngừng; dẫu cho chính thân mình cũng thế. Thế mà vẫn ôm chầm lấy cái TÔI, để hoảng hốt khiếp sợ với biến hóa. Nếu không thế, sao cái nàng Cung oán của cụ Ôn Như Hầu lại thở:

"Lò cừ nung nấu sự đời,

Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương".

Lại thở:

"Phong trần đến cả sơn khê,

Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.

Tuồng huyễn hóa đã bày ra đấy,

Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Trăm năm còn có gì đâu,

Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì!”

Quả là một thứ ích kỷ của nhi nữ thường tình, biết rõ sự thật mà vẫn sợ sự thật; và đây cũng là tâm lý của tinh thần khoa học vật chất ngày nay. Hạng này mới chính là hạng thật bệnh hoạn vậy.

ĐOẠN 14

PHIÊN ÂM

Đế viết: Chư ung thũng cân loan cốt thống, thử giai an sanh?

Kỳ Bá viết: Thử hàn khí chi hóa, bát phong chi biến dã.

Đế viết: Trị chi nại hà?

Kỳ Bá viết: Thử tứ thời chi bệnh, dĩ kỳ thắng trị chi dũ dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Các chứng ung nhọt, gân chuyển, xương nhức, như thế do đâu mà sanh ra?

Kỳ Bá thưa: Đó là sự biến hóa của khí lạnh và tám thứ gió.

Huỳnh Đế hỏi: Vậy phải trị bằng cách nào?

Kỳ Bá thưa: Đó là thuộc loại bệnh bốn mùa, cứ áp dụng phép khắc chế mà trị là khỏi.

GIẢI

Đoạn này là đợt thứ hai tiếp tục thảo luận về bệnh biến.

Ung nhọt nghĩa là nổi mụt, sưng, to, đỏ, nóng, làm mủ. Gân chuyển nghĩa là tự nhiên bỗng dưng gân giựt vặn tréo, mà thường tình gọi là vọp bẻ. Xương nhức nghĩa là tự nhiên bỗng dưng nổi lên những luồng nhức tận trong xương.

Nhà Vua thắc mắc về ba triệu chứng trên mang ra hỏi, luận giả đáp: Đó là do sự biến hóa của khí lạnh và các thứ gió. Nhưng luận giả không nói thêm biến hóa bằng cách nào, mà nhà Vua vẫn yên lòng ngừng tại đó. Như thế nếu không phải nhà Vua đã nhận được suốt, thì việc này tất còn nằm trong đại lược. Vì sao thế? Vì sau này vẫn còn thấy có nơi bàn một cách tỉ mỉ. Nhưng dù sao chăng nữa, ta cũng cứ thử nghiệm xem: Gió và lạnh nó biến hóa làm sao để thành ra ba triệu chứng trên.

Như đã có nhiều thiên đề cập đến, nếu ở bắp thịt không có một phản ứng chống đối giữa khí dinh khí vệ với khí lạnh, thì không thể nào nảy sanh được một hiện tượng sưng sốt u nhọt. Đó là nghĩa sưng sốt u nhọt biến từ cái lạnh.

Nếu không có khí gió xâm phạm vào cơ thể, thì thế quân bình giữa Gan và Tỳ không bị chênh lệch. Thế quân bình giữa Gan và Tỳ không bị chênh lệch, thì không có cơ hội nước chua ở các bắp thịt tăng. Nếu không có khí gió xâm phạm vào cơ thể, thì không lấy đâu để kích động cho nước chua ấy đổ dồn về khớp. Nếu nước chua không đổ dồn về khớp, thì không đủ để hiện chứng gân chuyển vọp bẻ. Đó là nghĩa gân chuyển vọp bẻ biến từ khí gió lạnh.

Hết thảy những trường hợp không sưng không nóng, mà trong xương có hồi bỗng dưng nhức; nếu không đã từng thọ nhiễm khí lạnh, thì không thể hiện được. Thế là chứng xương nhức cũng là từ nhiễm khí lạnh mà biến ra.

Hết thảy những bệnh tật khởi nguyên bằng lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió đều thuộc về loại bệnh của bốn mùa. Thế vận hành của bốn mùa luôn luôn không ngoài định luật 5 hành tương sanh tương khắc. Tương

sanh là thuận, tương khắc là nghịch; do đó nên khi thế bình bị chênh lệch, thì cũng chỉ áp dụng luật tương khắc để phục hồi.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là dùng lạnh chế nóng, nước chế lửa, mặn chế đắng, đất chế nước, Tỳ chế Thận, ngọt chế mặn… Dù cho áp dụng khoa châm cứu cũng phải thế. Cho nên mới nói "chỉ áp dụng luật khắc chế mà trị là tự khỏi" là nghĩa thế.

BÌNH

Áp dụng định luật chế hóa trong vật chất, hay áp dụng định luật chế hóa trong những luồng kinh mạch để điều chỉnh thế mất quân bình do cảm nhiễm thời tiết một cách chính xác; thế là một thầy thuốc ngoại cảm lành nghề. Nhưng giá nếu đắm mình vào **không là gì**, thì dù cho bệnh ngoại cảm hay nội thương, bệnh vật chất hay bệnh tâm lý cũng đều được tự điều chỉnh nốt. Thế mới biết: Chỉ cái **không là gì**mới là một vị y vương, dù cho một thầy thuốc lành nghề đến đâu cũng phải tìm mà học hỏi.

ĐOẠN 15

PHIÊN ÂM

Đế viết: Hữu cố bệnh, ngũ tạng phát động, nhân thương mạch sắc, các hà dĩ tri kỳ cửu bạo chí chi bệnh hồ?

Kỳ Bá viết: Tất hồ tai vấn dã. Trưng kỳ mạch tiểu, sắc bất đoạt giả, tân bệnh dã.

Trưng kỳ mạch bất đoạt, kỳ sắc đoạt giả, thử cửu bệnh dã.

Trưng kỳ mạch dữ ngũ sắc câu đoạt giả, thử cửu bệnh dã.

Trưng kỳ mạch dữ ngũ sắc bất đoạt giả, tân bệnh dã.

Can dữ Thận mạch tịnh chí, kỳ sắc thương xích, đương hủy thương bất kiến huyết, dĩ kiến huyết thấp nhược trúng thủy dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Vốn có bệnh cũ, 5 tạng phát động làm tổn thương đến mạch, sắc. Vậy căn cứ vào đâu để biết bệnh nào cũ, bệnh nào mới?

Kỳ Bá thưa: Rốt ráo thay lời hỏi! Hãy cứ nghiệm ở mạch thì biết, hễ thấy mạch nhỏ, sắc không mất là bệnh mới. Thần mạch không mất mà thần sắc mất, là bệnh lâu. Mạch và sắc đều mất thần, là bệnh lâu. Mạch và sắc thần đều không mất, là bệnh mới.

Tất cả sáu bộ mạch đều Trầm Huyền, sắc mặt xanh đỏ, là trường hợp phải có bị đánh bị thương tích mà không chảy máu; nếu đã có chảy máu, tức là bệnh thấp hoặc trúng nước.

GIẢI

Đây là đoạn chót thuộc đợt thứ ba trưng dẫn sắc mạch thuận nghịch để nghiệm về nghĩa bệnh biến.

Thông qua suốt đoạn, ta thấy điểm chú trọng là dựa vào sắc mạch thuận nghịch để nhận ra bệnh mới hay bệnh cũ, đó là điểm duy nhất. Nhà Vua đã hỏi thế, luận giả cũng cứ theo thế mà tuần tự giải đáp.

Nói mạch nhỏ, tức cũng như nói mạch suy; nói sắc không mất, tức là nói sắc không suy. Thế là muốn nói dù thấy mạch có suy mà sắc không suy, tức là bệnh mới. Nhưng đó chỉ mới là sự thật nghiệm thấy vậy, còn lý thế nào? Như đã nhiều lần đề cập, hễ là thần khí và 5 sắc thì đều thuộc về phần dương, phần khí, phần năng lực; còn mạch đều thuộc về phần âm, phần huyết, phần chất.

Nói thần sắc không suy mà mạch có suy giảm, tức là nói bệnh chưa làm tổn thương đến phần dương, phần khí; và bệnh đó cũng chưa xâm phạm được vào phần tinh thần, dĩ nhiên phải là bệnh mới. Nên nói "mạch nhỏ, sắc không mất là bịnh mới".

Rồi cũng cứ theo đó mà ta có thể xét tới, nếu mạch không suy mà sắc suy, tức là phần âm không bệnh, phần dương bệnh; là bệnh của lãnh vực thần khí của tinh thần, tất nhiên phải bệnh lâu. Nên nói "thần mạch không mất mà thần sắc mất, là bệnh lâu".

Tiến thêm một bước nữa, nếu cả mạch và khí sắc đều cùng suy, tức là cả phần khí lẫn phần huyết, phần tinh thần lẫn phần xác thân đều bệnh, tức là cả âm dương đều bệnh, tất nhiên là bệnh phải lâu lắm. Nên mới nói "mạch và sắc đều mất thần là bệnh lâu".

Tiến thêm một bước nữa, nếu cả mạch lẫn khí sắc vẫn không có gì biến động, thì tuy dẫu có bệnh chẳng qua cũng chỉ là bệnh chứng qua loa thế thôi, âm dương vẫn chưa bị hề hấn, lẽ cố nhiên phải thiệt là bệnh mới. Cho nên mới nói "mạch và sắc thần đều không mất là bệnh mới".

Trầm nghĩa là mạch thuộc Thận, thuộc phần máu trắng. Huyền nghĩa là mạch thuộc Gan, thuộc phần máu đen. Xanh là sắc của Gan, của bệnh Gan. Đỏ là sắc của Tim, của bệnh Tim.

Hễ là mạch Gan và Thận thì khí sắc phải xanh và đen, đàng này không những không đen mà lại đỏ. Vậy mà luận giả đoán phải bệnh bị đánh không chảy máu, nếu đã có chảy máu rồi tất phải vốn có bệnh hàn thấp. Vậy luận giả căn cứ vào đâu? Đành rằng màu đỏ nghĩa là của huyết, nhưng vì sao lại có sắc đỏ? Chỗ đó nếu không phải là người tánh nóng đã trải qua cơn xô xát, tất không thể có sắc đỏ. Mà đã có sắc đỏ đi đôi với Trầm Huyền, tức là phải có hồi bị đánh ứ huyết. Xa hơn nữa, với mạch Trầm Huyền trong sắc mặt xanh đỏ mà đã từng bị thoát huyết hoặc ra bởi đẳng miệng hoặc ra bởi vết thương, thế tất trước khi bị nạn biết đâu không có những hồi đổ mồ hôi lại trúng nước?! Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nếu không có bệnh trúng nước, thì đúng lý ra đã chảy máu rồi, mạch Trầm Huyền phải hết hay phải giảm đi. Đàng này máu đã chảy mà mạch vẫn Trầm Huyền y nguyên, nhờ thế mà ta biết được vốn có bệnh trúng nước tiêm nhiễm vào Gan Thận.

Vì duyên cớ mạch và sắc trái nhau như thế, nên không thể nào sắp vào đoạn thứ 12 về nghĩa chỗ bệnh. Thế là đến đây đã kết thúc đợt thứ ba trả lời về sự biến hóa của bệnh vậy.

Tổng kết tinh thần ngoài lời của hết đoạn này, ta thấy luận giả luôn luôn nhắc nhở cho ta hai điểm quan trọng: Một là phải đề phòng cái bệnh phiến diện, chỉ nhìn sự việc có một mặt. Hai là bệnh vật chất, chỉ biết có phần vật chất, phần âm mà quên bẵng đi phần dương, phần thần khí. Đây là hai chứng bệnh trầm trọng nhất của cả thế giới loài người ngày nay, mà cũng là một chứng bệnh trầm trọng đặc biệt của cả hai giới y khoa ngày nay vậy.

BÌNH

Nếu chỉ nhìn một mặt, chỉ chú trọng vật chất, là một thứ lé. Vậy thử hỏi cũng chỉ nhìn một mặt, chỉ chú trọng ở phần tinh thần, lại há không phải là một thứ lé bên kia sao?!

Nếu phiến diện lệch về vật chất là bệnh lé của thầy thuốc của thế gian, thì phiến diện lệch về tinh thần há lại không phải là một thứ lé của các nhà tu hành sao?! Thế mới biết: Hễ là phiến diện là có bày đặt ra tinh thần và vật chất là hai. Phiến diện là thủ phạm của lứa đôi, là ông mai của nam nữ, là con đẻ của một thứ MÌNH đóng cứng, là hậu quả của u mê, là thứ chưa biết gì hết về nghĩa **không là gì**. Mà đã chưa biết gì hết về nghĩa **không là gì**, thì làm sao mà thâm nhập được tất cả hiện tượng để trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa quán nhân sự?! Như thế làm sao không xảy ra bệnh phiến diện và vật chất cho được?! Thế mới biết: Nếu biết được cái to, thì dẫu cho làm đầu sợi lông thỏ cũng vẫn là bao la. Nếu không biết được cái to, thì dẫu cho trời đất cũng là bé bỏng.

ĐOẠN 16

PHIÊN ÂM

Xích nội[(1)] lưỡng bàng, tắc quí hiếp dã. Xích ngoại dĩ hầu Thận, xích lý[(2)] dĩ hầu phúc.

Trung phụ thượng tả, ngoại dĩ hầu can, nội dĩ hầu cách. Hữu, ngoại dĩ hầu vị, nội dĩ hậu Tỳ.

Thượng phụ thượng hữu, ngoại dĩ hầu Phế, nội dĩ hầu hung trung. Tả, ngoại dĩ hầu tâm, nội dĩ hầu chiên trung.

Tiền dĩ hầu tiền, hậu dĩ hầu hậu.

Thượng cảnh thượng giả, hung hầu trung sự dã. Hạ cảnh hạ giả, thiểu phúc yêu cổ tất kỉnh túc trung sự dã.

DỊCH

Phía ngoài của hai bộ Xích là vị trí để nghiệm vùng dưới sườn chót hai bên hông, đúng lằn mạch nhịp là vị trí để nghiệm Thận, lệch vào phía trong là vị trí để nghiệm những biến động của bụng.

Chồng lên trên bộ Xích là bộ Quan. Bên trái (tả Quan) phần ngoài là vị trí để nghiệm Gan, phần trong là vị trí để nghiệm chẽn vừng; bên phải (hữu Quan) phần ngoài là vị trí để nghiệm Vị, phần trong là vị trí để nghiệm Tỳ.

Trên bộ Quan là bộ Thốn; bên phải (hữu Thốn) phía ngoài là vị trí để nghiệm Phổi, phía trong là vị trí để nghiệm giữa vùng lồng ngực. Bên trái (tả Thốn) phía ngoài là vị trí để nghiệm Tim, phía trong là vị trí để nghiệm Bọc Tim.

Cứ hễ phần nào trước là sắp ở trước, ở phần nổi; phần nào sau thì sắp ở sau, ở phần chìm.

Hễ bộ trên thì thuộc về nơi để nghiệm các việc phần trên, những chuyện xảy ra từ chẽn vừng trở lên đầu; bộ dưới là thuộc về phần dưới, là để nghiệm những chuyện xảy ra từ rún trở xuống đến chân.

GIẢI

Từ đây trở xuống đến hết thiên đều là để đáp chung cho hai câu hỏi của hai đợt chót về "bệnh hoặc ở trong hoặc ở ngoài làm sao để nhận biết", mà đoạn này là đoạn mở đầu bằng cách bố cục vị trí mạch tượng để khi biến động thì sự nhận xét về mạch tượng không mất phương pháp. Quả là một tay thước mạch học tinh vi vậy.

Muốn thâm nhập vào phương pháp bố cục này, ta hãy nhớ lại về mạch học của bao nhiêu thiên nhiên trước mà cụ thể hóa phương pháp mới có thể thâm nhập được.

Như trước kia có nói: Hãy tưởng tượng để một con người nằm ngửa ngay thẳng trên ván, tay chân xuôi. Rồi vạch một lằn ngang ở chẽn vừng và một lằn ngang ở rún, thêm một lằn xuôi theo giữa người suốt từ đỉnh đầu đến hạ bộ, để chia con người ra làm sáu ô, sáu phần. Rồi trên mỗi phần, ta sẽ nhìn thấy đều có phần tạng phủ và phần xác thân, phần lớp trên, lớp giữa và lớp dưới theo thứ lớp. Và nếu nhìn bốn phía của một phần, ta sẽ thấy mỗi phần đều có phía trên đầu, phía dưới chân, phía giữa thân, phía bìa thân và vùng chính giữa; thế là mỗi một ô là cái hộp vuông, nhìn mặt nào cũng thấy chín ô.

Bấy giờ ta lại nhớ lại xếp sáu bộ mạch dính lại thành chữ "mục" chia đôi, rồi tưởng tượng đem sáu bộ mạch ấy đặt trọn lên cả một con người, thì ta tức khắc thấy được mỗi bộ mạch nhìn mặt nào cũng có thể thấy chín ô. Rồi căn cứ vào đó mà ông thầy thuốc điều động ba ngón tay cho đúng cách, là thấy được biến động khắp toàn thân; đó là ý chỉ của đoạn này (Xem hình 17.4).

Nói "Phía ngoài của hai bộ Xích là vị trí để nghiệm vùng dưới sườn chót hai bên hông, đúng ngay lằn mạch nhịp là vị trí để nghiệm Thận, lệch vào phía trong là vị trí để nghiệm những biến động của bụng". Nếu ta có thông qua tinh thần suốt đoạn, thì đúng lý ra phải nói thế này: Hai ô dưới của thân xuống đến chân đều thuộc vùng ảnh hưởng của tạng Thận. Tạng Thận là tạng sâu nhất, đóng sát phía sau hai bên xương sống. Trọn cả hai ô dưới thân đều ứng hiện vào hai bộ Xích. Mỗi bộ mạch đều phải chia làm chín ô, nghĩa là có phần nổi, phần giữa và phần chìm; phần trên, phần giữa và phần dưới; phần ngoài, phần giữa và phần trong. Thế thì khi vừa đặt tay vào phần nổi, phần ngoài là để

nghiệm ở phần thân, phần hông người; khi đè nặng xuống đến phần trung, phần ở trong là để nghiệm phần trong bụng của người ấy; khi đè nặng đến phần trầm ngay chính giữa là để nghiệm về tạng Thận. Bên nào có tổ chức theo bên nấy.

Như ta đã biết tạng Gan có cuống nằm bên trái, ảnh hưởng của nó cũng nặng về bên trái; nhưng thân Gan lại nằm hẳn sát phía dưới chẽn vừng vùng hông sườn bên phải, lá lớn nhất lệch về phía ngoài hông, còn phần trong là cuống của Gan mắc sát vào xương sống mà dính liền với chẽn vừng, còn buồng Mật thì lại đóng chen vào kẹt lá nhỏ. Tạng Tỳ phần Tỳ âm nằm ở giữa trước Thận sau Vị, cuống đóng lệch về phía phải, đuôi nối liền với Tỳ dương lệch về phía trái, ảnh hưởng của nó lệch hẳn về bên phải. Nếu bình tĩnh mà nhìn vào, thì ta thấy Vị ở trước và lệch về bên trái càng rõ hơn.

Nay ta y cứ trên cơ thể học mà nhận định ráp vào hai bộ Quan, rồi cũng theo đó mà theo dõi như đã nói ở hai bộ Xích, thì ta mới thấy nói: "Bộ Quan bên trái, phần ngoài là vị trí để nghiệm Gan, phần trong là vị trí để nghiệm chẽn vừng; còn bộ Quan bên phải, phần ngoài là vị trí để nghiệm Vị, phần trong là vị trí để nghiệm Tỳ" không có chi lạ mà phải thắc mắc. Nói như thế nghĩa là sao? Nghĩa là Gan lệch về phía ngoài, phía trước, cho nên khi biến động vào mạch phải lệch về phía ngoài, về phần nổi. Tỳ lệch về bên trong, về phía sau, nên khi biến động thấy trong mạch cũng lệch về phía trong về phần chìm vậy. Và tuy nói: "Tả Quan phần trong để nghiệm về chẽn vừng", nhưng sự thật thì chẽn vừng là ranh giới của Thốn và Quan. Thế là chỗ đó tự ta phải lưu tâm mà uyển chuyển.

Tiến một bước nữa, cũng y cứ vào thế phân định các bộ nói trên để ta nghiệm xét đến hai bộ Thốn.

Từ chẽn vừng trở lên đến đầu đều thuộc về phần ảnh hưởng của Tim và Phổi. Tạng Tim tuy nằm dưới Phổi mà lệch về phía trước và phía trái, nên bên trái mới là vùng ảnh hưởng chính của nó. Tạng Phổi tuy nằm trên tạng Tim, nhưng lệch về phía sau và bên phải to hơn bên trái, nên ảnh hưởng của nó bên phải mới là ngôi chính, mặc dù buồng Phổi có cả đôi bên.

Vậy nói "Hữu Thốn phía ngoài là vị trí để nghiệm Phổi, phía trong

là vị trí để nghiệm giữa vùng lồng ngực, còn tả Thốn phía ngoài là vị trí để nghiệm Tim, phía trong là vị trí để nghiệm Bọc Tim", Nếu ta theo dõi nghĩa, chớ đừng mắt kẹt ở chữ, thì cũng chẳng lạ gì, quan hệ ở ta uyển chuyển; thế là ăn thua ở ta nắm vững nguyên lý và nguyên tắc.

Sách vở không thể hết lời, mà lời cũng không thể hết ý; vì thế nên hai tiết chót luận giả mới dùng phép trang trải, để giúp ta khỏi mắc kẹt vào lời chữ mà lạc hướng. Nên mới nói thêm rằng: "Cứ hễ phần nào trước là sắp ở trước, là phần nổi; phần nào sau là sắp ở sau, ở phần chìm. Hễ bộ trên thì thuộc về nơi để nghiệm các việc phần trên, những chuyện xảy ra từ chẽn vừng trở lên đầu; còn bộ dưới là thuộc về phần dưới, là để nghiệm những chuyện xảy ra từ rún xuống đến chân". Thế là trong chỗ không lời, ta phải hiểu thêm rằng: bộ giữa là để nghiệm những chuyện xảy ra ở quãng giữa. Thế là luận giả đã làm cho ta thấy lý cửu cung đi vào từng bộ mạch một cách rõ rệt.

Đến đây nếu tinh thần ta có tổng kết, thì ta mới thấy thêm một lần nữa trong chỗ không lời luận giả đã thâu trọn cả lý thái cực, lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, ngũ hành, lục khí, bát quái vào trọn trong con người, vào sâu trong từng bộ mạch một cách gọn lỏn. Hãy nhìn vào đồ biểu thì rõ.

Có người hỏi: Tại sao ba bộ mạch bên trái đều thuộc dương, bên phải đều thuộc âm mà hữu Xích lại là nơi để nghiệm về Thận dương (mạng môn hỏa), tả Xích lại là nơi để nghiệm về Thận âm (Thận thủy)?

Đáp: Bên trái là thế khí dương ly tâm của từ trong đi ra ngoài, vì thế tả Xích tuy là ở bên dương mà vẫn là nơi để nghiệm phần Thận âm. Bên phải là thế khí dương hướng tâm, từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới; do đó hữu Xích tuy ở phía âm, mà là nơi khí dương của toàn thân thu liễm bế tàng, nên là chỗ để nghiệm về Thận dương.

Phần Thận dương bên phải không những là nơi súc tích năng lực trong con người mà thôi, mà còn là nơi căn để qui túc của khí Tam tiêu nữa. Ở người đàn bà bộ phận tử cung, ở người đàn ông vùng dưới rún (vùng đơn điền), cả hai đều thuộc về Tam tiêu, mà Tam tiêu lại thuộc về Thiếu dương. Khí của Thiếu dương gốc nó là hỏa mà ngọn nó là dương, bởi vậy ở người đàn ông thì mạch hữu Xích là nơi để nghiệm về năng

lực của Thận dương, mà cũng là nơi để nghiệm về khí đơn điền; còn ở người đàn bà ngoài việc nghiệm năng lực của Thận dương ra, còn là nơi để nghiệm về tử cung và buồng trứng bên phải nữa. Vì thế mà khi khí Thiếu dương Tam tiêu bị chìm hãm, thìdù cho nam hay nữ cũng phải dùng hữu Xích mà nghiệm.

Còn phần Thận dương bên trái tuy dương mà âm, tính chất của nó lệch về giao cảm. Ở người đàn ông về hạch tinh thủy cũng như tổ chức túi đựng tinh, ở người đàn bà các hạch dâm thủy xung quanh âm đạo và âm hộ đều liên quan chặt chẽ với Thận dương bên trái. Ngôi bên trái của bụng dưới lại là ngôi thủy thuộc Bàng quang, mà cũng là nơi căn cứ của Ruột cùn. Vì thế mà ở người đàn ông phần tả Xích là nơi không những để nghiệm về Ruột cùn, Bàng quang, Thận thủy mà còn là nơi để nghiệm về túi tinh và hạch tinh thủy; ở người đàn bà, ngoài việc để nghiệm về Ruột cùn, Bàng quang, Thận thủy ra, còn để nghiệm về buồng trứng bên trái, với các hạch dâm thủy ở cơ năng sinh dục và kinh kỳ nữa.

Vì thế dù nam hay nữ khi dục tình ngấm ngầm động mạnh, thì hai bộ Xích đều bồng bột mà tả Xích dễ thiệt hơn hữu Xích. Vì sao thế? Vì là chuẩn bị một cuộc bài tiết tinh dịch vậy. Đây chỉ là đại lược cho hiểu vậy thôi, ngoài ra còn nhiều chi tiết khác nữa, đến sau sẽ rõ.

HÌNH 17.7: THÁI CỰC, LƯỠNG NGHI… CÓ VÒNG BÁT QUÁI

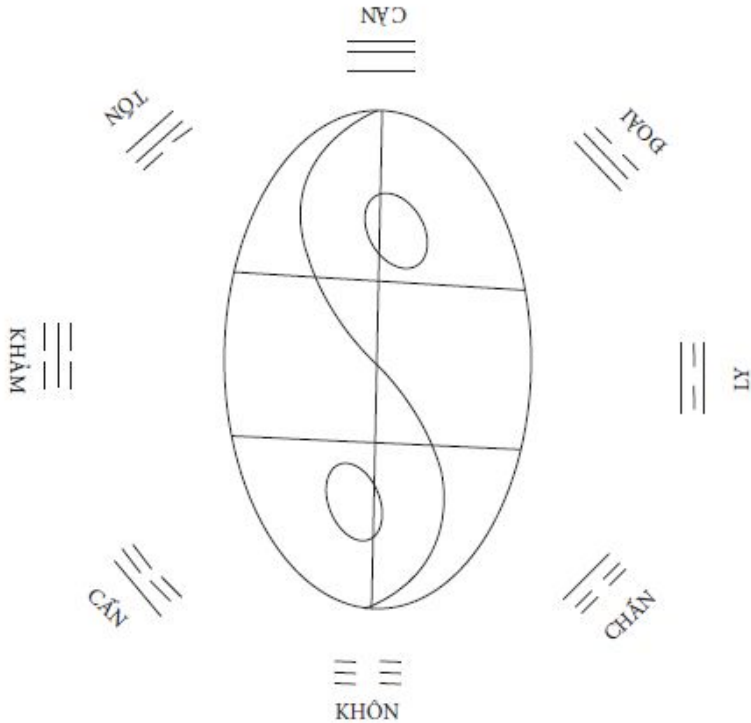

BÌNH

Nếu nói có thể thấy con vi trùng hay hột nguyên tử hoặc tế bào bằng con mắt giác quan, thì quyết định người xưa không không bằng người nay. Nhưng nếu dùng con mắt tâm linh mà nhìn sự vật, thì người xưa không những trông thấy đến vi trùng, nguyên tử mà thôi, mà còn thấy thấu đến siêu vi trùng, siêu nguyên tử, đến tận **không là gì** nữa là khác. Thế mới biết: Người nay quyết định không thể theo kịp người xưa.

Bằng con mắt giác quan nom thấy bao la trong hột nguyên tử, thì quyết định người xưa không bằng người nay. Nhưng dùng con mắt trí tuệ để nhìn, không những người xưa thấy được trong hột siêu nguyên tử có đủ bao la mà thôi; còn xa hơn nữa, họ thấy được chính họ cũng là một huyễn tượng tổ hợp của siêu nguyên tử, và họ với bao la đều chỉ là **không hai, không là gì**. Vậy mà họ chưa ngừng, họ còn đi xa hơn nữa để

thấy được đến những huyễn tượng mà giác quan không trông thấy được, trong đó vẫn có trật tự tương quan; rồi xa hơn nữa, họ còn biết lui lại vào trong một cuộc sống thực tế hàng ngày mà chỉ giác quan thông thường, không cần đến dụng cụ máy móc cũng thấy được, để thực hiện chính mình là bao la, là không là gì, là vũ trụ, là huyễn tượng, là trật tự tương quan, là không thiếu, là đồng nhất không hai, để cuộc sống đúng với nghĩa trí tuệ. Chỗ này quả là người nay không thể đem so sánh với người xưa. Thế mới biết: Cái học trí tuệ mới là đích thực khoa học. Còn cái gọi là khoa học ngày nay, chẳng qua chỉ là một thứ kỹ thuật vật chất; và nếu dùng danh từ khoa học đúng lý ra phải gọi là ngụy khoa học mới phải.

Thuở xưa tôi từng nghe nói: Nếu là bậc thông đạt thì phải biết thâu vũ trụ vào lòng bàn tay; vậy mà sau này tôi còn nghe thấy đến cả thâu bao la vào trong một siêu nguyên tử, siêu vi trùng nữa là khác.

Đến nay một buổi ban mai, trời Thu quang đãng, lưng trời trong suốt không chút gợn mây. Nhắp chung trà tiên, buông tầm mắt nhìn trời, chợt nghĩ đến tự bắt phì cười. Cổ nhân sao mà nói láo quá! Nếu không nói láo tức là nói ngược. Vì sao thế? Vì muôn thuở nó vốn như vậy, nào có ai có thể bớt, có thể thêm. Đã thêm một lời cũng không được, bớt một lời cũng không được, sao lại có thâu với không thâu?! Thế mới biết: Vừa nhướng con mắt hay nhíu chân mày cũng đều đã xúc phạm vào qui củ của Tổ sư rồi vậy.

Nhưng riêng tôi, tôi lắng tai nghe trong bụng của tôi nó nói như thế này: Lạ quá! Sao những người đui điếc, họ đều có mặc cảm người xung quanh đui điếc hơn họ?! Và lạ lắm! Lạ lắm! Không hiểu sao cái gọi là khoa học ngày nay nó biết đến nguyên tử, đến tế bào, đến vi trùng, có cả kỹ thuật truyền thanh truyền hình, có phi thuyền vượt không gian, có bom nguyên tử, biết được bầu khí quyển, thấy được vạn loại chỉ là những đám lao nhao nhờ sức hấp dẫn của địa cầu mà có ra thể chất và sự sống; thế mà nó không biết gì hết về mạch cổ tay, thật là quá ngu dốt!

Lạ quá! Lạ quá! Nếu cổ y học Trung Hoa chỉ là một khối kinh nghiệm như người Tây phương đã hiểu, thì sao đã suốt mấy ngàn năm mà đến ngày nay người Trung Hoa lại dốt nát quá chừng! Không những không tiến xa hơn được chút nào, mà trái lại còn làm cho sự nghiệp ông cha để lại từ muôn thuở càng thêm sứt mẻ mất đi quá nửa; đến nỗi nguyên lý mạch cổ tay cũng như nguyên lý năng lực của cái học kinh

huyệt châm cứu, cũng không đủ tư cách để giúp cho bà con Tây phương được bét con mắt. Như thế há chẳng là lạ lắm sao?! Thế mới biết: Ở trong rọ mê định vẹo nói tầm bậy tầm bạ, thật là không có giá trị đàm phán chút nào! Đó, trong bụng tôi nó nói vậy đó. Sự thật là thế, có sao nói vậy. Xin đừng ai vội than phiền.

LỜI DẪN NHẬP VÀO PHẦN SAN ĐỊNH NHỮNG ĐOẠN CUỐI THIÊN

Theo chỗ nhận xét của chúng tôi, thì từ đây cho đến hết thiên về phần ý tứ của từng tiết một, tiết nào đều có ý nấy, điều đó đã hẳn. Nhưng nếu nhìn sâu vào tinh thần phân loại, thì ta thấy tuy vẫn là luận giả tiếp tục trình bày từng ý từng phần, nhưng đối với hệ thống trật tự trông qua thấy thật là đảo lộn, làm cho hậu học trở nên khó khăn. Vì thế nên trước hết, phần phiên âm chúng tôi vẫn để nguyên không phân đoạn, mà chỉ đánh số tiết để phiên âm suốt đến hết thiên; rồi kế đó chúng tôi vừa phân đoạn vừa đánh số tiết, phiên âm theo thế sắp xếp san định lại; và sau cùng theo thứ tự từng đoạn mà bình giải, để độc giả dẫu có muốn nghiệm xét lại cũng vẫn không bị thất lạc, và nếu nhìn chung thì tiết nào nghĩa nấy vẫn y nguyên không hề thêm bớt. Chỗ này độc giả hãy nên chú ý.

PHẦN PHIÊN ÂM CỦA NHỮNG ĐOẠN CUỐI THIÊN

Tiết 1: Thô đại giả, âm bất túc dương hữu dư vi nhiệt dã.

Tiết 2: Lai tật khứ từ, thượng thiệt hạ hư, vi khuyết điên tật. Lai từ khứ tật, thượng hư hạ thiệt, vi ố phong dã; cố trúng ác phong giả, dương khí thọ dã.

Tiết 3: Hữu mạch câu trầm tế sát giả, Thiếu âm khuyết dã. Trầm tế sát tán giả, hàn nhiệt dã. Phù nhi tán giả, vi tuận phát.

Tiết 4: Chư phù bất tháo giả, giai tại dương tắc vi nhiệt; kỳ hữu tháo giả, tại thủ. Chư tế nhi trầm giả, giai tại âm tắc vi cốt thống, kỳ hữu tĩnh giả, tại túc.

Tiết 5: Sát động nhứt đại giả, bệnh tại dương chi mạch dã, tiết cập tiện nung huyết.

Tiết 6: Chư quá giả thiết chi, sắc giả dương khí hữu dư dã, hượt giả âm khí hữu dư dã. Dương khí hữu dư vi thân nhiệt vô hạn, âm khí hữu dư vi đa hạn thân hàn, âm dương hữu dư tắc vô hạn nhi hàn.

Tiết 7: Thôi nhi ngoại chi, nội nhi bất ngoại, hữu tâm phúc tích dã. Thôi nhi nội chi, ngoại nhi bất nội, thân hữu nhiệt dã. Thô nhi thượng chi, thượng nhi bất hạ, yêu túc thanh dã. Thôi nhi hạ chi, hạn nhi bất thượng, đầu hạng thống dã.

Tiết 8: Án chi chí cốt, mạch khí thiểu giả, yêu tích thống nhi thân hữu tê dã.

PHẦN SAN ĐỊNH

ĐOẠN 17

PHIÊN ÂM

Tiết 1: Thô đại giả, âm bất túc dương hữu dư vi nhiệt dã.

Tiết 6: Chư quá giả thiết chi, sắc giả dương khí dư dã, hượt giả âm khí hữu dư dã. Dương khí hữu dư vi thân nhiệt vô hạn, âm khí hữu dư vi đa hạn thân hàn, âm dương hữu dư tắc vô hạn nhi hàn.

DỊCH

Hễ mạch thô, lớn quá là phần âm thiếu, phần dương có dư, là nóng.

Khi chẩn mạch có bệnh, hễ thấy mạch rít là khí dương có dư, trơn là khí âm có dư. Hễ khí dương có dư là mình

nóng không mồ hôi, khí âm có dư là nhiều mồ hôi mà mình lạnh, nếu khí âm dương đều có dư thì không mồ hôi mà mình lạnh.

GIẢI

Đành rằng từ đoạn này cho đến hết thiên chỉ là để đáp lại ý hỏi về bệnh ở ngoài, ở trong; nhưng riêng đoạn này chỉ để nhận định về tướng mạch thế nào mà là phần âm hoặc dương có dư, để sanh ra triệu chứng hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc có mồ hôi hoặc không mồ hôi.

Nếu là bệnh nóng là phần âm hư dương thiệt, tướng mạch đến thô lớn, thì quyết định nhịp Tim cũng như nhịp mạch đập phải mau hơn bình thường, chớ không thể bình thường được. Thế mới biết: Nói tướng mạch thô lớn ở đây chỉ mới là phương diện tướng mạch thôi. Thí dụ trong trường hợp bệnh Thương hàn chứng Dương minh táo nhiệt đều thường thấy nhịp mạch tăng gia; trừ khi có một điều kiện đặc biệt nào xen vào thì đó chỉ là bất thường ngoại lệ, không thể căn cứ vào đó làm điều kiện thông thường được.

Trong máu con người vốn có hai loại: loại máu đỏ thuộc về Tim Gan quan hệ đến phần khí dương, loại máu trắng thuộc về Thận và Tỳ quan hệ đến phần khí âm; cả hai đều phải hòa tan vào trong một thứ nước loãng. Trong máu đỏ mang nhiều tinh hoa của chất chát, trong máu trắng mang nhiều tinh hoa chất keo dẻo; cả hai hình như trái nhau, nhưng sự thật hòa nhịp với nhau một cách vô cùng tinh tế. Cả hai đều thuộc về phần dinh, phần huyết; còn phần nước để hai thứ máu cùng hòa tan ấy lại là phần quan hệ đến khí vệ. Thế là âm dương dinh vệ vốn đồng nhất dung thông mà hoặc khi phân khi hợp đều tùy theo tác dụng.

Nay khi có bệnh bởi một lý do gì, làm cho khí dương khí nóng không bài tiết được bình thường để giữ thế quân bình mà xảy ra có dư, tất phần khí âm, phần máu trắng, phần nước phải bị tiêu hao bớt, làm cho dinh vệ khí huyết trong máu mất thế quân bình, sự lưu thông trong ống mạch trở nên kẹt rít khó khăn, thì phải hiện ra hiện tượng mạch rít. Nên mới nói "hễ mạch rít là khí dương có dư", "khí dương có dư là mình phải nóng không mồ hôi". Trước kia có lúc bảo "hễ là mạch rít thì có

chứng trong tim đau nhói". Thế thì cũng có thể lắm, ngoài trường hợp này biết đâu cũng có trường hợp hoặc bởi thọ bẩm, hoặc bởi một chứng bệnh nội thương nào, làm cho phần máu trắng (phần âm huyết) và nước máu thiếu đi, để máu đỏ không đủ sức hòa trơn mà hóa ra mạch sắc không biết chừng?! Như trường hợp uống quá nhiều trà Tàu (chất chát) chẳng hạn; do đó mới nói "uống lắm trà Tàu thêm bại Thận" là vậy. Ngoài ra còn có trường hợp vì phiền muộn, khổ đau, ghen tức của cõi tâm hồn, làm cho phần âm huyết phải tiêu hao, phần khí vệ phải bế tắc, máu không lưu thông được, cũng có thể hiện ra mạch rít.

- Ngược lại, hoặc bởi một lý do nào làm cho phần âm huyết, phần nước máu tăng lên mà không cùng với máu đỏ hòa hợp, thì phải xảy ra hiện tượng mạch hượt. "Hượt" nghĩa là lềnh, là không hòa; cho nên phải kèm theo triệu chứng mình lạnh mà nhiều mồ hôi. Như những trường hợp của những người ăn nhiều chất bổ, dầu mỡ, kèm theo uống nhiều nước đá lạnh, khi vào trong máu phần âm huyết và máu đỏ không dung hòa nhau để xảy ra mạch hượt, để rồi lần hồi đi đến ống động mạch biến cứng thành bệnh máu lên, rồi lá Gan lần kết cứng lại. Vì nghĩa của mạch hượt là như thế, nên sau khi ăn cơm no xong, chất bổ lần đưa vào máu chưa kịp biến hóa dung hòa, cũng xảy ra hiện tượng mạch hượt. Và cũng vì thế mà trong mạch học có câu nói "mạch hượt là hiện tượng mạch nhiều đàm", và lại nói "bệnh ống động mạch biến cứng là trong máu có nhiều đàm". Thế là người xưa đi từ hiện tượng mạch hượt đến nhập thần trực giác nhận ra "hượt" nghĩa là lềnh, để thấy được thế quân bình trong máu chênh lệch hầu chữa trị. Chỗ này quả là nghĩa "thần nhi minh chi" không ngoa vậy.

- Bảo rằng: "Khi âm dương đều có dư thì ở phần triệu chứng phải là không mồ hôi mà mình lạnh", nhưng không nói mạch ra sao cả. Như thế nghĩa là sao? Phải chăng trong chỗ không lời luận giả muốn bảo: Làm sao có chuyện hiện tượng một lúc mà mạch vừa trơn vừa rít? Hay là luận giả muốn nói: Khi đè tay xuống là thuộc phần âm, nhớm tay lên là thuộc phần dương, để khi đè xuống vẫn thấy mạch trơn mà nhớm lên lại thấy mạch rít, hậu học phải tự để ý mà nhận ra, hay là ở trong trường hợp này chỉ nên nhận chứng mà không nhận mạch?! Thế là trong hai trường hợp nhất định phải có một, điều đó có xác thực hay không cũng chỉ chờ xem. Nhưng dù sao thì sao, nghĩa của âm dương đều có dư là một cách nói khác để cho một hiện tượng bệnh thiệt, âm dương dinh vệ trong máu không hòa nhau được. Với trường hợp triệu chứng mình lạnh không mồ

hôi như thế, thường thấy xảy ra trong bệnh máu lên (động mạch biến cứng), lá Gan đã chai; chính hồi đó mới là hiện tượng mạch pha trộn giữa trơn và rít đó. Đây là điều mà bút giả thường giáp mặt với sự thật, ngoài ra biết đâu không còn nhiều trường hợp khác nữa. Thế mới biết: Về môn mạch học quan trọng ở tiềm tâm thâm nhập vào cái lý biến hóa của mạch hơn là nê trệ vào tướng và lời. Độc giả nên cùng chung nghiệm xét.

Mạch lý thật rất diệu huyền, nhưng mạch tượng vẫn là hiện tượng, trong một điểm nhỏ xíu mà hiện tượng biến huyễn muôn màu. Vậy nên cốt cán của khoa mạch học là chỉ cần nương nơi hiện tượng của mạch để thâm sâu vào lý biến hóa của mạch, hầu nắm cho được then máy của bệnh tật là hơn, chớ không thể nào chết cứng vào hiện tượng mạch hay chỉ mắc kẹt vào trong triệu chứng mà có thể thấu triệt. Đó là bổn phận của người học, chẳng ai có thể làm thế cho ai được cả.

ĐOẠN 18

PHIÊN ÂM

Tiết 3: Hữu mạch câu trầm tế sác giả, Thiếu âm khuyết dã. Trầm tế sác tán giả, hàn nhiệt dã. Phù tế sác giả, vi tuận phát.

DỊCH

Có trường hợp sáu bộ mạch đều trầm tế sác (chìm, quá nhỏ, mau) là bệnh khuyết nghịch của Thiếu âm. Nếu thêm tán (tan) nữa, là có triệu chứng nóng lạnh. Nếu không chìm mà nổi, quá nhỏ, mau, tan (phù tế sác tán) là có triệu chứng xây xẩm choáng váng.

GIẢI

Đoạn này diễn tả hiện tượng chung của sáu bộ mạch có hiện tượng nào thì có cách bệnh nấy.

- Căn cứ vào hiện tượng mạch mà phân âm dương, thì chìm là âm, quá nhỏ là âm, mau (trên năm nhịp đến sáu nhịp trong một hơi thở) là dương.

Nếu phân theo sáu kinh sáu khí, thì mạch chìm quá nhỏ là thuộc về Thiếu âm. Phần thủ của Thiếu âm ở tạng thuộc Tim, phần túc thuộc Thận.

Nếu căn cứ vào luật: mạch bồng bột là thuộc kinh thủ, trầm lặng là thuộc kinh túc. Thì nghĩa mau ở đây có phải được liệt vào thế bồng bột hay không? Vì sao thế? Vì đến đoạn 19 có nói "các mạch quá nhỏ chìm đều thuộc phần âm, nếu có bồng bột là thuộc kinh thủ". Thế thì cả sáu bộ đều chìm, quá nhỏ và mau, có phải là bệnh ở Thủ Thiếu âm không? Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là chìm quá nhỏ là âm, mau là dương; tức là khí dương bị chìm hẳn vào phần âm, khí âm chiếm cả phần dương, cho nên là chứng nhiệt khuyết (khuyết nghịch mà nóng) ở Túc Thiếu âm. Vì khí dương không ra được đến đầu ngón tay, ngón chân, mà khí âm lại không giữ được bên trong, cho nên có thể là mình thì nóng mà bàn tay bàn chân giá buốt teo móp. Ta hãy cẩn thận để đón tiếp sự thật xem sao.

- Tán nghĩa là tan, nghĩa là khi đè tay xuống thấy như ống mạch tan ra bốn phía xung quanh ngón tay.

Quá nhỏ tuy là quá nhỏ, nhưng đối với nhỏ mà nói, chớ chưa phải đến cực nhỏ, cho nên trường hợp mạch quá nhỏ vẫn còn thấy rõ ràng một ống mạch, chớ chưa phải đến lờ mờ. Thế thì cả sáu bộ đều chìm, quá nhỏ, mau mà lại tan nữa, tức là nghĩa quá nhỏ đã biến dạng rồi; nên không hẳn là khí dương hoàn toàn chìm vào phần âm, khí âm hoàn toàn chiếm cả phần dương, mà có những hồi khí dương tranh ra bên ngoài hoặc khí âm tranh ra bên ngoài; cho nên mới xảy ra chứng khi nóng khi lạnh. Nên mới nói "nếu chìm, quá nhỏ, mau mà thêm tan nữa là có triệu chứng nóng lạnh". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là chứng nóng lạnh của Thiếu âm.

- Nổi nghĩa là dương, là đặt tay vào mặt da thấy ngay. Nếu cả sáu bộ vừa nổi vừa quá nhỏ vừa mau vừa tan; thế là khí dương hổng chân mà khí âm bốc nổi, là hiện tượng cả phần âm lẫn phần dương, cả khí lẫn huyết đều thiếu, là mạch hư, cố nhiên là phải có chứng xây xẩm choáng

váng mà tục thường gọi là máu xâm. Cho nên mới nói "nếu không chìm mà nổi, quá nhỏ, mau, tan (phù tế sác tán) là có triệu chứng xây xẩm choáng váng".

Thế là trọn cả đoạn này chỉ trình bày ba trường hợp cả sáu bộ mạch đồng nhất, và mạch chứng hiển nhiên như thế. Còn bởi lý do nào mà có ra, lại là một chuyện khác.

ĐOẠN 19

PHIÊN ÂM

Tiết 4: Chư phù bất tháo giả, giai tại dương, tắc vi nhiệt; kỳ hữu tháo giả, tại thủ. Chư tế nhi trầm giả, giai tại âm, tắc vi cốt thống; kỳ hữu tịnh giả, tại túc.

Tiết 5: Sác động nhứt đại giả, bệnh tại dương chi mạch dã, cập tiện nung huyết.

DỊCH

Hết thảy các mạch nổi mà không bồng bột đều thuộc hiện tượng ở phần dương, tức là nóng; nếu thêm bồng bột nữa là thuộc về kinh thủ.

Hết thảy các mạch quá nhỏ, chìm đều thuộc hiện tượng ở phần âm, tức là có triệu chứng nhức xương; nếu không bồng bột là thuộc kinh túc.

Nếu mạch mau mà có tướng giật dội (động), thỉnh thoảng có ngừng một nhịp, là hiện tượng mạch bệnh của kinh dương, thuộc phủ, phải có triệu chứng đại tiện ra mủ máu.

GIẢI

Đại ý đoạn này cốt để minh định rõ ràng về nghĩa bệnh chứng ở kinh Thủ hay kinh Túc, hầu cho sự chữa trị được mười phần chính xác.

Nói "nổi", nói "không bồng bột" mà lại nói "đều thuộc phần dương, đều có nóng, nếu thêm bồng bột nữa là thuộc về kinh Thủ". Mới nghe qua hình như là mâu thuẫn, nhưng ta hãy nghiệm cho kỹ nghĩa "bồng bột" ở đây phải khác hơn nghĩa "mau". Cho nên biết đâu không phải vừa nổi vừa mau mà chưa phải đến là bồng bột; nên mới có thể hiện ra triệu chứng nóng?! Và nói rằng: bồng bột là thuộc về kinh Thủ, tức là trong đó đã nói: nếu không có bồng bột là thuộc về kinh Túc. Cho nên mới nói: "Hết thảy các mạch nổi mà không bồng bột đều thuộc hiện tượng ở phần dương, tức là nóng; nếu thêm bồng bột nữa là thuộc về kinh Thủ". Thế mới biết: hai chữ "bồng bột" dịch từ chữ "tháo" ra, quả là một hiện tượng vô cùng khó khăn cho hậu học vậy.

Quá nhỏ, chìm đều là hiện tượng mạch ở phần âm (Thiếu âm). Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là khí âm đã xâm chiếm vào tận trong xương, nên cố nhiên phải có chứng nhức xương. Nhưng chưa rõ thuộc về kinh Thủ hay kinh Túc, nên luận giả lại tiếp: Nếu mạch không hiện tướng bồng bột, tức là bệnh thuộc kinh Túc. Thế là trong chỗ không lời luận giả đã nói: Nếu có bồng bột là bệnh không phải ở kinh Túc nữa. Cho nên mới nói "Hết thảy các mạch quá nhỏ chìm đều thuộc hiện tượng ở phần âm, tức là có triệu chứng nhức xương; nếu không bồng bột là thuộc kinh Túc".

Mau là thuộc dương, giật dội là có chỗ ngưng đọng chướng ngại tích trệ; thỉnh thoảng có một nhịp ngừng là không nối tiếp, nghĩa là gián đoạn.

Nói thuộc ở kinh dương, tức là nói chung tổng quát cả ba kinh dương. Ba kinh dương đều thuộc về phủ, chỉ có cần phân biệt ở Thủ hay ở Túc mà thôi. Nhưng nói mau, nói co giật, thì làm sao lại có thể là không bồng bột? Như thế biết đâu không phải là ở phần kinh Thủ?! Đã là thuộc kinh dương mà lại thuộc kinh Thủ, tức là dương ở trong dương. Tổng kết lại ta thấy đã vừa mau vừa co giật, bồng bột, thỉnh thoảng lại có ngừng, quả là hiện tượng dương ở trong dương. Như thế biết đâu không phải là bệnh của Thủ Thái dương?! Mà đã là có chỗ ngưng đọng chướng

ngại tích trệ, gián đoạn không nối tiếp, thì sao trong Ruột non lại không có một chứng bệnh đại tiện ra mủ máu cho được?! Còn bệnh đó là nguyên do gì, tên gì là một chuyện khác. Nên mới nói "Nếu mạch mau mà có tướng giật dội, thỉnh thoảng có ngừng một nhịp, là hiện tượng mạch bệnh của kinh dương, thuộc phủ, phải có triệu chứng đại tiện ra mủ máu".

Thế là đã minh định rõ ràng ở phần Thủ hay phần Túc rồi đó.

ĐOẠN 20

PHIÊN ÂM

Tiết 2: Lai tật khứ từ, thượng thiệt hạ hư, vi khuyết điên tật. Lai từ khứ tật, thượng hư hạ thiệt, vi ố phong dã; cố trúng ác phong giả, dương khí thọ dã.

Tiết 8: Án chi chí cốt, mạch khí thiểu giả, yêu tích thống nhi thân hữu tê dã.

DỊCH

Khi nhớm tay lên thấy mạch đi mau, đè tay xuống thấy chậm; nghĩa là bên trên thiệt bên dưới hư, tức là có chứng khuyết nghịch và bệnh ở trên đỉnh đầu.

Nếu nhớm tay lên thấy mạch chậm, đè tay xuống thấy mau nghĩa là trên hư dưới thiệt, là có chứng sợ gió. Thế mới biết: Khi trúng gió độc, khí dương phải thọ lãnh trước.

Nếu đè xuống đến xương mà mạch khí suy thiếu, tức là thắt lưng xương sống có nhức, trong mình có tê.

GIẢI

Ý đoạn này cốt để phân định rõ nghĩa phần dương phần âm bằng cách nhớm tay lên hay đè tay xuống để mà định bệnh.

Nhớm tay lên, mau là dương; đè tay xuống, chậm là âm. Trên là dương dưới là âm. Khi chẩn mạch nếu thấy lúc đè dần xuống có hiện tượng chậm, nhớm dần lên thấy có hiện tượng mau, tức là phần trên, phần ngoài, phần dương thì thiệt; phần dưới, phần trong, phần âm thì hư. Thế là đồng nghĩa với mạch nghịch, chính vì thế mà biết đâu hai bộ Thốn lại không cao hơn hai bộ Xích nhiều?! Mà đã là mạch nghịch, tất nhiên việc xảy ra triệu chứng khuyết nghịch và các chứng ở đỉnh đầu như nhức đầu chẳng hạn, là chuyện rất dễ có. Cho nên nói: "Khi nhớm tay lên thấy mạch đi mau, đè tay xuống thấy chậm, nghĩa là bên trên thiệt, bên dưới hư, tức là có chứng khuyết nghịch và bệnh ở trên đỉnh đầu".

Nếu ngược lại, trên hư tức là phần trên, phần dương, phần ngoài đều hở; còn dưới thiệt là bên trong, bên dưới, phần âm bị khí tà chìm hãm. Như thế biết đâu lại không đi đôi với Thốn hư Xích thiệt theo thế mạch hãm?! Nếu phần dương đã hở, lẽ cố nhiên không thể nào không có chứng sợ gió. Và đây cũng là một bằng cớ để cho ta thấy khi bị trúng gió là phải phần dương, phần ngoài, phần trên, thọ lãnh trước. Nên mới nói "Nếu nhớm tay lên thấy mạch chậm, đè tay xuống thấy mau nghĩa là trên hư dưới thiệt, là có chứng sợ gió. Thế mới biết: Khi trúng gió độc, khí dương phải thọ lãnh trước".

Tận đến xương là từng lớp thuộc Thận, thuộc cốt tủy. Đè xuống đến xương tức là phần tột bực chìm. Nói đến phần tột bực chìm mà mạch khí suy thiếu, tức là muốn nói hiện tượng năng lực tinh hoa trong Thận dương không đủ, có khí lạnh xâm chiếm.

Vùng thắt lưng xương sống là phủ của Thận. Tê là triệu chứng khí dương trong xương không đủ. Thế là thắt lưng xương sống nhức, trong người có bộ phận tê dại, tức là hậu quả của Thận dương không đủ, có khí lạnh xâm chiếm. Cho nên nói "Nếu đè xuống đến xương mà mạch khí suy thiếu, tức là thắt lưng xương sống có nhức, trong mình có tê".

Thế là hết nghĩa nói về hiện tượng nhớm tay lên đè tay xuống.

ĐOẠN 21

Lời dẫn nhập san định cho đoạn 21

Đoạn này vốn vẹn có một tiết, bốn câu; nhưng chỉ vì hai câu dưới có hai chữ rất không hợp lý, làm cho nghĩa lý phải mờ đi. Đáng lẽ chúng tôi tự sửa chữa luôn, nhưng vì tôn trọng tinh thần độc giả, nên buộc lòng phần phiên âm chúng tôi phải trước hết để y nguyên văn mà đánh dấu a, b, c, d cho từng câu, rồi mới đến phần san định.

Đến phần dịch, chúng tôi cũng theo thứ tự ấy mà dịch. Chót hết đến phần giải, chúng tôi mới thêm phần giải thích, hầu cho nghĩa lý càng thêm tường tận, để độc giả tiện bề cứu xét.

PHIÊN ÂM (NGUYÊN VĂN)

Tiết 7

Thôi nhi ngoại chi, nội nhi bất ngoại, hữu tâm phúc tích dã.

Thôi nhi nội chi, ngoại nhi bất nội, thân hữu nhiệt dã.

Thôi nhi thượng chi, thượng nhi bất hạ, yêu túc thanh dã.

Thôi nhi hạ chi, hạ nhi bất thượng, đầu hạng thống dã.

PHIÊN ÂM SAN ĐỊNH

Đã chỉ có hai câu sau sai lầm, nên phần san định phiên âm cũng chỉ cần đánh dấu hai câu sau mà thôi.

Thôi nhi hạ chi, thượng nhi bất hạ, yêu túc thanh dã.

Thôi nhi thượng chi, hạ nhi bất thượng, đầu hạng thống dã.

DỊCH (NGUYÊN VĂN)

Trong khi chẩn mạch, thử chuyển ba đầu ngón tay chận cho ống mạch lệch ra phía ngoài theo chiều ngón cái. Nếu thấy nó vẫn trả vào trong, tức là trong bụng có tích.

Cố đẩy nó vào phía trong theo chiều ngón út mà nó vận lệch ra phía ngoài, tức là trong mình có bệnh nóng.

Lăn ba ngón tay đẩy nó lên phía trên ngón cái theo chiều bộ Thốn, nó mắc kẹt luôn ở trên không trả trở xuống, tức là từ thắt lưng xuống đến chân có lạnh.

Lăn ba ngón tay chuyển đẩy nó xuống về hướng bộ Xích, nó vẫn mắc kẹt luôn ở dưới không lên được, thế là có chứng đầu gáy nhức.

PHẦN DỊCH SAN ĐỊNH

Lăn ba ngón tay đẩy nó xuống phía dưới về hướng bộ Xích, nó vẫn trả về hướng bộ Thốn, tức là từ thắt lưng xuống đến chân có lạnh.

Lăn ba ngón tay đẩy nó lên hướng bộ Thốn mà nó vẫn trả về hướng bộ Xích, thế là có chứng đầu gáy nhức.

GIẢI

Đây là đoạn chót của cuối thiên chuyên dùng thủ pháp để nhận ra bệnh tật. Cùng với đoạn thứ 17 về phép bố cục sáu bộ mạch rất có quan hệ mật thiết lẫn nhau. Đại ý muốn nói: Sự nhận định về mạch không phải chỉ ở ba hậu nổi, giữa và chìm không mà thôi, mà còn phải biết cách nhận định liên lạc từ phần trên, phần giữa xuống phần dưới, cũng như phần trong, phần giữa và phần ngoài của mỗi bộ nữa. Thế là nhìn chung ba bộ

thì ta thấy có chín hậu, nhìn riêng từng bộ ta thấy mỗi bộ có chín cung. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là ngón tay đặt vào mạch không phải chỉ chết cứng ở phần nổi chìm, lên xuống, nhẹ nặng mà thôi; lại còn phải vận chuyển một cách linh hoạt, để thấy được thấu suốt tất cả mọi vùng trong con người, hợp với mọi cách khám, để tổng kết một cuộc khám phá.

a. Nói "kéo nó ra hướng bên ngoài mà nó vẫn trả vào trong" tức là khi mới chẩn thấy hiện tượng mạch đã lệch về phía bên trong chiều hướng ngón tay út, giờ đây thử lấn nó ra bên ngoài mà nó vẫn cứ trả vào trong. Thế tất phải nghi rằng: Trong bụng có chỗ tích hoặc kết khối lại, nên tổ chức ống mạch bị kéo hẳn về phía bên trong. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong chỗ không lời luận giả nói: Vì vậy nên tất cả các cách khám khác như khám bụng chẳng hạn, cũng phải lưu tâm đến điểm đó.

b. Nói "Cố đẩy nó vào trong về phía theo lằn ngón út, mà nó vẫn cứ lệch ra ngoài", thế là khi mới đặt tay vào mạch cũng đã thấy nó lệch ra ngoài, cho nên mới chuyển thử vào trong. Nếu đã chuyển vào trong, mà ống mạch vẫn lệch ra ngoài, thế tất tổ chức ống mạch bị phần dương toàn thân bên ngoài phát nóng, làm cho ống mạch phải lệch ra ngoài. Thế là các cách khám khác cũng phải theo đó mà lưu tâm.

c. Trong nguyên văn nói "Chuyển ba ngón tay lăn đưa nó lên trên, mà nó vẫn mắc kẹt luôn ở trên không trả xuống được". Riêng chúng tôi nghĩ thật là vô lý chưa từng thấy bao giờ, chỉ trên nguyên tắc cũng đã trái với nghĩa lý của hai câu trên. Chỉ có khi mới đặt tay vào đã thấy tướng mạch nghịch lạ thường, nên người thầy thuốc mới chuyển thử đưa nó về hướng bộ Xích, để xem nó có trả lại bình thường hay không. Nếu có trả lại bình thường tức là thế nghịch đó chỉ mới tạm thời. Trái lại, nếu nó cứ giữ hẳn ở trên, thế là thế nghịch đó đã cố kết lâu rồi. Tức là muốn nói: Tổ chức ống mạch đã bị một lý do gì bên trong nội tạng làm cho khí dương phần nửa thân trên không giao xuống nửa thân dưới một cách bình thường, nên từ thắt lưng xuống đến chân phải bị lạnh. Thế là ý nghĩa câu này đồng ý nghĩa của mạch nghịch. Thế là chúng tôi đã nổi chữ "thượng" của chánh văn trong câu này ra thành chữ "hạ".

d. Chánh văn nói "lăn ba ngón tay chuyển nó xuống bên dưới, nó vẫn mắc kẹt luôn ở dưới không lên được". Chữ "dưới" ở đây cũng vô lý

như chữ "trên" của câu trên. Chỉ có khi mới đặt tay vào đã cảm thấy mạch hãm, người thầy thuốc nghi ngờ nên chuyển thử nó lên bên trên. Nếu nó không mắc kẹt luôn ở dưới, thế là lý do hãm ấy chỉ tạm thời; bằng không như thế, là quả thực mạch hãm. Tức là muốn nói: Vì cái thế trên hư dưới thiệt, nên mạch hiện ra tướng hãm. Thế là ý nghĩa của câu này đồng với nghĩa mạch hãm, do đó mới đoán ra chứng đầu gáy nhức. Thế là một lần nữa chữ "hạ" của câu này trong chánh văn chúng tôi đã đổi ra thành chữ "thượng".

Đó là lý do mà hai câu sau chúng tôi đã san định lại hai chữ. Nhưng về phần triệu chứng ở câu chót, chúng tôi vẫn có nghi ngờ mạch hãm mà có chứng đầu gáy nhức. Thế mà chúng tôi vẫn để nguyên là tại làm sao? Xin thưa: Đạiphàm sự việc hễ có thông lệ tất có ngoại lệ. Biết đâu chỗ thấy của chúng tôi vẫn chưa phải là khắp, nên hãy xin đánh dấu ngoặc (?) để độc giả cùng lưu ý, rồi thời gian và sự thật sẽ trả lời.

Lời giải toàn thiên

Nhìn suốt thiên này, trên bề mặt văn tự không ai có thể chối cãi được là một thiên tràng giang đại hải nói về mạch học. Nhưng ta càng trầm ngâm ngẫm nghĩ, càng thấm thía nhập thần rồi ta mới thấy quả thật là cổ nhân đã vì chúng ta mà lâm ly vắt từng giọt máu, chắt hết nước mắt mồ hôi, vì chúng ta mà bảo dưỡng cuộc sống. Ta hãy thử nghĩ: Trong khi toàn cả loài người đều hướng ngoại phóng vọt, đến đỗi mỗi con người chúng ta chỉ còn là những hình nộm máy, những thây ma biết đi, những thùng chứa công thức rác rến, những con khỉ thông thái; cho đến trời Phật cũng hết thiêng liêng, các tôn giáo, đảng phái đã trở thành những lò nấu nướng như ngày nay. Vậy thử hỏi: Trong tình cảnh đó phải làm sao đây?! Phải chăng chỉ còn có cách duy nhất là phơi trần trọn vẹn sự thật chính ở ngay con người của nó, để rồi nó tự liệu lượng lấy mà định một hướng đi, thì cuộc sống tự nhiên sẽ trở nên êm đẹp hơn là bảo nó phải làm gì, làm gì để chỉ tổ đến loạn thêm!

Ta không thấy sao gương Jésus, Thích Ca hãy còn sờ sờ đó. Vẫn biết rằng: Dẫu cho tinh thần NỘI KINH lát nữa rồi cũng có thể không khỏi bị bọn tả đạo bàng môn xen vào, nhưng kỳ thực biết đâu đến đây mới là giọt máu cuối cùng của lòng từ muôn thuở rất cần, tột bực cần ở những giờ phút quả địa cầu này sắp tận diệt?! Thế mới biết: Trong những giờ phút tận cùng bi đát của con người, sự biết cách nhìn để khám

phá và điều chỉnh lại chính con người của mình trước quả là một phương pháp độc đáo duy nhất nếu ta biết áp dụng, mà mỗi một con người của chúng ta khó bề chối cãi.

Điểm chú trọng đã là *con người phải trở lại với chính mình* thì lẽ cố nhiên việc khám phá tinh thần hay khám phá xác thân không thể gọi là không thiết thực. Đó là lý do thiên này phải có, và cũng là lý do để cho người nông nổi nhìn thấy đây là nói chuyện chuyên môn.

Đã từng nói: Bao la vốn là một kho tàng hiện tượng huyễn hóa biến huyễn không ngừng. Nhưng có thể lắm, nếu không có cách soi trở vào tận nguồn hiện tượng bên trong, thì biết đâu không có những kẻ đọc NỘI KINH rồi thấy tuy tất cả đều là hiện tượng huyễn hóa, chỉ riêng thân mình là một khối Kim cang chắc nịch muôn thu, dẫu cho đến lúc địa cầu hủy diệt cũng vẫn còn nguyên không hề hề hấn?! Vậy mà vẫn chưa chắc đã không có bọn một mặt thấy cả bên ngoài lẫn bên trong đều chỉ là hiện tượng biến huyễn không ngừng, còn cái vỏ Tôi này thì vẫn là tường đồng vách sắt bất khả xâm phạm?! Nếu đã có thể có hạng người như thế, thì biết đâu không còn có những kẻ đoản trí chỉ thấy đến chỗ thân mình cùng tất cả đều là huyễn hóa biến huyễn không ngừng, rồi xảy ra bơ vơ không lối thoát?! Những hạng lòng dạ nhỏ hẹp như thế, thì làm sao nhận ra được cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, hầu cuộc sống không trở thành cuộc chết cho được?! Khi câu chuyện đã phải mắc thẳng vào thân tâm của mỗi con người, lẽ cố nhiên không thể không có chuyện du ư nghệ. Mà đã có chuyện du ư nghệ, tất nhiên trong sảng sốt mê ly làm cho những kẻ ruột gan tả đạo bàng môn không thể không nhìn thấy đó là chuyên môn vậy. Thế mới biết: Tất cả những điều kiện đã nói trên đều là những lý do để cấu kết ra thiên này, và cũng là chỗ để cho ta thấy thiên này với bao nhiêu thiên trước vốn không có khe hở, mà cũng là chỗ để cho những hàng có nhiệt tâm học Đạo với lòng dạ nhỏ hẹp cũng rất khó vào vậy.

Nếu đứng về phương diện nghệ thuật khám phá nhìn vào khía cạnh mạch học mà nói, thì ta thấy tinh thần luận giả suốt tự những thiên trước cũng đã từng nêu lên khái quát, rồi dần dần càng đi càng sâu vào phân tích chi ly, đến sau này có những hồi hình như vén lên một bức màn tổng kết, để cho người học có cơ hội hoàn thành trọn vẹn chín chắn một tinh thần nghệ thuật trong môn khám phá. Thế mới biết: Dù trọn cả thiên này hay đến cả hai thiên sau, trong đó có những chỗ vạch ra từng chi tiết

từng bộ phận, cũng chẳng qua là để cho ta sau này khi được viên thành hoàn tất môn nghệ thuật khám phá sẽ được chín chắn càng thêm chín chắn, chứ không phải để cho ta mắc kẹt chết trong chi tiết mà quên đi phần cứu cánh trọn vẹn. Vì thế nên theo tôi thì độc giả chớ nên quá đặt nặng sự thắc mắc vào trong chi tiết, để đến nỗi tinh thần trọn vẹn phải bị mờ đi vì một khía cạnh, thì cái cơ nhập thần rồi bừng sáng mới có dịp xuất hiện. Như thế mới có cơ tránh khỏi hai chứng bịnh vật chất và cục bộ, mà toàn cả khoa học cũng như Y khoa ngày nay đang mắc phải.

Lời bình toàn thiên

Một cách nhìn

Người xưa nhìn sự vật thường áp dụng phương pháp trông cái lớn để thấy cái nhỏ, trông cái nhỏ để thấy cái lớn; nhìn cái gần để biết được cái xa, nhìn cái xa để biết được cái gần; nhìn ngoài để biết trong, nghiệm trong để biết ngoài. Lệ như muốn biết quả địa cầu thì dùng một trái cây để nghiệm, như quả dưa hấu chẳng hạn; muốn biết thân người, thì nghiệm quả địa cầu; muốn biết vạn vật đều tổ hợp, thì nhìn lên không trung; muốn biết bao la thì lui lại lòng mình, muốn biết được thân mình thì nghiệm ra bao la; muốn biết được cái không thì trông cái có, muốn biết được cái có thì nhìn cái không, rồi cuối cùng tự nhiên xảy ra tinh thần đúc kết. Cách nhìn này mới trông qua tựa hồ như một thứ bệnh lé, ta có thể ngờ rằng cách nhìn này không sao chính xác được. Vì sao thế? Vì khi nhìn sự vật không đủ phương tiện dụng cụ máy móc, khi thấy biết thì lại ở hiểu biết chớ không dính dấp gì đến giác quan, thế mà vẫn được vô cùng chính xác, vì tránh khỏi được hai thứ bệnh: đọa vào giác quan và dụng cụ. Thế mà hầu hết chúng ta không lưu tâm đến cách nhìn ấy, chuyên môn khứa từng mảnh vụn, rồi trong mảnh vụn ấy lại khứa thành từng mảnh vụn để thông qua dụng cụ và giác quan, rồi cuối cùng bao la này vẫn chỉ là từ cục từ cục riêng tư. Nhưng ta hãy bình tâm mà nghiệm xét. Cả hai cách nhìn ấy ai chính xác với sự thật và không chính xác với sự thật, ta hãy tạm gác qua một bên để nghiệm thử về hướng hậu quả việc làm của đôi bên kết quả ra sao cho biết. Đến đây ta mới thấy toàn cả thế giới loài người ngày nay đi đến đổ vỡ tan tành, sẽ đến hồi không phương cứu chữa, đâu không là bắt nguồn từ cách nhìn manh mún mà ra?! Thế mới biết: Cách nhìn của con người thông đạt khoan nói là chính xác hay không chính xác, cũng vẫn là cách nhìn khôn ngoan nhất; cũng như cách nhìn của chúng ta ngày nay, khoan nói chính xác hay không

chính xác, mà phải bạo gan nhìn nhận rằng cách nhìn ấy là cách nhìn của kẻ u mê dại dột nhất. Ví phỏng toàn cả thế giới loài người ai ai cũng bảo cách nhìn của người xưa là cách nhìn u mê dại dột nhất, còn cách nhìn manh mún vụn vặt của chúng ta ngày nay là cách nhìn khôn ngoan nhất, thì bút giả này cũng cứ vẫn van xin mà bằng lòng với cái u mê dại dột ấy vậy.

Hiện tượng trong hiện tượng

Có người bảo: Bao la vũ trụ chỉ là quá trình biến hóa lưu động, là huyễn hóa biến huyễn không ngừng. Vậy chớ thân này lại không phải là hiện tượng huyễn hóa biến huyễn không ngừng sao? Thân này đã là hiện tượng huyễn hóa biến huyễn không ngừng, thì tất cả những gì trong thân này há lại không phải là một kho tàng huyễn hóa biến huyễn không ngừng sao?! Và thân này đã là một kho tàng huyễn hóa biến huyễn không ngừng, thì có thể nào chỉ trong mấy bộ mạch cổ tay lại không phải là kho tàng huyễn hóa biến huyễn không ngừng?! Mãi đến tế bào, siêu nguyên tử cũng không thể khác! Thế là tất cả và tất cả đều là quá trình biến hóa lưu động, đều là tổ hợp trong tổ hợp, đều là huyễn hóa biến huyễn trong huyễn hóa biến huyễn. Nhưng ví phỏng không có chúng sanh, không có con người, mà nhất là không có cái Tôi, thì tất cả những quá trình biến hóa lưu động, tổ hợp, huyễn hóa biến huyễn không ngừng kia có tự phùng má trợn mắt đứng dậy mà bảo rằng chúng tao đây mới đích thực là quá trình biến hóa lưu động, tổ hợp, huyễn hóa biến huyễn không ngừng không? Thế mới biết: Phải coi chừng khi chúng ta nói tất cả đều là quá trình biến hóa lưu động… chính hồi đó trong lòng chúng ta biết đâu không đã thêm một câu sau đuôi dài thượt nữa là: Nhưng quanh chỗ ta đứng đây cũng như thân ta vẫn là nơi đức Chúa Trời ban riêng cho chúng ta bất di bất dịch?! Bởi vậy mới có đẻ ra những hạng vốn vẫn cùng từ trong cái **không là gì**, cùng tây tượng voi lừa ngựa chó hùm beo sư tử sói gấu cùng ở trên một quả bóng bay giữa hư không mà xuất hiện; rồi không hiểu bị thứ gì mê hoặc biến ra một tướng mê không phải mê, tỉnh không phải tỉnh, miệng thì hô hào duy vật mà lòng dạ lại mắc kẹt ở duy tâm, bề ngoài thì ỏm tỏi chửi khoa học vật chất chỉ trích mê tin mà trong lòng vẫn kẹt vào vật chất mê tin hơn ai hết. Ở bên này đã không thuận, ở bên kia vẫn không yên, học Phật không ra học Phật, học ma không thành học ma, một mặt thì hoan nghinh hiện tượng, một mặt thì chỉ trích luật hóa sanh. Không những thế thôi, lại còn nảy sinh lắm hạng tự cho mình là trưởng thành, là học thức, là lương y, rồi cũng lóm lém phiên dịch NỘI KINH;

thậm chí họ lại còn bảo: Vấn đề vận khí, vấn đề đồng nhất đâu có ăn thua gì thiết thực đến phần trị liệu; cũng như vấn đề mùa màng nói như NỘI KINH thì quả không đúng với khoa học vật chất ngày nay…, thế nên những điều mơ hồ ấy hãy nên gạt bỏ quách. Vậy mà lại còn biến hóa thêm ra môt đám trẻ thơ chưa dứt sữa đuổi theo sau hò reo hoan nghinh ỏm tỏi. Thật là đáng tội nghiệp! Trời ơi! Những bọn như thế làm sao có ruột gan, làm sao không biến hóa ra thành những con rắn thần cho được?! Quả thật đúng như mấy câu hát của thiền sư Huyền Giác:

"Nhược thị dã can trục pháp vương,

Bá niên yêu quái hư khai khẩu".

Nghĩa là:

"Nếu là chó sói đuổi chúa rừng,

Luống uổng trăm năm ré quấy phá".

Xin thêm rằng:

Vậy mà bầy khỉ chạy sau đuôi

Khọt khẹt um xùm thêm bậy bạ.

Đối với hạng này quả thật là đáng thương xót! Nếu lỡ Thiên lôi có nổi giận xách búa tới, thì cũng nên van xin đừng chạm tới họ mà muôn năm sau ngửi lại búa vẫn không khỏi mùi khăng khẳng, rồi hóa ra búa hết linh đi mất!

Ngũ minh của Phật giáo với NỘI KINH

Ông Phật bỗng dưng xuất hiện ngay giữa trận mê hồn huyền bí tôn giáo tín ngưỡng của Ấn Độ, làm cho cả đám con cái đều bị kẹt không có lối thoát. Buộc lòng ngài phải vận dụng hết thần thông thổi một đạo bùa chiên đàn thật mạnh cho vỡ tan trận thế, để đưa con cháu thoát ly. Nhưng

vì mùi chiên đàn quá mạnh, nên đám con cháu đứa nào sức khỏe thật bình thường còn được tự nhiên, đứa nào yếu yếu đều bị ngầy ngật hết. Vậy mà lòng từ của ngài còn chưa yên, còn ban thêm cho những đứa có khả năng chịu nổi thuốc mạnh mỗi đứanăm viên thuốc: một viên nội điển, một viên ngoại điển, một viên Y khoa, một viên ngoại ngữ, một viên kỹ thuật, uống hết vào một lượt khi đã rửa ruột xong, để đủ sức mạnh hầu dẫn dắt những đứa yếu trên dặm đường diệu vợi. Tấm lòng ấy thật là chu đáo. Nhưng rất không may thay! Trong đám con của ngài có những đứa xem thường, không để ý rửa ruột trước, vội nốc hết năm viên thuốc ấy vào, bèn đâm ra mọc cánh biến thành tả đạo bàng môn đi khắp thế giới gieo rắc sự phá hoại cho ngài không phải là ít! Không biết có phải trước đó trên 2.000 năm, trước khi vào mê hồn trận, ngài đã nghĩ kỹ thấy rõ cớ sự này nên sang Trung Hoa trấn trước một lá bùa NỘI KINH, để đến khi bệnh cơ trầm trọng như hiện nay hầu có chỗ đem ra ứng dụng hay không không biết, mà hình như mang máng thấy có điều đó. Mời độc giả hãy trầm ngâm nghiệm thử.

Vấn đề thần thông phép lạ

Có người bảo: Những ông đại tiên đều có lắm thần thông, họ có thể trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, trong ngắn hiện dài, trong dài hiện ngắn, trong xa hiện gần, trong gần hiện xa, trong rộng hiện hẹp, trong hẹp hiện rộng, trong có hiện không, trong không hiện có… Mới nghe qua ai mà chẳng say sưa ngầy ngật. Nhưng giá thử hỏi: Chuyện thần biến ấy là nương nơi thân hay không nương thân, là cùng khắp hay không cùng khắp, là vốn nó có như thế hay vốn nó không có như thế? Nếu là nương nơi thân, là không cùng khắp; tức là chuyện từng lỏm nhỏ xíu, có nghĩa lý gì mà gọi là đại tiên. Nếu là không phải hạn cuộc nơi thân, là cùng khắp; thì vốn nó đã vậy, muôn thuở tận tự hồi nào. Có mợ chợ cũng không đông thêm, không có mợ chợ cũng không vắng thêm bữa nào. Thế sao bày đặt chuyện hiện với không hiện?! Nếu đã bày đặt chuyện hiện với không hiện, được với không được, đều là chuyện của trẻ con nói láo nói chơi chẳng có ăn thua gì! Nếu nói nó vốn có như thế, thế là giờ đây ta dựng đứng lên cái hiện với không hiện, được với không được; hồi đó trong thâm tâm ta đã lăm le mưu đồ bịt mắt rắc tiêu lẫn nhau trong một đại nhà thương điên rồi đó vậy. Nếu nói vốn nó là không mà quả thật là không, thì dù tiên sư của đại tiên cũng không thể làm được. Thế là vốn nó như thế, nào có bớt thêm mà phải thêm chi nghĩa hiện với không hiện, được với không được để bịa đặt gạt gẫm lẫn nhau,

thật là có tội!

Có người bảo: Không phải! Vì những phép lạ của các bực ấy hiện ra lạ lắm. Trời ơi! Vậy chớ từ giữa hư không mà nảy sanh ra vàng ngọc kim thạch, voi lừa tây tượng sư tử sói gấu hùm beo đủ cả, như thế há không phải là chuyện lạ sao?! Một người đàn bà có thai từ từ đến 9 tháng 10 ngày bỗng dưng đứa nhỏ tuột một cái chui ra, như thế lại há không phải là chuyện lạ sao?! Trong bụng người ta bỗng dưng có vô số con tinh trùng, con tinh trùng gặp cái trứng bỗng dưng biến thành thằng người; như thế không phải là chuyện lạ sao?! Giữa khoảng hư không bỗng dưng nổi lên những khối tròn tròn lăn lăn to lớn biết bao, khối thì đỏ ối, khối lại vàng hoe, khối sáng trưng, khối tối thui, khối xanh lè, khối có đủ thứ con đủ thứ chuyện, còn khối lửa thôi là lửa, tuôn chạy vùn vụt chen nhau giữa cõi không gian mà không va chạm; như thế há không phải là chuyện lạ sao?! Một lượt mà vừa hiện ra thứ biết bay, thứ biết lặn, thứ biết chạy, thứ biết bò, thứ làm cháy, thứ không cháy, ướt khô, lạnh nóng, lớn nhỏ, ngắn dài, trong lửa có nước, trong nước có lửa… Như thế không phải là chuyện lạ sao?! Con cá kèo mương, con tôm bạc, con ốc hút, ốc len đều là những con vật không có cha mẹ; như thế há không phải là chuyện lạ sao? Nếu kể về chuyện lạ thì biết đâu dẫu kể đến hàng triệu kiếp cũng không rồi? Thế mới biết: Trong cái không có cái có, trong cái có có cái không, trong xưa có nay, trong nay có xưa, trong lớn có nhỏ, trong nhỏ có lớn, trong dài có ngắn, trong ngắn có dài, trong xa có gần, trong gần có xa, trong thật có huyễn, trong huyễn có thật. Vô cùng vũ trụ không những không cách mảy lông mà còn chỉ vừa đủ trên đầu sợi lông; muôn việc xưa sau không những không lìa hiện tại, mà còn vừa đủ trong 1 phần 90 của một cái nháy mắt thật nhanh nữa là khác. Vốn nó như vậy, muôn thở như vậy, thường hằng như vậy, không hai như vậy, không ai có thể bớt mà cũng không ai có thể thêm. Thế mới biết: Khi kẹt vào cái MÌNH, thì dù có tài ba lỗi lạc múa máy lăng nhăng đến đâu chăng nữa, cũng chỉ là việc từ đóm từ chòm. Khi không còn bị cái MÌNH nó đóng khung qui định, thì không những không có thân nào là thân mình, mà lại còn không có một pháp nào không phải là mình nữa là khác. Thế thì muôn vàn phép lạ vốn không có nghĩa hiện với không hiện, được với không được, MÌNH với không MÌNH, mà vẫn không đâu không hiện, không đâu không được, không đâu không khắp, không đâu không MÌNH mà cũng không đâu là MÌNH cả. Như thế há chẳng phải là mới thật to lớn đó sao?! Cho nên nói: “To lớn tức là không phải to lớn, nên gọi là to lớn vậy”.

Người ta bảo thiên này nói chuyện Y khoa; nhưng riêng tôi, thì tôi lại bảo: Thiên này chỉ là nối tiếp trình bày hiện tượng huyễn hóa trong hiện tượng huyễn hóa.

Có người bảo: Thiên này chuyên nói chuyện về trong con người; nhưng riêng tôi, tôi lại nói: Thiên này vẫn nối tiếp nói lên cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông mà thôi.

Có người bảo: Thiên này nói về chuyên môn, nói về mạch lạc; nhưng riêng tôi, thì tôi lại bảo: Đây là du ư nghệ.

Có người bảo: Cổ nhân nói chi nhiều quá, nghe không xiết; nhưng riêng tôi thì tôi lại bảo: Người nay nói lầm thầm trong bụng chi nhiều quá, để nhọc lòng đến cổ nhân phải phanh phui ra nghe mắc mệt!

THIÊN THỨ 17

- HẾT -

Nếu cái gì cũng là đạo, thì đạo ấy có lộn tả đạo bàng môn trong đó không? Nếu có cái không phải đạo, thì cái đạo tôi chủ trương ấy đã không phải là đạo rồi. Vì sao thế? – Vì thế là đạo không cùng khắp. Trong chỗ đó, nếu tôi không lưu tâm thấu triệt, thì dù tôi có đọc hết NỘI KINH, học hết sách đời đi nữa, chẳng qua tôi chỉ là một thứ quỉ văn minh, một thứ khỉ thông thái mà thôi, dù tôi có đọc thêm cũng luống uổng công vô ích.

C.N

Thiên 18
BÌNH NHÂN KHÍ TƯỢNG LUẬN

LỜI MỞ ĐẦU

Nối tiếp thiên trước, thiên này tiếp tục tiến sâu vào mạch học, vào hẳn trong con người. Đáng lẽ không có gì để nói thêm, chỉ cần đến đoạn nào sẽ tùy nơi mà bình giải, nhưng ngặt vì ở phần chánh văn không những có những câu những chữ sai lầm, hoặc có những hố trống ẩn ý, mà tiết mục phân loại còn bị đảo lộn rắc rối quá nhiều, quá xa nữa là khác. Theo đó đủ biết nhiều đời sao chép, hoặc bị mất mát, hoặc vô ý thức sai lầm. Nếu chỉ để y nguyên không san định lại, thì chúng tôi e người đọc sẽ rối rắm vô cùng. Do đó nên chúng tôi sẽ trước hết theo đúng nguyên văn đánh số tiết mục và phiên âm suốt thiên, xong rồi chúng tôi mới phân đoạn và trong mỗi đoạn kèm theo số tiết mà san định phiên âm lại, kế đó theo thứ tự sau mỗi đoạn hoặc chú thích hoặc giải hoặc bình. Hễ chỗ nào chúng tôi thêm vào hay có sửa chữa lại thì được đánh dấu bằng gạch dưới, cứ như thế cho đến hết thiên, để độc giả có muốn tra cứu nghiệm xét lại cũng dễ bề tìm tòi nhận định. Cốt sao cho ý nghĩa được tỏ rõ, đoạn lạc được phân minh, chớ không phải cố ý bóp méo chánh văn theo thành kiến riêng tư của mình.

Về sự phân quyển nơi bổn chánh, thì lại căn cứ theo thế đồng đều mà phân, phần TỐ VẤN cũng như LINH KHU mỗi phần thành ra 10 quyển. Vì thế nên 9 thiên trước là một quyển, đến quyển thứ hai này lại phải đến 10 thiên. Nhưng xét ra nguyên bản của nó mỗi quyển đồng đều 9 thiên để ăn khớp với 9x9 thành 81 thiên, LINH KHU cũng thế, TỐ VẤN cũng thế. Vì thế nên từ đây chúng tôi trả về cho nguyên bản là mỗi quyển có 9 thiên không lựa là dầy mỏng; và đến thiên này là hết quyển thứ hai, để sau này có ai muốn thâm nhập vào tinh thần sâu xa của NỘI KINH cũng không đến nỗi thác loạn không bằng cứ. Nên mới viết mấy lời mở đầu này, để độc giả ý thức trước.

Định nghĩa tên thiên

"Bình" là bình thường, "bình nhân" là người bình thường, "khí" là thần khí, "tượng" là hiện tượng, "khí tượng" là thần khí với hiện tượng.

Vì là một thiên luận dựa vào những hiện tượng trong thân để nghiệm biết thần khí của một con người thế nào là bình thường, thế nào là mất bình thường, cho nên gọi là "Bình Nhân Khí Tượng Luận".

Khi muốn nói về hiện tượng bình thường, tất phải có dẫn những trường hợp mất bình thường để làm tá chứng; do đó tuy luận về con người bình thường, nhưng trong đó đã bao quát cả phần mất bình thường. Cho nên là một thiên càng tiến sâu vào hiện tượng mạch học vậy.

LỜI BÌNH MỞ ĐẦU

Mỗi khi bàn luận đến chuyện quái gở, kẻ thì bảo chuyện chim vỏ vẻ hóa làm chuột đồng, chuột đồng hóa làm vỏ vẻ, con mối hóa làm con cuốn chiếu là chuyện quái gở. Kẻ lại bảo: Có thai ở ngoài bụng (không phải có thai trong ống dẫn trứng như những trường hợp có thai ngoài tử cung thường thấy) mới là quái gở. Có kẻ lại bảo: Chuyện ma lai rút ruột, chuyện bị ma giấu mới là quái gở. Có kẻ bảo: Tạng phủ đóng nghịch chiều mới là quái gở... Nếu kể về cái quái gở thì cũng có thể có vô số

chuyện quái gở không sao kể xiết; nhưng theo tôi thì chuyện sau đây mới thật là quái gở nhất:

Đã biết rằng: Không có Đạo (không là gì) là không có tất cả, không có tất cả không có Đạo, cũng như không có Đạo không có con người, không có con người không có Đạo. Thế là tất cả đều không có nghĩa phải là Đạo hay không phải là Đạo; hễ có con người là có đủ thứ, nhất là cái tôi. Thế mà lại có những chuyện từ khi có loài người là có nó ngay, không thời nào là không có, không lúc nào không có, không xứ nào không có, không giai cấp nào không có, không giờ phút nào không có, dẫu từ thánh hiền tiên Phật gì gì… ấy nhỏ giọt xuống đến máy cựa bò bay không loài nào không có, già trẻ bé lớn, nam nữ, cùn thông, không nhà nào không có, không người nào không có, như chuyện đã bàn trong NỘI KINH mà nhất là từ thiên trước, thiên này, cho đến thiên sau. Thế mà kẻ học Đạo thì lại đun nó ra ngoài Đạo; còn tất cả người đời, hết thảy chúng ta đều đun nó dành phần cho bọn thầy thuốc chuyên môn. Như thế chẳng là quái gở lắm sao?!

Ta hãy thử nghĩ: Lòng dục móng, xác thân rục rịch; dạ nổi tam bành, mặt mày đỏ ối hoặc tái mét, tay chân run giật, nói năng táo tợn, tim đập loạn xạ, mạch nhảy lung tung; những chuyện ấy ai mà không từng trải?!

Khi đói lả nhìn thức ăn rỏ dãi; khi nóng quá muốn tìm chỗ mát; đêm ngủ ngày thức; ai mà không đã từng làm?!

Khi vui quá quả tim dãn ra; khi buồn quá cuống bao tử thắt lại không muốn ăn; khi bị ngoại cảm không mồ hôi, nóng bức, tim đập mạnh, mạch bồng bột; những chuyện ấy ai mà không từng gặp?!

Cho đến những chuyện sinh dục vương mang, nam nữ trói buộc, có kẻ nào là kẻ chưa từng dẫm chân đến?!

Những chuyện có thể gần như thuộc làu ấy, mà chúng ta cũng cứ làm như là không dính dấp gì với mình hết cả, để giao phó hết cho thầy thuốc. Thái độ quái gở ấy, bảo sao không biến thầy thuốc thành tả đạo bàng môn cho được?! Cho đến những người học Đạo cũng vẫn coi là chuyện ngoài lề, như thế há chẳng là đáng tội lắm sao?! Như thế há

chẳng là cực kỳ quái gở lắm sao?! Dẫu có Phật hay Bồ Tát giáng phàm thị hiện làm lương y mà gặp tâm địa như thế, biết đâu sẽ không khỏi các ngài thị hiện luôn tả đạo bàng môn, hầu dạy dỗ cho chúng ta học lại bài học chín chắn thêm chút nữa?! Chớ đừng nói chi là người phàm tục. Cho nên tôi nói: Đây mới là chuyện quái gở nhất!

PHIÊN ÂM NGUYÊN VĂN TOÀN THIÊN

Tiết 1:

Huỳnh Đế vấn viết: Bình nhân hà như?

Kỳ Bá đối viết: Nhân nhứt hô mạch tái động, nhứt hấp mạch diệc tái động, hô hấp định tức mạch ngũ động nhuận dĩ thái tức, mạng viết bình nhơn, bình nhơn giả, bất bệnh dã.

Tiết 2: Đương dĩ bất bệnh điều bệnh nhơn, y bất bệnh cố vi bệnh nhơn bình tức dĩ điều chi vi pháp.

Tiết 3: Nhân nhứt hô mạch nhứt động, nhứt hấp mạch nhứt động, viết thiểu khí.

Tiết 4: Nhân nhứt hô mạch tam động, nhứt hấp mạch tam động nhi táo, xích nhiệt viết bệnh ôn. Xích bất nhiệt mạch hượt viết bệnh phong, mạch sắc viết tê.

Tiết 5: Nhân nhứt hô hấp tứ động dĩ thượng, viết tử. Mạch tuyệt bất chí, viết tử. Sạ sơ sạ sát, viết tử.

Tiết 6: Bình nhân chi thường khí bẫm vu vị. Vị giả bình nhân chi thường khí dã. Nhân vô vị khí viết nghịch, nghịch giả tử.

Tiết 7: Xuân vị vi Huyền viết bình, Huyền đa vị thiểu viết Can bệnh, đản Huyền vô vị viết tử.

Tiết 8: Vị nhi hữu Mao viết thu bệnh, Mao thậm viết kim bệnh.

Tiết 9: Tạng chơn tán vu Can, Can tàng cân mô chi khí dã.

Tiết 10: Hạ vị vi Câu viết bình, Câu đa vị thiểu viết Tâm bệnh, đản Câu vô vị viết tử.

Tiết 11: Vị nhi hữu Thạch viết đông bệnh, Thạch thậm viết kim bệnh.

Tiết 12: Tạng chơn thông vu Tâm, Tâm tàng huyết mạch chi khí dã.

Tiết 13: Trường hạ vị vi nhuyến nhược viết bình, nhược đa vị thiểu viết Tỳ bệnh, đản đại vô vị viết tử.

Tiết 14: Nhuyến nhược hữu Thạch viết đông bệnh, Thạch thậm viết kim bệnh.

Tiết 15: Tạng chơn nhụ vu Tỳ, Tỳ tàng cơ nhục chi khí dã.

Tiết 16: Thu vị vi Mao viết bình, Mao đa vị thiểu viết Phế bệnh, đản Mao vô vị viết tử.

Tiết 17: Mao nhi hữu Huyền viết xuân bệnh, Huyền thậm viết kim bệnh.

Tiết 18: Tạng chơn cao vu Phế, dĩ hành dinh vệ âm dương dã.

Tiết 19: Đông vị vi Thạch viết bình, thạch đa vị thiểu viết Thận bệnh, đản Thạch vô vị viết tử.

Tiết 20: Thạch nhi hữu câu viết hạ bệnh, Câu thậm viết kim bệnh.

Tiết 21: Tạng chơn hạ vu Thận, Thận tàng tốt tủy chi khí dã.

Tiết 22: Vị chi đại lạc danh viết hư lý, quán cách lạc Phế, xuất vu tả nhủ hạ, kỳ động ứng y, mạch tông khí dã.

Tiết 23: Thạnh suyễn sác tuyệt giả tắc bệnh tại trung kết, nhi hoành hữu tích hỉ. Tuyệt bất chí viết tử. Nhủ chi hạ, kỳ động ứng y, tông khí tiết dã.

Tiết 24: Dục tri thốn khẩu thái quá dữ bất cập, thốn khẩu chi mạch trung thủ đoản giả viết đầu thống. Thốn khẩu mạch trung thủ trường giả viết túc kỉnh thống. Thốn khẩu mạch trung thủ xúc thượng kích giả viết kiên bối thống. Thốn khẩu mạch trầm nhi kiên giả viết bệnh tại trung. Thốn khẩu mạch phù nhi thạnh giả viết bệnh tại ngoại. Thốn khẩu mạch trầm nhi nhược viết hàn nhiệt, cập sán hà thiểu phúc thống. Thốn khẩu mạch trầm nhi hoành hiếp hạ hữu tích, phúc trung hữu hoành tích thống. Thốn khẩu mạch trầm nhi suyễn viết hàn nhiệt.

Tiết 25: Mạch thạnh hượt kiên giả viết bệnh tại ngoại. Mạch tiểu thiệt nhi kiên giả viết bệnh tại nội. Mạch tiểu nhược dĩ sắc vị chi cửu bệnh. Mạch hượt phù nhi tật giả vị chi tân bệnh. Mạch cấp giả viết sán hà, thiểu phúc thống. Mạch hượt viết phong, mạch sắc viết tê, hướn nhi hượt viết nhiệt trung, thạnh nhi khẩn viết trướng.

Tiết 26: Mạch tùng âm dương bệnh dị dĩ, mạch nghịch âm dương bệnh nan dĩ. Mạch đắc tứ thời chi thuận viết bệnh vô tha, mạch phản tứ thời cập bất gián tạng viết nan dĩ.

Tiết 27: Tý đa thanh mạch viết thoát huyết.

Tiết 28: Xích mạch hướn sắc vị chi giải tích, an ngọa mạch thạnh vị chi thoát huyết. Xích sắc mạch hượt vị chi đa hạn. Xích hàn mạch tế vị chi hậu tiết. Mạch Xích thô thường nhiệt giả vị chi nhiệt trung.

Tiết 29: Can kiến Canh Tân tử, Tâm kiến Nhâm Quí tử, Tỳ kiến Giáp Ất tử, Phế kiến Bính Đinh tử, Thận kiến Mậu Kỷ tử, thị vị chơn tạng kiến giả tử.

Tiết 30: Cảnh mạch động suyễn tật khái viết thủy. Mục nội vi thủng như ngọa tằm khởi chi trạng viết Thủy. Nịch huỳnh xích an ngọa giả huỳnh đản. Dĩ thực như cơ giả vị đản. Diện thủng viết phong. Túc kỉnh thủng viết thủy. Mục huỳnh giả viết huỳnh đản.

Tiết 31: Phụ nhân Thủ Thiếu âm mạch động thậm giả, nhâm tử dã.

Tiết 32: Mạch hữu nghịch tùng tứ thời, vị hữu tạng hình, Xuân Hạ nhi mạch sưu, Thu Đông nhi mạch phù đại, mạng viết nghịch tứ thời dã.

Tiết 33: Phong nhiệt nhi mạch tĩnh, tiết nhi thoát huyết, mạch thiệt bệnh tại trung, mạch hư bệnh tại ngoại, mạch sắc kiên giả giai nan trị, mạng viết phản tứ thời dã.

Tiết 34: Nhơn dĩ thủy cốc vi bổn, cố nhơn tuyệt thủy cốc tắc tử, mạch vô vị khí diệc tử. Sở vị vô vị khí giả, đản đắc chơn tạng mạch bất đắc vị khí dã. Sở vị mạch bất đắc vị khí giả, Can bất Huyền, Thận bất Thạch dã.

Tiết 35: Thái dương mạch chí hồng đại dĩ trường; Thiếu dương mạch chí sạ sát sạ sơ, sạ đoản sạ trường; Dương Minh mạch chí phù đại nhi đoản.

Tiết 36: Phù bình Tâm mạch lai lụy lụy như liên châu, như liên lan can, viết Tâm bình. Hạ dĩ vị khí vi bổn.

Tiết 37: Bệnh Tâm mạch lai suyễn suyễn liên thuộc, kỳ trung vi khúc, viết Tâm bệnh. Tử Tâm mạch lai, tiền khúc hậu cứ như tháo đái câu, viết tâm tử.

Tiết 38: Bình Phế mạch lai yểm yểm nhiếp nhiếp như lạc du giáp, viết Phế bình. Thu dĩ vị khí vi bổn.

Tiết 39: Bệnh Phế mạch lai bất thượng bất hạ như tuần kê vũ, viết Phế bệnh. Tử Phế mạch lai như vật chi phù, như phong xuy mao, viết Phế tử.

Tiết 40: Bình Can mạch lai nhuyến nhược chiêu chiêu như yết trường cân mộc tiêu, viết Can bình. Xuân dĩ vị khí vi bổn.

Tiết 41: Bệnh Can mạch lai dinh thiệt nhi hượt như tuần trường

can, viết Can bệnh. Tử Can mạch lai cấp ích kỉnh như tân trương cung huyền, viết Can tử.

Tiết 42: Bình Tỳ mạch lai hòa nhu tương ly như kê tiển địa, viết Tỳ bình. Trường-hạ dĩ vị khí vi bổn.

Tiết 43: Bệnh Tỳ mạch lai thiệt nhi dinh sác như kê cử túc, viết Tỳ bệnh.

Tiết 44: Tử Tỳ mạch lai nhuệ kiên như điểu chi hối, như kê chi cự, như ốc chi lậu, như thủy chi lưu, viết Tỳ tử.

Tiết 45: Bình Thận mạch lai, suyễn suyễn lụy lụy như câu, án chi nhi kiên viết Thận bình. Đông dĩ vị khí vi bổn.

Tiết 46: Bệnh Thận mạch lai như dẫn cát, án chi ích kiên, viết Thận bệnh. Tử Thận mạch lai phát như đoạt sách, tịch tịch như đàn thạch, viết Thận tử.

PHẦN SAN ĐỊNH

ĐOẠN 1

PHIÊN ÂM

Tiết 1:

Huỳnh Đế vấn viết: Bình nhân hà như?

- Kỳ Bá đối viết: Nhân nhứt hô mạch tái động, nhứt hấp mạch diệc tái động, hô hấp đỉnh tức mạch ngũ động nhuận dĩ thái tức, mạng viết bình nhân. Bình nhân giả, bất bệnh dã.

Tiết 2: Dương dĩ bất bệnh nhân, Y bất bệnh cố vi bệnh

nhân bình tức dĩ điều chi vi pháp.

Tiết 3: Nhân nhược nhứt hô mạch nhứt động; nhứt hấp mạch nhứt động viết thiểu khí.

Tiết 4: Nhược nhứt hô mạch tam động, nhứt hấp mạch tam động nhi tháo, xích phu nhiệt viết bệnh ôn; xích phu bất nhiệt mạch hượt viết bệnh phong, nhược xích phu bất nhiệt nhi mạch sắc viết tê.

Tiết 5: Nhược nhứt hô mạch tứ động nhứt hấp mạch tứ động dĩ thượng, viết tử. Mạch tuyệt bất chí viết tử. Sạ sơ sạ sác diệc viết tử.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Hiện tượng mạch của người bình thường thế nào?

- Kỳ Bá thưa: Người bình thường một thở ra mạch động hai nhịp, một hít vào mạch cũng động hai nhịp. Một thở ra một hít vào gọi là một hơi thở thì mạch động năm nhịp, vì quãng giữa chùng chình kéo dài; thế gọi là hiện tượng mạch của người bình thường. Người bình thường nghĩa là người không bệnh.

Phải căn cứ vào người không bệnh mà cân hiện tượng mạch của người bệnh. Thầy thuốc phải là người không bệnh, nên vì người bệnh dùng hơi thở của mình lập pháp mà cân.

Nếu người bệnh nào mà một hơi thở ra của thầy thuốc mạch chỉ động có một nhịp, một hít vào mạch cũng chỉ động một nhịp; thế gọi là khí đã suy kém lắm rồi.

Nếu một hơi thở ra mạch động ba nhịp, một hít vào mạch động ba nhịp và có hiện tượng bồng bột, lại thêm da chỗ chẩn mạch sờ thấy nóng, tức là bệnh ôn. Nếu chỗ đó

không thấy nóng mà mạch hượt, là bệnh phong. Nếu da chỗ đó không nóng, mà mạch sắc là bệnh tê.

Nếu một hơi thở ra mạch động đến bốn nhịp, một hít vào đến bốn nhịp trở lên, là hiện tượng mạch chết. Mạch cổ tay mất không hiện cũng là chết. Mạch khi quá khoan khi quá nhặt, cũng là hiện tượng mạch chết.

GIẢI

Đây là đoạn mở đầu thiên này, nhà Vua gặng hỏi lại về hiện tượng mạch bình thường trong con người, luận giả gần như dốc hết sự thiệt để trình bày. Nên trông qua ta thấy trong một lúc mà luận giả trình bày suốt cả cái bình thường và mất bình thường để làm tá chứng lẫn nhau, mà đây mới là đoạn mở đầu; vì thế mãi đến suốt thiên chỉ một mình luận giả tiếp tục trình bày, chớ không thấy nhà Vua hỏi nữa. Đó là điểm đặc biệt trong thiên này vậy.

Nhà Vua hỏi hiện tượng mạch của người bình thường thế nào. Nghĩa người bình thường của nhà Vua muốn hỏi đây chỉ là một người không có bệnh tật, hay nói cho đúng hơn chưa xảy ra bệnh tật, căn cứ vào đó làm chuẩn để hỏi. Luận giả nhận ngay được điều đó, rồi cứ theo đó tuần tự trình bày tiếp.

Hơi thở của con người khi mũi hít vào thì toàn cả mặt da đều thở ra, khi mũi miệng thở ra thì toàn cả mặt da hít vào; do đó một hít vào một thở ra không phải như là một sợi dây liền không mối, mà quãng giữa phải có ngừng chút để làm động cơ quân bình cho mặt da và Phổi. Vì thế mặc dù người bình thường mỗi thở ra mạch động có hai nhịp, mỗi hít vào mạch động có hai nhịp; nhưng tổng cộng hơi thở ra và hít vào phải là năm nhịp; hoặc có người vì thọ bẩm đặc biệt cũng chỉ kém chút ít mà thôi. Đó là nghĩa sự thật của người bình thường, thông lệ ai ai cũng thế.

Đã định nghĩa thế nào là một hơi thở, thế nào là người bình thường, nhưng muốn tá chứng cho nghĩa bình thường ấy, tất phải nêu ra trường hợp mất bình thường, nghĩa là trường hợp bệnh tật. Nhưng người bình thường thì còn có thể tự mình dùng hơi thở của mình mà cân

lấy mạch cho mình. Còn như người đã có bệnh, hơi thở cũng như tinh thần làm sao đảm bảo được sự chính xác?! Do đó không thể không nhờ đến kẻ khác lành mạnh và biết phương pháp để họ dùng hơi thở của họ mà cân mạch cho mình, thì mới nhận ra được sự thật. Cho nên mới nói: "Phải là người thầy thuốc, người không bệnh, vì bệnh nhân dùng hơi thở của mình lập pháp để cân mạch cho họ".

Phương pháp đã kiến thiết, nền tảng đã nhập, nghĩa bình thường đã định. Giờ đây cứ theo đó mà đi sâu vào tất cả những hiện tượng mất bình thường.

Khi bình thường mỗi thở ra mạch động hai nhịp hít vào mạch động hai nhịp, quãng giữa thêm một nhịp, tất cả là năm nhịp. Giờ đây một thở ra chỉ có một nhịp một, hít vào chỉ có một nhịp, tức là chỉ bằng phân nửa nhịp động lúc bình thường. Thế là trong chỗ không lời trường hợp này mỗi một hơi thở chỉ còn có hai nhịp rưỡi, năng lực thúc đẩy cho nhịp mạch nhanh lên đã bắt đầu kiệt quệ. Mà năng lực ấy ở đâu? Ở tất cả hệ thống khí dương toàn thân, mà động cơ chính yếu là ở Tim Phổi vậy. Giờ đây mạch đã chậm đi phân nửa, thế là Tim và Phổi đều không đủ khả năng thúc đẩy. Cho nên mới nói: "Thế là khí đã suy kém lắm rồi".

Trường hợp bất cập đã thế, còn thái quá thế nào?

Bệnh ôn là bệnh bởi cảm nhiễm khí lạnh của mùa lạnh, khí lạnh ấy thấm vào đến tổ chức và hệ thống của Thận, rồi đến mùa ấm bị sức kích động của thời tiết mà bên trong biến nóng tìm đường đi ra mặt da. Vì là biến nóng, là từ trong đi ra, cho nên không những không sợ lạnh mà còn sợ nóng nữa, vì thế mới gọi là bệnh ôn.

Da chỗ chẩn mạch sờ thấy nóng, tức là khí nóng từ trong tạng phủ thở ra toàn thân chưa được giải thông, đình đốn, mà chỗ đó có hiện tượng sờ vào thấy nóng.

Bồng bột là hiện tượng mạch của nghĩa bên trong muốn tìm đường bốc lên đi ra ngoài.

Nói một hơi thở ra ba nhịp, một hít vào ba nhịp, tức là một hơi thở

có đến hơn bảy nhịp chớ không thể là sáu nhịp. Thế là tạng Tim bị một sức nóng dồn ép bức bách ngột ngạt mà phải bắt đầu đập nhanh lắm rồi; lại ở trong hiện tượng bồng bột, cộng thêm da chỗ chẩn mạch thấy nóng. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là bệnh từ trong ra chớ không phải từ ngoài vào. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nó vào tận hồi nào, mà hồi vào không có phản ứng, giờ đây đến lúc nó đi ra, hiện ra triệu chứng phản ứng. Như thế không phải bệnh ôn, chớ còn là bệnh gì?! Cho nên mới nói: "Một hơi thở sáu, bảy nhịp trở lên, chỗ chẩn mạch thấy nóng, mạch động có tướng bồng bột, tức là bệnh ôn".

Xin nhắc thêm, nói bệnh ôn chúng ta nên nhớ đừng lầm với thấp ôn. Vì thấp ôn mạch thường mang tướng trì trệ và lệch về tay phải; do đó mà nhịp mạch của thấp ôn có khác.

Nhịp mạch đã mau, thần mạch đã bồng bột, thế mạch đã hượt mà chỗ chẩn mạch lại không thấy hiện tượng nóng. Phải chăng là chỗ thiên trước gọi: khí âm có dư, khí dương không đủ của trường hợp phần biểu hư mặt da hở mà cảm nhiễm phong tà gây nên?! Vì sao thế? Vì bệnh từ ngoài vào, nên chỗ chẩn mạch không thấy nóng. Và gió tà phạm vào phần kinh mạch, nên có hiện tượng mạch hượt. Cho nên mới nói: "Nếu chỗ chẩn mạch không nóng mà mạch hượt là bệnh phong".

Tuy nhiên bất cứ một bệnh tật nào cũng đều có điều kiện môi trường chủ quan xen vào. Thí dụ như ăn uống, sinh hoạt, tâm tư cũng có thể làm duyên cho bệnh ngoại cảm, mặc dù cảm nhiễm phong tà cũng vậy. Tựa hồ như trong nhà có người cờ bạc, thì bên ngoài mới có khách cờ bạc đến mời mọc rủ rê. Sở dĩ mạch hượt bao hàm nghĩa lềnh, nghĩa nhiều đàm, nghĩa máu không hòa cũng từ lý này mà xuất hiện.

Nhịp mạch đã mau, thần mạch đã bồng bột, chỗ chẩn mạch đã không thấy nóng, mà thể mạch lại có hiện tượng rít, thì biết đâu không phải là ở thiên trước gọi: khí âm không đủ, khí dương có dư. Vì khí âm không đủ nên là nghĩa lý hư, âm hư (phần âm huyết thiếu) mà làm ra bệnh tê?! Mạch đã thế, chứng đã thế; nhưng lý do nào làm ra mạch ấy, chứng ấy lại là một việc khác. Thí dụ như quá lo, tất cả mặt da và tổ chức tạng Phổi đều co dúm lại, làm cho Tim bị ngột ngạt; quá buồn, làm cho âm huyết bị suy hao: Trong lòng đầy bực bội bức rức, làm cho sức nóng trong cơ thể không bài tiết được ra ngoài phải đổ dồn về Tim gây

thành thế mạch bồng bột. Tất cả những điều kiện kích thích ấy phải kéo dài nhiều ngày nhiều tháng, các luồng năng lực trong thân đều bị chạy loạn theo thế tương khắc nghịch chiều, lẽ cố nhiên cũng có thể tạo ra kinh mạch bế tắc mà làm bệnh tê. Cho nên mới nói "Nếu chỗ chẩn mạch không nóng mà mạch đi rít, là bệnh tê".

Nhưng dù sao thì sao, tiết trên là hiện tượng khí chánh không đủ còn tiết này là muốn nói khí tà có dư: nghĩa là tà thiệt, nhưng trong đó còn có phân ra âm dương, trong ngoài, ra vào khác nhau nữa.

Còn hai điểm mà chúng ta cần để ý:

1. Đồng là hiện tượng mạch đi nhanh, là bệnh có khí tà xen vào; nhưng trường hợp thứ nhứt, thứ hai về bệnh chứng thì đều có bao hàm duyên do, còn trường hợp thứ ba duyên do nào làm ra âm hư, lý hư vẫn không thấy nói. Thế mới biết: Đây chỉ chú trọng ở phần mất bình thường, chớ chưa phải là nghĩa đi sâu vào chuyên môn đến tận nguồn duyên do vậy.

2. Trong tiết này có chữ "xích"; các nhà chú thích Trung Hoa đều cho là phần mặt da chỗ bộ Xích. Nhưng riêng chúng tôi nghĩ người Trung Hoa thường dùng danh từ "xích cốt" để chỉ cho xương lớn cánh tay dưới, vì thế mà mạch cổ tay lắm lúc cũng gọi là Xích mạch. Hơn nữa trên thực tế chúng tôi đã từng gặp những trường hợp cả ba bộ chỗ chẩn mạch đều nóng hoặc không nóng, chớ chưa bắt gặp trường hợp cụ thể ở bộ Xích nóng mà bộ Quan bộ Thốn không nóng. Không biết có phải do mình sơ hở mà không bắt gặp, hay vốn nó không có cũng chưa biết được?! Do vậy mà chúng tôi ghi thêm ra đây, để chúng ta cùng nghiệm xét lại.

Đã nói đến hiện tượng mất bình thường bằng cách bất cập và thái quá rồi, tất nhiên phải có đề cập đến cùng cực cái mất bình thường là những hiện tượng chết. Lúc bình thường, mỗi một hơi thở mạch chỉ đập có năm nhịp. Nay nói "Một thở ra bốn nhịp, một hít vào bốn nhịp trở lên", thế là trong một hơi thở mạch đã đi mau gấp đôi bình thường, nghĩa là đến 10 nhịp. Vậy mà còn nói trở lên, thế nghĩa là quá 10 nhịp, tức là hồi đó tạng Tim gần như là rung chớ không còn là bóp nữa, lẽ cố nhiên là hiện tượng sắp tắt thở. Cho nên mới nói: "là hiện tượng mạch chết".

Tất cả động mạch đều là phủ của Tim, đều là những ống nối liền với Tim để dẫn máu ra khắp châu thân; do đó hễ Tim đập thì mạch động, Tim không đập thì mạch cũng ngừng ngay, mà mạch ngừng tức là chết. Cho nên mới nói "hễ mạch cổ tay mất, cũng là trường hợp chết". Nhưng ta nên nhớ đây là tạng Tim đã ngừng hoặc sức đập của Tim đã đến hồi cùng cực kiệt quệ không thể đưa máu ra mạch cổ tay, chớ không phải những trường hợp tạng Tim vẫn đập bình thường mà mạch cổ tay không hiện, chỗ đó ta phải phân biệt cho rõ ràng.

Có ba trường hợp mạch cổ tay không thấy mà vẫn sống:

a. Có những trường hợp từ sơ sinh mạch cổ tay chìm hẳn dưới tất cả bắp thịt nằm sát mặt xương, thường gọi là mạch phục, nghĩa là mạch ẩn. Muốn nhận ra được nó phải dùng đầu ngón tay lách những bắp thịt cổ tay ra thì nó mới xuất hiện. Thế là bởi nó ẩn mà ta vô ý không nhận thấy chớ không phải là không có.

b. Có trường hợp hoặc lúc mới sanh gặp phải một biến cố gì, hoặc lớn lên bị tai nạn té ngã, làm cho động mạch ở cổ tay phải lệch hẳn ra phía sau cổ tay; hoặc chỗ đó bị nghẽn mà nó phải mở lối ra phía sau cổ tay, nếu người thầy thuốc vô ý thì không nhận ra được. Trường hợp này người ta gọi là mạch Phản quan, cũng vẫn không phải mất.

c. Có trường hợp bệnh tật vì một duyên cớ gì, động mạch xương lớn cổ tay tạm thời nghẽn bặt đi trong giây lát, mà Tim vẫn còn hoạt động như thường; có khi chỉ tắt có một bên, có khi tắt cả đôi bên.

Vì thế mỗi khi chẩn mạch thấy mạch cổ tay mất đi, thì ta phải thận trọng quan sát kỹ mọi khía cạnh, cũng như mọi nơi, mà nhất là các động mạch ở cổ chân, kẻo sự nhận xét phải sai lầm đi mất. Ngoài ra những trường hợp mất đi một bộ hai bộ lại không phải là mất hẳn, nên không thể bàn thêm.

Ngoài ra còn có những trường hợp đột ngột tắt thở mất mạch, chết giả như bị té, bị chết chìm, bị sét nổ... đều không phải là những trường hợp thuộc phạm vi bệnh tật như đã nói trên; nên đều là những trường hợp ngoại lệ.

Một guồng máy đang chạy, tiếng nổ đang nghe đều đều, bỗng dưng lại nổ khoan đi rồi nhặt, nhặt rồi khoan; thế là phần xăng nhớt trong ấy đã muốn đứt đoạn không nối tiếp nữa, do đó người ta biết được guồng máy sắp tắt. Trong con người cũng thế, mạch bỗng dưng khi khoan khi nhặt, thế là tạng Tim chỉ ráng hết sức mà gượng gạo vậy thôi, chứ kỳ thực sự nối tiếp đã sắp đứt. Cho nên nói "mạch khi khoan khi nhặt cũng là trường hợp chết".

Thế là đã qua một đợt thứ nhất, luận giả trình bày về hiện tượng mạch bình thường và mất bình thường đến chết rồi vậy.

Có người hỏi: Ví phỏng gặp trường hợp người ta bị cụt tay, cụt chân, hoặc mất bớt một mắt, hoặc mất một bộ phận nào trong cơ thể, thì làm sao chẩn mạch? Và nếu hai tay còn, thì trường hợp mất bớt bộ phận ấy có quan hệ gì đến mạch không?

Đáp: Cả một guồng máy mà lại bị lấy bớt những bộ phận, bất cứ bộ phận ấy thuộc về bên trong hay bên ngoài, thì ta cũng có thể tưởng tượng được kết quả cái máy ấy chạy ra sao; huống chi là một con người. Thế mới biết: Không có một trường hợp mất một bộ phận nào mà không quan hệ, chỉ có bộ phận ấy là chính yếu hay thứ yếu mà thôi; cho nên giá trị quan hệ cũng tùy theo đó mà định đoạt. Còn nói đến trường hợp cụt tay làm sao chẩn mạch; chính vì thế mà mới nói vọng văn vấn thiết, nói nhìn, nói sờ, nói gõ, nói nghe, nói "nhập thần rồi tỏ sáng, ai làm thì người đó hay", chớ đâu phải chỉ ứ trệ mạch cổ tay mà trở thành bế tắc?!

BÌNH

Có người bảo: Phép chẩn đoán mà căn cứ vào giác quan trơn và chẩn mạch cổ tay như thế, thì suốt ngày khám được bao nhiêu người bệnh; và như thế thì làm sao có được hạng thầy thuốc đúng nghĩa lương y?! Sao bằng ta cứ áp dụng bao nhiêu dụng cụ máy móc ta sẽ đỡ mất thì giờ, thầy thuốc không cần đến phải là người thông đạt cũng có thể khám phá một cách chính xác, tiện lợi hơn nhiều! Nếu bo bo giữ theo lề lối cũ, làm sao theo kịp trào lưu văn minh tiến bộ của cả thế giới hoàn cầu ngày nay cho được?

Đáp: Nếu khoa học văn minh vật chất quả là thần thánh, thì đâu có

chuyện hiện nay có những hạng đầu sỏ khoa học văn minh vật chất lại lên tiếng báo động rằng: Loài người vì cuộc sống theo đà kỹ nghệ vật chất, nên trong vòng ba năm nữa, xã hội loài người sẽ bế tắc không còn lối thoát. Thế là đáng tội nghiệp thay! Kẻ đi trước gặp phải đường cùng đang ngấc giọng báo động, thế mà bọn giũ đuôi múa rối theo sau vẫn cứ ó ré hoan nghinh cho là thần thánh. Thật đáng thương xót biết chừng nào! Nếu quả ta muốn lợi dụng thời thế để mà buôn bệnh trục lợi đồ danh, để rồi lát nữa ta cũng sẽ chết chìm theo thời thế, thì nói như thế quả là hay tuyệt. Bằng không phải như thế, thì một thằng đui dắt một đám đui tiến lần về vực thẳm, thế nào rồi cũng có ngày khôn xiết ăn năn.

Có ai ngờ chính kẻ viết mấy dòng này cũng đã từng có lúc chủ trương như thế, mãi đến ngày nay mới thấy mình ngu ngốc quá chừng! Trời ơi! Đến non nước này mà chúng ta còn cố bám vào kỹ nghệ vật chất để mà giải quyết cuộc sống, để đặt nền móng cho y khoa, thì tôi e rằng tất cả loài người sẽ không khỏi dùng bệnh đổi bệnh; thằng sau giết thằng trước, thằng sau nữa giết thằng sau, cứ như thế mãi cho đến bao giờ quả địa cầu này hủy diệt, tựa hồ cách thế của Hitler chỉ huy cho dân Do Thái tự giết dân Do Thái mà thôi vậy. Mà quả thật! Đâu phải đợi đến chừng nào! Nếu ta có trầm ngâm chậm rãi suy tư, rồi ta mới thấy chính hiện giờ đây toàn cả thế giới loài người đang áp dụng đủ mọi cách thế để giết nhau; hoặc bằng súng đạn, hoặc bằng máy móc, hoặc bằng thực phẩm, hoặc bằng nhà cửa dinh thự, hoặc bằng tiền bạc thuốc men; cho đến hoặc bằng cái yêu thương nữa là khác; mà tất cả vẫn đều như ngơ không một ai hay biết. Trời ơi! Con người phải điên khùng đến cỡ đó mới được sao?!

Có ai ngờ: Một vị bác sĩ Tây y người Việt đã có từng trải. Với một tấm lòng, một hôm buột miệng than rằng: "Giá chi dân tộc Việt Nam hiện giờ hãy còn đi xe bò xe ngựa, thì chắc chắn nước Việt Nam sẽ còn có phước hơn nhiều". Trời ơi! Như thế chưa đủ để thấm thía sao!

Nếu tất cả đều là hiện tượng, thì chính mình cũng là hiện tượng; cho đến nhịp mạch bình thường, thái quá hay bất cập, mãi đến cái sống cái chết, chẳng qua cũng chỉ là hiện tượng. Mà đã là hiện tượng, tức là biến huyễn vô thường. Đã là biến huyễn vô thường, thì hiện tượng ở thái dương hệ này không thể giống như ở thái dương hệ khác, ở thái dương hệ khác cũng không thể giống thái dương hệ khác nữa. Thế thì mỗi nơi mỗi khác, mỗi lúc mỗi khác, mỗi vật mỗi khác. Hiện tượng lúc quả địa

cầu còn trẻ tuổi không thể giống như lúc già nua, lúc già nua cũng không thể giống như lúc sắp hủy diệt. Nếu quả không có hiện tượng bình thường, thái quá hay bất cập thật, thì y khoa cũng vứt đi. Nếu quả có hiện tượng bình thường, thái quá hay bất cập thật, khắp cõi bao la này chỗ nào cũng như chỗ nấy; như thế họa chăng chỉ có cõi không tưởng. Thế mới biết: Nói bình thường, nói thái quá, nói bất cập; nói sống, nói chết đều chỉ chẳng qua là chuyện sau khi có con người, có cái Mình, để nhận thức theo thế chủ quan mà bày đặt ra để cần dùng trong một khu vực, một thế giới của loài người mà thôi vậy. Và nếu khi ta đã thật tình biết như thế, tức là ta đã nắm trọn cái cơ điều chỉnh về phần ta rồi. Như thế lẽ ra tất cả những băn khoăn xao xuyến, những mất bình thường, những cái gọi là chết chóc đau thương đối với ta đã trở nên hết thành vấn đề.

Nhưng nghĩ ra được tất cả chỉ là hiện tượng, đều là không là gì, cho đến chính mình cũng thế, điều đó trí óc vẫn làm được. Xa hơn nữa, ví phỏng có người chỉ cho nghiệm thẳng vào cái không là gì của chính tâm hồn mình khi chưa móng nghĩ, thì tâm tư cũng có thể chứng thực ngay lập tức được lắm. Nhưng than ôi! Đối với ngày nay cả hai trường hợp ấy đều đã trở thành chuyện của trí óc, chuyện của tạm bợ nhất thời, đâu đủ để đối phó với bao nhiêu lượn sóng văn minh vật chất buông cương tới tấp!

Ông Ba Thi, một võ sư lừng danh vùng Nam Việt thời tiền chiến, có rất nhiều người hâm mộ muốn đến học. Mỗi khi có người xin vào học, ông ta trao cho một quyển sách quảng cáo của nhà thuốc Nhị Thiên Đường dầy cộm, bảo phải về học cho thuộc rồi trở lại ông dạy cho. Có người đủ chí kiên nhẫn về học xong trở lại, ông lại bảo cùng đi ra sân sau để được truyền dạy. Đến trước một miệng hố chông đầy miểng chai bể và chông sắt nhọn hoắc, ông bảo hãy nhảy xuống. Ai ngẩn ngơ lơ láo thì rút lui; còn những ai dám nhảy, thì nhanh như chớp ông níu lại, rồi từ đó mới được truyền dạy. Thế là ai không đủ chí đọc sách Nhị Thiên Đường, không đủ khí để nhảy xuống hầm chông, thì không thể nào học được miếng võ siêu tuyệt. Thế mới biết: Đứng trước muôn trùng lượn sóng vật chất năm châu họp chợ ngày nay, ai muốn thật thấy tất cả đều là hiện tượng, chính mình cũng chỉ là không là gì, để rồi cuộc sống sẽ trường lưu cùng vĩnh cửu, mà thiếu chí khí học sách thuốc Nhị Thiên Đường và nhảy xuống hầm chông của một sinh viên võ thuật, thì đừng hòng mong có ngày thoát vòng nô lệ.

ĐOẠN 2

PHIÊN ÂM

Tiết 6: Bình nhân chi thường khí bẩm vu vị. Vị giả bình nhân chi thường khí dã. Nhân vô vị khí viết nghịch, nghịch giả tử.

Tiết 34: Nhân dĩ thủy cốc vi bổn, cố nhân tuyệt thủy cốc tắc tử. Mạch vô vị khí diệc tử. Sở vị vô vị khí giả, đản đắc chơn tạng mạch bất đắc vị khí dã. Sở vị mạch bất đắc vị khí giả, can đãn huyền, tâm đãn câu, tỳ đãn đại, phế đãn mao, thận đãn thạch dã.

DỊCH

Sanh khí của người bình thường đều nương nhờ nơi Vị, cho nên Vị khí là khí vốn phải có của người bình thường. Ai không Vị khí là nghịch, nghịch thì chết.

Con người phải lấy ăn uống làm mạch sống, nếu dứt ăn uống là chết. Mạch không Vị khí cũng chết. Nói không Vị khí đây nghĩa là chỉ thấy mạch chơn tạng hiện, mà không thấy màu Vị khí. Nói mạch không thấy màu Vị khí là mạch Gan chỉ thấy Huyền, mạch Tim chỉ thấy Hồng, mạch Tỳ chỉ thấy Hưỡn, mạch Phổi chỉ thấy Phù, mạch Thận chỉ thấy Trầm mà thôi.

GIẢI

Đoạn này tiếp tục đoạn trên để nói về con người khi mới thọ thai là phải nương nhờ nơi phần Tiên thiên mới có, khi đã nên người thì luôn luôn phải có phần Hậu thiên nối tiếp mới được sinh tồn. Do đó con người bình thường phải nương nhờ nơi sự tiếp tế của Hậu thiên, không thể vì một lẽ gì cắt đứt hẳn phần tiếp vận của Hậu thiên mà con người bình thường sinh tồn được. Và khí tượng tiếp vận ấy, có cách để nhận ra

ngay ở con người sống, vì thế một khi mạch sống ấy không còn nối tiếp được nữa, cũng có cách để biểu lộ mà mạch cổ tay là điều kiện quan trọng nhất. Thế thì tinh thần của đoạn này hoàn toàn chú trọng ở định nghĩa thế nào là Vị khí, thế nào là mạch có Vị khí, thế nào là mạch chơn tạng, mà mạch chơn tạng lại tức là mạch không có Vị khí.

Đã mở đầu bằng cách con người phải có ăn uống mới sống được, tức là trong chỗ không lời đã nói lên một hệ thống nối tiếp từ ăn uống vào Vị, rồi từ Vị mà vận chuyển để nuôi dưỡng khắp tạng phủ châu thân; thế là chuyện này vốn đã nhiều lần đề cập, không phải là chuyện mới lạ. Và Vị khí tức là khí thế năng lực thâu nhận và phân phát của Vị. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là khả năng thâu nhận cũng như phân phát không còn nữa, là Vị khí tuyệt.

Đã bảo rằng: Mạch không Vị khí, nghĩa là chỉ thấy mạch chơn tạng không thấy màu Vị khí. Rồi lại còn tiếp: "Không thấy màu Vị khí nghĩa là mạch Gan chỉ thấy Huyền…" Thế thì trong chỗ không lời đã nói mạch Gan chỉ thấy Huyền... đó là mạch chơn tạng hiện, là mạch không Vị khí; và nếu là mạch có Vị khí thì không thể Gan chỉ Huyền, Tim chỉ Hồng, Tỳ chỉ Hưỡn, Phổi chỉ Phù, Thận chỉ Trầm Thiệt mà thôi, mà phải có một màu sắc đồng nhất quán xuyến suốt thông làm sao ấy mới được. Chỗ đó lúc trước đã có nói, hiện đây không thấy nói mà đoạn sau bàn đến rất rõ. Thế thì đoạn này chỉ là mới mở màn cho nghĩa Vị khí mà thôi. Thế là trong chỗ cùng cực bí yếu không lời của đoạn này, hoàn toàn chú trọng đến khí tượng đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong con người, để con người cùng với bao la nhịp nhàng tiết tấu. Nếu không như thế là trái chướng, mà trái chướng là chết.

Thế là nơi phần nguyên văn chỉ nói có hai tạng, là một cách nói giản lược để phần ngoài lời hậu học phải tự nhận ra mà hiểu vậy.

BÌNH

Kinh A-Di-Đà của nhà Phật bảo: "Bên cõi Cực-Lạc rất là yên vui, chúng sanh trong cõi ấy mỗi sáng sớm thường đi hái hoa trời mang đi cúng dường mười phương chư Phật. Khi đến giờ ăn đều quần tụ về chỗ mình ở, ăn xong rồi đi kinh hành".

Vậy thử hỏi: nếu cuộc sống của chúng ta hiện nay hô hấp đúng cách, ăn uống đúng phép, tâm tư sanh hoạt đều lưu thông trong cái lẽ nhất quán; như thế cũng không được yên vui sao?! Thế mới biết: Đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông là chuyện vô cùng cần thiết cấp bách cho tất cả muôn loài. Chỗ nào thiếu điều kiện đó, chỗ đó là Ta-Bà là không có Vị khí; chỗ nào đủ điều kiện đó, chỗ đó là Cực-Lạc, là có Vị khí, là yên vui. Và trọn cả bộ kinh A-Di-Đà chẳng qua cũng chỉ là NỘI KINH biến tướng mà thôi vậy.

ĐOẠN 3

PHIÊN ÂM

Tiết 7: Xuân vị vi Huyền viết Bình, Huyền đa vị thiểu viết Can bệnh, đản Huyền vô vị viết tử.

Tiết 8: Vị nhi hữu Mao viết Thu bệnh, Mao thậm viết kim bệnh.

Tiết 9: Tạng chơn tán vu Can, Can tàng cân mô chi khí dã.

Tiết 10: Hạ vị vi Câu viết bình, Câu đa vị thiểu viết Tâm bệnh, đản Câu vô vị viết tử.

Tiết 11: Vị nhi hữu Thạch viết Đông bệnh, Thạch thậm viết kim bệnh.

Tiết 12: Tạng chơn thông vu Tâm, Tâm tàng huyết mạch chi khí dã.

Tiết 13: Trường hạ vị vi nhuyến nhược viết bình, nhược đa vị thiểu viết Tỳ bệnh, đản đại vô vị viết tử.

Tiết 14: Nhuyến nhược hữu Thạch viết Đông bệnh, Thạch thậm viết kim bệnh.

Tiết 15: Tạng chơn nhụ vu Tỳ, Tỳ tàng cơ nhục chi khí dã.

Tiết 16: Thu vị vi Mao viết bình, Mao đa vị thiểu viết Phế bệnh, đản Mao vô vị viết tử.

Tiết 17: Mao nhi hữu Huyền viết Xuân bệnh, Huyền thậm viết kim bệnh.

Tiết 18: Tạng chơn cao vu Phế, dĩ hành dinh vệ âm dương dã.

Tiết 19: Đông vị vi Thạch viết bình, Thạch đa vị thiểu viết Thận bệnh, đản Thạch vô vị viết tử.

Tiết 20: Thạch nhi hữu Câu viết Hạ bệnh, Câu thậm viết kim bệnh.

Tiết 21: Tạng chơn hạ vu Thận, Thận tàng cốt tủy chi khí dã.

DỊCH

Ở mùa Xuân nếu mạch có Vị khí là chỉ hơi Huyền, tức là mạch bình thường. Nếu Huyền nhiều Vị khí ít là Gan đã có bệnh. Nếu trơ trọi chỉ có Huyền mà không Vị khí là mạch chết.

Tuy dẫu có Vị khí mà có pha trộn mạch Mao của mùa Thu, tức là điềm sang Thu sẽ có bệnh. Nếu mạch Mao nhiều hơn Vị khí, là bệnh ngay bây giờ.

Lúc đó chơn khí của nội tạng đều súc tích ở nơi Gan, Gan là tạng súc tích khí lực toàn cả gân và màng khắp con người.

Ở mùa Hạ mạch có Vị khí là phải chỉ hơi Câu, đó gọi là bình thường. Nếu Câu nhiều hơn Vị khí đó là Tim đã có

bệnh. Nếu chỉ trơ trọi có Câu mà không Vị khí là chết.

Tuy có Vị khí mà còn có pha trộn mạch Trầm Thạch của mùa Đông, tức là sang Đông sẽ phát bệnh. Nếu quá Trầm Thạch là phát bệnh ngay bây giờ.

Lúc đó chơn khí của nội tạng tụ về Tim, tạng Tim là nơi chứa khí lực của huyết mạch vậy.

Lúc Trường Hạ (cuối mùa Hạ) mạch có Vị khí phải là chỉ hơi hòa hưỡn khoan thai, đó là bình thường. Nếu quá Hưỡn mà vị khí ít, là tạng Tỳ có bệnh. Nếu chỉ Hưỡn mà không Vị khí là chết.

Dẫu có khí tượng hòa hưỡn, nhưng trong đó nếu có pha trộn mạch Thạch của mùa Đông, tức là điềm sang Đông sẽ phát bệnh. Nếu mạch Thạch của mùa Đông quá hơn Vị khí là bệnh ngay bây giờ.

Lúc đó chơn khí của nội tạng đều thấm nhuần về tạng Tỳ, tạng Tỳ là tạng súc tích khí lực toàn cả bắp thịt trong con người.

Ở *mùa Thu, mạch có Vị khí phải là chỉ hơi Mao, đó là mạch bình thường. Nếu hiện tượng Mao nhiều hơn Vị khí, là Phổi có bệnh. Nếu chỉ Mao không Vị khí là chết.*

Tuy là hơi Mao nhưng nếu có xen lẫn hiện tượng Huyền, là điềm sang Xuân sẽ phát bệnh. Nếu quá Huyền là bệnh ngay bây giờ.

Lúc đó chơn khí của nội tạng đều đổ dồn lên Phổi, để vận hành dinh vệ âm dương vậy.

Lúc mùa Đông mạch có Vị khí phải là chỉ hơi Trầm Thạch, mới gọi là mạch bình thường. Nếu Thạch nhiều hơn Vị khí là Thận có bệnh. Nếu chỉ Thạch mà không có Vị khí là chết.

Nếu tuy Thạch mà xen lẫn hiện tượng mạch Câu của mùa Hạ, là điềm sang Hạ sẽ phát bệnh. Nếu quá Câu là bệnh ngay bây giờ.

Lúc đó chơn khí của nội tạng tụ hết về Thận, Thận là tạng chứa giữ khí tinh hoa cho toàn cả cốt tủy trong con người vậy.

GIẢI

Suốt đoạn này chỉ là tiếp tục đoạn trên, nương nơi vấn đề hiện tượng mạch Vị khí suốt thông qua hiện tượng âm dương 5 hành, năm mùa, 5 tạng, năm mạch, năm khí, để nói lên cái sống trong cõi hiện tượng phải là ở trong thế đồng nhất không hai mà vẫn không mất cái lẽ tương quan trật tự biến hóa lưu thông, Xuân sanh, Hạ trưởng, Trường hạ hóa, Thu thâu, Đông tàng, trời đất với con người không thể cắt xén. Chính chỗ đó mới là nghĩa rốt ráo của Vị khí, và cũng chính vì chỗ đó mà điểm trọng tâm cũng ở hiện tượng mạch có Vị khí hay không có Vị khí. Nếu không thấy như thế, tức thì bao la này đã rơi hẳn vào từ khối từ cục phân hóa riêng tư, và tinh thần của đoạn này chẳng qua cũng chỉ để cung phụng cho tả đạo bàng môn mà thôi vậy.

Mùa Xuân đã là mùa thuộc Mộc, thông đồng với tạng Gan, là khí ấm, là tuổi trẻ, là buổi sáng, là thay cũ đổi mới, thuộc về khí sanh, là mùa đâm chồi non. Mạch Huyền là mạch của Gan, của mùa Xuân, của bộ Quan bên trái, là hiện tượng chồi non trong mạch.

Chồi non là phải thẳng, mềm dịu, mướt mượt, đầy nhựa sống mới phải là chồi non bình thường. Mạch Huyền bình thường của mùa Xuân cũng vậy, tuy thẳng thắn nhưng vẫn có khí tượng mềm dịu hòa hưỡn như chồi non của thảo mộc, bên dưới nối liền với mầu mỡ của khí thấp thổ, bên trên được nối liền với khí ấm áp của trời Xuân. Nên khi sờ vào mầm non ta không thấy có hiện tượng cứng rắn như lá già, cũng không có hiện tượng úa sén rũ héo của lá Thu. Sở dĩ có được như thế, là nhờ nhựa sống đang luôn luôn nối tiếp; chính chỗ đó là Vị khí mùa Xuân trong thảo mộc. Mà Vị khí mùa Xuân trong con người hiện ra ở mạch phải là chỉ hơi Huyền, khoan thai hòa hưỡn, đầy khí tượng tươi nhuận sinh phát

mới mẻ cũng tương tự như vậy, mới được gọi là mạch Vị khí bình thường. Cũng chính vì thế tuy ở mùa Xuân thuộc Mộc, thuộc Gan, mạch Huyền mà cả sáu bộ khi ta đặt tay vào từ từ nặng dần xuống đến phần trầm, rồi từ từ nhẹ dần lên đến phần phù, tới lui uyển chuyển ta vẫn thấy có một màu sinh khí hòa hưỡn đặc biệt bên trong, mà rõ nhất là tả Quan. Cho nên mới nói "mạch bình thường ở mùa Xuân có Vị khí là phải hơi Huyền" là nghĩa thế.

Đã là mầm non của mùa Xuân mà sờ vào không thấy thẳng thắn tươi nhuận, mềm dịu, mướt mượt mà lại thấy có hơi cứng rắn, sống sượng bên trong, thế là biết được mạch sống từ lòng đất lên đến mầm non tiếp xúc với khí Xuân, trong đó đã có cái gì làm trở ngại biến hóa tướng của mầm non rồi, thế là cây đó có bệnh. Trong con người cũng vậy, ở mùa Xuân mà hiện tượng mạch Huyền lại sống sượng nổi bật, mà khí tượng mềm mại, dịu dàng, khoan thai, hòa hưỡn phải bị kém sút đi. Nếu Gan không có bệnh làm sao có thế! Cho nên mới nói "Huyền nhiều Vị khí ít là Gan có bệnh".

Mùa Xuân đã là mùa sinh phát của thảo mộc, là mùa thay cũ đổi mới của cỏ hoa. Đáng lẽ cây cối phải là cành lá mơn mởn mịn màng, trái lại chỉ khô khan cứng ngắc; thế là cây đó đã chết hoặc sắp chết. Trong con người cũng thế, trong mùa xuân mà mạch chỉ trơ trọi thẳng băng cứng ngắc không thấy có hiện tượng hòa hưỡn khoan thai, mềm mại mịn màng chút nào cả; như thế không phải là mạch chết lại là gì?! Cho nên mới nói "chỉ Huyền không Vị khí là chết là vậy".

"Mao" nghĩa là lông thú, mà cũng còn là nghĩa cây cỏ rụng hết lá xơ chà. Hiện tượng mạch Mao là hiện tượng mạch nổi trong cái thế da đã chùn lại của khoảng mùa Thu, khi sờ vào thấy tựa hồ như sờ nhẹ trên đầu nhóm lông thú, như chạm nhẹ lên đầu cây cỏ đã rụng hết lá già ở mùa Thu, như sờ vào đám lá úa. Đó là cụ thể nghĩa mạch nổi ở mùa Thu mà phải dùng chữ "Mao" để diễn tả.

Đang ở mùa Xuân, đang trong hiện tượng mầm non sanh phát, lại bỗng dưng thấy pha trộn tướng chùn lại của mạch Mao mùa Thu; đó là hiện tượng báo trước sang Thu sẽ có bệnh. Nếu hiện tượng đó mà nổi bật hơn hiện tượng Vị khí, thế là điềm Kim khắc Mộc, thế chùn lại của Phổi lấn thế tung lên của Gan, hay nói một cách khác hơn thế thâu hiện

lên trong lúc cơ đáng lẽ sinh phát, tất phải phát bệnh ngay lúc đó. Cho nên mới nói "Có Vị khí mà pha trộn mạch Mao của mùa Thu, là điềm sang Thu sẽ bệnh. Nếu Mao nhiều hơn Vị khí là bệnh ngay bây giờ".

Tuy nhiên đối với câu nói trên, như thế vẫn chưa hết ý nghĩa của luận giả muốn nói. Vì sao thế? Vì mùa Xuân mà có thể hiện mạch mùa Thu, vậy thử hỏi tại sao không thể hiện mạch mùa Hạ, Trường hạ và Đông? Nếu có thể có như thế, tất không thể chỉ nằm trong thông lệ tương khắc của 5 hành không mà thôi, và trong một mùa có thể có năm hiện tượng mạch biến. Thế là trong chỗ không lời, luận giả đã nhắc lại vấn đề mạch có 25 cách biến như từ trước đã có lần đề cập. Nếu ai không thấy tới chỗ đó, tức là không đọc được đến phần không có chữ; và những bài học đi qua rồi, cũng kể bằng không vậy. Mùa Xuân đã thế, các mùa khác cũng thế.

Thế là luận giả đã qua một đợt trình bày phương pháp dùng ba ngón tay thay thế cho tai mắt, mà dạo qua khung cảnh trời Xuân trong hiện tượng mạch trong con người. Trong đó hiện tượng Huyền là hiện tượng ngôi chủ khi có bệnh hoặc chết đều thuộc về phần thái quá. Ngoài ra bốn hiện tượng khác của bốn mùa khi có xen vào, đều là hiện tượng thế chủ yếu khí khách lấn, đều thuộc về bất cập. Bốn đợt sau này cũng đồng một nguyên tắc.

Đã từng nói: Xuân phát trần, Hạ phồn tú, Thu dung bình, Đông bế tàng; hoặc nói: Xuân sanh, Hạ trưởng, Trường hạ hóa, Thu thâu, Đông tàng; hoặc nói: Xuân thuộc Gan, Hạ thuộc Tim, Trường hạ thuộc Tỳ, Thu thuộc Phổi, Đông thuộc Thận; và cũng đã từng có đồ biểu nói về vòng chế hóa tinh hoa trong con người với tuần hoàn máu trắng, bắt đầu từ Đông chí qua ε5 ngày theo bên trái mà đi lên, rồi sang bên phải mà đi xuống, để lại sang trái bắt đầu năm sau; lại cũng có nói đến mỗi tạng đều có thành phần sở hợp khắp châu thân, thí dụ như tạng Gan thì tất cả thể dai như gân, màng trong toàn thân con người đều thuộc về Gan. Thế thì nói: Ở mùa Xuân chơn khí của nội tạng đều súc tích bủa khắp ở Gan, và Gan là tạng chứa khí lực cho toàn cả gân và màng khắp trong châu thân, tức là nhắc lại cho chúng ta nhớ đến mùa Xuân thế vận hành chế hóa tinh hoa trong con người đã đi qua một đợt từ Thận sang Gan, từ Đông sang Xuân rồi vậy. Cho nên mới nói "lúc đó chơn khí nội tạng súc tích ở Gan, và Gan là tạng chứa khí lực cho tất cả gân và màng vậy".

Ta nên biết cơ biến hóa rất nhiệm mầu không thể có một thứ ngôn ngữ nào mà diễn tả hết được. Năm có thể cũng như tháng, tháng có thể cũng như ngày, ngày có thể cũng như giờ, giờ có thể cũng như phút, phút có thể cũng như giây, giây có thể cũng như vĩnh cửu… Bao la trời đất đâu phải chỉ là từ khối từ cục riêng tư, cho nên sách không thể hết lời, lời không thể hết ý, chỉ quan hệ ở chỗ nhập thần của ta mà thôi.

Mùa Hạ đã là mùa thuộc Hỏa, thông đồng với tạng Tim, là khí nóng, là phồn thịnh rậm rịt, thuộc về khí trưởng, là mùa chồi non đã nở oằn xòe ra, có tướng cong vòng như hình bầu của lưỡi câu dựng đứng mà phần lưỡi cúp xuống hướng ra bên ngoài. Mạch Câu là mạch của Tim, của mùa Hạ, là hiện tượng chồi non đã trưởng thành oằn bầu trong mạch.

Đọt non đã trưởng thành là phải có hiện tượng bầu oằn ở phần ngọn, phần đọt, mà đã bầu oằn tất nhiên đã vượt qua khỏi giai đoạn thẳng láng, nhọn bén, mềm dịu, mướt mượt, óng ánh, tươi nhuận của chồi non mùa Xuân. Trong đó tuy không mất vẻ nhựa sống dồi dào, nhưng đã thêm phần cứng rắn của khí thế trưởng thành không bệnh hoạn, thì mới phải là đọt non bình thường đã trưởng thành của mùa Hạ. Mạch Câu bình thường của mùa Hạ cũng vậy; tuy đã oằn nở bầu vồng như hình câu, đã có tính chất trưởng thành cứng cáp, nhưng vẫn không mất khí tượng tươi nhuận hòa hưỡn khoan thai như đọt đã trưởng thành mà bên dưới lúc nào cũng nối liền được với mầu mỡ của khí thấp thổ, bên trên nối liền với khí nóng của trời Hè. Khi ta sờ vào đọt non đã trưởng thành ta không thấy giống như sờ vào chồi non của mùa Xuân, cũng không thấy giống như sờ vào lá úa, chà xơ, sém rũ của cây cỏ mùa Thu. Đó là nhờ nhựa sống đang luôn luôn nối tiếp, chính chỗ đó là Vị khí của mùa Hạ trong thảo mộc. Vì thế Vị khí của mùa Hạ trong con người hiện ra ở mạch cũng phải là chỉ hơi bầu nổi, hơi cứng rắn, khoan thai, hòa hưỡn, đầy khí tượng mới già dặn trưởng dưỡng; như thế mới được gọi là mạch Vị khí bình thường của mùa Hạ. Chính vì vậy nên khí tượng mùa Hạ trong mạch có lúc diễn tả bằng chữ "câu", có lúc diễn tả bằng chữ "hồng". Cũng chính vì thế mà tuy ở mùa Hạ, thuộc Hỏa, thuộc tạng Tim, mạch bầu nổi, nhưng cả sáu bộ khi ta đặt tay vào thật nhẹ, rồi từ từ nặng dần xuống đến phần trầm, từ từ nhẹ dần lên đến phần cực phù, tới lui uyển chuyển, ta vẫn thấy có một màu sinh khí trưởng dưỡng hòa hưỡn bên trong. Cho nên mới nói: "Mạch bình thường ở mùa Hạ có Vị khí là phải chỉ hơi Câu" nghĩa là thế. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là

nhớm tay lên đến phần phù thấy có dư mà đè tay xuống thấy thiếu, rõ nhất là ở Tả Thốn.

Đã là đọt non đã trưởng thành của mùa Hạ, tất khi sờ vào tuy không phải như sờ vào mầm non của mùa Xuân, nhưng cũng không thể quá cứng rắn như lá uá già khô khan sống sượng cho được. Nếu có như thế, là biết được mạch sống từ lòng đất lên đến mầm non để tiếp xúc với khí Hạ, trong đó đã có thiếu cái gì làm cho tướng trưởng thành của mầm non trở nên méo mó rồi. Thế là cây đó thiếu sung túc. Trong con người cũng vậy, ở mùa Hạ hiện tượng mạch nổi bầu lại sống sượng nổi bật, mà khí tượng mềm dẻo dịu dàng, khoan thai hòa hưỡn phải bị kém sút đi. Nếu tạng Tim không có bệnh, làm sao có thế?! Cho nên mới nói "Câu nhiều Vị khí ít là Tim có bệnh".

Đối với thảo mộc, mỗi khi ta bứng dời đi hoặc chiết cành về trồng nơi khác, khi trồng xuống hoặc lá tươi nhuận luôn hoặc lá héo rụng bớt đi để mầm non nẩy lên đều là điềm cây sống được. Nếu lá vẫn y nguyên không rụng mà khô đét, sờ vào nghe khua động cứng rắn khô khan, đó là điềm cây không thể sống được.

Mùa Hạ đã là mùa trưởng dưỡng sum sê của thảo mộc, là mùa rậm rịt của cỏ hoa, đáng lẽ đọt non chỉ mới nở xòe cứng cáp, mà trong đó vẫn không mất khí tượng mịn màng; trái lại chỉ khô khan cứng ngắc, thế là cây đó hoặc chết hoặc sắp chết. Trong con người cũng thế, ở mùa Hạ mà mạch chỉ trơ trọi bầu tròn cứng ngắc, không thấy có chút hiện tượng hòa hưỡn khoan thai nào cả, như thế không phải là mạch chết còn đợi gì?! Cho nên mới nói "Mạch chỉ Câu không Vị khí là chết" là nghĩa thế.

"Thạch" nghĩa là đá, là nặng, cứng rắn, chìm, là hiện tượng mùa Đông nước đóng giá cứng, loài thảo mộc có củ, sinh lực đã bỏ cành lá mà tụ về củ, là hiện tượng chánh của mùa Đông. Mạch Thạch có nghĩa là ở phần chìm đè vào thấy chắc thực trong cái thế khí lực con người đã thu hết vào cốt tủy của mùa Đông. Cho nên khi ta sờ vào lần lần đè xuống càng sâu càng thấy chắc, như sờ vào thể cứng của đá; đó là cụ thể nghĩa mạch chìm cứng rắn của mùa Đông mà phải dùng chữ "thạch" để diễn tả.

Nay đang ở giữa mùa Hạ, đang trong hiện tượng đọt non trưởng

thành, lại bỗng dưng thấy pha trộn hiện tượng phần chìm cứng của mạch thạch mùa Đông, đó là hiện tượng báo trước sang Đông sẽ có bệnh. Nếu hiện tượng đó mà nổi bật hơn là hiện tượng Vị khí của mùa Hạ, thế là điềm Thủy khắc Hỏa, thế lạnh của Thận bốc lên lấn thế nóng của Tim. Hay nói một cách khác hơn là thế tàn tạ hiện lên trong lúc cơ trưởng dưỡng đang phát như thế làm sao không phát bệnh ngay?! Cho nên mới nói "Dẫu có Vị khí của mùa Hạ mà có pha trộn mạch Thạch của mùa Đông, là điềm sang Đông sẽ phát bệnh; nếu hiện tượng Thạch nhiều hơn Vị khí của mùa Hạ là bệnh ngay bây giờ".

Mùa Hạ mà có hiện tượng mạch mùa Đông xen vào, đã thế, thế tất trong chỗ không lời cũng phải biết không thể không có hiện tượng mạch của những mùa khác xen vào, điều đó không đợi nói cũng đã biết vậy. Thế là đến đây đã hết phần hiện tượng bình thường, thái quá và bất cập của mạch mùa Hạ rồi vậy.

Mạch đã là thành phần ngoài của tạng Tim, Tim là tạng thuộc Hỏa, mùa Hạ. Lẽ cố nhiên đến mùa Hạ vòng diễn biến tinh hoa của nội tạng phải được súc tích ở tạng Tim nhiều nhất; thế là vòng diễn biến ấy đã bước sang một đợt thứ hai. Cho nên mới nói "Lúc đó chơn khí của nội tạng thông đồng với Tim, và tạng Tim là tạng súc tích khí tinh hoa cho toàn cả huyết mạch vậy".

Trường hạ là cuối Hạ. Suốt cả bốn mùa không cuối mùa nào mà không có khí Thổ vượng; nhưng vì cuối Hạ là Hỏa cực Thổ sinh, để rồi Thổ cực Kim sinh. Cho nên Trường hạ là lúc thuộc Thổ, thông đồng với tạng Tỳ, là lúc giàu khí ẩm thấp, là hồi biến hóa. Mạch Hưỡn là mạch của tạng Tỳ của Trường hạ, là hiện tượng khí trương nở bốc lên bung ra hết mức đến hồi khoan thai để chuẩn bị một cuộc chùn lại của trong mạch, đáp ứng nhịp nhàng với bầu khí quyển bên ngoài.

Tạng Tỳ đã là tạng thuộc Thổ, chuyên giữ về khí thấp thổ trong con người, vốn nó lúc nào cũng có một khí tượng mạch khoan thai, hòa hưỡn thì mới được gọi là bình thường. Hay lại gặp lúc Trường hạ là lúc cực vượng của nó, thế tất cả khí tượng hòa hưỡn phải càng được rõ rệt hơn. Cho nên mới nói "Lúc Trường hạ mạch phải khoan thai hòa hưỡn mới là mạch Vị khí bình thường".

Nếu vì một lẽ gì làm cho khí thấp thổ trong con người lên quá cao, tạng Tỳ phải mệt, thì lẽ cố nhiên lúc Trường hạ ống mạch phải bị giãn to, thế hòa hưỡn phải đổi ra lơi chậm, thế thần khí biến hóa trở nên ngưng trệ nặng nề. Thế là hiện tượng tạng Tỳ đã có bệnh. Cho nên mới nói "Nếu quá Hưỡn, Vị khí ít là tạng Tỳ có bệnh".

Tiến xa hơn chút nữa, hiện tượng linh động của khí thấp Thổ Trường hạ bình thường trong mạch mất đi, mà chỉ còn trơ trọi một hiện tượng đình đốn, dãn to cứng đơ không biến hóa. Như thế nếu không chết còn đợi gì nữa?! Nên mới nói "nếu chỉ đình đốn không Vị khí là chết" là nghĩa thế.

Khí Trường hạ là khí hóa, khí Đông là khí bế tàng. Nay đang lúc Trường hạ, mạch trong con người đang ở trong giai đoạn hòa hưỡn biến hóa khoan thai, bỗng dưng lại xen lẫn hiện tượng cứng rắn của thế mạch mùa Đông, lẽ cố nhiên phải là điềm trong tạng Thận có chỗ mất quân bình, không khỏi sang Đông sẽ phát bệnh. Cho nên mới nói "Dẫu có khí tượng hòa hưỡn của Trường hạ mà có xen lẫn mạch Thạch của mùa Đông là sang Đông sẽ phát bệnh".

Tiến xa hơn chút nữa, nếu hiện tượng mạch cứng rắn của mùa Đông nổi bật lên hơn là khí tượng hòa hưỡn Vị khí của Trường hạ, thế là tạng Thận đang có bệnh, là bệnh phải phát ngay bây giờ.

Trường hạ mà có hiện tượng mạch mùa Đông như thế, tất hiện tượng mạch mùa Xuân, Hạ, Thu cũng đều có thể xảy ra theo công lệ này; điều đó khỏi phải bàn cũng đã biết. Đến đây là hết phần bình thường, thái quá và bất cập của hiện tượng mạch Trường hạ.

Mùa Xuân, chơn khí của nội tạng tập trung ở Gan, mùa Hạ ở Tim, lẽ cố nhiên đến Trường Hạ phải ở Tỳ. Thế là vòng diễn biến của sinh lực trong con người trong một năm đã sang qua đến đợt thứ ba rồi.

Tất cả bắp thịt toàn thân đều là thành phần bên ngoài của tạng Tỳ cả, đều phải nương nhờ Tỳ mà tồn tại; thế là tạng Tỳ là nơi súc tích tinh hoa cho toàn cả bắp thịt châu thân. Cho nên mới nói "Lúc đó chơn khí của nội tạng đều thấm nhuần về tạng Tỳ và tạng Tỳ là nơi súc tích tinh hoa cho tất cả bắp thịt vậy".

Mùa Thu đã là mùa thuộc Kim, thông đồng với tạng Phổi, là mùa giàu khí mát, là mùa âm dương đều chùn lại để có tướng như phân khai, là mùa kết đúc của trái cây, thuộc về khí Thu thành của Kim, là mùa lá vàng rơi lả tả, là lúc cây cỏ úa xào, những cây đổ lá đều để lại chà xơ. Như trên đã nói chữ "Mao" vừa có nghĩa là lông thú, vừa có nghĩa là xơ chà. Mạch Mao là mạch của mùa Thu, của tạng Phổi, là hiện tượng khí dương của bầu khí quyển tung ra hết mức bắt đầu chùn lại để thu vào, mà cũng là hiện tượng của người quá nửa đời xế bóng, mặt da chùn lại, cũng là hiện tượng rũ héo, lá úa, chà xơ trong mạch con người. Nếu ta có nhập thần thì sẽ thấy lẽ đó.

Nói hiện tượng chà xơ, hay nói hiện tượng sờ vào lông thú, cũng chẳng qua là để mô tả cái tướng chùn lại trong khi sức đi ra đã hết, mà sức trở vào chỉ mới bắt đầu; cũng như sức đi vào đã hết mà sức đi ra chỉ mới bắt đầu. Do đó âm dương như đứng lại, sự giao nhau như đã phân khai. Cho nên ở khung cảnh bên ngoài, nhựa sống cây cối phải từ bỏ phần lá để thu dần về cội. Hồi đó trong con người, tất cả tế bào da cũng đều phải chùn lại để bắt đầu thoát xác, nên tất cả da đều có tướng như nhíp lại, phần khí trong con người như bị chứa giữ ở Phổi, ở dưới da nghe như ngột ngạt, trong bộ tiêu hóa dễ xảy ra cảm giác lạnh, ở Phổi dễ xảy ra nóng và triệu chứng ho. Vì khí thế như thế, nên cấu tạo ra hiện tượng mạch tuy nổi, nhưng không bốc nổi như mạch Câu của mùa Hạ mà vẫn thấy nổi; trong đó cộng thêm khí thế chùn lại của mùa Thu, nên trong hiện tượng nổi đặt tay vào ta thấy một cảm giác chùn lại như bị tản mác, như mất vẻ trơn nhuận. Nhưng theo dõi sát với nổi chìm lên xuống, ta vẫn thấy không phải là hiện tượng mất sinh lực, mất thần khí, mất hiện tượng hòa hưỡn khoan thai. Đó là hiện tượng mạch có Vị khí bình thường của mùa Thu. Vì thế có khi người ta không gọi là mạch Mao, mà người ta còn gọi là Phù Sắc nữa. Thế là cả vạn vật cũng như con người đã qua một lần thay áo.

Nếu hiện tượng khoan thai hòa hưỡn kém hơn hiện tượng chùn lại mất trơn nhuận, khô khan, tản mác, thế là hiện tượng mao nhiều hơn hiện tượng Vị khí. Thế tất sức tiếp dưỡng từ Hậu thiên lên Phổi không còn được bình thường nữa, nên Phổi có bệnh.

Nếu chỉ trơ trọi hiện tượng tản mác khô khan, bên trong không còn chút thần khí khoan thai hòa hưỡn nào cả, thế là mặt thật mạch của tạng Phổi đã hiển bày, và phần Vị khí từ Hậu thiên tiếp dưỡng lên Phổi không

còn nữa, cho nên là phải chết. Vì thế mới nói "Mạch Vị khí bình thường của mùa Thu phải chỉ hơi Mao mà thôi, nếu hiện tượng Mao nhiều hơn hiện tượng Vị khí là Phổi có bệnh, nếu chỉ trơ trọi hiện tượng Mao không có hiện tượng Vị khí là chết" là nghĩa thế. Thế là ngôi chủ của mùa Thu đi từ bình thường đến thái quá sanh bệnh và đến chết vậy.

Đang lúc mùa Thu, hiện tượng Vị khí đang lồng trong hiện tượng mạch Mao, cho nên gọi là hơi Mao. Nay lại bỗng dưng pha trộn hiện tượng mạch Huyền của mùa Xuân, cố nhiên ở tạng Gan phải có một cái gì; do đó biết được sang Xuân sẽ có bệnh. Nếu hiện tượng Huyền ấy nổi bật rõ quá hơn là hiện tượng Vị khí cùa mùa Thu, lẽ cố nhiên ở nơi tạng Gan ngay bây giờ phải có biến cố gì mang đến cho Phổi; cho nên biết ngay bây giờ có bệnh, mặc dù tạng Gan không phải là tạng có khả năng chế ngự tạng Phổi. Cho nên mới nói "Ở mùa Thu, tuy mạch Vị khí là hơi Mao nhưng nếu có xen lẫn hiện tượng Huyền là điềm sang Xuân sẽ phát bệnh. Nếu quá Huyền, là bệnh ngay bây giờ".

Ngay lúc mùa Thu mà có thể xảy ra mạch của mùa Xuân, lẽ cố nhiên không thể không có trường hợp xen lẫn hiện tượng mạch của mùa Hạ, Trường hạ và Đông; điều đó khỏi nói cũng phải biết. Thế là đã thông qua phần ngôi chủ bất cập khí khách lấn của mùa Thu.

Tạng Phổi đã là tạng cấu tạo bằng tế bào da, tất cả mặt da đều thuộc về Phổi, là cơ cấu của hô hấp để thâu nạp khí dưỡng xả khí thán, thuộc Kim mùa Thu. Lẽ cố nhiên đến mùa Thu chơn khí của nội tạng phải thuộc về Phổi, phải được tập trung ở Phổi, để vận hành tinh lực trong con người suốt một năm bước sang đợt thứ tư.

Không có tạng Phổi là vòng vận hành của dinh vệ âm dương bế tắc, toàn cả thành phần da đều phải chết khô. Cho nên phải nói "lúc đó chơn khí của nội tạng đều qui tụ về Phổi để vận hành dinh vệ âm dương", chứ không nói Phổi là tạng chứa giữ khí tinh hoa cho toàn cả mặt da như các mùa các tạng khác.

Mùa Đông đã là mùa thuộc Thủy, thông đồng với tạng Thận, là mùa giàu khí lạnh, là mùa rút lui, thuộc về khí bế tàng. Tất cả sinh lực của cây cỏ đều qui tụ về củ, về gốc; cho đến sinh lực trong con người cũng phải qui tụ về cốt tủy, về Thận để kết đúc một năm súc tích, chớ

không phải chỉ là bại hoại. Vì thế lúc đó, một người sinh lực bình thường, mạch của họ khi đặt tay vào phần phù không thấy, rồi lần lần xuống đến phần trầm, càng xuống sâu càng thấy rõ, tuy chắc thực nhưng vẫn mềm dẻo hòa hưỡn khoan thai, trong đó ta nhận ra đầy sinh lực súc tích bế tàng; như thế mới là hiện tượng mạch Vị khí bình thường của mùa Đông.

Trong đó nếu hiện tượng rắn chắc càng lên cao mà phần khoan thai hòa hưỡn kém hơn, tức là điềm tạng Thận có bệnh.

Xa hơn chút nữa, nếu hiện tượng thần khí hòa hưỡn khoan thai mất hẳn, chỉ còn đơn độc tướng cứng rắn không thần, thế là mạch chơn tạng của Thận đã xuất hiện, sự tiếp vận của Hậu thiên đã đứt đoạn rồi, không thể không chết. Cho nên mới nói "Đang mùa Đông, mạch Vị khí bình thường phải là hơi Thạch, nếu Vị khí ít mà Thạch nhiều là hiện tượng Thận có bệnh, nếu chỉ trơ trọi có Thạch mà không Vị khí là chết". Thế là hết phần ngôi chủ của mùa Đông từ bình thường đến thái quá và chết rồi vậy.

Giữa mùa Đông, đang lúc Vị khí phải lồng vào hiện tượng mạch Thạch (nghĩa là Trầm Thiệt có thần), lại bỗng dưng trong đó có pha trộn hiện tượng Câu của mùa Hạ, thế là ở tạng Tim đã làm sao ấy, lẽ cố nhiên sang Hạ là phải sanh bệnh. Nếu khí thế của hiện tượng Câu nổi bật mà hiện tượng Vị khí hơi Thạch của mùa Đông bị mờ đi, như thế làm sao hiện bây giờ tạng Thận không lãnh một thứ bệnh từ tạng Tim đưa sang cho được?! Cho nên mới nói "Nếu hiện tượng hơi Thạch mà có pha trộn hiện tượng Câu là điềm sang Hạ sanh bệnh, nếu hiện tượng Câu rõ quá là bệnh ngay bây giờ".

Lúc đang Đông mà có thể xảy ra hiện tượng mạch mùa Hạ, thì có lẽ nào lại không có thể xen lẫn mạch mùa Xuân, Trường hạ hoặc Thu cho được?! Điều đó khỏi phải nói. Thế là hết phần ngôi chủ của mùa Đông bất cập mà khí khách lấn sang.

Tạng Thận đã là cơ quan để dành dụm kết đúc khí tinh hoa cho toàn cả tạng phủ cơ thể suốt một năm, chế hóa tinh luyện mà giữ gìn nhất là trong lúc mùa Đông. Cho nên đến mùa Đông, chơn khí của nội tạng không thể không qui về cho Thận, nếu không như thế là sai rồi. Cho

nên mới nói "lúc đó chơn khí của nội tạng đều qui về Thận".

Tất cả cốt tủy điều thuộc về Thận, dù cho tủy óc cũng thế. Không có Thận, cốt tủy không tồn tại, mà đến mùa Đông lại càng cần thiết hơn. Cốt tủy thiếu, mùa Đông con người không chịu nổi. Cho nên mới nói "Thận là tạng chứa giữ khí tinh hoa cho toàn cả cốt tủy vậy".

Nhìn suốt năm đợt trình bày về năm giai đoạn hiện tượng mạch biến hóa trong một năm, rồi ta mới thấy trong đó vẫn bao hàm cả nghĩa âm dương bốn mùa 5 hành tương sanh tương khắc, lạnh nóng hư thiệt biến hóa phân minh. Mỗi mùa mỗi mạch đều có thế thường thế biến, thế bệnh ở ngôi chủ hay bệnh từ ngôi khách truyền sang, 25 thế biến minh bạch rõ ràng mà vẫn không mất nghĩa lý đồng nhất không hai. Quả là một kho tàng Dịch lý của Phục Hy, cũng như cả một kho tàng chân lý Hoa Nghiêm của Phật giáo được thu nhỏ lại đơn giản hóa, thâm nhập hẳn vào trong con người mà vẫn không thiếu sót thật không ngoa. Chỉ còn chờ đích thân mỗi chúng ta phải giáp mặt với sự thật mà thôi vậy.

BÌNH

Nếu nghĩa "không thể phân không thể hợp", "trong một hột nguyên tử là cả cái bao la của nguyên tử học" ngày nay mà đúng, thì nghĩa "một là tất cả, tất cả là một; một không lìa tất cả, tất cả không lìa một; trong một có tất cả, tất cả là một" của nhà Phật lại càng đúng hơn, mà nhất là chứng thực từ trong chính con người của mình nói ra lại còn vô cùng chính xác hơn nữa. Và nếu việc này quả đúng, thì quyết định tinh thần NỘI KINH phải đúng. Nếu tinh thần NỘI KINH đúng thì chuyện có một nhà tu Phật của xứ nào ấy viết một quyển sách bằng tiếng Anh "The Chinese Art of Healing" nói về Đông y bảo rằng "Tài liệu NỘI KINH chỉ là một tài liệu chuyên môn Y khoa; và ai cho rằng tinh thần Y khoa của Trung Hoa khởi thỉ xuất phát từ một nhân vật siêu bạt nào đó là việc hết sức sai lầm, chẳng qua chỉ do từ kinh nghiệm nhiều đời mà có vậy thôi". Nếu quả chuyện này mà có thực, thì tác giả quyển sách nói về Đông y ấy thật là một người chẳng hiểu tí gì về tinh thần dân tộc Trung Hoa cả, mà còn chẳng hiểu tí gì về ông Phật nữa là khác; thế mà vẫn to gan lớn mật tự xưng mình là nhà tu Phật, múa bút viết bừa. Thế mới biết: Đây cũng thuộc về hạng mù đi vào rừng không sợ cọp; vì không biết nên không sợ thiên lôi đả mà thôi. Những hạng người như thế làm sao biết được ông Phật mà bảo là tu Phật?! Làm sao biết được NỘI KINH mà nói chuyện

NỘI KINH?! Làm sao biết được thế nào là Y khoa mà nói chuyện Đông y? Vậy mà có rất nhiều người hùa theo hoan nghinh cho là phải, thì thật là đáng tội nghiệp!

Trước đây gần 30 năm, một hôm cao hứng bỗng dưng tôi nói: Sao tôi cảm thấy trong tôi có tất cả mọi người, trong mọi người đều có tôi. Tôi lại tiếp: Giá như không có cái hư không này, làm sao có chúng ta?! Các bạn nghe tôi nói thế, có kẻ cười bảo tôi ngây ngô, có kẻ bảo coi chừng tôi sẽ bị đau thần kinh đến loạn óc.

Mãi đến ngày nay, trường đời đã đi qua, nước đời đã tắm gội, giờ này ngồi lại san định NỘI KINH, rồi tôi mới thấy giá chi mỗi người trên thế gian này đều ngây ngô và đau thần kinh loạn óc như tôi thuở xưa hết cả, thì cõi đời này sẽ may mắn biết dường nào! Và hơn nữa, giá chi lúc trước tôi thiếu ngây ngô và thiếu bệnh đau thần kinh loạn óc như thế, thì ngày nay chắc cũng không còn biết đâu để mà khôn xiết ăn năn.

ĐOẠN 4

PHIÊN ÂM

Tiết 22: Vị chi đại lạc danh viết Hư-Lý, quán cách lạc Phế, xuất vu tả nhủ hạ, kỳ động ứng y, tông khí mạch dã.

Tiết 23: Nhược thử mạch thạnh suyễn sác tuyệt giả tắc bệnh tại trung kết, nhi hoành hửu tích hỉ. Thử xứ tuyệt bất chí viết tử. Nhủ chi hạ kỳ động ứng y, tông khí tiết dã.

DỊCH

Vị có một đường liên lạc to gọi là Hư-Lý, nó suốt qua chẽn vừng liên lạc lên Phổi, nó hiện ra ở dưới vú bên trái, nó luôn luôn động; đó là mạch tông khí.

Nếu chỗ đó đập quá nổi quá mau, thế là ở vùng Tỳ Vị có

kết thành hình khối tích nằm ngang; nếu chỗ đó không động nữa, là chết; nếu động dội đến áo bên ngoài nhìn thấy, là tông khí bị hao tiết vậy.

GIẢI

Đọc hết đoạn này chúng tôi cảm thấy rất có nhiều điều ngờ vực, nên bắt buộc phải tuần tự trình bày như sau để độc giả cùng chung nghiệm xét. Đành rằng có đoạn này là vì có hai đoạn trên đã nói về tầm quan trọng của Vị khí, điều đó đã hẳn; nhưng ta hãy căn cứ vào chính văn mà xét, ta mới thấy không thể dễ dàng mà thông qua.

Đã bảo rằng: Vị có một đường liên lạc to suốt từ Vị xuyên qua chẽn vừng để dính liền với Phổi tên là Hư-Lý, thế là đã căn cứ vào hình tướng giải phẫu, thấy được mà nói, nhưng thực chất nó là cái gì mà lại đặt tên là Hư-Lý? Chữ "hư" là trống, là rỗng; chữ "lý" là dặm đường. Vậy thử hỏi tướng của đường liên lạc ấy có quan hệ gì đến nghĩa của hai chữ "hư lý" không? Đó là một điều nghi ngờ. Vì sao thế? Vì căn cứ vào hình tướng giải phẫu mà nói, thì Vị là một bộ phận nằm sát phía dưới chẽn vừng, lệch về bên trái phía trước, bên dưới phía sau của Vị là Tỳ âm, đuôi của Tỳ âm hướng về bên trái nối liền với Tỳ dương, Tỳ dương nằm khuất phía sau bên trái của Vị, chỉ lộ ra khi nào chính nó có bệnh sưng to, cả Tỳ dương và Vị đều mắc liền lên chẽn vừng, chẽn vừng là một bộ phận cấu tạo bằng tổ chức bắp thịt, gân và bầy nhầy theo thế tréo nhau. Bên trên chẽn vừng là Tim và Phổi, thân Tim lệch về phía trái, đầu Tim nghiêng về phía phải. Từ chẽn vừng lên cuống Tim, cuống Phổi với màng bao Tim, màng bao Phổi và màng sườn, tất cả các bộ phận ấy đều dính liền nhau chằng chịt. Đại động mạch của Tim vừa ra khỏi Tim vòng xuống đi thẳng xuống bên dưới để thông qua chẽn vừng, cứ qua mỗi một bộ phận đều có động mạch ngánh vào.

Bể họng xôi của tuần hoàn máu trắng từ bên dưới vùng Ruột non theo mạch Thái xung đi lên cũng xuyên qua chẽn vừng, để lên dính liền với tĩnh mạch xương gánh bên trái. Như thế phải chăng vì từ Vị lên chẽn vừng, lên Tim, lên Phổi đều chỉ chằng chịt nhau bằng màng, nên dùng hai chữ "hư-lý" để gọi?!

Tiến tới một bước nữa, đã bảo là Hư-Lý mà còn nói rõ là nó hiện lên dưới vú bên trái, nó luôn luôn động; thế là dùng nghĩa của hai chữ "hư-lý" mà cắt nghĩa đã gặp mâu thuẫn, không ổn. Vì sao thế? Vì hết thảy những hiện tượng mạch động đều xuất phát từ Tim. Mà đã xuất phát từ Tim, lại nói từ Vị xuyên qua chẽn vừng đi lên liên lạc với Phổi, thế là nói ngược, lại vướng thêm một điều mâu thuẫn nữa.

Phương chi chỗ động dưới vú bên trái là địa điểm chấn động của đầu dưới tạng Tim, như vậy cái Hư-Lý muốn nói đây là thuộc về bổn thân của Tim hay của một động mạch từ Tim phân phát ra Vị? Đây cũng là một điều ngờ.

Mà đã là của Tim tức là của Tim sao lại bảo là của Vị? Đã là từ Tim phân phát ra Vị, thế là Tim liên lạc với Vị, chớ đâu phải Vị liên lạc với Tim, nên không thể không ngờ.

Nếu chỉ cho đó là hệ thống mạch Thái xung từ bể họng xôi đi lên tĩnh mạch xương gánh bên trái, thì lại càng vô lý. Vì sao thế? Vì hệ thống âm huyết đều là mạch tĩnh chớ không có động; cho nên nói như thế cũng không ổn.

Thế mà còn thêm câu "đó là mạch tông khí", vậy tông khí là cái gì? Hai chữ "tông khí" có lắm lúc còn được gọi là đại khí hay thái khí nữa.

"Đại" nghĩa là lớn; "thái" nghĩa là quá lớn; "tông" nghĩa là tóm, mà cũng có nghĩa là chủ. Vì thế mà các chú thích Trung Hoa trong chỗ ậm ự ú ớ, không biết rõ để có chỗ nương dựa mà cắt nghĩa là khí chủ một cách mù mờ mê hoặc. Cả người viết lẫn người đọc chẳng ai hiểu tí gì, mà làm như mình đã thông suốt lắm vậy; như thế không ổn.

Thế mà chánh văn lại còn tiếp "Nếu mạch đó đập quá to quá nổi quá mau, tức là ở vùng bộ tiêu hóa có bệnh kết thành khối tích nằm ngang". Với hiện tượng này, đích thân chúng tôi đã nhiều lần chứng kiến. Nhưng theo chỗ hiểu của chúng tôi, thì khối tích đó chính là Tỳ dương. Bệnh gì? Nguyên do nào? Khoan nói. Nhưng khối tích ấy có thể to ra choán đến hai phần ba vùng bụng, nặng 3-4 kí-lô. Vì khối tích ấy đun chẽn vừng lên, làm cho thân Tim bị nằm ngang, Phổi bên trái bị bức bách, tất vùng dưới vú bên trái phải hiện tướng đập vừa to vừa nổi vừa quá

mau một cách vô cùng mệt nhọc mà thôi.

Nhưng thực ra sự đời phía sau phần có tướng thường hay ẩn một lý diệu huyền, làm cho chữ ngờ lắm lúc cũng khó bề mà học hết. Đứng trên tinh thần học hỏi, chúng tôi cũng không thể vì thế mà giải quyết một cách võ đoán, để trí thông minh phải trở thành ngu muội, nên chúng tôi vẫn giữ nguyên trong dấu ngoặc (?).

Tiến thêm một bước nữa, chánh văn lại nói "Nếu mạch đó ngừng không động là chết; mà động quá bình thường, thấy hiện trên làn áo, đó là tông khí bị hao tiết", đây cũng là thêm một điều rắc rối.

Nếu đó là Tim, thì Tim ngừng không đập là chết, là lẽ dĩ nhiên; như thế cũng vẫn có lý.

Lại nữa, chúng tôi thường bắt gặp những trường hợp trong bụng không có tích mà âm huyết quá suy kém hoặc bởi thọ bẩm phần âm huyết thiếu khí thế tạng Tim bốc nổi, con người dễ bị ngoại cảnh xung động, lồng ngực không nở được chiều dày, thân người lép kẹp, thì vùng dưới vú bên trái Tim động vẫn thấy bốc nổi hơn các người khác. Đó là trường hợp Tiên thiên thọ bẩm lệch lạc, lại thêm Hậu thiên tiếp dưỡng không cân xứng mà ra. Những người như thế, hoặc thường dễ đổ mồ hôi, hoặc dễ mất khí thế bình tĩnh; cho nên nói "Nếu chỗ đó động mạnh hơn thường là tông khí bị hao tiết", nói như thế vẫn là có lý. Thế là trọn cả khối nghi ngờ vẫn chưa có cơ giải quyết.

Nay ta hãy thử tiến thêm một bước nữa xem sao. Phần đông chúng ta đối với người xưa thường tỏ ra một thái độ ngạo mạn khinh thường, lúc nào cũng cứ cho rằng người xưa là lạc hậu không biết gì hết về giải phẫu học, cơ thể học, cũng như thần kinh hệ học. Thái độ đó quá xấc xược tầm thường. Nhưng thực ra đến ngày nay, ta mới thấy rõ chính chúng ta bây giờ mới là những kẻ vô cùng lạc hậu sai lầm. Thí dụ về tác dụng của tạng Thận, về hệ thống tuần hoàn máu trắng, hệ thống hô hấp… mãi đến ngày nay chúng ta vẫn còn nằm trong tình thế mù mờ không dứt khoát được; thế mà năm sáu ngàn năm qua, cổ nhân đã biết, biết một cách hết sức chín chắn rõ ràng, làm cho chúng ta ngày nay phải ngạc nhiên, muốn học cũng khó mà học hết.

Giờ đây, ta hãy bình tâm mà nghiệm: Bộ phận chẽn vừng là một bộ phận ranh giới của Tim Phổi bên trên với các cơ cấu tạng phủ bên dưới, mà người xưa gọi là để ngăn chắn khí trược bên dưới bốc lên trên. Nó là cửa ải ra vào của biểu lý dinh-vệ âm-dương, mà cũng là bộ phận để điều tiết cho hơi thở nữa. Theo con mắt người nay mà nói, thì chẽn vừng có hai sợi dây thần kinh hai bên để giữ chừng mực cho sự điều tiết lên xuống. Trong vô tình, cả người xưa lẫn người nay đều nhận ra được cuống Vị với tạng Tim có dây thần kinh liên lạc nhau, nên cả người xưa lẫn người nay đều gọi cuống trên của Vị là điểm Tâm-Vị.

Với quan niệm của người xưa, chẽn vừng là một bộ phận phải được bên trái bên phải, trước sau đều đều đặn quân bình mới là chẽn vừng bình thường; nếu có bên cao bên thấp đều là không phải. Điểm này người nay chưa biết. Thế thì vấn đề liên lạc Hư–Lý có dính dấp gì với vấn đề thần kinh không? Đây cũng là một nghi vấn.

Giờ đây ta hãy trở lại vấn đề tông khí. Như nhiều lần ta đã rõ, người xưa nhận thấy rằng: Khi mũi hít vào, không khí vào Phổi, rồi theo hệ thống phía sau người mà truyền đi khắp châu thân; hồi đó mặt da toàn thân thở khí thán ra. Khi ta thở ra, mặc dù miệng ngậm, mũi vẫn thở được, hoặc ngược lại bịt mũi miệng vẫn thở ra được; nhưng hơi thở đó lại là tất cả mặt da hút khí dưỡng vào khắp châu thân mà dùng, rồi gom tóm về hệ thống phía trước thân theo đường Vị mà đưa lên Phổi thở ra – Phải chăng chính vì thế làm cho người nay thấy làm sao ấy, nên môn thể dục mới dạy: khi hít vào phải đằng mũi, khi thở ra phải đằng miệng?! – Chính vì thế hơi thở của mỗi chúng ta khi hít vào phải sâu xuống đến bụng dưới khi thở ra phải suốt lên đến bên trên cho cân xứng nhau, hơi thở càng quân bình càng tế nhị thì nhịp đập của Tim mới càng được khoan thai thảnh thơi, và điểm động dưới vú bên trái cũng mới được bình thường. Cũng chính vì thế mà sau này sẽ có thiên đề cập đến vấn đề hô hấp một cách tế nhị. Cho nên người xưa bảo hít vào là thuộc về Gan và Thận, thở ra là thuộc về Tim và Phổi, quãng giữa chùng chình là thuộc về tạng Tỳ. Vì thế người ta có thể cân hơi thở, tính nhịp mạch ngừng để biết được tạng nào đã bị gián đoạn.

Hệ thống vận hành của thở ra hít vào trong con người như thế, nếu ai có chín chắn mà nghiệm thẳng vào thân mình cũng đều có thể cảm thấy như thế cả. Nhưng đối với phần tướng, trên lãnh vực giải phẫu học của người nay thế nào, chính chúng tôi cũng chưa được rõ. Dù sao thì

sao, để kết thúc vấn đề tông-khí, ta vẫn có thể ngờ rằng chữ "mạch tông-khí" ở đây biết đâu không phải người xưa dùng để chỉ cho hệ thống tóm của hơi thở ra theo cách hiểu về hô hấp của họ?! Đây quả là một nghi vấn.

Lại còn một điều nữa dính dấp đến vấn đề này không ít, mà ta phải lưu tâm đến là vấn đề kinh lạc. Trong lãnh vực châm cứu, vấn đề này cả Đông lẫn Tây đều vẫn tuân theo mà thực hành như một việc hiển nhiên không có gì đáng nói nữa; nhưng kỳ thực, vấn đề vẫn hãy còn treo ngược. Vì sao thế? Vì thí dụ như nói kinh Phổi từ đâu đến đâu có mạch động, kinh Vị từ đâu đến đâu có mạch động… Nhưng, như đã nói từ trước, tất cả mạch động đều xuất phát từ Tim; nay lại bảo kinh mạch của tạng nào đó chỗ này động, chỗ kia tĩnh, chỗ nọ có phản ứng điện. Như thế đủ biết vấn đề kinh lạc mà cổ nhân muốn nói ấy, quyết định không phải là chỉ có một ống một sợi đơn giản nào đó bắt từ tạng nào chạy ra đến bộ phận nào như ta có thể tưởng; mà là muốn ám chỉ cho một luồng năng lực tổ hợp hoàn toàn kết cấu bởi nhiều điều kiện, trong đó vấn đề tác dụng thần kinh đã chiếm một phần quan trọng căn bản. Thế thì vấn đề kinh lạc của người xưa thấy, quyết định không phải là thấy theo kiểu giải phẫu, thấy bằng mắt; đó là chỗ chúng tôi gọi là vấn đề còn treo ngược, là vậy.

Nay vấn đề Vị có một đường liên lạc to gọi là Hư-Lý đây, quả là thuộc về vấn đề kinh lạc. Vậy như thế biết đâu không phải đây là người xưa ám chỉ cho một luồng năng lực tổ hợp từ Vị qua chẽn vừng ngang qua tạng Tim, rồi lên Phổi trong cái hệ thống của hơi thở ra, mà ta vướng kẹt vào trong hình tướng giải phẫu, vào trong cái nhìn bằng mắt, làm cho ta không thể thấy được?! Và biết đâu không phải vì thế nên mới đặt tên là Hư-Lý?! Vì sao thế? Vì khi một người ở vùng Tỳ-Vị có bệnh sanh tích nằm ngang để chẽn vừng và Tim Phổi đều bị đun lên mà tạng Tim sanh bức bách ngột ngạt, cũng là vấn đề có liên quan mật thiết đến tuần hoàn máu trắng ở vùng có tích; điều này thôi khỏi phải bàn. Nhưng còn trường hợp người không có tích mà điểm Hư-Lý động quá, thường gọi là tông khí bị hao tiết, thì lại là trường hợp của những người tạng Gan và tạng Thận không đủ để quân bình với tạng Tim và tạng Phổi, cách vận hành của hơi thở không còn đúng trật tự khoan thai như lúc bình thường, làm cho hơi thở vào cơ thể chóng hao tán mà bài tiết ra mồ hôi; cho nên là trường hợp âm hư, nên bảo là tông khí bị hao tán là rất đúng.

Thế thì, để kết luận đoạn chánh văn nói trên nếu thuộc về khuôn khổ của vấn đề kinh-lạc thì quả thật người xưa nhìn con người bằng con mắt sống chứ không phải bằng con mắt chết, và luôn luôn đặt nặng vấn đề sống hơn là hình tướng chết. Nay nếu chúng ta cứ dựa mãi vào vấn đề hình tướng chết cứng đơ mà đo cổ nhân, thì quả thật cổ nhân đã sai xa sự thật lắm rồi! Và cổ nhân có phải quả tình dốt nát về hình tướng cơ thể giải phẫu hay không, chúng ta lấy đâu làm chắc, làm sao đánh thức cổ nhân dậy mà hỏi?! Cho nên theo chúng tôi, dù ta có phanh phui tỉ mỉ đến cách nào chăng nữa, cũng chỉ chờ đến lúc chính mỗi người phải nhập thần rồi tỏ sáng, chừng đó hẳn nên phán quyết như thế nào cũng không muộn, chứ đừng nên chưa chi vội bắt chước những bọn hễ cái gì không thấy không biết được rồi vội cho là không có mà gạt bỏ đi theo kiểu tỉa ngón chân cho vừa chiếc giày, hoặc theo kiểu chân nhỏ giày to cố mang vớ thật nhiều để được vừa với giày, thì thật là điều đáng tiếc lắm vậy.

BÌNH

Có kẻ thở ra rằng:

Khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào,

Khối tình nghẹn mãi biết làm sao!

Muốn kêu một tiếng cho to lắm.

Rằng ới ai ôi! Nó thế nào!

Thế là ái tình là thứ có hay không có, và có ai đã từng thấy nó ra sao chưa mà bảo là khối hay không khối?! Nhưng đã thở ra được, lẽ cố nhiên nó đã nhẹ nhõm đi hết mấy phần; như thế nó là thể hơi hay thể cứng? Nếu quả nó là thể hơi, thì sao có lắm kẻ không thở ra được, nó không làm trướng Phổi hay trướng bụng mà lại phình ở cần cổ thành khối ung-thư mổ ra cứng ngắc? Nếu quả nó không phải là thể hơi mà là thể cứng, thì sao thở ra được lại thấy nó nhẹ nhõm và không phình cần cổ?! Thế là ái tình là thứ có hay không có, có tướng hay không tướng, và đã là có tướng thì sao lại bảo nó là thế nào? Thế mới biết: Ai bảo rằng ái tình là có thực, là quyết định kẻ đó chưa hiểu tí gì về ái tình cả và sẽ chết với ái tình; trái lại nếu ai bảo rằng ái tình là thứ không có, thì phải coi

chừng người đó rất có thể cũng chưa hiểu tí gì về ái tình nữa cả.

Có một đôi trai gái nọ trong vòng quyến thuộc mà lại đắm đuối nhau, muốn lấy nhau nhưng không được; thế là đã vội thề non hẹn biển, tự cho rằng mình đã ôm trọn một khối tình cao thượng mà đời chẳng ai hay. Một hôm cùng dắt nhau ra luống chuối, cùng ngồi bên nhau má tựa vai kề để một lần chót thề non hẹn biển. Nàng bảo rằng: "Em mà không yêu được anh thì xin nguyện lấy cái chết để mà giải quyết, hầu chúng ta sum hợp ở kiếp sau". Chàng cũng bảo: "Nếu anh không yêu được em, thì dẫu cho đến ngày tận thế cũng quyết định không hề yêu ai, và thế nào rồi anh cũng chết, may ra kiếp khác sẽ được gặp nhau". Ngờ đâu trong lúc đó có một ông cụ già ngồi phóng uế sau bụi chuối, phải chứng táo bón, nghe nói thế bắt tức cười phân không chun ra được, buộc miệng cụ bảo: "Chúng bây làm tao bắt tức cười, không tiêu ra được cục phân này, rồi thế nào tao cũng chết…!".

Thế mới biết: Nhìn sự vật bằng trí óc, bằng máy móc, cũng như bằng giác quan mà vội bảo rằng có hay không có, như thế há chẳng phải là chuyện trẻ con lắm sao?!

ĐOẠN 5

PHIÊN ÂM

Tiết 24: Dục tri thốn khẩu thái quá dử bất cập, thốn khẩu chi mạch trung thủ đoản giả viết đầu thống; trường giả viết túc kỉnh thống; xúc thượng kích giả viết kiên bối thống; trầm nhi kiên giả viết bệnh tại nội; phù nhi thạnh giả viết bệnh tại ngoại; trầm nhi nhược giả viết hàn nhiệt cập sán hà, thiểu phúc thống; trầm nhi hoành giả viết hiếp hạ hửu tích, phúc trung hửu hoành tích thống; trầm nhi suyển giả viết hàn nhiệt.

Tiết 25: Mạch thạnh hượt kiên giả viết bệnh tại ngoại; mạch tiểu thiệt nhi kiên giả viết bệnh tại nội; mạch tiểu nhược nhi sắc vị chi cửu bệnh; mạch hượt phù nhi tật giả vị chi tân bệnh; mạch cấp giả viết sán hà, thiểu phúc

thống; mạch hượt viết phong; mạch sắc viết tê; hữn nhi hượt viết nhiệt trung; thạnh nhi khẩn viết trướng.

DỊCH

Muốn biết mạch "thốn khẩu" thiệt hay hư thì phải chẩn. Nếu mạch "thốn khẩu" ở giữa ngón tay người thầy thuốc thấy "đoản" là có chứng đầu nhức; thấy "trường" suốt ba bộ, là có chứng xương ống chân nhức; nếu thấy động dội chạm lên ngón tay mạnh, là có chứng vai lưng nhức; nếu thấy chìm mà cứng là bệnh ở trong; nổi mà thạnh là bệnh ở ngoài; nếu chìm mà yếu (nhược) là có chứng nóng lạnh, hoặc bệnh sán bệnh hà[1] làm cho dạ dưới đau; nếu chìm mà có hiện tượng nằm ngang là dưới sườn có tích, nghĩa là trong bụng có tích nằm ngang làm đau; nếu mạch chìm mà vội vã là có triệu chứng nóng lạnh.

Nếu mạch thạnh, hượt, cứng là bệnh ở ngoài; nhỏ, rắn chắc là bệnh ở trong; nếu mạch nhỏ mềm lại rít là bệnh lâu; nếu mạch hượt nổi mà mau là bệnh mới; mạch gấp là bệnh sán bệnh hà làm cho dạ dưới đau; mạch hượt là bệnh phong; mạch rít là bệnh tê; hữn mà hượt là nóng ở trong; thạnh mà khẩn là bệnh trướng.

GIẢI

Đoạn này chỉ là luận thêm một số triệu chứng bệnh tật đi kèm theo một số hiện tượng thái quá hoặc bất cập của mạch cổ tay, để làm tá chứng cho sự mất bình thường theo hai thế: hoặc lạnh hoặc nóng, hoặc hư hoặc thiệt, hầu cho hậu học có chỗ nương mà làm quen với sự thật, chớ không phải dụng ý nêu ra những trường hợp cố định chết cứng không biến hóa.

Đối với chữ "thốn-khẩu", chữ "mạch", cũng như các triệu chứng kèm theo trong đây, các nhà chú thích Trung Hoa vẫn quen theo kiểu ậm ự ấm ứ giả vờ lưu thông, lúc thì bảo chữ "thốn-khẩu", chữ "mạch" là để chỉ cho sáu bộ mạch cổ tay, lúc lại bảo là bộ Thốn, không ngã ngũ ra làm

sao cả. Vào trong phần triệu chứng, lại quen theo kiểu tỉa ngón chân cho vừa chiếc giầy. Chúng ta không thể căn cứ vào đó mà làm khuôn thước. Do đó nên theo thiển ý của chúng tôi, chỉ cần làm cho nghĩa của câu, của chữ, của mạch, của triệu chứng được sáng tỏ mà thôi; còn về phần lý do sâu xa của từng trường hợp một, chúng ta hãy cứ tạm gác để đó, đợi bao giờ mỗi người có chạm với sự thật rồi sẽ tìm thấy cũng không muộn. Vì thế phần giải này, chúng tôi cũng y cứ theo tinh thần vừa nói trên mà tuần tự tiến tới.

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là luận giả muốn nói: Nếu không phải mạch bình thường, hễ có một hiện tượng mất bình thường, trong sáu bộ mạch không lựa là hư hay thiệt cũng đều có kèm theo một phần triệu chứng vừa vặn đúng nghĩa của nó, người học phải nên lưu tâm mà khám phá, không có một sự mất bình thường nào mà không xảy ra một hiện tượng.

Theo chúng tôi thì về vấn đề mạch chứng từ trước vốn đã có nhiều lần đề cập, nay lại có dịp nhắc đến. Chỉ có một cách hay nhất, là đích thân người học hãy ghi nhận và kiểm điểm lại từ trước, rồi mỗi khi thực nghiệm vào mạch, nếu thấy hiện tượng mạch gì gì ấy thì nên lưu tâm khám phá xem có phải đã có chứng gì gì đúng như đã nói không. Và ví nếu có đúng chăng nữa mà có trường hợp không đúng, thì ta cũng biết được là có trường hợp ngoại lệ. Phương chi khám phá bệnh tật đâu phải chỉ chấp chặt ở một môn mạch cổ tay, lệch hẳn một góc mà gọi là viên thông cho được?! Có như thế mới khỏi bị nỗi thắc mắc kẹt vào ngôn ngữ văn tự mà không có lối ra.

Trong chánh văn có câu: "nếu mạch chìm mà có hiện tượng nằm ngang là dưới sườn có tích…". Vậy thử hỏi hiện tượng nằm ngang trong mạch ra sao? Theo chúng tôi chỗ này phải hiểu thế này: Đã là không một triệu chứng mất bình thường nào mà không xảy ra một hiện tượng trong mạch, thế thì không những dưới sườn có tích, bất cứ chỗ nào có tích đều có thể sẽ tùy theo hình tướng của tích và hệ thống kinh mạch tạng phủ mà ứng vào mạch cổ tay được cả. Vì thế hễ là cái tích ấy thuộc loại nằm ngang, thì lượn sóng hiện tượng vào trong mạch cũng phải có tướng nằm ngang. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là ý luận giả muốn cho ta lưu tâm về cái nghĩa nhất quán hơn là chấp chặt trên hình tướng của mạch. Nếu không hiểu như thế, thì chỗ này cũng là một cái hố chôn vùi kiến thức vậy.

BÌNH

Mùa Xuân về, mạch mùa Xuân xuất hiện, Mạch phong hiện thì chứng bệnh phong hiển bày; các mùa khác cũng vậy.

Năm nay (1972) Nhâm Tý vận Mộc thái quá. Thiếu âm quân Hỏa tư thiên (bầu khí quyển bên ngoài thuộc về Thiếu âm quân Hỏa), Dương minh Táo Kim tại tuyền (phần khí trong lòng đất thuộc về Dương minh Táo Kim). Vì vận Mộc thái quá (Mộc tinh chi phối trực tiếp) mà trên mặt trời nổi nhiều cơn bão lửa, ở mặt địa cầu này xảy ra nhiều cơn gió lốc, cộng thêm khí thế chiến tranh, con người trở nên dễ mắc phải những bệnh phong giựt và nóng bức như chứng sưng màng óc vừa qua chẳng hạn. Thế là một biến tất cả đều biến, một chuyển tất cả đều chuyển, một động tất cả đều động, chỗ này động chỗ kia rung rinh, bên Tây lắc lay bên Đông chuyển động. Thế là tất cả chỉ là những hiện tượng của những làn sóng viên quang xen suốt lẫn nhau một cách viên thông mà vạn tượng xuất hiện, nhờ thế mà cái học về truyền thanh truyền hình mới có chỗ tồn tại.

Trước kia có lần chúng tôi nhắc đến một câu chuyện hai con ngựa ở hai làng. Đến lúc động đực đúng thì, con ngựa đực ngước mặt lên hư không hít gió rồi đâm sầm chạy thẳng một mạch đến đúng chỗ con ngựa cái ở.

Mỗi khi động đến ái tình là người ta hay đưa ra hai chữ "chung tình" để mà thảo luận. Ai cũng bảo ái tình có sau có trước, mới được gọi là tình chung thủy; thế là hầu hết mọi người ngày nay đều hiểu nghĩa hai chữ "chung tình" là ái tình có sau có trước, có đầu có đuôi (終情).

Thử lật từ điển cổ điển Trung Hoa ra để tra hai chữ "chung tình", rồi ta mới rất không ngờ người xưa viết hai chữ "chung tình" bằng chữ "chung" là cái chuông (鐘情).

Người quê Việt Nam thường nói: "Đánh trống động chuông, bứt mây động rừng". Quả thật là một câu vô cùng giản dị để diễn tả về nghĩa làn sóng rung rinh viên quang hồi tụ của cả bao la. Thế mới biết: Đã vô số ngàn năm rồi, cổ nhân tuy chưa từng đá động đến vấn đề truyền thanh truyền hình gì cả, thế mà họ nhìn thấu suốt vũ trụ chỉ là những làn sóng

rung rinh của viên quang. Quả thật không bù với chúng ta ngày nay làm được đủ thứ, hình như biết lắm mà vẫn là ngu ngốc. Thì thật là một việc quái lạ vô cùng!

ĐOẠN 6

PHIÊN ÂM

Tiết 26: Mạch tùng âm dương bệnh dị dĩ, mạch nghịch âm dương bệnh nan dĩ. Mạch đắc tứ thời chi thuận viết vô tha, mạch phản tứ thời cập bất gián tạng viết nan dĩ.

Tiết 32: Mạch hữu nghịch tùng tứ thời vị hữu tạng hình, Xuân Hạ nhi mạch sưu, Thu Đông nhi mạch phù đại, mạng viết nghịch tứ thời dã.

Tiết 33: Phong nhiệt nhi mạch tĩnh; tiết cập thoát huyết nhi mạch thiệt; bệnh tại nội nhi mạch hư; bệnh tại ngoại nhi mạch sắc kiên giả giai vi nan trị. Mạng viết phản tứ thời dã.

DỊCH

Hễ mạch thuận với lý âm dương chung của trời đất, là bệnh dễ khỏi. Mạch trái với lý âm dương chung của trời đất là khó khỏi. Nếu mạch thuận với bốn mùa, dẫu có bệnh cũng không sao. Nếu mạch trái với bốn mùa, hoặc không cách tạng theo thế tương khắc, đều là khó khỏi.

Có trường hợp mạch hoặc nghịch hoặc thuận với bốn mùa mà vẫn chưa có hiện tướng mạch chơn tạng, thí dụ mùa Xuân mùa Hạ mà mạch lại nhỏ, mùa Thu mùa Đông mà mạch lại nổi to; như thế cũng gọi là mạch trái với bốn mùa vậy.

Nếu là bệnh phong nhiệt mà mạch tĩnh, đi tả hoặc mất máu nhiều quá mà mạch thiệt, bệnh ở trong mà mạch hư,

bệnh ở ngoài mà mạch rít cứng thì đều là loại mạch với chứng trái nhau, đều là trường hợp khó trị, như thế cũng gọi là mạch trái với bốn mùa vậy.

GIẢI

Đây một lần nữa luận giả muốn nhắc lại con người sống trong khung cảnh đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, hiện tượng mạch cổ tay trong con người cũng phải cùng chung trong một lượn sóng nhất quán của trời đất âm-dương thì mới có cơ sinh tồn. Nếu trái với trật tự của trời-đất âm-dương bốn mùa, thì dẫu có bệnh nhẹ cũng hóa ra bệnh nặng; nếu thuận với trật tự của trời-đất âm-dương bốn mùa, thì dẫu cho bệnh nặng cũng dễ khỏi.

Thế nào là trái với trật tự của trời-đất âm-dương bốn mùa?

a) Thí dụ hễ là bệnh dương hoặc ngoại cảm hoặc nội thương cũng đều phải thấy mạch dương; hễ là trường hợp bệnh âm hoặc ngoại cảm hoặc nội thương cũng đều phải thấy mạch âm. Vì mạch thuận với âm-dương như thế nên là bệnh dễ khỏi. Trái lại có trường hợp như bệnh ngoại cảm là bệnh dương mà lại thấy mạch âm, bệnh âm mà lại thấy mạch dương; cũng như bệnh nội thương thuộc dương mà thấy mạch âm, thuộc âm mà thấy mạch dương. Vì âm-dương trái nhau như thế, nên đều là khó khỏi.

b) Nói: "Mạch thuận với bốn mùa dẫu có bệnh cũng không sao", tức là muốn nói: Hễ Xuân thì mạch Huyền, Hạ mạch Câu, Trường hạ Hưỡn, Thu Mao, Đông Thạch thì đó là mạch thuận với bốn mùa. Nói "trái với bốn mùa", nghĩa là mùa Xuân mà gặp mạch Mao, mùa Hạ gặp mạch Thạch, Trường hạ gặp mạch Huyền, Thu gặp Câu, Đông gặp Hưỡn; như thế đều là mạch trái với bốn mùa.

c) Nói: "mạch không cách tạng theo thế tương khắc khó khỏi", nghĩa là thí dụ: Bệnh ở tạng Gan đáng lẽ truyền theo thế tương sanh lên Tim, trái lại truyền theo thế tương khắc sang Tỳ để bộ phận của Tỳ mà lại thấy mạch Gan... Đó là trường hợp vì không cách tạng đi theo thế tương khắc cho nên đều khó khỏi.

d) Ngoài những trường hợp trên còn có trường hợp không dựa vào hiện tượng mạch chơn tạng; nhưng hễ đại phàm mùa Xuân mùa Hạ là mùa khí dương tung lên trương nở, cho nên mạch đáng lẽ phải to mà trái lại nhỏ; mùa Thu mùa Đông là lúc khí dương thu liễm bế tàng, đáng lẽ mạch phải nhỏ trái lại nổi to. Đây cũng là một hình thức trái với trật tự âm-dương của bốn mùa.

Để chú thích thêm cho trường hợp mạch phải thuận với âm-dương mới là dễ chữa, thế thì mạch với chứng phải ăn với nhau mới được gọi là thuận với âm-dương. Giờ đây bệnh phong nhiệt là bệnh dương mà lại mạch tĩnh, đi tả và mất máu là bệnh hư mà lại thấy mạch thiệt; bệnh ở trong mà lại thấy mạch bốc nổi; bệnh ở ngoài mà lại thấy cứng rắn (chìm); như thế đều là mạch chứng trái nhau, đâu được gọi là thuận với âm-dương, cho nên đều là trường hợp khó trị. Đây cũng là một hình thức trái với bốn mùa vậy.

BÌNH

Nếu mạch trái với bốn mùa đều là hiện tượng bệnh khó chữa dễ chết; thế thì tất cả những gì trái với trật tự thiên nhiên, há không phải là những thứ dễ chết sao?! Thế mới biết: Tất cả những bọn sống trong cuộc sống trái với trật tự thiên nhiên đều là những bọn chết.

- Nếu mạch trái với hiện tượng thiên nhiên là mạch phân hóa bại hoại chết chóc, thì tất cả những gì mất thế trật tự tương quan đều phải đi về cõi bại hoại cõi chết. Thế thì tất cả những bọn mà tinh thần chỉ là những phân hóa, những từ khối từ cục riêng tư đều là những bọn chết. Quyết định phải như thế.

- Nếu kinh Dịch nói: "Hễ cùng thì phải biến, biến mới thông" là đúng, thì tất cả những hiện tượng chết đều là những hiện tượng vì không ứng hợp với trật tự thiên nhiên, nên gặp phải đường cùng mà phải biến để đặng thông, thông để đặng lại ứng hợp với trật tự thiên nhiên nữa.

Nếu hiện tượng chết là hiện tượng cùng thì phải biến, biến để đặng thông, thế thì sống với chết cũng chẳng qua chỉ là hiện tượng cùng thông mà thôi.

Nếu sống với chết chỉ là hiện tượng cùng thông, thì như thế nghĩa là sao? Phải chăng nghĩa là cùng thông, thọ yểu, sanh tử, cho đến danh từ hiện tượng, cũng chẳng qua chỉ là một thứ danh từ thôi?! Mà thực thể của nó vốn vẫn là không thêm cũng không bớt, chỉ vì người đời không biết được chính mình là hiện tượng, tất cả đều là hiện tượng, cho nên cuộc sống mới trở nên điên loạn lộn mèo, thương hoài khóc hảo. Rồi biến danh từ thành thực thể, để ôm lấy cái lăn lộn đau thương. Quả thật là đáng thương xót!

- Có người hỏi: Làm sao để đặng trở thành mạch trái với trật tự thiên nhiên như thế?

Một đứa bé, một người lớn cả hai cùng leo núi. Nhỏ có bộ tạng phủ nhỏ, xác thân nhỏ; lớn có bộ tạng phủ lớn, xác thân lớn. Thế mà đứa trẻ vẫn bon bon leo dốc, mà không bị phản ứng mệt nhọc lả người; trái lại người lớn thì lại hì hục mà thở không kịp. Vậy thử hỏi sức nặng nề mệt nhọc ấy từ đâu? Thế mới biết: Trong lòng của người lớn đã chứa đầy nhóc không biết bao nhiêu cái làm sao rồi, chính cái làm sao rồi ấy mới là sức nặng.

Cùng té từ mặt ván xuống đất, cùng chịu sự va chạm nặng nề, thế sao đứa bé lại nhẹ nhàng vô sự, còn người lớn thì lại ê ẩm đau thương? Thế mới biết: Cái gọi là người lớn ấy là cái đã từng biết tránh né cái nặng nề để đi tìm cái nhẹ nhõm. Cái biết ấy được gom nhóm mãi đến ngày nay đóng khối lại, mà trở thành sức nặng đó vậy. Thế mới biết: Sở dĩ có được hiện tượng mạch trái với trật tự thiên nhiên, chẳng qua cũng chính là hậu quả của sự đi tìm sự thuận lợi cho mình mà ra vậy. Quả thật! Quả thật! Hồi tính loại trừ cho hết những thứ làm quấy nhiễu cho sự yên vui của mình, chính hồi đó là nguồn cội để quấy nhiễu cho sự yên vui rồi vậy.

- Có người hỏi: Làm sao để có thể tránh hậu quả trái với trật tự thiên nhiên?

Đáp: Nếu đã biết rõ tất cả những cái làm thêm đều là nguồn cội sanh ra trái chướng, thì câu đó cũng đâu cần phải hỏi.

Thế mới biết: Tất cả những gì dạy cho ta thực hành để thuận với

trật tự thiên nhiên của người xưa để lại, cũng chẳng qua là việc vạn bất đắc dĩ hướng dẫn cho kẻ hạ-căn đã mang nặng vô số cái có trong lòng mà thôi. Chính vì thế mà Phật đã gọi tất cả những đệ tử ưa thích thực hành những pháp có để được chứng đạo của ngài đều là những kẻ tiểu thừa ngoại đạo.

Ở kinh Lăng-Nghiêm Phật bảo ông A-Nan: "Trong khi nghĩ trừ vọng chính đó mới đích thực là vọng".

Có người kể: Có một ông tiên nọ nuôi một con hạc, hàng ngày dùng dây cột chân nó như cột gà; vì thế hạc càng ngày càng còi cọc. Thấy hạc mất tự do, ông đâm ra chán. Bèn nối dài thêm sợi dây, vì thế hạc càng thêm rối rắm. Thấy thế ông bèn ôm hạc vào lòng vuốt ve muốn thả, nhưng rồi lại tiếc. Dẫu tiếc cũng không làm sao hơn, cuối cùng đành phải thả bổng. Hạc ta thích thú vươn cánh bay vút từng mây, lượn quanh mấy vòng, ngao du tự tại. Ông tiên khoái chí vuốt râu cười khà! Khà! Hạc bay lượn đã, hạc lại trở về…

Một thiền giả nói: "Nếu một mảy may đừng lập, thì ta sẽ có một sức mạnh không thể nghĩ bàn".

Thế mới biết: Cái "điểm-đạm vô-vi" của NỘI KINH, cái "bất-động vi-đại" của Kinh Dịch vẫn là việc tuyệt đối dễ mà cũng là việc tuyệt đối khó, thế là việc không có khó dễ; khó dễ là bởi lòng người.

Nếu xét thấy không làm thêm là việc rất khó, thì nên hãy chịu khó mà đọc hết NỘI KINH vậy.

ĐOẠN 7

PHIÊN ÂM

Tiết 27: Tý đa thanh mạch viết thoát huyết.

Tiết 30: Cảnh mạch động suyễn tật khái viết thủy. Mục nội vi thủng như ngọa tằm khởi chi trạng viết thủy. Nịch

huỳnh xích an ngọa giả, huỳnh-đản. Dĩ thực như cơ giả Vị đản, diện thủng viết phong. Túc kỉnh thủng viết thủy. Mục huỳnh giả viết huỳnh-đản.

Tiết 31: Phụ nhân Thủ Thiếu âm mạch động thậm giả, nhâm tử dã.

DỊCH

Cánh tay có nhiều tĩnh mạch nổi lên thấy xanh là có chứng mất máu.

Động mạch hai bên cần cổ động gấp quá, nổi quá, thêm có triệu chứng ho, đó là hiện tượng của bệnh nước. Mí mắt hơi húp lên như con tằm nằm ngang, cũng là hiện tượng bệnh nước. Nước tiểu màu vàng đỏ mà dễ nằm yên, là bệnh huỳnh-đản[1]. Mới ăn xong mà trong lòng vẫn thấy như đói, là chứng Vị-đản[2]. Trên mặt bỗng dưng có hiện tượng sưng, đó là bệnh phong. Ống chân sưng cũng là hiện tượng bệnh nước. Tròng trắng mắt biến vàng, cũng là bệnh huỳnh-đản.

Đàn bà mạch Thủ Thiếu âm động quá mạnh, đó là hiện tượng có thai.

GIẢI

Đoạn này chỉ chuyên về biện chứng để người sau theo đó mà đi vào đỡ phải bị chôn vào dặm đường tìm kiếm bỡ ngỡ; chỉ có trường hợp có thai là nói thoáng qua về mạch mà thôi. Nhưng biện chứng ở đây cũng chỉ đơn sơ một ít trường hợp trong phạm vi sáu khí, chớ chưa phải đầy đủ các chứng. Tuy nhiên nói theo cách thế này, từ trước cũng vốn đã có nhiều lần nói đến, nếu ta có súc tích thì đây cũng là một sự lợi ích thêm.

Hai chữ "cánh tay" là để chỉ cho từ khớp xương vai xuống đến bàn tay, thế mà các nhà chú thích thì lại nói rằng để ám chỉ cho tại cổ tay, thì rất là không hợp lý.

Nói cánh tay có nhiều tĩnh mạch xanh nổi lên, là hiện tượng của người đã từng mất máu bởi một duyên cớ gì làm chảy máu. Điều này chúng tôi chưa có dịp biết rõ một cách chính xác rằng có hay không, nên chỉ còn có cách để chờ thời gian và sự thật trả lời.

Động mạch ở hai bên cần cổ tức là chỗ người xưa gọi là mạch Nhơn nghinh, vì mạch đó thông qua huyệt Nhơn nghinh ở hai bên xương trái cấm phía trước cần cổ thuộc về kinh Vị mà trước kia đã có dịp trình bày ở đồ biểu. Nay nói động mạch này to nổi, động, quá mau, lại thêm có triệu chứng ho tức là hiện tượng của bệnh nước. Điều này chúng tôi đã từng thấy, quả đây là một triệu chứng nhận xét về loại bệnh nước rất quí báu. Nhưng nước đó làm sao mà động mạch ấy phải to nổi, đập quá mau và lại còn ho nữa? Điều này hãy để mỗi người tiếp xúc sự thật, để tìm lấy nguyên do hơn là miễn cưỡng giải thích theo kiểu tỉa ngón chân cho vừa chiếc giày.

Đồng là bệnh nước, nhưng vì bệnh mỗi nơi mỗi khác, nên triệu chứng hiện ra bên ngoài cũng khác. Hết thảy những người lúc nào hai mí mắt cũng hum húp lên như muốn vun lên khỏi mặt da, đây cũng là một triệu chứng của bệnh nước một cách vô cùng chính xác, nhưng thuộc về bên trên. Cũng như dưới xương ống chân đè vào thấy lún, buông tay ra vẫn giữ dấu tay, đây cũng là một triệu chứng chính xác về bệnh nước, nhưng thuộc về bên dưới.

Thông thường mỗi khi chúng ta gặp người nào nước da sâm sẫm vàng một cách bệnh hoạn, thì đều gọi là nước da huỳnh-đản. Nhưng thực ra hai chữ "huỳnh-đản" ở đây không phải mênh mông như thế; đây chỉ để cho trường hợp do bị cảm nhiễm khí ẩm thấp, tạng Tỳ mệt, cuống Mật sưng to làm cho nước mật không thấm nhuần xuống bộ tiêu hóa được, phải đi nghịch lộn lên mà thấm ra ngoài da, đi vào phần khí lên con mắt, trở vào máu đi xuống Thận vào nước tiểu, làm cho tròng trắng mắt, mặt da và nước tiểu trở nên vàng tươi như nghệ mà người bệnh dễ nằm yên. Vì thế Tây y thường gọi là đau Gan, các ông Đông y ngày nay thường gọi là đau Tỳ. Kẻ dựa vào tướng, người dựa vào khí, mà tranh chấp lẫn nhau một cách vô cùng phiến diện cũng tại như thế. Cho nên mới nói "nước tiểu màu vàng đỏ, tròng trắng mắt biến vàng, mà dễ nằm yên là bệnh huỳnh-đản".

Bất cứ bởi một lý do nào làm cho tác dụng của tạng Tỳ và Vị

không cân nhau, thế của Vị mạnh hơn thế của Tỳ, thì đều làm cho con người dễ đói mau đói, tức là khí ráo và khí nóng trong Vị lên quá cao. Vì thế biết được trường hợp vừa mới ăn xong mà thấy vẫn như đói, tức là tác dụng của ráo và nóng ở Vị làm ra, nên gọi là vị-đản.

Nếu một người bệnh mà có triệu chứng thũng vung từ chân lên đến mặt, chỗ nào đè vào cũng thấy lún, lấy tay lên cũng giữ dấu tay, thì hẳn nhiên là bệnh thũng nước. Đằng này không đâu có triệu chứng sưng cả, chỉ có ở mặt có thôi; thế là không phải bệnh nước, mà trong chánh văn gọi là bệnh phong. Nhưng phong là gì? Từ đâu sanh ra? Và có phải chỉ có bệnh phong mới có thế không? Đó lại là chuyện khác.

Có thai là gì? Là khí dương xâm nhập vào khí âm, là dương tinh và âm tinh giao nhau, là con dương trùng xâm nhập vào cái trứng, là hệ thống Thiếu âm của người đàn bà đã thọ lãnh thêm một luồng điện dương xâm nhập vào trong; do đó phần thủ, phần dương của Thiếu âm trong người đàn bà đã nhận thêm một luồng điện dương. Cho nên sự hoạt động phải tăng gia gấp bội, do đó phần tả Thốn cũng trở nên động mạnh khác thường. Tuy nhiên động ở đây không phải là động trong trường hợp bệnh hoạn, mà là trường hợp bên trong đã thêm hiện tượng có thần. Cho nên nói "Đàn bà mạch Thủ Thiếu âm động quá mạnh, đó là hiện tượng có thai".

Nhưng đây chẳng qua chỉ là nói thoáng qua về phương diện mạch. Kỳ thực nếu muốn khám biết một trường hợp có phải có thai hay không thì ít ra phải thông qua nào điều kiện kinh kỳ, điều kiện tinh thần, điều kiện khám bụng, cũng như động viên tất cả vọng văn vấn thiết, làm thế nào càng đi sâu vào tế nhị càng chính xác càng hay, không thể nào chỉ cố chấp ở phương diện mạch cổ tay không mà được. Thế mới biết: Muốn khám phá một triệu chứng hay một hiện tượng nào, chỉ có cách nhìn trọn vẹn không mắc kẹt ở một góc nào cả, như thế mới có thể gọi là chính xác nhất.

BÌNH

Nếu tác dụng của vọng văn vấn thiết là cốt để tránh mọi phiến diện, để nhìn trọn một con người, để sáng tỏ một cuộc khám phá, thế thì đủ biết: Sở dĩ có áp dụng đủ cả vọng văn vấn thiết, là hồi đó lòng người thầy

thuốc cũng đã phải chứa đựng nhiều việc lắm rồi, hay ít nhất cũng phải là chưa hoàn toàn rỗng rang rời rảnh, động dụng đừng mê; nên chưa có thể tin trọn. Chính vì thế mà các bực thiền sư thông đạt thật rỗng rang rời rảnh, là có thể chỉ một cái thoáng nhìn đã thấu suốt trọn vẹn một con người. Thế mới biết: Học thâm nhập sâu vào môn khám phá bằng vọng văn vấn thiết cũng chưa phải là quan trọng, mà cái học tĩnh tâm bất động mới là cái học bí yếu quan trọng vô cùng. Quả thật! Quả thật! Chỉ có chẳng động là to nhất.

ĐOẠN 8

PHIÊN ÂM

Tiết 28: Xích phu hưỡn nhi mạch sắc vị chi giải tích. An ngọa mạch thạnh vị chi thoát huyết. Xích phu sắc nhi mạch hượt vị chi đa hạn. Xích phu hàn nhi mạch tế vị chi hậu tiết. Xích phu thường nhiệt nhi mạch thô giả vị chi nhiệt trung.

DỊCH

Da chỗ chẩn mạch lơi mềm mà mạch rít, thế là có triệu chứng toàn thân bải hoải. Lúc nằm yên mà mạch lại thạnh, đó là có triệu chứng mất máu. Da chỗ chẩn mạch rít mà mạch hượt, là có triệu chứng nhiều mồ hôi. Da chỗ chẩn mạch lạnh mà mạch quá nhỏ (tế), là có triệu chứng đi tả. Da chỗ chẩn mạch thường nóng mà mạch thô, là có triệu chứng nóng trong bụng.

GIẢI

Đoạn này dùng một phương pháp đem hiện tượng ở phần xác thân mà so sánh với hiện tượng mạch, để nghiệm triệu chứng bệnh tật.

Mạch cổ tay thuộc về hiện tượng bên trong, da thịt chỗ chẩn mạch thuộc về hiện tượng phần xác thân bên ngoài.

Nay da thịt chỗ chẩn mạch lại buông lơi mềm mà ngược lại, hiện tượng trong mạch rít, thế là phần tổ chức xác thân bên ngoài năng lực cố kết đã bị giảm suy, còn phần bên trong thì âm huyết suy thiếu, lẽ cố nhiên phải có triệu chứng toàn thân bải hoải rời rã. Cho nên mới nói "Da chỗ chẩn mạch lơi mềm mà mạch rít, là có triệu chứng toàn thân bải hoải".

- Tất cả những người đang bị bệnh thoát huyết như ho khạc ra máu, ói máu…, trong lúc bệnh đang tiến hành, cơ thể chưa đến hồi kiệt quệ, người bệnh hoặc vì mệt phải nằm yên, hoặc vì tinh thần xuống sinh ra sợ hãi phải nằm yên, mà chứng thoát huyết vẫn còn tiếp tục, lẽ cố nhiên trong mạch máu không thể không có hiện tượng sạo sục. Nghĩa muốn nói của câu "nằm yên mà mạch vẫn thạnh, là có triệu chứng mất máu" đều từ nghĩa này, chớ không phải tất cả những trường hợp mất máu đều quyết định phải có hiện tượng như thế.

- Da chỗ chẩn mạch rít là nghĩa da thịt thiếu phần âm huyết tươi nhuận; mạch cổ tay trơn hượt nghĩa là trong máu có hiện tượng lềnh, tức là có bệnh phong. Thế nên bên trong đã chứa sẵn cái nhân nhiều mồ hôi. Nên mới nói "da chỗ chẩn mạch rít mà mạch hượt, là có triệu chứng nhiều mồ hôi".

- Mạch nhỏ quá là bên trong khí dương không đủ, da chỗ chẩn mạch lạnh là phần xác thân khí dương cũng không đủ; thế là cả trong ngoài đều lạnh, lẽ cố nhiên chuyện xảy ra triệu chứng đi tả rất có thể có, chớ không phải quyết định không có trường hợp ngoại lệ. Cho nên mới nói "da chỗ chẩn mạch thấy lạnh, mạch quá nhỏ là có triệu chứng đi tả".

- Khí thấp thổ là khí trương nở, tất cả những khả năng trương nở toàn thân đều nương nhờ nơi khí thấp thổ. Tỳ Vị là cơ quan nguồn cội của khí thấp thổ, thuộc về trung châu, thuộc về vùng bụng.

Nay hiện tượng mạch thấy thô lớn, chưa biết tướng thô lớn ấy nguyên do từ đâu, triệu chứng ra sao, nhờ có để ý đến da chỗ chẩn mạch thấy nóng mà biết được cái nóng ấy từ trong hiện ra ngoài như trường hợp bệnh ôn ở đoạn một chẳng hạn. Cho nên mới nói "Mạch thô lớn mà da chỗ chẩn mạch thường nóng là có triệu chứng nóng ở trong bụng".

Thế là chỗ bí yếu của đoạn này là dùng hiện tượng thân và hiện

tượng da chỗ chẩn mạch mà so sánh với hiện tượng mạch, để nghiệm ra triệu chứng. Tuy rằng đoạn này mới trông qua như rất tầm thường, nhưng kỳ thực cũng là một khía cạnh giúp ích cho môn chẩn đoán học rất tỉ mỉ. Nếu là cái học khám phá, tất không thể bỏ qua mà không khai thác thêm vậy.

BÌNH

Nhớ lại lúc thư sinh có gặp được một đôi vị lão thành già dặn bảo với chúng tôi rằng: Văn minh Âu Mỹ chẳng qua chỉ là một thứ mọi rợ mà thôi. Nghe qua tôi hoảng hốt: Trời ơi! Đâu được thế?! Người ta làm được phi thuyền, chế được bom súng, thấy được vi trùng, tạo được máy vô tuyến truyền thanh, mà bảo là mọi rợ dã man thì tôi e rằng tính mệnh chúng ta sẽ nguy đi mất. Các cụ lại vỗ vai tôi bảo: Cậu hãy còn thư sinh lắm! Cứ hãy thêm ít tuổi nữa sẽ rõ…

Rồi vị đời bắt đầu nếm, đường đời bắt đầu đi, trường đời bắt đầu học; đến khi đọc Mạnh Tử gặp câu "Thấy rõ mảy lông mà chẳng thấy xe củi", tôi lại càng thêm hoảng hốt.

Nay đọc đến một đoạn vô cùng nhỏ mọn tầm thường trong nghệ thuật khám phá con người, rồi tôi mới thấy câu Khổng Tử nói "Người xưa vụng ở lời mà sâu sắc tế nhị ở việc" quả là không ngoa vậy.

Một thiền sư có thơ rằng:

"Nắng lâu mưa xối vạn loại vui,

Cầm thú hân hoan cây đá cười.

Chuông sớm ngân nga chim bắt chước,

Mõ chiều khoan nhặt gió đưa hơi."

Hèn gì hai chữ "chung tình" mà viết chữ "chung" là cái chuông, quả thật là ngòi bút to bằng bao la, tướng lưỡi trùm khắp ba ngàn đại

thiên thế giới, thì mới viết nổi, mới nói ra được vậy.

ĐOẠN 9

PHIÊN ÂM

Tiết 35: Thái dương mạch chí hồng đại dĩ trường. Thiếu dương mạch chí sạ sát sạ sơ, sạ đoản sạ trường. Dương minh mạnh chí phù đại nhi đoản.

DỊCH

Hiện tượng mạch Thái dương là Hồng đại lại trường. Hiện tượng mạch Thiếu dương là thoạt nhặt thoạt khoan, thoạt ngắn thoạt dài. Hiện tượng mạch Dương minh là nổi to mà ngắn.

GIẢI

Đoạn này cốt chỉ ở nói lên ba hiện tượng mạch của ba dương, để phân biệt cho rõ.

Thái dương trong con người vốn thuộc về năng lực hợp tác của Ruột non và Bàng quang. Luồng năng lực ấy hiện ra ngoài thân thuộc về khu vực phía sau con người, bên ngoài thông đồng với khí Thái dương của trời đất, cực vượng ở lúc cực Hạ. Do đó mà tất cả sáu bộ mạch cổ tay cũng đều nổi hẳn lên mặt da và trương nở hết mức. Chính vì lý này nên mới nói: "Hiện tượng mạch Thái dương là Hồng đại lại trường".

Thiếu dương là khí dương mới nảy nở, là hiện tượng mầm non đang chen chúc trỗi dậy, là hiện tượng khí dương trong lòng đất tìm đường vượt ra mặt đất, là lúc địa cầu mới bắt đầu xích lại gần mặt trời. Trong thân con người là sự hợp tác của tác dụng Tam tiêu và buồng Mật. Luồng năng lực ra ngoài thân chiếm trọn hai bên phía hông người, năng lực ấy ứng theo khí Thiếu dương của trời đất, vượng vào lúc mùa Xuân.

Vì thế mà hiện tượng mạch cổ tay phải biến theo thế diễn tiến của khí hậu từ Đông sang Hạ. Do đó nên mới có ra hiện tượng bất định trong cái tướng mạch Huyền từng bộ của mùa Xuân. Vì thế nên chánh văn mới diễn tả bằng câu "Hiện tượng mạch Thiếu dương là thoạt nhặt thoạt khoan, thoạt ngắn thoạt dài".

Dương minh ngoài trời đất là cực dương chuẩn bị để đi lần về âm, nếu tính theo năm thì thuộc vào lúc cuối cực Hạ, nếu tính theo ngày là lúc xế trưa, nếu tính theo khí là lúc ráo nóng nhất, trong con người thuộc về sự hợp tác của Đại trường và Vị. Luồng năng lực ra ngoài thân là chiếm trọn mặt trước con người. Dương minh tuy phân thủ túc, nhưng phải lấy Vị và căn cứ vào túc làm chánh. Cũng như trong ngày buổi mai và buổi chiều đều có khí Dương minh, nhưng chính là lúc xế trưa mới là quan trọng nhất. Túc Dương minh thuộc về Táo-thổ, ở mạch thuộc về hữu Quan, ở tướng thuộc về sau khi trương nở hết mức. Vì thế khi nhìn chung sáu bộ mạch, nếu là Dương minh thì có tướng to nổi mà ngắn. Cho nên mới nói "Hiện tượng mạch Dương minh là nổi to mà ngắn".

Thế là tác dụng của đoạn này để cho ta nhận ra khí thường của ba dương, hầu đến lúc biến động ta có cách để nhận ra thế biến mà điều giải. Nhờ thế mà Trọng Cảnh có chỗ y cứ lập ra môn Thương Hàn mãi đến đời sau hãy còn nhờ cậy. Nếu chúng ta muốn đi sâu vào cái học ngoại cảm, tất không thể vô ý mà thông qua.

BÌNH

Bao la hội tụ, vũ trụ chuyển vần, 60 năm vận khí, Xuân Hạ Thu Đông tiết tấu của bốn mùa, gió lùa ngọn cỏ, sóng vỗ sông dài, cơn mưa đêm tầm tã, tiếng ếch nhái nhặt khoan, giọng chuông chùa trầm bổng, một bản nhạc du dương, một dòng thơ tuyệt bút, lòng người đổi trắng thay đen; cho đến mạch theo bốn mùa mà lên xuống. Phải chăng tất cả chỉ là một bản nhạc muôn thuở du dương trầm bổng, hết lên rồi xuống, hết nhặt rồi khoan, không hơn cũng không kém?! Nếu chúng ta có được một con tim nhạy cảm nhìn chỗ này biết được chỗ kia, trông nơi đây mà thấu được nơi khác, thì chỉ ở một đoạn trên đây, cũng đủ để cho ta mở hoát cửa kho tàng nhất quán vậy.

ĐOẠN 10

PHIÊN ÂM

Tiết 36: Phù bình tâm mạch lai lụy lụy như liên châu, như liên lan-can viết Tâm bình, Hạ dĩ vị khí vi bổn.

Tiết 37: Bệnh Tâm mạch lai suyển suyển liên thuộc, kỳ trung vi khúc viết Tâm bệnh. Tử Tâm mạch lai, tiền khúc hậu cứ như tháo đái câu, viết tâm tử.

Tiết 38: Bình Phế mạch lai yểm-yểm nhiếp-nhiếp, như lạc du giáp, viết Phế bình. Thu dĩ Vị khí vi bổn.

Tiết 39: Bệnh Phế mạch lai, bất thượng bất hạ, như tuần kê vũ, viết Phế bệnh. Tử Phế mạch lai, như vật chi phù, như phong xuy mao viết Phế tử.

Tiết 40: Bình Can mạch lai, nhuyến nhược chiêu-chiêu, như yết trường can tiêu viết can bình. Xuân dĩ Vị khí vi bổn.

Tiết 41: Bệnh Can mạch lai, dinh thiệt nhi hượt, như tuần trường can viết Can bệnh. Tử can mạch lai cấp ích kỉnh như tâm trương cung huyền viết Can tử.

Tiết 42: Bình Tỳ mạch lai, hòa nhu tương ly, như kê tiễn địa, viết Tỳ bình. Trường-hạ dĩ Vị khí vi bổn.

Tiết 43: Bệnh Tỳ mạch lai, thiệt nhi dinh sát, như kê cử túc viết Tỳ bệnh.

Tiết 44: Tử Tỳ mạch lai, nhuệ kiên như điểu chi hối, như kê chi cự, như ốc chi lậu, như thủy chi lưu viết Tỳ tử.

Tiết 45: Bình Thận mạch lai, suyển suyển lụy lụy như câu, án chi nhi kiên viết Thận bình. Đông dĩ Vị khí vi bổn.

Tiết 46: Bệnh thận mạch lai như dẫn cát, án chi ích kiên viết Thận bệnh. Tử Thận mạch lai phát như đoạt sách, tịch tịch như đàn thạch viết Thận tử.

Tiết 29: Can kiến Canh Tân tử, Tâm kiến Nhâm Quí tử, Tỳ kiến Giáp Ất tử, Phế kiến Bính Đinh tử, Thận kiến Mậu Kỷ tử, Thị vị chơn tạng kiến giả tử.

DỊCH

Vả chăng mạch Tim bình thường là phải linh hoạt nối liền như thôi chuỗi ngọc liên tục trôi qua, như từng hạt ngọc dính liền; đó là mạch bình thường của Tim, mùa Hạ lấy Vị khí làm gốc.

*Khi Tim có bệnh thì mạch động vội vã nối tiếp, ở giữa ngón tay đè vào thấy có hiện tượng hơi quắp xuống () là Tim có bệnh. Khi tạng Tim sắp chết thì mạch hiện đến phía trước động quắp xuống, phía sau giữ yên như chỗ tóm của chuôi lưỡi câu
(), đó là tạng Tim chết.*

Mạch bình thường của Phổi là hiện tượng tuy nổi nhưng không lên quá mặt da theo khí thế chùn lại của mùa Thu, nhẹ nhàng tản mác như hạt du bay; đó là mạch bình thường của Phổi, mùa Thu lấy Vị khí làm gốc.

Khi Phổi có bệnh thấy như mạch không lên không xuống, tựa hồ như sờ vào lông cánh gà; đó là Phổi có bệnh. Khi mạch chết của Phổi hiện thì như vật nổi mặt nước, như gió thổi lông; thế là hiện tượng Phổi chết.

Mạch bình thường của Gan là hơi Huyền, trường, khoan thai mềm mại như sờ vào cọng đọt non; đó là mạch bình thường của Gan, mùa Xuân lấy Vị khí làm gốc.

Khi Gan có bệnh thì mạch Gan trở nên hoạt cứng, tựa hồ như sờ vào cây đũa dài; đó là Gan có bệnh. Nếu mạch

hiện cứng rắn như là dây cung mới kéo, sờ vào thấy quá căng thẳng, thế là mạch Gan chết.

Mạch bình thường của Tỳ là phải khoan thai hòa hưỡn, tựa hồ như con gà mới đặt chân các ngón đều xòe ra; đó là mạch Tỳ bình thường ở Trường hạ lấy Vị khí làm gốc.

Khi Tỳ có bệnh thì mạch rắn chắc, to mau, như gà cất chân; đó là Tỳ có bệnh.

Nếu mạch hiện thấy hiện tượng bén, cứng rắn như mỏ chim, như cựa gà, hoặc như nước nhà dột, như nước chảy trong ống, đều là mạch chết của Tỳ vậy.

Mạch bình thường của Thận là linh hoạt trôi qua tựa như mạch Tim, nhưng khi đè xuống thấy hơi rắn chắc; đó là mạch Thận bình thường, mùa Đông lấy Vị khí làm gốc.

Khi Thận có bệnh thì mạch hiện tựa hồ như hiện tượng kéo dây sắn, khi đè vào càng thêm cứng, thế gọi là mạch Thận có bệnh. Nếu mạch hiện đến như có hiện tượng giật dây hoặc bựt bựt như sờ vào những viên sỏi, đó là mạch Thận chết.

Nói về các trường hợp bệnh chết, hễ bệnh Gan nặng gặp ngày Canh ngày Tân là chết, bệnh Tim nặng hễ gặp ngày Nhâm ngày Quí là chết, bệnh Tỳ nặng gặp ngày Giáp ngày Ất là chết, bệnh Phổi nặng gặp ngày Bính ngày Đinh là chết, bệnh Thận nặng gặp ngày Mậu ngày Kỷ là chết; đó là chỗ gọi mạch chơn tạng hiện là chết đó.

GIẢI

Đây là đoạn chót của thiên này, chuyên nhắc lại về hiện tượng mạch bình thường mạch bệnh với mạch chết của mỗi tạng; và mỗi tạng khi chết phải gặp ngày khắc nó trong thế hiện tượng tương khắc của 5 hành, mà từ trước đã nhiều lần đề cập.

Có khác hơn đoạn 3 là đây chỉ nói về bổn thân của ngôi chủ chớ không đề cập đến hiện tượng ngôi khách xen vào.

Về cách nói cũng như lời lẽ, mới trông qua hình như nói một việc mới lạ chưa từng nói; nhưng nếu ta có súc tích từ trước thì tự khắc thấy lưu thông không có chi đáng lấy làm lạ cả.

Dù cho nói "mạch bình thường của Tim là phải linh hoạt nối liền như thôi chuỗi ngọc liên tục trôi qua, như từng hạt ngọc dính liền và mùa Hạ phải lấy Vị khí làm gốc", cũng chẳng qua là diễn tả lại hiện tượng cực kỳ trương nở của khí dương trong bầu khí quyển, của thế nở xòe oằn bầu ở đọt non. Thế nghĩa là diễn tả lại hiện tượng mạch hơi Hồng của mùa Hạ, nghĩa là đè xuống thấy hơi kém, nhớm lên thấy hơi dư. Nghĩa này với nghĩa hiện tượng mạch Thái dương Hồng đại mà trường ở đoạn 9 vẫn đồng một hệ thống. Người xưa nói:

"Nhớm lên tràn ngập, đè xuống suy,

Cuồn cuộn rõ ràng ứng Hạ thì (mùa Hạ)".

Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là mạch to mà đẩy mạnh ngón tay, đó là hiện tượng hùng dũng ba đào; thế gọi là mạch Hồng.

- Dù cho nói "Khi Tim có bệnh thì mạch động vội vãôngHOㄱng nối tiếp, ở giữa ngón tay đè vào thấy hiện tượng hơi quắp xuống", như thế chẳng qua cũng chỉ là hiện tượng Hồng đã bắt đầu đi quá trớn, để có thể đi lần vào cõi mạch chơn tạng. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là thế nổi đã quá dư, đè xuống càng thêm thiếu, nhịp đập càng tăng lên vội vã; thế là Tim có bệnh, là phải.

- Dù cho nói "khi tạng Tim sắp chết thì mạch hiện đến phía trước động quắp xuống, phía sau giữ yên, như chỗ tóm của chuôi lưỡi câu", cũng chẳng qua là để nhắc lại tạng Tim mất Vị khí mạch chơn tạng xuất hiện. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là chỉ có hiện tượng Câu mà không có hiện tượng Vị khí ở đoạn 3 đã nói; như thế là mạch chết của Tim, là phải.

- Cây du là một loại cây hột dẹp có cánh mỏng để tiện việc theo gió truyền đưa hột giống đi khắp mọi nơi, tựa hồ như hột cây Thiên-trương-chỉ ở Việt Nam. Bởi vậy khi trái già nứt tách ra, những hột thả theo gió mà tản mác bay khắp mọi nơi.

- Nói "mạch bình thường của Phổi là hiện tượng tuy nổi nhưng không lên quá mặt da theo khí thế chùn lại của mùa Thu, nhẹ nhàng tản mác như hột du bay, và mùa Thu lấy Vị khí làm gốc", chẳng qua cũng chỉ là để lập lại ý "mạch Vị khí của mùa Thu là hơi Mao mới là mạch bình thường của Phổi" ở đoạn thứ 3 mà thôi.

- Dẫu cho nói "Khi Phổi có bệnh thấy như mạch không lên không xuống tựa như sờ vào lông cánh gà". Như thế cũng chẳng qua là diễn tả lại cái nghĩa hiện tượng Mao nhiều hơn hiện tượng Vị khí ở đoạn thứ 3 mà thôi. Nhưng có khác là dùng ý nghĩa sờ vào lông cánh gà mà diễn tả cái cảm giác khi sờ vào thấy quá rít, đó cũng là một hiện tượng Mao nhiều, Vị khí ít. Cho nên nói Phổi có bệnh, là phải.

- Dẫu cho nói "Khi mạch chết của Phổi hiện thì như vật nổi mặt nước, như gió thổi lông", cũng chẳng qua là để nhắc lại nghĩa quá tản mác, quá rít trong cái thế chỉ trơ trọi hiện tượng Mao mà không có hiện tượng Vị khí, tức là mạch chơn tạng của Phổi đã xuất hiện. Thế là mạch Phổi chết, là phải.

- Dẫu cho nói "Mạch bình thường của Gan là hơi Huyền trường, khoan thai mềm mại như sờ vào cọng đọt non và mùa Xuân lấy Vị khí làm gốc" chăng nữa, cũng chẳng qua là nhắc lại cái nghĩa "mạch Vị khí của mùa Xuân là hơi Huyền mới là bình thường" ở đoạn thứ 3 mà thôi.

- Dẫu cho nói "Khi Gan có bệnh thì mạch Gan trở nên hoạt cứng, tựa hồ như sờ vào cây đũa dài", cũng là một cách nói khác của Huyền nhiều Vị khí ít ở đoạn thứ 3. Tức là muốn nói hiện tượng căng thẳng như đè vào dây đờn. Mạch này phần nhiều là ở trường hợp tháo cấp, giận dỗi, thần kinh bị xung động, khí lá Gan bị ngang ngại mà gây nên. Có người phân biệt mạch này rằng:

"Nhớm đè căng thẳng tựa cây đờn,

Không phải như Khẩn có xoắn lăn,

Khẩn là nói lực, Huyền là tượng,

Đừng lộn mạch Lao: Trầm Huyền trường".

Thế nên mới nói là Gan có bệnh.

- Dẫu cho nói "Nếu mạch hiện cứng rắn như là dây cung mới kéo, sờ vào thấy quá căng thẳng, thế là mạch Gan chết", cũng chẳng qua là một cách nói khác về hiện tượng mạch chơn tạng của Gan xuất hiện chỉ trơ trọi, có Huyền không Vị khí mà thôi. Chính vì thế nên mới nói chết.

Hòa hưỡn khoan thai nghĩa là ung dung buông lơi. Hiện tượng bước đi của con gà khi vừa đặt chân xuống mặt đất cũng là một hiện tượng cực kỳ khoan thai. Cho nên dẫu cho nói "Mạch bình thường của Tỳ là phải khoan thai hòa hưỡn, tựa hồ như con gà mới đặt chân các ngón đều xòe ra và ở Trường hạ lấy Vị khí làm gốc", cũng chẳng qua là nhắc lại nghĩa mạch Vị khí ở Trường hạ phải là hơi mềm mại, khoan thai hòa hưỡn, thì tạng Tỳ mới được là bình thường ở đoạn thứ 3 đã nói. Có người diễn tả hiện tượng mạch hòa hưỡn như sau:

"Mạch hưỡn ung dung mà lưu thông,

Lơ thơ cành liễu gió nhẹ rung.

Muốn theo mạch lý tìm thần khí,

Xem có thung dung hòa hưỡn không?".

Vì thế nên mới nói phải hòa hưỡn có sức, mới là hiện tượng mạch bình thường của tạng Tỳ vậy.

- Bước đi của loài gà, hễ đặt chân xuống là xòe ngón ra, cất chân lên là dúm ngón vào. Nói "Khi Tỳ có bệnh thì mạch rắn chắc to mau như gà cất chân" cũng chẳng qua là nhắc lại nghĩa quá Hưỡn trở thành cứng

mà Vị khí đã kém ít ở đoạn 3 mà thôi, chớ không chi khác.

- Nói cứng, nói bén, như mỏ chim, như cựa gà, tức là diễn tả ý sờ vào một vật bén nhọn như gai trên nhỏ dưới to. Nói hiện tượng nhà dột tức là muốn nói hiện tượng nhiễu từng giọt nặng nề từ nóc nhà xuống mặt đất, rồi theo thế của dấu hủng mặt đất mà tản mác ra xung quanh, rồi lại tụ vào. Nói như nước chảy trong ống là muốn nói hiện tượng như khi sờ vào ống nước bằng nhựa chỉ nghe thấy rung, chớ không nghe thấy nhịp. Thế thì bảo rằng "Nếu mạch hiện thấy hiện tượng bén, cứng rắn như mỏ chim như cựa gà, là hiện tượng mạch chết của tạng Tỳ", tức là muốn nói hiện tượng Mộc khắc Thổ. Còn nói "như nước nhà dột, như nước chảy trong ống", thì cũng chẳng qua là nghĩa hiện tượng mạch chơn tạng của Tỳ xuất hiện không còn Vị khí nữa, nên chết như ở đoạn thứ 3 đã nói. Thế là bốn hiện tượng trên đây: hai hiện tượng trước là theo thế biến cứng thái quá, hai hiện tượng sau là biến hưỡn thái quá đến chỗ không còn lưu thông được nữa, nên mới chết. Chính vì chỗ đó mà ở đoạn 3 chánh văn dùng chữ "Đại" là ngừng để diễn tả vậy.

Dẫu cho nói "Mạch bình thường của Thận là linh hoạt trôi qua tựa như mạch Tim, nhưng khi đè xuống thấy hơi rắn chắc và mùa Đông lấy Vị khí làm gốc", cũng chẳng qua là để nhắc lại nghĩa "mạch Vị khí ở mùa Đông là phải chìm hơi rắn chắc, mới là tạng Thận được bình thường" ở đoạn 3. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nhớm tay lên thấy thiếu, nặng tay xuống thấy có dư, hoặc nói: «Khi đặt nhẹ tay vào thì không thấy, đè nặng xuống mới thấy" thì cũng thế.

- Dẫu nói bằng cách "Khi Thận có bệnh thì mạch hiện tựa hồ như hiện tượng kéo dây sắn, khi đè vào càng thêm cứng", cũng là một cách nói khác của nghĩa Thạch nhiều Vị khí ít, nghĩa là càng đè vào càng thấy quá cứng; thế là chính bổn thân của tạng Thận đã có bệnh.

- Nói "mạch hiện đến như có hiện tượng giật dây hoặc bựt bựt như sờ vào những viên sỏi, đó là mạch Thận chết", cũng là một cách nói để nhắc lại nghĩa chỉ có cứng rắn không có Vị khí ở đoạn thứ 3 đã nói. Thế tức là nhắc lại về nghĩa mạch chơn tạng của Thận xuất hiện, cho nên phải là chết.

Gan thuộc Mộc, Tim thuộc Hỏa, Tỳ thuộc Thổ, Phổi thuộc Kim,

Thận thuộc Thủy; đó là hiện tượng 5 hành trong 5 tạng, mà cũng là lịch trình thứ tự của 5 hành tương sanh suốt một năm.

Trong 10 con số Thiên-can hễ là Giáp-Ất thì thuộc Mộc, Bính-Đinh thuộc Hỏa, Mậu-Kỷ thuộc Thổ, Canh-Tân thuộc Kim, Nhâm-Quý thuộc Thủy; đó là hiện tượng 5 hành ghép vào 10 con số Thiên-can.

Thế tương khắc của 5 hành: Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy. Thế tương khắc này, ngoài trời đất là thế khí hậu đã vi phạm luật trật tự bình thường, trong con người là dòng điện nghịch chiều trái ngược với lẽ trật tự tương quan trong đồng nhất của cõi thiên nhiên, cho nên phải đi đến ngõ bí là chết. Cũng vì thế mà cái chết của mỗi tạng trong những trường hợp gặp ngày tương khắc đều nằm trong công lệ mạch chơn tạng xuất hiện, đều là mạch không có Vị khí. Thế là tiết chót của đoạn này cũng chẳng qua chỉ là để nhắc lại về bệnh bổn thân của mỗi tạng trong cái thế dòng điện nghịch chiều gặp ngày tương khắc của Thiên-can mà chết vậy thôi.

Có người hỏi: Tại sao lại dùng ngày Thiên-can để định cái chết, mà không dùng ngày Địa-chi?

– Đáp: Mặc dù tất cả đều nằm tròn trong hiện tượng âm-dương, nhưng năm vận có trước, sáu khí có sau; do đó mà Thiên-can là gốc, Địa-chi là ngọn. Vì thế nên Địa-chi phải lệ thuộc vào Thiên-can, nên phải căn cứ vào Thiên-can vậy.

Thế là trọn cả đoạn này một lần nữa nhắc lại hiện tượng con người cũng như bao nhiêu hiện tượng khác, hễ hiện tượng nhỏ là phải lệ thuộc vào hiện tượng lớn, hiện tượng lớn phải lệ thuộc vào hiện tượng lớn nữa; và tất cả hiện tượng, dù to lớn đến đâu, cũng phải lệ thuộc vào cái "không là gì" muôn thuở vẫn bất di bất dịch, để mà tồn tại. Thế là cơ tồn tại của tất cả hiện tượng đều phải chịu chung trong định luật trật tự tương quan biến hóa lưu thông của cõi hiện tượng thiên nhiên không thể sao khác được, và dẫu cho cái sống cái chết cũng là một thứ hiện tượng không hơn không kém mà thôi vậy.

BÌNH

Không biết bao nhiêu đời siêu nguyên tử mới được một đời nguyên tử, không biết bao nhiêu đời nguyên tử mới được một đời tế bào, không biết bao nhiêu cái vô số kiếp của tế bào mới được một kiếp của cái thằng Tôi, không biết bao nhiêu cái triệu triệu triệu kiếp… của cái thằng Tôi mà vị tất đã được một kiếp của quả địa cầu. Người cũng thế, vật cũng thế.

Nếu ta cứ nhìn vào cái nhỏ, thì ta chỉ thấy sinh diệt vô hồi; nếu ta nhìn trọn cả cái bao la, thì lại vốn là một bầu hiện tượng bất tăng bất giảm, tựa hồ như nhìn vào một nồi cháo thật nhừ đang sôi lạch-ạch trên bếp mà những bọt nhỏ, bọt hơi lớn, bọt vừa vừa, bọt lớn hơn cùng cõng với nhau mà xen nhau sanh diệt. Thế là hiện tượng lớn là xe chở vô số hiện tượng nhỏ, hiện tượng nhỏ là xe chở vô số hiện tượng nhỏ nữa. Nếu ta có đủ thính giác để nghe suốt tất cả những tướng sinh-diệt từ to cho đến bé suốt khắp bao la, rồi cũng chẳng qua là một thứ nghệ thuật đốt pháo chơi của những người nhà giàu trong ba ngày Tết, hay nói cho đúng hơn cũng chỉ là một bản nhạc gõ nhịp trường-lưu muôn thuở mà trong đó nếu vắng mặt cái bao la, cái không là gì thì vạn-tượng không thể thành hình. Xa hơn nữa, nếu không có mặt cái Tôi trong mọi chúng ta, thì muôn trùng hiện tượng dẫu có hay không cũng hết thành vấn đề. Thế là mặt thật của sự vật muôn thuở vẫn y nhiên là vậy, không hề có chút bớt thêm, có ta hay không có ta cũng không quan hệ.

Nếu quả cái chết mà có thực, thì tất cả những cái đã qua đều là cảnh chết, tất đến giờ phút này không thể có Tôi. Nếu quả cái chết mà không có thực, thì làm sao giờ này lại có được Tôi?! Thế mới biết: Sống với chết, có thực hay không có thực, chẳng qua chỉ là những biến hóa của vĩnh cửu của vô cùng mà cái Tôi hốt hoảng bỗng dưng bịa đặt ra vậy thôi. Giá ước vọng được sống mãi không chết của con người mà thành tựu, và mọi hiện tượng, tất cả vạn vật đều như thế cả, thì chắc chi ngày giờ này sẽ không khôn xiết ăn năn! Thế mới biết: Tham sống sợ chết, tham chết sợ sống là một thứ bất thông lý sự, nhỏ mọn, hèn hạ, dại dột vô cùng. Chuyện đã bày ra trước mặt như thế, thường hằng như thế, muôn thuở như thế, giản dị như thế, không hề giấu diếm ai, thế sao con người có vô số những kẻ mãi đến bây giờ vẫn chưa rõ? Như thế há chẳng là lạ lắm sao?!

Thế mới biết: Biết với không biết đều là không biết. Sống với chết của người đời đều là cái chết.

Lời giải toàn thiên

Nhìn suốt bề mặt thiên này cho đến mãi thiên sau ta cũng vẫn thấy đượm một màu sắc chuyên môn, điều đó khỏi phải nói thêm vì trong mỗi đoạn đã có phần giải thích tỉ mỉ. Nhưng nếu ta tiến sâu thêm chút nữa, rồi ta mới thấy bên trong có một màu sắc đặc biệt như bao nhiêu thiên khác là nhà Vua cứ châm bẩm vào vấn đề chuyên môn y khoa; còn luận giả thì lại lợi dụng thế câu chuyện chuyên môn y khoa mà khuân trọn cả cái bao la vũ trụ đặt trước mặt nhà Vua, rồi cho nó vào trong mỗi người, cũng như vào trong tất cả từng sự vật, hầu cho nhà Vua cũng như chúng ta ngày nay được ý thức rõ cái nghĩa đạo cả nhiệm mầu, hầu chuyển mình hình thành một phong trào cách mạng con người trong mọi ngành mọi mặt, cho cả xã hội loài người mà y khoa là cái gần nhất.

Trọn cả thiên có ba điểm vừa đặc sắc nhất mà cũng vừa sâu kín nhất, vừa chuyên môn tỉ mỉ nhất, cũng vừa là đạo lý nhiệm mầu được nói ra một cách đơn giản nhất:

1. Vấn đề Vị khí vừa là hiện tượng Vị khí trong con người, mà cũng vừa là một cách diễn tả về năng lực dung thông cả tính lẫn tướng của cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông cả cõi thiên nhiên.

2. Nói về vòng tinh luyện tinh hoa trong con người ở một ngày cũng như một năm, một năm cũng như suốt kiếp, hễ thuận theo luật trật tự tương sanh thì sinh tồn kết đúc biến hóa, trái với luật tương sanh của cõi thiên nhiên thì phải biến hoại đổ vỡ. Nếu ta nhìn bằng con mắt sống, con mắt biện chứng biến hóa, rồi ta mới thấy hiện tượng con người từ phôi thai cho đến khi chết cũng như tất cả hiện tượng vật chất trong khắp hoàn vũ này, đều chẳng qua chỉ là những hiện tướng của những đợt sóng rung rinh từ một nguồn năng lực **không là gì** co vào dãn ra xen suốt giao nhau, để làm duyên lẫn nhau trở thành những hiện tượng biến hóa trong cái thế không thể hợp cũng không thể phân, không thể một cũng không thể khác của đạo lý chân-thường mà con người là hiện tượng trung tâm nhận thức vậy.

3. Về điểm 5 tạng, 5 hành, năm mùa, năm mạch xen suốt nhau làm thành 25 thế biến, ta mới trông qua hình như chỉ là nói về hiện tượng 5 tạng, 5 hành, năm mùa, năm mạch mà thôi. Nhưng kỳ thực đây vẫn

là nghĩa nối tiếp với bao nhiêu thiên trước về nghĩa dù một tế bào cũng là cả một con người, hay nói cho đúng hơn là cả cái bao la mà dù cho siêu nguyên tử hay siêu tế bào cũng thế. Thế thì nói 5, nói 25 đây, chẳng qua đơn giản hóa nguyên lý giao thác xen suốt, để ai là người ý thức được, thì sẽ chứng thực được ngay ở nơi chính con người của mình trọn cả cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong cõi hiện tượng mà không bị kẹt vào cái thế lứa đôi của tánh tướng, âm dương, tâm vật… nữa, mặc dù thân này vẫn là hiện tượng, vẫn sống trong cõi hiện tượng, mà cũng vẫn được thênh thang không hề mất nghĩa đồng nhất tương quan. Và chính đây mới là Y-Đạo vậy.

Thế thì không những suốt thiên này mà dù cho trọn cả kho tàng NỘI KINH cũng không hề có lúc nào lìa khỏi cái **không là gì**, trong đó vẫn không hề thiếu tất cả những tương quan trật tự biến hóa lưu thông, mỗi chúng ta đều nên phải cùng chung ghi nhớ. Và chính đó mới là cốt tủy của NỘI KINH.

Thế là đến đây vừa hết quyển thứ 2, là bảo đài chín tầng đã kiến trúc qua hai tầng hầu chuẩn bị đặt nền móng cho tầng thứ ba vậy.

Lời bình toàn thiên

Có người bảo: Toàn là nói năng động dụng có ăn thua gì với Đạo?

Đáp: Vậy chớ không nói năng động dụng lại ăn thua gì với Đạo?!

Hỏi: Làm sao không nói năng động dụng lại không ăn thua gì với Đạo?

Đáp: Vậy làm sao nói năng động dụng lại ăn thua gì với Đạo?!

Hỏi: Vậy theo ngài cứu tận Đạo ở chỗ nào?

Đáp: Vậy theo ngài cứu tận chỗ nào là không phải Đạo?

Hỏi: Vậy rốt cuộc Đạo là cái gì?

Đáp: Vậy rốt cuộc cái gì là không phải Đạo?

Hỏi: Cứu tận xin cho một câu ngã ngũ.

Đáp: Thằng điên! là lời

***

Hai lão Thiền-sư gặp nhau, một hỏi: Ngài có biết chữ không?

Đáp: Biết chút chút.

Một đưa gậy vạch xuống đất một nằm ngang (一) ***rồi hỏi: Chữ gì thế?***

Lão bị hỏi cũng lại lấy gậy vạch chồng lên một nét đứng nữa (十) ***hỏi ngược lại: Chữ gì thế?***

Lão kia không trả lời, lại lấy gậy gạch thêm bốn nét vào bốn góc () lại hỏi: Chữ gì thế?

Lão bị hỏi lại lấy gậy vẽ thêm một vòng tròn bên ngoài () hỏi ngược lại: Chữ gì thế?

Lão kia không nói không rằng, bước vào vòng tròn ngồi xếp bằng gọn lỏn chính giữa.

Bấy giờ lão bị hỏi bèn lấy chân bôi hết cả vòng tròn bên ngoài.

Thế rồi cả hai đều cười xòa mà giải tán.

Sự thật là vậy đó!

THIÊN THỨ 18

- HẾT -

Lúc bắt đầu làm thiên này là lúc tình thế đất nước Việt Nam đến hồi khẩn trương tột độ, bao nhiêu tin tức chướng ngại đua nhau tới tấp[1].